

Dịch giả: HOÀ THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Tóm tắt & chú giải: THÍCH NỮ TRÍ HẢI



# Kinh Trung Bộ

TRỌN BỘ



NXB TÔN GIÁO

Hà Nội 2002



THÍCH NỮ TRÍ HẢI

Toát yếu  
KINH TRUNG BỘ  
*(Majjhima Nikāya)*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO  
2002

*Version: 30/09/2019 4:34 PM*

**Pháp thí thắng mọi thí**  
*Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti*

*Bình Anson hiệu đính và trình bày dạng ebook PDF-A5*

*Nguồn:*

*<https://budsas.net/uni/u-kinh-trungbo/trung-ty-00.htm>*

## *Tri ân*

*Kính lễ Đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.*

*Kính lễ Hòa thượng (Thượng) Minh (Hạ) Châu phiên dịch Nikāya.*

*Kính lễ Đại đức Ñāṇamoli và Đại đức Bodhi cùng chư vị luận sư Nikāya mà con tham khảo.*

*Xin gia bị cho con diễn dịch không lạc xa Thánh ý.*

*Xin cho Pháp bảo này ai được đọc sẽ xa lìa kiến chấp, phát tâm Vô thượng Bồ đề.*

*Nguyện cho con được như Phật, “vị hữu tình sinh ra đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho nhân loại và chư thiên”.*



## Lời đầu sách

Ba tập Toát yếu Kinh Trung Bộ I, II và III này, tôi đã làm ít nhất ba lần, và mỗi lần đều làm sau khi đã đọc kỹ bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu. Thế nhưng mỗi lần tôi đều toát yếu một cách khác, nhất là sau khi được đọc bản phiên dịch và chú thích bằng Anh ngữ của Đại đức Nanamoli và Đại đức Bodhi. Như vậy đủ biết, những lời Phật dạy như núi cao, biển cả, mà sự học hiểu của mình chỉ như một cái xẻng đào đất hay cái muỗng múc canh, mỗi lúc chỉ lấy được một ít và rất phiến diện. Bởi thế mà Hòa thượng thường dạy, ngài không bao giờ “giải thích” lời Phật dạy, mà chỉ cố gắng dịch cho đúng nguyên văn của Người xưa dù có tối nghĩa đến đâu. Đây là cái đức khiêm cung của ngài, trong vô số đức tính mà tôi ngưỡng mộ.

Mình là ai mà dám toát yếu lời Phật dạy? Lỡ mình để tuột mất cái điểm cốt yếu trong lời Ngài dạy thì sao? Như vậy sẽ mang tội lớn với Phật, với Thầy, Tổ. Bởi vậy, càng ngày tôi càng miễn cưỡng trong việc phổ biến ba tập toát yếu này, vì sợ công ít mà tội nhiều. Khi làm xong tập thứ hai, đem khoe Thầy Chơn Thiện, Thầy phán rằng: “Kinh không bao giờ nên tóm tắt”. Tôi giật mình, và bỏ dở công việc gần hai năm trời, mặc dù đã gần xong tập cuối, đến kinh Nhất Dạ Hiền Giả. Sau đó, anh Hồ Hồng Phước ở Luân Đôn, người thường gửi cho tôi những sách Phật học bằng Anh ngữ mới xuất bản tại nước ngoài, thúc giục tôi gửi sang tiếp vì có người đã hào hứng in ra biểu không hai tập đầu. Thế là tôi lại hăng hái tiếp tục!

Mỗi kinh do Tôn giả Ānanda trùng tuyên đều bắt đầu với câu “Tôi nghe như vậy”, mà không nói “Đức Phật đã dạy như vậy”, điều ấy rất đáng bắt chước. Vì tôi là ai mà dám làm phát ngôn nhân cho Phật? Lỡ Phật nói một đường, tôi nghe một nẻo thì sao? Cho nên đây chỉ là theo như tôi được nghe, chứ không phải theo như lời Phật dạy.

Bản toát yếu này cũng thế. Đây chỉ là những gì do tôi hiểu được qua lời kinh, vào một thời điểm nào đó mà thôi. Và tôi đã toát yếu để cho tự mình nhớ được chút ít những lời vàng ngọc của đức Thế Tôn, để tự tu tập cho bản thân mình. Bởi thế người đọc hoàn toàn không thể bỏ qua bản gốc của Hòa thượng Thích Minh Châu đã dày công phiên dịch. Nếu đọc toát yếu này mà bỏ qua Kinh gốc thì cũng như bỏ đại dương để lấy vài giọt nước muối.

Vậy, sau hết và trước hết, bản toát yếu này chỉ là một tập sách giúp trí nhớ cho những ai đã nhiều lần nghiền ngẫm Kinh Trung Bộ, và có thể họ đã toát yếu một cách khác, thì sách này sẽ bổ túc cho trí nhớ của họ. Những người mới đọc Kinh Trung Bộ lần đầu, thì qua Toát yếu này sẽ nắm được vài ý để hướng dẫn mình trên đường tu tập chứ không chỉ là “chuyên ký danh ngôn” vì kỳ thực Phật không dạy điều gì nếu không phải để đưa người đến chuyển mê khai ngộ.

Xin dâng lên Hòa thượng lòng tri ân vô bờ bến.

*Thích Nữ Trí Hải  
Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.*



# Mục lục

## TẬP I

1) Kinh Pháp môn căn bản .....	15
2) Kinh Tất cả lậu hoặc .....	15
3) Kinh Thừa tự Pháp .....	25
4) Kinh Sợ hãi và khiếp đảm .....	29
5) Kinh Không ước nhiễm .....	33
6) Kinh Ước nguyện .....	40
7) Kinh Ví dụ tấm vải .....	44
8) Kinh Đoạn giảm .....	47
9) Kinh Chánh tri kiến .....	52
10) Kinh Niệm xứ .....	67
11) Tiểu kinh Sư tử hống .....	74
12) Đại kinh Sư tử hống .....	80
13) Đại kinh Khổ uẩn .....	90
14) Tiểu kinh Khổ uẩn .....	97
15) Kinh Tư lượng .....	102
16) Kinh Tâm hoang vu .....	104
17) Kinh Khu rừng .....	107
18) Kinh Mật hoàn .....	110
19) Kinh Song tâm .....	114
20) Kinh An trú tâm .....	118
21) Kinh Ví dụ cái cửa .....	121
22) Kinh Ví dụ con rắn .....	124
23) Kinh Gò mối .....	132



24) Kinh Trạm xe .....	136
25) Kinh Bấy môi .....	146
26) Kinh Thánh cầu .....	151
27) Tiểu kinh Ví dụ dấu chân voi .....	160
28) Đại kinh Ví dụ dấu chân voi .....	164
29) Đại kinh Ví dụ lỗi cây .....	168
30) Tiểu kinh Ví dụ lỗi cây .....	168
31) Tiểu kinh Rừng Sừng bò .....	172
32) Đại kinh Rừng Sừng bò .....	177
33) Đại kinh Người chăn bò .....	182
34) Tiểu kinh Người chăn bò .....	186
35) Tiểu kinh Saccaka .....	189
36) Đại kinh Saccaka .....	194
37) Tiểu kinh Đoạn tận ái .....	200
38) Đại kinh Đoạn tận ái .....	204
39) Đại kinh Xóm ngựa .....	210
40) Tiểu kinh Xóm ngựa .....	213
41) Kinh Saleyyaka .....	217
42) Kinh Veranjaka .....	217
43) Đại kinh Phương quảng .....	220
44) Tiểu kinh Phương quảng .....	228
45) Tiểu kinh Pháp hành .....	235
46) Đại kinh Pháp hành .....	237
47) Kinh Tư sát .....	240
48) Kinh Kosampiya .....	244
49) Kinh Phạm thiên cầu thỉnh .....	247
50) Kinh Hàng ma .....	252

## TẬP II

51) Kinh Kandarakka .....	256
52) Kinh Bát thành .....	263
53) Kinh Hữu học .....	268
54) Kinh Potaliya .....	273
55) Kinh Jivaka .....	277
56) Kinh Ưu-ba-ly .....	281
57) Kinh Hạnh con chó .....	291
58) Kinh Vương tử Vô Úy .....	296
59) Kinh Nhiều cảm thọ .....	302
60) Kinh Không gì chuyển hướng .....	307
61) Kinh Giáo giới La-hầu-la ở Am-bà-la .....	317
62) Đại kinh Giáo giới La-hầu-la .....	322
63) Tiểu kinh Malunkyaputta .....	328
64) Đại kinh Malunkyaputta .....	333
65) Kinh Bhaddali .....	340
66) Kinh Ví dụ con chim cáy .....	349
67) Kinh Catuma .....	359
68) Kinh Nalakapana .....	366
69) Kinh Gulissani .....	371
70) Kinh Kitagiri .....	376
71) Kinh Vacchagotta về tam minh .....	386
72) Kinh Vacchagotta về lửa .....	391
73) Đại kinh Vacchagotta .....	397
74) Kinh Trường Trảo .....	401
75) Kinh Magandiya .....	409
76) Kinh Sandaka .....	419

77) Đại kinh Sakuludayi .....	430
78) Kinh Samanamandika .....	438
79) Tiểu kinh Sakuludayi .....	445
80) Kinh Vekhanassa .....	454
81) Kinh Ghatikara .....	458
82) Kinh Ratthapala .....	465
83) Kinh Makhadeva .....	473
84) Kinh Madhura .....	478
85) Kinh Vương tử Bồ-đề .....	482
86) Kinh Angulimala .....	489
87) Kinh Ái sanh .....	497
88) Kinh Bahitika .....	502
89) Kinh Pháp trang nghiêm .....	506
90) Kinh Kannakatthala .....	513
91) Kinh Brahmayu .....	518
92) Kinh Sela .....	529
93) Kinh Assalāyana .....	533
94) Kinh Ghotamukha .....	541
95) Kinh Canki .....	545
96) Kinh Esukari .....	556
97) Kinh Dhananjeni .....	562
98) Kinh Vasettha .....	567
99) Kinh Subha .....	573
100) Kinh Sangarava .....	580

### TẬP III

101) Kinh Devadaha .....	584
102) Kinh Năm và Ba .....	594
103) Kinh Nghĩ như thế nào? .....	606
104) Kinh Làng Sama .....	612
105) Kinh Thiện Tinh .....	622
106) Kinh Bất động lợi ích .....	629
107) Kinh Ganaka Moggalana .....	638
108) Kinh Gopaka Moggalana .....	642
109) Đại kinh Mãn nguyệt .....	648
110) Tiểu kinh Mãn nguyệt .....	655
111) Kinh Bất đoạn .....	659
112) Kinh Sáu thanh tịnh .....	664
113) Kinh Chân nhân .....	669
114) Kinh Nên hành trì, không nên hành trì .....	679
115) Kinh Đa giới .....	678
116) Kinh Thôn tiên .....	686
117) Đại kinh Bốn mươi .....	690
118) Kinh Nhập tức xuất tức niệm .....	702
119) Kinh Thân hành niệm .....	712
120) Kinh Hành sinh .....	720
121) Tiểu kinh Tánh không .....	724
122) Đại kinh Tánh không .....	730
123) Kinh Hy hữu vị tăng hữu pháp .....	739
124) Kinh Bạc-câu-la .....	746
125) Kinh Điều ngự địa .....	750
126) Kinh Phù-di .....	756

127) Kinh A-na-luật .....	760
128) Kinh Tùy phiền não .....	765
129) Kinh Hiền ngu .....	772
130) Kinh Thiên sứ .....	776
131) Kinh Nhất dạ hiền giả .....	781
132) Kinh A-nan nhất dạ hiền giả .....	785
133) Kinh Đại Ca-chiên-diên nhất dạ hiền giả .....	786
134) Kinh Lomasakangiya nhất dạ hiền giả .....	788
135) Tiểu kinh Nghiệp phân biệt .....	790
136) Đại kinh Nghiệp phân biệt .....	794
137) Kinh Phân biệt sáu xứ .....	800
138) Kinh Tổng thuyết và biệt thuyết .....	806
139) Kinh Vô tránh phân biệt .....	811
140) Kinh Giới phân biệt .....	815
141) Kinh Phân biệt về sự thật .....	823
142) Kinh Phân biệt về cúng dường .....	830
143) Kinh Giáo giới Cấp Cô Độc .....	836
144) Kinh Giáo giới Channa .....	842
145) Kinh Giáo giới Phú-lâu-na .....	847
146) Kinh Giáo giới Nandaka .....	852
147) Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la .....	858
148) Kinh Sáu sáu .....	862
149) Đại kinh Sáu xứ .....	867
150) Kinh Nói cho dân chúng Nagaravinda.....	871
151) Kinh Khất thực thanh tịnh .....	874
152) Kinh Căn tu tập .....	878



## **Ghi chú**

Mỗi bài toát yếu kinh gồm năm phần:

I. Toát yếu bằng Anh ngữ của Đại đức Ñāṇamoli và Đại đức Bodhi, và dịch Việt.

II. Tóm tắt.

III. Chú giải dựa theo các chú thích trong bản dịch Anh ngữ Kinh Trung Bộ của Đại đức Ñāṇamoli và Đại đức Bodhi.

IV. Pháp số liên hệ.

V. Kệ học thuộc lòng.

### **Các chữ viết tắt:**

BBS: Burmese-script Buddhasāsana Samiti (Đại tạng Miến Điện).

MA: Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Trung bộ).

MT: Majjhima Nikāya Ṭikā (Phụ chú giải Trung bộ).

ND: Người dịch.

PTS: Pali Text Society (Hội Kinh văn Pali).

TTĐ: Thanh tịnh đạo, Luận sư Buddhaghosa.



# Kinh số 1

## Pháp môn căn bản

### I. TOÁT YẾU

#### ***Mūlapariyāya Sutta - The root of all things.***

*The Buddha analyses the cognitive processes of four types of individuals - the untaught ordinary person, the disciple in higher training, the arahant and the Tathāgata. This is one of the deepest and most difficult suttas in the Pali Canon, and it is therefore suggested that the earnest student read it only in a cursory manner on a first reading of the Majjhima Nikāya, returning to it for an in-depth study after completing the entire collection.*

#### ***Gốc rễ của vạn pháp.***

*Phật phân tích tiến trình nhận thức của bốn hạng người: phàm phu chưa nghe pháp, bậc hữu học, A-la-hán và Như Lai. Kinh này là một trong những kinh sâu sắc và khó hiểu nhất trong tạng kinh Pali, bởi thế đề nghị học giả nghiêm túc sau khi đọc qua một lần đầu, hãy đọc trở lại kinh này khi đã xem trọn 152 kinh.*

### II. TÓM TẮT

Gốc rễ của đau khổ là dục hỷ: ham muốn, vui thích đối với các pháp từ vật chất đến tinh thần, từ phàm đến thánh, từ bốn đại đến hạng sinh vật, người, chư thiên, các cõi thiên, và Niết-bàn.

Về các pháp ấy, có những cách nhận thức khác nhau tùy theo trình độ tu học: lối nhận thức sai lầm của phàm phu gọi là *tướng tri*, của người biết qua sách vở là *thức tri*, của

bậc thánh hữu học là thắng tri, của A-la-hán là *tuệ tri*. Và cuối cùng, cái biết của Phật là *liễu tri*.

Phàm phu tướng tri các pháp, ví dụ địa đại, như sau:

1. Vị ấy nghĩ tự ngã là địa đại;
2. Nghĩ tự ngã ở trong địa đại;
3. Nghĩ tự ngã tách biệt với địa đại;
4. Nghĩ "địa đại là của ta."

Như thế là không liễu tri địa đại. Về các pháp khác cũng thế, bao gồm:

Chúng sinh, Chư thiên, Sinh chủ, Phạm thiên, Quang âm thiên, Biến tịnh thiên, Quảng quả thiên, Thắng giá, Không vô biên xứ cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, kiến văn giác tri, Đồng nhất và sai biệt, Tất cả, Niết-bàn.

Đối với 4 đại và các pháp khác, các bậc hữu học không có thái độ tướng tri của phàm phu, nghĩa là:

1. Vị ấy không nghĩ tự ngã là địa đại;
2. Không nghĩ tự ngã ở trong địa đại;
3. Không nghĩ tự ngã tách biệt với địa đại;
4. Không nghĩ "địa đại là của ta", không dục hỷ địa đại.

Như thế gọi là thắng tri. Nhờ thắng tri các pháp, không dẫn đến tham, mạn và kiến, nên các bậc hữu học có khả năng liễu tri các pháp.

Các bậc A-la-hán đối với các pháp trên thắng tri một cách sâu xa, nghĩa là biết đúng thực chất vô thường khổ vô ngã của chúng, nên gọi là liễu tri các pháp. A-la-hán không dục hỷ Niết-bàn vì đã liễu tri Niết-bàn; hơn nữa, vì đã tận trừ tham, sân và si.

Đức Như Lai không tướng tri địa đại... Niết-bàn như kiểu phàm phu, không dục hỷ các pháp, vì đã liễu tri dục



hỷ là nguồn gốc của đau khổ. Lại nữa, nhờ liễu tri lý duyên khởi, Ngài đã tận trừ ái thủ vì biết nó sẽ đưa đến hữu, sinh và già chết.

### III. CHÚ GIẢI

*Tham, mạn, kiến*: Khi một người do thấy, nghe ... mà đâm ra tham luyến tái sinh làm một hạng chúng sinh nào đó, ấy gọi là "tham". Khi người ấy tự xếp hạng mình là hơn, bằng hoặc thua kẻ khác, ấy là "mạn". Và khi có quan điểm rằng chúng sinh là thường hoặc vô thường, đó gọi là "kiến". Thái độ *tướng tri* của phàm phu đưa đến tham, mạn, kiến như sau:

Nghi tự ngã ở trong địa đại (Định sở cách, *Locative*): dẫn đến "mạn".

Nghi tự ngã tách biệt với địa đại (Xuất xứ cách, *Ablative*): dẫn đến "kiến".

Nghi "địa đại là của ta" (Sở thuộc cách, *Genitive*), dục hỷ địa đại: dẫn đến "tham".

*Chúng sinh*, nghĩa là tất cả sinh vật dưới cõi trời Tứ thiên vương.

*Chư thiên*: sáu cõi trời dục giới.

*Sinh chủ*, ám chỉ Ma vương thống lĩnh tất cả sinh loài.

*Phạm thiên* hay Đại phạm - Mahābrahma, vị trời sinh ra trước nhất trong mỗi đại kiếp, thọ mạng ngang bằng với thọ mạng vũ trụ trong đại kiếp ấy. Các vị tu chúng sơ thiên cũng tái sinh vào cõi này.

*Quang âm thiên*: cõi của nhị thiên. Ở đây bao gồm cả trời Thiếu quang và Vô lượng quang.

*Biển tịnh thiên*: cõi của tam thiên. Ở đây bao gồm trời Thiếu tịnh và Vô lượng tịnh.

*Quảng quả thiên*: cõi của tứ thiên.

*Thăng giả* (Abhibhū) chỉ cõi trời Vô tướng, vì ở đây không còn 4 uẩn vô sắc.

*Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ* là 4 cõi trời vô sắc.

*Kiến văn giác tri*: những gì được thấy, nghe, cảm giác và nhận thức, mà gọi là "tướng tri" (sai lầm), là khi có chấp thủ "tôi" và "của tôi", hoặc có phát sinh mạn, tham và kiến.

*Đồng nhất và sai biệt*: những vị tu thiền khi tâm đạt đến một cảnh giới duy nhất không biến đổi, thì chấp là "đồng nhất". Những người không chứng đắc thì chấp có nhiều cảnh khác nhau. Loại tướng tri "đồng nhất" sản sinh triết học nhất nguyên và tôn giáo nhất thần, loại tướng tri "sai biệt" sản sinh triết học đa nguyên, tín ngưỡng đa thần.

*Tất cả*: chỉ tất cả các pháp nói trên, gom chung lại thành một khối. Tướng tri về tất cả có thể sản sinh các thuyết phiếm thân hoặc nhất thân, tùy theo tương quan giữa cái tôi và tất cả.

*Niết-bàn*: chỉ 5 loại *Niết-bàn hiện tại*, chủ trương của 62 tà kiến ngoại đạo được nói trong kinh Phạm Võng, Trường bộ: thụ hưởng các khoái lạc giác quan là Niết-bàn, bốn cõi thiên là Niết-bàn. Mong cầu, hưởng thụ năm thứ này là tham, kiêu hãnh khi đạt được là mạn, xem loại Niết-bàn ảo tưởng đó trường cửu, là kiến.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn đại*: địa thủy hỏa phong.

*Bốn Không định* hay *Bốn Vô sắc*: Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tướng phi phi tướng.

## V. KỆ TỤNG

Gốc rễ của đau khổ  
Là hỷ tham các pháp  
Vật chất và tinh thần  
Pháp phàm và pháp thánh:

Bốn đại và ba cõi  
Cùng "Niết-bàn hiện tại".  
Sở dĩ có hỷ tham  
Vi tướng tri bốn đại

Cùng tất cả pháp khác  
Là "tôi" và "của tôi".  
Nhờ liễu tri các pháp  
Không "tôi", không "của tôi "

Như Lai không dục hỷ  
Bất cứ một pháp nào.  
Và liễu tri rốt ráo  
Phăng tận nguồn khổ đau:

Duyên khởi cõi ta bà  
Ái thủ đưa đến Hữu  
Từ Hữu, có Sinh, Già  
Bệnh, chết và sầu ưu.

Do liễu tri như vậy  
Từ bỏ mọi ái dục  
Tận trừ tham, mạn, kiến  
Đạt vô thượng an ổn.



## Kinh số 2

# Tất cả lậu hoặc

### I. TOÁT YẾU

#### *Sābbāsava Sutta - All the taints.*

*The Buddha teaches the Bhikkhus seven methods for restraining and abandoning the taints, the fundamental defilements that maintain bondage to the round of birth and death.*

#### *Tất cả nhiễm ô.*

*Phật dạy các tỳ kheo bảy phương pháp để chế ngự và từ bỏ ô nhiễm, tức những phiền não căn bản cứ tiếp tục trói buộc con người vào chu kỳ sinh tử.*

### II. TÓM TẮT

Có hai cách tác ý các pháp (hay để tâm suy tư về một việc gì): Như lý và không như lý. Như lý là khi tác ý, lậu hoặc chưa sinh không sinh, đã sinh được trừ diệt. Không như lý tác ý là khiến cho lậu hoặc chưa sinh phát sinh ra, lậu hoặc đã sinh thì tăng trưởng.

Bảy cách đoạn trừ là: bằng tri kiến, bằng phòng hộ, bằng thọ dụng, bằng kham nhẫn, bằng tránh né, bằng trừ diệt, bằng tu tập.

### III. CHÚ GIẢI

*Lậu hoặc* hay ô nhiễm gồm ba loại: dục lậu, hữu lậu, và vô minh lậu. Loại 1 trói buộc con người vào khoái lạc giác quan, loại 2 vào tư tưởng quan niệm, và loại 3 vào sinh tử luân hồi nói chung.

Đoạn trừ bằng Tri kiến là không để ý chuyện không đáng để ý, và chỉ tác ý những gì cần tác ý. Pháp của Như Lai dạy là cốt cho người biết tác ý như lý và thấy rõ những gì không đáng tác ý. Không đáng tác ý là những vấn đề liên hệ đến bản ngã trong quá khứ, hiện tại, vị lai, nguồn gốc của sáu tà kiến như sau:

1. "Ta có tự ngã " - "*self exists for me*": thuyết duy linh, thuộc thường kiến.

2. "Ta không có tự ngã " - "*no self exists for me*": thuyết duy vật, cho chỉ có thể xác, chết là hết.

3. "Do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã " - "*I perceive self with self*": chấp "ngã" gồm cả hai, linh hồn và thể xác.

4. "Do tự mình, ta tưởng tri ta không có tự ngã " - "*I perceive not-self with self*": chấp "ngã" chỉ là phần hồn.

5. "Không do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã " - "*I perceive self with not-self*": chấp "ngã" chỉ là phần xác.

6. "Chính tự ngã của ta nói, cảm giác, hưởng thọ quả báo các nghiệp thiện ác đã làm chỗ này chỗ kia, chính tự ngã ấy của ta là thường trú không chuyển biến": "*It is this self of mine that speaks and feels and experiences here and there the result of good and bad actions; but this self of mine is permanent... no subject to change*" Một dạng hoàn toàn chấp hữu, chấp thường.

Bị trói buộc bởi những tà kiến ấy, phàm phu không thoát khỏi sinh già chết sầu bi khổ ưu não. Ngược lại, thánh đệ tử nhờ tác ý như lý "đây là khổ", "đây là nguyên nhân khổ", "đây là khổ diệt", "đây là con đường đưa đến diệt khổ"... mà ba kiết sử được trừ diệt là thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Đấy gọi là đoạn trừ bằng tri kiến.

Đoạn trừ bằng phòng hộ là giữ gìn chánh niệm khi sáu căn tiếp xúc sáu trần.

*Đoạn trừ bằng thọ dụng* là biết đủ đối với bốn vật dụng ăn mặc ở bệnh.

*Đoạn trừ bằng kham nhẫn* là hoan hỷ chịu đựng những cảm giác khó chịu về thân tâm.

*Đoạn trừ bằng tránh né* là tránh những người, vật, nơi chốn nguy hiểm, có thể làm phát sinh phiền não.

*Đoạn trừ bằng trừ diệt* là không chấp nhận cho dục niệm, sân niệm, hại niệm khởi lên, diệt trừ chúng ngay trong mầm mống.

*Đoạn trừ bằng tu tập* là thường tu tập bảy giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả. Trong bảy pháp, niệm hay chánh niệm cần luôn luôn có, sáu pháp còn lại thuộc vào hai nhóm: trạch pháp tinh tấn hỷ thuộc "động", khinh an định xả thuộc "tĩnh". Khi tâm lờ đờ, nên tu tập các pháp động, khi tâm quá hăng, nên tu các pháp tĩnh để châm chước, như thợ luyện vàng.

#### IV. PHÁP SỐ

*Hai cách tác ý*: như lý và phi như lý.

*Hai nhẫn*: nhẫn sự chịu khó về thân và về tâm.

*Ba lậu hoặc*: [lậu: lọt; hoặc: mê lầm] dục, hữu, vô minh.

*Bốn vật dụng*: về ăn mặc ở bệnh.

*Sáu căn môn*: mắt tai mũi lưỡi thân ý.

*Bảy cách trừ hoặc*: tri kiến, phòng hộ, thọ dụng, kham nhẫn, tránh né, trừ diệt, tu tập.

*Bảy giác chi*: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả.

## V. KÊ TỤNG

Muốn tận trừ nhiễm ô  
Phải biết rõ thấy rõ:  
Biết tác ý như lý  
Thấy gì "không như lý".

"Như lý" là cách nghĩ  
Khiến ô nhiễm không sinh  
Lại có thể diệt trừ  
Nhiễm ô đã sinh khởi.

Có bảy cách trừ mê:  
Tri kiến và phòng hộ  
Thọ dụng và kham nhẫn  
Tránh né và trừ diệt  
Giác chi là thứ bảy.

Đoạn trừ bằng tri kiến  
Là bỏ mọi tư duy  
Liên hệ đến bản ngã  
Và như lý tác ý  
Về khổ, tập, diệt, đạo.  
Diệt trừ ba kiết sử:  
Giới thủ, thân kiến, nghi.

Đoạn trừ nhờ phòng hộ  
Là gìn giữ sáu căn  
Tức giữ gìn cửa "ý"  
Khi tiếp xúc sáu trần.

Đoạn trừ bằng thọ dụng  
Là biết đủ không tham  
Bốn vật dụng cần dùng  
Cốt vượt qua biển khổ.

Đoạn trừ bằng kham nhẫn:  
Những thống khổ khốc liệt  
Do người, vật gây nên  
Vui nhận không than oán.

Đoạn trừ nhờ tránh né  
Tránh mạo hiểm du hành  
Tránh giao du bất đáng  
Thì phiền não không sinh.

Đoạn trừ bằng trừ diệt  
Những ý xấu khởi lên  
Liên hệ dục, sân, hại  
Tỳ kheo phải dứt liền.

Tu tập bảy giác chi  
Hướng ly tham, từ bỏ  
Đoạn trừ các ô nhiễm  
Là diệt tận khổ đau.





## Kinh số 3

# Thừa tự pháp

### I. TOÁT YẾU

*Dhammadāyāda Sutta - Heir in the dhamma.*

*The Buddha enjoins the Bhikkhus to be heirs in the Dhamma, not heirs in material things. The venerable Sāriputta then continues on the same theme by explaining how disciples should train themselves to become the Buddhás heir in the Dhamma.*

**Những người thừa kế Chánh pháp.**

Phật khuyến khích chư tỳ kheo hãy là những người thừa hưởng gia tài Pháp của Ngài chứ không phải thừa hưởng của cải vật chất. Sau đó tôn giả Xá-lợi-phất tiếp tục đề tài này bằng cách giải thích làm thế nào các đệ tử cần phải tu tập để trở thành những vị thừa kế của Phật trong lĩnh vực Pháp.

### II. TÓM TẮT

Phật nói kinh này vì có nhiều tỳ kheo khởi tâm ưa thích danh dự lợi dưỡng mà quên việc tu tập viễn ly. Ngài thường thao thức mong sao đệ tử Ngài sẽ là những người thừa kế Pháp thay vì thừa kế vật chất. Nếu đệ tử trở thành kẻ thừa kế vật chất thì cả thầy lẫn trò đều mang tiếng. Người nào y theo lời Phật dạy mà hành trì, sống thiếu dục tri túc, thì dễ nuôi, đáng được kính nể.

Tiếp theo, tôn giả Xá-lợi-phất triển khai lời dạy vắn tắt của Phật như sau. Có hai trường hợp: một là đạo sư sống viễn ly mà đệ tử không học theo; hai là đệ tử học theo bậc đạo sư sống viễn ly, gồm ba việc: 1. Thực hành viễn ly; 2. Từ bỏ những gì Phật dạy cần phải từ bỏ; 3. Không sống buông lung, lười biếng. Tỳ kheo nào, dù thuộc hàng

thượng tọa thâm niên, hay trung tọa, hay hạ tọa mới tu, nếu làm ba việc ấy là đáng tán thán, làm ngược lại thì đáng quở trách.

*Các pháp cần từ bỏ gồm 16:*

- Tham, sân, phẫn nộ, hiềm hận,
- giả dối, não hại, tật đố, xan lẫn,
- man trá, phản bội, ngoan cố, bông bột,
- ngã mạn, tăng thượng, tự kiêu, phóng dật.

### III. CHÚ GIẢI

*Viễn ly* gồm ba là: *thân viễn ly*, tức cư trú nơi núi rừng; *tâm viễn ly* là thiếu dục tri túc; *hữu viễn ly* là xa lìa tham đắm ba cõi.

Về 16 pháp, bản Anh ngữ:

- *Greed, hate, anger, revenge,*
- *contempt* (khinh miệt), *domineering attitude* (thống trị), *envy, avarice,*
- *deceit, fraud, obstinacy, presumption,*
- *conceit, arrogance, vanity, negligence.*

Đây là những pháp mà bậc đạo sư dạy đệ tử cần phải từ bỏ, vì chúng làm nên những người thừa tự tài vật. Từ bỏ chúng, đào luyện tám chánh đạo thì sẽ thành những người thừa tự Pháp của Ngài, hướng đến Niết-bàn tịch tịnh.

### IV. PHÁP SỐ

*Ba việc đáng quở trách nơi đệ tử:* bậc Đạo sư sống viễn ly, đệ tử không học theo; những gì đạo sư dạy từ bỏ đệ tử không từ bỏ; sống dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng viễn ly.

*Ba việc đáng tán thán* là học theo bậc Đạo sư, sống viễn ly; từ bỏ những gì Phật dạy từ bỏ; không lười biếng mà bỏ rơi gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu về viễn ly.

*Ba viễn ly*: thân, tâm và hữu.

*Thánh đạo tám ngành*: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

## V. KỆ TỤNG

1. Đệ tử thừa kế Pháp  
Hơn thừa tự vật chất  
Nếu chỉ thừa hưởng vật,  
Làm mang tiếng cả thầy.

2. Thừa tự Pháp nghĩa là  
Những gì Phật dạy bỏ  
Đệ tử hãy từ bỏ,  
Tức là mười sáu pháp:

tham lam và giận dữ  
phẫn nộ và hiềm hận  
giả dối và náo hại  
tật đố và xan lẫn

man trá và phản bội  
ngoan mê và bông bột  
ngã mạn và tăng thượng  
phóng dật và tự kiêu.

3. Từ bỏ mười sáu pháp  
Đào luyện tám thánh đạo  
Xứng kẻ thừa tự Pháp  
Hưởng Niết-bàn an vui.



## Kinh số 4

# Sợ hãi và khiếp đảm

### I. TOÁT YẾU

#### *Bhayabherava Sutta - Fear and dread.*

*The Buddha describes to a bradhmin the qualities required of a monk who wishes to live alone in the forest. He then relates an account of his own attempts to conquer fear when striving for enlightenment.*

#### *Sợ hãi và khiếp đảm*

*Phật mô tả cho một bà-la-môn biết những đức tính cần thiết mà một tỳ kheo phải hội đủ nếu muốn sống độc cư ở rừng núi. Rồi Ngài kể lại cách Ngài chinh phục sự sợ hãi khi Ngài đang còn nỗ lực để đạt giác ngộ.*

### II. TÓM TẮT

Bà-la-môn Janussoni đến thăm Phật trong rừng Kỳ đà và ca tụng Phật đã giúp ích nhiều cho các tỳ kheo, vì quả thực rất khó kham nhẫn đời sống ở rừng núi. Theo ông, rừng núi làm rối loạn tâm trí tỳ kheo nào chưa chứng các thiên. Phật xác nhận lời nói của bà-la-môn, và dạy sở dĩ tỳ kheo khó kham nhẫn đời sống viễn ly ở núi rừng, nổi lên sợ hãi, là vì còn có 16 ô nhiễm:

- không thanh tịnh thân, khẩu, ý, mạng;
- nhiều tham dục, sân hận ác ý, hôn trầm, trạo cử;
- hoài nghi, khen mình chê người, run rẩy sợ hãi, ham lợi;
- lười biếng, thất niệm, tán loạn, ngu đần.

Phật không có những lỗi như trên mà có những đức ngược lại, nên Ngài rất an ổn khi sống ở rừng núi. Phật cho biết lúc còn tu tập, vào những đêm không trăng, Ngài cố đến những nơi nổi tiếng nhiều ma để thử. Mỗi khi cơn sợ hãi nổi lên, Ngài vẫn giữ nguyên tư thế để diệt trừ nỗi sợ trong tâm. Ngài không làm như người ta thường làm mỗi khi bị khiếp đảm là đổi tư thế (như bỏ chạy), hoặc tưởng tượng đêm là ngày, vì Ngài cho đó là hành động si ám. Ngài là vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng nhân loại và chư thiên.

Nhờ chân chính quán sát bản thân không lỗi, Ngài cảm thấy tự tin khi sống ở núi rừng, tinh tấn tu tập chứng bốn thiên và ba minh. Canh một, Ngài chứng Túc mạng trí, nhớ được tất cả đời trước của mình; canh hai chứng Thiên nhãn minh, thấy sự sống chết của tất cả chúng sinh tùy theo hành nghiệp, gọi là Sinh tử trí hay Tùy nghiệp thú trí. Và cuối cùng canh ba Ngài chứng Lộ tận minh, hoàn toàn giải thoát, thành Phật.

Sau khi đạt thành chính giác, Phật vẫn cư trú trong rừng núi vì hai lý do: tự thân Ngài cảm thấy thoải mái, và vì lòng thương tưởng hậu lai (nêu gương).

### III. CHÚ GIẢI

*(không có)*

### IV. PHÁP SỐ

*Ba nghiệp*: [hành động cố ý về] thân, lời, ý.

*Ba minh [trí]*: túc mạng, sinh tử [còn gọi *thiên nhãn minh*, hay *tùy nghiệp thú trí*], lộ tận.

*Ba độc*: tham, sân, si.

*Bốn thiên*

*Bốn chân lý*

*Năm triền cái*: tham dục, sân, hôn trầm, trạo cử, hoài nghi.

## V. KÊ TỤNG

1. Muốn đắc các thiên chứng

Và đoạn tận vô minh

Cần núi rừng nương ở

Với mười sáu điều kiện:

Thân, khẩu, ý, thanh tịnh

Cách sinh hoạt thanh tịnh,

Không tham, sân, ít ngủ,

Không trạo cử, hoài nghi

Không khen mình chê người,

Không sợ hãi, hám lợi;

Không lười biếng, thất niệm,

Không tán loạn, ngu đần.

2. Phật chân chính quán sát

Bản thân được như trên

Nên Ngài không sợ hãi

Khi độc cư rừng núi.

Nhờ tinh tấn hành thiền

Ngài chứng được ba minh:

Canh một chứng túc mạng

Nhớ hết các đời trước

Đại cương và chi tiết.

Canh hai chứng thiên nhãn

Sống chết và nghiệp báo  
Của các hạng chúng sinh  
Phật đều thấy tận tường.  
Canh ba chúng lậu tận  
Liễu tri cả bốn đế  
Như tối diệt, sáng sinh.

Sau khi Ngài đắc đạo  
Vi thương tưởng hậu lai  
Vi hiện tại lạc trú  
Phật vẫn ở núi rừng.





## Kinh số 5

# Không uesthiêm

### I. TOÁT YẾU

*Anangana Sutta - Without blemishes.*

*The venerable Sāriputta gives a discourse to the Bhikkhus on the meaning of blemishes, explaining that a bhikkhus becomes blemished when he falls under the sway of evil wishes.*

**Không lỗi lầm.**

*Tôn giả Xá-lợi-phất giảng cho các tỳ kheo ý nghĩa của cấu uesthiêm - hay lỗi lầm - giải thích rằng một tỳ kheo có lỗi khi vị ấy bị thao túng bởi những ước muốn xấu.*

### II. TÓM TẮT

Có 4 hạng người trên đời:

1. Có cấu uesthiêm mà không tự biết;
2. Có cấu uesthiêm và như thật biết mình có cấu uesthiêm;
3. Không cấu uesthiêm nhưng không tự biết;
4. Không cấu uesthiêm và biết như thật mình không cấu uesthiêm.

Trong hai hạng có cấu uesthiêm, hạng tự biết hơn người không tự biết. Vì khi có cấu uesthiêm mà không tự biết, vị ấy sẽ chết mang theo những cấu uesthiêm còn nguyên vẹn; nhưng nếu tự biết còn cấu uesthiêm, vị ấy sẽ khởi lên ước muốn tinh tấn diệt trừ cấu uesthiêm và sẽ từ trần với tâm không còn ô nhiễm. Như người có cái bát dơ, lại bỏ quên nó vào nơi bụi bặm thì càng ngày càng dơ. Ngược lại nếu thấy bát dơ, chủ nhân đem lau chùi không để vào nơi bụi bặm, thì bát càng ngày càng sáng sạch.

Trong hai hạng không cấu uest cũng vậy. Hạng không cấu uest nhưng không tự biết một cách như thật là mình không cấu uest, thì có thể có lúc do tiếp xúc sắc đẹp mà nổi tham, quên quán thân bất tịnh, gọi là "tư niệm tịnh tướng" và từ đó tham, sân làm ô nhiễm tâm vị ấy. Như một cái bát sạch mà chủ nhân không biết dùng, lại liệng nó vào chỗ bụi bặm thì dần dà nó sẽ thành bát dơ. Người không cấu uest và như thật tuệ tri mình không cấu uest, thì sẽ không tư niệm tịnh tướng, luôn quán bất tịnh nên tham không làm ô nhiễm tâm vị ấy. Vị ấy sẽ từ trần với tâm không còn ô nhiễm. Như chủ nhân một cái bát sạch nhờ biết nó sạch nên siêng lau chùi, giữ gìn không để nó lẫn lộn với rác rưởi.

Do vậy, trong bốn hạng người thì hai hạng "có biết" là hơn hai hạng kia.

Tiếp đến tôn giả kể ra những gì gọi là cấu uest nơi tỳ kheo: đó là các suy tư bất thiện liên hệ đến dục, như vị tỳ kheo nổi lên phần nộ bất mãn khi thăm mong nhiều chuyện mà toàn gặp chuyện trái lại: khi có phạm giới, thăm mong đừng ai biết; mong các tỳ kheo quở trách mình tại chỗ kín đáo đừng công khai; nếu bị cử tội công khai, mong người quở trách phải là người ngang hàng. Tại giảng đường, thăm mong Phật hỏi mình nhiều lần, đừng hỏi ai khác. Vào xóm khát thực, thăm mong chúng tỳ kheo để mình dẫn đầu; thăm mong mình được chỗ tốt nhất, thực phẩm tốt nhất; mong các tỳ kheo để cho mình phát biểu sau khi ăn xong tại nhà gia chủ [thuyết tùy hỷ pháp]. Khi đại chúng nhóm họp trong tịnh xá, thăm mong họ mời mình thuyết pháp cho chúng tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam hoặc nữ cư sĩ. Thăm mong được chúng tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam, nữ cư sĩ tôn trọng lễ bái cúng dường mình

chớ không phải ai khác. Thăm mong mình được tứ sự cúng dường loại tốt nhất.

Tất cả những mong mỏi như trên, cùng với sự bất mãn phần nộ do cái khổ "cầu không được" đều gọi là cấu uế, là cảnh giới của dục.

Nơi tỳ kheo nào chưa diệt trừ các cấu uế, thì dù vị ấy là người sống ở rừng, tu đủ thứ khổ hạnh, vẫn không được các vị đồng phạm hạnh cung kính tôn trọng. Người ấy được ví như một cái bát bề ngoài đẹp đẽ nhưng đựng toàn thứ dơ bẩn gớm ghiếc như xác rắn xác chuột. Trái lại một tỳ kheo dù sống gần làng mạc, không tu khổ hạnh, nhưng đã diệt trừ cấu uế, thì vẫn được cung kính tôn trọng, như một cái bát đẹp lại chứa toàn thực phẩm ngon lành.

### III. CHÚ GIẢI

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba độc*: tham sân si.

*Ba nghiệp*: thân, ngữ, ý.

*Bốn hạng người*: hai hạng có và hai hạng không cấu uế.

#### V. KỆ TỤNG

##### A. Bốn hạng người

1. Đòi có bốn hạng người:

Có lỗi mà tự tri,  
Có lỗi, không tự tri  
Không lỗi cũng gồm hai  
Tự biết, không tự biết.

2. Hạng "có biết" là hơn:

Như cái bát dơ dáy  
Chủ biết mà lau chùi

Thì sẽ thành bát sạch.  
Cũng thế, người có lỗi  
Tự biết, lo sửa đổi  
Sẽ thành người trong sạch  
Chết mang theo nghiệp lành.

3. Có lỗi không tự biết  
Như bát dơ càng dơ  
Vi lâu ngày không rửa;  
Người xấu không tự biết  
Chết mang theo xấu xa.

4. Người tốt không tự biết  
Lại giao du bạn xấu  
Đam mê theo thanh sắc  
Lâu ngày thành kẻ hư.  
Như cái bát trong sáng  
Mà đem liệng đồng rác  
Hoặc chứa toàn thứ dơ  
Đi đòi cái bát sạch.

5. Người tự biết không lỗi  
Lo tư quán bất tịnh  
Không rơi vào tham, sân  
Chết với tâm vô nhiễm.  
Như cái bát trong sáng  
Chủ lại siêng lau chùi  
Không để bám bụi bặm  
Càng ngày càng sáng trong.

## **B. Cấu uế của tâm:**

6. Các ác bất thiện pháp  
Và cảnh giới của dục  
Ấy gọi là đồng nghĩa  
Với cấu uế của tâm.

7. Thâm mong đợi một đường  
Việc xảy ra một nẻo  
Nên phần nộ bất mãn  
Đây gọi là cấu uế.

8. Khi lỗi phạm giới tội  
Cầu mong đừng ai biết  
Người biết, bèn nổi sân  
Đây gọi là cấu uế.

9. "Mong họ quở trách ta  
Chỗ kín đáo một chút  
Chớ đừng giữa công khai"  
Sự xảy ra ngược lại  
Bị quở trách giữa tăng  
Đương sự bèn nổi sân  
Đây gọi là cấu uế.

10. "Ước chi người đồng đảng  
Quở trách tội lỗi mình"  
Thực tế không được vậy  
Bị người dưới chơi leo  
Hậm hực, lòng bất mãn  
Đây gọi là cấu uế.

11. Tại giảng đường, học Pháp  
Thâm mong thầy gọi mình  
Thầy lại gọi người khác  
Lòng bất mãn không vui  
Đây gọi là cấu ố.

12. "Mong ta được dẫn đầu  
Khi vào làng khát thực,"  
Hóa ra người dẫn đầu  
Lại là tỳ kheo khác,  
Mình bất mãn không vui  
Đây gọi là cấu ố.

13. "Mong tại nơi thọ thực  
Ta ngồi chỗ tốt nhất  
Được thức uống tốt nhất  
Và thực phẩm hảo hạng."  
Một tỳ kheo khác được  
Những gì ta thâm mong  
Ta phẫn nộ, bất mãn  
Đây gọi là cấu ố.

14. "Mong sau khi ăn xong  
Ta thuyết tùy hỷ pháp"  
Nhưng sự tình xảy ra  
Là tỳ kheo khác thuyết;  
Ta phẫn nộ, bất mãn  
Đây gọi là cấu ố.

15. Khi bốn chúng tụ tập  
Tại một ngôi tịnh xá  
Tỳ kheo ấy thâm mong

Mình được mời giảng pháp  
Nhưng sự tình xảy ra  
Một tỳ kheo khác giảng;  
Ta phẫn nộ, bất mãn  
Đây gọi là cấu ố.

16. "Mong ta được bốn chúng  
Lễ bái và cúng dường"  
Nhưng một tỳ kheo khác  
Đã được địa vị ấy  
Ta phẫn nộ, bất mãn  
Đây gọi là cấu ố.

17. "Mong ta sẽ có được  
Những vật dụng tối thắng  
Về tứ sự cúng dường"  
Nhưng người được, ta không  
Ta phẫn nộ, bất mãn  
Đây gọi là cấu ố.

18. Nơi vị tỳ kheo nào  
Chưa đoạn trừ cấu ố  
Dù có tu khổ hạnh  
Cũng không đáng tôn sùng.  
Nơi vị tỳ kheo nào  
Đã đoạn trừ cấu ố  
Dù không tu khổ hạnh  
Cũng đáng được tán dương.



## Kinh số 6

# Ước nguyện

### I. TOÁT YẾU

*Ākankheyya Sutta - If a bhikkhu wish.*

*The Buddha begins by stressing the importance of virtue as the foundation for a bhikkhu's training; he then goes on to enumerate the benefits that a bhikkhu can reap by properly fulfilling the training.*

**Tỳ kheo nên cầu mong những gì.**

*Mở đầu, Phật nhấn mạnh tầm quan trọng của giới, nền tảng việc tu tập của một tỳ kheo. Kế đến Ngài kể ra những lợi lạc mà một tỳ kheo có thể gặt hái được nhờ viên mãn các học giới.*

### II. TÓM TẮT

Trước hết, Phật nhấn mạnh về Giới vì là căn bản tu hành. Nếu tỳ kheo có những ước nguyện như: Mong được các vị đồng tu yêu kính; mong được tứ sự cúng dường; mong thí chủ được phước lớn khi cúng dường mình; mong bà con lúc lâm chung chỉ cần nghĩ đến mình cũng có quả báo lợi lạc. Mong nhiếp phục được lạc khổ, không bị lạc và khổ làm động tâm; nhiếp phục sợ hãi khiếp đảm; mong chứng 4 thiền 4 định vô sắc; mong diệt trừ được ba kiết sử chứng quả Dự lưu; mong chứng Nhất lai; Bất hoàn; mong chứng các thân thông như thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, tùy nghiệp thú trí, mong diệt trừ lậu hoặc.

Muốn thành tựu các ước nguyện ấy, tỳ kheo cần phải "thành tựu viên mãn giới, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh."



### III. CHÚ GIẢI

Trong lời dạy này, Phật đã tóm thâu cả ba vô lậu học: "Thành tựu viên mãn giới" là Giới học. "Kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định" là Định học. "Thành tựu quán hạnh" là Tuệ học. Còn "thích sống tại các trú xứ không tịnh" là điều kiện để có thể hoàn thành các mục tiêu vừa kể.

### IV. PHÁP SỐ

*Ba kết sử*: thân kiến, nghi, Giới cấm thủ. Trừ ba kết sử đắc quả Dự lưu, không còn đọa lạc, chẵn chẵn giải thoát.

*Ba vô lậu học*: Giới, định, tuệ.

*Bốn giải thoát tịch tĩnh hay bốn không, bốn tịch tịnh trú*: Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tướng phi phi tướng, là bốn thiền chứng thuộc vô sắc giới.

*Bốn quả sa môn*: Dự lưu, Nhất lai (diệt ba kết sử, muội lược tham sân si, chỉ còn trở lại một lần trên đời này), Bất hoàn (không trở lui đời này), A-la-hán sạch hết ô nhiễm vi tế.

*Bốn vật dụng hay tứ y*: vật dùng về ăn mặc ở bệnh.

*Bốn thiền*: Gọi là *hiện tại lạc trú*, gồm sơ thiền với 5 thiền chi: tâm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm; nhị thiền bỏ tâm tứ; tam thiền bỏ hỷ; tứ thiền bỏ lạc, chỉ còn xả niệm thanh tịnh.

*Sáu thông*: Thân túc, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thiên nhãn và lậu tận; là ba minh nói rộng.

### V. KỆ TỤNG

1. Đấng đạo sư nhắc nhở  
Tỳ kheo sống phòng hộ  
Với Giới biệt giải thoát  
Với chánh niệm, uy nghi

Và thấy được hiểm nguy  
Trong từng lỗi nhỏ nhặt  
Bởi vì Giới dẫn đầu  
Trong tất cả thiện pháp.

2. Nếu tỳ kheo ước nguyện:  
"Được pháp hữu yêu kính";  
"Được bốn vật cần dùng";  
Và "mong thí chủ mình  
Sẽ được quả báo lớn"  
Hãy viên mãn Giới luật,  
Thích sống nơi nhàn tịnh  
Và siêng tu thiền định  
Để thành tựu tuệ quán.

3. Nếu tỳ kheo ước nguyện:  
"Mong bà con dòng họ  
Lâm chung nghĩ đến mình  
Với tâm niệm hân hoan  
Sẽ được phước báo lớn"  
Nếu tỳ kheo ước nguyện:  
"Mong sợ hãi khổ vui  
Không sợ hãi khiếp đảm"  
Hãy viên mãn Giới luật,  
Thích sống nơi nhàn tịnh  
Và siêng tu thiền định  
Để thành tựu tuệ quán.

4. Nếu tỳ kheo ước nguyện  
"Mong ta chứng bốn thiền  
Được hiện tại lạc trú"  
"Mong ta chứng bốn Không  
Thành tựu tịch tịnh trú"  
Hãy viên mãn Giới luật

Thích sống nơi nhàn tịnh  
Và siêng tu thiền định  
Để thành tựu tuệ quán.

5. Nếu tỳ kheo ước nguyện  
"Mong ta chứng Dự lưu  
Diệt trừ ba kiết sử"  
"Mong ta chứng Nhất lai  
Muội lược tham sân si"  
"Mong ta chứng Bất hoàn  
Trừ năm "hạ kiết sử"  
Hãy viên mãn Giới luật,  
Thích sống nơi nhàn tịnh  
Để thành tựu tuệ quán.

6. Nếu tỳ kheo ước nguyện  
"Mong ta chứng thần thông  
Biến hóa theo nhiều cách"  
"Mong ta chứng thiên nhĩ  
Nghe đủ tiếng gần, xa"  
"Mong ta chứng túc mạng  
Biết các đời quá khứ"  
"Mong ta chứng thiên nhãn  
Thấy sống chết chúng sinh"  
Nếu tỳ kheo ước nguyện  
"Mong ta chứng lậu tận  
Đạt tâm, tuệ giải thoát  
Ngay trong đời hiện tại"  
Hãy viên mãn Giới luật,  
Thích sống nơi nhàn tịnh  
Và siêng tu thiền định  
Để thành tựu tuệ quán.



## Kinh số 7

### Ví dụ tấm vải

#### I. TOÁT YẾU

*Vatthūpama Sutta - The simile of the cloth.*

*With a simple simile the Buddha illustrates the difference between a defiled mind and a pure mind.*

*Bằng một ví dụ đơn giản, Phật nói rõ sự khác nhau giữa một tâm ô nhiễm và một tâm thanh tịnh.*

#### II. TÓM TẮT

Cõi xấu ác chờ đợi một tâm ô nhiễm, như một tấm vải dơ đem nhuộm sẽ có màu loang lổ không đẹp. Ngược lại, cõi tốt lành chờ đợi một tâm không ô nhiễm, ví như tấm vải sạch khi nhuộm sẽ có màu đẹp đẽ.

*Những cấu uế của tâm là:*

- tham, sân, phẫn, hận,
- hư ngụy, não hại, tật đố, xan tham,
- man trá, khi cuống, ngoan cố, cấp tháo,
- mạn, quá mạn, kiêu, phóng dật.

Tỳ kheo nào biết được những cấu uế của tâm để diệt trừ, vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối nơi Phật, Pháp, thánh chúng. Nơi vị ấy có sự từ bỏ, diệt trừ, giải thoát, xả ly, chứng được nghĩa tín thọ, pháp tín thọ, được sự hân hoan liên hệ đến Pháp. Do hân hoan, có hỷ, do hỷ có khinh an, do khinh an có lạc, do lạc có định. Một vị tỳ kheo có giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, thì dù ăn gạo thơm và các thực phẩm ngon lành cũng không vì vậy mà bị chướng ngại (vì đã dứt lòng tham vị ngon). Vị ấy có thể tu

tập các phạm trú từ bi hỷ xả, tu các thiền định, đạt đến tâm giải thoát tuệ giải thoát của bậc A-la-hán. Tỳ kheo ấy được gọi là đã tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

Phật nói câu sau cùng là cốt nhắm đến bà-la-môn Sundarikabharadvaja ngồi cách Ngài không xa. Quả nhiên ông ta liên tưởng đến nghi lễ tắm sông để tẩy tội trong tín ngưỡng của mình, và hỏi Phật có tắm sông Bahuka không, vì sông này đem lại nhiều công đức. Khi ấy Phật nói lên một bài kệ đại ý rằng, không có sông nào rửa sạch được quả báo nơi kẻ đã tạo ác nghiệp, đã gây tội lỗi; tắm để rửa tội là một tục lệ mê tín. Đối với người sống thanh tịnh thì ngày nào cũng tốt lành; vậy chỉ nên tắm trong tịnh nghiệp mới được sống an vui.

Bà-la-môn sau khi nghe kinh này, xin được xuất gia với Phật, và không bao lâu ông chứng thánh quả, thành một bậc A-la-hán.

### III. CHÚ GIẢI

Theo bản Anh, 16 cấu uế là:

- 1. *Covetousness and unrighteous greed*; 2. *ill will*; 3. *anger*; 4. *Revenge*; 5. *contempt*; 6. *domineering attitude*; 7. *envy*; 8. *avarice*; 9. *deceit*; 10. *fraude*; 11. *obstinacy*; 12. *presumption*; 13. *conceit*; 14. *arrogance*; 15. *vanity*; 16. *negligence*

- tham dục bất chính, ác ý, sân, hận, khinh miệt, thống trị, ngoan cố, tư phụ, kiêu căng, hợm hĩnh, khoe khoang, lơ đãnh.

Sớ giải nói 16 cấu uế trên được từ bỏ tuần tự như sau:

- Dự lưu đạo từ bỏ các cấu uế từ 5 - 10;
- Bất hoàn đạo từ bỏ thêm các cấu uế 2, 3, 4 và 16.
- A-la-hán đạo từ bỏ nốt sáu cấu uế còn lại.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba lậu:* dục, hữu, vô minh.

*Ba ngôi báu:* Phật, Pháp, Tăng.

*Bốn đôi tám vị:* bốn quả sa môn và bốn đạo: Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

*Bốn phạm trú hay vô lượng tâm:* Từ, bi, hỷ, xả.

#### V. KÊ TỤNG

1. Như vải dơ đem nhuộm  
Sẽ có màu không đẹp  
Cũng vậy cõi ác dữ  
Chờ đợi tâm cấu ố  
Như vải sạch đem nhuộm  
Sẽ có màu thuần tịnh  
Cũng vậy cõi tốt lành  
Chờ đợi tâm hiền thiện.

2. Mười sáu cấu ố tâm  
Cần biết để tẩy trừ:  
Tà tham và giận dữ  
Phẫn uất và hiểm hận,  
hư ngụy và não hại,  
tật đố và xan tham  
man trá và khi cưỡng,  
ngoan cố và cấp tháo  
ngã mạn và thượng mạn  
kiêu căng và phóng dật.



## Kinh số 8

### Đoạn giảm

#### I. TOÁT YẾU

##### *Sallekha Sutta - Effacement.*

*The Buddha rejects the view that the mere attainment of the meditative absorptions is effacement and explains how effacement is properly practised in his teaching.*

##### *Viễn ly.*

*Phật bác bỏ quan điểm cho rằng chứng đắc các thiền đã là viễn ly [hay đoạn giảm], và giải thích cách tu tập đoạn giảm [đoạn phiền não, giảm vô minh] thực sự trong giáo lý Ngài.*

#### II. TÓM TẮT

Tôn giả Mahācunda bạch Phật, trên đời có nhiều quan điểm liên hệ đến ngã hoặc thế giới. Người mới tác ý có thể từ bỏ ngay những kiến chấp ấy không?

Phật dạy, muốn diệt trừ kiến chấp phải như thật quán sát năm uẩn "không phải của tôi, không phải là tôi, không phải tự ngã của tôi."

Sau khi trả lời câu hỏi của tôn giả Mahācunda, Phật nói đến những cách hiểu sai lạc về đoạn giảm. Những vị chứng đắc bốn thiền tự cho thế là sạch cấu uế, nhưng Phật dạy đấy gọi là "hiện tại lạc trú" chứ không phải đoạn giảm trong giới luật của Ngài. Những vị chứng đắc bốn định vô sắc hay 4 không cũng tự cho là sạch cấu uế, nhưng đấy chỉ là "tịch tịnh trú" trong giới luật Ngài, chưa phải là đoạn giảm. Rồi Ngài dạy thế nào là đoạn giảm thật sự. Đó là từ bỏ 44 cấu uế (bản Anh ngữ không có 33, 34).

Muốn diệt trừ cấu uế, trước hết là khởi tâm làm ngược lại các thói xấu đã kể trên, vì sự khởi tâm rất có lợi cho các thiện pháp. Đây là pháp môn khởi tâm.

Mỗi thói ấy đều có một đức ngược lại với nó, nên dùng đức ấy để đối trị, như lấy bố thí đối trị xan tham. Đây là pháp môn đối trị. Trong khi tất cả bất thiện đều hướng hạ, thì cái ngược lại với chúng là hướng thượng; ví dụ với người xan tham thì có pháp bố thí để đưa mình đi lên. Đây là pháp môn hướng thượng. Đối với người làm hại, không làm hại đưa đến hoàn toàn giải thoát [với tất cả cấu uế khác cũng vậy]. Đây là pháp môn hoàn toàn giải thoát.

### III. CHÚ GIẢI

*Đoạn giảm:* Từ Pali "Sallekha" - đoạn giảm - nguyên nghĩa là khổ hạnh, trong kinh này có nghĩa là sự từ bỏ hay tận diệt cấu uế, nhiễm ô.

*Các quan điểm,* đây là 20 quan điểm về ngã, được kể trong kinh số 44; 8 quan điểm về thế giới, như thường, vô thường, hữu biên vô biên...

"*Người mới tác ý*" ở đây ám chỉ người ở giai đoạn đầu của thiền quán, chưa vào Dự lưu đạo.

Sự *từ bỏ* đề cập ở đây là sự trừ diệt tận gốc các kiến chấp khi đã đạt đến Dự lưu đạo.

*Như thật quán sát* năm uẩn "không phải tôi, của tôi hay tự ngã của tôi" là tuệ quán đưa đến Dự lưu đạo.

*44 cấu uế:* 1. Tác hại; 2. Sát sinh; 3. Lấy của không cho; 4. Tà hạnh; 5. Nói dối; 6. Hai lưỡi; 7. Nói độc ác; 8. Nói phù phiếm; 9. Tham; 10. Sân; 11. Tà kiến; 12. Tà tư duy; 13. Tà ngữ; 14. Tà nghiệp; 15. Tà mạng; 16. Tà tinh tấn; 17. Tà niệm; 18. Tà định; 19. Tà trí; 20. Tà giải thoát; 21. Hôn trầm; 22. Trao hối; 23. Nghi hoặc; 24. Phẫn nộ; 25. Oán hận; 26. Hư ngụy; 27. Náo hại; 28. Tật đố; 29. Xan tham; 30.



Man trá; 31. Khi cưỡng; 32. Ngoan cố; 33. Cấp tháo; 34. Khó nói; 35. Ác hữu; 36. Phóng dật; 37. Bất tín; 38. Vô tầm; 39. Vô quý; 40. Nghe ít; 41. Biếng nhác; 42. Thất niệm; 43. Liệt tuệ; 44. Nhiễm thế tục, cố chấp tư kiến, khó hành xả.

*Có thể tóm thâu 44 cấu uế này vào sáu nhóm:*

- A. Mười bất thiện nghiệp về thân khẩu ý (2-11);
  - B. Bảy chi cuối của 8 phi thánh đạo (12-18), chi đầu tương đương với (11);
  - C. Tà trí, tà giải thoát (19 - 20; tức ngược lại với hai chi cuối trong mười thánh đạo);
  - D. Ba triền cái cuối trong năm triền cái (21-23), hai triền cái đầu tiên tương đương với (9) và (10);
  - E. Mười trong 16 cấu uế của tâm đã nói trong kinh số 7 (24-33);
  - F. Bảy thói xấu (37-43) ngược lại với 7 đức là tín, tầm, quý, đa văn, tinh tấn, niệm, tuệ nói trong kinh 53.
- (1) và (44) xem như không thuộc nhóm nào.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*Bốn thiên*

*Bốn không, hay bốn vô sắc*

*Bốn pháp môn:* khởi tâm, đối trị, hướng thượng, giải thoát.

*Năm triền cái*

*Bảy thánh tài:* tín, tầm, quý, đa văn, tinh tấn, niệm, tuệ.

*Mười bất thiện nghiệp:* gồm sát đạo dâm, 4 ngữ nghiệp và ba ý nghiệp là tham, sân, tà kiến.

*Mười thánh đạo,* tám chánh đạo thêm hai là chánh trí và chánh giải thoát.

## V. KỆ TỤNG

1. Chẳng phải tu khổ hạnh  
Mà gọi là đoạn giảm  
Chẳng phải chứng bốn thiên  
Mà gọi là đoạn giảm  
Chẳng phải chứng bốn Không  
Mà gọi là đoạn giảm  
Bốn thiên trong pháp Phật  
Gọi là "hiện tại lạc"  
Còn bốn định vô sắc  
Gọi là "tịch tịnh trú".  
Nghĩa của sự đoạn giảm  
trong giáo pháp Như Lai  
Là trừ tâm uế nhiễm  
Để đoạn ác, giảm ngu.

2. Đoạn giảm được thực hiện  
Khi bỏ mười bất thiện  
Của thân, lời và ý;  
Từ bỏ tám tà đạo  
Tà trí, tà giải thoát;  
Bỏ hôn trầm, trạo cử  
Từ bỏ nghi, bất tín  
Vô tâm và vô quý  
Nghe ít và biếng nhác  
Thất niệm và đần độn  
Phẫn nộ và oán hận;  
Hư ngụy và não hại;  
Tật đố và xan tham;  
Man trá và khi cuống;  
Ngoan cố và cấp tháo;  
Mạn, quá mạn, khó nói

Ác hữu và phóng dật;  
Nhiễm trước thói thế tục  
Cố chấp ý kiến mình  
Và tính khó hành xả.

3. Người nào tâm hết sạch  
Tất cả ô nhiễm này  
Dù có ăn vị ngon  
Cũng không thành chướng ngại.  
Tâm biến mãn mười phương  
Với từ bi hỷ xả  
Thoát khỏi các lậu hoặc  
Sanh tận, phạm hạnh thành

4. Ấy gọi là tắm rửa  
Bằng gột rửa nội tâm  
Kẻ ngu tưởng tắm sông  
Tẩy trừ được tội lỗi  
Nhưng sông nào rửa được  
Những nghiệp ác đã làm  
Đừng mê tín dị đoan  
Để tha hồ tạo ác.

5. Với người sống thanh tịnh  
Không tạo mười bất thiện  
Không cần sông tẩy tội  
Ngày nào cũng tốt lành.



## Kinh số 9

# Chánh tri kiến

### I. TOÁT YẾU

#### *Sammāditthi Sutta - Right view.*

*A long and important discourse by the venerable Sāriputta, with separate sections on the wholesome and unwholesome, nutriment, the four Noble Truths, the twelve factors of dependent origination, and the taints.*

#### *Cái thấy chân chính.*

*Một bản kinh dài và quan trọng do tôn giả Xá-lợi-phất thuyết giảng, với nhiều đoạn tách biệt nói về thiện và bất thiện, về thức ăn, về Bốn chân lý cao cả, về 12 nhân duyên và các ô nhiễm.*

### II. TÓM TẮT

Tôn giả Xá-lợi-phất giảng về 16 pháp môn nhờ đó một thánh đệ tử được gọi là có sự thấy biết chân chính.

1. *Tuệ tri bất thiện và gốc rễ của bất thiện; thiện và gốc rễ của thiện:*

Khi tuệ tri như trên, vị thánh đệ tử đoạn trừ tất cả *tùy miên* tham, sân, nhố tận gốc kiến chấp và kiêu mạn "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như thế vị ấy được gọi là người có tri kiến chính trực, có lòng tin tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

2. *Tuệ tri thức ăn, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt thức ăn.*

Ở đây cần hiểu "thức ăn" theo nghĩa rộng, là yếu tố chính làm cho sinh tử tiếp nối không dứt.

3. *Tuệ tri Khổ: Khổ, Tập khởi của khổ, đoạn diệt của khổ và con đường đưa đến đoạn diệt khổ.*

Khổ là sinh, già, bệnh, chết, và tất cả khổ đau trong cuộc tồn sinh khi đã có ra năm uẩn.

Tập khởi của khổ là ái đưa đến tái sinh, cùng với hỷ và tham, tìm cầu khoái lạc chỗ này chỗ kia. Đoạn diệt của khổ là ly tham, không còn dư tàn các loại ái. Con đường đưa đến đoạn diệt khổ là thánh đạo tám ngành.

4. *Tuệ tri Già chết: tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Già chết.*

Từ tập khởi của Sinh, có tập khởi của Già chết; từ đoạn diệt của Sinh, có đoạn diệt của Già chết. Con đường đưa đến đoạn diệt của Già chết là thánh đạo tám ngành.

5. *Tuệ tri Sinh, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Sinh.*

Từ tập khởi của Hữu, có tập khởi của Sinh; từ đoạn diệt của Hữu, có đoạn diệt của Sinh. Con đường đưa đến đoạn diệt của Sinh là thánh đạo tám ngành.

6. *Tuệ tri Hữu, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Hữu.*

Từ tập khởi của Thủ, có tập khởi của Hữu; từ đoạn diệt của Thủ, có đoạn diệt của Hữu. Con đường đưa đến đoạn diệt của Hữu là thánh đạo tám ngành.

7. *Tuệ tri Thủ, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Thủ.*

Từ tập khởi của Ái, có tập khởi của Thủ; từ đoạn diệt của Ái, có đoạn diệt của Thủ. Con đường đưa đến đoạn diệt của Thủ là thánh đạo tám ngành.

8. *Tuệ tri Ái, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Ái.*

Từ tập khởi của Thọ, có tập khởi của Ái; từ đoạn diệt của Thọ, có đoạn diệt của Ái. Con đường đưa đến đoạn diệt của Ái là thánh đạo tám ngành.

9. *Tuệ tri Thọ, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của Thọ.*

Từ tập khởi của Xúc, có tập khởi của Thọ; từ đoạn diệt của Xúc, có đoạn diệt của Thọ. Con đường đưa đến đoạn diệt của Thọ là thánh đạo tám ngành.

10. *Tuệ tri Xúc, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt của xúc.*

Từ tập khởi của Sáu nhập, có tập khởi của Xúc; từ đoạn diệt của Sáu nhập, có đoạn diệt của Xúc. Con đường đưa đến đoạn diệt của Xúc là thánh đạo tám ngành.

11. *Tuệ tri Sáu nhập, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Sáu nhập.*

Từ tập khởi của Danh-sắc, có tập khởi của Sáu nhập; từ đoạn diệt của Danh-sắc, có đoạn diệt của Sáu nhập. Con đường đưa đến đoạn diệt của Sáu nhập là thánh đạo tám ngành.

12. *Tuệ tri Danh-sắc, tập khởi, đoạn diệt và đường đưa đến đoạn diệt Danh-sắc.*

Từ tập khởi của Thức, có tập khởi của Danh-sắc; từ đoạn diệt của Thức, có đoạn diệt của Danh-sắc. Con đường đưa đến đoạn diệt của Danh-sắc là thánh đạo tám ngành.

13. *Tuệ tri Thức, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Thức.*

Từ tập khởi của Hành, có tập khởi của Thức; từ đoạn diệt của Hành, có đoạn diệt của Thức. Con đường đưa đến đoạn diệt của Thức là thánh đạo tám ngành.

14. *Tuệ tri Hành, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Hành.*

Từ tập khởi của Vô minh, có tập khởi của Hành; từ đoạn diệt của Vô minh, có đoạn diệt của Hành. Con đường đưa đến đoạn diệt của Hành là thánh đạo tám ngành.

15. *Tuệ tri Vô minh, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Vô minh.*

Từ tập khởi của Lậu hoặc, có tập khởi của Vô minh; từ đoạn diệt của Lậu hoặc, có đoạn diệt của Vô minh. Con đường đưa đến đoạn diệt của Vô minh là thánh đạo tám ngành.

16. *Tuệ tri Lậu hoặc, tập khởi, đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt Lậu hoặc.*

Từ tập khởi của Vô minh, có tập khởi của Lậu hoặc; từ đoạn diệt của Vô minh, có đoạn diệt của Lậu hoặc. Con đường đưa đến đoạn diệt của Lậu hoặc là thánh đạo tám ngành.

### III. CHÚ GIẢI

*Chánh kiến* có hai: thế gian và xuất thế. Chánh kiến thế gian cũng có hai: thấy nhân quả như người ngoài đạo cũng thấy; và cái thấy phù hợp với bốn thánh đế chỉ có trong Phật giáo. Chánh kiến xuất thế là tuệ tri Bốn thánh đế nhờ đã đạt bốn đạo bốn quả. Ở đây tôn giả Xá-lợi-phất ám chỉ chánh kiến xuất thế gian của bậc hữu học khi nói đến "lòng tin tuyệt đối" và "thành tựu diệu pháp".

*Gốc rễ bất thiện*, vì chính tham sân si điều động tất cả hành vi bất thiện về thân ngữ ý.

*Thùy miên* khuynh hướng vi tế trong tâm.

*Tuệ tri thiện và gốc rễ thiện...* Vị thánh đệ tử tuệ tri bốn điều theo Bốn chân lý: tất cả hành nghiệp thiện bất thiện là chân lý về Khổ; gốc rễ thiện và bất thiện là chân lý về Tập; sự không sinh khởi cả hai loại hành vi cùng với gốc rễ của chúng, là chân lý về Diệt; và con đường để thực hiện Diệt ấy là chân lý về Đạo. Khi tuệ tri như trên, vị thánh đệ tử đạt đến một trong các giai đoạn đầu của Hữu học là các đạo quả Dự lưu, Nhất lai, có chánh kiến siêu thế, nhưng chưa gọi là đã tận trừ các nhiễm ô phiền não. Đoạn kế tiếp "đoạn trừ tất cả tham sân tùy miên", cho đến "diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại" là sự tu tập đạo lộ Bất hoàn cho đến quả vị A-la-hán: tham sân tùy miên diệt ở Bất hoàn đạo, vô minh và kiến mạn tùy miên "TÔI LÀ" diệt ở A-la-hán đạo.

*Bất thiện* là 10 nghiệp ác: 3 thuộc thân, 4 thuộc ngữ và ba thuộc ý: tham, sân, tà kiến. *Gốc rễ bất thiện* là tham sân si.

*Thiện* là từ bỏ 10 bất thiện nói trên. *Gốc rễ thiện* là không tham không sân không si.

*Thức ăn* có bốn loại: đoàn, xúc, tư niệm và thức. *Đoàn thực* ("đoàn" là nắm cơm, theo kiểu ăn bốc) nuôi thể xác hay sắc; *xúc thực* (sự tiếp xúc căn trần) nuôi thọ; *tư niệm thực* nuôi dưỡng thức; *thức thực* nuôi dưỡng danh sắc.

*Tập khởi* là nhóm họp nhiều yếu tố để khởi lên; nói "nguyên nhân" thì dễ hiểu hơn nhưng không lột hết được ý "duyên khởi" của Phật, là không có cái gì là "nguyên nhân đầu tiên", cũng không có một nhân duy nhất mà còn rất nhiều "duyên" hỗ trợ dẫn đến quả.

*Ái* được gọi là *nguồn gốc* của thức ăn, vì do ái trong đời trước mà có ra con người hiện tại tiếp tục lệ thuộc và tiêu



thụ bốn loại thức ăn nói trên. Có ba loại: dục ái (say mê khoái lạc giác quan), hữu ái (say mê khoái lạc cõi trời) và phi hữu ái (say mê hư vô tịch mịch).

Mười hai đoạn từ 4 - 15 là 12 chi duyên khởi theo chiều nghịch, bắt đầu từ già chết. Mười hai chi làm nên "cây nhân sinh" này theo *Thanh tịnh đạo*, giống như một dây leo có 12 đốt, muốn phá bỏ nó để chấm dứt sinh tử luân hồi, ta có thể nắm bất cứ một đốt nào để lôi tuốt lên cả gốc lẫn ngọn. Điều cần thiết là phải nắm thật vững chắc, tức là tuệ tri theo nguyên lý tứ diệu đế.

*Hữu* có ba, là dục, sắc và vô sắc - Hữu vừa chỉ cõi vừa chỉ hành nghiệp đưa chúng sinh sinh vào cõi ấy. *Cõi dục* là nơi tái sinh của chúng sinh nhiều ham muốn đối với khoái lạc giác quan. *Cõi sắc* là nơi chúng sinh tham cái đẹp, như cõi trời ở cõi dục, vì ham muốn ở đây thanh tao hơn. *Cõi vô sắc* là nơi chúng sinh say mê tư duy thiền định. Chúng sinh trong cả ba cõi đều bị trói buộc và không cố định, ví dụ từ vô sắc có thể đọa xuống cõi sắc hoặc cõi dục. Như tư tưởng vốn vô sắc nhưng ví dụ nghĩ đến đồ chua một lát thì miệng có thể ra nhiều nước bọt, thành "sắc" (sắc có nghĩa là vật chất thô và tế, do 4 đại tạo).

*Thủ* là sự nắm giữ, chấp chặt. Có 4: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã luận thủ. *Dục thủ* là chủ trương hưởng lạc; *ngã luận thủ* đồng nghĩa với "ngã kiến" hay một trong 20 quan niệm về bản ngã đề cập trong kinh số 44.

*Giới cấm thủ* là chủ trương phải tuân giữ một số nghi thức, khổ hạnh nào đó để thanh lọc tội lỗi. *Kiến thủ* là ôm giữ bất cứ một quan điểm nào ngoài hai "thủ" vừa kể.

*Ái* có sáu loại do có sáu đối tượng là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

*Thọ* (cảm nhận, chịu đựng) có sáu loại, phát sinh do sáu giác quan mắt tai mũi lưỡi thân ý tiếp xúc với đối tượng.

*Xúc* có sáu loại do có sáu giác quan: nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

*Sáu nhập* còn gọi là sáu căn hay sáu nội xứ, tức sáu giác quan mắt tai mũi lưỡi thân ý.

*Danh sắc*: "Danh" gồm 5 pháp là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý (t "tâm sở biến hành" trong Duy thức. Ví dụ một cái nhìn đơn thuần là đủ 5 yếu tố: trước hết là sự tiếp xúc của con mắt với đối tượng, kế đến là tác ý hay để ý, rồi tưởng hay hoạt động của trí nhớ để đặt tên, xếp loại... Kèm theo là cảm giác hay thọ là hoạt động của cảm xúc do thói quen. Cuối cùng tư là hoạt động của ý chí, khuynh hướng ưa, chán hoặc đứng đưng đối với đối tượng trước mắt). "Sắc" gồm tứ đại tạo nên thể xác: chất rắn như xương thuộc địa đại, chất lỏng thuộc thủy đại, hơi ấm thuộc hỏa đại, sự chuyển động hay gió trong cơ thể thuộc phong đại.

*Thức* có sáu loại: tức cái biết của mắt vv, gọi là *nhãn thức*, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức.

*Hành* ở đây là "khuynh hướng hành động" hay nghiệp, có ba: thân hành, khẩu hành, ý hành.

*Vô minh* là không tuệ tri về Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

*Lậu hoặc*: Có ba lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Trong lậu hoặc đã có sẵn vô minh. Vô minh sinh ra lậu hoặc rồi lậu hoặc lại sinh ra vô minh. Nên hiểu là, vô minh trong một đời nào cũng có cái nhân hay điều kiện là vô minh từ đời trước đấy. Bởi thế không thể chỉ rõ cái mối đầu của vô minh, và cũng không có mối đầu cho dòng sinh tử.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba ái*: dục ái, hữu ái, phi hữu ái [tham ngũ dục, tham cõi trời và tham hư vô].

*Ba hành*: thân, ngữ, ý hành.

*Ba lậu hoặc*

*Ba thiện căn*: vô tham, vô sân, vô si.

*Ba bất thiện căn*: tham, sân, si.

*Ba hữu*: dục, sắc, và vô sắc.

*Bốn tùy miên*: tham, sân, kiến, mạn.

*Bốn thức ăn*: Đoàn, xúc, tư niệm, thức.

*Bốn đại sở tạo sắc*.

*Bốn chân lý*

*Bốn thủ*: dục, giới cấm, kiến, ngã luận.

*Năm thủ uẩn*: sắc, thọ, tưởng, hành, thức bị chấp thủ là "tôi" và "của tôi".

*Năm biến hành tâm sở*: xúc, tác, ý, thọ, tưởng, tư.

*Sáu ái*: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ái.

*Sáu thọ*: thọ do nhãn xúc sinh, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh.

*Sáu xúc*: nhãn xúc... ý xúc.

*Sáu nhập*: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu cái cửa qua đó ngoại vật đi vào tâm thức.

*Sáu thức*: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thiệt, thân, ý thức.

*Tám thánh đạo* hay *Thánh đạo tám ngành*.

*Mười thiện nghiệp*: sự không làm mười bất thiện.

*Mười bất thiện nghiệp*: ba cửa thân là *sát, đạo, dâm*; 4 ngữ nghiệp là nói dối, hai lưỡi, thô tục và phù phiếm; 3 cửa ý là tham, sân và tà kiến.

Mười hai nhân duyên: từ vô minh đến già chết.

## V. KỆ TỤNG

### **A. Tuệ tri thiện bất thiện:**

1. Chánh tri kiến thành tựu

Khi vị thánh đệ tử

Tuệ tri thiện bất thiện

Cùng gốc rễ của chúng

2. Bất thiện gồm mười điều:

Sát sinh và trộm cắp

Tà hạnh trong các dục

Nói dối và đâm thọc

Ác khẩu và thù dật

Tham, sân cùng tà kiến.

Gốc rễ của bất thiện

Là tham sân và si.

3. Thiện là bỏ mười ác

Và gốc rễ của thiện

Là không tham, sân, si

Khi tuệ tri như vậy

Nhổ tận tham tùy miên

Và kiến, mạn tùy miên

Không còn chấp "Tôi là"

Vô minh diệt, minh sinh.

### **B. Tuệ tri thức ăn:**

1. Bốn loại thức ăn này:

Đoàn, xúc, tư niệm, thức

Khiến dòng sống tiếp tục

Để tái diễn khổ sầu.

2. Thức ăn này do "ái"  
Diệt ái, hết thức ăn  
Phương pháp đoạn diệt ái  
Là thánh đạo tám ngành.

3. Tuệ tri thức ăn này  
Theo nguyên lý Bốn diệu  
Đệ tử sạch tham ái  
Diệt khổ ngay hiện tại.

4. Nhổ tận tham tùy miên  
Và kiến, mạn tùy miên  
Không còn chấp "Tôi là"  
Vô minh diệt, minh sinh.

***C. Tuệ tri Khổ:***

Khổ là sinh, già chết  
Sâu bi khổ não ưu  
Kèm theo thân năm uẩn  
Nguồn gốc đống khổ này  
Là "ái" khiến tái sinh  
Tìm hỷ lạc cùng khắp:  
Dục, hữu và phi hữu.  
Muốn giải thoát khổ này  
Hãy từ bỏ khát ái  
Đoạn diệt không dư tàn.  
Phương pháp đoạn diệt khổ  
Là tám ngành thánh đạo.

***D. Tuệ tri Già chết***

Hoặc tuệ tri Già chết  
Theo nguyên lý Bốn diệu:

Nỗi đau ê ẩm này  
Không có nếu không sinh  
Muốn đoạn trừ Già chết  
Hãy đoạn trừ tái sinh  
Con đường đoạn tận Sinh  
Là tám ngành thánh đạo.

***E. Tuệ tri Sinh***

Hoặc tuệ tri về Sinh  
Cùng tập khởi, đoạn diệt.  
Sinh bắt nguồn từ Hữu  
[Khuyh hướng muốn có mặt]  
Muốn đoạn diệt Sinh  
Thì đừng ham có mặt  
Con đường đoạn diệt Sinh  
Là tám ngành thánh đạo.

***F. Tuệ tri Hữu***

Hoặc tuệ tri về Hữu  
Tập khởi cùng đoạn diệt.  
Có ba loại hữu này  
Dục, sắc và vô sắc  
Hữu là do chấp thủ  
Muốn có mặt ở đây  
Con đường đoạn diệt Hữu  
Là tám ngành thánh đạo.

***G. Tuệ tri Thủ***

Hoặc tuệ tri về Thủ  
Tập khởi cùng đoạn diệt.  
Có bốn chấp thủ này  
Dục thủ và kiến thủ

Giới thủ và ngã luận  
Nguồn gốc thủ là ái  
Diệt ái thì thủ diệt  
Con đường đoạn diệt Thủ  
Là tám ngành thánh đạo.

### ***H. Tuệ tri Ái***

Hoặc tuệ tri về Ái  
Tập khởi cùng đoạn diệt.  
Ái gồm có sáu loại  
Yêu sắc, thanh, hương, vị  
Xúc, và pháp vô hình.  
Nguồn gốc ái là thọ  
Dứt thọ thì ái diệt  
Con đường đoạn diệt Ái  
Là tám ngành thánh đạo.

### ***I. Tuệ tri Thọ***

Hoặc tuệ tri về Thọ  
Tập khởi cùng đoạn diệt  
Có sáu loại thọ này  
Do có sáu giác quan  
Nên nguồn gốc của Thọ  
Là căn, trần tiếp xúc  
Dứt xúc thì thọ diệt  
Con đường đoạn diệt Thọ  
Là tám ngành thánh đạo.

### ***J. Tuệ tri Xúc***

Hoặc tuệ tri về Xúc  
Tập khởi cùng đoạn diệt  
Có sáu loại xúc này

Do có sáu giác quan  
Nên nguồn gốc của Xúc  
Là mắt tai mũi lưỡi...  
Không giác quan, không xúc  
Con đường đoạn diệt Xúc  
Là tám ngành thánh đạo.

***K. Tuệ tri Sáu nhập:***

Hoặc tuệ tri Sáu nhập:  
Qua đó sáu đối tượng  
Đi vào trong tâm thức  
Còn gọi "sáu giác quan".  
Nguồn gốc của Sáu nhập  
Chính là danh và sắc:  
Diệt được cái nguồn gốc  
Thì sáu nhập không sinh.  
Con đường đoạn Sáu nhập  
Là tám ngành thánh đạo.

***L. Tuệ tri Danh sắc***

Hoặc tuệ tri Danh sắc  
Sắc là thân vật lý  
Phần tâm lý là danh  
Nguồn gốc nó là Thức  
Diệt được cái nguồn gốc  
Thì danh sắc không sinh.  
Con đường đoạn Danh sắc  
Là tám ngành thánh đạo.



***M. Tuệ tri Thức***

Hoặc tuệ tri về Thức  
Gồm s'au loại tất cả  
Cùng tập khởi, đoạn diệt  
Nguồn gốc nó là Hành  
Diệt được cái nguồn gốc  
Thì Thức sẽ không sinh  
Con đường đoạn diệt Thức  
Là tám ngành thánh đạo.

***N. Tuệ tri về Hành***

Hoặc tuệ tri về Hành  
Gồm ba: thân, ngữ, ý  
Cùng tập khởi, đoạn diệt  
Nguồn gốc là Vô minh  
Diệt được cái nguồn gốc  
Thì Hành sẽ không sinh  
Con đường đoạn diệt ấy  
Là tám ngành thánh đạo.

***O. Tuệ tri vô minh***

Hoặc tuệ tri Vô minh  
Cùng tập khởi, đoạn diệt  
Vô minh là không sáng  
Đối với bốn chân lý.  
Vô minh do Lậu hoặc  
Diệt được gốc của nó  
Thì vô minh cũng diệt  
Con đường đoạn Vô minh  
Là tám ngành thánh đạo.

***P. Tuệ tri Lậu hoặc***

Hoặc tuệ tri Lậu hoặc  
Gồm dục, hữu, vô minh  
Vô minh sinh ba hoặc  
Ba hoặc dưỡng vô minh.  
Dứt sạch được vô minh  
Thì không còn lậu hoặc.  
Con đường đoạn Lậu hoặc  
Là tám ngành thánh đạo.

***KẾT:***

Ai tuệ tri như vậy  
Là có chính tri kiến  
Có đức tin chân chính  
Thành tựu diệu pháp này.



## Kinh số 10

# Niệm xứ

### I. TOÁT YẾU

*Satipatthāna Sutta - The foundations of mindfulness.*

*This is one of the fullest and most important suttas by the Buddha dealing with meditation, with particular emphasis on the development of insight. The Buddha begins by declaring the four foundations of mindfulness to be the direct path for the realisation of Nibbāna, then gives detailed instructions on the four foundations: the contemplation of the body, feelings, mind and mind objects.*

**Nền tảng của chánh niệm.**

*Đây là một trong những kinh quan trọng và đầy đủ nhất mà Phật dạy về thiền, đặc biệt nhấn mạnh sự phát triển tuệ quán. Khởi đầu, Phật tuyên bố bốn niệm xứ là con đường thẳng tắt để thực chứng Niết-bàn. Sau đó Ngài chỉ dạy chi tiết về bốn niệm xứ là quán thân, cảm thọ, tâm và các pháp đối tượng của tâm.*

### II. TÓM TẮT

Phật dạy bốn niệm xứ là con đường độc nhất đưa chúng sinh đến thanh tịnh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chính trí, chứng ngộ Niết-bàn.

*Bốn niệm xứ là: quán thân trên thân, quán cảm thọ trên các thọ, quán tâm trên tâm, và quán pháp trên các pháp.*

1. *Quán thân*: bao gồm 14 bài tập là: niệm hơi thở; quán bốn uy nghi hay thân hành; chánh niệm tỉnh giác trong mọi hoàn cảnh; quán bất tịnh; quán bốn đại; và chín pháp quán tử thi ở nghĩa địa qua các giai đoạn tan rã.

2. *Quán thọ*: kể như một bài tập. Thọ là các cảm giác dễ chịu, khó chịu, trung tính về thân, tâm.

3. *Quán tâm*: một bài tập: Tuệ tri tâm có hay không tham, sân, si, tán loạn, quảng đại; thân nhiếp hay tán loạn; hữu hạn hay vô thượng; có định không định, có giải thoát không giải thoát.

4. *Quán pháp*: gồm năm phân đoạn: 1- Năm triền cái; 2- Năm uẩn; 3- Sáu nội xứ; 4- Bảy giác chi; 5- Bốn thánh đế.

Vậy kinh này giảng tất cả 21 bài tập thiền quán. Mỗi bài tập lại gồm hai phần, phần luyện tập căn bản được giải thoát trước, và phần bổ túc dạy làm thế nào hướng sự tu tập ấy đến việc đào sâu tuệ giác. Phần này không thay đổi trong cả 21 bài tập, đó là đoạn "... Vị ấy sống quán tính sinh khởi trên thân, quán tính diệt tận trên thân, ... an trú chánh niệm, hy vọng hướng đến chính trí ..., sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời."

Cuối cùng, Phật nêu lên kết quả việc quán Bốn niệm xứ để khuyến khích tu hành: đó là chứng quả A-la-hán hoặc Bất hoàn.

### III. CHÚ GIẢI

Sớ giải kinh Trung bộ nói *ekāyana magga* có nghĩa là "con đường độc đạo vì không có ngõ rẽ", là "con đường mà mỗi người phải tự bước đi không bầu bạn", là "con đường dẫn đến mục tiêu duy nhất, đó là Niết-bàn". Trong khi tu các thiền chứng và phạm trú có thể không đưa đến Niết-bàn vì những ngõ rẽ, thì bốn niệm xứ nhất định đưa đến Niết-bàn, mục đích tối hậu.

Sự lặp lại "*quán thân trên thân*" - *kāye kāyānupassī* - có mục đích xác định cho rõ ràng đối tượng quán là thân thể và chỉ thân thể mà thôi, không lẫn với những khái niệm khác như những cảm giác, ý nghĩ liên hệ đến thân ấy. Lại

nữa, chỉ nên quán thân thể như là thân thể chứ không kèm theo các khái niệm như đàn ông, đàn bà, ngã, hay chúng sinh. Với thọ, tâm, pháp cũng thế. Ví dụ "tê" hoặc "ngừa" khi ngồi thiền là một cảm thọ, dễ kéo theo các cảm thọ khác như bực bội, v.v. hoặc kéo theo "hành" như suy nghĩ lung tung; nên cần phải dừng lại trên cảm thọ ấy mà thôi, gọi là "quán thọ trên thọ".

Đại hành (*exalted mind*), và vô thượng (*unsurpassed mind*), được giải thích là tâm ở trong các cõi thiền và định chứng vô sắc. Tâm không đại hành và "hữu thượng" là tâm ở cõi dục. Tâm "giải thoát" là tâm tạm lắng dịu phiền não nhờ tuệ quán hoặc nhờ chứng các thiền. Vì sự tu tập Niệm xứ là giai đoạn chuẩn bị để đạt đến các đạo lộ giải thoát thuộc siêu thế, nên không thể hiểu "tâm giải thoát" nói trong bài tập này đã là giải thoát thuộc siêu thế.

Trong phần quán *bảy giác chi*, quán "trạch pháp giác chi" dhammavicaya, nghĩa là dùng chánh niệm để thăm dò hiện tượng tâm vật lý đang diễn ra trong tâm hành giả.

#### IV. PHÁP SỐ

Một con đường duy nhất, *ekāyana magga*, là tứ niệm xứ quán.

*Bốn đại*

*Bốn niệm xứ: thân, thọ, tâm, pháp.*

*Bốn sự thật*

*Bốn uy nghi: đi, đứng, nằm, ngồi.*

*Năm triền cái*

*Năm thủ uẩn*

*Sáu nội ngoại xứ*

*Bảy giác chi*

*Mười giai đoạn tứ thi*

*Ba mươi một uế vật:* Tóc, lông, móng, răng, da; Thịt, gân, xương, thận, tủy; Tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi; Ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật; Đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ; Nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước khớp xương; Nước tiểu.

## V. KỆ TỤNG

Có con đường độc nhất  
- Bốn cơ sở tướng niệm  
Khiến chúng sinh thanh tịnh  
Diệt sâu não khổ ưu  
Thành tựu được chính trí  
Và chúng ngộ Niết-bàn.  
Một, quán thân như thân  
Hai, thọ như cảm thọ  
Ba, quán tâm như tâm  
Bốn, quán pháp như pháp.

### A. Quán thân:

Quán thân mười bốn mục  
Thực hành vào mọi lúc  
Một, niệm hơi ra vào  
Dài ngắn đều ý thức  
Hai, quán bốn uy nghi  
Lúc nằm ngồi đứng đi  
Ba, rõ biết thân hành  
Khi duỗi, co cúi, ngược.  
Bốn, quán thân bất tịnh  
Tóc lông móng răng da.  
Năm, thân gồm bốn đại  
Chẳng có gì là "ta".

Và đây chín giai đoạn  
Khi thân đã ra ma.  
Một là thầy trương phình  
Còn đâu vẻ đẹp xinh?  
Hai, côn trùng đục khoét  
Không còn ra dáng hình  
Ba, bộ xương dính thịt  
Với bốn đường liên kết  
Bốn, còn máu và gân  
Sâu kiến lại tranh phần  
Năm là xương hết máu  
Nhưng còn dính liền gân  
Sáu, bộ xương rời rã  
Rải rác khắp mộ phần  
Bảy, xương màu vỏ ốc  
Theo gió bụi thời gian  
Tám, một đống xương tàn  
Trên đường về cát bụi  
Tung bay giữa không gian  
Đây là giai đoạn cuối.

Quán sát thân thể này  
Bản chất là như vậy  
Sinh ra rồi già chết  
Không thể nào khác hơn  
Tỳ kheo sống chánh niệm  
Gột rửa hết tham ưu  
Không nương tựa chấp trước  
Bất cứ gì trên đời.

### **B. Quán thọ:**

Kế đến, quán cảm thọ  
Là cảm giác thân, tâm  
Gồm ba loại: Khổ, vui,  
Và không vui không khổ.

Tuệ tri từng cảm thọ  
Là nghe ngóng theo dõi  
Sinh, trú diệt của nó  
Chánh niệm, gột tham ưu.

### **C. Quán tâm:**

Có tham, tuệ tri "tham"  
Không tham, biết "không tham"  
Vớ sân, si, cũng vậy;  
Thâu nhiếp hay tán loạn;  
Quảng đại, không quảng đại;  
Hữu hạn hay vô thượng;  
Có định hay không định;  
Giải thoát, không giải thoát.

Tuệ tri các tâm ấy  
Khi sinh khởi, diệt tận,  
Tỳ kheo sống chánh niệm  
Để gột rửa tham ưu.

### **D. Quán pháp:**

Quán pháp gồm năm mục  
Một, quán năm triền cái  
Tham, sân và ngã gục  
Trạo cử và hoài nghi.



Hai, quán năm thủ uẩn  
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức  
Sinh khởi và đoạn diệt  
Mỗi thứ cần biết rõ.

Ba, quán sáu giác quan  
Cùng với sáu đối tượng:  
Tuệ tri kết sử sinh  
Do trong ngoài tiếp xúc;  
Tuệ tri kết sử diệt  
Tương lai sẽ không sinh.

Bốn, quán bảy giác chi:  
Trước hết "Niệm" tuệ tri  
Chưa sinh, cần sinh khởi  
Đã sinh, hãy viên thành.  
Trạch pháp, hỷ, tinh tấn  
Khinh an, định và xả  
Sáu giác chi còn lại  
Cùng quán sát như trên.

Năm, quán thánh đế  
Tuệ tri "Đây là khổ"  
"Đây là nguồn gốc khổ"  
"Đây là sự diệt khổ"  
"Đây là đường diệt khổ"

Tuệ tri các pháp ấy  
Khi sinh khởi, diệt tận,  
Tỳ kheo sống chánh niệm  
Để gột rửa tham ưu.



## Kinh số 11

# Tiểu kinh Sư tử吼

### I. TOÁT YẾU

*Cūlasihanāda Sutta - The shorter discourse on the Lion's roar.*

*The Buddha declares that only in his Dispensation can the four grades of noble individuals be found, explaining how his teaching can be distinguished from other creeds through its unique rejection of all doctrines of self.*

*Bài kinh ngắn nói về tiếng rống sư tử.*

*Phật tuyên bố, chỉ trong Giáo pháp Ngài mới có thể tìm thấy bốn cấp bậc thánh chúng, và giải thích giáo lý Ngài khác với các tôn giáo khác ở chỗ độc đáo phủ nhận tất cả kiến chấp về bản ngã như thế nào.*

### II. TÓM TẮT

Phật bày cho các đệ tử đối đáp với ngoại đạo khi bị chất vấn lý do lời tuyên bố "chỉ có trong đạo Phật mới có bốn thánh quả sa môn, tức bốn đôi tám vị". Trả lời: "Vì chúng tôi có bốn pháp là: tin đấng Đạo sư, tin Pháp, viên mãn Giới luật và có những pháp hữu tại gia xuất gia mà chúng tôi thương mến."

Nếu ngoại đạo vặn lại, tôn giáo nào cũng có bốn pháp ấy, đạo Phật có gì khác? Nên hỏi lại họ: - "Cứu cánh là một hay nhiều?" Nếu trả lời chân chính, họ phải nói chỉ có một.

- "Cứu cánh ấy dành cho người có tham hay không tham?" Họ cũng phải đáp là cho người vô tham.

Hỏi tiếp như trên về sân, si, ái, chấp thủ, vô trí, có phản ứng thuận nghịch, ưa hý luận, thì họ đều buộc phải trả lời chân chính rằng "cứu cánh ấy là cho người không tham, không sân, không si, không ái nhiễm, không chấp thủ, có trí, không có phản ứng thuận nghịch, không ưa hý luận."

Có hai loại tri kiến hay quan điểm: hữu kiến và phi hữu kiến. Người cố chấp hữu kiến thì bị chướng ngại bởi phi hữu kiến, và ngược lại. Người nào không như thật tuệ tri sự tập khởi và đoạn diệt của hai loại kiến ấy, vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly khỏi chúng, chính là người có tham, sân, si, ái, chấp thủ, vô trí, có phản ứng thuận nghịch, ưa hý luận, do vậy không thoát khỏi sinh, già chết, khổ đau. Ai như thật tuệ tri những điều trên, là người không còn tham sân si ái, không chấp thủ, có trí, hết phản ứng thuận nghịch, hết ưa hý luận. Người ấy giải thoát khỏi sinh, già, chết, khổ sầu.

Có bốn chấp thủ là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Có những sa môn bà-la-môn tự xưng liễu tri tất cả thủ, song chỉ hiển thị hoặc một thủ, hoặc hai hoặc ba thủ, *trừ ngã luận thủ*; nên tri kiến họ còn thiếu sót. Trong giáo pháp thiếu sót như vậy, dù có lòng tin bậc đạo sư, tin giáo pháp, thành tựu các giới luật, thương mến các bạn đạo, lòng tin ấy, sự thành tựu ấy, lòng thương mến ấy được xem là không hoàn toàn. Vì giáo pháp ấy không được khéo thuyết giảng, không hướng thượng, không đưa đến tịch tịnh Niết-bàn. Ngược lại, khi Phật tự xưng liễu tri tất cả thủ, Ngài chân chính hiển thị sự liễu tri dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Trong một giáo pháp như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo sư, với Pháp và Tăng, thành tựu viên mãn Giới, thương mến bạn đạo, thì sự tịnh tín ấy, sự thành tựu và thương mến

ấy được xem là hoàn toàn. Vì giáo pháp ấy dẫn đến tịch tịnh Niết-bàn, được bậc Chánh Đẳng giác hiển thị.

Kế đến Phật phân tích nguồn gốc phát sinh 4 loại chấp thủ theo 12 chi duyên khởi, bắt nguồn từ vô minh. Tỳ kheo đã đoạn trừ vô minh thì không chấp thủ, nhờ không chấp thủ nên không tháo động, tự thân chứng Niết-bàn.

### III. CHÚ GIẢI

*Phản ứng thuận nghịch*: Thuận là bị tham chi phối; nghịch là bị sân chi phối. *Hý luận* là tâm hành còn bị điều động bởi ái và kiến.

*Hữu kiến, bhavaditthi* là thường luận, hay "chấp thường", tin bản ngã là trường cửu. *Phi hữu kiến, vibhavaditthi* là đoạn diệt luận hay "chấp đoạn" nghĩa là cho con người chết rồi là hết, không có tái sinh để chịu quả báo các hành vi thiện ác. Sự cố chấp hữu kiến kéo theo sự phản đối phi hữu kiến, điều này liên quan đến câu nói ở trước "cứu cánh (Niết-bàn) là dành cho người nào không có phản ứng thuận nghịch."

*Về "sự tập khởi" - samudaya - của hai loại kiến chấp*, Sớ giải kể ra tám yếu tố làm nhân duyên: năm uẩn, vô minh, xúc, tưởng, tư, phi như lý tác ý, bạn xấu, và tiếng nói của một người khác. Sự biến mất hai loại ấy - attangama - là Dự lưu đạo, ở đấy tất cả quan điểm đều bị nhổ bật gốc. Vị ngọt của chúng - assada - là sự thỏa mãn nhu cầu tâm lý mà chúng đem lại; nguy hiểm - àdinava - sự trói buộc liên tục mà chúng gây ra; sự xuất ly khỏi chúng là Niết-bàn.

*Trong bốn thủ*, dục thủ - bao gồm tất cả ham muốn vi tế nhất - chỉ đoạn tận ở A-la-hán đạo; ba thủ còn lại ở Dự lưu đạo đã trừ được. "Tuệ tri" đây có nghĩa là vượt qua, thắng lướt được nhờ hiểu rõ. Đoạn này cho thấy yếu tố cao điểm phân biệt lời Phật dạy khác với tất cả tôn giáo

triết học khác, đó là Phật "liễu tri sự chấp thủ vào chủ trương có ngã" hay ngã luận thủ. Điều này cũng có nghĩa, duy chỉ Phật mới có thể chỉ dạy cách vượt qua tất cả kiến chấp về ngã, bằng cách thâm nhập chân lý vô ngã. Các bậc thầy khác thiếu tuệ tri này về vô ngã, cho nên lời tuyên bố của họ tự cho đã liễu tri ba thủ kia cũng khả nghi.

#### IV. PHÁP SỐ

*Hai loại tri kiến: Hữu kiến, phi hữu kiến.*

*Ba điều cần biết về các pháp: Vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly.*

*Bốn quả sa môn*

*Bốn pháp quyết định: tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, và tin Giới.*

*Bốn thủ*

*Mười hai nhân duyên.*

#### V. KỆ TỤNG

Chỉ trong giáo pháp này  
Có bốn quả sa môn  
Dự lưu và Nhất lai  
Bất hoàn, A-la-hán.  
Vi đức tin đặt đúng  
Vào bốn chỗ đáng tin:  
Phật, Pháp, Tăng và Giới  
Được lợi lạc vô biên.

Có hai loại tri kiến  
Chấp hữu và chấp vô  
Cả hai đều chướng ngại  
Không thoát khỏi sầu ưu.  
Ai tuệ tri vị ngọt

Nguy hiểm và xuất ly  
Của hai loại kiến chấp  
Liên giải thoát khổ sầu.

Có bốn sự vương mắc  
Hoặc vương vào sắc dục  
Hoặc vương vào quan điểm  
Hoặc vương vào lễ tục  
Hoặc vương các ngã luận  
- lý thuyết chấp có "tôi" -  
Riêng ngã luận thủ này  
Chỉ Như Lai từ bỏ.

Các ngoại đạo sư khác  
Thuyết giảng ba thủ kia  
Trừ ngã luận thủ này  
Họ chưa từng đề cập.

Ba thủ họ "tuệ tri"  
Kể cũng thực khả nghi:  
Giáo pháp ấy bất toàn  
Vì còn có chấp ngã.

Trong pháp luật bất toàn  
Dù có tin đạo sư  
Tin pháp đạo sư dạy,  
Dù có viên mãn giới  
Thương yêu đồng đạo mình  
Thì lòng tin kính ấy  
Chỉ luống công nhọc xác  
Vì đức tin sai chỗ.

Bậc đạo sư tối thượng  
Lìa tất cả kiến chấp  
Tuệ tri cả bốn thú  
Theo nguyên lý duyên sinh  
Từ Ái, có chấp Thủ  
Đưa đến Hữu và Sinh  
Già chết sâu bi khổ  
Nguồn gốc từ Vô minh.

Trong giáo pháp toàn hảo  
Ai có được niềm tin  
Đức tin ấy toàn vẹn  
Vi Đạo sư toàn giác  
Vi Pháp được khéo giảng  
Giới luật đáng viên mãn  
Và có các bạn lành  
Bốn pháp ấy toàn hảo.



## Kinh số 12

# Đại kinh Sư tử吼

### I. TOÁT YẾU

*Mahāsīhanāda Sutta - The greater discourse on the lion's roar.*

*The Buddha expounds the ten powers of a Tathāgata, his four kinds of intrepidity, and other superior qualities which entitle Him to "roar his lion's roar in the assemblies".*

**Bài kinh dài nói về tiếng rống sư tử.**

*Phật giảng về Mười lực của một đức Như Lai, Bốn vô úy và những đức thù thắng khác; nhờ đó Ngài đủ tư cách "rống tiếng rống sư tử" trong các hội chúng.*

### II. TÓM TẮT

Tôn giả Xá-lợi-phất đi khát thực, về bạch lại với Phật lời rêu rao của Sunakkhatta vừa mới bỏ tu: "Sa môn Gotama không có tri kiến thù thắng, thuyết pháp do mình tạo ra sau khi suy luận, trắc nghiệm. Pháp ấy nhắm đến một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hưởng thượng, có thể dẫn người thực hành đến chỗ đoạn tận khổ đau." Phật mỉm cười dạy: "Kẻ ngu ấy vì phần nộ muốn chỉ trích mà lại hóa ra ca tụng Như Lai." Phần còn lại của Kinh này cho thấy sự chỉ trích của Sunakkhatta là sai lạc. Những ai có lòng tin tuyệt đối sẽ thấy ngược lại, Phật là đáng có mười lực, bốn vô úy và nhiều năng lực khác.

**A. Tùy pháp về Như Lai:**

1. Phật đủ *mười hiệu* là Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác, vân vân.



2. Ngài đã chứng các *thần thông* như biến hóa, thiên nhĩ thông, tha tâm thông...

3. Nhờ đã thành tựu mười lục và bốn vô úy, mà Như Lai tự nhận địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống sư tử giữa các hội chúng và chuyển bánh xe Pháp.

**B. Những pháp Ngài đã tuệ tri:** như bốn sinh, năm thú và con đường đưa đến đấy; Niết-bàn và đường đưa đến Niết-bàn.

**C. Phạt kể lại những khổ hạnh Ngài đã tu tập:** như hành hạ thân xác, hạnh bồn uest, hạnh yếm ly, hạnh độc cư; trong cả 4 hạnh ấy không ai sánh được với Ngài, nhưng cuối cùng Ngài từ bỏ vì chúng không đưa đến chứng đắc trí tuệ.

**D. Cuối cùng, Ngài bác bỏ những chủ trương sai lầm của ngoại đạo:** như chủ trương chúng sinh đạt thanh tịnh nhờ luân hồi, nhờ tái sinh, nhờ an trú (trong một loại tái sinh nào đó), nhờ tế tự, nhờ thờ lửa. Phật cho biết không có cõi luân hồi nào ở đấy Ngài đã không trải qua một thời gian khá dài, không có cõi nào Ngài chưa từng tái sinh, an trú, chỉ trừ cõi trời Tịnh cư. Nếu Ngài tái sinh vào cõi Tịnh cư thì Ngài đã không trở lại thế gian này. Ngài cũng đã làm tất cả những việc tế tự, thờ lửa trong một thời gian dài lúc còn làm vua dòng Sát đế lợi, hay làm Bà-la-môn giàu có [nhưng không ích lợi gì].

Ngoại đạo cho rằng khi còn trẻ tuổi, người ta có trí tuệ, biện tài, nhưng về già thì lú lẫn. Ở trong giáo pháp của Phật thì không thế, Ngài có bốn đệ tử đã trên trăm tuổi mà vẫn đầy đủ trí tuệ biện tài. Và bản thân Ngài cũng thế, dù tuổi đã tám mươi, Ngài vẫn thừa sức giảng dạy cho những vị trí tuệ biện tài bậc nhất, và trí tuệ Ngài không sút giảm dù có phải bị gánh trên giường đi chỗ này chỗ kia (khi đã

quá già yếu). Ai nói về đức Như Lai một cách chân chính sẽ nói rằng: "Ngài là vị hữu tình không còn si ám, sinh ra đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sinh, vì an lạc cho chư thiên và loài người." Một điểm lý thú là kết luận kinh này. Tôn giả Nagasamala lúc ấy đang đứng sau lưng Phật mà quạt cho Ngài. Sau khi nghe Phật kể về thời gian tu khổ hạnh, về những gì Phật đã thành tựu, tôn giả cả cảm khái đến rón ốc, và bạch Phật: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Sau khi nghe kinh này, lông tóc con dựng ngược. Bạch Thế Tôn, kinh này tên gì?" Phật dạy, "Thế thì hãy gọi là kinh Lông tóc dựng ngược."

### III. CHÚ GIẢI

*Sunakkhata*, Phật giảng dạy vị này trong Kinh Sunakkhata, Trung bộ kinh 105, có lẽ trước khi ông gia nhập tăng đoàn. Việc thối thất của ông được nói trong Kinh Pàtika thuộc trường bộ 24. Ông bất mãn bỏ về vì Phật không biểu diễn thần thông cho ông xem, cũng không giải đáp cho ông về khởi nguyên các pháp. Cốt lõi lời chỉ trích của Sunakkhata là Phật đắc đạo nhờ tư duy chứ không phải nhờ trí tuệ siêu việt; và theo ông ta, mục đích diệt tận đau khổ không bằng có được các loại thần thông.

*Tap nhiêm, sankilesa* - là dự phần vào thối giảm, "thanh tịnh" *vodàna*, là dự phần vào tăng tiến; "xuất khởi" - *vutthàna* - vừa có nghĩa tịnh hóa vừa có nghĩa ra khỏi một thiện chứng.

*Mười danh hiệu Phật*: Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiên thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

*Mười lực* là:

1. Trí biết thị xứ phi xứ [do thấy rõ tương quan nhân quả, nên biết được cái gì có thể xảy đến, không thể xảy đến.]

2. Trí biết nghiệp báo trong cả ba thời quá, hiện, vị lai.

3. Biết con đường đưa đến các cảnh giới.

4. Biết tất cả yếu tố tạo thành thế gian [nói rõ trong kinh Trung bộ 115.]

5. Biết chí hướng sai biệt của các loại hữu tình; biết các hạng chúng sinh thượng, trung, hạ, chúng thu hút lẫn nhau do luật đồng thanh đồng khí.

6. Biết căn mạnh hay yếu nơi chúng sinh - tức 5 căn tín tấn niệm định tuệ.

7. Tuệ tri sự tạp nhiễm, thanh tịnh, sự xuất khởi các thiên chúng về thiên, giải thoát, định.

8. Trí biết tất cả kiếp trước của bản thân gọi là túc mạng trí.

9. Trí biết sự sống chết của chúng sinh tùy theo nghiệp hay sinh tử trí.

10. Lậu tận trí, sạch hết tất cả nhiễm ô.

[Hán văn: 1. Tri thị xứ phi xứ lục; 2. Tri tam thế nghiệp báo lục; 3. Tri nhất thiết đạo trí lục; 4. Tri thế gian chủng chủng tính lục; 5. Tri tha chúng sinh chủng chủng dục lục; 6. Tri tha chúng sinh chư căn thượng hạ lục; 7. Tri chư thiên tam muội lục; 8. Túc mạng trí; 9. Sinh tử trí; 10. Lậu tận trí.]

*Bốn vô úy:*

1. Phật không lo sợ bất cứ ai trên đời chỉ trích Ngài chưa chứng mà mạo nhận.

2. Không sợ ai chỉ trích Ngài chưa đoạn trừ lậu hoặc mà tự cho đã đoạn trừ.

3. Những gì Ngài dạy chúng ngại đạo chắc chắn là chúng ngại, không sợ ai nói ngược lại.

4. Pháp Ngài dạy chắc chắn dẫn đến đoạn tận đau khổ, không ai có thể bảo là không.

*Nagasamala* là thị giả Phật trong 20 năm đầu sau khi Ngài ra giáo hoá.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*Bốn khổ hạnh*: khổ hạnh, bần uế, viễn ly, độc cư.

*Bốn vô úy*

*Bốn sinh*: noãn, thai, thấp, hóa.

*Năm thú*: năm chỗ mà sự tái sinh hướng đến, là trời (gồm a tu la), người, địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh.

*Sáu thông*

*Tám giải thoát* được kể trong các kinh Trung bộ 77 và 137.

*Tám hội chúng*: Sát lợi, bà-la-môn, gia chủ, sa môn, tứ thiên vương, ma vương và phạm thiên, tam thập tam thiên.

*Chín định* là 4 thiền, 4 không và diệt thọ tưởng.

*Mười danh hiệu Phật*

*Mười lực*

*Mười hai nhân duyên*

#### **V. KỆ TỤNG**

**A. Nguyên nhân thuyết kinh này**

Một người từ bỏ Pháp

Tên Su-na-khat-ta

Rêu rao: "Gô-ta-ma

Không có thượng nhân pháp

Ngài chỉ có giảng dạy

Một con đường diệt khổ  
Chính Ngài đã tỏ ngộ  
Khiến tận diệt khổ đau."  
Xá-lợi-phất thuật lại  
Phật nghe, chỉ mỉm cười:  
"Kẻ ngu muốn chê bai  
Trở thành khen Như Lai."

### ***B. Mười lực Phật***

Đối với kẻ ngu si  
Sẽ không có tùy pháp:  
"Ngài là đức Như Lai  
Đây đủ mười tôn hiệu:

Là bậc A-la-hán  
Là đấng Chánh đẳng giác  
Là đấng Minh hạnh túc  
Thiện thế, Thế gian giải  
Là đấng Vô thượng sĩ  
Đấng Điều ngự trượng phu  
Đấng Thiên nhân sư, Phật  
Thế Tôn, quý nhất đời.  
Đối với kẻ ngu si  
Sẽ không có tùy pháp  
Về mười Như Lai lực  
Phật như thật chứng tri:  
Ngài có thân túc thông  
Biến hình nhiều thể loại  
Ngài đắc thiên nhĩ thông  
Nghe đủ tiếng các loài.  
Ngài có tha tâm thông  
Tự tâm biết tâm khác

Đi sâu vào tâm niệm  
Của vô số sinh loài  
Vớ mười Như Lai lực  
Phật rống tiếng Sư tử  
Chuyển xe Pháp thanh tịnh  
Thành địa vị Ngưu vương.  
"Thị xứ phi xứ lực"  
Việc có, không xảy ra  
Phật đều biết tỏ tường  
Nhờ liễu tri nhân quả.  
"Biết nghiệp báo ba đời"  
"đường đến các cảnh giới"  
"Các căn tính chúng sinh"  
Cùng "khuynh hướng mọi loài."  
"Biết căn tu mạnh, yếu"  
- tinh tấn niệm định tuệ -  
"Biết các thiên, giải thoát"  
- chư thiên tam muội lực.  
Ngài đắc "túc mệnh trí"  
biết các đời trước mình  
Và đắc "sinh tử trí"  
Biết sống chết chúng sinh  
Cuối cùng "lậu tận trí"  
Là trí sạch ô nhiễm  
Như Lai đã thân chứng  
Thành Vô thượng bồ đề.  
Ngài rống tiếng sư tử  
Chuyển xe Pháp thanh tịnh  
Ở giữa tám hội chúng:  
Sát lợi, Bà-la-môn  
Gia chủ và sa môn  
Hội chúng Tứ thiên vương

Ma vương và Phạm thiên  
Cùng Tam thập tam thiên.  
Giữa tám hội chúng ấy  
Ngài thuyết pháp vô ngại  
Nhờ đức mười tự tại  
Và bốn Không sợ hãi:

**C. Bốn vô úy**

Không sợ ai chỉ trích  
"Chưa chúng nói đã chúng"  
Vi Như Lai hoàn toàn  
Thâm nhập pháp sở chúng.  
Không sợ ai chỉ trích  
"Chưa đoạn nói đã đoạn"  
Vi Như Lai thực sự  
Đã trừ sạch nhiễm ô.  
Không sợ ai bác bỏ  
"Chướng đạo, chướng gì đâu?"  
Vi Như Lai biết rõ  
Có dục, không giải thoát.  
Không sợ ai phản bác  
"Pháp Ngài không giải thoát"  
Vi Pháp Như Lai dạy  
Thực tận diệt khổ đau.

**D. Bốn sinh, Năm thú**

"Trứng sinh" và "thai sinh",  
"Thấp sinh" và "hóa sinh"  
- Hóa sinh ở nhiều cõi -  
Ấy là bốn sinh loài.  
Năm cõi là địa ngục,  
Bàng sinh và ngạ quỷ

Loài người và chư thiên,  
Đây năm cõi tái sinh.  
Như Lai biết thấy rõ  
Cõi nào đời nghiệp nào  
Ngài cũng tuệ tri được  
Niết-bàn và hành lộ.

*E. Bốn khổ hạnh: khổ, bần uế, độc cư, yếm ly*

Không một khổ hạnh nào  
Phật không từng tu tập  
Như ngoại đạo đang hành  
Và vượt xa hơn chúng.  
Không hạnh ở dơ nào  
Phật chưa từng sống qua  
Như ngoại đạo đang sống  
Ngài vượt họ rất xa.  
Ngài đã từng độc cư  
Nơi tuyệt dấu người ta  
Sống yếm ly, tỉnh giác  
Trái tâm từ lan xa.  
Ở trong bãi tha ma  
Đêm nằm gối xương ngủ  
Mục đồng đến khạc nhổ  
Trú xả, không kêu ca.  
Vì Ngài ăn quá ít  
Thân chỉ còn xương, da  
Dù khổ hạnh tối đa  
Không chứng thượng nhân pháp.  
Bởi thế, đây toàn là  
Sai lầm của ngoại đạo  
Mà Phật đã trải qua  
Các đời kiếp lâu xa:



Tái sinh vô số lần,  
Tế tự và thờ lửa  
Tái sinh cõi này kia  
Với hy vọng giải thoát.  
Phật chứng lý Trung đạo  
Từ bỏ các cực đoan  
Hưởng lạc và ép xác  
Trường tồn và đoạn diệt  
Đạt hoàn toàn giải thoát  
Và trí tuệ biện tài  
Không tranh chấp cùng ai  
Vi không còn thủ trước.  
"Không bị si chi phối  
Ngài đã sinh ra đời  
Vi hạnh phúc an lạc  
Cho tất cả muôn loài  
Vi lòng thương tưởng đời  
Cả chư thiên, loài người."  
Một hữu tình như vậy  
Chính là đức Như Lai.



## Kinh số 13

# Đại kinh Khổ uẩn

### I. TOÁT YẾU

*Mahādukkhakkhanda Sutta - The greater discourse on the mass of suffering.*

*The Buddha explains the full understanding of sensual pleasures, material form, and feelings; there is a long section on the dangers in sensual pleasures.*

**Bản kinh dài nói về đồng khổ.**

*Phật giải thích sự liễu tri các khoái lạc giác quan, liễu tri sắc và thọ; có một đoạn rất dài nói về những nguy hiểm của dục lạc.*

### II. TÓM TẮT

Các tỳ kheo đến thăm các du sĩ ngoại đạo và bị chất vấn có gì khác nhau giữa thuyết của Phật với ngoại đạo về ba vấn đề dục, sắc pháp và cảm thọ, vì họ cũng như Phật, hiểu biết hoàn toàn về ba pháp ấy. Tỳ kheo trở về bạch Phật, Phật giảng về sự liễu tri ba pháp ấy trong giáo lý Ngài, ấy là cần phải liễu tri ba điều: vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly khỏi chúng.

#### A. Trước hết về dục

Vị ngọt là năm pháp tăng trưởng dục: các sắc, thanh, hương, vị, xúc khả ái do năm giác quan tiếp nhận. Nguy hiểm là:

1. Vì theo đuổi năm thứ ấy mà phải vất vả làm lụng đủ thứ nghề nghiệp.

2. Sự đau khổ thất vọng ê chề nếu sau bao nhiêu nỗ lực theo đuổi mà vẫn không có được điều mình muốn.

3. Sự mất công gìn giữ, lo sợ mất mát khi đã có được.
4. Nỗi đau khổ ghê gớm khi tài sản đã có bị mất trộm, bị tịch thu, bị trôi, bị cháy, bị con hư phá tán.
5. Vì các dục, mà chiến tranh xảy ra khắp nơi giữa người với người; ngay cả trong gia đình, vợ chồng con cái cũng tranh chấp nhau, đưa đến tử vong hoặc đau khổ gần chết.
6. Do dục mà con người trở nên hung bạo tán tận lương tâm, đánh nhau chết bỏ.
7. Do dục mà có cướp bóc giết hại, và có những hình phạt ghê gớm dành cho tội nhân.
8. Do dục mà con người làm các ác hành về thân, ngữ, ý, chết đọa vào các cõi dữ. Đây là những nguy hiểm của dục. Sự xuất ly là điều phục lòng tham đối với sắc thanh hương vị xúc, cho đến đoạn tận tham dục.

***B. Về sắc, ở đây là nữ sắc.***

Vị ngọt là vẻ đẹp nơi thiếu nữ, gợi lên cảm giác hỷ lạc nơi người nhìn. Nguy hiểm là vẻ già xấu, bệnh hoạn nằm một chỗ, đấm mình trong phân tiểu của chính mình khi cô ấy đến tuổi thành bà ngoại. Nguy hiểm nữa là vẻ ghê tởm của xác chết khi bị quăng bỏ nơi nghĩa địa, cho đến khi chỉ còn là những đốt xương rời rạc, tan thành tro bụi. Đó là nguy hiểm của sắc. Sự xuất ly khỏi sắc là điều phục dục tham đối với sắc, cho đến đoạn trừ tham dục.

***C. Về cảm thọ.***

Phật đưa ra hỷ lạc thiên định, để hiển thị ngay cả lạc thọ vô hại ấy cũng còn có nguy hiểm, huống hồ các lạc thọ khác. Vị ngọt là hỷ lạc do ly dục ở sơ thiên, hỷ lạc do định ở nhị thiên, lạc ở tam thiên, xả niệm thanh tịnh ở tứ thiên. Đây là vị ngọt tối thượng của cảm thọ, vì nó vô hại. Nguy hiểm của cảm thọ này là nó cũng vô thường, biến hoại, nên

là khổ. Sự xuất ly các cảm thọ là điều phục dục tham đối với các cảm thọ, đoạn trừ dục tham.

Người nào như thật tuệ tri được vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của các dục, sắc, và thọ, thì mới có khả năng giúp người khác như thật tuệ tri các pháp ấy.

### III. CHÚ GIẢI

*Liểu tri - parinnā* đây có nghĩa là vượt qua, *samatikhama* hay từ bỏ, *pahāna*. Du sĩ ngoại đạo cho chứng sơ thiên là liễu tri dục, chứng các vô sắc là liễu tri sắc, chứng thiên vô tướng là liễu tri thọ. Trái lại, Phật dạy ở Bất hoàn đạo mới liễu tri các dục, ở A-la-hán đạo mới liễu tri sắc và thọ.

### IV. PHÁP SỐ

*Ba pháp*: vị ngọt, nguy hiểm, sự xuất ly.

*Năm dục trường dưỡng*: sắc, thanh, hương, vị, xúc.

### V. KỆ TỤNG

#### A. *Liểu tri dục*

Trong giáo pháp Như Lai  
Liên hệ dục, sắc, thọ  
Liểu tri cũng đồng nghĩa  
"Đoạn tận" và "từ bỏ"  
Trước hết, liễu tri "dục"  
Cần biết rõ ba điều  
Vị ngọt và nguy hiểm  
Cùng xuất ly khỏi dục.  
Đây vị ngọt của dục:  
Các sắc đẹp, tiếng hay,  
Mùi thơm và vị ngon  
Cùng xúc giác êm dịu.  
Tất cả những thứ gì  
Năm giác quan nhận thức

Đem lại sự mê ly  
Là vị ngọt của dục.  
Nguy hiểm của năm dục  
Thực khó nói cho cùng  
Đây chỉ kể sơ lược  
Những nguy khổ nói chung  
Nào mất công theo đuổi  
Chịu bao nỗi nhọc nhằn  
Làm đủ thứ nghề nghiệp  
Vừa lao lực, lao tâm.  
Nếu nỗ lực tinh cần  
Mà vẫn không có được  
Tài sản mình mong ước  
Họ dấm ngực khóc than.  
Khi được của vào tay  
Họ lo lắng đêm ngày  
Lo tịch thu, trộm cướp,  
Trôi, cháy, con ăn xài.

Của chưa mất đã khổ  
Sợ vạ gió tai bay  
Khi mất thực càng khổ  
Kêu "Trời, tôi trắng tay."  
Lại dục là nguyên do  
Có xung đột, đôi co  
Đánh nhau đến trí mạng  
Người thân hóa kẻ thù.  
Dục thú đẩy sát sinh  
Tà dâm và trộm cắp  
Cùng mọi việc gian ác  
Đến tán tận nhân tình.  
Do dục, bị tra khảo

Bằng đủ thứ nhục hình  
Hiện tại phải tù tội  
Còn khổ kiếp lai sinh.  
Dục vui ít khổ nhiều  
Nguy hiểm lại nhiều hơn  
Điều phục, đoạn tận tham  
Ấy là xuất ly dục.

***B. Liễu tri Sắc***

Vị ngọt của sắc pháp  
Là sắc đẹp gái trai  
Tuổi chưa quá hai mươi  
Mùa xuân của đời người.  
Nguy hiểm của sắc pháp  
Là lúc đã đến thời  
Em gái thành bà ngoại  
Còn đâu nhan sắc tươi.  
Lưng còng, tóc bạc trắng  
Làn da khô nhăn nheo  
Già bệnh nằm một chỗ  
Còn đâu vẻ mỹ miều.

Vị ngọt đã biến mất  
Chỉ còn lại đắng cay  
Của mối nguy già, chết  
Chờ đợi tấm thân này.  
Nguy hiểm của sắc pháp  
Là thi thể cô gái  
Khi bỏ ngoài nghĩa địa  
Loài chim thú rửa thầy.  
Nguy hiểm của sắc pháp  
Là thi thể cô gái

Khi chỉ còn bộ xương  
Và xương thành bột trắng.  
Xuất ly khỏi sắc pháp  
Là điều phục dục tham  
Và đoạn trừ tham dục  
Đối với sắc, không ham.

***C. Liễu tri thọ***

Vị ngọt của cảm thọ  
Là hỷ lạc sơ thiền  
Do ly dục sinh ra:  
Văng bóng niềm đau khổ.

Và hỷ lạc nhị thiền  
Do tập trung sinh ra  
Không còn tâm với tứ:  
Một cảm thọ ngọt ngào.  
Tam thiền thuần lạc thọ  
Và xả thọ thanh tịnh  
Ở định chứng tứ thiền  
Là vị ngọt cảm thọ.  
Nguy hiểm của cảm thọ:  
Tối thượng vô hại này  
Bị vô thường biến hoại  
Nên vẫn nằm trong khổ.  
Xuất ly các cảm thọ  
Là điều phục dục tham  
Đoạn trừ hết dục tham  
Với tất cả cảm thọ.  
Ai như thật tuệ tri  
Vị ngọt là vị ngọt  
Nguy hiểm là nguy hiểm

Xuất ly là xuất ly  
Thì tự mình giải thoát  
Khỏi đau khổ sâu bi  
Và có thể đưa người  
Tuệ tri các cảm thọ.





## Kinh số 14

# Tiểu kinh Khổ uẩn

### I. TOÁT YẾU

*Cūladukkhakkhandha Sutta - The shorter discourse on the mass of suffering.*

*A variation of the preceding, ending in a discussion with Jain ascetics on the nature of pleasure and pain.*

**Bản kinh ngắn về đống khổ.**

*Một dạng như kinh số 13, kết thúc bằng một cuộc đàm luận với những người Kỳ-na giáo tu khổ hạnh, về bản chất của lạc và khổ.*

### II. TÓM TẮT

Māhanāma hỏi Phật, vì nguyên nhân gì thỉnh thoảng ông vẫn bị tham sân si xâm chiếm mặc dù đã biết đấy là cấu uế của tâm, và hỏi có pháp nào trong ông chưa đoạn khiến ông vẫn bị tham sân si chi phối. Phật dạy, pháp ấy chính là dục. Vì ông chưa đoạn dục, để cho dục lèo lái ông nên ông vẫn sống trong gia đình, thụ hưởng các dục. Phật cho biết dục vui ít, khổ não nhiều, nguy hiểm lại còn nhiều hơn. Về dục, nên biết rõ vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly. Nhưng nếu thấy rõ như vậy với trí tuệ chân chính, mà chưa chứng được hỷ lạc thiền định hay các pháp thù thắng hơn, thì vẫn còn bị dục chi phối. Đó là kinh nghiệm bản thân của Phật.

Kế tiếp, Phật kể cho Māhanāma nghe mẩu đối thoại của Ngài với những người theo phái Ni-kiền Tử thực hành nhiều khổ hạnh, cảm thọ những đau khổ khốc liệt để chuộc tội lỗi quá khứ, vì tin như vậy sẽ được giải thoát.

Phật hỏi họ năm điều: Họ có biết được trong quá khứ họ có hiện hữu hay không? Trong quá khứ, họ có làm ác nghiệp hay không? Trong quá khứ, họ đã làm những ác nghiệp gì? Họ có biết đã trừ được bao nhiêu đau khổ, còn lại bao nhiêu đau khổ chưa trừ không? Họ có biết đoạn trừ ngay trong hiện tại những bất thiện và hoàn thành các thiện pháp không? Các người đệ tử theo phái khổ hạnh đều không biết. Nhưng vì họ tin nhân quả nghiệp báo, Phật kết luận: "Vậy thì những người xuất gia trong Ni-kiền Tử phải từng là những kẻ ác ôn ghê gớm" (cho nên mới phải hành thân hoại thể để chuộc tội).

Nhưng người Ni-kiền Tử lại nói: "Hạnh phúc thành tựu nhờ đau khổ. Nếu hạnh phúc thành tựu nhờ hạnh phúc, thì vua Bình sa (Bimbisara) sẽ hơn tôn giả Gotama, vì vua đang sống hạnh phúc hơn tôn giả Gotama." Ni-kiền Tử lầm lạc khoái lạc giác quan là hạnh phúc, nên khi Phật hỏi liệu vua Bình sa có thể làm như Ngài, ngồi yên bất động trong nhiều ngày mà vẫn cảm thấy thuần túy lạc thọ, thì Ni-kiền Tử phải công nhận Phật sống hạnh phúc hơn vua.

### III. CHÚ GIẢI

*Māhanāma* có họ với Phật, ông là anh của Anuruddha và Ānanda. Theo Sớ giải, ông đã chứng quả Bất hoàn, nghĩa là chỉ có suy giảm tham sân si chứ chưa đoạn tận. Vì ông lầm tưởng khi vào đạo lộ Bất hoàn là đã đoạn tận tham sân si, nên mới ngạc nhiên khi thấy trong tâm ông thỉnh thoảng chúng lại sinh khởi.

Phật đưa vào đây câu chuyện về khổ hạnh cốt để nói, giáo lý Ngài là Trung đạo, tránh xa hai cực đoan hưởng thụ và ép xác.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba độc*: tham, sân, si.

*Ba pháp*: vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly.

*Bốn thiên*

#### V. KỆ TỤNG

##### *A. Nguyên nhân của cấu uế là dục*

Từ lâu con đã hiểu

Lời dạy của Thế Tôn

Tham sân si cấu uế

Vẫn xâm chiếm tâm con.

"Pháp nào con chưa đoạn

Khiến cấu uế xâm nhập

Và chiếm cứ tâm con

Xin Thế Tôn chỉ dạy."

Này Ma-ha-na-ma

Vương tử dòng Thích ca

Dục trong người chưa đoạn

Do đời sống tại gia.

##### *B. Thay dục lạc bằng thiên lạc*

"Dục vui ít khổ nhiều

Nguy hiểm càng nhiều hơn

Dù tuệ tri như vậy

Và chí muốn xuất ly

Nhưng chưa chứng thiên lạc

Hoặc pháp thù thắng hơn

Thì dục vẫn chi phối

Và xâm chiếm tâm người."

### *C. Khổ hạnh vô ích*

Phật bác Ni-kiên Tử  
Để hiển thị Trung đạo  
Lìa xa hai cực đoan  
Hưởng lạc và ép xác.

Ni-kiên Tử chủ trương  
Cần hành hạ thân xác  
Chuộc tội lỗi quá khứ  
Đời sau được an lạc.  
Nhưng vì không thể biết  
Đời trước làm tội gì  
Đã chuộc được bao nhiêu  
Còn bao nhiêu chưa chuộc.  
Nếu thực sự khổ đau  
Do ác nghiệp về trước  
Thì chắc Ni-kiên Tử  
Đã tạo nhiều phi phước.

"Dù có nói thế nào  
Hạnh phúc không thể đạt  
Nhờ con đường hưởng lạc  
Mà phải nhờ ép xác.  
Nếu hiện tại hưởng lạc  
Mà tạo được nhiều phúc  
Thì Tần bà sa la  
Sẽ hạnh phúc hơn Phật."

Phật hỏi Ni-kiên Tử  
"Phải chăng người đã nghĩ  
Vua Tần bà sa la  
Đang hạnh phúc hơn ta?"

"Thưa Cô-đàm, chính phải  
Hay là như thế nào  
Thực tình, tôi không rõ  
Xin Ngài làm sáng tỏ."  
"Này người Ni-kiên Tử  
Vua có ngôi một mình  
Với thuận túy lạc thọ  
Suốt ngày đêm được chăng?"  
"Không, có lẽ là không."  
"Ta có thể nhiều ngày  
Im lặng, thân bất động  
Vẫn hoàn toàn hạnh phúc."  
Ni-kiên Tử kết luận  
"Nếu sự tình là vậy  
Thì Thế Tôn hạnh phúc  
Hơn Tần bà sa la."  
Và Ma-ha-na-ma  
Tin nhận lời Thế Tôn  
Rằng hỷ lạc thiên định  
Thù thắng hơn dục lạc.



## Kinh số 15

# Tư lượng

### I. TOÁT YẾU

*Anumāna Sutta - Inference.*

*The venerable Mahāmogallāna enumerates the qualities that make a bhikkhu difficult to admonish and teaches how one should examine oneself to remove the defects in one's character.*

*Suy diễn.*

*Tôn giả Mục-kiền-liên kể ra những đặc tính làm cho một tỳ kheo trở thành kẻ khó nói, và dạy người ta nên tự xét như thế nào để tẩy trừ những khuyết điểm trong nhân cách mình.*

### II. TÓM TẮT

Tôn giả Mục-kiền-liên dạy các tỳ kheo, có 16 tật xấu nơi một tỳ kheo làm cho vị ấy trở thành kẻ "khó nói", không được các vị đồng phạm hạnh giáo huấn, tin tưởng.

*16 tật xấu là:*

- ác dục, khen mình chê người, phẫn nộ, hiềm hận;
- cố chấp, thốt lời giận dữ, chống đối, chỉ trích;
- chất vấn, nói lãng, không giải thích, hư ngụy não hại;
- xan tham tật đố, lừa đảo, ngã mạn, khó xả.

Ngược lại, tỳ kheo không có 16 thói ấy là người dễ nói, được các đồng phạm hạnh tin tưởng, giáo giới.

Khi thấy người khác có những thói như trên mà mình không ưa, tỳ kheo nên tự xét mình [tư lượng] để phát tâm tránh những thói ấy. Nếu xét thấy mình có những thói như vậy, thì phải tinh tấn đoạn trừ. Nếu xét thấy mình không có, hãy hoan hỷ ngày đêm tu học các thiện pháp.

### III. CHÚ GIẢI

Cổ đúc đã gọi kinh này là *Biệt giải thoát giới của tỳ kheo*. Một tỳ kheo mỗi ngày nên có ba lần tự xét theo trong kinh dạy. Nếu không được ba lần thì hai lần, hay ít nhất một lần.

*Ác dục* là có những "thâm mong" bất chính như nói trong kinh số 5. "Hiềm hận" là thù dai; "cố chấp" là ngoan cố do phần nộ; "chống đối" là cãi lại mỗi khi bị buộc tội; "chỉ trích" là chỉ trích lại người buộc tội mình.

### IV. PHÁP SỐ

(không có)

### V. KỆ TỤNG

Tỳ kheo cần tự xét  
Tránh mười sáu lỗi lầm  
Của một kẻ "khó nói"  
Khiến người khác không ưa:  
Là khen mình chê người  
Ác dục và phần nộ  
Hiềm hận và ngoan cố  
Thốt ra lời giận dữ  
Chống đối và chỉ trích  
Chất vấn và nói lãng  
Được hỏi không giải thích  
Hư ngụy và não hại  
Xan tham và tật đố  
Lừa đảo và ngã mạn  
Cố chấp khó hành xả.



## Kinh số 16

# Tâm hoang vu

### I. TOÁT YẾU

*Cetokhila Sutta - the wilderness in the heart.*

*The Buddha explains to the bhikkhus the five "wilderness in the heart" and the five "shackles in the heart".*

***Rừng hoang trong tâm.***

*Phật giảng cho các tỳ kheo "năm hoang dã trong tâm" và "năm xiềng xích trong tâm".*

### II. TÓM TẮT

Phật dạy, tỳ kheo nào chưa đoạn trừ 5 tâm hoang vu và 5 tâm phiền phược thì không thể lớn mạnh trong pháp luật Ngài.

Năm tâm hoang vu là nghi ngờ, không có tinh tín đối với: Phật, Pháp, Tăng, các học giới, và thứ năm là phần nộ với bạn đồng tu.

Năm tâm trói buộc là: tham khoái lạc giác quan, tham tự thân, tham các sắc pháp, tham ăn ngủ, tham cõi trời (chỉ tu để cầu lên trời).

Tỳ kheo nào không có 10 sự trên, tâm hướng về nỗ lực tinh tấn thì có thể lớn mạnh trong pháp luật này. Vị ấy tu tập thiền định với bốn như ý tức là dục (nhiệt tâm, hăng hái), tinh tấn, tâm [purity of mind, tâm thanh tịnh], tư duy [tức trạch pháp, investigation], cùng với nỗ lực (tinh cần hành) là thứ năm.

Tỳ kheo nào đầy đủ 15 pháp là đoạn trừ 5 tâm hoang vu, 5 tâm phiền phược và tu 5 pháp nói trên, thì đủ khả



năng đạt thành vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Cũng như gà mái ấp trứng, nếu khéo ấp ủ trứng thì dù không khỏi lên ước muốn mong cho gà con mổ vỏ trứng chui ra, khi đến thời, vẫn có gà con thoát ra khỏi quả trứng.

### III. CHÚ GIẢI

*Tâm hoang vu* là sự cứng cõi trong tâm, "tâm phiền trước" là những pháp trói buộc tâm. Năm tâm hoang vu gồm bốn thuộc nghi (si) và một thuộc sân. Năm tâm triền phược là năm hình thức tham.

*Vô thượng an ổn khỏi các khổ ách* là chứng quả A-la-hán. Ví dụ ấp trứng được nói lại trong kinh Trung bộ 53, trong đó vị đệ tử như gà con phá ba lớp vỏ trứng, chứng ba minh.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn như ý túc*: dục, tinh tấn, nhất tâm, trạch pháp.

*Năm tâm hoang vu*: nghi Phật, Pháp, Tăng, Giới, và phần nộ với đồng tu.

*Năm tâm triền phược*: tham khoái lạc giác quan, tham thân, tham sắc, tham ăn ngủ, tham cõi trời.

### V. KỆ TỤNG

#### A. Mười pháp cần đoạn

Tu sĩ muốn lớn mạnh  
Trong Pháp và Luật này  
Cần đoạn trừ mười tâm  
Cứng cõi và ràng buộc

Có năm tâm hoang vu  
Và năm tâm phiền trước  
Thì không thể nỗ lực  
Và chuyên cần tiến tu.

Nghi ngờ bậc Đạo sư  
Nghi ngờ Pháp, Tăng, Giới  
Phần nộ với đồng tu  
Là năm tâm hoang vu.

Tham tự thân, dục lạc,  
Tham sắc, ham ăn ngủ  
Cầu được sinh thiên giới  
Là năm tâm triền phược.

***B. Năm pháp cần tu tập***

Đoạn trừ mười tâm ấy  
Thì có thể nỗ lực  
Tinh tấn tu thiền định  
Lớn mạnh trong Pháp này.

Nhiệt tâm và tinh tấn  
Nhất tâm và trạch pháp  
Nỗ lực là thứ năm  
Thiền định mau chứng đắc.

Ai đủ mười lăm pháp  
Thì có đủ khả năng  
Đập vỡ vỏ vô minh  
An ổn khỏi ách phược.

Như gà mẹ khéo ấp  
Trứng không bị thối hư  
Dù không khởi mong ước  
Gà con vẫn chui ra.



## Kinh số 17

# Khu rừng

### I. TOÁT YẾU

#### *Vanapattha Sutta - jungle thickets.*

*A discourse on the conditions under which a meditative monk should remain living in a jungle thicket and the conditions under which he should go elsewhere.*

#### **Khu rừng rậm.**

*Một bài giảng về những điều kiện nào một tỳ kheo thiên định nên tiếp tục sống tại một khu rừng, điều kiện nào nên bỏ đi chỗ khác.*

### II. TÓM TẮT

Chỗ tỳ kheo nên cư trú trọn đời (dù đấy là khu rừng, làng mạc, thị trấn, quốc gia, hay gần một người nào) phải hội đủ hai điều kiện, tinh thần và vật chất. Về tinh thần, phải tăng trưởng niệm, định, tuệ (niệm chưa an trú được an trú; tâm chưa định tĩnh được định tĩnh; lậu hoặc chưa đoạn trừ được đoạn trừ khiến tỳ kheo được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách - tức chứng quả A-la-hán). Về vật chất, để kiếm bốn nhu yếu về ăn mặc ở bệnh. Nếu được cả hai, nên nương ở trọn đời. Nếu chỉ được điều kiện tinh thần, đời sống vật chất khó khăn, tỳ kheo cũng nên ở với ý niệm rằng mình xuất gia không phải để mưu cầu vật chất.

Nếu ở nơi nào (khu rừng, làng mạc, ... hay gần người nào) mà tinh thần thiếu - không tăng trưởng niệm định tuệ - mặc dù vật chất đầy đủ, tỳ kheo nên bỏ đi chỗ khác sau khi nghĩ rằng xuất gia không để mưu cầu vật chất. Nếu ở

nơi nào thiếu cả hai điều kiện, tỳ kheo nên bỏ đi ngay lập tức.

### III. CHÚ GIẢI

Có thể tóm gọn bốn trường hợp, hai đi và hai ở như sau:

Tu không tiến, tứ sự hiếm: -> đi;

Tu không tiến, tứ sự dồi dào: -> đi;

Tu tiến, tứ sự hiếm: -> ở;

Tu tiến, tứ sự dồi dào: -> ở.

### IV. PHÁP SỐ

*Ba pháp cần tăng trưởng là: niệm, định, tuệ (diệt trừ lậu hoặc).*

*Bốn vật dụng*

### V. KỆ TỤNG

Tỳ kheo ở nơi nào  
Hay gần một người nào  
Cần phải thành tựu được  
Những điều kiện như sau.

Về tinh thần có ba:  
Niệm phải được an trú  
Tâm phải được định tĩnh  
Ô nhiễm được đoạn trừ,

Về vật chất có bốn:  
Y phục và ẩm thực  
Chỗ ở và dược phẩm  
Bốn sự không thiếu thốn.

Nếu ở một nơi nào  
Cả tinh thần vật chất  
Điều thiếu thốn mọi đường  
Bỏ ngay không vấn vương.

Nếu vật chất đầy đủ  
Mà tinh thần không tiến  
Hãy từ bỏ nơi ấy  
Đừng vì tham, lưu luyến.

Tỳ kheo ở nơi nào  
Tu tiến, vật chất hiếm  
Hãy ở với tâm niệm  
Ta vì cơm áo sao?

Tỳ kheo ở một nơi  
Tu hành đã dễ tiến  
Vật chất không khó kiếm  
Hãy nương ở trọn đời.



## Kinh số 18

# Mật hoàn

### I. TOÁT YẾU

#### *Madhupinkika Sutta - the honey ball.*

*The Buddha utters a deep but enigmatic statement about "the source through which perceptions and notions tinged by mental proliferation beset a man." This statement is elucidated by the venerable Mahākaccāna, whose explanation is praised by the Buddha.*

#### *Viên mật.*

*Phật thốt lên một lời phát biểu sâu sắc nhưng khó hiểu về "cái nguồn gốc từ đấy các nhận thức và quan niệm đầy thiên kiến ám ảnh một con người." Lời phát biểu ấy được tôn giả Đại Ca-chiên-diên làm sáng tỏ, và sự giải thích của tôn giả được Phật khen ngợi.*

### II. TÓM TẮT

Gậy cầm tay, một người dòng Sakka, đến hỏi Phật có quan điểm thế nào, giảng thuyết những gì. Phật dạy, Ngài giảng cái thuyết "không tranh luận với bất cứ ai, vì các tướng (nhận thức) không còn ám ảnh vị bà-la-môn sống không có tham dục, hoài nghi, trạo hối, không có tham ái đối với hữu hay phi hữu."

Khi nghe vậy, người kia không hiểu, tỏ vẻ bất mãn bỏ về. Các tỳ kheo xin Phật giải thích, Ngài dạy thêm: "Nếu một người không có thái độ hoan hỷ, đón mừng, chấp trước đối với những hý luận vọng tưởng, thì đấy là đoạn tận các tùy miên tham, sân, nghi, kiến, mạn, hữu tham, đoạn tận đấu tranh bằng lời, bằng gươm giáo; đoạn

tận ly gián ngữ, vọng ngữ. Các bất thiện ấy được tiêu diệt không có dư tàn".

Tôn giả Ca-chiên-diên triển khai lời dạy vắn tắt của Phật như sau:

Do xúc - sự gặp gỡ giữa căn, trần, thức - có thọ; do thọ có tưởng; do tưởng có suy tầm; do suy tầm có hý luận khởi lên. Nhân hý luận ấy, một số vọng tưởng ám ảnh con người. Nếu không có xúc thì không có thọ; không có thọ thì không tưởng; không tưởng thì không suy tầm; không suy tầm thì không hý luận vọng tưởng. Không hý luận vọng tưởng thì không có đấu tranh, và các ác bất thiện pháp [tham, sân, si, mạn, nghi, kiến, hữu tham] được tiêu diệt không dư tàn.

### III. CHÚ GIẢI

*Gậy cầm tay Dandapāni*, có tên như vậy vì ông ta thường cầm gậy bịt vàng đi khắp nơi với vẻ tự cao. Ông theo cánh của Đê bà đạt đa, người phá tạng. Câu hỏi của ông có vẻ khiêu khích, câu trả lời của Phật phần đầu là để đối lại thái độ khiêu khích ấy.

*Bà-la-môn* nói trong câu này chỉ A-la-hán, hoặc chính bản thân Phật.

*Hý luận vọng tưởng, papanca - sannā - sankhā*, được dịch là "mental proliferation", thiên kiến. Luận giải nguồn gốc của hý luận vọng tưởng là tham (đối với sắc pháp), mạn ("tôi là") và kiến (chấp thường), qua đó tâm thức "trau chuốt" kinh nghiệm bằng cách giảng giải nó theo tiêu chuẩn "tôi" và "của tôi".

*Tóm lại*, Kinh này cốt hiển thị vòng sinh tử là 12 xứ - sáu căn tiếp xúc sáu trần. Nếu căn trần đừng ráp lại, thì hết sinh tử.

## IV. PHÁP SỐ

*Năm pháp*: Nguồn gốc hý luận vọng tưởng là Xúc (căn trên thức gặp gỡ), thọ, tưởng, tâm, hý luận.

*Sáu căn*: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

*Sáu trần*: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

*Sáu thức*: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

*Bảy tùy miên*: tham, sân, kiến, nghi, mạn, hữu tham, vô minh.

*Mười hai xứ*: sáu căn và sáu trần.

*Mười tám giới*: 6 căn, 6 trần, 6 thức.

## V. KÊ TỤNG

### A. Đoạn trừ tham, sân, nghi, trạo hối

Giáo lý của Phật dạy  
Là không tranh với ai  
Vị thánh đệ tử sống  
Các tướng không ám ảnh  
Không bị dục trói buộc  
Không nghi ngờ do dự  
Mọi hối quá đoạn diệt  
Không tham hữu, phi hữu.

### B. Không chấp trước

Với hý luận vọng tưởng  
Không đón mừng, hoan hỷ  
Đoạn được các tùy miên  
Tham, sân, kiến, nghi, mạn  
Đoạn tham ưa các cõi  
Và vô minh tùy miên  
Cùng các bất thiện khác



Tiêu diệt không dư tàn.

***C. Tôn giả Ca-chiên-diên khai diễn***

Căn trần thức gặp gỡ

Sự gặp gỡ là xúc

Do xúc nên có thọ

Có thọ nên có tưởng

Tưởng đưa đến suy tâm

Suy tâm sinh "hý luận"

Hý luận sinh vọng tưởng

Ám ảnh tâm con người.

[Sinh tử vẫn dài dài

Vì căn trần xúc đối

Hai thứ đừng xấp lại

Sẽ chấm dứt luân hồi.]



## Kinh số 19

# Song tâm

### I. TOÁT YẾU

*Dvedhāvitakka Sutta - two kinds of thought.*

*With reference to his own struggle for enlightenment, the Buddha explains the way to overcome unwholesome thoughts and replace them by wholesome thoughts.*

*Hai loại tư duy.*

*Nhắc lại thời Ngài còn phấn đấu để đạt giác ngộ, Phật giải thích cách vượt qua những tư duy bất thiện và thay thế chúng bằng những tư tưởng tốt lành.*

### II. TÓM TẮT

Lúc còn tu tập, Phật phân loại các tư tưởng khởi lên thành hai nhóm. Một nhóm đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não: đó là những tư duy liên hệ đến dục, sân và hại. Khi tuệ tri như vậy, các tư duy ấy được Ngài từ bỏ, đoạn tận. Một nhóm không đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai; tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn: đó là những tư duy liên hệ đến ly dục, vô sân và bất hại. Khi an trú với những tâm này, dù cả ngày đêm Ngài cũng không thấy sợ hãi. Nhờ Ngài dũng mãnh tinh tấn như vậy, nên được định tĩnh nhất tâm, chứng bốn thiền cho đến ba minh, thành Phật.

### III. CHÚ GIẢI

Sự chia hai suy tâm này chỉ xảy ra trong thời gian Bồ-tát tu tập sáu năm khổ hạnh.

*Vô sân và bất hại cũng có thể hiểu là từ và bi.*

#### **IV. PHÁP SỐ**

*Ba pháp dự phân vào phiền não: dục, sân và hại.*

*Ba pháp đưa đến an tịnh: ly dục, vô sân, bất hại.*

*Ba minh*

*Bốn thiên*

*Tám chánh đạo*

#### **V. KỆ TỤNG**

##### **A. Hai loại tư duy**

Lúc hãy còn tu tập

Sống nhiệt tâm, tinh cần

Phật phân loại tư duy

Gồm có hai thành phần:

Một phần những tư duy

Liên hệ dục, sân, hại

Phần kia ly dục tâm

Vô sân, bất hại tâm.

Biết rõ tâm tư duy

Liên hệ dục, sân, hại

Làm hại cả mình, người

Các tâm ấy tan biến.

Các tư duy ngược lại

Không làm hại mình người

Nhờ tuệ tri như trên

Đoạn tận dục, sân, hại.

Tâm khinh an, định tinh  
Ngài tinh tấn thiên định  
Chứng bốn thiên, ba minh  
Đạt vô thượng an ổn.

***B. Ví dụ bầy nai***

Bên hồ nước sâu rộng  
Có bầy nai tung tăng  
Một người ác đến gần  
Đặt mỗi cái mỗi đực

Đóng con đường an ổn  
Mở con đường hiểm nguy  
Đàn nai gặp ách nạn  
Càng ngày càng suy vi.

Lại có một người khác  
Thương tưởng đến đàn nai  
Mong hạnh phúc cho chúng  
Mong chúng thoát nạn tai

Người ấy đến nơi này  
Hủy mỗi cái mỗi đực  
Mở con đường an toàn  
Đóng con đường nguy nan.

"Hồ nước" chỉ các đực  
"Đàn nai" dụ hữu tình  
Ác ma "người muốn hại"  
"Mỗi cái" chỉ vô minh

"Môi đực" là tham ái  
"Đường hiểm" tức tám tà  
Ác ma luôn mời mọc  
Và đặt các con môi.

"Đường an" là tám chính  
Được Như Lai mở ra  
Cùng hủy các con môi  
Vô minh và tham ái.



## Kinh số 20

### An trú tâm

#### I. TOÁT YẾU

*Vitakkasanthāna Sutta - the removal of distracting thoughts.*

*The Buddha teaches five methods for dealing with the unwholesome thoughts that may arise in the course of meditation.*

**Sự tẩy trừ loạn tưởng.**

*Phật dạy năm phương pháp để đối trị những bất thiện tâm có thể khởi lên trong khi thiền định.*

#### II. TÓM TẮT

Phật dạy muốn tui tăng thượng tâm, có năm phương pháp như sau để diệt trừ các tư tưởng khởi lên liên hệ đến dục, sân, si:

1. Nghĩ đến một tư tưởng khác, liên hệ đến ly dục, vô sân, vô si. Như thợ mộc dùng một cái nêm để đánh bật một cái nêm khác.

2. Quán sát nguy hiểm của những bất thiện tâm khi chúng khởi lên, khi ấy tư tưởng xấu kia được trừ diệt. Như một người trẻ tuổi ưa trang sức mà bị quàng vào cổ một cái xác rắn hay xác chó, người ấy phải ghê tởm.

3. Tàng lờ đờng để ý đến chúng. Như người không muốn thấy một vật trước mắt, bèn nhắm mắt hoặc nhìn chỗ khác.

4. Quan sát sự sinh diệt của những tư tưởng ấy, khiến nó giảm tốc độ và dần dần biến mất.

5. Quyết tâm dùng tâm chế ngự tâm [dùng một tư tưởng thiện để áp đảo một tư tưởng bất thiện].

Nhờ áp dụng năm phương pháp ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, sân, si được trừ diệt, nội tâm được an trú. Tỳ kheo ấy đoạn trừ khát ái, giải thoát các kết sử, chinh phục kiêu mạn, chấm dứt khổ đau.

### III. CHÚ GIẢI

*Tăng thượng tâm, adhicitta*, là tâm trong tám thiện chứng - bốn thiện bốn định, làm căn bản cho tuệ. Được gọi là "tăng thượng" vì nó thù thắng hơn mười thiện tâm thông thường - bất sát bất đạo bất dâm...

*Năm tướng* có thể hiểu là năm phương pháp trừ tán loạn. Hành giả chỉ nên xử dụng các phương pháp này khi sự tán loạn có vẻ dai dẳng. Bình thường, chỉ cần bám sát đề mục thiền của mình.

*Tác ý một tướng khác*, ví dụ khi tham dục khởi lên liên hệ đến hữu tình, thì tướng khác là "bất tịnh"; liên hệ đến vô tình, thì tướng khác là "vô thường". Vô sân khởi lên liên hệ đến hữu tình, thì tướng khác là tâm từ; liên hệ đến vô tình, thì tướng khác là bốn đại. Cách chữa trị những tư tưởng liên hệ si ám là gần một bậc thầy, nghe pháp và học pháp, quán sát ý nghĩa, tra tầm nguyên nhân.

*Quán sát nguy hiểm* của những tư duy bất thiện sẽ phát sinh tà và quý, sự sợ hãi điều quý.

### IV. PHÁP SỐ

*Ba độc*: dục, sân, si.

*Năm phương pháp* trừ vọng tưởng, an trú tâm.

## V. KÊ TỤNG

Có năm phương pháp này  
Để tu tăng thượng tâm  
Làm tịnh chỉ các tâm  
Liên hệ dục, sân, hại.

1. Như thợ mộc dùng nệm  
Đánh bật một cái nệm.  
Hãy khởi một tâm tốt  
Tâm xấu sẽ tiêu tan.

2. Thấy dục, sân nguy hiểm  
Dục sân tự tiêu tan  
Như người muốn điếm trang  
Lại bị quàng xác rắn.

3. Không ức niệm dục sân  
Dục sân sẽ biến mất  
Như chán nhìn vật gì  
Mắt nhìn đi chỗ khác.

4. Hoặc theo dõi tướng trạng  
Dục sân tâm biến mất  
Như người tự ý thức  
Từ bỏ hành vi thô.

5. Như lực sĩ đánh bại  
Một kẻ thù ốm yếu  
Với nghị lực quyết tâm  
Chế ngự dục, hại, sân.





## Kinh số 21

### Ví dụ cái cưa

#### I. TOÁT YẾU

*Kakacūpama Sutta - The simile of the saw.*

*A discourse on the need to maintain patience when addressed with disagreeable words.*

*Ví dụ về cái cưa.*

*Bài kinh về sự cần thiết phải kham nhẫn khi bị nói những lời khó chịu.*

#### II. TÓM TẮT

Nhân tôn giả Moliyaphagguna thường phẫn nộ bất mãn do thân cận, bênh vực các tỳ kheo ni, Phật quở trách và giảng kinh này, dạy ông phải từ bỏ dục vọng liên hệ thế tục, và phải sống với tâm từ bi.

Có mười loại ngôn ngữ: đúng thời hay phi thời; chân thực hay không chân thực; lợi ích hay không lợi ích; mềm mỏng hay thô bạo; từ tâm hay ác tâm.

Dù bị xúc phạm, tỳ kheo cũng không thốt lời ác, mới thực sự là người hòa nhã. (Phật kể chuyện một nữ chủ được tiếng hiền thực, nhưng nữ tỳ thứ bê trễ vài lần đã bị bà đánh lỗ đầu). Khi bị xúc phạm, hãy trải tâm từ đến kẻ xúc phạm, rồi với người ấy làm đối tượng, tỳ kheo nên tu tập biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Tâm khi ấy như địa đại không ai phá nổi, như hư không không thể tô màu, như sông Hằng không thể đun sôi bằng một bó đuốc cỏ khô (dụ cho lời nói xấu của kẻ khác)... Dù có kẻ hạ liệt

xưa cửa xẻ chân tay, tỳ kheo cũng không thốt lời ác, nội tâm không sân hận. Nếu luôn nhớ đến ví dụ cái cửa này, thì tỳ kheo có thể kham nhẫn bất cứ loại ngôn ngữ nào người khác dùng để nói với mình.

### III. CHÚ GIẢI

Trong Kinh Tương ưng, Moliyaphagguna hỏi Phật nhiều câu, bị Ngài quở đặt sai vấn đề, về sau ông hoàn tục. Trong kinh này, sau đoạn giáo giới Moliyaphagguna, có đoạn Phật khen ngợi sự thuần thực của chúng tỳ kheo ngày trước, với họ Ngài không cần dạy nhiều mà chỉ gợi ý. Theo bản số giải Trung bộ, Phật nhắc đoạn này là vì tôn giả Phagguna vẫn không chịu vâng lời mà tiếp tục chống đối Phật.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn phạm trú:* từ, bi, hỷ, xả.

*Năm loại ngôn ngữ:* đúng thời, chân thật, lợi ích, từ tâm, mềm mỏng.

### V. KỆ TỤNG

Tỳ kheo Phắc-gu-na  
Thân cận ni quá độ  
Thường thô tháo phần nộ  
Vì bệnh vực các ni.

Phật cho gọi quở trách  
"Vì lòng tin xuất gia  
Các dục hãy lìa xa  
Trải từ tâm bình đẳng."

Lời người ta nói ra  
Hoặc đúng thời, phi thời  
Chân thực hay không chân  
Có lợi, không lợi ích

Mềm mỏng hay dữ dằn  
Vói từ tâm, sân tâm  
Dù được nói thế nào  
Tỳ kheo không sân hận.

Bất động như đại địa  
Vô nhiễm như hư không  
Quảng đại như sông lớn  
Tỳ kheo hãy trú tâm.

Dù có bị xé cưa  
Tay chân đều đứt đoạn  
Không ôm lòng sân hận  
Mới thực hành Pháp ta.



## Kinh số 22

# Ví dụ con rắn

### I. TOÁT YẾU

#### *Alaggadūpama Sutta - The simile of the snake.*

*A bhikkhu named Arittha gives rise to a pernicious view that conduct prohibited by the Buddha is not really an obstruction. The Buddha reprimands him and, with a series of memorable similes, stresses the dangers in misapplying and misrepresenting the Dhamma. The sutta culminates in one of the most impressive disquisitions on non-self found in the Canon.*

#### *Ví dụ con rắn*

*Một tỳ kheo tên Arittha khởi lên tà kiến cho rằng hành vi mà Phật cấm thực sự không phải là chướng ngại (cho giải thoát). Phật quở trách ông, và nói nhiều với nhiều ví dụ đáng nhớ, Ngài nhấn mạnh những nguy hiểm của việc áp dụng sai và giải thích Pháp một cách sai lạc. Cao điểm kinh này là một trong những thiên trường luận khởi sắc nhất về vô ngã được thấy trong Kinh tạng.*

### II. TÓM TẮT

Do tỳ kheo Arittha khởi lên tà kiến "dâm dục không chướng ngại đạo như Phật đã nói." Phật quở và dạy kinh này, gồm các phần: mục đích chính của việc học Pháp; các cách nắm giữ sai lạc; nguy hiểm của dục; các kiến xứ và nguy hiểm của kiến chấp.

A) Phật quở Arittha xuyên tạc lời Ngài dạy. Ngài đã nhiều lần dạy về nguy hiểm của dục, vậy mà Arittha vẫn ôm giữ tà kiến "dục không chướng ngại đạo". Phật dạy, ai

học pháp để hý luận và chỉ trích - như thái độ của Ariththa - thì không đạt mục đích việc học pháp và sẽ đau khổ lâu dài. Lại nữa, học pháp cần nắm vững ý nghĩa với trí tuệ, nếu nắm không vững, tức hiểu sai, sẽ vô cùng tai hại, như bắt rắn đằng đuôi bị rắn quay đầu cắn. Phật ví dụ pháp Ngài dạy như chiếc bè để qua sông, không phải để ôm giữ. Ngay cả Pháp cũng nên bỏ, huống hồ phi pháp [như các dục].

B) Kế tiếp Ngài dạy sáu kiến xứ, năm kiến xứ đầu là 5 uẩn tức nội thân, kiến xứ thứ sáu là ngoại giới hay đối tượng của năm uẩn, những gì được thấy, nghe, cảm, biết (kiến văn giác tri) qua sáu giác quan. Tất cả cần phải chân chính thấy là không phải "tôi", "của tôi" hay "tự ngã của tôi". Thấy như vậy gọi là thấy như thật với trí tuệ, sẽ đoạn trừ tham ái chấp thủ, đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Nếu thấy có "tôi" và "của tôi" thì sẽ đau khổ khi mất mát do vô thường, biến hoại. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì đã vô thường, khổ thì không nên xem là "tôi" và "của tôi". Trong sáu kiến xứ, nếu thấy không gì là tôi hay của tôi, thì gọi là "xả pháp", trong khi phân trên nói dạy từ bỏ dục gọi là "xả phi pháp".

C) Vì bất cứ gì ta yêu mến đều không bền, thay đổi, nên "dục thủ" là khổ. Kiến thủ, Ngã luận thủ - chấp có ngã - cũng vậy đều là những hình thức chấp ngã, đều đưa đến khổ.

### III. CHÚ GIẢI

Nói "dục không chướng ngại đạo" là nói ngược lại một trong Bốn Vô úy của Phật.

*Tự ngã của tôi*: một linh hồn trường cửu vẫn tồn tại sau khi chết.

## IV. PHÁP SỐ

*Ba thủ*: dục, kiến, ngã luận.

*Ba pháp ấn*: vô thường, khổ, vô ngã.

*Bốn quả sa môn*

*Năm uẩn*

*Sáu kiến xứ*: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, và kiến xứ thứ sáu bao gồm tất cả những gì thấy nghe hay biết.

## V. KỆ TỤNG

### A. Mục đích học Pháp

1. Khởi nguyên của kinh này

Tà kiến A-ri-tha

"Dục không chướng ngại gì

Như Thế Tôn thuyết giảng."

Phật gọi đến quở trách:

"Học pháp cần tư duy

Quán sát với trí tuệ

Để đạt được mục tiêu

Mà pháp ấy nhắm đến.

Nếu người học Pháp ta

Cốt để mà chỉ trích

Và khoái khẩu biện luận

Nắm giữ pháp sai lạc

Sẽ đau khổ lâu dài

Không đạt đến mục tiêu.

2. Ta đã nhiều lần dạy

"Dục vui ít khổ nhiều

Nguy hiểm càng nhiều hơn."

"Dục như khúc xương khô

Như vật dùng mượn tạm

Như ôm đuốc ngược gió

Như hổ than đỏ hừng."  
Nếu có ai bảo rằng  
"Dục không chướng ngại đạo"  
Là xuyên tạc Như Lai  
Tại nên nhiều tổn đức  
Sẽ đau khổ lâu dài.

***B. Con rắn và chiếc bè***

3. Ví như người bắt rắn  
Nắm lấy rắn đằng đuôi  
Thì bị rắn quay lại  
Cắn người ấy chết tươi.  
Học Pháp cũng như vậy  
Chấp thủ pháp sai lạc  
Là thái độ nguy hiểm  
Gây đau khổ lâu dài.

4. Lại như kẻ dùng bè  
Vượt qua dòng sông rộng  
Vác bè đi nghênh ngang  
Là không biết dùng bè.  
Pháp ta dạy cũng thế  
Như bè để qua sông  
Chánh pháp còn nên bỏ  
Huống hồ là phi pháp?

***C. Sáu kiến xứ***

5. Đã bỏ dục - "phi pháp"  
Lại còn nên bỏ "pháp"  
Phật dạy sáu kiến xứ  
Là để trừ pháp chấp.  
Phàm phu không học Pháp

Đối với thân năm uẩn  
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức  
Và những gì nhận biết  
Qua sáu ngũ giác quan  
Đều xem "tôi", "của tôi"  
Và "tự ngã của tôi"  
Thường hằng, không biến đổi.

6. Thánh đệ tử ngược lại  
Đối với cả năm uẩn  
Và kiến văn giác tri  
Không xem "tôi", "của tôi"  
Không thấy gì trường cửu  
Đáng gọi "tự ngã tôi"  
Do quán sát như vậy  
Không phiền muộn, âu sầu.

7. Thân, tài sản không thực  
Do xem "tôi", "của tôi"  
Nên khi nó hư hoại  
Kẻ phàm phu lo sầu.  
Thân, tài sản không thực  
Không xem "tôi", "của tôi"  
Nên khi nó hư hoại  
Thánh đệ tử không sầu.

8. "Tự ngã tôi trường cửu  
Thế giới này thường hằng"  
Ai ôm tà kiến ấy  
Phải đắm ngực khóc than  
Tưởng chừng như mất hết  
Thế giới này vỡ tan



Khi nghe Như Lai dạy  
"Ái diệt là Niết-bàn."  
9. Ai không ôm tà kiến  
"Tự ngã và thế giới  
Trường tồn không biến chuyển"  
Kẻ ấy không sầu muộn  
Không than "ta mất hết  
Còn chi nữa, ta ơi"  
Khi nghe Như Lai dạy  
"Ái diệt là Niết-bàn."

***D. Ba thủ***

10. Bất cứ người, vật gì  
Ta vô cùng yêu mến  
Đều vô thường, biến hoại:  
Dục thủ là khổ đau.  
Chỗ nào có chấp trước  
Liên hệ đến bản ngã  
Đều có khổ, sầu ưu:  
Ngã luận thủ là khổ.  
Chấp trước một quan điểm  
Dựa kiến văn giác tri  
Cũng đều là chấp ngã  
Dưới hình thức tinh vi.  
Đã không "tôi", "của tôi"  
Mà còn có "tôi thấy"  
Ấy gọi là kiến thủ  
Thực hoàn toàn ngu si.

***E. Ba pháp ấn***

11. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức  
Năm uẩn đều vô thường  
Vi biến đổi, hoại diệt  
Do vô thường nên khổ  
Đã vô thường, đau khổ  
Đừng xem "tôi", "của tôi".

***F. Năm uẩn vô ngã***

12. Bởi thế, Phật đã dạy  
Này hỡi các tỳ kheo  
Các người hãy từ bỏ  
Cái không phải của người:  
Sắc không phải của người  
Người nên từ bỏ sắc;  
Các người từ bỏ sắc,  
Được an lạc dài lâu.  
Thọ không phải của người  
Người nên từ bỏ thọ;  
Các người từ bỏ thọ,  
Được an lạc dài lâu.  
Tưởng không phải của người  
Người nên từ bỏ tưởng;  
Các người từ bỏ tưởng,  
Được an lạc dài lâu.  
Hành không phải của người  
Người nên từ bỏ hành;  
Hành nếu người từ bỏ,  
Được an lạc dài lâu.  
Thức không phải của người  
Người nên từ bỏ thức;

Các người từ bỏ thức,  
Được an lạc dài lâu.  
Thánh đệ tử quán sát  
Yếm ly đối với sắc  
Và thọ tướng hành thức  
Nên ly tham, giải thoát.



## Kinh số 23

### Gò mối

#### I. TOÁT YẾU

##### *Vammika Sutta - The ant-hill.*

*A deity presents a monk with an obscure riddle, which is unravelled for him by the Buddha.*

##### **Gò mối**

*Một vị trời đặt cho một tỳ kheo một câu đố bí hiểm, được Phật giải thích.*

#### II. TÓM TẮT

Một đêm nọ, một vị trời xuất hiện trước tôn giả Kumāra-kassapa đang ở trong rừng Andha (người mù), nói lên câu đố như sau. Có gò mối ban đêm phun khói, ngày chiếu sáng; một bà-la-môn bảo kẻ trí hãy cầm gươm đào lên. Kẻ trí làm theo lời bà-la-môn, tuần tự đào và lấy lên những vật sau đây: 1. một then cửa; 2. một con nhái; 3. một cái chìa [đường hai ngã]; 4. một cái lọc; 5. một con rùa; 6. một con dao phay; 7. một miếng thịt. Cuối cùng gặp một con rắn hổ, và đánh lể nó. Vị trời bảo tỳ kheo hãy đến nhờ Phật giải ẩn ngữ trên, vì chỉ có Phật giải nổi.

Phật giải thích cho tỳ kheo: Gò mối là thân tứ đại; đêm phun khói là suy nghĩ; ngày chiếu sáng là ban ngày thực hiện những gì ban đêm đã nghĩ; Bà-la-môn là đức Như Lai bậc Chánh đẳng giác; kẻ trí là tỳ kheo bậc hữu học; cây gươm là trí tuệ bậc thánh. "Đào" là tinh tấn tinh cần. Then cửa là vô minh, "đem then cửa lên" là từ bỏ vô minh. Con nhái là phần nộ hiểm hận; cái chìa hai ngã là nghi hoặc; đồ lọc là năm triền cái; rùa là năm thủ uẩn; dao phay là ngũ

dục; miếng thịt là hỷ tham. "Đào lên" có nghĩa là từ bỏ tất cả thứ ấy. Cuối cùng con rắn hổ là vị đã diệt lậu hoặc, đáng đánh lễ.

### III. CHÚ GIẢI

*Ca-diếp đồng tử* - Kumārakassapa là con nuôi vua Ba-tư-nặc xứ Kosala, con của một phụ nữ xuất gia làm ni trong lúc không biết đã mang thai. Vào thời gian thuyết kinh này, ông còn ở địa vị hữu học; và đã đắc quả A-la-hán sau khi thiền quán đề tài này. Luận nói vị trời trong kinh này là một vị Bất hoàn ở cõi Tịnh cư, một trong nhóm năm người cùng tu thiền trên một đỉnh núi.

### IV. PHÁP SỐ

*Ba nghiệp*

*Năm triền cái*

*Năm thủ uẩn*

*Năm dục trường dưỡng*

### V. KỆ TỤNG

"Gò mối đêm phun khói  
Và chiếu sáng ban ngày  
Một vị bà-la-môn  
Đi đến người có trí

Bảo cầm gương đào bới  
Gặp ngay then chắn cửa  
Lấy ra rồi đào thêm  
Lấy lên một con nhái,

Một cái chìa hai ngã,  
Một đồ dùng lọc sữa  
Rồi đến một con rùa  
Và một con dao phay

Cùng với một miếng thịt  
Cuối cùng gập rấn hổ  
Bà-la-môn bèn bảo  
Kẻ trí hãy dừng tay."

Hãy đến xin Phật giải  
Một vị trời bảo vậy  
Với Ca-diếp đồng tử  
Lúc đêm đã gần tàn.

Ca-diếp đến nơi Phật  
Đánh lễ xin giải rõ.  
Phật giảng dạy như sau,  
Bà-la-môn là Phật,

Kẻ trí bậc Hữu học  
Gò mối thân tứ đại  
Phun khói là suy nghĩ  
Chiếu sáng là hành động,

Đào bới dụ tinh tấn  
Gươm là thánh trí tuệ  
Then cửa dụ vô minh  
Hãy lấy then cửa lên

Là "từ bỏ vô minh"  
Con nhái là phần hận  
Chĩa hai là nghi hoặc  
Đồ lọc là năm phiền

Con rùa là thú uẩn  
Dao phay là năm dục  
Miếng thịt là hỷ tham  
Đào lên ngân ấy thứ

Sẽ gặp cái cuối cùng:  
Rấn hổ vị lậu tận  
Để yên đừng động đến  
Ấy việc làm đã xong.



## Kinh số 24

### Trạm xe

#### I. TOÁT YẾU

##### *Rathavivūta Sutta - the relay chariots.*

*The venerable Punna Mantāniputta explains to Sāriputta that the goal of the holy life, final Nibbāna, is to be reached by way of the seven stages of purification.*

##### **Những cỗ xe tiếp vận.**

*Tôn giả Phú-lâu-na (PLN) giải thích cho Xá-lợi-phất (XLP) biết rằng Niết-bàn, mục tiêu của đời sống phạm hạnh, được đạt đến là nhờ bảy giai đoạn thanh tịnh.*

#### II. TÓM TẮT

Xá-lợi-phất đến thăm Phú-lâu-na lần đầu. Hai vị tôn giả đã nghe tiếng nhau nhưng chưa từng gặp.

XLP: Mục đích sống đời phạm hạnh, có phải để viên mãn giới?

PLN: Không.

XLP: Có phải để đoạn nghi, để đạt tri kiến, để phân biệt được chính tà, để thấy biết đường chính, để có tri kiến.

PLN: Không.

XLP: Thế thì vì mục đích gì?

PLN: Vì đạt NB vô thủ trước.

XLP: Niết-bàn vô thủ trước là gì, là giới thanh tịnh chăng?

PLN: Không, vì thế là còn thủ trước giới.

XLP: Là Tâm thanh tịnh chăng?



PLN: Không, vì thế là còn thủ trước định.

XLP: Là kiến thanh tịnh chăng?

PLN: Không, vì thế là còn thủ trước kiến.

XLP: Là đoạn nghi thanh tịnh chăng?

PLN: Không, vì thế là còn thủ trước đoạn nghi.

XLP: Là đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh chăng?

PLN: Không, vì thế là còn thủ trước đạo phi đạo.

XLP: Là tri kiến thanh tịnh chăng?

PLN: Không, vì thế là còn thủ trước tri kiến.

XLP: Có cái gì ở ngoài những thứ ấy là vô thủ trước Niết-bàn?

PLN: Không.

XLP: Tại sao mỗi thứ đều không phải Niết-bàn vô thủ trước, mà ngoài những thứ ấy cũng không có Niết-bàn vô thủ trước?

PLN: Ví dụ sự di chuyển từ thành phố A đến thành phố B bằng bảy cỗ xe ngựa khác nhau. Khi đến đích, nếu ai hỏi có phải nhờ cỗ xe này mà di chuyển từ A đến B, người ngồi xe phải đáp "không", nhưng nếu bảo "không nhờ cỗ xe này mà đến" thì cũng không đúng. Về các thanh tịnh cũng vậy, nếu bảo giới, vv. "là" Niết-bàn vô thủ trước, thì thành "có" thủ trước (vào giới, vv.). Nhưng nếu bảo Niết-bàn vô thủ trước không phải những pháp ấy, thì tất cả phạm phu cũng đắc Niết-bàn, vì phạm phu không có những pháp ấy.

Sau khi nghe giảng giải, tôn giả Xá-lợi-phất hết lời khen ngợi và hỏi tính danh. Khi hỏi lại danh tính người đối thoại, Phú lâu na mới ngạc nhiên thốt lên:

- "Không dè tôi đang nói chuyện với một vị được xem là ngang hàng với đấng Đạo sư. Nếu biết trước, tôi đã không nói nhiều như vậy."

### III. CHÚ GIẢI

Mặc dù trong Trường Bộ kinh 3, 288, cũng nói đến bảy thanh tịnh và hai thanh tịnh khác nữa là tuệ và giải thoát, có điều lạ là không chỗ nào khác trong Nikāya đề cập Bảy thanh tịnh. Lại hơn nữa, cả hai vị đại đệ tử này dường như đều thừa nhận Bảy thanh tịnh là một pháp số rất quen thuộc, một giáo điều cố định. Bảy thanh tịnh vả lại, cũng là cái sườn của toàn bộ Luận *Thanh tịnh đạo*, đã định nghĩa mỗi giai đoạn tu tập bằng cách giảng rộng theo truyền thống, về tịnh chỉ và tuệ quán.

Vấn tất, "Giới thanh tịnh" là tuân giữ nghiêm túc các học giới đã thọ, mà Thanh tịnh đạo giải thích là "bốn cách làm thanh tịnh giới".

"Tâm thanh tịnh" là trừ năm triền cái nhờ đạt cận hành định và các thiền.

"Kiến thanh tịnh" là tuệ liễu biệt bản chất năm uẩn làm nên một chúng sinh.

"Đoạn nghi thanh tịnh" là hiểu rõ duyên sinh.

"Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh" là phân biệt đúng giữa tà đạo - kinh nghiệm hỷ lạc xuất thân - với chánh đạo, tuệ quán liễu tri vô thường vô ngã.

"Đạo tri kiến thanh tịnh" là một loạt tuệ quán cao dần để đạt đến những đạo lộ siêu thế.

Và "tri kiến thanh tịnh" là các đạo lộ siêu thế.

### IV. PHÁP SỐ

*Bảy thanh tịnh*

## V. KÊ TỤNG

Nghe tin Phú-lâu-na  
Sau khi viếng thăm Phật  
Đã vào rừng An-đa (Andhavana)  
Thu tử cũng vào rừng.

Hai vị danh đức ấy  
Chưa từng biết mặt nhau  
Cùng độc cư thiền định  
Dưới cây trong rừng sâu.

Tôn giả Xá-lợi-phất  
Đến bên Phú-lâu-na  
Chào thăm rồi phỏng vấn  
"Mục đích gì xuất gia?"

Có phải vì mục đích  
Khiến *Giới* không tì vết  
Được thanh tịnh vẹn toàn?  
"Không phải đâu, hiền giả."

Có phải vì mục đích  
Đạt đến *Tâm* thanh tịnh  
Trừ chướng ngại, đắc định?  
"Không phải đâu, hiền giả."

Có phải vì mục đích  
*Dứt sạch những hoài nghi*  
Mà sống đời phạm hạnh?  
"Không phải đâu, hiền giả."

Có phải vì mục đích  
Phân biệt được chính tà  
- *Đạo phi đạo tri kiến?*  
"Không phải đâu, hiền giả."

Có phải vì mục đích  
Thanh lọc những thấy biết  
- *Đạo tri kiến thanh tịnh?*  
"Không phải đâu, hiền giả."

Có phải vì mục đích  
*Đạt tri kiến thanh tịnh*  
Các cảnh giới siêu thế?  
"Không phải đâu, hiền giả."

Có phải vì mục đích  
*Đạt Cái thấy thanh tịnh*  
Thấy vô ngã khổ không?  
"Không phải đâu, hiền giả."

Vậy với mục đích gì  
Bạn theo đức Thế Tôn?  
"Hiền giả, với mục đích  
Vô thủ trước Niết-bàn."

Phải chăng Giới thanh tịnh  
Là vô trước Niết-bàn?  
Không phải đâu, hiền giả  
Vi còn chấp vào *Giới*.

Phải chăng Tâm thanh tịnh  
Là vô trước Niết-bàn?  
Không phải đâu, hiền giả  
Vì còn chấp vào *Định*.

Phải chăng Kiến thanh tịnh  
Là vô trước Niết-bàn?  
Không phải đâu, hiền giả  
Vì còn chấp vào *Kiến*.

Hay Đoạn nghi thanh tịnh  
Là vô trước Niết-bàn?  
Không phải đâu, hiền giả  
Vì còn chấp *Đoạn nghi*.

Đạo phi đạo tri kiến  
Là vô trước Niết-bàn?  
Không phải đâu hiền giả  
Vì chấp *đạo phi đạo*.

Đạo tri kiến thanh tịnh  
Là vô trước Niết-bàn?  
Không phải đâu hiền giả  
Vì còn chấp *tri kiến*.

Xá-lợi-phất lại hỏi  
Ngoài các pháp ấy ra  
Vô thủ trước Niết-bàn  
Có thể đạt được chăng?

Phú-lâu-na đáp liền  
"Không đâu, thưa hiền giả  
Không thể có Niết-bàn  
Ngoài các pháp kể trên."

"Vậy do nhân duyên gì  
Hiền giả đều phủ nhận  
Vô thủ trước Niết-bàn  
Không phải mỗi pháp ấy?"

Và lại còn xác định  
Ở ngoài các pháp ấy  
Cũng không thể có được  
Vô thủ trước Niết-bàn?"

Thưa hiền giả, nghe đây  
Nếu nói Giới thanh tịnh  
Là vô trước Niết-bàn  
Tức thì Niết-bàn ấy

Gọi là hữu thủ trước  
Vì còn chấp vào Giới.  
Với các "thanh tịnh" khác  
Đều nên hiểu như vậy.

Nhưng nếu Thế Tôn dạy  
Ngoài các pháp ấy ra  
Có vô trước Niết-bàn  
Thì vô cùng phi lý

Vì tất cả phàm phu  
Cũng sẽ được Niết-bàn  
- Họ ở ngoài pháp ấy  
tức hoàn toàn không tu -

Tôi xin lấy ví dụ  
Như vua đi đường dài  
Phải thay xe nhiều trạm  
Ngồi cỗ xe cuối cùng

Để trở về hoàng cung  
Đến nơi, khi được hỏi  
Phải chăng cỗ xe này  
Đưa vua suốt đường dài?

Khi ấy muốn trả lời  
Vua phải nói làm sao?  
"Từ trạm xe thứ nhất  
Ta lên xe khởi hành

Qua tất cả bảy trạm  
Mỗi nơi đều đổi xe  
Với cỗ xe thứ bảy  
Ta về đến cung thành."

Cũng thế, thừa hiền giả  
*Gới* là để có *Định*  
*Định* để đạt đến *Kiến*  
[- Thấy vô thường vô ngã.]

Kiến là để *Đoạn nghi*  
[- Hiểu rõ lý duyên sinh]  
Đoạn nghi là cốt được  
*Đạo phi đạo tri kiến.*

Đạo phi đạo tri kiến  
[- Phân biệt được tà chính]  
Là chỉ cốt đạt được  
*Đạo tri kiến thanh tịnh.*

Đạo tri kiến thanh tịnh  
[- lối thấy biết xuất thế]  
Là cốt đạt cho đến  
Các cảnh giới siêu thế

*Túc tri kiến thanh tịnh.*  
Thấy biết trong sáng này  
Có mục đích duy nhất:  
Niết-bàn vô thủ trước.

Khi ấy Xá-lợi-phất  
Hỏi tên Phú lâu na  
Thưa hiền giả tên gì  
Đông đạo gọi là chi?

"Tôi tên Phú-lâu-na"  
Đông phạm hạnh còn gọi  
"Di-đà-la-ni tử."  
Còn hiền giả tên gì?



"Tôi tên U-pa-tis-sa"  
Các vị đồng phạm hạnh  
Còn gọi tên "Thu tử"  
Xá-lợi-phất là tôi.

"Không ngờ được đàm đạo  
Với tướng quân chính pháp  
Ngang hàng đấng Đạo sư  
Lành thay, thưa hiền giả.

Nếu tôi sớm biết được  
Ngài là Xá-lợi-phất  
Chắc không dám ba hoa  
Múa rìu qua mắt thợ."



## Kinh số 25

### Bẫy mồi

#### I. TOÁT YẾU

##### *Nivāpa Sutta - the bait.*

*The Buddha uses the analogy of deer trappers to make known to the Bhikkhus the obstacles that confront them in their effort to escape from Mara's control.*

##### **Miếng mồi.**

*Phật dùng ví dụ những thợ bẫy nai để hiển thị cho tỳ kheo những chướng ngại họ gặp phải trong khi nỗ lực thoát khỏi sự khống chế của ma vương.*

#### II. TÓM TẮT

Thợ săn nai đặt mồi ngon cho nai đến không phải vì thương gì bẫy nai, mà vì muốn hại. Cũng như thế là chàm bẫy ngũ dục mà ác ma [thiên ma] đặt để dụ người tu hành.

Phật đưa ra hình ảnh bốn đàn nai. Đàn thứ nhất tham ăn sa ngay vào mồi, nên bị kẻ giăng bẫy tóm trọn. Đàn thứ hai tránh vào rừng sâu, thiếu cỏ nước một thời gian dài không chịu nổi, trở ra vì đói khát tham ăn không coi chừng nên cũng sa vào chàm bẫy như đàn nai đầu. Đàn thứ ba, rút kinh nghiệm làm một chỗ nấp gần nơi giăng mồi để đến ăn một cách chừng mực rồi rút về chỗ ẩn. Người giăng bẫy không bắt được đàn nai, ra sức bao vây cuối cùng cũng tìm được nơi ẩn náu của chúng. Đến lượt bẫy nai thứ tư, làm một chỗ nấp mà thợ săn không thể nào đến được, đến ăn mồi vừa phải rồi rút đi an toàn.

Đàn thứ nhất dụ cho những sa môn bà-la-môn tham đắm ngũ dục thế gian, bị ác ma tóm. Đàn thứ hai là sa môn bà-la-môn do tu khổ hạnh ép xác quá độ nên kiệt sức, không còn tinh tấn; do không còn tinh tấn, tâm giải thoát cũng bị kiệt quệ; do tâm giải thoát bị kiệt quệ, họ cũng sa vào thế lực ác ma như đàn đầu tiên. Đàn thứ ba dụ cho sa môn bà-la-môn không bị phóng dật theo ngũ dục như hai đàn trước, nhưng lại có tà kiến về thế giới thường vô thường, hữu biên vô biên, Như Lai có, không tồn tại sau khi chết v.v. Tà kiến ấy ví như "một chỗ nắp mà thợ săn có thể tìm thấy". Như vậy họ cũng không thoát khỏi thế lực ác ma. Đàn thứ tư dụ cho tỳ kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú bốn thiên, bốn định vô sắc, Diệt thọ tưởng, khiến ác ma không tìm thấy được đường đi lối về của mình vì vị ấy không còn tham đắm bất cứ gì trên đời.

### III. CHÚ GIẢI

Tám định - 4 thiên, 4 định - ở đây là căn bản cho tuệ. Khi tỳ kheo ở trong định này, ma vương không biết được tâm hành vị ấy. Tuy nhiên sự thoát khỏi ma lực ấy chỉ có tính cách giai đoạn. Vị tỳ kheo chứng Diệt thọ tưởng, sạch lậu hoặc, vì không những tạm thời, mà vĩnh viễn giải thoát ảnh hưởng của ma; ma không thể đến gần vị ấy.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn thiên*

*Bốn không hay bốn vô sắc định*

*Năm dục trường dưỡng*

*Chín định thứ đệ*, gồm bốn thiên bốn định và Diệt thọ tưởng.

## V. KÊ TỤNG

Khi thợ săn đặt mồi  
Không vì thương đàn nai  
Cốt làm chúng mê loạn  
Vì miếng mồi ngon này.

Ác ma cũng giăng bẫy  
Đặt mồi thơm ngửi dục  
Mê loạn người tu hành  
Cho vướng vào ma lục.

Đàn nai đầu tiên đến  
Tham đắm các thức ăn  
Sa ngay vào cạm bẫy  
Làm mồi cho thợ săn.

Đàn nai khác thấy vậy  
Sợ bỏ vào rừng sâu  
Đến nơi không có nước  
Đói khát lại âu sầu.

Thân hình càng tiêu tụy  
Nai ra tìm thức ăn  
Vì tham lam quá độ  
Sa vào bẫy thợ săn.

Đàn nai thứ ba đến  
Làm chỗ nấp gần mồi  
Ra ăn vừa đủ sống  
Vào ẩn nấp đợi thời.

Thợ săn lòng kiếm được  
Chỗ ẩn nấp đàn nai  
Gài bẫy giăng cùng khắp  
Bất trọn ổ không sai.

Chỉ đàn nai cuối cùng  
Mới quả thực tinh khôn  
Môi ăn vừa đủ sống  
Vào rừng sâu tẩu bôn.

Nai đi đâu về đâu  
Thợ săn nào biết được  
Đường đi không dấu vết  
Đàn nai thoát khổ sầu.

Có hạng tu ham dục  
Như đàn nai tham ăn  
Bị ác ma tóm bẫy  
Môi ngũ dục bủa giăng.

Có hạng do khổ hạnh  
Khiến thân tâm kiệt sức  
Trở lại tham năm dục  
Không thoát bẫy ác ma.

Hạng ba không hưởng lạc  
Cũng không quá ép xác  
Nhưng lại có tà kiến  
Cũng gài với ác ma.

Ly dục trú bốn thiên  
Và bốn định vô sắc  
Cùng định Diệt thọ tưởng  
Diệt trừ hết lậu hoặc.

Tỳ kheo thứ tư này  
Làm ác ma mù mắt  
Không ai tìm thấy được  
Dấu vết của vị này.



## Kinh số 26

# Thánh cầu

### I. TOÁT YẾU

*Ariyapariyesana Sutta - the noble search.*

*The Buddha gives the Bhikkhus a long account of his own quest for enlightenment from the time of his life in the palace up to his transmission of the Dhamma to his first five disciples.*

*Sự tâm cầu cao thượng.*

*Phật kể cho chúng tỳ kheo về sự tâm cầu giác ngộ trong đời Ngài, từ khi còn ở trong cung điện cho đến khi truyền Pháp cho năm đệ tử đầu tiên.*

### II. TÓM TẮT

Một số đông tỳ kheo đang hội họp ở tịnh thất của bà-la-môn Rammaka khi Phật đến. Ngài hỏi họ đang bàn chuyện gì, họ trả lời đang luận bàn về đức Thế Tôn. Phật khen và dạy, khi tỳ kheo tụ hội chỉ có hai việc nên làm: hoặc bàn luận về Pháp, hoặc *giữ sự im lặng của bậc thánh*. Và Ngài giảng giải về hai sự tâm cầu. Một là trong khi mình đang bị sinh già bệnh chết, khổ sâu, ô nhiễm, lại đi tìm cầu những thứ cũng bị sinh già bệnh chết, khổ sâu, ô nhiễm; đó là vợ con, tôi tớ, *vàng bạc*, của cải.... Hai là khi thấy mình bị già chết, khổ sâu, ô nhiễm, bèn đi tìm những thứ vượt ngoài già chết, khổ sâu, ô nhiễm.... đạt đến Niết-bàn, thoát khỏi mọi khổ ách.

Phật kể lại, trong lúc tuổi trẻ, tóc còn đen nhánh, do thấy mình bị sinh, già chết, khổ sâu, ô nhiễm, nên Ngài đã ra đi tìm cái không già chết, khổ sâu, ô nhiễm. Lúc đầu, Ngài theo học đạo sĩ Alara Kalama. Chỗ chứng đắc cao

nhất của vị này là *Vô sở hữu xứ*. Sau một thời gian, Ngài cũng chứng được Vô sở hữu xứ, được thầy xem ngang hàng, mời ở lại cùng lãnh đạo đồ chúng, nhưng Ngài đã bỏ đi vì thấy Vô sở hữu xứ chưa phải Niết-bàn. Vị thầy thứ hai là Uddaka Ramaputta, cho rằng chứng *Phi tướng phi phi tướng xứ* là tối cao. Ngài cũng nhanh chóng đạt đến Phi tướng phi phi tướng xứ, được Uddaka khen ngợi, mời ở lại cùng lãnh đạo, nhưng Ngài đã từ chối vì biết Phi tướng phi phi tướng xứ cũng chưa phải là Niết-bàn. Ngài ra đi đến tụ lạc Uruvela xứ Ma-kiệt-đà, vào khu rừng khả ái ở bên sông để tinh tấn thiền định. Ngài đã chứng được cái không sinh, già, bệnh, chết, khổ sâu, cái không ô nhiễm; đạt đến Niết-bàn, vô thương an ổn khỏi các khổ ách.

Ngài suy nghĩ, *Pháp* Ngài chứng được thật sâu kín, siêu lý luận, chỉ bậc trí thấu hiểu; đối với quần chúng đam mê khoái lạc, rất khó thấy pháp *Duyên khởi* này, rất khó hiểu thấu sự tinh chỉ tất cả hành, từ bỏ *sinh y*, đạt đến ái diệt, ly tham, *Niết-bàn*. Nếu thuyết pháp mà quần chúng không hiểu thì chỉ thêm phiền não. Do vậy tâm Ngài do dự *không muốn thuyết pháp*. Khi ấy Phạm thiên xuất hiện, cầu thỉnh Ngài vì chúng sinh mà mở cửa Pháp cam lồ vi diệu. Phật lại quán thấy có ba hạng chúng sinh, như ba hạng hoa sen: Có hạng còn chìm chìm; có hạng vươn lên ngang mặt nước; nhưng cũng có hạng đã vượt khỏi mặt nước, không bị nước làm ướt. Chúng sinh cũng vậy, có hạng nhiều nhiễm bụi đời, có hạng ít nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, có hạng độn căn. Khi ấy Ngài quyết định ra thuyết pháp. Và hai người đầu tiên Ngài nghĩ đến là hai vị thầy của Ngài trước kia; nhưng chư thiên cho Ngài biết Alara Kalama đã từ trần cách đó bảy ngày, còn Uddaka Ramaputta vừa mới tạ thế. Khi ấy Ngài đi đến vườn Lộc uyển ở Ba-la-nại tìm năm anh em Kiều Trần Như để hóa



độ. Trên đường đi, Ngài gặp *ngoại đạo Upaka*. Vị này trông thấy sắc diện thanh khiết của Phật, khen ngợi và hỏi Ngài thờ ai làm thầy. Khi nghe Phật trả lời Ngài không có thầy, Ngài đã tự chứng thành bậc Chánh đẳng giác trên đời không ai bằng, ngoại đạo Upaka lắc đầu bỏ đi. Khi đến vườn Lộc uyển, Ngài tìm gặp năm anh em Kiều Trần Như để thuyết pháp cho họ.

Ngài giảng về năm dục trưởng dưỡng là sắc thanh hương vị xúc. *Những sa môn bà-la-môn* nào bị chúng trói buộc thì phải rơi vào chạm bẫy Ác ma, như nai bị sập bẫy thợ săn vì tham ăn. Những sa môn bà-la-môn nào biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm dục thì không bị chúng trói buộc, không rơi vào chạm bẫy Ác ma, như nai không sập bẫy. Vị ấy có thể tu chứng bốn thiên, bốn không và Diệt thọ tướng định, vượt khỏi tầm mắt của Ác ma, như nai không bị sập bẫy, vượt khỏi tầm tay thợ săn, có thể tung tăng trong rừng.

### III. CHÚ GIẢI

*Sự im lặng của bậc Thánh*: Theo Luận giải kinh Trung bộ, "im lặng như thánh" là nhị thiên (không còn tâm tứ) và đề mục thiền căn bản của hành giả - ví dụ quán tứ niệm xứ. Người nào chưa đắc nhị thiên thì nên giữ sự "im lặng của bậc thánh" bằng cách bám sát đề mục thiền căn bản của mình.

*Sinh y - upadhi*: Nghĩa gốc là nền tảng, cơ sở. Luận kể ra nhiều loại sinh y là năm uẩn, các đối tượng của dục lạc, các ô nhiễm, và nghiệp. Đại đức Bodhi diễn dịch *sinh y* là "đối tượng chấp thủ" hoặc chính sự chấp thủ. Niết-bàn là sự từ mọi sinh y với cả hai nghĩa ấy.

*Vàng bạc* là thứ không bị sinh già bệnh chết sầu bi khổ... nhưng theo Luận, nó vẫn bị ô nhiễm vì có thể pha lẫn với kim loại kém giá trị hơn nó.

*Vô sở hữu xứ - base of nothingness*: Định thứ ba trong bốn định vô sắc - *immaterial attainments*, thuộc thiền chỉ - *serenity meditation*. Mặc dù là những chứng đắc cao siêu, bốn thiền bốn định vẫn còn thuộc thế gian, không đưa đến Niết-bàn. Tuổi thọ ở Vô sở hữu xứ - chỗ tái sinh của thiên giả chứng Vô sở hữu - là sáu mươi ngàn kiếp, sau đó vẫn phải rơi xuống các cõi thấp và chịu luân hồi sinh tử, chưa thoát khỏi lưới bẫy của Ác ma.

*Pháp*, theo Luận giải, chính là Bốn chân lý cao cả. Pháp này gồm hai điểm cốt yếu là Duyên khởi và Niết-bàn. *Duyên khởi* bao gồm Khổ và Tập trong bốn chân lý, *Niết-bàn* là Diệt và Đạo.

*Không muốn thuyết pháp*: Luận nêu lên câu hỏi ở đây là, tại sao Bồ-tát đã từ lâu phát nguyện tìm đạo để cứu chúng sinh, mà bây giờ tâm Ngài lại do dự. Lý do là, chỉ sau khi đắc đạo, Ngài mới thấy rõ sức mạnh của vô minh phiền não trong tâm chúng sinh, và sự sâu xa vi diệu của Pháp. Hơn nữa, Ngài chờ Phạm thiên cầu thỉnh mới ra nói Pháp, là cốt cho những người thờ Phạm thiên thấy được giá trị của Pháp và mong mỏi lắng nghe.

*Ngoại đạo Upaka*: Luận nói ông này sau khi gặp Phật rồi bỏ đi, đã yêu một cô gái con thợ săn và cưới nàng. Chỉ sau khi bị đau khổ vì tình, Upaka mới trở lại tìm Phật. Ông đã gia nhập tăng đoàn, chứng quả thứ ba - Bất hoàn - và sinh vào cõi trời Aviha, nơi ông đắc quả A-la-hán.

*Sa môn bà-la-môn ...* Đoạn này đề cập trở lại sự tầm cầu bất đáng nói ở đầu Kinh là tầm cầu năm dục, cốt để hiển là "tầm cầu cao thượng" hay thánh cầu, mà trong đời sống

xuất gia vẫn có thể có những tâm cầu bất đáng, những tâm cầu đưa đến sinh già bệnh chết sầu khổ ô nhiễm.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn thiên, Bốn không, Năm dục trường dưỡng, Chín định thứ đệ.*

#### V. KỆ TỤNG

Tịnh thất Ra-ma-ka  
Chúng tỳ kheo tụ tập  
Đang bàn luận về Phật  
Thì Thế Tôn đến liền.  
Khi biết chuyện, Phật khen:  
Tỳ kheo lúc nhóm họp  
Chỉ nên bàn luận Pháp  
Hoặc như thánh mặc nhiên.

Có hai sự tâm cầu:  
Thánh cầu và phi thánh.  
Sinh, già, bệnh, chết, sầu,  
Ô nhiễm là phi thánh.  
Tìm năm dục trường dưỡng  
Gọi là phi thánh cầu  
Trong khi mình đã khổ  
Lại rước thêm khổ đau.

Thế nào là thánh cầu?  
Xưa kia khi hành đạo  
Xét nguy hiểm của "sinh"  
Ta đi tìm vô sinh.  
Xét nguy hiểm của già  
Ta tìm cái không già  
Xét nguy hiểm của bệnh

Ta tìm cái không bệnh  
Xét nguy hiểm của chết  
Ta tìm cái bất tử  
Tự mình bị khổ sâu  
Ta tìm cái không sâu  
Tự mình bị ô nhiễm  
Ta tìm cái không nhiễm  
Đạt Niết-bàn vô thượng  
An ổn thoát khổ ách.

Ta cạo bỏ râu tóc  
Trong độ tuổi thanh xuân  
Và từ bỏ gia đình  
Đi tìm cái chí thiện.  
Thầy đầu tiên ta gặp  
Chứng Vô sở hữu xứ  
Cho thế là tối cao.  
Tín tấn niệm định tuệ  
Trong ta lại thiếu sao?  
Ta nỗ lực tinh cần  
Chứng Vô sở hữu xứ.  
Thầy vô cùng khen ngợi  
Xem ta người ngang hàng  
Mời trông coi đệ tử  
Nhưng ta lại ra đi  
Vì thấy rõ pháp ấy  
Không hướng đến yếm ly  
Không đưa đến Niết-bàn  
Chỉ đến Vô sở hữu.

Kế tiếp ta đã gặp  
Út đa Ra-ma tử  
Vị này chỉ tuyên bố  
Phi tướng phi phi tướng.  
Ta cũng đắc pháp ấy  
Biết chưa phải tối thượng  
Nên ta lại ra đi  
Tìm vô thượng Niết-bàn.

Tại xứ Ma-kiệt-đà  
Trong khu rừng ven sông  
Ta tinh cần tinh tấn  
Đạt giải thoát bất động  
Đây đời sống cuối cùng.  
Ta chứng cái không sinh  
Không già, bệnh, chết, sầu  
Chứng cái không ô nhiễm:  
Niết-bàn khỏi khổ ách.

Rồi ta lại suy nghĩ  
"Sao ta nói chính pháp  
Được chứng ngộ khó khăn?  
Những ai còn tham sân  
Khó chứng ngộ pháp này  
Đi ngược dòng, thâm diệu  
Kẻ ái nhiễm vô minh  
Không thấy được pháp này."  
Bấy giờ vị Phạm thiên  
Hiện xuống trước mặt ta  
Chấp tay mà câu thỉnh:  
"Tại xứ Ma-kiệt-đà  
Hiện ra pháp bất tịnh

Do suy tư tác thành.  
Hãy mở cửa bất tử  
Cho chúng được nghe pháp  
Mà bậc thánh vô uế  
Đã chân chính giác ngộ.  
Như đứng trên tảng đá  
Tại chót đỉnh núi cao  
Đưa mắt nhìn chúng sinh  
Quần chúng dưới chân mình.  
Cũng vậy đấng Thiện thế  
Biến nhãn không sâu muện  
Lên lầu cao Chánh pháp  
Nhìn xuống đám quần sinh  
Bị sinh già áp bức  
Bị ưu tư sầu khổ  
Anh hùng, hãy đứng lên  
Bậc Chiến thắng chiến trường  
Vị trưởng đoàn lữ khách  
Đấng thoát ly nợ nần  
Hãy thuyết vi diệu pháp  
Sẽ có người nhờ nghe  
Mà thâm hiểu diệu nghĩa."

Tại khu vườn Lộc uyển  
Gặp nhóm năm tỳ kheo  
Ta giảng về năm dục  
Vị ngọt cùng nguy hiểm  
Và xuất ly khỏi chúng  
Ai bị dục trói buộc  
Không thoát khỏi ác ma.  
Tỳ kheo lia ác dục  
Chúng trú tám giải thoát

Cho đến diệt tận định  
Ác ma không thấy được.  
Như nai được tự do  
Thoát tầm thợ săn bầy.

*(Lời thỉnh của Phạm thiên viết theo một bài giảng của Hòa thượng Thiện Siêu)*



## Kinh số 27

# Tiểu kinh Dụ dấu chân voi

## I. TOÁT YẾU

*Cūlahatthipadopama Sutta - The shorter discourse on the simile of the elephant's footprint.*

*Using the analogy of a woodsman tracking down a big bull elephant, the Buddha explains how a disciple arrives at complete certainty of the truth of his teaching. The sutta presents a full account of the step by step training of the Buddhist monk.*

**Bản kinh ngắn về ví dụ dấu chân voi.**

*Phật lấy hình ảnh người thợ rừng theo dấu một con voi lớn để giải thích làm cách nào đệ tử đạt đến sự xác tín hoàn toàn đối với chân lý Ngài dạy.*

## II. TÓM TẮT

Bà-la-môn Janussoni hỏi du sĩ Pilotika lý do vì này tôn sùng Phật. Pilotika đưa ra bốn dấu hiệu về sự tối thượng của Phật, giống như bốn dấu chân của một con voi chúa, đó là Ngài đã hàng phục được những người uyên bác nhất trong bốn chúng: sát đế lợi (giới quân sự), bà-la-môn (giới học giả), gia chủ (giới tại gia), và sa môn (giới xuất gia). Tất cả đều xác nhận "Thế Tôn là bậc Chánh đẳng giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, tăng chúng khéo hành trì", và họ trở thành đệ tử Phật. Sau khi nghe vậy, bà-la-môn Janussoni đi đến yết kiến Phật và kể lại ví dụ trên. Phật dạy ví dụ ấy chưa được đầy đủ, và Ngài giảng đến mức nào mới có thể kết luận "Thế Tôn là bậc Chánh đẳng giác..." Như một thợ rừng thiện xảo, thấy dấu chân voi, thấy những vật cao bị cọ xát, bị gà voi cắn chém, nhưng chưa



vội đi đến kết luận "đây là một con voi đực to lớn" cho đến khi lần theo dấu chân, thực sự trông thấy voi đực. Người theo Phật cũng thế, sau khi nghe Pháp, thấy tại gia là ràng buộc, phát tâm xuất gia từ bỏ gia đình, viên mãn giới, thành tựu chánh niệm, gột rửa năm triền cái, chứng và trú thiền thứ nhất cho đến thứ tư. Đó là những vết cắt chém thứ nhất của Như Lai, nhưng chưa đủ để kết luận. Vị ấy hướng tâm đến Túc mạng trí, nhớ hết các đời trước, là vết cắt chém thứ hai. Vị ấy hướng tâm đến Sinh tử trí, với thiên nhãn thuần tịnh thấy được sự sống chết của chúng sinh tùy theo nghiệp, là vết cắt chém thứ ba, nhưng vị thánh đệ tử cũng *không đi đến kết luận* "Thế Tôn là bậc Chánh đẳng giác..." Với tâm định tịnh, thuần tịnh, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí, tuệ tri Khổ, Tập, Diệt, Đạo; thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tự biết "Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui đời sống này nữa." Đến đây, vị thánh đệ tử mới đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh đẳng giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chúng tăng khéo hành trì." Như vậy, ví dụ Dấu chân voi mới thực được nói một cách rộng rãi đầy đủ.

### III. CHÚ GIẢI

Theo sử liệu xứ Tích lan, kinh này là bản kinh đầu tiên mà thượng tọa Mahinda đã giảng khi Ngài mới đến nước này.

*Không đi đến kết luận* về Ba ngôi báu, bởi vì bốn thiền và tuệ thuộc thế gian (*túc mạng trí*, biết các đời trước của mình, và *sinh tử trí*, biết việc sống chết của kẻ khác) thì ngoại đạo cũng có như Phật giáo. Kinh này hiển thị rằng, chỉ khi vị đệ tử đắc quả A-la-hán, việc làm đã xong, mới có thể đi đến kết luận thực chính xác về Tam bảo.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba ngôi báu, ba quy y, ba minh, ba lậu. Bốn sự thật, bốn thiên. Năm triển cái, năm thiên chi. Sáu căn.*

#### V. KÊ TỤNG

Như người tìm tượng vương  
Thấy dấu chân voi lớn  
Chưa kết luận vọi vàng  
Vi thợ săn thiện xảo  
Biết có loại voi cái  
Thấp lùn, mà lớn chân.

Đi lần theo dấu chân  
Thấy cãnh cao xơ xác  
Bị ngà voi chém cắt  
Người kia vẫn nghĩ rằng  
"Có thể là voi cái  
Vớ ngà lớn, chân to."  
Thợ săn chưa dừng lại  
Cứ rừng sâu lần dò.  
Thấy cãnh cao gãy đổ  
Voi chúa đang đi lại  
Dáng dấp thật ung dung  
"Tượng vương đang ở đó."

Người đệ tử xuất gia  
Thành tựu thánh Giới uẩn  
Từ bỏ năm triển cái  
Chứng và trú bốn thiên

Dấu chân, vết cắt này  
Của một con voi lớn  
Nhưng chưa đủ kết luận  
Tam bảo chính là đây.

Dù chứng túc mạng minh  
Hoặc đắc sinh tử trí  
Vẫn chưa đủ kết luận  
Vì ngoại đạo thua gì.

Chỉ đến khi lậu tận  
Sinh tận, phạm hạnh thành  
Việc cần làm đã xong  
Thành bậc A-la-hán

Kết luận này chính xác:  
Thế Tôn Chánh đẳng giác  
Pháp được Ngài khéo giảng  
Chúng tăng khéo hành trì.



## Kinh số 28

# Đại kinh Dụ dấu chân voi

## I. TOÁT YẾU

*Mahāhatthipadopama Sutta - The greater discourse on the simile of the elephant's footprint.*

*The venerable Sāriputta begins with a statement of the four noble truths, which he then expounds by way of the contemplation of the four elements and the dependent origination of the five aggregates.*

**Bản kinh dài về ví dụ dấu chân voi.**

*Tôn giả Xá-lợi-phất khởi đầu bằng tuyên bố về Bốn chân lý, rồi giảng giải bốn chân lý qua pháp quán bốn đại chủng và lý duyên khởi về năm uẩn.*

## II. TÓM TẮT

Tôn giả Xá-lợi-phất tuyên bố Bốn chân lý là lớn nhất trong tất cả thiện pháp, như dấu chân voi lớn nhất trong các dấu chân. Kế đến gồm các đoạn:

1. Phân tích chân lý về Khổ với những khía cạnh của nó, đặc biệt là năm uẩn bị chấp thủ.

2. Phân tích sắc uẩn do bốn đại tạo; lần lượt nói về bốn đại với hai khía cạnh trong và ngoài, nội đại chủng được phân tích chi tiết, đại chủng bên ngoài chỉ nói sơ qua để so sánh cho đầy đủ. Mỗi đại chủng được hiển thị như là một nền tảng để phát sinh tuệ quán "duyên sinh, vô thường, vô ngã" cùng các đức tính nhẫn, niệm và xả tương ứng với thiện.

3. Trở lại phân tích các khía cạnh của Bốn chân lý, liên hệ năm thủ uẩn: Các sở tạo sắc - mắt tai mũi lưỡi thân ý - phải lành mạnh, có sự xúc chạm với ngoại pháp đối tượng của chúng, và ngoại pháp phải ở trong tâm, thì thức phân tương ứng - cái biết của mắt, tai... - mới xuất hiện. Những pháp do duyên khởi ấy chính là năm thủ uẩn. Thế Tôn đã dạy: "Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được Pháp; ai thấy được Pháp, người ấy thấy lý duyên khởi." Sự tham đắm năm thủ uẩn là Khổ tập; sự nhiếp phục, từ bỏ dục tham là Khổ diệt.

### III. CHÚ GIẢI

*Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*: Luận giải "niệm Phật" là nhớ lời Phật dạy về ví dụ cái cửa trong kinh số 21; "niệm Pháp" là nhớ lời khuyên của Ngài trong ví dụ cái cửa; "niệm Tăng" là nhớ đến đức nhân cu/a vị tỳ kheo có thể kham nhẫn những sự nhọc mạt không phần hận.

*Xả tương ưng với thiện* là xả do tuệ, tức thái độ không ưa không ghét trước những đối tượng đáng ưa ghét xuất hiện qua sáu cửa ngũ giác quan. Nói một cách tuyệt đối, xả này chỉ bậc A-la-hán mới có, vị tỳ kheo hữu học thì đang hướng về đức tính này.

*Ai thấy Duyên khởi...* Không thấy chỗ nào khác trong tạng Pàli dẫn Phật dạy lời này. Luận chú thích: "Ai thấy lý duyên khởi thì thấy các pháp do duyên khởi; ai thấy các pháp do duyên khởi thì thấy được lý duyên khởi." Chú giải này tuy rõ hơn [ám chỉ năm thủ uẩn là pháp duyên khởi] song không bao hàm hết ý nghĩa sâu sắc của lời Phật dạy, theo đó có thể hiểu toàn thể của Pháp là Duyên khởi và toàn thể của Duyên khởi là Pháp.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn chân lý, Bốn đại chúng, Năm thủ uẩn, Sáu căn, Sáu trần, Sáu thức, Tám khổ.*

#### V. KỆ TỤNG

Trong tất cả dấu chân  
Dấu chân voi lớn nhất  
Cũng vậy tất cả thiện  
Bốn chân lý gồm thâu.

Khổ để nói vấn tất  
Chính là năm thủ uẩn  
Sắc thọ tướng hành thức  
Làm nên thân và tâm.

Sắc là thân tứ đại:  
Địa, thủy, hỏa, và phong  
Trong ngoài đều biến chuyển  
Để đi đến diệt vong.

Khi thấy rõ bốn đại  
"Không tôi, không của tôi"  
Sinh yếm ly, từ bỏ  
Và *xả* được an trú.

Do căn trần tiếp xúc  
Bèn có "thức" hiện sinh  
Năm thủ uẩn duyên sinh  
Là chân lý về Khổ

Muốn rõ biết nguồn cơn  
Tham dục là nguyên nhân  
Bỏ đam mê thủ uẩn  
Khổ diệt, chứng Niết-bàn.



Kinh số 29-30  
**Thí dụ lõi cây**  
(Đại kinh và Tiểu kinh)

## I. TOÁT YẾU

*Mahāsāropama, Cūlasāropama Sutta - the greater and shorter discourse on the simile of the heartwood.*

*These two discourses emphasize that the proper goal of the holy life is the unshakable deliverance of the mind, to which all other benefits are subsidiary.*

### *Đại kinh và Tiểu kinh Thí dụ lõi cây*

*Cả hai kinh này nhấn mạnh rằng mục đích chính của đời sống phạm hạnh là tâm giải thoát bất động, đối với mục đích này thì tất cả những lợi lạc khác chỉ là cận bã.*

## II. TÓM TẮT

Hai bản kinh cùng có nội dung như sau. Người ta có thể vì thấy khổ sinh tử nên phát tâm xuất gia tìm cách chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này, như người vào rừng tìm lõi cây. Nhưng có người, sau khi xuất gia, vì danh dự lợi dưỡng và sự tôn kính của người đời, đắm ra tự mãn, tham đắm, tự cho đã đạt mục đích. Người này ví như kẻ thay vì tìm lõi cây, lại đem về cành lá.

Có người xuất gia dù được danh dự lợi dưỡng cung kính cũng không phóng dật, sống có giới hạnh. Do thành tựu giới đức, vị ấy khen mình chê người, trở nên phóng dật: như người tìm lõi cây mà chỉ đem về vỏ ngoài.

Hạng thứ ba là người sau khi thành tựu giới, tập thiền định, do thành tựu thiền định, đắm ra tự mãn, khen



mình chê người, trở nên phóng dật. Vị này giống như người đi rừng cốt lấy lõi cây nhưng chỉ đem về *vỏ trong*.

Hạng thứ tư không vì thành tựu thiên định mà phóng dật, nên có được tri kiến, và do tri kiến nên khen mình chê người: hạng này như người đi rừng chỉ đem về *giác cây*.

Hạng thứ năm nhờ có tri kiến nhưng không phóng dật, mà thành tựu giải thoát tạm thời và giải thoát vĩnh viễn. *Tâm giải thoát bất động* này chính là *lõi cây*, là mục tiêu của đời sống phạm hạnh.

### III. CHÚ GIẢI

*Tri kiến* theo Luận giải là thiên nhãn, khả năng thấy được những sắc vi tế mà mắt thường không thể trông thấy.

"*Thành tựu thiên định*" là điều kiện để đạt tri kiến; tri kiến là căn bản để đắc 4 thiên 4 định và chứng diệt thọ tướng - gọi là *thời giải thoát*, và lậu tận, gọi là *phi thời giải thoát*.

*Thời giải thoát, samayavimokkha*: Giải thoát tạm thời, là bốn thiên, bốn định vô sắc và diệt định.

*Phi thời giải thoát, asamayavimokkha*, là bốn đạo bốn quả và Niết-bàn.

*Tâm giải thoát bất động* là quả vị A-la-hán. Như vậy, "phi thời giải thoát" có nghĩa rộng hơn là tâm "giải thoát bất động", được xem là mục đích duy nhất của đời sống phạm hạnh.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn thiên, Bốn định.*

## V. KÊ TỤNG

Nhân Đề bà đạt đa  
Bỏ tắng đoàn của Phật  
Lập riêng chúng xuất gia  
Thế Tôn dạy đại chúng:

Kẻ từ bỏ gia đình  
Muốn thoát khổ sinh tử  
Như người tìm lõi cây  
Khó đạt mục đích mình.

Hoặc tự mãn *lợi danh*  
Mà trở thành phóng dật  
Như lá cành vụn vặt  
Lầm tưởng là lõi cây.

Hoặc khi thành tựu Giới  
Tự xem không ai bằng  
Như kẻ kiếm lõi cây  
Chỉ đem về lớp vỏ.

Có người tiến tu lên  
Khiến tâm được *định tĩnh*  
Lại khen mình chê người  
Không đạt được cốt lõi.

Có người nhờ định tâm  
Đạt *tri kiến* sáng suốt  
Hoan hỷ sinh kiêu căng  
Lõi cây chưa tìm được.

Không tự mãn tri kiến  
Chứng bốn thiên, bốn không  
Đạt tạm thời giải thoát  
Vị ấy còn mất mát.

Không tham đắm tri kiến  
Tâm giải thoát bất động  
Đây chính thực lõi cây  
Mục đích phạm hạnh này.



## Kinh số 31

# Tiểu kinh Rừng Sừng bò

### I. TOÁT YẾU

*Cūlagosīṅga Sutta - The shorter discourse in Gosīṅga.*

*The Buddha meets three bhikkhus who are living in the concord, "blending like milk and water", and inquires how they succeed in living together so harmoniously.*

**Bản kinh ngắn tại rừng Gosīṅga (Sừng bò).**

*Phật gặp ba tỳ kheo sống chung hòa hợp "như nước với sữa" và hỏi họ làm cách nào họ sống được hòa hợp như vậy.*

### II. TÓM TẮT

Phật đến rừng Gosīṅga, nơi ba tôn giả Anuruddha, Nandiya và Kimbila (A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la) đang cư trú, và hỏi thăm cách sinh hoạt của họ.

1. Trước hết Ngài hỏi họ có sống hòa hợp với nhau như nước với sữa không? Họ đáp có. Phật hỏi họ làm thế nào để sống hòa hợp như vậy. Họ đáp rằng, vì nghĩ đến lợi ích của sự sống chung, họ đối với nhau bằng tâm từ với cả ba nghiệp thân, ngữ, ý trước mặt cũng như sau lưng. Rồi họ quyết định từ bỏ tâm của mình và chỉ sống với tâm của người khác. Do vậy tuy khác thân nhưng cũng như đồng một tâm.

2. Kế đến, Ngài hỏi họ có sống nhiệt tâm tinh cần, không phóng dật hay không. Họ cũng đáp có. Bằng cách mỗi người tự ý thức để làm các công việc trong đời sống chung, không cần so đo tính toán.

3. Cuối cùng, Phật hỏi, sống tinh cần như vậy, nhưng có đắc các pháp siêu việt con người không? Tôn giả A-na-luật, với tâm mình biết tâm của hai vị kia, nên đáp rằng họ có thể chứng bốn thiên cho đến Diệt thọ tướng, không có lạc trú nào cao hơn nữa. Phật xác nhận họ nói đúng.

Sau đó, Trường quý Dạ-xoa - Dīgha Parajana đến đánh lễ Phật, tỏ sự vui mừng cho dân chúng Vajji (Bạt kỳ) vì nơi này đã có đức Thế Tôn cư trú, lại có ba tôn giả ấy cư trú. Lời Trường quý Dạ-xoa ca tụng danh đức ba thiện nam tử vang dội khắp tất cả các cung trời cho đến cõi Phạm thiên, và Phật dạy đúng thế, gia đình nào, bà con dòng họ nào, làng xóm xứ sở nào từ đó ba vị tôn giả xuất thân, cũng như bất cứ người nào nơi nào khác, kể cả chư thiên, nếu biết nghĩ nhớ đến ba vị tôn giả với tâm hoan hỷ, thì những người ấy, gia đình ấy, nơi chốn ấy, sẽ được an lạc hạnh phúc lâu dài. Vì ba vị ấy sống "vì an lạc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc an lạc cho chư thiên và loài người."

### III. CHÚ GIẢI

*A-na-luật* là em họ của Phật, *Nan-đề* và *Kim-tỳ-la* là bạn thân của *A-na-luật* từ khi còn tại gia.

*Từ thân nghiệp, ngữ và ý nghiệp* là ba trong sáu nguyên tắc sống chung gọi là Lục Hòa.

*Dạ-xoa*: Luận nói vị này là vua trời trong số 28 tướng Dạ-xoa đề cập trong kinh *Trường bộ* số 32.

### IV. PHÁP SỐ

*Ba nghiệp, bốn thiên, bốn định, chín định thứ đệ.*

## V. KÊ TỤNG

Phật thăm A-na-luật  
Cùng hai bạn đồng tu  
Trong khu rừng Sừng bò  
Hỏi họ có vui hòa?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn  
Chúng con thật hòa hợp  
Vi thấy sự lợi lạc  
Được sống chung bạn lành  
Chúng con thương kính nhau  
Sau lưng như trước mặt  
Ai cũng bỏ tâm mình  
Sống theo tâm kẻ khác.  
Vậy nên, bạch Thế Tôn  
Chúng con dường như thể  
Chỉ có đồng một tâm  
Mặc dù khác thân thể.

Lành thay, Phật ngợi khen  
Và hỏi A-na-luật:  
"Các người có tinh cần  
Hay buông lung biếng nhác?"

- Chúng con không phóng dật  
Luôn siêng năng tinh cần  
Không so bì công tác  
Trong đời sống cộng đồng.

Lành thay, A-na-luật,  
Các người sống tinh cần  
Có chứng pháp thượng nhân  
Và tri kiến bậc thánh?

- "Bạch Phật, làm sao không?  
Chúng con tùy ý muốn  
Chứng bốn thiên, bốn không  
Cho đến Diệt thọ tướng.  
Tri kiến ấy cao thượng  
Lậu hoặc đoạn trừ  
Chỗ chứng của bậc thánh  
Không gì an lạc hơn."

Phật khen ngợi cả ba  
Rồi trở về tịnh xá  
Gặp Trường quý Dạ-xoa  
Đến lễ bái chào mừng:  
"Lành thay, bạch Thế Tôn  
Dân chúng ở Bạt kỳ  
Được đón đấng Chánh giác  
Và ba vị thánh tăng."

Lời chúc tụng ngân vang  
Xưng tán ba tôn giả  
Qua hăm tám tầng trời  
Cho đến Phạm thiên giới.

Phật bèn bảo Dạ-xoa:  
Khắp thế giới Sa bà  
Nơi nào có nghĩ đến  
Ba thiện nam tử này

Mà ca tụng "lành thay"  
Thì trong thế giới ấy  
Chư thiên và loài người  
Sẽ an lạc lâu dài.  
Ba thiện nam tử ấy  
Vì hạnh phúc chúng sinh  
Vì an lạc muôn loài  
Nên đã sống trên đời.





## Kinh số 32

# Đại kinh Rừng Sừng bò

## I. TOÁT YẾU

*Mahāgosinga Sutta - The greater discourse in Gosinga.*

*On a beautiful moonlit night a number of senior disciples meet together in a sàla tree wood and discuss what kind of bhikkhu could illuminate the wood. After each has answered according to his personal ideal, they go to the Buddha, who provides his own answer.*

*Bản kinh dài trong rừng Gosinga.*

*Vào một đêm trăng sáng, một số cao đệ của Phật tụ họp trong rừng cây sa la thảo luận về hạng tỳ kheo nào có thể làm chói sáng khu rừng. Sau khi mỗi người đã trả lời theo lý tưởng riêng mình, họ cùng đi đến Phật. Ngài đưa ra câu trả lời của chính Ngài.*

## II. TÓM TẮT

Rừng Gosinga, nơi Phật và chúng tăng đang cư trú, có nhiều cây sa la đang độ trở bông. Vào một đêm trăng sáng, một số đông đệ tử nổi tiếng của Phật đi đến chỗ tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả lần lượt hỏi quan điểm riêng của mỗi người về một mẫu tỳ kheo lý tưởng trong đạo Phật, với cách nói bóng bẩy: "Hạng tỳ kheo nào có thể làm chói sáng khu rừng Gosinga".

A-nan trả lời: Hạng đa văn.

Ly-bà-đa: Hạng độc cư thiên định.

A-na-luật: Hạng có thiên nhãn.

Ca-diếp: Hạng khổ hạnh.

Mục-kiền-liên: Hạng giỏi luận thuyết.

Khi họ hỏi lại quan điểm của Xá-lợi-phất, tôn giả trả lời "hạng có khả năng điều phục tâm".

Tất cả cùng đi đến Phật để xin Ngài quyết đoán ai đúng ai sai. Phật dạy tất cả đã khéo trả lời đúng với sở trường mình; như A-nan đa văn nên cho đa văn là lý tưởng. Rồi Phật dạy theo Ngài, hạng *tỳ kheo lý tưởng* là người khát thực về, ăn xong ngồi kiết già lưng thẳng cho đến khi tâm giải thoát tất cả lậu hoặc, không có chấp thủ [tức là vị tỳ kheo đã chứng quả A-la-hán].

### III. CHÚ GIẢI

*Luận thuyết, Abhidhamma*: Mặc dù đây không thể là tạng Luận A-tỳ-đàm, sản phẩm Phật giáo xuất hiện sau Nikāyas, nó cũng cho thấy vào thời Phật, đã có sự phân tích giáo lý làm nên tạng cho tạng Luận sau này.

Trong khi những câu trả lời của mỗi đệ tử nêu lên một khía cạnh đặc biệt của đời sống xuất gia đang tìm cầu giải thoát, thì câu trả lời của Phật nói ngay cái mục tiêu cuối cùng của đời sống ấy là đoạn tận lậu hoặc.

### IV. PHÁP SỐ

*Năm thành phần của pháp thân*: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

### V. KÊ TỤNG

Trong rừng Go-sin-ga  
Vào một đêm trăng rằm  
Hoa sa la rộ nở  
Tỏa hương khắp không gian.

Buổi chiều hôm êm ả  
Từ độc cư thiên tịnh  
Nhiều tỳ kheo thượng tọa  
Viếng Sa-ri-put-ta.

"Lành thay chư tôn giả  
Đêm rằm thật khả ái  
Rừng sa la hoa nở  
Tỏa hương khắp cung trời."

"Hiền giả A-nan-đa  
Bạn nghĩ tỳ kheo nào  
Có thể làm chói sáng  
Khu rừng Go-sin-ga."

Hiền giả Ly-bà-đa (Revata)  
Theo ý kiến của bạn  
Tỳ kheo nào chói sáng  
Khu rừng Go-sin-ga?

"Thưa ngài Xá-lợi-phất,  
Tỳ kheo thích độc cư  
Không gián đoạn thiên định  
Chói sáng Go-sin-ga."

Tôn giả A-na-luật  
Đáp Xá-lợi-phất:  
"Tỳ kheo có thiên nhãn  
Chói sáng Go-sin-ga."

Đến lượt Đại Ca-diếp  
Đáp lời Xá-lợi-phất:  
"Người khổ hạnh miên mật  
Chói sáng Go-sin-ga."

Tôn giả Mục-kiền-liên:  
"Ai thành tựu biện tài  
Tỳ kheo ấy chói sáng  
Khu rừng Go-sin-ga."

Chúng tôi đã nói qua  
Ý kiến của riêng mình  
Hãy nói lên, Hiền giả  
Ai chói sáng Gosinga?

Xá-lợi-phất từ tốn  
Bảo Mog-ga-llā-na:  
"Tỳ kheo điều phục tâm  
Chói sáng Go-sin-ga."

Nhưng này, chư tôn giả  
Ta hãy đến Thế Tôn  
Thuật lại vấn đề này  
Để nghe lời chỉ giáo."

Rồi Sa-ri-put-ta  
Bạch hỏi đức Thế Tôn  
Ai đã khéo trả lời  
Câu hỏi được đặt ra?

"Tất cả đều khéo đáp  
Đúng với cương vị mình.  
Hãy nghe Như Lai bảo  
Ai sáng chói khu rừng.

Tỳ kheo sau bữa ăn  
Khi đi khát thực về  
Ngồi kiết già lưng thẳng  
Tâm không vấn vương gì.

Giải thoát các lậu hoặc  
Hoàn toàn không chấp thủ  
Một tỳ kheo như vậy  
Sáng chói Go-sin-ga."



Kinh số 33  
**Đại kinh Người chăn bò**

**I. TOÁT YẾU**

*Mahāgopālaka Sutta - The greater discourse on the cowherd.*

*The Buddha teaches eleven qualities that prevent a bhikkhu's growth in the Dhamma and eleven qualities that contributes to its growth.*

**Bản kinh lớn về người mục đồng.**

*Phật dạy 11 tính chất khiến tỳ kheo không lớn mạnh trong Pháp và 11 tính chất đưa đến sự tăng tiến Pháp.*

**II. TÓM TẮT**

Người xuất gia muốn tu hành tiến bộ cần có 11 đức tính như người chăn bò thiện xảo:

1. *Biết sắc*, tức biết về bốn đại và sắc do 4 đại tạo.
2. *Biết tướng*, là biết phân biệt cách hành xử của kẻ ngu và bậc trí.
3. *Biết trừ bỏ trướng bọ chết*, là biết trừ khử ngay trong mầm mống các ý niệm dục, sân, hại và những bất thiện khác.
4. *Biết băng bó vết thương*, là chế ngự tâm khi căn trần xúc đối.
5. *Biết xông khói*, là thuyết giảng rộng rãi chính pháp đã được nghe.
6. *Biết chỗ nước có thể lội qua*, là biết cầu học những vị đa văn về ba tạng kinh điển.

7. *Biết chỗ nước uống*, là tin hiểu Pháp và Nghĩa, có được sự hân hoan liên hệ đến pháp.

8. *Biết con đường*, là biết Thánh đạo tám ngành.

9. *Biết nơi đàn bò có thể ăn cỏ*, là biết bốn niệm xứ.

10. *Biết giữ sữa*, không vắt cho đến khô kiệt, là không lạm dụng sự cúng dường của thí chủ.

11. *Biết săn sóc đặc biệt con bò đầu đàn*, là biết kính ái bậc tôn túc trưởng lão, sau lưng như trước mặt.

### III. CHÚ GIẢI

*Nghĩa tín thọ*: tin nhận ý nghĩa của Pháp.

*Pháp tín thọ*: tin nhận văn tự trình bày Pháp.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn đại, bốn niệm xứ, sáu căn, tám thánh đạo.*

### V. KÊ TỤNG

Phật dạy các tỳ kheo:

Đầy đủ mười một pháp

Người chăn giữ đàn bò

Khiến đàn bò hưng thịnh:

Biết sắc và biết tướng

Biết trừ bỏ bọ chét

Biết băng bó vết thương

Và lại biết xông khói.

Biết chỗ để lợi qua

Đưa bò qua khe suối

Biết chỗ có nước uống

Và có cỏ non mềm.

Không vắt sữa bò cái  
Cho đến nỗi khô kiệt  
Biết chăm sóc đặc biệt  
Con bò chúa đầu đàn.

Tỳ kheo cũng như vậy  
Muốn tu hành hưng thịnh  
Trong Pháp và Luật này  
Cần đủ mười một pháp.

*Biết sắc* là tứ đại  
Và tứ đại tạo thành  
*Biết tướng* người ngu, trí  
Do quan sát ba hành.

*Biết bỏ* trướng bọ chết  
Là trừ khử mầm mống  
Các bất thiện trong tâm  
Liên hệ dục, hại, sân.

*Biết băng bó vết thương*  
Là chế ngự tâm mình  
Khiến bất thiện không khởi  
Khi căn trần xúc đối

Tỳ kheo *biết xông khói*  
Là giảng Pháp rộng rãi  
*Biết chỗ nước lợi qua*  
Là tham vấn gần xa.



*Biết chỗ cho bò uống  
Là pháp vị cam lồ  
Tỳ kheo thường tỉnh thức.  
Biết đường tức bát chính.*

*Nơi cho bò ăn cỏ  
Là trú Bốn niệm xứ  
Không vắt sữa cạn khô:  
Không lạm dụng tín đồ*

*Biết chăm sóc đặc biệt  
Là đối với bề trên  
Thường khởi tâm hiếu kính  
Sau lưng như hiện tiền.*



## Kinh số 34

# Tiểu kinh Người chăn bò

### I. TOÁT YẾU

*Cūlagopālaka Sutta - The shorter discourse on the cowherd.*

*The Buddha explains the types of bhikkhus who "breast Māra's stream" and get safely across to the further shore.*

**Bản kinh ngắn về người chăn bò.**

*Phật giải thích các hạng tỳ kheo "vượt qua được sông ma" để vượt qua bờ kia một cách an ổn.*

### II. TÓM TẮT

Như kẻ chăn bò vô trí không quan sát kỹ, lừa bò qua sông tại chỗ không thể lội qua, đàn bò gặp tai nạn. Cũng thế, có những tu sĩ không khéo biết đời này đời sau, không biết ma giới và phi ma giới, cảnh giới tử thân và cảnh giới bất tử. Những ai nghe và tin theo những vị ấy sẽ phải bất hạnh, đau khổ lâu dài. Phật như người chăn có trí, biết rõ đời này, đời sau, ma giới và phi ma giới, tử thân giới và phi tử thân giới, nên Ngài đã đưa nhiều hạng người an toàn vượt qua dòng sông sinh tử, cảnh giới của Ma: những bậc A-la-hán, như con bò đầu đàn; A na hàm, như bò đực đã thuần; bậc Nhất lai, như bò con đã lớn; Dự lưu, như bò con còn bú; những bậc Tùy pháp hành, tùy tín hành, như bò con mới sinh còn chạy theo mẹ.

### III. CHÚ GIẢI

*A-la-hán* có hai hạng: Tâm giải thoát do lúc tu thiên về Định; Tuệ giải thoát do lúc tu thiên về Tuệ.

*A –a-hàm* hay *Bất hoàn*: trừ năm hạ phần kết sử.

*Tu-đà-hàm* hay *Nhất lai*: trừ ba kết sử và làm suy yếu tham, sân, si.

*Tu-đà-hoàn* hay *Dự lưu*: trừ ba kết sử là thân kiến [chấp thân này là tôi, của tôi], nghi [đối với Ba ngôi báu], và giới cấm thủ [giữ các khổ hạnh không đưa đến giải thoát].

*Tùy tín hành*: người đắc Dự lưu đạo tu nhờ tu quán vô thường. Từ đây trở đi cho đến quả vị A-la-hán, vị ấy được gọi là bậc *Tín giải thoát*.

*Tùy pháp hành*: người đắc Dự lưu đạo nhờ tu quán vô ngã. Ở các địa vị trên Dự lưu đạo, gọi là bậc *Kiến chí*. Khi đắc A-la-hán quả, vị ấy được gọi là bậc *Tuệ giải thoát*.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn quả sa môn.*

#### V. KÊ TỤNG

Kẻ chăn bò vô trí  
Không quan sát bờ sông  
Lùa bò lội chỗ hiểm  
Đàn bò chết giữa dòng.

Người chăn bò có trí  
Khéo quan sát bờ sông  
Lùa bò qua an ổn  
Bò đực dẫn đầu đàn.

Bậc trí khéo trình bày  
Đời sau và đời này  
Cảnh giới của ác ma  
Và phi-ma cảnh giới.

Bậc Chánh giác, Trí giả  
Biết rõ mọi thế giới  
Cửa bất tử rộng mở

Hành lộ đến Niết-bàn.  
Những ai tin theo Phật  
Cắt đứt các trói buộc  
Vượt qua dòng sinh tử  
Được an lạc dài lâu:

Hoặc thành bậc La-hán  
Như bò đực đầu đàn;  
Hoặc thành bậc Bất hoàn  
Như bò đực khỏe mạnh;

Hoặc thành bậc Nhất lai  
Như bò tơ đương độ;  
Hoặc thành bậc Dự lưu  
Như bê con còn bú.

Tất cả đệ tử Phật  
Đều vượt thoát an toàn  
Cắt ngang dòng sông Ma  
Đạt Niết-bàn an ổn.



## Kinh số 35

# Tiểu kinh Saccaka

### I. TOÁT YẾU

*Cūlasaccaka Sutta - The shorter discourse to Saccaka.*

*The debater Saccaka boast that on debate he can shake the Buddha up and down and thump him about, but when he finally meets the Buddha their discussion takes some unexpected turns.*

*Bài kinh ngắn giảng cho Saccaka.*

*Saccaka, người giỏi biện luận thuộc phái khổ hạnh Ni-kiên Tử khoe khoang rằng ông ta có thể tranh biện với Phật làm Ngài phải run lên, vắn quanh Ngài. Nhưng cuối cùng khi ông gặp Phật, cuộc đàm luận đã có những chuyển biến bất ngờ.*

### II. TÓM TẮT

Ni-kiên Tử Saccaka, tính ưa tranh luận, thường khoe mình có thể đánh bại tất cả giáo chủ. Ông cùng một số đông dân chúng Licchavis đến nơi Phật, cốt cho những người này chứng kiến tài biện bác của ông.

Mở đầu, ông hỏi Phật dạy đệ tử những gì. Phật trả lời, Ngài dạy các tỳ kheo rằng 5 uẩn là vô thường, vô ngã. Tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, đó là giáo huấn của Ngài.

Saccaka phản bác lời ấy bằng một ví dụ: như đất là chỗ nương của tất cả cây cỏ, cũng vậy tự ngã con người nương tựa vào năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức, mà làm các việc thiện hay ác.

Phật gạn hỏi: Có phải ông chủ trương sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tự ngã của ta? Saccaka xác nhận như vậy, và

còn thêm rằng tất cả đại chúng đây ai cũng xác nhận điều ấy [nghĩ rằng cái gì đa số chấp nhận thì không thể sai lầm].

Phật hỏi Saccaka, có phải vua có quyền đối với thân dân của ông ta không? Saccaka đáp phải.

Phật: Ông nói sắc, thọ... là tự ngã của ông, vậy ông có quyền hành gì đối với sắc, thọ... hay không? Saccaka làm thinh.

Phật hỏi đến lần thứ hai, thứ ba, ông buộc lòng phải trả lời không.

Phật dạy ông đã nói trái với lời trước.

Khi ấy Phật hiển thị cho Sacca thấy:

1. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, cái gì vô thường là khổ, cái gì đã vô thường, khổ, thì thực không hợp lý để xem là tôi và của tôi. Do vậy, 5 uẩn là vô thường, khổ, vô ngã.

2. Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ, xem nó là tôi và của tôi, thì không thể liễu tri khổ, không trừ diệt được khổ.

3. Như người tìm cầu lõi cây mà chặt về một cây chuối hoàn toàn không lõi, Sacca cũng vậy, đã tự tỏ ra trống rỗng.

Saccaka chấp nhận mình bị luận bại, và hỏi Phật đệ tử Ngài chấp hành giáo lý ấy như thế nào để đạt giải thoát.

Phật trả lời có hai hạng: Có đệ tử tuệ tri tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức, quá khứ vị lai hiện tại, thô hay tế, trong hay ngoài, đều không phải là tôi, của tôi, hay tự ngã của tôi; hạng ấy thành tựu vô úy. Có đệ tử sau khi thấy chân chính với trí tuệ, giải thoát tất cả chấp thủ, thành tựu ba vô thượng là vô thượng kiến, vô thượng đạo và vô thượng giải thoát. Vị ấy chỉ kính lễ Như Lai, bậc đã giác ngộ, đã điều phục, đã tịch tĩnh, đã vượt qua, đã chứng Niết-bàn.

### III. CHÚ GIẢI

*Thành tựu vô úy*, đoạn tận nghi hoặc, là bậc hữu học.

*Giải thoát tất cả chấp thủ* chỉ bậc A-la-hán.

*Ba vô thượng*: Kiến vô thượng chỉ tuệ thế gian và siêu thế; vô thượng đạo là sự thực hành tuệ ấy; và vô thượng giải thoát là kết quả của thực hành.

*Hoặc có thể giải thích cả ba hoàn toàn siêu thế:*

- Vô thượng kiến là cái thấy chân chính thuộc A-la-hán đạo;

- Vô thượng đạo là bảy địa vị còn lại;

- Vô thượng giải thoát là quả vị A-la-hán.

*Hoặc 1 là tri kiến Niết-bàn; 2 là các yếu tố thuộc đạo; 3 là quả tối cao.*

### IV. PHÁP SỐ

*Ba pháp ấn, Năm uẩn.*

### V. KỆ TỤNG

Ni-kiên Tử Sac-ca  
Đến hỏi Go-ta-ma  
Dạy gì cho đệ tử  
Xin Ngài hãy nói ra?

Phật ôn tồn đáp lại:  
Tỳ kheo được giảng dạy  
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức  
Là vô thường, vô ngã.

Tôn giả Go-ta-ma  
Như các giống cây cỏ  
Đều nương tựa vào đất

Mà hưng thịnh, tăng trưởng,  
Tự ngã của con người  
Cũng nương tựa năm uẩn  
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức  
Làm các nghiệp dữ lành.

Phải chăng ông muốn bảo  
Sắc thọ tưởng hành thức  
Là tự ngã của ta?  
Đúng thế, Go-ta-ma.  
Không những mình tôi nói  
Mà cả đại chúng đây  
Cùng có quan điểm ấy:  
Năm uẩn là tự ngã.  
Không nói tới đại chúng  
Hãy nói quan điểm ông.

- Như vậy, thưa tôn giả:  
Năm uẩn là tự ngã.  
Ông có quyền trên chúng  
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức  
Bảo nó phải như vậy  
Không được như thế khác?

Ni-kiên Tử ngơ ngác  
Phật hỏi lần thứ ba  
Ông phải đáp rằng không  
Mâu thuẫn lời nói trước.



Này hỡi Ni-kiền Tử  
Sắc, thọ, tướng, hành, thức  
Là thường hay vô thường?  
Vô thường, thừa tôn giả.  
Vô thường vui hay khổ?  
Là khổ, thừa tôn giả.  
Vậy có hợp lý chăng  
Xem là tôi, của tôi?

Ai ái luyện tự ngã  
Tham đắm đồng khổ này  
Có thể liễu tri khổ  
Và trừ diệt khổ chăng?

Thưa không, bạch tôn giả.  
Thật tôi đã sai lầm  
Khi đến đây tranh luận  
Như xin hỏi Go-ta-ma  
Đệ tử tuân chỉ giáo  
Thành tựu như thế nào?

- Bạc hữu học đoạn nghi  
Thấy như thật mọi sắc  
Và thọ tướng hành thức  
Không tôi, không của tôi  
Không tự ngã của tôi  
Thành tựu được vô úy.  
Lại có những đệ tử  
Nhờ thấy được như trên  
Tận trừ các chấp thủ  
Đạt vô thượng giải thoát.



Kinh số 36  
**Đại kinh Saccaka**

**I. TOÁT YẾU**

*Mahāsaccaka Sutta - The greater discourse to Saccaka.*

*The Buddha meets again with Saccaka and in the course of a discussion on development of body and development of mind he relates a detailed narrative on his own spiritual quest.*

*Bản kinh dài giảng cho Saccaka.*

*Phật lại gặp Saccaka và trong một cuộc thảo luận về thân tu tập và tâm tu tập, Ngài thuật lại chi tiết về cuộc tâm đạo của chính mình.*

**II. TÓM TẮT**

Ni-kiền Tử Saccaka cho rằng những người tu tập về thân bị đau đớn về thân, và tâm cũng trở nên điên loạn, vì tâm không được tu tập. Ngược lại có người tu tập về tâm mà không tu tập thân, cũng cảm thọ thống khổ, tâm cuồng vì thân không được tu tập. Và ông ta nghĩ chắc chắn đệ tử Phật thuộc hạng thứ hai, nghĩa là chỉ tu tâm, không tu thân.

Phật hỏi ông nghĩ thế nào là tu thân, ông đáp đó là các kiểu ép xác của lửa thể ngoại đạo, tiết chế ăn uống trong thời gian tu tập. Phật hỏi sau đó thì sao, Ni-kiền Tử đáp sau đó họ lại ăn đủ thứ béo bổ để lấy lại sức. Phật dạy như vậy là họ trở lại với những gì họ từ bỏ, thì có tu cũng như không. Phật lại hỏi tu tâm là thế nào, Saccaka không đáp được.

Do đó Phật giảng cho nghe thế nào là tu thân và tu tâm trong giới luật bậc thánh:

Khi lạc thọ khởi lên vị thánh đệ tử không tham đắm, theo đuổi lạc ấy. Khi lạc thọ chấm dứt, khổ thọ khởi lên, vị thánh đệ tử không sầu muộn than khóc.

Vị ấy không bị lạc thọ chi phối, vì có tu tập về thân. Vị ấy không bị khổ thọ chi phối, vì có tu tập về tâm.

Khi ấy Saccaka hỏi Phật: có bao giờ lạc thọ khởi lên xâm chiếm tâm Ngài, có bao giờ khổ thọ khởi lên xâm chiếm tâm Ngài không.

Để trả lời, Phật kể lại, sau khi thoát ly gia đình, Ngài nhận thấy nếu không xả ly các dục về thân mà tu khổ hạnh, thì cũng vô ích như cọ xát một khúc cây còn ướt để lấy lửa. Do đó Ngài từ bỏ các dục, khởi sự tu khổ hạnh. Ngài cảm thọ những khổ thọ khốc liệt, nhưng *khổ thọ ấy không chi phối được tâm Ngài*. Tuy vậy, vì khổ hạnh đã không giúp Ngài chứng được pháp thượng nhân, nên Ngài nhớ lại một kinh nghiệm thiền lạc mà Ngài đã nếm trải lúc còn thơ ấu. Ngài khởi sự nghĩ không phải tất cả lạc thọ đều đáng sợ, mà còn có thứ lạc thọ vô hại này, đó là lạc thọ ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú các thiền... Nhưng không thể nào chứng được các lạc thọ ấy với một thân thể gầy yếu. Và từ đấy Ngài ăn uống trở lại để tham thiền, và đã đắc đạo. Như vậy lạc thọ của các thiền chứng đã khởi lên nơi Ngài nhưng *Ngài không bị lạc thọ ấy chi phối*.

Saccaka hỏi: Ngài có cho phép ngủ ngày không ? Phật dạy có, mỗi khi khát thực về, cảm thấy mệt mỏi, Ngài cũng đặt lưng xuống ngủ trong chánh niệm tỉnh giác.

Saccaka bảo: Như vậy là Ngài còn trú trong si ám. Phật dạy, si ám là chưa đoạn trừ lậu hoặc, còn những phiền não đưa đến sinh, già, chết trong tương lai.

Saccaka khen Phật dù bị chất vấn công kích mặt vẫn không biến sắc như các đạo sư khác. Rồi ông cáo từ.

### III. CHÚ GIẢI

Theo Luận giải, lần này Saccaka đến gặp Phật với ý định bài bác giáo lý của Ngài, vì lần trước [kinh số 35] đã bị thất bại. Nhưng lần này ông đi một mình, để rủi có bị luận bại cũng không ai biết. Ông định bài báng Phật với câu hỏi về chuyện ngủ ngày, nhưng để dành câu hỏi ấy cho đến đoạn cuối cuộc đàm luận.

*Thân tu tập* theo Saccaka, là thực hành ép xác khổ hạnh. Vì không thấy các tỳ kheo của Phật tu khổ hạnh, ông nghĩ họ không tu thân.

Nhưng theo Luận, tu thân trong Phật giáo là thiền quán, còn tu tâm là thiền tịnh chỉ. Khi thánh đệ tử cảm thọ lạc, vị ấy không bị xâm chiếm bởi lạc thọ ấy, vì nhờ tuệ quán, vị ấy biết cảm thọ là vô thường, khổ, không thực chất. Khi cảm thọ khổ, tâm vị ấy cũng không bị khổ thọ xâm chiếm, vì nhờ tu tập định, vị ấy có thể thoát khỏi khổ thọ bằng cách nhập vào một định chứng.

Theo Luận giải, Phật gặp Saccaka đến hai lần và chịu khó đàm luận với ông ta mặc dù ông không quy thuận, vì Ngài biết trước ông ta sẽ tái sinh tại Tích lan, nơi đây ông sẽ thành vị A-la-hán với tên Hắc Phật Hộ [Kàla Buddharakkhita].

### IV. PHÁP SỐ

*Ba lậu, ba minh, bốn thiền, bốn sự thật.*

## V. KÊ TỤNG

### **1. Ni-kiến Tử cho rằng ép xác là tu thân**

Sacca nêu vấn đề  
Tu thân và tu tâm  
Cho rằng đệ tử Phật  
Không tu tập về thân  
Vì không có khổ hạnh.  
Phật giải thích rõ ràng  
Về tu thân, tu tâm  
Trong giới luật bậc Thánh.

### **2. Tu thân và tu tâm theo Phật giáo**

Khi lạc thọ khởi lên  
Không đam mê cuồng nhiệt  
Như vậy thánh đệ tử  
Gọi là có tu thân  
Khi lạc dứt, khổ sinh  
Tâm không bị điên đảo  
Vị thánh đệ tử ấy  
Được gọi có tu tâm.

### **3. Khổ, lạc khởi lên nhưng không chi phối tâm Phật**

Phật cho biết xưa kia  
Ngài từng tu khổ hạnh  
Những khổ thọ chết người  
Không khiến Ngài nao núng  
Nhưng thể xác gầy mòn  
Mà không đạt tri kiến  
Xứng đáng bậc thượng nhân

Ngài từ bỏ khổ hạnh.  
Ngài nhớ thuở ấu thời  
Đã nếm qua thiên lạc  
Một cảm thọ vô hại  
Có thể đây con đường  
Dẫn Ngài đến giác ngộ  
Can gì phải từ bỏ ?  
Bởi vậy Ngài ăn uống  
Để lấy sức tu thiền.

Ngài chứng thiền thứ nhất  
Hỷ lạc ly dục sinh  
Tâm không bị chi phối  
Ngài chứng thiền thứ hai  
Tâm không hề thay đổi  
Cho đến thiền thứ tư  
Được xả niệm thanh tịnh  
Tâm Ngài vẫn như như.  
Hướng đến túc mạng minh  
Nhớ nhiều đời quá khứ  
Như vậy lạc thọ sinh  
Ngài hướng Sinh tử trí  
Thấy sống chết chúng sinh  
Lạc thọ cũng khởi lên  
Tâm Ngài không chướng ngại  
Hướng đến trí Lưu tận  
Hoàn toàn hết lỗi lầm.

#### *4. Ni-kiên Tử bác chuyện ngủ ngày*

Khi ấy Ni-kiên Tử  
Hỏi trong giáo lý Ngài  
Có cho phép ngủ ngày ?  
Nếu có, còn si ám.

- Trong giáo pháp Như Lai  
Ai lậu hoặc chưa trừ  
Còn già chết tương lai  
Mới gọi là si ám.

Lành thay Go-ta-ma  
Dầu bị tôi công kích  
Sắc mặt vẫn hoan hỷ  
Vẫn không đổi màu da.



## Kinh số 37

# Tiểu kinh Đoạn tận ái

## I. TOÁT YẾU

*Cūlatanhāsankhaya Sutta - The shorter discourse on the destruction of craving.*

*The venerable Mahā Moggallāna overhears the Buddha give a brief explanation to Sakka, ruler of gods, as to how a bhikkhu is liberated through the destruction of craving. Wishing to know if Sakka understood the meaning, he makes a trip to the heaven of the Thirty-three to find out.*

***Bản kinh ngắn về sự diệt ái.***

*Tôn giả Đại Mục-kiên-liên nghe lỏm một bài kinh ngắn Phật giảng cho Đế Thích thiên chủ, làm thế nào một tỳ kheo giải thoát nhờ diệt ái. Vì muốn biết Thiên chủ có hiểu được ý nghĩa lời dạy ấy không, tôn giả Mục Liên lên đến cõi trời 33 để tìm hiểu.*

## II. TÓM TẮT

Thiên chủ Đế Thích đến xin Phật giảng vấn tất thế nào là một tỳ kheo ái tận giải thoát, thành tựu mục đích của đời sống phạm hạnh. Phật dạy, sau khi tỳ kheo được nghe rằng không có gì đáng chấp thủ, vị ấy biết rõ tất cả pháp, biết một cách rõ ràng, và nhờ biết rõ ràng tất cả pháp, mỗi khi một cảm thọ khởi lên, thuộc loại lạc, khổ hay bất khổ bất lạc, vị ấy đều quán vô thường, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ. Do quán như vậy, vị ấy không chấp trước, do không chấp trước nên không phiền não, chứng Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.



Đế thích hoan hỷ tín thọ lời Phật dạy rồi biến mất tại chỗ.

Tôn giả Mục liên muốn biết Đế thích có tín thọ lời Phật dạy hay không, liền bay lên cõi trời 33, gặp Đế thích đang thụ hưởng thiên lạc với vô số thiên nữ trong lâu đài Vejayanta mà ông xây cất sau khi chiến thắng a tu la. Đế thích rất hãnh diện về thành tích này. Tôn giả hóa phép khiến cho lâu đài bị chấn động, thiên chủ hoảng sợ. Tôn giả yêu cầu thiên chủ nhắc lại lời Phật dạy mà ông đã được nghe. Đế thích lặp lại không sai sót. Tôn giả biến mất ở cõi trời 33, trở về bạch Phật. Phật xác nhận đã giảng cho Đế thích pháp môn giải thoát nhờ đoạn ái.

### III. CHÚ GIẢI

Đế thích hỏi về giai đoạn tu tập chuẩn bị của tỳ kheo hướng đến quả vị A-la-hán, do tu tập này mà vị ấy được giải thoát nhờ đoạn diệt ái.

*Tất cả pháp* ở đây là 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới. Chúng được xem là không đáng tham lam chấp thủ [ái và kiến] vì cuối cùng, trên thực tế, chúng hóa ra trái ngược: Chúng được bám víu vì tưởng là thường, lạc và ngã, nhưng kỳ thực là vô thường, khổ, vô ngã. Thánh đệ tử thắng tri chúng là vô thường, khổ, vô ngã, và liễu tri chúng bằng cách đi sâu vào vào sự thực ấy. Quán vô thường, vv. được thực hiện nhờ các loại thắng tri: sinh diệt trí, hoại trí... Vị ấy không chấp thủ - do *ái* và *kiến* - vào một hành nào, không bị ái lung lạc, tự thân chứng Niết-bàn vì đã đập tắt tất cả cấu uế.

*Đế thích* gọi tôn giả Mục liên là bạn đồng tu phạm hạnh, vì bản thân ông trước kia đã chứng quả Dự lưu - theo kinh *Trường bộ* số 21, và như vậy trước sau gì ông cũng đạt đến giải thoát như tôn giả.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba thọ: khổ, lạc, bất khổ bất lạc.*

*Bốn cách quán các pháp: vô thường, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ.*

#### V. KÊ TỤNG

Trời Đế thích hỏi Phật:  
Tỳ kheo làm thế nào  
Đạt cứu cánh phạm hạnh  
Giải thoát mọi khát ái.

Phật trả lời Đế thích:  
Tỳ kheo được giảng giải  
Trong tất cả các pháp  
Không gì đáng chấp thủ  
Vì tất cả các pháp  
Vô thường, vô ngã, khổ.

Khi tuệ tri như vậy  
Cảm thọ nào khởi lên  
Lạc, khổ hay trung tính  
Vị ấy quán ngay liền:

Tánh vô thường, ly tham,  
Tánh đoạn diệt, từ bỏ  
Đối với cảm thọ ấy.  
Nhờ vậy không chấp trước;  
Nên không có phiền não,  
Chúng giải thoát, Niết-bàn.  
Tuệ tri: "Sinh đã tận  
Phạm hạnh đã viên thành  
Việc cần làm đã làm

Một đi không trở lại."  
Tỳ kheo được như vậy  
Đạt vô thượng an ổn.



Kinh số 38  
**Đại kinh Đoạn tận ái**

**I. TOÁT YẾU**

*Mahātanhāsankhāya Sutta - The greater discourse on the destruction of craving.*

*A bhikkhu named Sati promulgates the pernicious view that the same consciousness transmigrates from life to life. The Buddha reprimands him with a lengthy discourse on dependent origination, showing how all phenomena of existence arise and cease through conditions.*

**Bản kinh dài về Đoạn ái dục.**

*Một tỳ kheo tên Sati tuyên bố tà kiến cho rằng cũng một tâm thức ấy lưu chuyển đời này sang đời khác. Phật quả trách ông với một bài thuyết giảng dài về lý duyên sinh, chỉ rõ tất cả pháp hiện hữu [hiện tượng] đều sinh và diệt do những điều kiện.*

**II. TÓM TẮT**

Tỳ kheo tên Sati khởi lên ác tà kiến cho rằng Thức này cứ luân chuyển qua các cõi luân hồi nhưng không có đổi khác. Phật cho gọi ông để hỏi có thực ông nghĩ vậy không. Khi Sati xác nhận ông hiểu đúng như vậy, Phật dạy đây là xuyên tạc lời Ngài dạy, và là một kiểu chấp ngã.

Phật thường dạy tất cả pháp do duyên sinh. Thức cũng thế, nếu không có các duyên hay điều kiện, thì thức không hiện khởi. Thức được đặt tên do những điều kiện phát sinh ra nó, như do duyên mắt và sắc, có tên là nhãn thức; do duyên tai và tiếng, có tên là nhĩ thức; do duyên mũi và mùi, có tên là tỷ thức; do duyên lưỡi và vị, có tên là thiệt thức; do duyên thân và xúc, có tên là thân thức; do duyên

ý và pháp, có tên là ý thức. Như lửa đốt bằng củi thì gọi là lửa củi, lửa đốt bằng rơm gọi là lửa rơm, đốt bằng trấu gọi là lửa trấu.

Tất cả các sinh vật tác thành nhờ thức ăn, nếu thức ăn đoạn diệt, sinh vật cũng đoạn diệt. Có bốn loại thức ăn, nương vào đấy các hữu tình an trú, đó là đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, và thức thực. Bốn loại thức ăn này có nguyên nhân là ái, ái có ra từ thọ, nguyên nhân thọ là xúc, nguyên nhân xúc là sáu nhập, nhân của sáu nhập là danh-sắc, nhân của danh-sắc là thức, nhân của thức là hành, nhân của hành là vô minh. Do mê mờ bốn chân lý nên có sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Cái này có nên cái kia có, cái này không nên cái kia không; cái này sinh nên kia sinh; cái này diệt, nên kia diệt. Tỳ kheo biết như vậy sẽ không truy tâm quá khứ hay theo đuổi vị lai để đi tìm tự ngã. Họ cũng không thờ một bậc thầy nào khác ngoài Phật, bậc đạo sư đã công bố Duyên khởi. Họ cũng không còn có những giới cấm thủ như ngoại đạo với mục đích tái sinh vào các cõi. Vị ấy thành tựu Giới, từ bỏ năm triền cái, chứng và trú bốn thiên, sống với tâm vô lượng. Khi cảm thọ khởi lên, vị ấy đoạn trừ tâm thuận nghịch, nghĩa là không còn ưa cái này ghét cái nọ. Nhờ không tham nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên già chết sâu bi khổ não diệt. Đây là sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này, gọi là "Ái tận giải thoát."

### III. CHÚ GIẢI

Theo Luận, tỳ kheo Sàti vì lý giải sai lạc sự kiện tái sinh, đã đi đến kết luận rằng có một cái thức trường cửu di chuyển từ đời này sang đời khác mới có thể giải thích được hiện tượng tái sinh. Phần đầu kinh này lặp lại đề tài "năm

giữ Pháp một cách sai lạc" như phần đầu của kinh *Bất rãn* số 22, chỉ khác là kinh *Bất rãn* đề cập kiến chấp về dục [dục thủ], còn kinh này đề cập kiến chấp về thức [kiến thủ].

"*Chính thức ấy nói, cảm thọ kết quả các hành vi thiện ác chỗ này chỗ kia...*" Đây là một trong sáu loại kiến chấp về tự ngã nói ở kinh số 2, *Tất cả lậu hoặc*.

Mục đích của ví dụ này là để chứng tỏ không có thức lưu chuyển qua các giác quan [căn môn]. Hệt như lửa đốt bằng củi cháy nhờ củi, và tắt khi hết củi chứ không lưu chuyển đến tro để thành lửa tro. Thức cũng vậy, khởi lên do duyên nhãn căn và hình sắc thành nhân thức sẽ chấp dứt khi các điều kiện này chấm dứt, chứ không chuyển qua lỗ tai, vv. thành nhĩ thức vv. Phật dạy: "Trong sự sinh khởi của thức, còn không có chuyện lưu chuyển từ căn môn này qua căn môn khác, thì làm sao có chuyện lưu chuyển từ đời này sang đời khác."

*Có cảm thọ nào khởi lên, vị ấy không hoan nghênh thọ ấy; ... do dục hủy diệt nên thủ diệt:* [Kê: *Khi cảm thọ khởi lên, đoạn trừ tâm thuận nghịch*]. Lời này cho thấy sợi xích duyên sinh bị bẽ gãy tại chỗ nối thọ với ái. Thọ hay cảm giác đương nhiên phải khởi lên, vì đã có ra cái thân thể do nghiệp quá khứ. Nhưng nếu hiện tại, ta không thích thú trong các cảm thọ, thì ái sẽ không có cơ hội khởi lên kèm theo những phản ứng thuận nghịch để cung cấp thêm nhiên liệu cho vòng tái sinh. Chu kỳ tái sinh như vậy sẽ chấm dứt.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn niệm xứ, bốn thiên, bốn thức ăn, năm triền cái, Sáu căn, sáu trần, sáu thức, mười hai nhân duyên.*

## V. KỆ TỤNG

Tỳ kheo tên Sati  
Khởi lên ác tà kiến  
"Thức này cứ luân chuyển  
Nhưng không có khác gì."

Đây là lời xuyên tạc  
Vì Phật vẫn thường dạy  
Nếu không có các duyên  
Thì thức không hiện khởi.

Thức do duyên mà sinh  
Duyên nào mang tên ấy  
Do duyên mắt và sắc  
Có tên là nhãn thức

Do duyên tai và tiếng  
Có tên là nhĩ thức  
Do duyên mũi và mùi  
Có tên là tỷ thức

Do duyên lưỡi và vị  
Có tên là thiệt thức  
Do duyên thân và xúc  
Có tên là thân thức

Do duyên ý và pháp  
Có tên là ý thức.  
Như lửa đốt bằng củi  
Thì gọi là lửa củi

Lửa được đốt bằng rơm  
Được gọi là lửa rơm  
Duyên trấu mà lửa sinh  
Thì gọi là lửa trấu.

Tất cả các sinh vật  
Tác thành nhờ thức ăn  
Nếu thức ăn đoạn diệt  
Sinh vật cũng đoạn diệt.

Có bốn loại thức ăn  
Khiến hữu tình an trú  
Là đoàn thực, xúc thực  
Tư niệm thực, thức thực.

Bốn loại thức ăn này  
Có nguyên nhân là ái  
Ái có ra từ thọ  
Nguyên nhân thọ là xúc

Nguyên nhân xúc, sáu nhập  
Nhân sáu nhập, danh-sắc  
Nhân danh-sắc là thức  
Nhân của thức là hành

Nhân của hành, vô minh  
Do mê mờ bốn đế  
Đấy là sự tập khởi  
Toàn bộ khổ uẩn này.



Cái này có, kia có  
Cái này không, kia không  
Cái này sinh, kia sinh  
Cái này diệt, kia diệt.

Tỳ kheo biết như vậy  
Không truy tầm quá khứ  
Hay theo đuổi vị lai  
Để đi tìm tự ngã.

Không thờ thầy nào khác  
Không còn giới cấm thủ.  
Vị ấy thành tựu Giới  
Từ bỏ năm triền cái.

Chúng và trú bốn thiên  
Sống với tâm vô lượng  
*Khi cảm thọ khởi lên*  
Đoạn trừ tâm thuận nghịch

Không tham nên Thủ diệt  
Thủ diệt nên Hữu diệt  
Hữu diệt nên Sinh diệt  
Sinh diệt, Già chết diệt

Sầu bi khổ... cũng diệt  
Đây là sự chấm dứt  
Toàn bộ khổ uẩn này  
Gọi "Ái tận giải thoát."



Kinh số 39  
**Đại kinh Xóm ngựa**

**I. TOÁT YẾU**

*Mahā-assapura Sutta - The greater discourse at Assapura.*

*The Buddha elucidates "the things that make one a recluse" with a discourse covering many aspects of the bhikkhu's training.*

**Bản kinh dài giảng ở Xóm ngựa.**

*Phật kể ra những "pháp làm nên một sa môn ẩn sĩ" với một bài giảng bao quát nhiều phương diện tu tập của một tỳ kheo.*

**II. TÓM TẮT**

Tại ấp có tên "Xóm ngựa" của dân Anga [Ương già], Phật dạy chúng tỳ kheo về các pháp làm nên Sa môn, Bà-la-môn. Ở đây hai danh từ này phải hiểu như định nghĩa của Phật ở cuối kinh: Sa môn là người đã "dừng lại các ô nhiễm đáng sợ, đem lại khổ quả tái sinh, già chết trong tương lai"; còn Bà-la-môn là người "đã tắm rửa sạch sẽ tất cả các ác bất thiện pháp, những ô nhiễm đưa đến tái sinh, già chết."

Khi đã tự xưng và được người ta gọi là sa môn, tỳ kheo phải tu tập và thành tựu các sa môn hạnh như sau:

1. Tàm và quý nhưng không khen mình chê người;
2. Thân hành thanh tịnh nhưng không khen mình chê người;
3. Khẩu hành thanh tịnh nhưng không khen mình chê người;

4. Ý hành thanh tịnh nhưng không khen mình chê người;

5. Mạng sống thanh tịnh nhưng không khen mình chê người;

6. Hộ trì các căn nhưng không lấy làm tự mãn;

7. Tiết độ trong ăn uống nhưng không tự mãn;

8. Chú tâm cảnh giác vào mọi lúc, tẩy sạch tâm tư khỏi các chướng ngại nhưng không tự mãn;

9. Chánh niệm tinh giác trong bốn uy nghi nhưng không tự mãn;

10. Thiền định, gột sạch 5 triền cái tham, sân, hôn trầm, trạo hối, nghi; nhờ vậy tuân tự chứng đắc bốn thiền, ba minh, liễu tri bốn chân lý, thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Vị ấy đã xa lìa các bất thiện đưa đến sinh, già, chết trong tương lai, tuệ tri "Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, sau đời hiện tại không còn đời nào khác."

### III. CHÚ GIẢI

*Tàm [hiri] và quý [otappa]*: hai đức tính bổ túc cho nhau, trong kinh Tăng chi, được Phật gọi là những vị "hộ trì thế gian" vì đây là nền tảng của Giới. Tàm có đặc tính là ghê tởm trước điều ác, do một ý thức về tính tự trọng. Tàm được thể hiện là sự tự trách mình. Quý có đặc tính là sợ hãi điều quấy, quan tâm đến dư luận.

*Sa môn hạnh* là con đường bát chính. Cứu cánh của sa môn hạnh là diệt tận tham sân si.

*Tắm rửa* ở đây ám chỉ lễ tắm rửa của một người bà-la-môn khi thời gian làm đệ tử một vị thầy đã hoàn tất.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn vật dụng, bốn thiền, năm triền cái, năm thiền chi.*

## V. KỆ TỤNG

Phật dạy các tỳ kheo  
Hãy tu tập các pháp  
Làm nên bậc sa môn  
Xứng với danh xưng ấy.

Pháp tác thành sa môn  
Gồm có tâm và quý;  
Thân hành phải thanh tịnh;  
Khẩu, ý hành cũng vậy.

Cách sinh hoạt thanh tịnh;  
Hộ trì các căn môn;  
Tiết độ trong ăn uống;  
Cảnh giác các chướng ngại  
Vào tất cả các thời  
Giữ chánh niệm tỉnh giác

Trong tất cả uy nghi  
Gột trừ 5 triền cái.  
Như hết nợ, khỏi bệnh  
Ra tù, hết nô lệ  
Đến đất lành an ổn  
Hết triền cái cũng vậy:  
Chứng bốn thiên ba minh;  
Biết như thật bốn đế;  
Tự thân được giải thoát  
Sinh tận, phạm hạnh thành.



## Kinh số 40

# Tiểu kinh Xóm ngựa

### I. TOÁT YẾU

*Cūla-assapura Sutta - The shorter discourse at Assapura.*

*The Buddha explains "the way proper to the recluse" to be not the mere outward practice of austerities but the inward purification from defilements.*

**Bài pháp ngắn giảng tại Xóm ngựa.**

*Phật giải thích "con đường chân chính của sa môn" để ám chỉ không những chỉ có khổ hạnh bề ngoài, mà còn sự tịnh hóa những ô nhiễm nội tâm.*

### II. TÓM TẮT

Sa môn hạnh không chỉ tùy thuộc vào việc mang y ca sa hoại sắc, hay thực hành các loại khổ hạnh, mà tùy thuộc vào việc đoạn trừ các ô nhiễm: tham dục, sân hận, phần nộ, thù hằn, giả dối, nã hại, tật đố, xan lẫn, man trá, xảo quyệt, ái dục, tà kiến. Khi tự ngã đã diệt hết những ô nhiễm không xứng sa môn hạnh, vị ấy được giải thoát, từ đây tuần tự phát sinh theo nhân quả, các tịnh pháp như sau: hân hoan, hỷ, [thân] khinh an, lạc, định. Với tâm định tĩnh, vị ấy biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy các phương khác. Nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, vị ấy tự mình chứng tri ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thành bậc sa môn chân chính.

### III. CHÚ GIẢI

Kinh trước nói về sa môn pháp hay các pháp tác thành bậc sa môn; kinh này nói về tư cách sa môn. Mười pháp trước trong 12 "cấu uế của sa môn" cũng được nói trong "16 ấu uế của tâm" ở kinh số 7.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn phạm trú hay bốn vô lượng, năm triền cái.*

### V. KỆ TỤNG

Xuất gia có kết quả,  
Là khi có thực hành  
Các pháp của sa môn  
Xứng với sa môn hạnh:

Trừ khử tâm tham, sân  
Phẫn nộ và hiềm hận  
Não hại và giả dối  
Xan lẫn và tật đố  
Man trá và xảo quyệt  
Ác dục và tà kiến.  
Đấy là những cấu uế  
Tỳ vết của sa môn  
Khiến sinh vào đọa xứ  
Thọ lãnh các đường dữ.

Dù khoác y ca sa  
Cũng không vì như thế  
Mà thành hạnh sa môn  
Dù tu các khổ hạnh  
Cũng không vì như thế  
Mà thành hạnh sa môn

Khi các cấu uế tâm  
Không chuyên lo trừ diệt.

Như con dao hai lưỡi  
Được bọc trong bao nhung  
Sa môn còn cấu uế  
Khoác vỏ ngoài cũng thế.

Trừ khử cấu uế tâm  
Gột sạch bất thiện pháp  
Tự ngã được giải thoát  
Do vậy, hân hoan sinh.  
Do hân hoan, hỷ sinh:  
Do hỷ, thân khinh an  
Do khinh an, được lạc  
Do lạc, tâm định tĩnh.  
Nội tâm được an trú  
Biển mãn khắp mười phương  
Vội từ bi hỷ xả  
Quảng đại và vô biên.

Như hồ nước mát trong  
Có sen thơm ngào ngạt  
Người lữ hành bốn phương  
Nóng bức, cổ cháy khát  
Đi đến hồ sen này  
Được giải trừ nóng khát.

Pháp Luật của Như Lai  
Cũng như hồ sen ấy  
Người từ các dòng họ  
Khổ sinh tử bức bách

Thoát ly khỏi gia đình  
Thọ lãnh Pháp Như Lai  
Đoạn trừ các lậu hoặc  
Thành tựu bậc Sa môn.





Kinh số 41-42  
**Sāleyyaka – Veranjaka**

**I. TOÁT YẾU**

*The brahmins of Sāla and of Veranja.*

*In these two nearly identical suttas, the Buddha explains to the groups of brahmin householders the courses of conduct leading to rebirth in lower realms and the courses leading to higher rebirth and deliverance.*

*Các bà-la-môn ở Sāla và ở Veranja.*

*Trong hai kinh gần giống nhau này, Phật giảng cho các nhóm gia chủ Bà-la-môn về các nghiệp đạo đưa đến tái sinh ở các cõi thấp, và các nghiệp đạo đưa đến tái sinh cao cấp và đưa đến giải thoát.*

**II. TÓM TẮT**

Phật giảng tại thôn Sāla cho dân chúng nước Kosala, và tại Xá vệ cho dân Veranja đến viếng, về mười ác nghiệp và 10 thiện nghiệp, khi được hỏi do nhân gì sau khi chết có hữu tình sinh vào đọa xứ, có hữu tình vào cõi lành. Sinh vào đọa xứ là do ba ác nghiệp về thân: sát sinh, trộm cắp, tà dâm; bốn ác nghiệp về khẩu: nói láo, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói lời vô ích; và ba ác nghiệp về ý: tham, sân, tà kiến. Ai từ bỏ mười ác nghiệp này, hành đúng chánh đạo, thì tùy ý muốn, có thể sinh vào các dòng họ cao quý trong loài người, hoặc sinh vào các cõi trời dục giới hay sắc giới, vô sắc giới.

### III. CHÚ GIẢI

*Có tà kiến "Không có bố thí" nghĩa là tà kiến phủ nhận quả báo của bố thí. "Không đời này, đời sau" phủ nhận tái sinh. "Không mẹ, không cha" phủ nhận quả báo của sự bất hiếu hay có hiếu với cha mẹ. "Không có sa môn..." phủ nhận hiện hữu của Phật và các bậc A-la-hán. Đây toàn là những loại chấp "không tưởng" của chủ nghĩa duy vật.*

*"Hành đúng pháp, đúng chánh đạo" được nói trong Kinh, là điều kiện cần để tái sinh vào các cõi trời và diệt tận lậu hoặc, nhưng chưa phải là đủ. Ví dụ, muốn tái sinh vào cõi Phạm thiên trở lên, cần phải đắc các thiền chứng. Muốn tái sinh vào các cõi Tịnh cư [ngũ tịnh cư thiên] thì phải đắc quả Bất hoàn. Muốn tái sinh vào các cõi vô sắc, phải đắc các thiền chứng vô sắc tương ứng, như Không vô biên, Thức vô biên, vv. Muốn đạt đến Diệt tận lậu hoặc, cần phải thực hành trọn vẹn thánh đạo tám ngành cho đến A-la-hán đạo.*

### IV. PHÁP SỐ

*Ba thân hành, ba ý hành, bốn khẩu hành, mười ác nghiệp, mười thiện nghiệp, 28 cõi trời.*

### V. KỆ TỤNG

Phật đến làng Sa-la  
Trong xứ Ko-sa-la  
Dân chúng nghe tin đồn  
Đi đến yết kiến Phật

- Bạch tôn giả, nhân gì  
Hữu tình sinh cõi dữ  
Lại do nhân duyên gì  
Được sinh cõi tốt lành?

- Do nhân hành phi pháp  
Hữu tình sinh cõi ác  
Do nhân hành đúng pháp  
Một số sinh cõi lành.

Ba thân hành phi pháp  
Là sát sinh, trộm cắp  
Tà hạnh trong dâm dục.  
Bốn khẩu hành phi pháp  
Nói láo và hai lưỡi  
Lời thô, lời vô ích.  
Ba ý hành phi pháp  
Là tham, sân, tà kiến.

Từ bỏ mười ác pháp  
Sống đúng theo chánh đạo  
Biết thương xót hữu tình  
Không trộm cắp tài vật  
Không tà hạnh dâm dục:  
Ba thân hành đúng pháp.

Tránh nói dối, hai lưỡi,  
Tránh lời ác, phù phiếm:  
Bốn ngữ hành đúng pháp.  
Không tham lam sân hận  
Và lại có chánh kiến:  
Ba ý hành đúng pháp.

Ai loại trừ mười ác  
Và thực hành mười thiện  
Có thể tùy ý muốn  
Sinh vào các cõi lành.



## Kinh số 43

# Đại kinh Phương quảng

## I. TOÁT YẾU

*Mahāvedalla Sutta - The greater series of questions and answers.*

*These two discourses take form of discussions on various subtle points of Dhamma, the former between the venerable Mahā Kotthila and the venerable Sāriputta, the latter between the bhikkhuni Dhammadinnā and the lay follower Visākha.*

**Tập hợp lớn các vấn đáp.**

*Hai kinh 43 và 44 mang hình thức đàm luận những điểm tế nhị về Pháp. Kinh trước là giữa hai tôn giả Câu-thi-la và Xá-lợi-phất, kinh sau giữa tỳ kheo ni Dhammadinnā và cư sĩ Visākha.*

## II. TÓM TẮT

Tôn giả Xá-lợi-phất luận đàm với Ma-ha Câu-thi-la về các điểm:

1. Liệt tuệ và trí tuệ: *Liệt tuệ* là không tuệ tri bốn chân lý; *trí tuệ* là có tuệ tri 4 chân lý. Trí tuệ là *thắng tri, liễu tri và đoạn tận*.

2. Khác nhau giữa *Tuệ tri* và *Thức tri*: *Tuệ tri* là do tu tập và từ bỏ. *Thức tri* là biết các cảm thọ lạc, khổ và trung tính. Giữa tuệ và thức có tương quan, nghĩa là cái gì thức biết thì tuệ cũng biết, nên rất khó phân biệt.

3. Giữa *Thức, tưởng, thọ* có tương quan, nên rất khó phân biệt; vì cái gì được cảm thọ, cũng được nhận thức, và cái gì được nhận thức thì cũng được liễu biết.

4. *Ý thức biệt lập* 5 giác quan thì thế nào: có thể đưa đến Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ.

5. *Các điều kiện [duyên] cho chính tri kiến*: có hai, là *tiếng người khác*, và *như lý tác ý*. Làm thế nào để chính tri kiến đưa đến hai quả giải thoát - tâm và tuệ giải thoát - cùng công đức của hai giải thoát ấy: cần 5 yếu tố là Giới, Văn, Thảo luận, Chỉ và Quán.

6. *Có bao nhiêu hữu*: có ba, là dục, sắc và vô sắc.

7. *Tái sinh tương lai* xảy ra thế nào: do vô minh và tham ái, thích thú chỗ này chỗ kia. Nếu xả ly vô minh và tham ái thì tái sinh không xảy ra.

8. *Thiền thứ nhất từ bỏ gì, thành tựu gì*: Ly dục, ly bất thiện pháp, từ bỏ 5 triền cái: tham, sân, hôn trầm, trạo hối, và nghi; thành tựu 5 thiền chi là tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm.

9. *Năm căn*: có *đối tượng* sai khác, có ý làm chỗ nương, ý lãnh thọ các cảnh giới của 5 căn, 5 căn lại do duyên *tuổi thọ* mà trú. Tuổi thọ lại do duyên *hơi ấm*, và hơi ấm do duyên *tuổi thọ*, cũng như do ánh sáng mà thấy tim đèn, do tim đèn mà ánh sáng hiện.

10. *Thọ hành* và cảm thọ là một hay khác: khác, vì nếu là một thì một vị chúng Diệt thọ tướng định sẽ chết luôn, nhưng sự thực là vị ấy có thể xuất định và có cảm giác trở lại.

11. *Sự chết*: Lúc nào thì thân xác được xem là đã chết: lúc ba pháp được từ bỏ: *tuổi thọ*, *hơi ấm* và *thức*. Khác nhau giữa thân chết và tỳ kheo nhập Diệt thọ tướng định: nơi tỳ kheo nhập Diệt thọ tướng định, *tuổi thọ* và *thức* vẫn còn an trú nên còn hơi ấm, nơi người chết, hai thứ ấy đã chấm dứt.

12. Điều kiện để chứng nhập tâm *Giải thoát bất khổ bất lạc* có 4: xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng trú thiên thứ tư với xả niệm thanh tịnh.

13. Điều kiện để chứng nhập tâm *Giải thoát Vô tướng*: có hai, là tác ý vô tướng giới và không tác ý tất cả pháp.

14. *Vô lượng* tâm giải thoát, *vô sở hữu* tâm giải thoát, *không* tâm giải thoát và *vô tướng* tâm giải thoát: những pháp này có khi khác nghĩa, có khi đồng nghĩa. Khác nghĩa khi nói về nhân tu, như:

*Vô lượng* tâm giải thoát là do tu bốn phạm trú từ bi hỷ xả;

*Vô sở hữu* là do vượt trên Thức vô biên xứ, chứng trú Vô sở hữu xứ;

*Không* tâm giải thoát là thiên quán về sự trống rỗng, không có ngã hay ngã sở;

*Vô tướng* tâm giải thoát là do không tác ý tất cả tướng, an trú định vô tướng.

Cả bốn tâm giải thoát đồng nghĩa, vì nó là đặc tính của quả chứng, tức *tâm giải thoát bất động*, không bị động vì tham sân si. Tham sân si là nguyên nhân của giới hạn, nên không tham sân si là tâm giải thoát *vô lượng*; tham sân si là chướng ngại, nên không tham sân si là *Không tâm giải thoát* và *vô sở hữu tâm giải thoát*; tham sân si là cái tạo ra các tướng, nên không tham sân si gọi là *giải thoát vô tướng*.

### III. CHÚ GIẢI

Tôn giả Ma-ha Câu-thi-la được Phật tuyên bố là đệ nhất về trí phân tích, tài biện thuyết.

Trong thiên định, *thân hành* là hơi thở ra vào; *khẩu hành* là tâm tứ; *ý hành* là thọ, tưởng. Luận nói, bình thường, các căn bị ô nhiễm vì đối tượng giác quan, như một tấm gương đặt tại ngã tư đường cái; nhưng các căn của

một vị ở trong Diệt định thì trong sáng như một tấm gương đặt trong hộp.

*Thọ hành, āyusankhārā*, theo Luận, chỉ sinh khí, khác với cảm thọ, vì nó giữ cho thân xác một vị đã chứng Diệt thọ tướng vẫn sống. Thiên chứng này, trong đó mọi tâm hành đều ngưng, chỉ được chứng đắc bởi một vị đã đắc quả Bất hoàn hay A-la-hán mà đồng thời cũng đã làm chủ tám thiên về tịnh chỉ.

*Vô tướng tâm giải thoát* là quả chứng. Tướng là sắc, vv.; vô tướng giới là Niết-bàn, trong đó vắng bóng mọi tướng hữu vi sinh diệt. Luận giải *Không tâm giải thoát, sunnatā cetovimutti*, là tuệ chứng nhân và pháp đều vô ngã, không tự tính. Trong bốn tâm giải thoát, chỉ có *Vô tướng* giải thoát là thuộc siêu thế. Ba giải thoát trước đây, *vô lượng* là Bốn phạm trú, *Vô sở hữu* là định vô sắc thứ ba trong bốn vô sắc, và *Không* giải thoát - tuệ thấy rõ các hành là không - đều thuộc thế gian.

*Tham, sân, si* làm nên những hạn lượng, *pamānakarana*, vì chúng áp đặt giới hạn trên phạm vi và chiều sâu của tâm thức. Nhưng theo Luận giải, vì nó khiến người ta đo lường một người nào là phạm phu, Dự lưu, Nhất lai hay Bất hoàn.

Luận nói có 12 tâm giải thoát là: 4 phạm trú, 4 đạo, 4 quả. Tâm giải thoát bất động là quả A-la-hán. Nói tâm trống rỗng tham, sân, si, là tâm giải thoát siêu thế nhờ *không tướng* vì tham sân si tạo ra các tướng.

Có chín tâm giải thoát nhờ không tướng: vô sở hữu xứ và 4 đạo, 4 quả.

Theo Luận, những cái tạo nên tướng, *nimittakarana*, là tham sân si vì chúng dán nhãn hiệu lên một người là phạm hay thánh, là tham hay sân hay si. Nhưng cũng có thể hiểu

rằng ô nhiễm tham sân si này khiến tâm gán cho sự vật các đặc tính sai lạc như trường tồn, khả ái, có tự ngã, đẹp đẽ.

Luận giải: có 13 vô tướng tâm giải thoát là: tuệ, vì nó tẩy trừ các tướng thường, lạc, ngã; 4 định vô sắc, vì chúng không có tướng vật chất; và 4 đạo 4 quả, vì chúng không có ô nhiễm.

Cả 4 tâm giải thoát đều *đồng nghĩa* vì chúng đều ám chỉ quả A-la-hán, và vì bốn tên *vô lượng, không, vô tướng, vô sở hữu* đều là tên khác của Niết-bàn.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba thọ, bốn chân lý, bốn phạm trú, bốn không, bốn tâm giải thoát, năm pháp* trợ duyên cho chánh kiến đưa đến giải thoát: giới, văn, thảo luận, chỉ, quán.

#### V. KÊ TỤNG

Tôn giả Xá-lợi-phất  
Định nghĩa và phân biệt  
Chỗ tế nhị các pháp  
Với Đại Câu-thi-la.

Không biết bốn chân lý  
Thị gọi là *Liệt tuệ*  
*Trí tuệ* là *thắng tri*,  
*Liễu tri* và *đoạn tận*.

*Tuệ tri* do tu tập  
*Thức tri* biết cảm thọ  
Lạc, khổ và trung tính.  
Tuệ, thức có tương quan.



Ý thức biệt lập căn:  
Chứng Không vô biên xứ  
Từ đây Thức vô biên  
Và Vô sở hữu xứ.

Có hai điều kiện này  
Đưa đến *chính tri kiến*:  
Là *tiếng của người khác*,  
và *như lý tác ý*.

Đạt Tâm, tuệ giải thoát  
Nhờ chánh kiến kèm thêm:  
Giới, Văn, và Thảo luận,  
Tịnh chỉ và Tuệ quán.

*Tái sinh trong tương lai*  
Do vô minh, tham ái,  
Thích thú các khoái lạc  
Ở chỗ kia chỗ này.

*Thiền thứ nhất bỏ gì*:  
Ác dục, bất thiện pháp,  
Cùng với 5 triền cái  
Tham sân ngu hối nghi  
Thành tựu 5 thiền chi  
Tâm, tứ, hỷ, lạc, định.

Nằm căn đối tượng khác  
Nhưng cùng nương vào Ý  
Do *tuổi thọ* mà trú  
Tuổi thọ do *hơi ấm*,

Hai thứ duyên lẫn nhau  
Như đèn với bấc, dầu.

*Thọ hành* khác cảm thọ:  
Thọ hành là sinh mạng  
Chứng Diệt thọ tướng định  
Dứt cảm thọ, còn mạng  
Nên không phải chết luôn  
Xuất định, lại cảm giác.  
Thân *chết* khi từ bỏ  
*Thọ mạng*, hơi *ấm thức*.

Muốn đạt tâm *giải thoát*  
Vượt ngoài khổ và lạc  
Phải xả lạc, xả khổ,  
diệt hỷ ưu đã thọ,  
chứng trú thiên thứ tư  
với xả niệm thanh tịnh.

Muốn *giải thoát Vô tướng*  
Cần có hai điều kiện:  
Tác ý vô tướng giới  
Và không tác ý gì.

Bốn tâm *giải thoát* này  
Khác nghĩa do nhân tu  
Đồng nghĩa do quả chứng:  
*Vô lượng* do phạm trú  
Quán từ bi hỷ xả;  
*Vô sở hữu giải thoát*  
Do quán Thức là không.

Đạt *Không tâm giải thoát*  
Do quán ngã ngã sở  
Trống rỗng, không có gì.  
*Vô tướng tâm giải thoát*  
Do đắc định vô tướng.

Bốn tâm ấy đồng nghĩa  
Chỉ quả vị La-hán  
Vi ám chỉ *bất động*,  
Không động tham sân si  
Vi chính tham sân si  
Mới làm nên hạn lượng,  
Mới làm nên chướng ngại  
Và tạo ra các tướng.



## Kinh số 44

# Tiểu kinh Phương quang

## I. TOÁT YẾU

*Cūlavēdalla Sutta - The shorter series of questions and answers.*

*Tập hợp ngắn các vấn đáp.* (Xem kinh 43.)

## II. TÓM TẮT

Ni sư Dhammadinnā giảng cho nam cư sĩ Visākha về những điểm:

1. *Tự thân*: năm thủ uẩn là tự thân. Tập khởi của tự thân là khát ái câu hữu hỷ, tham, tìm câu hỷ lạc chỗ này chỗ khác. Tự thân diệt là đoạn diệt khát ái. Con đường đoạn diệt là thánh đạo tám ngành.

2. *Thủ và uẩn*: có dục tham đối với năm uẩn thì gọi là thủ uẩn.

3. *Thân kiến* là sự chấp trước của phàm phu, xem 5 uẩn là tự ngã, hay xem *tự ngã có năm uẩn*, hay xem 5 uẩn ở trong tự ngã, hay xem *tự ngã ở trong 5 uẩn*. Phi thân kiến là không có những quan điểm như vậy.

4. *Tám thánh đạo và ba uẩn*. Thánh đạo là hữu vi, không phải vô vi; Ba uẩn thâm nhiếp tám thánh đạo: Giới uẩn là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; Định uẩn là chính tinh tấn, chánh niệm, chánh định; Tuệ uẩn là chánh kiến, và chánh tư duy.

5. *Định, định tướng, định cư tu, và định tu tập*: Nhất tâm là định; 4 niệm xứ là tướng của định, bốn chính cần là tư cụ của định, tu tập các pháp ấy gọi là tu tập định.

6. *Ba hành* là thân, khẩu, ý. Thở vô thở ra là thân hành vì lệ thuộc thân; tâm tứ là khẩu hành vì do suy tư mà có lời nói; tưởng, thọ là ý hành vì hai pháp này tùy thuộc về tâm.

7. *Nhập và xuất Diệt thọ tướng định*: Một người nhập định này không khởi lên ý nghĩ tôi sẽ nhập, đang nhập hay đã nhập, chỉ do tu tập nên đưa đến trạng thái ấy. Khi nhập định này, thứ tự diệt ba hành là khẩu, thân, ý. Khi xuất, thứ tự sinh khởi trở lại ba hành là ý, thân, khẩu. Khi xuất Diệt định, vị ấy cảm thọ ba loại xúc là không, vô tướng, vô nguyện. Tâm vị ấy hướng về độc cư.

8. *Ba thọ*: đối với lạc thọ, thì trú là lạc, biến hoại là khổ. Đối với khổ thọ, thì trú là khổ, biến hoại là lạc. Đối với bất khổ bất lạc, thì có trí là lạc, vô trí là khổ. Trong lạc thọ, có tham tùy miên; trong khổ thọ có sân tùy miên; trong bất khổ bất lạc có si tùy miên. Tuy nhiên, ba thọ này ở trong thiền định thì không có tùy miên tham, sân, si. Ví dụ lạc thọ ở sơ thiền không có tham tùy miên; ưu tư muốn đạt các cảnh giới cao thượng là một loại khổ thọ nhưng không có sân tùy miên; và xả niệm thanh tịnh ở tứ thiền là bất khổ bất lạc thọ nhưng không có vô minh tùy miên.

9. *Minh và vô minh*;

10. *Giải thoát và Niết-bàn*.

### III. CHÚ GIẢI

*Visākhā* là một thương gia giàu có ở thành Vương xá. *Dhammadinnā* khi còn tại gia, là vợ ông ta. Sau khi xuất gia làm tỳ kheo ni, bà đắc quả A-la-hán, được Phật công bố là đệ tử ni xuất sắc nhất về giảng Pháp.

*Năm thủ uẩn* là toàn bộ chân lý về Khổ, nên bốn câu hỏi đặt ra đầu tiên về Bốn chân lý liên hệ đến bản ngã hay Khổ.

*Thủ ở đây chỉ tham ái, là một phần của hành uẩn, nên nó không phải năm uẩn; nhưng vì nó không tách rời 5 uẩn, nên cũng không có thủ ở ngoài năm uẩn.*

*Kiến chấp bản ngã có 20 kiểu. Luận dẫn 4 hình thức chấp ngã liên hệ đến sắc uẩn như sau. Hoặc *chấp hình chất là ngã*, như ngọn lửa là một với màu sắc ngọn lửa. Hoặc *chấp ngã có một hình chất* như cây có cái bóng cây. Hoặc *chấp hình chất ở trong ngã*, như mùi hương ở trong hoa. Hoặc *chấp ngã ở trong hình chất*, như viên ngọc nằm trong cái hộp.*

*Thứ tự diệt và tái sinh khởi ba hành trong thiên định: tâm tứ hay khẩu hành diệt trước, trong nhị thiên; kế đến là hơi thở hay thân hành diệt ở tứ thiên; và cuối cùng thọ và tưởng hay ý hành diệt khi chúng nhập Diệt định. Khi xuất diệt định, trước hết là tâm hành, tức *ý thức về sự đắc quả* khởi lên, cùng với nó là thọ và tưởng tương ứng; kế tiếp là khi hữu phần tâm khởi lên, thì hơi thở hay thân hành bắt đầu trở lại. Cuối cùng, khi thiên giả trở về với sinh hoạt bình thường, thì khẩu hành khởi lên.*

*Tương đương, patibhāga, chỉ sự tương quan giữa hai pháp vừa đối nghịch vừa phụ thuộc vào nhau, như sáng với tối.*

*Vô minh là tương đương với bất khổ bất lạc, vì cảm thọ này rất vi tế khó nhận diện.*

*Niết-bàn cũng có cái đối nghịch là các pháp hữu vi, nhưng theo nghĩa tuyệt đối, nó không có pháp phụ thuộc vì làm sao có cái gì phụ thuộc vào Niết-bàn là pháp vô vi, vô điều kiện?*

#### **IV. PHÁP SỐ**

*Ba hành, ba thọ, ba tùy miên, ba uẩn [giới định tuệ], bốn chân lý, năm triền cái, năm thiên chi, năm uẩn, tám thánh đạo.*

## V. KỆ TỤNG

1. Cư sĩ Vi-sa-kha  
Hỏi Dhammadinna  
Về tập khởi của thân  
Và đoạn diệt của nó.

Năm uẩn là tự thân  
Có ra vì khát ái  
Câu hữu với hỉ, tham  
Tìm hỉ lạc khắp chỗ.

Sự chấm dứt tự thân  
Là xả ly ái, thủ  
Con đường dứt ái thủ  
Là thánh đạo tám ngành.

2. *Thủ* khác với năm *uẩn*  
Hay *thủ*, *uẩn* là một?  
*Thủ* không khác năm *uẩn*  
Vì ở trong năm *uẩn*  
*Thủ* thuộc về hành *uẩn*.  
Nhưng khi có dục tham  
Đối với thân năm *uẩn*  
Mới gọi là *thủ uẩn*.

3. *Thân kiến* nghĩa là gì  
Kẻ phàm phu chấp trước  
Xem sắc là tự ngã,  
Hoặc tự ngã có sắc,  
Hoặc sắc ở trong ngã,  
Hoặc ngã ở trong sắc  
Với thọ, tưởng, hành, thức

Thành hai mươi thân kiến.

4. Tám thánh đạo, ba uẩn.  
Thánh đạo là hữu vi  
Bao gồm trong ba uẩn  
Giới uẩn là chánh ngữ,  
Chánh nghiệp và chánh mạng;  
Định uẩn chính tinh tấn,  
Chánh niệm cùng chánh định;  
Tuệ uẩn là chánh kiến  
Cùng với chánh tư duy.

5. Gì là *Định*, định tướng,  
Tư cụ và tu tập?  
Nhất tâm gọi là định;  
Tướng định: 4 niệm xứ;  
Tư cụ: bốn chính căn;  
Tu tập các pháp ấy  
Gọi là tu tập định.

6. Ba hành nghĩa là gì?  
Thân, khẩu, và ý hành.  
Thân hành là hơi thở  
Vi do thân sinh ra;  
Khẩu hành là tâm tứ  
Vi nghi trước, nói sau.  
Ý hành là tưởng, thọ  
Vi do tâm mà có.

7. Trạng thái nhập Diệt định  
Xảy ra do tu tập  
Không do móng khởi tâm



"Ta sẽ nhập, trú, xuất"  
Tỳ kheo nhập định này  
Ngũ hành tầm tứ diệt  
Rồi thân hành, ý hành.  
Khi xuất Diệt tận định  
Ý khởi, đến *thân, khẩu*.  
Cảm thọ ba loại xúc:  
Vô tướng, vô nguyện, không.

8. Đối với cảm thọ lạc,  
Trú lạc, biến hoại khổ.  
Đối với cảm thọ khổ,  
Trú khổ, biến hoại lạc.  
Với bất khổ bất lạc,  
Trí lạc, vô trí khổ.  
Trong lạc, tham tùy miên,  
Trong khổ, sân tùy miên,  
Trong xả, si tùy miên.  
Tuy vậy trong các thiền  
Có thọ, không tùy miên:  
Hi lạc ở sơ thiền  
Không có tham tùy miên;  
Ưu tư muốn đắc thiền  
Là khổ thọ không sân  
Xả niệm ở tứ thiền  
Không vô minh tiềm ẩn.  
Lạc lấy khổ làm đối  
Khổ lấy lạc đáp đối  
Bất khổ bất lạc thọ  
Là vô minh gần kề.

9. Vô minh lấy gì đối?  
- đối xứng và đối nghịch -  
Lấy "Minh" làm tương đương  
Minh lấy gì để đối?  
Giải thoát là tương đương.  
Giải thoát lấy gì đối?  
Giải thoát đối Niết-bàn  
Đến đây là hết đối.



Kinh số 45  
**Tiểu kinh Pháp hành**

**I. TOÁT YẾU**

*Cūladhammasamādāna Sutta - The shorter discourse on ways of undertaking things.*

*The Buddha explains, differently in each of the two suttas, four ways of undertaking things, distinguished according to whether they are painful or pleasant now and whether they ripen in pain or pleasure in the future.*

*Bản kinh ngắn về những lối hành xử.*

*Phật giải thích trong hai kinh này, bốn cách thọ lãnh các pháp, khác nhau ở chỗ hiện tại chúng là lạc hay khổ và trong tương lai, chúng kết thành quả báo vui hay khổ.*

**II. TÓM TẮT**

Có bốn pháp hành: hiện tại lạc, vị lai khổ; hiện tại khổ, vị lai cũng khổ. Hiện tại khổ, vị lai lạc; và hiện tại lạc, vị lai cũng an lạc.

Loại 1 là pháp hành của các sa môn bà-la-môn tham đắm dục lạc, tương lai bị quả báo ở ba đường ác.

Loại 2 là khổ hạnh thuộc giới cấm thủ của ngoại đạo.

Loại 3 là những người bầm sinh nhiều tham sân si, nhưng chịu khó tu hành một cách vất vả, sống phạm hạnh trong sạch, khi thân hoại mạng chung sinh vào cõi lành.

Loại 4 là những người bầm sinh ít tham sân, có trí tuệ, lại ly dục, ly bất thiện, chúng và trú thiên thứ nhất đến thiên thứ tư, khi chết sinh thiên giới.

### III. CHÚ GIẢI

*(không có)*

### IV. PHÁP SỐ

*Ba độc, ba thọ, bốn thiên, bốn loại pháp hành, năm thiên chi.*

### V. KỆ TỤNG

Phật dạy chư tỳ kheo  
Có bốn loại pháp hành:  
Hiện giờ vui, sau khổ,  
Như tham đắm dục lạc,  
Chết đọa ba đường ác.

Hiện khổ, sau cũng khổ  
Như ngoại đạo khổ hạnh  
Tà kiến sa địa ngục.

Hiện khổ về sau vui  
Như nặng về tham ái  
Vẫn cố sống phạm hạnh  
Mạng chung sinh cõi lành

Hiện vui, sau cũng vui  
Như kẻ ít tham sân  
Ly dục, ly bất thiện  
Chứng và trú các thiên  
Khi chết sinh thiên giới.



Kinh số 46

## Đại kinh Pháp hành

### I. TOÁT YẾU

*Mahādhammasamādāna Sutta - The greater discourse on ways of undertaking things.*

*Bản kinh dài về những lối hành xử. (Xem kinh 45)*

### II. TÓM TẮT

Phật dạy, chúng sinh phần lớn đều mong bớt khổ, thêm vui, nhưng chỉ gặp ít vui, nhiều khổ. Nguyên nhân là phạm phu không tu học thánh pháp, chuyên làm những việc không đáng làm và tránh né những việc đáng làm, khiến cho khổ pháp tăng trưởng, lạc pháp giảm thiểu.

Có bốn pháp hành: hiện tại khổ, tương lai khổ; hiện tại vui, tương lai khổ; hiện tại khổ, tương lai vui; hiện tại vui, tương lai vui.

Hiện tại khổ, tương lai khổ, là trường hợp người hiện tại làm mười nghiệp ác trong tâm trạng đau khổ, khi thân hoại mạng chung sinh vào cõi xấu. Như thuốc đã đắng mà lại độc, làm chết người uống.

Hiện tại vui, tương lai khổ, là trường hợp làm 10 nghiệp ác trong tâm trạng hân hoan, khi chết đọa vào cõi dữ. Như thuốc độc bỏ vào đồ uống ngon ngọt.

Hiện tại khổ, tương lai vui, là trường hợp người từ bỏ 10 nghiệp ác với tâm trạng đau khổ; do duyên từ bỏ ác nghiệp, khi thân hoại mạng chung được sinh vào cõi lành. Như thuốc đắng nhưng làm khỏi bệnh.

Hiện tại vui, tương lai vui, là trường hợp người từ bỏ 10 nghiệp ác với tâm trạng hân hoan, do duyên ấy khi chết tái sinh vào cõi lành. Như thuốc ngon ngọt, lại làm khỏi bệnh.

### III. CHÚ GIẢI

Những điều nên làm và không nên làm được đề cập đầy đủ trong kinh số 114 Trung bộ (tập 3).

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn pháp hành,*

*Mười ác nghiệp.*

### V. KÊ TỤNG

Hữu tình đều mong mới  
Giảm khổ và tăng lạc  
Nhưng gặp điều ngược lại  
Là vui ít, khổ nhiều.  
Giai do vì phạm phu  
Ngu si không hiểu biết  
Không tu học thánh pháp  
Chuyên làm chuyện không đáng  
Tránh né việc đáng làm  
Khiến khổ tăng, lạc giảm.

*Hiện tại khổ, sau khổ*  
Là kẻ làm việc ác  
Trong tâm trạng đau khổ  
Khi thân hoại mạng chung  
Sinh vào cõi bất an  
Như thuốc đắng lại độc  
Làm chết người uống ăn.

*Hiện tại vui, sau khổ*  
Là làm mười nghiệp ác  
Trong tâm trạng hân hoan  
Chết đọa vào cõi dữ  
Như thuốc độc giấu ngấm  
Trong đồ uống ngọt ngon.

*Hiện tại khổ, sau vui,*  
Là từ bỏ mười ác  
Với tâm trạng đau khổ  
Khi thân hoại mạng chung  
Được sinh vào cõi lành  
Như thuốc đắng, khỏi bệnh.

*Hiện tại vui, sau vui*  
Là từ bỏ mười ác  
Với tâm trạng hân hoan  
Chết sinh vào cõi lành  
Như thuốc ngon lại bổ.  
Lại như mặt trời lên  
Tan mây mù hắc ám  
Pháp hành hiện tại lạc  
Quả tương lai cũng vui  
Do Như Lai giảng dạy  
Phá tan mọi tà thuyết.



**Kinh số 47**  
**Kinh Tư sát**

**I. TOÁT YẾU**

**Vimamsaka Sutta - the inquirer.**

*The Buddha invites the bhikkhus to make a thorough investigation of himself in order to find out whether or not he can be accepted as fully enlightened.*

**Người tìm hiểu.**

*Phật khuyên các tỳ kheo nên làm một cuộc tra tâm toàn diện về bản thân Ngài để tìm hiểu xem Ngài có đáng được chấp nhận là hoàn toàn giác ngộ hay không.*

**II. TÓM TẮT**

Phật dạy các tỳ kheo cần phải tìm hiểu về Như Lai xem Ngài có thực là Chánh đẳng giác hay không. Có bảy việc đáng tìm hiểu.

1. Những pháp ô nhiễm do mắt tai nhận thức có còn hiện khởi nơi Ngài không.

2. Những tạp pháp khi nhiễm khi tịnh do mắt tai nhận thức, có hiện khởi không.

3. Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt tai nhận thức, có hiện khởi không.

4. Thiện pháp này thành tựu nơi Ngài trong một thời gian dài hay ngắn.

5. Khi nổi danh, một số nguy hiểm có xảy ra cho Ngài không.

6. Xét Ngài do sợ hãi tiếng xấu mà từ bỏ hay vì đã đoạn diệt tham ái mà từ bỏ; để nhận rằng Ngài do vô úy mà từ



bỏ, vì dù ở giữa chúng hay ở một mình Ngài vẫn vậy; và Ngài không chỉ trích những người theo ác giới, chuyên trọng tài vật.

7. Sau khi tìm hiểu, phải hỏi lại Phật chính những điều ấy. Một đệ tử cần phải đến gần một bậc đạo sư như vậy để nghe pháp, chứng tri pháp ấy, đạt đến cứu cánh, và khi ấy sẽ khởi lòng tịnh tín: "Thế Tôn là bậc Chánh đẳng giác, Pháp được Ngài khéo giảng, chư tăng khéo hành trì." Lòng tin như thế được gọi là căn cứ trên chánh kiến, không thể bị phá hoại bởi bất cứ ai trên thế giới với chư thiên, ma, Phạm, sa môn, bà-la-môn...

### III. CHÚ GIẢI

*Do mắt tai nhận thức*: Thân hành và ngữ hành là những pháp do mắt tai nhận thức. Cũng như thấy sóng gợn, bọt nổi mà biết trong nước có cá, do hành vi hay lời nói nhiễm ô, người ta có thể biết cái tâm phát sinh ra những hành vi và lời nói ấy cũng nhiễm ô.

*Tạp pháp, vitimissà dhammà*, ám chỉ hành vi của người đang thanh lọc hành vi mình, nhưng không thể kiên trì giới hạnh, khi Phật khi ma.

*Nguy hiểm* là kiêu căng ngã mạn, vv. Một vài người, khi chưa nổi danh thì những nguy hiểm này không rõ rệt, họ có vẻ an tịnh; nhưng khi nổi tiếng, có đồ chúng, họ lại cư xử bất đáng, đả kích người khác như một con báo vồ đàn nai.

### IV. PHÁP SỐ

*Ba loại pháp*: nhiễm, tịnh, và hỗn tạp.

## V. KỆ TỤNG

Phật dạy các tỳ kheo  
Cần tìm hiểu Như Lai  
Đúng bậc Chánh đẳng giác  
Theo bảy cách tư sát.

1. Một là những ô nhiễm  
Do mắt tai nhận thức  
Còn khởi lên nơi Ngài  
Hay là không hiện khởi.

2. Được biết không hiện khởi  
Lại xét những tạp pháp  
Có khi nhiễm khi tịnh -  
Cũng không còn hiện khởi

3. Rồi xét những tịnh pháp  
- Pháp hoàn toàn thanh tịnh -  
Do mắt tai nhận thức  
Có khởi nơi Như Lai.

4. Kế đến, hãy tìm hiểu  
Phật thành tựu việc này  
Trong thời gian ngắn, dài  
Ngài thành tựu từ lâu.

5. Lại xét khi nổi danh  
Có nguy nào xảy đến  
Phật không gặp nguy nào  
Như là tham, mạn, kiến...

6. Lại xét do nhân gì  
Ngài tu hạnh viễn ly  
Thấy Ngài do diệt ái  
Mà tu hạnh viễn ly.  
Giữa chúng hay một mình  
Ngài vẫn không đổi khác  
Không khinh kẻ ác giới  
Chuyên chú trọng tài vật.

7. Sau khi tìm hiểu qua  
Lại xin Phật xác minh  
Về những điều tìm thấy  
Để biết thực không ngoa.  
Đệ tử phải đến gần  
Một đạo sư như vậy  
Để nghe pháp, suy tư  
Và chứng tri pháp ấy  
Đạt đến chỗ cứu cánh  
Và khởi lên tịnh tín  
Đối với đức Thế Tôn  
"Là bậc Chánh đẳng giác  
Pháp được Ngài khéo giảng  
Chư tăng khéo hành trì."  
Lòng tin ấy đáng gọi  
Căn cứ trên chánh kiến  
Không thể bị phá hoại  
Bởi một ai trên đời".



## Kinh số 48

# Kosambiya

### I. TOÁT YẾU

*Kosambiya Sutta - The kosambians.*

*During the period when the bhikkhus at Kosambi are divided by a dispute, the Buddha teaches them the six qualities that create love and respect and conduce to unity. He then explains seven extraordinary knowledges possessed by a noble disciple who has realised the fruit of stream-entry.*

*Những người xứ Câu diệm bì.*

*Trong thời gian chư tỳ kheo ở Câu diệm bì chia rẽ vì một cuộc tranh cãi, Phật giảng dạy cho họ sáu đức tính tạo nên tình thương yêu và tương kính, đưa đến hòa hợp. Rồi Ngài giải thích bảy thắng trí mà một vị thánh đệ tử có được khi chứng quả Dự lưu.*

### II. TÓM TẮT

Nhân các tỳ kheo ở Kosambi chia rẽ vì cãi nhau, Phật giảng sáu pháp hòa thuận và bảy yếu tố của Dự lưu quả.

1. Từ thân hành đối với nhau trước mặt như sau lưng.
2. Từ khẩu hành;
3. Từ ý hành;
4. San sẻ lợi lộc vật chất;
5. Cùng nhau thành tựu giới luật;
6. Cùng nhau thành tựu tri kiến bậc thánh. Trong đây, tri kiến bậc thánh là nòng cốt của lục hòa.

Bảy yếu tố của quả Dự lưu là bảy yếu tố của tri kiến bậc thánh:

1. Thiên định để gột trừ năm triền cái.
2. Đạt đến tịnh chỉ.
3. Quán sát bằng tri kiến này không có trong giới luật ngoại đạo.
4. Phát lộ khi phạm giới.
5. Giúp đỡ bạn đồng tu.
6. Lóng tai nghe Pháp.
7. Thành tựu nghĩa tín thọ, pháp tín thọ, và hân hoan liên hệ Pháp.

### III. CHÚ GIẢI

Kinh này bắt nguồn từ cuộc tranh cãi ở Câu diệm bì, khởi từ sự hiểu lầm một tiểu giới nhưng đã nhanh chóng bùng lên và lan rộng, chia đại đa số tăng chúng và tín đồ ở địa phương thành hai phe thù nghịch.

### IV. PHÁP SỐ

*Năm triền cái, sáu hòa, bảy yếu tố của Dự lưu quả* [trừ 5 triền cái, tịnh chỉ; trí quán sát; phát lộ ngay khi phạm tiểu giới; giúp đỡ đồng tu; lóng tai nghe pháp; hiểu rõ ý nghĩa và hân hoan trong Pháp].

### V. KỆ TỤNG

1. Chúng ở Ko-sam-bi  
Chia rẽ vì cãi nhau  
Không chấp nhận hòa giải  
Phật giảng pháp lục hòa.  
Cùng với bảy yếu tố  
Đưa đến Dự lưu quả.

2. Một là từ thân hành  
Hai là từ khẩu hành  
Ba là từ ý hành  
Sau lưng như trước mặt  
Bốn, san sẻ lợi lộc  
Năm, cùng thành tựu giới  
Sáu, cùng tri kiến thánh  
- Nòng cốt của lục hòa.

Bảy, yếu tố Dự lưu  
Là tri kiến bậc thánh:  
Một, bỏ năm triền cái,  
Dứt trừ sự tranh cãi;  
Hai, là đạt tịnh chỉ;  
Ba là trí quán sát  
Thấy rõ tri kiến này  
Không có trong ngoại đạo.  
Bốn, phát lộ lỗi lầm;  
Năm, giúp đỡ đồng tu;  
Sáu, lắng tai nghe Pháp;  
Bảy, thành tựu sức mạnh  
Nghĩa và Pháp tín thọ  
Hân hoan liên hệ Pháp.  
Thành tựu bảy chi này  
Là đắc quả Dự lưu.



## Kinh số 49

# Phạm thiên cầu thỉnh

### I. TOÁT YẾU

*Brahmanimantanika Sutta - The invitation of a brahmā.*

*Baka the Brahmā, a high divinity, adopts the pernicious view that the heavenly world over which he presides is eternal and that there is no higher state beyond. The Buddha visits him to dissuade him from that wrong view and engages him in a contest of Olympian dimensions.*

**Sự mời mọc của Phạm thiên.**

*Vị trời Baka cõi Phạm thiên, có tà kiến rằng cõi trời mà ông làm chủ là trường cửu, không có cõi nào cao hơn. Phật viếng thăm ông ta để giải trừ tà kiến ấy nơi ông, và đưa ông vào một cuộc tranh tài có tầm cỡ thế vận hội.*

### II. TÓM TẮT

Phạm thiên Baka khởi lên tà kiến chấp cõi trời của ông là trường tồn, toàn diện, không có giải thoát nào cao hơn thế. Phật viếng thăm và nói ông ta đã sai lầm. Khi ấy Ác ma nhập vào một vị trời để bảo Phật chớ can thiệp, và xác nhận Phạm thiên là số một trên thế gian, ai phỉ báng sẽ phải đọa, ai tán dương Phạm thiên, khi thân hoại mạng chung sẽ được sung sướng. Khi ấy Phật bảo Ác ma Ngài biết rõ Phạm thiên cũng trong tay Ác ma, nhưng Phật thì không, Ngài đã thoát khỏi tầm tay của ma.

Phạm thiên lặp lại tà kiến cho rằng cõi trời ấy trường cửu, toàn diện, không biến hoại, và nói nếu Phật nương vào 4 đại, chúng sinh... cho đến các cõi trời, thì Phật sẽ ở

trong lãnh địa ông ta. Phật xác nhận uy quyền của Phạm thiên trong giới hạn ấy, nhưng Ngài còn biết nhiều cõi trời cao hơn cõi Phạm thiên, như cõi Quang âm thiên, Biến tịnh thiên, Quảng quả thiên... tuy vậy Ngài không chấp thủ bốn đại và bất cứ một pháp nào. Do vậy Ngài vượt xa Phạm thiên.

Để trở tài, Phạm thiên nói ông sẽ biến mất trước Phật, nhưng ông không biến được. Trái lại, Phật hiện thân thông khiến thiên chúng không thấy được Ngài, nhưng nghe tiếng Ngài nói "Do thấy nguy hiểm của hữu, Như Lai tìm phi hữu; và đối với hữu, Như Lai không tôn trọng, không chấp thủ." Thiên chúng tán dương thần lực của Phật.

Ác ma nhập vào một vị trời để khuyến cáo Phật đừng giảng Pháp, vì xưa kia có những vị xuất gia do nói pháp, hướng dẫn đệ tử mà khi chết phải đọa. Phật nhận diện ác ma và nói Ngài biết ác ma đang nghĩ: "Những ai được sa môn Gotama thuyết pháp, sẽ thoát ngoài tầm ảnh hưởng của ta."

### III. CHÚ GIẢI

Kinh số 1, *Pháp môn căn bản*, cũng được giảng khi Phật ở rừng Subhaga tại Ukkatthà. Đề tài tương đồng giữa hai kinh này rất đáng chú ý. Có thể nói kinh này là một trình diễn có kịch tính những ý tưởng đã nêu trong kinh *Pháp môn căn bản* dưới hình thức triết lý trừu tượng. Vậy, Phạm thiên Baka tiêu biểu tự ngã trong hình thức trời nhất, mù quáng trong tương tri với những ảo tưởng về thường, lạc, ngã. Bên dưới là khát ái, tượng trưng bởi Ác ma - không lộ liễu giữa chúng hội, nhưng lại là tác giả thực sự của mọi tưởng, chính ác ma nắm toàn thể vũ trụ trong tay.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn đại.*



## V. KÊ TỤNG

Phạm thiên tên Baka  
Khởi lên ác tà kiến  
Chấp cỗi mình trường tồn  
Không cỗi nào cao hơn.  
Biết tâm tư vị này  
Phật xuất hiện nơi đây  
Bảo ông đã lầm sai  
Có tà kiến điên đảo.

Ác ma nhập thân trời  
Bảo Phật chớ can thiệp  
Phạm thiên là Sinh chủ  
Số một trên thế gian  
Ai phi báng phải đọa  
Ai tôn sùng được an.

Phật bèn bảo Ác ma  
"Ta biết rõ Phạm thiên  
Cũng trong tầm tay người  
Nhưng Như Lai không vậy  
Đã thoát khỏi lưới ma."  
Phạm thiên lại nói rằng  
Cõi trời ấy thường hằng  
Toàn hảo, không biến hoại  
Ai y cứ bốn đại  
Sẽ được gấn gũi ta.  
Phật xác nhận như vậy  
Uy quyền của Phạm thiên  
Nằm trong giới hạn ấy.  
Nhưng Như Lai còn biết  
Những cõi trời cao hơn

Như cõi Quang âm thiên  
Biến tịnh và Quảng quả...  
Tuy vậy Phật không chấp  
Bổn đại và tất cả  
Nên vượt xa Phạm thiên.

"Nếu Ngài không lãnh thọ  
Bất cứ một pháp nào  
Thức Ngài sẽ trống không  
Và không có giới hạn.  
Nay tôi sẽ biến mất  
Ngay trước mặt tôn giả."  
"Được, ông hãy biến đi."  
Phạm thiên không biến được  
Trái lại, thân thông Phật  
Khiến chúng không thấy Ngài  
Chỉ nghe tiếng Như Lai  
"Do thấy nguy của hữu  
Như Lai tìm phi hữu  
Như Lai không tôn trọng  
Cũng không chấp thủ hữu."  
Trước thân lực của Phật  
Thiên chúng rất tán dương.

Lo sợ Phật thuyết pháp  
Ác ma lại khuyên Ngài  
Đừng có giảng Phật pháp,  
Có những vị xuất gia  
Giảng pháp, độ đệ tử  
Mà khi chết phải đọa.

Phật nhận diện ác ma:  
Ta biết người đang nghĩ  
"Ai nghe Gota-ma,  
Sẽ thoát ảnh hưởng ta."  
Nhưng này hỡi ác ma  
Như Lai đấng Lộ tận  
Dù nói pháp, không nói  
Thì vẫn là Như Lai.



## Kinh số 50

# Hàng ma

### I. TOÁT YẾU

#### *Māratajjaniya Sutta - The rebuke to Māra.*

*Māra attempts to harass the venerable Moggallāna, but the latter relates a story of the distant past to warn Māra of the dangers in creating trouble for a disciple of the Buddha.*

#### *Hàng phục Ác ma.*

*Ác ma cố quấy nhiễu tôn giả Mục-kiền-liên, Ngài bèn thuật lại một câu chuyện từ quá khứ lâu xa để cảnh cáo cho Ác ma biết những nguy hiểm xảy đến khi quấy rối một đệ tử của Phật.*

### II. TÓM TẮT

Trong vườn Lộc uyển, tôn giả Mục-kiền-liên đang kinh hành ngoài trời, bỗng dưng cảm thấy bụng nặng. Ngài trở vào ngôi thiền quán, thấy ác ma đang ở trong bao tử. Ngài bảo ác ma không nên quấy nhiễu đệ tử Phật, sẽ mang họa lâu dài. Khi ác ma đi ra, tôn giả kể cho nghe thuở xa xưa, dưới thời đức Phật Câu lưu tôn [Kakusandha] Ngài cũng là ác ma tên Dūsī, còn ác ma bây giờ thuở ấy là con trai của chị Ngài, gọi Ngài bằng cậu. Phật Câu lưu tôn có hai đệ tử xuất sắc tên Vidhura giỏi thuyết pháp và Sanjiva giỏi chứng thiền. Ác ma Dūsī nhập vào các gia chủ, dùng những lời thô ác để thóa mạ những tỳ kheo giới đức. Phần lớn gia chủ này sau khi chết phải đọa vào cõi dữ. Các tỳ kheo được Phật Câu lưu tôn dạy biến mãn tâm từ không hận không sân, nên không bị ảnh hưởng bởi những lời phỉ báng. Khi ấy ác ma Dūsī đối phương pháp, nhập vào các gia chủ đến đánh lễ tôn trọng cúng dường các tỳ kheo giới

đức, hầu mong chi phối những vị này. Các gia chủ ấy sau khi chết được sinh vào cõi lành. Còn các tỳ kheo được Phật Câu lưu tôn dạy tu thiền quán bất tịnh, vô thường để sinh tướng nhàm chán, nên không bị chi phối vì cung kính lợi dưỡng. Ác ma Dūsī không hại được tôn giả Vidhura bằng phi báng cũng như tán dương, nên nhập vào một đứa trẻ khiến nó liệng đá vỡ đầu tôn giả, máu chảy đầm đìa, trong khi Ngài đang đi sau lưng đức Phật. Khi Phật quay lại nhìn, nghĩ rằng ác ma này thật sự đã làm điều quá đáng, liền khi ấy ác ma Dūsī mạng chung, đọa vào đại địa ngục cọc sắt, bị nấu sôi hàng vạn năm.

Tôn giả Mục-kiền-liên kể xong, Ác ma thất vọng biến mất tại chỗ.

### III. CHÚ GIẢI

*Dūsī* tên của ác ma, có nghĩa là kẻ hư hỏng, hoặc kẻ làm hư hỏng.

*Vidhura* có nghĩa là Vô song.

*Sanjiva* là Người sống sót. Những mục đồng thấy Ngài nhập Diệt định ở giữa rừng, tưởng là thầy chết, đốt thân Ngài bằng củ khô và phân bò rồi bỏ đi. Sau khi xuất định, Ngài ôm bát đi khát thực, chúng tưởng Ngài sống lại.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn phạm trú.*

### V. KÊ TỤNG

Trong ngôi rừng Lộc uyển,  
Tôn giả Mục-kiền-liên  
Đang kinh hành lui tới  
Bỗng cảm thấy bụng nhói.

Ngài trở vào tọa thiền  
Quan sát thấy ác ma  
Đã chui vào bao tử  
Liên khuyên hãy đi ra.

Ngài kể chuyện đời trước  
"Thời Phật Câu-lưu-tôn  
Ta cũng là ác ma  
Với tên "Kẻ xấu xa"

Còn người vào thườ ấ y  
Là con trai chị ta  
VẬ y người là cháu ta  
Có họ hàng ruột thịt.

Hai đệ tử xuất sắc  
Của Phật Câu lưu tôn  
Một là Vi-dhu-ra  
Vô song về thuyết pháp  
Vị kia San-ji-va  
Giỏi nhập Diệt thọ tướng.

Dūsī, kẻ xấu xa  
Nhập vào các gia chủ  
Dùng toàn lời thô ác  
Thóa mạ đệ tử Phật.  
Phần lớn gia chủ này  
Chết đọa vào địa ngục.

Các tỳ kheo bị nhục  
Biến mãn mười phương cõi  
Từ tâm không hận sân  
Nên không bị chi phối.

Ma nhập vào gia chủ  
Đến đánh lễ cúng dường  
Các tỳ kheo giới đức  
Để phá hạnh sa môn.

Các gia chủ cúng dường  
Chết sinh vào cõi tốt.  
Tỳ kheo được lợi dưỡng  
Quán bất tịnh, vô thường  
Sinh nhàm chán, yếm ly  
Tâm không hề lay động.

Tôn giả Vi-dhu-ra  
Đang theo sau đức Phật  
Ác ma tiền thân ta  
Liên nhập vào đứa trẻ  
Liêng đá làm bể đầu  
Máu chảy ra lai láng.

Khi Phật quay lại nhìn  
Và nghĩ "thật quá quắc  
Là ác ma Dūsī"  
Ta mạng chung tức thì  
Đọa vào đại địa ngục  
Bị nấu hàng vạn năm."  
Mục-kiền-liên kể xong  
Ác ma bèn ẩn mất.



## Kinh số 51

# Kinh Kandaraka

### I. TOÁT YẾU

#### ***Kandaraka Sutta - To Kandaraka.***

*The Buddha discusses four kinds of persons found in the world - the one who torments himself, the one who torments others, the one who torments both himself and others, and the one who torments neither but lives a truly holy life.*

#### ***Kinh nói cho Kandaraka.***

*Phật bàn đến bốn hạng người được tìm thấy trên đời: hạng người tự hành khổ, hạng người hành khổ người, hạng vừa tự hành khổ vừa hành khổ người, hạng không tự hành khổ, không hành khổ người mà lại sống một đời thực thánh thiện.*

### II. TÓM TẮT

Du sĩ Kandaraka cùng cư sĩ Pessa con trai người huấn luyện voi, đến yết kiến Phật. Quan sát sự thanh tịnh của chúng tỳ kheo [1], du sĩ ca tụng Phật khéo hướng dẫn, và hỏi chư Phật trong quá khứ, tương lai có được những chúng tỳ kheo thanh tịnh như hiện nay không [2]. Phật xác nhận là có, trong chúng tỳ kheo này, có vị là a la hán lậu tận, việc tu hành đã thành mãn; có vị là bậc Hữu học khéo kiên trì giới luật, luôn an trú Bốn niệm xứ [3] để nhiếp phục tham ưu ở đời.

Pessa công nhận sự vi diệu của pháp tu này, vì thỉnh thoảng ông cũng tu quán bốn niệm xứ [4]. Ông tán thán Phật đã thấu hiểu về hạnh phúc và bất hạnh của chúng sinh. Với tư cách người huấn luyện voi, Pessa nhận xét rằng con voi có khi cũng quý quyết nhưng không bằng



người; con người quả thực rắc rối hơn loài thú [5], miệng nói khác, lòng nghĩ khác. Phật dạy thật có như vậy, và đề cập bốn hạng người [6] sống ở đời: hạng tự hành khổ, hạng làm khổ người, hạng làm khổ cả hai, hạng không làm khổ mình không làm khổ người, tự ngã trú vào Phạm thể [7].

Phật hỏi trong bốn hạng, Pessa thích ý hạng nào. Cư sĩ trả lời ba hạng đầu không đáng thích ý, chỉ có hạng thứ tư làm ông khoái. Nói xong ông từ giã Phật vì còn bận nhiều công việc.

Khi Pessa bỏ đi, Phật bảo chúng tỳ kheo rằng, giá mà Pessa ở lại thêm chốc lát, ông sẽ được lợi ích lớn, tuy vậy ông cũng đã khá được ích lợi từ cuộc luận đàm ngắn ngủi ấy [8]. Kế đến Phật giảng rộng cho chúng tỳ kheo về 4 hạng người:

- hạng tự hành mình là những kẻ tu khổ hạnh [9] không đưa đến giải thoát.

- hạng làm khổ kẻ khác là người hành những nghề nghiệp gây đau khổ cho người và vật.

- hạng tự làm khổ và làm khổ người là kẻ theo ác giới [10].

- hạng không làm khổ mình không làm khổ người là những vị xuất gia thành tựu giới, từ bỏ các nghiệp ác của thân, lời, hộ trì căn, tu 4 niệm xứ, chứng 4 thiền và 3 minh, thành bậc a la hán [11].

### III. CHÚ GIẢI

1. *Kinh số*: Vì tôn trọng Phật và theo luật, tỳ kheo không nói chuyện với nhau cũng không dám ho mỗi khi Phật thuyết pháp. Thân không giao động, tâm không xao lãng, họ ngồi vây quanh đức Thế Tôn như những cụm mây vây quanh đỉnh núi Tu di. Du sĩ Kandaraka có lẽ thâm so sánh

hội chúng tỳ kheo này với các hội chúng du sĩ được mô tả trong kinh 76.

2. *Theo kinh số*, Kandaraka không có tri kiến về chư Phật quá khứ vị lai. Ông chỉ nói lên lời này để tỏ lòng ngưỡng mộ đối với chúng tỳ kheo thanh tịnh, khéo được hướng dẫn. Nhưng Phật thì xác nhận lời của du sĩ trên căn bản thắng trí của Ngài.

3. *Bốn niệm xứ* được đưa vào đây để chỉ rõ nguyên nhân uy nghi tịch tịnh của tăng chúng. *Xem kinh số 10*.

4. "Chúng con cũng vậy, khi có cơ hội, chúng con cũng tu tập tứ niệm xứ; chúng con không hoàn toàn xao lãng thiền định."

5. Lời này ngụ ý rằng con vật đôi khi cũng lấu cá và lừa bịp, nhưng sự khôn lanh của nó rất giới hạn, trong khi sự khôn lanh của con người thì vô cùng tận.

6. Luận giải thích đoạn này được nói để tiếp theo lời Pessa rằng đức Thế Tôn biết rõ gì là an lạc gì là nguy hiểm cho hữu tình; vì Phật hiển thị 3 hạng người đầu hành xử đưa đến lợi lạc. Đoạn này cũng có thể liên hệ đến lời ca tụng của du sĩ đối với tăng chúng; vì Phật sẽ hiển thị 3 lối Ngài không huấn luyện chúng tỳ kheo, và 1 lối theo đó chư Phật quá khứ hiện tại vị lai đều huấn luyện chúng tỳ kheo.

7. Vị "*không tự hành khổ, không làm khổ người, tự ngã trú vào Phạm thể*" cảm thọ lạc thọ của các thiên, đạo, quả, và Niết-bàn. Phạm thể ở đây có nghĩa là thánh thiện hay thù thắng.

8. Pessa đáng lẽ chứng quả Dự Lưu, nhưng anh đã rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy khi Phật chưa giảng xong bài Pháp. Tuy vậy anh cũng nhận được 2 lợi lạc: thêm lòng tin đối với tăng chúng, và hiểu thêm về Bốn niệm xứ.

9. Đoạn kinh về "tự hành khổ" nói chi tiết về những khổ hạnh mà nhiều người đương thời Phật đang tu tập, và chính Phật cũng đã từng tu trong thời gian nỗ lực đạt giác ngộ. Xem kinh 12.

10. Đoạn kinh về "tự làm khổ và làm khổ người" mô tả sự tu tập của người tự hành hạ mình với hy vọng được phước, bằng cách lập tế đàn trong đó nhiều con vật bị giết, nhiều kẻ làm công bị áp bức.

11. Đoạn kinh về hạng "không tự hành khổ, không làm khổ người" lại sống thánh thiện, cảm thọ thuần lạc thọ, ám chỉ bậc A-la-hán. Để hiển thị vị ấy không tự hành mình cũng không làm khổ người, đức Phật mô tả con đường tu tập của vị ấy để chứng quả.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba nghiệp, ba minh, bốn chân lý, bốn niệm xứ, bốn hạng người, bốn thiên, năm triền cái.*

#### V. KÊ TỤNG

Bạn Kan-da-ra-ka  
Cùng cư sĩ Pes-sa  
Làm nghề huấn luyện voi  
Cùng đến yết kiến Phật.

Du sĩ ca tụng Phật  
Khéo hướng dẫn chư tăng  
Hỏi quá khứ vị lai  
Chúng được như vậy chăng?

Phật dạy: "Cả ba thời  
Chư Phật cùng một Pháp  
Tỳ kheo tu pháp này  
Có vị thành La-hán.

Hoặc thành bậc Hữu học,  
Khéo kiên trì giới luật,  
An trú Bốn niệm xứ  
Để nhiếp phục tham ưu."

Pessa tiếp lời Phật:  
- Thế Tôn khéo trình bày  
Pháp Bốn niệm xứ này  
Con thỉnh thoảng tu tập

Con quán thân nơi thân  
Quán thọ nơi cảm thọ  
Quán tâm ngay nơi tâm  
Quán pháp nơi các pháp

Chánh niệm và tỉnh giác  
Để nhiếp phục tham ưu.  
Thế Tôn quả thấu suốt  
Vui khổ của hữu tình.

Cởi mở thay, loài thú  
Rắc rối thay loài người  
Sống rồi ren xảo quyết  
Lòng với miệng khác nhau.

"Kẻ tự hành, hành người  
Kẻ làm khổ cả hai,  
Kẻ không làm ai khổ,  
Người thích ý hạng nào?"

- Bạch Phật, ba hạng đầu  
Không làm con thích ý  
Chỉ có hạng thứ tư  
Làm con thấy khoái ý.

Biết chân khổ, ưa vui  
Sao lại tự hành mình?  
Và hành hạ kẻ khác?  
Hoặc hành xác cả hai?

Hạng không khổ mình, người  
Quả làm con thích ý.  
Rồi Pessa cáo từ  
Vi bận nhiều công việc.

Phật dạy chúng tỳ kheo:  
"Nếu nán lại chốc lát  
Kẻ huấn luyện voi ấy  
Sẽ được nhiều lợi lạc.

Có kẻ tu khổ hạnh  
Về cách ăn mặc ở  
Đều theo lối khổ sở  
Đây là tự hành mình.

Có hạng làm nghề ác  
Sát sinh và trộm cắp  
Hoặc tra tấn dã man  
Là hành hạ người khác.

Làm khổ mình lẫn người  
Là kẻ có tà kiến  
Giết vô số sinh loài  
Cùng phá hoại cây cối.

Mong tẩy sạch tội lỗi  
Chúng dựng những tế đàn  
Làm khổ người và vật  
Bản thân cũng gian nan.

Không làm khổ mình, người  
Xuất gia thành tỳ gia, giới,  
Từ bỏ mười nghiệp ác  
Hộ trì năm giác quan

Tu tập bốn niệm xứ  
Chứng bốn thiền, ba minh  
Đạt vô thượng an ổn  
Đệ tử Phật, người này."



**Kinh số 52**  
**Bát thành**  
*(Atthakanāgara Sutta)*

**I. TOÁT YẾU**

*Atthakanāgara Sutta - The man from Atthakanāgara*

*The venerable Ānanda teaches eleven "doors to the Deathless" by which a bhikkhu can attain the supreme security from bondage.*

**Người từ thành Bát.**

*Tôn giả Ānanda dạy 11 "cửa bất tử", qua cửa này một tỳ kheo có thể đạt đến vô thượng an ổn khỏi trói buộc.*

**II. TÓM TẮT**

Gia chủ Dasama đến gặp tôn giả Ānanda hỏi về pháp môn độc nhất mà nếu tinh tấn tu hành, sẽ khiến tâm chưa giải thoát được hoàn toàn giải thoát, lậu hoặc chưa trừ hoàn toàn được đoạn trừ, đạt vô thượng an ổn. Tôn giả giảng, đó là pháp môn ly dục, ly bất thiện pháp, chứng trú sơ thiên với 5 thiên chi, lần lượt chứng đến tứ thiên chỉ còn xả niệm thanh tịnh; an trú bốn phạm trú: biến mãn 10 phương với Từ tâm giải thoát, Bi tâm giải thoát, Hỷ tâm giải thoát, Xả tâm giải thoát; tu tập ba trong bốn Không định là: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ.

Mười một quả vị ấy đều thuộc hữu vi, do suy tư tác thành. Nếu khi đắc một thiên chứng nào, hành giả tuệ tri "cái này thuộc hữu vi, do suy tư tác thành, nên vô thường,

bị hoại diệt", vị ấy sẽ tận trừ lậu hoặc. Nhưng nếu lậu hoặc chưa đoạn, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy diệt trừ năm hạ phần kết sử, được hóa sinh vào cõi trời Ngũ tịnh cư, khỏi trở lui đời này. Như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn giảng. Nếu tỳ kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm tinh tấn hành trì pháp ấy, thì tâm được giải thoát, lậu hoặc được trừ diệt, vô thượng an ổn được chứng đạt.

Khi nghe tôn giả Ānanda nói vậy, gia chủ Dasama bạch: "Bach tôn giả, như người đi tìm một kho tàng lại được 11 kho; con đi tìm một pháp môn bất tử mà được nghe 11 pháp môn. Như ngôi nhà cháy có 11 cửa, chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra an toàn. Cũng vậy chỉ với một cửa bất tử trong 11 cửa này, con có thể đạt an toàn cho con." Rồi gia chủ cúng dường Ānanda và chúng tăng.

### III. CHÚ GIẢI

1. Lời Dasama nói "*tâm chưa giải thoát được hoàn toàn giải thoát, lậu hoặc chưa trừ hoàn toàn được đoạn trừ, đạt vô thượng an ổn*" ám chỉ quả vị A-la-hán.

2. "*Thuộc hữu vi, do suy tư tác thành*" thường được sử dụng liên kết, chứng tỏ một trạng thái có điều kiện, mà tư tâm sở hay ý hành (volition) là yếu tố chính.

3. *Một phương pháp phát triển tuệ quán từ một thiên tịnh chỉ*: Sau khi đắc 1 thiên chứng, hành giả xuất khỏi thiên ấy và quán sát trạng thái này là pháp duyên sinh - được phát sinh nhờ điều kiện - yếu tố chính là tư tâm sở hay ý hành. Trên căn bản này, vị ấy xác quyết tính vô thường của nó, rồi quán sát thiên ấy bằng tuệ thâm nhập 3 đặc tính vô thường khổ vô ngã. Xem thêm kinh 64, một phương pháp hơi khác với phương pháp này để phát triển tuệ giác trên căn bản các thiên chứng.



4. "*Do tham luyến pháp này, hoan hỷ pháp này*" có nghĩa là dục tham đối với tịnh chỉ và tuệ quán. Nếu hành giả có thể từ bỏ tất cả dục tham đối với chỉ và quán, vị ấy trở thành một A-la-hán; nếu không thể từ bỏ dục tham, vị ấy không thể trở thành một A-la-hán; nếu không thể từ bỏ dục tham, vị ấy thành một vị Bất Hoàn và được tái sinh vào cõi Tịnh cư thiên.

5. Mười một cửa bất tử là 4 thiên, 4 phạm trú, và 3 thiên chúng Vô sắc: *Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ*, được dùng làm cơ sở để phát triển tuệ quán đạt đến A-la-hán quả. *Phi tướng phi phi tướng xứ* không được đề cập ở đây, vì nó quá vi tế không thể làm đối tượng cho tuệ quán.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn thiên, bốn phạm trú hay bốn vô lượng, năm triền cái, năm thiên chi.*

#### V. KỆ TỤNG

Gia chủ Da-sa-ma  
Đến thầy Ā-nan-da  
Xin giảng pháp độc nhất  
Do Thế Tôn giảng dạy

"Khiến tâm được giải thoát  
Lậu hoặc được đoạn trừ  
An ổn khỏi trói buộc  
Nếu tinh cần gắng tu.

Ly dục, ly bất thiện,  
Chứng và trú sơ thiên  
Thấy thiên này hữu vi  
Do suy tư tác thành

Tu chứng cả bốn thiên  
Vẫn thấy nó hữu vi  
Không tham đắm thiên này  
Đạt lậu tận, giải thoát.

Tu đến bốn vô lượng  
Nhập Không vô biên xứ,  
Đến Thức vô biên xứ,  
Cùng Vô sở hữu xứ

Vẫn thấy là hữu vi  
Do suy tư tác thành  
Không tham đắm Định này  
Đạt lậu tận, giải thoát

Nếu tham luyến, hoan hỷ  
Với một thiên, định nào  
Vị ấy sẽ hóa sinh  
Vào cõi Tịnh cư thiên

Do vì đã đoạn trừ  
Năm hạ phân kết sử  
Nhập Niết-bàn tại đây  
Khởi trở lui đời này."

Gia chủ Da-sa-ma  
Bạch thầy Ā-nan-da:  
Như tìm một kho tàng  
Được mười một kho báu

Con tìm cửa bất tử  
Lại được mười một cửa;  
Như nhà lửa bốc cháy  
Có mười một lối ra

Ở đây cũng như vậy  
Bốn thiên và ba không  
Cùng bốn tâm vô lượng  
Cửa giải thoát an toàn."



## Kinh số 53

# Hữu học

### I. TOÁT YẾU

#### *Sekha Sutta - The Disciple in Higher Training.*

*At the Buddha's request the venerable Ānanda gives a discourse on the practices undertaken by a disciple in higher training.*

**Đệ tử trên đạo lộ hữu học.**

*Phật bảo tôn giả Ānanda giảng về các pháp tu của một bậc hữu học.*

### II. TÓM TẮT

Những gia chủ dòng họ Sakya thành Phật và chư tăng đến khánh thành một ngôi giảng đường [1] ở Kapilavastu. Sau khi thuyết pháp, Phật nằm xuống nghỉ và bảo tôn giả Ānanda giảng Hữu học đạo.

Tôn giả giảng về sáu giai đoạn tác thành một bậc Hữu học như sau:

1. Thành tựu giới;
2. Giữ gìn tâm ý khi sáu căn tiếp xúc sáu trần;
3. Tiết độ ăn uống;
4. Chú tâm cảnh giác hay chánh niệm tỉnh giác trong bốn uy nghi;
5. Thành tựu bảy diệu pháp là tín, tầm, quý [2], tấn, vãn, niệm [3], tuệ [4].
6. Lạc trú bốn thiền một cách không khó khăn mệt nhọc.

Khi thành tựu được sáu phép ấy, vị thánh đệ tử được gọi là đi trên đường Hữu học, có trứng không bị hư thối, có khả năng phá vỡ vỏ vô minh để đạt vô thượng an ổn khỏi các trói buộc.

Khi chứng tứ thiên với xả niệm thanh tịnh [5], thánh đệ tử được túc mạng minh, nhớ các đời trước của mình với đại cương và chi tiết, như phá vỡ lớp vỏ đầu tiên. Vị ấy với thiên nhãn thấy được sống chết và nghiệp quả của chúng sinh, như phá lớp vỏ thứ hai. Vị ấy đoạn trừ tất cả lậu hoặc, chứng đạt an trú ngay hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát [6], như phá lớp vỏ thứ ba. Như gà ấp trứng, nếu ấp ủ đúng mức thì dù không ước mong gì, cũng sẽ có lúc gà con mổ vỏ chui ra.

Thành tựu giới, hộ trì căn, tiết độ ăn uống, chú tâm cảnh giác, đầy đủ bảy diệu pháp, hiện tại lạc trú bốn thiên thuộc tầng thượng tâm [7], sáu thứ này thuộc về Hạnh đức của vị ấy. Ba minh thuộc về Trí đức vị ấy.

Rồi tôn giả nhắc lại bài kệ của Phạm thiên Sanankumāra:

*Chúng sinh tin giai cấp,  
Vương tộc là tối thượng,  
Vị minh hạnh cụ túc,  
tối thắng trên nhân thiên [8].*

### III. CHÚ GIẢI

1. *Người ta tin rằng* trước khi sử dụng ngôi nhà mới xây, nếu mời 1 vị tu cao đến ở trước dù chỉ 1 đêm, sẽ được phước. Niềm tin này vẫn còn tiếp diễn tại các xứ Phật giáo ngày nay, nên những phật tử xây nhà mới thường mời các tỳ kheo đến tụng kinh cầu an trước khi dọn vào ở.

2. *Tâm và quý* thường đi đôi, được Phật gọi là vị "hộ trì thế gian" vì nó là nền tảng của đạo đức. Tâm có đặc tính

biết tự trọng, ghê tởm điều xấu xa, quý là quan tâm đến dư luận, sợ làm điều quấy.

3. Kinh giải thích danh từ *sati*, *niệm*, bằng cách nhắc đến ý nghĩa nguyên thủy của nó là ký ức. Tương quan giữa 2 nghĩa của niệm - ký ức và chú ý - có thể nói như sau: sự chú ý sâu sắc đối với những hình dáng hiện tại là nền tảng để có ký ức chính xác về quá khứ. Luận nhắc đến niệm ở đây để ám chỉ nó là pháp đầu tiên trong 7 yếu tố của giác ngộ.

4. Theo Kinh *sớ*, *tuệ* ở đây là trí sinh diệt thuộc đạo, có thể thâm nhập sự sinh diệt của 5 uẩn. Trí thuộc đạo được gọi là *thâm nhập* bởi vì nó chọc thủng và nhổ tận cái khối tham sân si; Trí thuộc tuệ quán được gọi là thâm nhập vì nó tạm thời chọc thủng tham sân si, và vì nó đưa đến sự thâm nhập bằng đạo lộ.

5. Đây nói về thiên thứ 4, nền tảng của 3 loại trí tiếp theo.

6. Ở điểm này, vị ấy chấm dứt làm bậc hữu học và thành bậc A-la-hán.

7. Những pháp này là 15 yếu tố truyền thống làm nên Hạnh. Trong toàn thể quá trình tu tập, Hạnh đi đôi với Minh là 3 loại trí. "Minh hạnh túc" chỉ chư Phật và A-la-hán.

8. Câu này được Phật xác nhận trong kinh Trường bộ III. Phạm thiên Sanankumāra, "*trẻ mãi*" theo *sớ*, là 1 thanh niên đã đắc thiên, khi chết tái sinh vào Phạm Thiên giới mà vẫn giữ sắc đẹp đã có trong hiện hữu cõi người. Xem Trường bộ, Kinh 18.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba minh, bốn thiên, sáu căn, bảy thánh tài.*

## V. KÊ TỤNG

Tôn giả Ā-nan-da  
Giảng sáu pháp tác thành  
Một bậc thánh Hữu học  
Cho bộ tộc Sa-kya:

Một là thành tựu giới;  
Hai gìn giữ sáu căn  
Ba tiết độ ăn uống;  
Bốn chú tâm cảnh giác

Đề phòng ô nhiễm khởi.  
Năm, tu bảy thánh tài:  
Tín, tâm, quý, tấn, vãng,  
Chánh niệm và tuệ quán.

Sáu lạc trú bốn thiên  
Không khó khăn mệt nhọc.  
Thành tựu sáu pháp ấy,  
Là một vị Hữu học,

Có trứng không bị thối,  
Có khả năng phá vỡ  
Các lớp vỏ vô minh  
Đạt vô thượng an ổn.

Bốn thiên, túc mạng trí  
Là phá vỏ đầu tiên  
Thiên nhãn Sinh tử trí  
Như phá vỏ thứ hai.

Đoạn trừ hết lậu hoặc,  
Chứng trú ngay hiện tại,  
Tâm và tuệ giải thoát,  
Là lớp vỏ thứ ba.

Như gà mái ấp trứng  
Khi ấp ủ đến thời  
Dù không có mong ước  
Gà con cũng chui ra.

Sáu yếu tố đầu tiên  
Giữ giới đến bốn thiên  
Là thuộc về Hạnh đức  
Ba minh thuộc Trí đức.

Chúng sanh tin giai cấp,  
Vương tộc là tối thượng,  
Vị minh hạnh cụ túc,  
Tối thắng cõi trời, người.





## Kinh số 54

### Potaliya

#### I. TOÁT YẾU

##### *Potaliya Sutta - To Potaliya.*

*The Buddha teaches a presumptuous interlocutor the meaning of the "cutting off affairs" in his discipline. The sutta offers a striking series of similes on the dangers in sensual pleasures.*

##### **Giảng cho Potaliya.**

*Phật giảng dạy cho một người hợm hĩnh đến tham vấn, ý nghĩa của "đoạn trừ tục sự" trong pháp luật của Ngài. Kinh này đưa ra một loạt những ví dụ đặc sắc về những nguy hiểm của dục lạc.*

#### II. TÓM TẮT

Gia chủ Potaliya đến viếng Phật, bất mãn khi nghe Phật gọi mình là gia chủ, vì ông đã giao phó tục sự cho con cái, sống với tối thiểu đồ ăn mặc. Phật giảng cho ông rõ thế nào là đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc thánh, ấy là từ bỏ:

1. Sát sinh
2. Lấy của không cho,
3. Nói dối,
4. Hai lưỡi,
5. Tham dục,
6. Sân hận hủy báng,
7. Phẫn nã,
8. Quá mạn;

Do thấy rõ chúng là kiết sử, là triền cái [1], có thể gây ra những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não; trong khi đối với người đã từ bỏ chúng [2] thì những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não không còn.

Phật dạy thêm, tuy vậy đó chưa phải là sự đoạn tận toàn diện các tục sự. Đoạn trừ toàn diện là thấy rõ dục [3] như khúc xương, như miếng thịt nơi miệng chim kên, như đuốc ngược gió, như hố than bùng, như mộng, như vật mượn, như cây có nhiều quả chín... khổ nhiều não nhiều, nguy hiểm càng nhiều hơn. Do thấy như vậy, mọi chấp thủ tài vật được đoạn tận, vị ấy tu xả [4], chứng ba minh. Potaliya tự nhận còn rất xa với sự đoạn tận ấy, tự nhận lâu nay đã lầm tưởng là thù thắng những gì chưa phải thù thắng. Ông ca tụng Phật đã gọi nơi ông lòng ái kính sa môn, và xin quy y.

### III. CHÚ GIẢI

1. *Kết sử* là trói buộc và sai khiến; *triền cái* là cột trói và ngăn che. Mặc dù sát sinh không gồm trong 10 kết sử và 5 triền cái, nó được xem là trói buộc vì buộc người ta vào vòng tái sinh, và triền cái vì nó ngăn sự an lạc chân thật.

2. *Sát sinh và lấy của không cho* phải từ bỏ nhờ thân giới; nói dối và nói lời ác được từ bỏ nhờ ngữ giới; tham sân kiêu mạn, bỏ nhờ ý giới.

3. Những ví dụ về nguy hiểm của dục được nói đến trong kinh 22, mặc dù kinh này không khai triển về 3 ví dụ cuối.

4. Theo Luận giải, "xả căn cứ dị biệt" là xả liên hệ đến 5 dục; "xả căn cứ đồng nhất" là xả ở thiên thứ 4.

### IV. PHÁP SỐ

(không có)

## V. KÊ TỤNG

Gia chủ Po-ta-liya  
Phần nô và bất mãn  
Khi nghe Phật gọi mình  
Với danh từ gia chủ

Người phó thác tục sự  
Cho những con cái ông,  
Và sống rất đạ̣m bạ̣c  
Với tối thiểu cần dùng.

Phật giảng đoạn tục sự  
Trong giới luật bậc thánh  
Là từ bỏ tám pháp  
Tai hại và trói buộc:

Sát sinh và trộm cắp  
Nói dối và đ̣am thọc  
Tham dục và sân b̄ng,  
Phần nô và kiêu c̄ng

Muốn tận trừ tục sự  
Cần thấy rõ dục lạc  
Chỉ như khúc xương khô  
Như miếng thịt chim tha

Như đ̄ốc c̄m ngược gió  
Như hố đ̄o than h̄ng,  
Như một giấc chiêm bao  
Như vật mượn phải trả

Như cây có nhiều quả...  
Cần phải thấy như vậy  
Dục khổ nhiều nã nhiều,  
Nguy hiểm càng nhiều hơn.

Do thấy được như vậy,  
Tận trừ mọi chấp thủ  
Chứng bốn thiên, ba minh  
Đạt lậu tận, giải thoát.

Gia chủ Po-ta-liya  
Tự nhận còn cách xa  
Lâu nay tưởng thù thắng  
Những pháp chưa thù thắng.

Rồi ông ca tụng Phật  
Đã gọi lên nơi ông  
Lòng ái kính sa môn  
Và quy y Tam bảo.



## Kinh số 55

### Jivaka

#### I. TOÁT YẾU

##### Jivaka Sutta - To Jivaka.

*The Buddha explains the regulations he has laid down concerning meat-eating and defends his disciples against unjust accusations.*

##### *Giảng cho Jivaka.*

*Phật giảng những quy luật Ngài đã chế định về sự ăn thịt và bảo vệ các đệ tử khỏi bị lên án bất công.*

#### II. TÓM TẮT

Jivaka [1] hỏi Phật, ông ta nghe nói Sa môn Gotama biết con thú bị giết để làm thịt cúng dường cho mình mà vẫn dùng, lời nói đó có đúng không hay là xuyên tạc. Phật xác nhận đó là lời xuyên tạc, và dạy có ba trường hợp không được phép dùng thịt, đó là khi có thấy, nghe và nghi con vật ấy đã vì mình mà bị giết [2]. Khi một tỳ kheo sống biển mãn mười phương với bốn phạm trú từ, bi, hỷ, xả, và khi được cư sĩ mời ăn, vị ấy lúc ăn không tham đắm vị ngon, không hi vọng, thấy rõ tai họa của tham dục, ý thức sự xuất ly; lúc ăn không nghĩ đến tự hại, hại người, hại cả hai. Tỳ kheo ăn như vậy không lỗi. Khi ấy Jivaka tán thán Phật an trú tâm từ, nhưng Phật dạy rằng tham sân si đã được Như Lai đoạn trừ tận gốc [3].

Ai vì Phật và chúng tăng mà giết hại sinh vật sẽ tạo nhiều phi công đức do năm nguyên nhân:

1. Thốt lên lời nói hãy dắt con vật này đến.
2. Con vật khi bị dắt đem giết rất buồn sâu sợ hãi;
3. Khi người ấy ra lệnh giết;
4. Con vật cảm thọ khổ ưu lúc bị giết;
5. Lúc người ấy cúng dường Phật và chúng Tăng một cách phi pháp.

Jivaka ca ngợi Phật và xin Phật nhận ông làm đệ tử [4].

### III. CHÚ GIẢI

1. *Jivaka* là đứa con bị bỏ rơi của một kỹ nữ được vương tử Vô Úy tìm thấy đem về nuôi. Ông học thuốc ở thành Takkasila và về sau được đề cử làm y sĩ chữa bệnh cho Phật. Ông chứng Dự lưu sau khi nghe Phật thuyết pháp.

2. Đoạn này nói rõ những *quy luật về sự ăn thịt mà đức Phật đã đặt ra cho tăng chúng*. Người ta sẽ thấy rằng Phật không đòi hỏi các tỳ kheo phải ăn chay, mà cho phép họ ăn thịt khi tin chắc rằng con vật ấy đã không bị giết cốt để cung cấp thịt cho mình. Thịt như vậy gọi là "thanh tịnh ở ba phương diện", vì nó không được thấy, được nghe, hay được nghi là thịt của 1 con vật bị giết cốt để đãi tỳ kheo. Giới luật của Phật tử tại gia "không được sát sinh" sẽ ngăn cấm vị ấy giết thịt để cúng dường tỳ kheo nhưng không cấm mua thịt những con vật đã chết.

3. Ở đây đức Phật chứng tỏ rằng Ngài an trú tâm từ không chỉ vì đã dập tắt ác ý bằng thiền quán về từ tâm như Phạm thiên, mà Ngài đã tận diệt gốc rễ của sân hận nhờ đã chứng đắc A-la-hán quả.

4. Thật khó hiểu ở đây là Jivaka xin quy y làm đệ tử tại gia trong khi ông đã chứng quả Dự lưu. Có lẽ công thức này được sử dụng như 1 phương tiện tái xác nhận sự quy y Tam Bảo của một người, chứ không chỉ giới hạn vào sự quy y đầu tiên.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba thứ tịnh nhục, bốn phạm trú.*

#### V. KÊ TỤNG

Ji-va-ka hỏi Phật  
Các trường hợp Phật dạy  
Về ăn thịt, không ăn  
(Tịnh nhục, bất tịnh nhục.)

Bất tịnh là vật sống  
Nhìn thấy nó bị giết  
Nghe kêu gào thảm thiết  
Nghĩ nó chết vì mình

Ngược lại khi tỳ kheo  
Sống biển mãn mười phương  
Vớ từ, bi, hỷ, xả  
Được mời thọ cúng dường

Khi ăn không tham đắm  
Không hi vọng tơ tưởng,  
Thấy tai họa tham dục,  
Ý thức sự xuất ly;

Không nghĩ đến tự hại,  
Không nghĩ đến hại người,  
Không nghĩ hại cả hai  
Như vậy ăn không lỗi.

Ai vì Phật và tăng  
Mà giết hại sinh vật  
Sẽ tạo nhiều phi phước  
Do năm nguyên nhân này:

Nào khi sai bắt lợn  
Nào lúc trói dắt đi  
Nào lúc đâm thọc huyết  
Nghe tiếng kêu ai bi

Nào lúc nó dẫy chết,  
Nào lúc đem cúng dường  
Cho chúng tăng ăn dùng  
Vật cúng dường phi pháp.





## Kinh số 56

### Ưu-ba-ly

#### I. TOÁT YẾU

*The wealthy and influential householder Upāli, a prominent supporter of the Jains, proposes to go to the Buddha and refute his doctrine. Instead, he finds himself converted by the Buddha's "converting magic".*

#### **Giảng cho Upāli.**

*Gia chủ giàu có và nổi tiếng tên Upāli, một thí chủ quan trọng của giáo pháp Ni-kiền Tử, định đến bài bác chủ trương của Phật. Nhưng ngược lại, ông tự thấy mình bị cảm hóa bởi "pháp thuật cảm hóa" của Phật.*

#### II. TÓM TẮT

Trường khổ hạnh [1] (Dīghatapassi) thuộc pháp Ni-kiền Tử đến nơi Phật. Phật hỏi Ni-kiền Tử chủ trương có bao nhiêu pháp làm nên ác nghiệp.

Trường khổ hạnh đáp không chủ trương nghiệp, mà là phạt [2]. Thân phạt, khẩu phạt, ý phạt, ba thứ khác nhau.

Phật hỏi thứ nào quan trọng nhất, ông đáp thân phạt [3] quan trọng nhất. Phật hỏi lại ba lần và ông xác nhận cả ba lần.

Rồi Trường khổ hạnh hỏi lại. Phật nói Ngài không chủ trương phạt mà chủ trương nghiệp, là ba nghiệp thân, khẩu, ý. Ba thứ khác nhau nhưng ý là quan trọng nhất [4].

Trường khổ hạnh cũng hỏi lại ba lần để Phật xác nhận ý nghiệp là quan trọng nhất. Rồi ông cáo từ trở về thuật lại cuộc đàm thoại với Ni-kiền Tử.

Upāli đại thí chủ của Ni-kiền Tử được cử đến luận chiến với Phật, nhưng Trường khổ hạnh can ba lần, nói Sa môn Gotama có huyền thuật lôi cuốn đệ tử ngoại đạo. Ni-kiền Tử không tin, cứ để Upāli đi. Khi được Phật kể lại cuộc đàm thoại với Trường khổ hạnh, Upāli cũng xác nhận lập trường của Ni-kiền Tử là ý nghiệp kém xa thân nghiệp.

Phật bảo nếu ông có thể đàm luận trong tinh thần tôn trọng sự thật thì ngài sẽ nói chuyện với ông. Sau khi Upāli chấp nhận điều kiện này, Phật đưa ra bốn ví dụ cho thấy ý là quan trọng.

*Ví dụ thứ nhất* liên hệ đến giới luật của Ni-kiền Tử không uống nước lạnh. Phật hỏi nếu một người vì giữ giới này mà phải chết, thì tái sinh ở đâu. Upāli đáp ở cõi trời Ý trước, vì chấp vào ý mà chết [5]. Phật chỉ cho thấy Upāli đã tự mâu thuẫn với lời nói trước. Tuy vậy Upāli vẫn thấy thân nghiệp quan trọng hơn.

Phật lấy *ví dụ thứ hai* là nếu Ni-kiền Tử hoàn toàn tự chế không dùng nước lạnh, hoàn toàn chú tâm vào sự chế ngự nước lạnh, hoàn toàn loại trừ nước lạnh, hoàn toàn thẩm nhuần giới kiêng nước lạnh [6], nhưng lúc đi qua đi lại lỡ dẫm phải côn trùng, có phạm tội không. Upāli nói không phạm, vì không cố ý [7]. Phật cho thấy ông đã tự mâu thuẫn lần thứ hai.

*Ví dụ thứ ba*: Một người với đại thân thông lực, với tâm sân hận trong giây lát có thể giết toàn dân thành Nalanda không? Upāli nói một tâm sân hận có thể giết không những một thành mà nhiều thành Nalanda.

*Ví dụ thứ tư*, Phật hỏi ông có nghe những khu rừng của các vị ẩn sĩ đã trở thành rừng hoang trở lại vì tâm sân hận của các ẩn sĩ ấy không. Upāli xác nhận có nghe, và thưa rằng ông đã phục ngay từ ví dụ đầu tiên, nhưng vì muốn

nghe biện tài của Phật về vấn đề này mà ông đóng vai trò chống đối.

Ông ca tụng Phật và xin quy y, nhưng Phật dạy ông rằng người trí cần phải suy nghĩ kỹ trước khi quyết định. Upāli càng thán phục Phật, so với thái độ khoe khoang của các giáo chủ ngoại đạo khi được làm thầy ông.

Upāli lặp lại lời xin quy y, và Phật dạy ông hãy tiếp tục hỗ trợ cho Ni-kiền Tử như bấy lâu nay ông đã làm. Upāli rất cảm động trước lòng từ bi của Phật, khác với ngoại đạo chỉ muốn độc tôn, và lặp lại lời cầu xin quy y.

Khi ấy Phật giảng cho ông về bố thí, giới, các cõi trời, sự hạ liệt ô nhiễm của dục và lợi ích của xuất ly. Rồi Ngài giảng về Bốn thánh đế. Upāli ngay tại chỗ được mắt pháp [8] ly trần vô cấu, hoài nghi về Pháp [9] được tiêu trừ. Ông cáo từ Phật và về nhà căn dặn gia nhân từ nay khi các nam nữ Nigantha đến, hãy nói họ chờ ở cổng sẽ bố thí đồ ăn, nhưng hãy mời đệ tử Phật vào.

Khi nghe tin ấy, giáo chủ Nigantha đến gặp Upāli, nhưng không được mời ngồi chỗ tôn trọng như thường lệ. Ông chỉ trích Upāli đã điên rồ mắc phải huyền thuật cảm hóa của Gotama. Upāli nói: "Thật tốt lành thay huyền thuật cảm hóa ấy [10]. Mong sao tất cả bà con dòng họ, mọi giai cấp, toàn thế giới, kể cả chư thiên nhân loại, đều được huyền thuật này lôi cuốn."

Rồi Upāli ví dụ con khỉ con, có thể nhuộm được, nhưng không thể đập, ủi, làm thành mềm dịu; cũng vậy là lý thuyết Nigantha ngu si, chỉ ăn nhuộm với kẻ ngu, không với bậc trí. Ngược lại giáo lý Phật như vải mới có thể nhuộm, đập, ủi, làm thành mềm dịu; nghĩa là ăn nhuộm với người trí, không với kẻ ngu.

Khi được hỏi bây giờ Upāli là đệ tử của ai, Upāli đọc lên bài kệ dài ca tụng những đức tính của Phật. Nigantha không chịu nổi, ngay tại chỗ thổ ra huyết nóng [11].

### III. CHÚ GIẢI

1. Có nghĩa là khổ hạnh Cao vì ông ta rất cao.

2. Pali *Danda* là cây roi dùng để trừng phạt và cuối cùng có nghĩa là hình phạt, ngay cả khi không có khí cụ. Ở đây dường như muốn nói Ni-kiền Tử xem thân hành khẩu hành ý hành là những khí cụ qua đó người ta tự hành hạ bằng cách kéo dài sự trôi buộc vào sinh tử và hành hạ kẻ khác bằng cách làm hại họ.

3. Ni-kiền Tử chủ trương thân, khẩu tạo nghiệp biệt lập với sự can thiệp của ý, cũng như khi gió thổi, những cành lay động và lá xào xạc không cần có tâm đi trước.

4. Có lẽ Phật nói điều này vì trong giáo lý Ngài, thì tâm sở hay ý hành là chất liệu cốt yếu của nghiệp và khi không có ý - nghĩa là trường hợp một thân hành hay ngữ hành không cố ý - thì không tạo nghiệp. Nhưng Luận giải cho rằng khi Phật nói điều này là ám chỉ tà kiến có hậu quả cố định, và dẫn chứng Tăng Chi I như sau: "Này các tỳ kheo, ta không thấy pháp nào đáng quở trách cho bằng tà kiến. Tà kiến là đáng quở trách nhất trong tất cả các pháp." Các loại tà kiến được mô tả trong kinh 60.

5. Ni-kiền Tử không được dùng nước lạnh vì có chứa sinh vật. Do sự kiêng cử nước lạnh bằng thân và lời, họ giữ cho thân hành và ngữ hành thanh tịnh, nhưng nếu tâm họ khao khát nước lạnh thì ý hành của họ bất định, và như thế họ tái sinh và cõi "những vị trời bị ý trôi buộc."

6. Lời này trong kinh Trường Bộ II được gán cho Ni-kiền Tử xem như lập thuyết của họ. Nāṇamoli nêu lên trong bản thảo rằng ở đây có lẽ muốn chơi chữ vì Vārī vừa có

nghĩa nước vừa có nghĩa là 1 đường cong. Đại đức Bodhi dịch căn cứ Luận Trường Bộ Kinh như sau: "Một Ni-kiền Tử chế ngự đối với tất cả loại nước; tránh tất cả ác; thấm nhuần với sự tránh tất cả ác." Mặc dù lời này có ý quan tâm đến sự thanh lọc, nhưng giọng điệu khác hẳn giáo lý Phật.

7. Phật nêu lên một mâu thuẫn trong lập luận của Ni-kiền Tử là một đấng họ cho "thân phật" quan trọng nhất, một đấng lại xác quyết sự hiện hữu của ý hoàn toàn thay đổi tính chất đạo đức của 1 hành vi.

8. Pháp nhân là Dự lưu đạo. Câu "tất cả cái gì phải sinh ra đều phải hoại diệt" chỉ rõ cách thức đạo khởi lên. Đạo lấy tịch diệt làm đối tượng, nhưng nhiệm vụ của nó là đi sâu vào, thâm nhập tất cả pháp hữu vi, những pháp phải chịu sinh diệt.

9. Pháp được nói ở đây chính là Tứ diệu đế. Sau khi thấy được Tứ diệu đế, vị ấy đã cắt đứt kết sử hoài nghi và bây giờ có được cái thấy cao quý và giải thoát sẽ đưa người thực hành phù hợp với cái thấy ấy đạt đến sự diệt khổ hoàn toàn.

10. Ưu-ba-ly nói điều này để ám chỉ quả Dự Lưu mà trước đây ông đã đắc.

11. Ni-kiền Tử rất đau khổ vì mất đệ tử ngoại hộ, và sự buồn khổ của ông gây một xáo trộn cơ thể đưa đến kết quả là ông học ra máu tươi. Khi đã học ra máu tươi thì ít ai có thể sống được. Bởi thế người ta mang ông đến Pava trên 1 cái cang và ở đấy ít lâu sau ông chết.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*Ba nghiệp, bốn sự thật, năm triền cái.*

## V. KỆ TỤNG

Khổ hạnh Ni-kiên Tử  
Đến luận đàm với Phật  
Về tầm mức quan trọng  
Trong quá trình tạo nghiệp

Theo ông là "Thân phật"  
Phật thì dạy "ý nghiệp"  
Trường khổ hạnh trở về  
Thuật lại cuộc đàm thoại

Giáo chủ Ni-kiên Tử  
Đề cử Ưu-ba-ly  
Đại thí chủ của mình  
Đến luận chiến với Phật

Trường khổ hạnh can gián  
- Sa môn Go-ta-ma  
Có huyễn thuật lôi cuốn  
Coi chừng sẽ thua to.

Ni-kiên Tử cả quyết:  
- Không thể có chuyện ấy  
Ưu-ba-ly sẽ thắng  
Cồ-đàm sẽ thua

Khi đến nơi, Phật bảo  
"Muốn sáng tỏ vấn đề  
Vì tôn trọng sự thật  
Thì có thể đàm luận."

Ưu-ba-ly chấp thuận  
Phật hỏi: "Người giữ giới  
Do kiêng cữ nước lạnh  
Chết tái sinh chỗ nào?"

- Ở cõi trời Ý trước  
Do vì chấp vào ý.  
Phật bảo Ưu-ba-ly:  
"Ông đã tự mâu thuẫn."

Phật lại hỏi ông ta  
"Người kiêng uống nước lạnh  
Nhưng dẫm chết côn trùng  
Thì có phạm tội không?"

Ưu-ba-ly: - Không phạm,  
Vì không có cố ý.  
Phật lại cho ông thấy  
Đã tự phản lại mình.

"Với gương giáo, một người  
Có thể giết nhiều người  
Trong giây lát được không?"  
- Thưa Cồ-đàm, không thể.

"Người có đại thần thông  
Trong giây lát nổi giận  
Có thể giết bao nhiêu?"  
- Giết cả toàn thế giới.

"Tại sao rừng ẩn sĩ  
Đã trở lại rừng hoang?"  
Ưu-ba-ly trả lời  
- Do tâm sân ẩn sĩ

Với ví dụ đầu tiên,  
Con đã bị luận bại  
Muốn nghe Thế Tôn dạy  
Nên con vờ chưa tin.

Ông xin quy y Phật  
Phật dạy ông nghi kỹ  
Trước khi làm quyết định  
Xứng thái độ người trí.

Ưu-ba-ly bạch Phật:  
- Các bậc đạo sư khác  
Nếu được con xin theo  
Sẽ rêu rao khoác lác

Thế Tôn không như vậy  
Con xin quy y Phật  
Pháp và Tỳ kheo tăng  
Xin trọn đời quy ngưỡng.

Phật bảo Ưu-ba-ly:  
"Hãy tiếp tục cúng dường  
Cho ai đến xin ông  
Như các Ni-kiền Tử."



- Ôi đức Phật từ bi  
Khác xa kẻ độc tôn  
Con bội phần hoan hỉ  
Xin trọn đời quy y.

Phật giảng về bố thí,  
Giới, và các cõi trời,  
Sự hạ liệt của dục  
Và lợi ích xuất ly.

Khi tâm ông thuần thực  
Phật giảng Bốn thánh đế.  
Ông đắc ngay Pháp nhãn  
Về Pháp hết hoài nghi.

Ông cáo từ đức Phật  
Về nhà dạy gia nhân  
Mở cửa đón chư tăng  
Đóng cửa Ni-kiên Tử.

Giáo chủ Ni-kiên Tử  
Đến gặp Ưu-ba-ly  
Không còn được tôn trọng  
Ngồi cao như mọi khi.

Ni-kiên Tử tức tối  
Trách ông thật ngu si  
Để Cô-đàm dụ dỗ  
Với huyền thuật bùa mê.

- Vi diệu thay huyền thuật  
Ưu-ba-ly tiếp lời,  
- Thật tốt lành, lợi ích  
Huyền thuật cảm hóa này

Mong bà con dòng họ,  
Mong cho mọi giai cấp,  
Mong cho cả thế gian  
Được Cô-đàm dụ dỗ

Vi nhân loại chư thiên  
Nhờ huyền thuật cảm hóa  
Của Thế Tôn Như Lai  
Sẽ an lạc lâu dài.

Lý thuyết Ni-kiên Tử  
Chỉ thích hợp kẻ ngu.  
Nay tôi là đệ tử  
Thế Tôn Điều ngự sư.

Bậc tham ái tận trừ  
Bậc trí tuệ tuyệt luân.  
Nghe ca tụng Thế Tôn  
Nigantha thổ huyết.



## Kinh số 57

# Hạnh con chó

### I. TOÁT YẾU

#### *Kukkuravatika Sutta - The dog-duty ascetic.*

*The Buddha meets two ascetics, one who imitates the behaviour of a dog, the other who imitates the behaviour of an ox. He reveals to them, the futility of their practices and gives them a discourse on kamma and its fruit.*

#### **Khổ hạnh Chó.**

*Phật gặp hai nhà khổ hạnh, một người bắt chước lối sống của chó, một người bắt chước lối sống của bò. Ngài cho họ biết sự vô ích của lối tu ấy, và giảng cho họ nghe về nghiệp và quả báo.*

### II. TÓM TẮT

Khổ hạnh chó và khổ hạnh bò [1] đến gặp Phật, hỏi về chỗ tái sinh tương lai của các hạnh như thế nào. Phật cho biết có hai hậu quả chờ đợi: Một là được sinh và loài chó, bò, nếu bắt chước giống hệt; hai là sinh vào địa ngục [2] nếu bắt chước không giống, mà lại có tà kiến cho rằng làm vậy sẽ được lên trời. Họ xin Phật giảng Pháp để từ bỏ được khổ hạnh sai lạc.

Phật giảng về bốn loại nghiệp và quả báo:

1. *Nghiệp đen có quả báo đen*, như sau khi làm những thân ngữ ý hành có tổn hại [3], sẽ sinh vào thế giới có tổn hại [4], và do xúc những tổn hại nên cảm thọ khổ.

2. *Nghiệp trắng có quả báo trắng*, như sau khi làm các thân ngữ ý hành không có tổn hại [5], sẽ sinh vào thế giới không

có tổn hại [6] ; do xúc những xúc không tổn hại mà cảm thọ lạc.

3. *Nghiệp nửa đen nửa trắng* [7], là một phần tốt một phần xấu, sinh vào cõi dữ có lành có, như cõi người. Do vậy Phật dạy, sự sinh ra của một hữu tình tùy thuộc vào chính nó; hữu tình là kẻ thừa tự hạnh nghiệp mình [8].

4. Nghiệp không đen không trắng [9], đưa đến quả báo không đen trắng, tức sự đoạn tận các loại nghiệp, đó là tư tâm sở hay ý chí đoạn tận các loại nghiệp đen, trắng và hỗn hợp đã nói trên.

Hai khổ hạnh nghe xong tán thán Phật, Khổ hạnh Bò xin quy y, khổ hạnh Chó xin xuất gia thọ giới cụ túc. Phật dạy ngoại đạo cần trải qua bốn tháng thử thách trước khi xuất gia, nhưng Ngài biết rõ căn tính các hạng người [10]. Khổ hạnh Chó chấp nhận dù có phải trải qua bốn năm thử thách để được xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc không bao lâu, Khổ hạnh Chó Seniya chứng quả A-la-hán.

### III. CHÚ GIẢI

1. Punna tu hạnh bò bằng cách mang sừng trên đầu, cột đuôi sau lưng và ăn cỏ cùng với những con bò. Seniya thực hành tất cả hạnh của 1 con chó.

2. Sinh địa ngục là do tà kiến cho rằng khổ hạnh ấy sẽ dẫn đến tái sinh cõi trời. Cần chú ý rằng sự tu tập khổ hạnh sai lầm có hậu quả ít nghiêm trọng khi nó được thực hành không kèm theo tà kiến hơn là khi có kèm theo tà kiến. Mặc dù ngày nay ít ai thực hành khổ hạnh chó, bò, song nhiều kiểu sống lạc hướng đã thành phổ biến và lại được biện minh bằng một tà thuyết, do vậy hậu quả của những lối sống này càng tai hại hơn nữa.

3. Thân ngữ (ngữ hành, ý hành ) "có hại" có thể hiểu là 10 bất thiện hành trái với 10 thiện nghiệp đạo: về 3 thân, 4 về ngữ và 3 về ý. Xem kinh số 9.

4. Thế giới có tổn hại là như 1 trong các đạo xứ: địa ngục, nga quý, súc sinh.

5. Ở đây muốn nói đến các ý hành chịu trách nhiệm về 10 nghiệp thiện và ý hành thuộc các cõi thiên.

6. Vị ấy được tái sinh vào cõi trời.

7. Nói 1 cách chân chính, thì không có ý hành nào có thể đồng thời vừa thiện vừa bất thiện, vì ý hành chịu trách nhiệm về hành vi phải làm thì hoặc thiện, hoặc bất thiện. Ở đây ta nên hiểu hữu tình vướng vào những hành động thiện có ác có, nhưng không 1 hành động nào đặc biệt nổi bật.

8. Hữu tình tái sinh tùy theo nghiệp đã làm và theo những cách phù hợp với những nghiệp ấy. Những ngụ ý của thuyết này được diễn rộng trong kinh 135-136.

9. Chính là ý hành thuộc 4 đạo lộ siêu thế mà tột cùng là A-la-hán quả. Mặc dù vị a la hán cũng làm các hành vi, nhưng những hành vi của vị ấy không còn tác dụng của nghiệp để phát sinh hiệu hữu mới hoặc để đem lại kết quả ngay trong kiếp này.

10. Phật có thể quyết định: "Người này cần qua thời gian thử thách, người này không cần."

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba thọ, bốn loại nghiệp (đen, trắng, vừa đen vừa trắng, không đen không trắng), năm thú ( cõi tái sinh ): trời, người, địa ngục, quý, súc.*

## V. KÊ TỤNG

Pun-na, khổ hạnh Bò  
Se-niya, khổ hạnh Chó  
Cùng đi đến gặp Phật,  
Hỏi tái sinh tương lai

"Nếu hành trì viên mãn  
Chó, bò là chỗ sinh  
Hoặc sinh vào địa ngục  
Nếu không làm như in."

Hai khổ hạnh khốc lóc:  
Chúng con tu hạnh ấy  
Nay xin Phật chỉ đường  
Tu hành theo chánh đạo.

Phật dạy bốn loại nghiệp:  
Nghiệp toàn đen, toàn trắng  
Nghiệp nửa đen nửa trắng  
Và nghiệp không trắng đen.

Đen là nghiệp tổn hại  
Sinh cõi có tổn hại  
Phải cảm thọ khổ đau  
Như địa ngục, quỷ, súc.

Vô hại là nghiệp trắng  
Sinh cõi không tổn hại  
Nên cảm thọ an vui  
Như ở trên thiên giới

Nghiệp vừa đen vừa trắng  
Sinh cõi có dữ lành  
Thọ có vui có khổ  
Như trong cõi người ta

Nghiệp không đen không trắng  
Không quả báo trắng đen  
Là do tư tâm sở  
Ý chí đoạn tận nghiệp

Như khi vị La-hán  
Dù có làm việc lành  
Cũng không ham quả báo  
Tương lai khỏi thọ sinh.

Do vậy các hữu tình  
Sinh ra do chính nó  
Thọ vui hay thọ khổ  
Thừa tự hạnh nghiệp mình

Hạnh Bồ xin quy y  
Hạnh Chó xin thọ cụ  
Dù phải qua thử thách  
Vi ngoại đạo xuất gia

Phật biết rõ căn cơ  
Nên độ cho Se-niya  
Thọ giới không bao lâu  
Ông chứng thành La-hán.



## Kinh số 58

# Vô Úy vương tử

### I. TOÁT YẾU

#### *Abhayarājakumāra Sutta - To Prince Abhaya.*

*The Jain leader, Nigantha Nātaputta, teaches Prince Abhaya a "two-horned questions" with which he can refute the Buddha's doctrine. The Buddha escapes the dilemma and explains what kind of speech he would and would not utter.*

#### *Nói cho Vô Úy vương tử.*

*Giáo chủ Ni-kiên Tử dạy cho Vô Úy vương tử một "câu hỏi hai móc" để có thể bác thuyết của Phật. Phật thoát khỏi ngõ bí và giải thích loại lời nào Ngài sẽ nói và loại nào không.*

### II. TÓM TẮT

Ni-kiên Tử bày cho vương tử Vô Úy [1] một câu hỏi hai móc [2] để đến chất vấn Phật: "Như Lai có bao giờ nói một lời làm kẻ khác buồn không?" Nếu đáp có, thì khác gì phạm phu. Nếu đáp không, thì thành nói dối, vì Phật mới vừa nói Devadatta sẽ rơi vào đọa xứ, khiến cho Đề bà rất phẫn nộ. Như vậy khi Cồ-đàm bị hỏi câu này sẽ như nuốt phải một cái móc sắt, không thể nhả ra cũng không thể nuốt vào.

Vương tử theo lời, thỉnh Phật đến nhà thọ trai xong, hỏi như trên. Nào ngờ Phật hỏi lại ông: "Có phải người chờ đợi Như Lai trả lời có hoặc không chăng?"

Vương tử nói: "Bạch Thế Tôn, Ni-kiên Tử đã bị bại ngay hiệp đầu."



Phật gạn hỏi, ông thú nhận Ni-kiền Tử chờ đợi Phật trả lời có hoặc không để phản bác, không dè gập trường hợp này. Khi ấy Phật chỉ vào đứa bé trai đang được bế ngồi trên gối vương tử và hỏi ông ta:

"Giả sử người vú em sợ ý để đứa bé nuốt phải một cái móc sắt, ông sẽ làm sao?"

- Bạch Thế Tôn, con sẽ lôi cái móc ấy ra, dù có phải làm cho đứa trẻ đau đớn, chảy máu miệng. Vì con rất thương đứa bé.

Khi ấy Phật dạy: "Như Lai cũng vậy, vì thương xót hữu tình, Như Lai sẽ biết thời để nói cho chúng lời nói đúng sự thật, tương ứng với mục đích, dù lời ấy có thể làm họ ưa thích hay không." [3]

Khi ấy vương tử bạch Phật, trước khi đến chất vấn Phật, ngoại đạo phải họp nhau cân nhắc đủ thứ mới nghĩ ra được một câu hỏi; phải chăng Ngài cũng suy nghĩ trước và chuẩn bị sẵn những câu trả lời.

Phật hỏi ông: "Ông có rành về xe cộ không?" Vương tử đáp có, vì đó là sở trường của ông ta.

Phật hỏi, "Ông có cần phải suy nghĩ về những bộ phận xe để mỗi khi ai hỏi, có thể trả lời thông suốt?"

Vương tử cười lớn: "Dạ không, con quá rành về xe nên ai hỏi là đáp ngay, khỏi cần chuẩn bị gì ráo."

Phật dạy Như Lai cũng vậy, đã liễu tri pháp giới [4] nên không cần phải suy nghĩ rồi mới trả lời.

Vương tử Vô úy ca tụng Phật và xin quy y.

### III. CHÚ GIẢI

1. Vô Úy vương tử là con trai vua Bimbisara (Bình Sa) xứ Ma-kiệt-đà, nhưng không phải là người thừa kế ngai vàng.

2. Ni-kiền Tử bày ra 1 thế lưỡng nan vì dự định Phật sẽ đưa ra câu trả lời một chiều (có hoặc không).

Nhưng khi sự trả lời 1 chiều đã bị loại bỏ, ngộ bí đưa ra trở thành vô hiệu.

3. Phật không ngần ngại rầy la quở trách đệ tử khi Ngài thấy cách nói như vậy sẽ đem lại lợi ích cho họ.

4. Theo Luận giải, pháp giới là ám chỉ trí toàn tri của Phật. Ở đây không nên lầm lẫn pháp giới với danh từ pháp giới dùng để chỉ đối tượng của ý trong 18 giới, cũng không có ý nghĩa nguyên lý vũ trụ bao trùm khắp mọi sự trong Phật giáo đại thừa.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba điều kiện* Phật nói ra lời gì:

1. đúng sự thật; 2. đúng thời; 3. Tương ứng với mục đích (nghĩa là, có nhắm đến một mục đích nào đó, ví dụ cảm hóa người nghe). Người nghe có ưa thích hay không ưa thích, không thành vấn đề.

#### V. KỆ TỤNG

Vương tử A-bha-ya (Vô úy)

Đến thăm Ni-kiền Tử

Vị này bảo vương tử

Đến chất vấn Thế Tôn

Với câu hỏi hai móc

Trả lời *không* cũng kẹt

Nói *có* cũng không xong

Như lưới câu móc họng:

Như Lai có bao giờ  
Nói làm buồn kẻ khác  
Nếu có, giống phàm phu  
Nếu không, thành nói dối.

Vi chính Ngài vừa nói  
Khiến Đê-bà rất đau  
Bị chất vấn như vậy  
Như nuốt phải móc câu.

Vương tử theo lời thầy  
Thỉnh Phật về thọ trai  
Rồi lân la khẽ nói:  
- Xin được hỏi Như Lai

Như Lai có bao giờ  
Nói làm buồn kẻ khác?  
"Có phải người chờ đợi  
Ta nói có hoặc không?"

Vương tử Vô Úy thưa  
- Ni-kiên Tử đã thua.  
Khi Phật hỏi lý do  
Ông ta bèn thuật lại.

Phật chỉ đùa hài nhi  
Ngồi trên vế vương tử  
"Ông sẽ phải làm gì  
Khi nó nuốt lưỡi câu?"

Con sẽ móc họng nó  
Dù phải làm nó đau  
Và chảy máu đầy miệng  
Vi lòng xót thương sâu.

"Như Lai cũng thế ấy,  
Vi thương xót người đời  
Và gặp lúc đúng thời  
Sẽ nói lời chân thật,

Lời tương ứng mục tiêu,  
Dù chúng sinh ưa thích  
Hoặc chúng không ưa thích  
Vi tâm Phật xót thương."

- Bạch Phật, con vẫn thấy  
Bà-la-môn có trí  
Thường soạn sẵn câu hỏi  
Để chất vấn Thế Tôn.

Chẳng hay đức Thế Tôn  
Có thường ngày chuẩn bị  
Nghĩ sẵn câu trả lời  
Hay đáp ngay tại chỗ?

"Này vương tử, chẳng hay  
Ông rành về xe cộ?"  
- Quả vậy, bạch Thế Tôn  
Đấy sở trường của con.

"Ông có thường suy nghĩ  
Về những bộ phận xe  
Để phòng khi ai hỏi  
Sẽ trả lời cho nghe?"

- Dạ thưa không, bạch Phật  
Con quá rành về xe  
Nên ai hỏi đáp liền  
Không cần gì suy nghĩ.

"Cũng thế, với Như Lai  
Đã liễu tri pháp giới  
Nên không cần nghĩ suy  
Để trả lời câu hỏi."

- Vi diệu thay, Thế Tôn  
Như người dựng đứng lên  
Những gì bị quăng ngã  
Phơi bày cái che khuất,

Chỉ đường kẻ lạc hướng  
Đem đèn vào bóng tối  
Cho những người có mắt  
Có thể thấy hình sắc.

Cũng vậy, đức Thế Tôn  
Nay con xin quy y  
Từ nay đến mạng chung  
Con trọn đời quy ngưỡng.



## Kinh số 59

# Nhiều cảm thọ

### I. TOÁT YẾU

*Bahuvedaniya Sutta - The many kinds of Feeling.*

*After resolving a disagreement about the classification of feelings, the Buddha enumerates the different kinds of pleasure and joy that beings can experience.*

**Kinh Nhiều cảm thọ.**

*Sau khi giải quyết một bất đồng về phân loại các cảm thọ, Phật kể ra các loại lạc và hỷ mà hữu tình có thể cảm thọ.*

### II. TÓM TẮT

Thọ mộc Pancakanga một cư sĩ, cãi nhau với tỳ kheo Ưu-đà-di. Thọ mộc bảo chỉ có hai thọ là lạc và khổ. Tỳ kheo bảo có ba thọ là lạc, khổ, và không lạc không khổ. Thọ mộc cãi loại thọ thứ ba ấy cũng thuộc về lạc, như cảm thọ không khổ không lạc ở thiên thứ tư. Hai bên không ai chịu ai. Tôn giả A-nan chứng kiến cuộc đàm thoại, về thuật lại với Phật.

Phật dạy, có khi Ngài giảng hai thọ có khi Ngài giảng ba thọ có khi Ngài giảng 5 thọ, 6 thọ, 18 thọ, 36 thọ, 108 thọ, ... tùy từng pháp môn. Người biết vậy sẽ không cãi nhau, mà sống hòa hợp.

Rồi Phật giảng có nhiều cấp bậc lạc thọ: Thấp nhất, dục lạc là khoái cảm do năm giác quan đem lại khi tiếp xúc với năm đối tượng vật chất.

Kế đến là hỷ lạc sơ thiên, rồi nhị thiên, tam, tứ thiên, Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi

phi tướng xứ, và cuối cùng Diệt thọ tướng định. Càng lên cao lạc thọ càng tinh tế; nên Phật không chấp nhận xem một lạc thọ nào trong đó là thù thắng nhất.

### III. CHÚ GIẢI

1. Thọ mộc của vua Ba-tư-nặc xứ Kosala là 1 tín đồ thuần thành của Phật. Ông ta còn xuất hiện trong kinh 178 và 127.

2. *Hai thọ* là thân thọ và tâm thọ, hoặc 2 loại thọ mà thọ mộc nói gồm khổ thọ và lạc thọ ( bao gồm cả thiên lạc tối thắng ) thì ít phổ thông.

*Ba thọ* là 3 loại cảm giác được Ưu Đà Di đề cập: khổ, lạc, và bất khổ bất lạc.

*Năm thọ* là thân lạc, tâm hỷ, thân khổ, tâm ưu, và xả.

*Sáu thọ* là những cảm thọ do xúc sinh qua 6 giác quan.

*18 thọ* là căn trần tiếp xúc sinh ra 6 loại hỷ, 6 loại ưu và 6 loại xả (xem kinh 137).

*36 loại thọ* là 6 hỷ, 6 ưu, và 6 xả, mỗi loại gồm hai, là hỷ ưu xả thuộc đời sống tại gia hay hỷ ưu xả trong đời sống xuất gia (xem kinh 137).

*108 loại thọ* là 36 loại thọ đã nói, phối hợp với ba thì quá khứ, hiện tại, và vị lai.

3. Luận giải nêu lên rằng khi nói về cảm thọ không khổ không lạc của tứ thiên là 1 loại lạc thọ, đức Phật đã ngầm chấp nhận quan điểm của thọ mộc đưa ra.

4. Cả hai loại lạc được cảm thấy và không được cảm thấy; loại không được cảm thấy tức là lạc liên hệ đến sự chứng đắc diệt định. Đức Như Lai mô tả cả 2 là lạc thọ với ý nghĩa chúng không có khổ.

#### IV. PHÁP SỐ

*Hai thọ, ba thọ, năm dục trường dưỡng, năm căn, năm trần, sáu thọ, chín định thứ đệ, 18 thọ, 36 thọ, 108 thọ.*

#### V. KÊ TỤNG

Thọ mộc tên Ngũ phân  
Đến nơi Ưu-đà-di  
Tỳ kheo đệ tử Phật  
Hỏi có bao nhiêu thọ.

- Thế Tôn thuyết ba thọ  
Lạc thọ và khổ thọ  
Cùng bất khổ bất lạc  
Chính tôi đã được nghe.

- Tôn giả Ưu-đà-di  
Thế Tôn thuyết hai thọ  
Còn bất khổ bất lạc  
Là thiên lạc tối cao.

- Thế Tôn thuyết ba thọ  
Không phải thuyết hai thọ.  
Tỳ kheo và thọ mộc  
Không ai chịu nghe ai.

Chứng kiến cuộc luận đàm  
A-nan về bạch Phật  
Phật dạy: "Tùy pháp môn  
Ta nói hai, ba thọ.



Ta cũng giảng năm thọ  
Sáu thọ, mười tám thọ,  
Băm sáu, trăm linh tám...  
Tùy theo mỗi pháp môn.

Những điều đã trình bày  
Ai không khéo linh hội  
Tranh chấp sẽ xảy ra  
Bằng binh khí miệng lưỡi.

Hỉ lạc do năm dục  
Sắc thanh hương vị xúc  
Được gọi là dục lạc  
Chưa phải tối thắng lạc.

Vi còn có hi lạc  
Do lý dục sinh ra  
Do lý bất thiết pháp  
Khi chứng trú sơ thiên

Lạc này hơn dục lạc  
Nhưng cũng chưa thù thắng  
Bằng hỷ lạc nhị thiên  
Định sanh, không tầm tứ

Tam thiên vi diệu hơn  
Với xả niệm lạc trú  
Tứ thiên càng vi diệu  
Xả niệm thanh tịnh lạc.

Khi vượt qua sắc tướng  
Trừ các chướng ngại tướng  
Chứng Không vô biên xứ  
Lạc càng thù thắng hơn.

Lên đến Thức vô biên  
Rồi Vô sở hữu xứ  
Phi tướng, phi phi tướng  
Lạc càng thêm tinh vi

Tột cùng, Diệt tận định  
Dù không còn lạc thọ  
Cũng được gọi là lạc  
Với nghĩa không còn khổ

Những ai khéo linh hội  
Pháp được giảng nhiều cách  
Sẽ lià được tranh cãi  
Sống hòa hợp an vui."



Kinh số 60  
**Không gì chuyển hướng**

**I. TOÁT YẾU**

*Apannaka Sutta - The Incontrovertible teaching.*

*The Buddha gives a group of brahmin householders an "incontrovertible teaching" that will help them steer clear of the tangle in contentious views.*

**Giáo lý không thể tranh cãi.**

Phật giảng cho một nhóm gia chủ là bà-la-môn một giáo lý không ai cãi được, để giúp họ khỏi mắc kẹt vào sự rối ren của các quan điểm tranh chấp.

**II. TÓM TẮT**

Phật trình bày cho các gia chủ làng Sala [1] một số quan điểm mâu thuẫn nhau của các sa môn bà-la-môn đương thời, và dạy một pháp môn không thể tranh cãi [2]. Ngài đề cập năm tà thuyết đương thời:

1. Chấp hư vô luận hay duy vật cực đoan
2. Chấp không có đời sau và quả báo;
3. Chấp không có quả báo các nghiệp lành dữ;
4. Thuyết định mệnh, vô nhân; [3]
5. Không các cõi vô sắc;
6. Không có Hữu diệt hay Niết-bàn.

Mỗi chủ trương đều có một lập trường ngược lại với nó. Cuối cùng Ngài đề cập bốn hạng người như ở kinh 51: tự hành khổ, hành khổ người, hành khổ cả mình lẫn người, và không hành khổ mình, người.

Người chủ trương 3 thuyết đầu [4], thì có thể từ bỏ ba thiện pháp về thân, ngữ, ý, thực hành ba ác pháp về thân, ngữ, ý; vì họ không thấy sự nguy hiểm, hạ liệt của bất thiện pháp và lợi ích của thiện pháp [5]. Họ cũng nói trái ngược với thánh giáo, vì các bậc thánh đều biết có đời sau. Vậy là do duyên tà kiến Phi hữu [6], khởi lên các ác pháp: tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, sự đối nghịch với các bậc thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người. Những người chủ trương ngược lại thì có chánh kiến, và do chánh kiến, khởi lên các thiện pháp: chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, không đối nghịch các bậc thánh, thuyết phục thuận với diệu pháp, không khen mình chê người.

Về thuyết đầu "không có đời sau", người có trí sẽ nghĩ rằng: nếu chủ trương ấy là đúng, thì người chủ trương khi mạng chung sẽ cảm thấy an toàn [6], vì không có đời sau [7], nên việc ác họ đã làm không có quả báo; nhưng hiện tại họ vẫn bị người trí quở trách. Còn nếu chủ trương của họ sai, thì họ bị mất mát cả hai phương diện [8], hiện tại bị người trí quở trách, tương lai còn chịu quả báo, sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ngược lại, người chủ trương Hữu kiến [9] và hành xử tùy theo đó, thì được lợi cả hai phương diện: hiện tại được người trí tán thán, và tương lai sinh vào thiện thú, cõi trời [10]. Về thuyết thứ hai "Vô hành" [11] và thứ ba "Vô nhân" [12] hay thuyết định mệnh [13] cũng vậy.

Đối với lập trường thứ 4 "Không thể có vô sắc toàn diện" [14] người có trí nên suy nghĩ: Người có chủ trương này chỉ khao khát sinh vào cõi chư thiên có sắc [15] do "ý" thành. Còn nếu chủ trương ngược lại, "có thể có một vô sắc toàn diện" thì người này sẽ khao khát sinh vào cõi chư thiên vô sắc do "tướng" thành [16]. Vì ấy nghĩ, nhân cái gì

có sắc đều có đấu tranh, nhưng sẽ không có đấu tranh trong một thế giới hoàn toàn vô sắc. Do nghi như vậy, vị ấy thành tựu sự yếm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc pháp.

Đối với lập trường thứ 5, "Không thể có Hữu diệt toàn diện" [17] người có trí suy nghĩ: ai chủ trương như vậy sẽ khao khát tái sinh vào cõi vô sắc do tưởng. Còn nếu chủ trương ngược lại, "Có thể có Hữu diệt toàn diện" thì vị ấy có thể hi vọng nhập Niết-bàn ngay hiện tại [18]. Quan điểm đầu gắn với tham ái, kết sử, chấp thủ, quan điểm sau gắn với ly tham, không chấp thủ, gần với ái diệt. Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với các hữu.

Về bốn hạng người, hạng 1 tự hành khổ là hạng tu các khổ hạnh; hạng 2 làm khổ kẻ khác là hạng làm các nghề ác; hạng 3 hành khổ cả hai, là hạng vua chúa gia chủ theo ác giới, dựng tế đàn giết hại sinh vật. Hạng 4 không làm ai khổ là vị a la hán xuất hiện ở đời, từ bỏ 5 triền cái, chứng trú 4 thiền 3 minh, tự thân cảm thấy mát lạnh.

Sau khi nghe pháp các bà-la-môn ở làng Sala xin quy y Tam bảo.

### III. CHÚ GIẢI

1. Làng Sala nằm ở lối vào rừng, nơi có nhiều sa môn bà-la-môn thuộc nhiều giáo phái thường nghi ngờ, trình bày quan điểm của mình và đả kích quan điểm của người khác, điều này làm cho dân làng bối rối không biết tin theo giáo lý nào.

2. Không thể tranh cãi, *Apan* năm triền cái, năm triền cái, *naka*, theo Luận giải, là 1 giáo lý không thể nói ngược lại, 1 giáo lý sáng sủa, chắc chắn, dễ chấp nhận, không có ý nghĩa mập mờ. Danh từ này cũng xuất hiện trong kinh Tăng Chi Bộ 3-4.

3. Ba loại kiến ấy gọi là tà kiến có hậu quả xấu nhất định. Người nào tin theo chúng là đóng cửa ngõ tái sinh lên thiên đường, đóng cửa ngõ đưa đến giải thoát.

4-5. Sự khảo sát 3 kiến chấp này diễn tiến theo đường lối sau: Phật nêu lên kiến chấp A và phản đề của nó là B. Xét kiến chấp A trước, trong A.i Ngài chứng minh hậu quả tai hại của kiến chấp này trên ba nghiệp thân, khẩu, ý. Trong A.ii Ngài tiếp tục phê phán rằng kiến chấp ấy thực sự là sai, và nói đến những hậu quả tiêu cực của sự tin theo kiến chấp ấy. Rồi trong A.iii Ngài chứng minh làm thế nào 1 người trí đi đến kết luận rằng dù kiến chấp ấy đúng hay không đúng, tốt hơn hết là nên bác bỏ nó.

6. Kế tiếp lập trường B được xét đến. Trong B.i Phật mô tả ảnh hưởng tốt lành của kiến chấp này trên lối hành xử. Trong B.ii Ngài đưa ra những hậu quả tích cực của sự theo 1 quan điểm như thế. Và trong B.iii Ngài chứng minh làm thế nào 1 người trí đi đến kết luận rằng, bất luận sự thật ra sao, tốt nhất cho vị ấy là nên xem như thể là quan điểm ấy đúng, và hành xử theo đó.

7. Xem chú thích kinh 41 giải thích những cách diễn đạt khác nhau của quan điểm "không có đời sau."

8. Danh từ Pàli là *Susilya* (thiện giới) và *Dusilya* (ác giới). Vì ác giới nghe ra mâu thuẫn, giới có nghĩa là đạo đức, nên ở đây dịch là thiện pháp và bất thiện pháp.

9. Vị ấy đã tự trấn an mình do nghĩ mình sẽ không phải đau khổ trong một đời sau. Tuy nhiên vị ấy vẫn còn chịu những loại khổ phải gặp trong đời này, mà Phật sắp nói đến.

10. *Phi hữu luận* có nghĩa là chối bỏ hiện hữu một đời sau và quả báo của nghiệp.

11. Vị ấy chỉ theo một chiều của giáo lý không thể tranh cãi, nghĩa là tự cảm thấy an toàn chỉ nhờ giả thuyết không có đời sau, cho nên nếu thật có đời sau thì vị ấy sẽ mất mát cả 2 mặt - hiện tại bị người trí quở trách, tương lai sinh vào cõi dữ.

12. *Hữu kiến*: là sự xác nhận có đời sau và có quả báo các nghiệp.

13. Cách hiểu của vị này trải ra cả 2 chiều, nên được lợi ích của quan điểm mình - xác nhận có đời sau - dù đời sau có thực hay không.

14. Trong kinh Sa Môn Quả, thuyết "Vô hành" này được gán cho Phú-lan-na Ca-diếp. Mặc dù mới nghe qua, quan điểm này dường như chủ trương duy vật như quan điểm chấp đoạn trước đây, nhưng có bằng chứng kinh điển cho thấy Phú-lan-na Ca-diếp theo một lý thuyết nguy hiểm. Lý thuyết đạo đức của ông là, mọi hành vi đã được định trước theo những cách mà ta không thể gán trách nhiệm đạo đức cho người làm.

15. Đây là thuyết "Vô nhân" mà giáo phái Mạt-già-lê (Makkhali) chủ trương trong kinh Sa Môn Quả, gọi là thuyết Luân hồi tịnh hóa. Thuyết này đã được đề cập trong tác phẩm *Lịch Sử và Lý Thuyết của Mạt-già-lê*, chương 12-13.

16. Định mệnh là yếu tố chính giải thích triết học Mạt-già-lê, theo đó những biến cố ngoại giới và cá nhân đều do hoàn cảnh và thiên nhiên điều động: "Cái quay búng sẵn trên trời, Lờ mờ nhân ảnh như người đi đêm." Sáu tầng lớp xã hội tùy theo trình độ tiến hóa tâm linh của họ, tầng cao nhất dành cho 3 luận sư ngoại đạo nói trong kinh Trung bộ 36.

17. Đây là phủ nhận 4 cõi vô sắc, cảnh giới của 4 thiên chúng vô sắc.

18. Đây là những vị trời thuộc các cảnh giới tương ứng với 4 thiên sắc giới - những vị trời có thân thể bằng sắc chất vi tế, không như những vị trời thuộc vô sắc giới chỉ có thuần tâm, không lẫn vào sắc.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba mình, bốn hạng người, bốn thiên, năm triển cái, tám thánh đạo, chín định thứ đệ.*

#### V. KÊ TỤNG

Dân chúng làng Sa La  
Đến viếng thăm đức Phật  
Khi Ngài đang du hành  
Trong xứ Kosala

Phật hỏi các gia chủ  
Có vị đạo sư nào  
Họ đặt hết niềm tin?  
Họ đáp rằng không có.

Phật bèn giảng cho họ  
Pháp môn "không chuyển hướng"  
Đối với các quan điểm  
Hoàn toàn trái ngược nhau.

Một là hư vô luận  
Thuyết duy vật cực đoan  
Chấp không có đời sau  
Và quả báo thiện ác.



Hai là thuyết Vô hành  
Làm các nghiệp dữ lành  
Cả hai đều vô hiệu  
Không có tội phước gì.

Ba là thuyết Vô nhân  
Hay là thuyết định mệnh  
Bốn, không có Vô sắc  
Năm không có Hữu diệt.

Mỗi chủ trương đều có  
Một lập trường ngược lại.  
Cuối cùng Ngài đề cập  
Lối sống bốn hạng người.

Người theo ba thuyết đầu,  
Từ bỏ ba thiện pháp  
Về thân, ngữ, và ý,  
Thực hành ba ác pháp

Vi không thấy bất thiện  
Là hạ liệt, nguy hiểm  
Tà kiến Hư vô này,  
Khởi thêm sáu ác pháp:

Tà tư duy, tà ngữ,  
Tà nghiệp, ngược thánh giáo  
Thuyết phục chống diệu pháp,  
Và khen mình chê người.

Người chủ trương ngược lại  
Có đời sau, quả báo...  
Thì có được chánh kiến,  
Lại thêm các thiện pháp:

Chánh tư duy, chánh ngữ,  
Chánh nghiệp, thuận thánh giáo,  
Thuyết phục theo diệu pháp,  
Không khen mình chê người.

Ai nói "không đời sau",  
Người trí nên suy nghĩ:  
Nếu kẻ ấy nói đúng  
Khi chết được an toàn

Vì việc ác họ làm  
Sẽ không có quả báo;  
Nhưng ngay trong hiện tại  
Bị người trí quở trách.

Nhưng nếu có đời sau  
Họ sẽ phải thua đau:  
Hiện tại, người trí chê  
Tương lai sinh cõi dữ.

Người chấp hành Hữu kiến  
Lợi cả hai phương diện:  
Hiện tại người trí khen  
Tương lai sinh cõi thiện.

Về chủ trương "Vô hành"  
Và "Vô nhân" cũng vậy  
Hãy suy luận như trên  
Được sự "không cãi được"

"Không có cõi vô sắc"  
Người trí nên suy nghĩ:  
Kẻ này sinh sắc giới  
Cõi trời do "ý" thành

Ai chủ trương ngược lại  
"Có thể có vô sắc"  
Người này sinh vô sắc  
Cõi do "tưởng" mà thành

Bất cứ gì có sắc  
Đều sinh ra đấu tranh,  
Nhưng không có đấu tranh  
Trong cõi thuần vô sắc.

Do suy tư như vậy,  
Thành tựu hạnh yếm ly,  
Ly tham và diệt tận  
Đối tất cả sắc pháp.

"Không Hữu diệt toàn diện"  
Ai chủ trương như vậy  
Còn khao khát tái sinh  
Cõi vô sắc do tưởng.

Ai chủ trương ngược lại,  
"Có Hữu diệt toàn diện"  
Có thể nhập Niết-bàn  
Hữu diệt ngay hiện tại.

Lại nữa, quan điểm trước  
Chấp không có hữu diệt  
Thì gần với tham ái  
Quan điểm sau ly tham,

Gần vô chấp, ái diệt.  
Do suy tư như vậy,  
Thành yếm ly, ly tham,  
Đoạn diệt với các hữu.

Trên đời có bốn hạng  
Tự hành, hành khổ người  
Vừa khổ mình, khổ người  
Và không làm ai khổ

Là La-hán ly dục,  
Chứng bốn thiền ba minh  
Thân cảm thấy mát lạnh  
Tự ngã trú Phạm thể.



## Kinh số 61

# Giáo giới La-hầu-la ở rừng Am-bà-la

## I. TOÁT YẾU

*Ambalatthikārāhulovāda Sutta - Advice to Rāhula at Ambalatthikā.*

*The Buddha admonishes his son, the novice Rāhula, on the dangers in lying and stresses the importance of constant reflection on one's motives.*

### *Lời khuyên Rāhula, người ở rừng Ambala*

*Phật khuyến cáo con trai của Ngài là chú tiểu Rāhula về những nguy hiểm trong sự nói dối, và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự thường xuyên tư duy về những hành động của mình.*

## II. TÓM TẮT

Phật đến thăm Rāhula [1], và khi tôn giả bưng chậu nước cho Ngài rửa chân, Ngài đã dùng ví dụ chậu nước để giáo giới. Trước hết Ngài chừa lại một ít nước trong chậu, chỉ cho Rāhula và nói: "Sa môn hạnh của kẻ cố ý nói dối cũng ít oi như vậy."

Kế đến Phật đổ hất chút nước đó và bảo: "Sa môn hạnh của kẻ cố nói dối cũng đáng đổ đi như vậy."

Rồi Ngài lật úp chậu, chỉ cho Rāhula thấy mà bảo: "Sa môn hạnh của kẻ cố ý nói dối cũng bị lật úp như cái chậu này."

Cuối cùng, Ngài lật ngửa cái chậu, chỉ cho Rāhula thấy sự trống rỗng mà bảo: "Cũng trống rỗng như vậy, sa môn hạnh của kẻ cố ý nói dối. Như con voi lâm trận biết bảo vệ

cái vôi là biết giữ mạng sống; nếu nó dùng luôn cả cái vôi tức đã thí mạng, không có gì nó không làm. Cũng vậy, kẻ cố ý nói dối thì không còn chừa điều ác nào. Do vậy, cần phải quyết định: Ta sẽ không nói dối, dù nói để đùa chơi."

Phật lại lấy ví dụ, như tấm gương dùng để phản chiếu, người tu hành cũng phải phản tỉnh khi sắp làm, đang làm, hoặc đã làm một thân hành, ngữ hành, ý hành nào, xem nó có đưa đến tự hại, hại người, hại cả hai, biết nó bất thiện, đưa đến đau khổ, thì nhất định không làm, hoặc đình chỉ và phát lộ sám hối để chừa bỏ [2]. Nếu sau khi phản tỉnh, biết thân hành, ngữ hành, ý hành [3] ấy không đưa đến tự hại, hại người, hại cả hai, biết nó là thiện, đưa đến an lạc, thì hãy hoan hỷ tiếp tục. Đây là đường lối phản tỉnh của tất cả sa môn bà-la-môn trong quá khứ, hiện tại và vị lai để tịnh hóa ba nghiệp thân khẩu ý.

### III. CHÚ GIẢI

1. La-hầu-la (Rāhula) là con trai duy nhất của Phật, ra đời khi Ngài rời cung vua đi tìm giác ngộ. Năm 7 tuổi, ông được tôn giả Xá-lợi-phất cho thọ giới làm Sa di nhân Phật về thăm Ca-tỳ-la-vệ lần đầu tiên sau khi đạt giác ngộ. Phật tuyên bố La-hầu-la là đệ tử bậc nhất về hạnh ham tu. Theo Luận, kinh này được giảng cho La-hầu-la lúc 7 tuổi, tức lúc ông vừa thọ giới xuất gia không lâu. Theo kinh 147, Rāhula đắc quả A-la-hán sau khi nghe Phật thuyết giảng về cách tu tuệ quán.

2. Có lỗi mà phát lộ, sám hối và phát nguyện chừa bỏ trong tương lai thì sẽ đưa đến sự tăng trưởng trong giới luật của bậc thánh. Xem kinh 65.

3. Tư tưởng hay ý hành bất thiện, mà chưa thực hành, thì chỉ cần từ bỏ, không cần phải phát lộ sám hối như những sự vi phạm về thân và lời.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba nghiệp*

#### V. KÊ TỤNG

Phật thăm La-hầu-la  
Cứ trú trong rừng xoài  
Tôn giả đem chậu nước  
Cho cha mình rửa chân.

Phật chừa chút ít nước  
Chỉ dạy La-hầu-la:  
"Ít thay, Sa môn hạnh  
Nơi kẻ cố nói dối."

Ngài đổ nước và bảo:  
"Đáng đổ đi như vậy,  
Ấy là hạnh sa môn  
Nơi kẻ cố nói dối."

Rồi Ngài lật úp chậu:  
"Cũng lật úp như vậy  
Ấy là hạnh sa môn  
Nơi kẻ cố nói dối."

Lật chậu lên, Phật bảo:  
"Cũng trống không như vậy  
Ấy là hạnh sa môn  
Nơi kẻ cố nói dối"

Như con voi lâm trận  
Dùng tất cả thân phần  
Nhưng bảo vệ cái vòi  
Vì biết giữ mạng sống

Nếu dùng luôn cả vòi  
Tức nó đem thí mạng  
Với con voi như vậy  
Không việc gì không làm.

Như con voi liều mạng  
Kẻ cố ý nói dối  
Thì không điều ác nào  
Người ấy không dám làm.

Do vậy, La-hầu-la  
Người cần phải quyết định:  
Ta sẽ không nói dối  
Dù chỉ để đùa chơi."

Phật lấy dụ tấm gương  
Để dạy La-hầu-la:  
"Người hãy luôn phản tỉnh  
Như người ta soi gương.

Khi sắp làm hay nói  
Nếu đưa đến tự hại  
Hại người, hại cả hai  
Bất thiện, không nên làm.



Việc đang làm, đã làm  
Cũng phản tỉnh như vậy  
Điều ác hãy phát lộ  
Để chừa bỏ về sau.

Nếu sau khi phản tỉnh,  
Một thân ngữ ý hành  
Không tự hại, hại người  
Hãy hoan hỷ tiến lên.

Đây đường lối phản tỉnh  
Của những bậc tu hành  
Trong quá, hiện, vị lai  
Để tịnh hoá ba nghiệp."



Kinh số 62

## Đại kinh Giáo giới La-hầu-la

### I. TOÁT YẾU

*Mahārāhulovāda Sutta - The Greater Discourse of Advice to Rāhula.*

*The Buddha teaches Rāhula the meditation on the elements, on mindfulness of breathing, and other topics.*

**Bài giảng dài để khuyên dạy La-hầu-la**

*Phật dạy cho La-hầu-la pháp thiền quán về các đại chúng, về niệm hơi thở, và các đề tài khác.*

### II. TÓM TẮT

Trong lúc cùng đi khát thực, Phật quay lại bảo tôn giả La-hầu-la [1] đang đi sau Ngài: "Hãy chân chính quán tất cả sắc pháp không phải của ta, không phải là ta hay tự ngã của ta. Thọ, tưởng, hành, thức cũng quán như vậy [2].

Sau khi nghe lời dạy vắn tắt, tôn giả liền trở lui về ngồi thiền định dưới một gốc cây. Thấy thế, tôn giả Xá-lợi-phất khuyên La-hầu-la hãy niệm hơi thở [3], sẽ được nhiều lợi ích.

Sau khi ra khỏi thiền định, tôn giả La-hầu-la đến hỏi Phật về pháp môn niệm hơi thở. Trước khi dạy pháp niệm hơi thở, Phật dạy pháp môn quán đại chúng [4] trong thân và ngoài thân; dạy hãy tu tập như đất, nước, lửa, gió và hư không [5], để lạc khổ khởi lên không xâm chiếm tâm và an trú [6]; dạy tu tập tâm Từ để trị sân, tu Bi để trị hại, tu Hỷ để trị bất lạc, tu Xả để trị hận, quán bất tịnh để trị tham ái, quán vô thường để trị kiêu mạn.

Sau hết, Phật dạy pháp niệm hơi thở [7] gồm 4 mục thân, thọ, tâm, pháp, mỗi mục bốn đề tài; và cho biết nếu tu tập niệm hơi thở đến chỗ thuần thực, thì sẽ tỉnh giác khi thở hơi cuối cùng [8]."

### III. CHÚ GIẢI

1. Theo Luận, bài kinh này được giảng cho Rāhula khi ông vừa 18 tuổi, cốt để xua tan những dục vọng liên hệ đến đời sống tại gia.

2. *Luận*: Trong lúc Rāhula đang theo sau Phật, ông để ý và tán thán vẻ tuyệt mỹ của thân hình đức đạo sư, và nhớ lại mình, ông nghĩ: "Ta cũng đẹp trai như đức Thế Tôn cha ta. Hình thể của Phật thật đẹp và hình thể của ta cũng thế." Phật đọc được tư tưởng Rāhula nên đã quở trách ông ngay, để những tư tưởng vô lối như vậy khỏi dẫn ông đến rắc rối trầm trọng hơn. Ở đây đức Phật khuyến cáo với lời dạy hãy quán thân thể này không phải là một tự ngã, cũng không phải sở hữu của một tự ngã (không phải là tôi hay của tôi).

3. Tôn giả Xá-lợi-phất thầy của Rāhula đã cho Rāhula lời khuyên này vì không biết ông đã được Phật dạy một pháp thiền quán khác. Thấy Rāhula ngồi kiết già, tôn giả tưởng ông đang thực hành niệm hơi thở.

4. Ở đây đức Phật giải thích pháp quán 4 đại thay cho quán hơi thở, để đánh tan sự bám víu của La-hầu-la vào thân thể, vì sự bám víu này chưa được tẩy trừ với lời giảng vấn tắt trước đây về tính vô ngã của sắc pháp (tức thân thể).

5. Hư không không phải là 1 đại, nhưng nó được xếp vào loại sở tạo sắc.

6. Đoạn này được dạy để chỉ rõ tính vô phân biệt của đất, nước, lửa, gió, hư không.

7. Xem giải thích về niệm hơi thở trong kinh 118.

8. Có nghĩa là, vị thiền giả chết một cách an tịnh với chánh niệm tỉnh giác.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*Bốn niệm xứ, bốn đại, bốn phạm trú, năm uẩn.*

#### **V. KÊ TỤNG**

Trên đường đi khổ thực  
Ngoái nhìn La-hầu-la  
Phật dạy: "Hãy quán sát  
Không ta, không của ta

Tất cả các sắc pháp  
Dù trong, ngoài, đẹp, xấu  
Đều không phải là ta  
Hay tự ngã của ta.

Cũng quán sát như vậy  
Về thọ, tưởng, hành, thức."  
Nghe lời dạy vấn tất  
Tôn giả về tọa thiền

Bậc thầy Xá-lợi-phất  
Trông thấy ông ngồi thiền  
Khuyên hãy niệm hơi thở  
Sẽ lợi lạc vô biên.

Bởi thế La-hầu-la  
Khi ra khỏi thiên đình,  
Lại đi đến hỏi Phật  
Về pháp niệm hơi thở.

Phật dạy La-hầu-la:  
"Tóc lông móng răng da  
Những vật cứng trong, ngoài  
Đều thuộc về địa giới.

Chất lỏng ở trong thân  
Bị chấp, thuộc cá nhân  
Cũng như nước bên ngoài  
Đều thuộc về thủy giới.

Cái gì thuộc chất nóng  
Làm tiêu hóa, hủy hoại,  
Trong thân và ở ngoài  
Đều thuộc về hỏa giới.

Có gì có tính động  
Bị chấp thủ trong thân  
Cũng như gió bên ngoài  
Là thuộc về phong giới.

Những chỗ rỗng trong thân  
Như lỗ tai lỗ mũi  
Cùng hư không bên ngoài  
Đều thuộc hư không giới.

Như đất nhận uế dơ  
Ngươi hãy nên tu tập  
Khi xúc lạc bất lạc  
Tâm bất động như như

Như nước rửa sạch lâu  
Mọi vật tịnh bất tịnh  
Hãy tu tập như nước  
Không giao động, lo sầu.

Như lửa đốt tất cả  
Sạch sẽ cùng ô uế  
Hãy tu tập như lửa  
Bất động, không lo âu.

Hãy tu tập như gió  
Cuốn phăng vật sạch dơ  
Lạc bất lạc khởi lên  
Không chiếm tâm an trú.

Như hư không không giữ  
Không trú một nơi nào  
Chớ để lạc bất lạc  
Xâm chiếm trú tâm ngươi

Hãy tu tập lòng Từ  
Sân tâm sẽ diệt trừ  
Hãy tu tập tâm Bi  
Để dứt lòng tác hại.

Hãy tu tập tâm Hỷ  
Để diệt trừ Bất lạc  
Và tu tập tâm Xả  
Để trừ oán hận tâm.

Tu tập quán Bất tịnh  
Để trừ tâm tham ái  
Tu tập quán vô thường  
Trừ ngã mạn, kiêu căng.

Hãy tu niệm Hơi thở  
Theo dõi hơi ra, vào,  
Cảm giác toàn hơi thở  
Dài ngắn đều biết rõ;

Mười sáu đề mục quán  
Về thân, thọ, tâm, pháp  
Mỗi thứ gồm bốn pháp  
Hãy ghi nhớ nằm lòng.

Tu tập niệm hơi thở  
Khi đã được viên thành  
Sẽ có quả báo lớn:  
Chết tỉnh giác, an nhiên."



## Kinh số 63

# Tiểu kinh Man Đổng Tử

## I. TOÁT YẾU

*Cūlamālunkyā Sutta - The Shorter discourse to Mālunkyāputta.*

*A bhikkhu threatens to leave the Order unless the Buddha answers his metaphysical questions. With the smile of the man struck by a poisoned arrow, the Buddha makes plain exactly what he does and does not teach.*

### **Kinh ngắn giảng cho Man Đổng Tử**

*Một tỳ kheo dọa sẽ từ bỏ tăng đoàn nếu Phật không trả lời cho ông những câu hỏi về siêu hình. Với ví dụ người bị trúng một mũi tên độc, Phật nêu rõ những gì Ngài có giảng dạy và không giảng dạy.*

## II. TÓM TẮT

Mālunkyāputta (Man Đổng Tử) định bụng sẽ hoàn tục nếu Phật không giải đáp cho mình bốn vấn đề: thế giới thường hay vô thường (thời gian), hữu biên hay vô biên (không gian); thân và mạng (tự ngã) là một hay khác; Như Lai có tồn tại hay không tồn tại sau khi chết (Như Lai). Mỗi lập trường đều bao hàm bốn câu: một chính đề, một phản đề, một phối hợp cả hai và một phủ nhận cả hai, thành 16.

Man Đổng Tử đi đến bạch Phật, Ngài biết thế nào thì hãy trả lời thế ấy, và nếu không biết hãy thẳng thắn đáp là không biết.

Phật hỏi lại, khi ông xuất gia có được Ngài hứa hẹn sẽ giải đáp những điều ấy không. Ông đáp không, Phật dạy



do vậy Ngài không có gì ràng buộc. Nếu ai xuất gia để mong Phật giải đáp những vấn đề ấy, thì họ sẽ chết mà vẫn không được thỏa mãn.

Ví như người bị trúng tên độc, không lo rút tên ra mà muốn biết lai lịch người bắn mũi tên, tính chất của dây cung và cái tên đã bắn, thì người ấy sẽ chết trước khi biết được. Vì đời sống phạm hạnh không dính dấp đến các vấn đề siêu hình. Dù cho thế giới này thường hay vô thường, hữu biên hay vô biên... thì vẫn hiện hữu sinh già bệnh chết sâu bi khổ ưu não cần phải đoạn trừ ngay trong hiện tại. Do vậy, những gì Phật không giải đáp, hãy thọ trì là không giải đáp, đó là các câu hỏi thuộc phạm vi siêu hình; vì chúng không liên hệ đến mục đích, không phải căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Những gì Phật có giảng dạy, hãy thọ trì là có giảng dạy, đó là bốn chân lý: Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Con đường đưa đến khổ diệt. Vì những điều này có liên hệ đến mục đích, và đưa đến ly tham, giác ngộ, Niết-bàn. [1]

### III. CHÚ GIẢI

1. Những người tự hỏi về số phận của vị tỳ kheo từ già Phật để thỏa mãn trí tò mò siêu hình, sẽ vui mừng khi biết lúc về già, Man Đồng Tử sau khi được nghe một bài pháp ngắn Phật giảng về 6 nội xứ, liền đi vào độc cư thiên định và đắc quả A-la-hán. Xem Tương Ưng Bộ kinh 35, Trưởng lão kệ 399-404.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn chân lý.*

## V. KỆ TỤNG

Tôn giả Mā-lun-kyā  
Định bụng sẽ hoàn tục  
Nếu Phật cứ gạt bỏ  
Câu hỏi mình đưa ra:

- Thế giới thường, vô thường?  
(Hay vấn đề thời gian)  
Hữu biên hay vô biên  
(Là vấn đề không gian);

(Đến vấn đề tự ngã)  
Thân, mạng một hay khác  
Cuối cùng, về Như Lai:  
Sau khi chết, còn, mất?

Ngài biết như thế nào  
Hãy trả lời thế ấy  
Không biết hãy đáp thẳng  
Rằng thực ta không biết

Phật bèn hỏi lại ông  
"Ta có hứa với người:  
Hãy sống đời phạm hạnh  
Ta sẽ trả lời người:

Thế giới thường, vô thường  
Hữu biên hay vô biên  
Thân, mạng một hay khác  
Phật chết rồi còn, mất?"

- Thưa không, bạch Thế Tôn.  
"Này hỡi Mā-lun-kyā  
Bất cứ ai xuất gia  
Mong giải đáp thắc mắc

Nó sẽ chờ đến chết  
Cũng không được thỏa mãn.  
Như người trúng tên độc  
Rút tên là việc gấp

Nếu muốn rành mọi lẽ  
Trước khi rút tên ra:  
Ai người đã bắn ta?  
Họ tên, tướng ra sao

Cung tên bằng thứ gì?  
Từ đâu nó bay đến?  
Muốn biết cho tường tận  
Thì chết mất còn gì.

Này hỡi Mā-lun-kyā  
Vi đời sống phạm hạnh  
Không có quan hệ gì  
Các vấn đề như trên

Dù thế giới ra sao  
Vẫn hiện hữu khổ đau  
Sinh, già, bệnh, chết, sầu  
Hiện tại cần trừ khử.

Do vậy, hãy thọ trì  
Những gì ta thuyết giảng  
Liên hệ đến mục tiêu  
Là Khổ, Tập, Diệt, Đạo

Đây căn bản phạm hạnh  
Sẽ đưa đến yếm ly,  
Đến ly tham, an tịnh,  
Đến chứng ngộ, Niết-bàn."



Kinh số 64  
**Đại kinh Man Đổng Tử**

**I. TOÁT YẾU**

*Mahāmālunkyā Sutta - The Greater Discourse to Mālunkyāputta.*

*The Buddha teaches the path to the abandoning of the five lower fetters.*

*Bài kinh dài giảng cho Man Đổng Tử*

*Phật giảng dạy con đường từ bỏ năm hạ phần kết sử.*

**II. TÓM TẮT**

Phật hỏi Mālunkyā hiểu thế nào về năm hạ phần kết sử, khi ông trả lời là thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham và sân [1], Phật lại quở trách ông vì tưởng rằng một đứa trẻ con (hay người lớn, lúc bình thường) là không có năm hạ phần kết [2]. Phật hiển thị cho thấy kỳ thực, tùy miên [3] về thân kiến cũng như khái niệm về các pháp [4] đều đã tiềm ẩn nơi một hài nhi, nên khi lớn lên, có điều kiện là chúng phát triển.

Nơi kẻ vô văn phạm phu, vì không tuệ tri thân kiến và sự xuất ly thân kiến, nên bị thân kiến trói buộc, trở thành một kết sử kiên cố. Với 4 kết sử còn lại cũng vậy. Với vị đa văn đệ tử nhờ thân cận và học tập pháp các bậc thánh, như thật tuệ tri thân kiến và sự xuất ly thân kiến, nên không bị thân kiến chi phối, nhờ vậy thân kiến cùng tùy miên nơi vị ấy được đoạn trừ [5]. Bốn kết sử còn lại cũng thế.

Có một con đường phải theo để đoạn trừ năm hạ phần kết sử, như muốn có lõi cây phải đẽo hết các lớp vỏ ngoài

vỏ trong vậy. Trước hết là phải có thái độ thích thú lắng nghe giảng pháp liên hệ đoạn trừ kết sử. Con đường ấy là viễn ly các sanh y [6], do đoạn trừ bất thiện pháp, do hoàn toàn an tịnh thân thô ác hành, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng trú sơ thiên với hỷ lạc do ly dục sinh, có tầm, có tứ. Vị ấy quán sắc thọ tướng hành thức là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như tai họa, như nỗi đau buồn, như sự xa lạ, phân tán, trống rỗng, vô ngã [7]; và giải thoát tâm khỏi 5 uẩn, tập trung vào Bất tử giới, xem đây là tịch tịnh vi diệu, tức sự tịnh chỉ các hành, xả ly sanh y, ái diệt, Niết-bàn [8]. Nếu vững trú ở đây, vị ấy đạt đến sự đoạn trừ lậu hoặc. Nếu không, thì do sự tham hỷ pháp [9], và do đã đoạn năm hạ phần kiết sử, vị ấy sẽ hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy không trở lui đời này.

Chúng đến thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư, Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu xứ cũng vậy. Nếu ở một trong các giai đoạn này, sau khi chứng đắc, quán mọi sắc, thọ tướng hành thức [10] là vô thường khổ vô ngã, giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, tập trung ấy, tập trung vào Bất tử và đoạn trừ lậu hoặc, thì thành a la hán. Nếu còn lậu hoặc, thích thú trong cảnh giới vừa chứng, thì sẽ hóa sinh vào đấy và nhập Niết-bàn, khỏi trở lui đời này. Đấy là lộ trình đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kết sử. Nhưng do sai biệt về căn tính [11], có người chứng Tâm giải thoát, người chứng Tuệ giải thoát.

### III. CHÚ GIẢI

1. Sở dĩ gọi là 5 hạ phần kết sử, vì chúng đưa đến tái sinh vào các cõi thuộc dục giới. Năm hạ phần kết sử chỉ được đoạn tận khi chứng quả Bất Hoàn.

2. Có thể có câu hỏi: "Đức Phật đã hỏi về kết sử và vị thượng tọa cũng trả lời về kết sử, thì tại sao Phật quả trách

câu trả lời của ông ta?" Lý do là vì Man Đồng Tử có kiến chấp rằng một người bị trói buộc bởi các ô nhiễm chỉ khi nào chúng tấn công người ấy, trong khi vào những lúc khác người ấy không bị các ô nhiễm ấy trói buộc. Đức Phật nói để chỉ rõ lỗi lầm trong quan điểm này.

3. Trong các luận giải, các ô nhiễm được phân biệt thành 3 hình thái: *anusaya* hay tùy miên, khi chúng còn là những khuynh hướng tiềm tàng trong tâm; *pariyutthāna* hay hiện hành, khi chúng nổi lên ám ảnh và sai sử tâm; và *vitikkama*, khi chúng điều động cho thân và lời một cách bất thiện. Điểm quan trọng trong lời bác bỏ của Phật là, những kiết sử ngay cả khi chúng không hiện hành, vẫn tồn tại ở cấp bậc tùy miên khi mà chúng chưa bị tận diệt nhờ tu tập các đạo lộ siêu thế.

4. Pháp này cũng có thể dịch là các sự vật.

5. Kết sử và tùy miên trên nguyên tắc không phải là 2 pháp riêng biệt; đúng hơn cũng một ô nhiễm ấy nhưng khi nó đang trói buộc người ta thì gọi là 1 kết sử, và khi nó không được từ bỏ thì gọi là tùy miên.

6. *Upadhiviveka*, viễn ly sanh y. Sanh y ở đây có nghĩa là 5 dục. Mặc dù 3 mệnh đề đầu của lời này có vẻ như cùng một ý với 2 mệnh đề tiếp theo, luận chỉ rằng chúng cốt để hiển thị cái phương tiện để trở thành "hoàn toàn ly dục, ly bất thiện pháp."

7. Đoạn này hiển thị sự phát triển tuệ quán trên cơ sở tịnh chỉ, dùng thiền chứng để tu huệ và lấy thiền ấy làm đối tượng cho tuệ quán. Ở đây 2 danh từ "vô thường và phân tán" chỉ rõ đặc tính vô thường; 3 danh từ "xa lạ, trống rỗng, không tự ngã" hiển thị đặc tính vô ngã; 6 danh từ còn lại hiển thị đặc tính khổ.

8. Vị ấy xoay tâm khỏi 5 uẩn bao gồm trong thiên, mà vị ấy đã thấy là mang dấu ấn của 3 đặc tính. Bất tử giới là Niết-bàn. Trước hết vị ấy hướng tâm về đó với ý thức có trí tuệ, sau khi đã nghe nó được ca tụng là "an ổn và tối thượng." Rồi với đạo lộ siêu thế "vị ấy hướng tâm đến đấy" bằng cách lấy nó làm đối tượng và thâm nhập nó, một cái gì rất an ổn và tối thượng.

9. Xem chú thích số 4, kinh 52, về chữ *pháp*.

10. Cần ghi nhận rằng khi các thiên chúng vô sắc được dùng làm căn bản cho tuệ quán, thì sắc uẩn không được bao gồm trong các đối tượng của tuệ quán. Bởi thế chỉ có 4 uẩn vô sắc được nói ở đây.

11. Trong số những người tu tinh chỉ, có tỳ kheo đặt nặng sự nhất tâm thì khi chứng đắc vị ấy được gọi là *tâm giải thoát*; có vị đặt nặng về trí tuệ thì khi chứng đắc được gọi là *tuệ giải thoát*. Trong số những người tu tuệ quán, người nào nhấn mạnh trí tuệ thì được gọi là tuệ giải thoát, người nào nhấn mạnh nhất tâm thì gọi là tâm giải thoát. Hai đại đệ tử chính của Phật đắc quả A-la-hán nhờ nhấn mạnh vừa tịnh chỉ vừa tuệ quán, nhưng tôn giả Xá-lợi-phất trở thành một vị tuệ giải thoát và tôn giả Mục-kiền-liên trở thành 1 vị tâm giải thoát. Như vậy lý do tên gọi khác nhau là do khả năng của họ khác nhau, giữa sự ưu thắng của định căn hay của tuệ căn.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn thiên, bốn không, năm hạ phân kết sử, năm uẩn.*



## V. KỆ TỤNG

Phật hỏi Mā-lun-kyā  
Về năm hạ kết sử  
Thân kiến, nghi, giới thủ,  
Tham dục và hận sân.

Ma-lun-kyā bị quở  
Không đáp được chất vấn  
Vi tướng đứa trẻ con  
Không có năm thói ấy

Phật hiển thị cho thấy  
Nơi đứa trẻ thơ ngây  
Vấn tiềm tàng ô nhiễm  
Đợi thời kỳ triển khai.

Kẻ vô văn phạm phu  
Không tuệ tri thân kiến  
Và xuất ly khỏi nó  
Nên nó thành kiên cố

Nó thành một kết sử  
Trói buộc vào hạ giới  
Bốn kết sử còn lại  
Cũng nên hiểu như đây.

Với đa văn đệ tử  
Nhờ học pháp bậc thánh  
Thường như thật tuệ tri  
Thân kiến và xuất ly.

Không bị nó chi phối  
Nên vị ấy không còn  
Thân kiến cùng tùy miên  
Kết sử khác cũng vậy.

Đoạn trừ năm hạ kết  
Phải theo một con đường  
Như muốn có lõi cây  
Phải đẽo các lớp vỏ.

Con đường đoạn kết sử  
Trước hết trừ bất thiện  
Viễn ly các sinh y  
Rồi tu tập thiền định

Ly dục bất thiện pháp  
Chứng trú thiền thứ nhất  
Quán 5 uẩn vô thường  
Khổ, không, không thực chất

Quán năm uẩn như bệnh,  
Như cục bứu, mũi tên,  
Kẻ địch, điều bất hạnh;  
Giải thoát khỏi pháp ấy

Tập trung vào Bất tử  
Xem thật là vi diệu  
Sự tịnh chỉ các hành  
Sự ái diệt, ly tham.

Nếu vững trú ở đây  
Đoạn trừ các lậu hoặc  
Vị ấy chứng lậu tận  
Thành bậc a la hán.

Nếu còn tham hỷ pháp  
Vị ấy được hóa sinh  
Khởi trở lui đời này  
Do đã đoạn hạ kết.

Nếu diệt tâm và tứ  
Tỳ kheo chứng nhị thiên  
Cho đến chứng tứ thiên  
Và Không vô biên xứ

Rồi Thức vô biên xứ  
Đến Vô sở hữu xứ  
Cũng quán sát như trên  
Giải thoát khỏi năm uẩn

Thành La-hán lậu tận  
Còn tham, sẽ hóa sinh  
Nhập Niết-bàn tại đấy  
Khởi trở lui đời này.



## Kinh số 65

# Bhaddāli

### I. TOÁT YẾU

#### *Bhaddāli Sutta - To Bhaddāli.*

*The Buddha admonishes a recalcitrant monk and explains the disadvantages of refusing to submit to the training.*

#### *Giảng cho Bhaddāli.*

*Phật quở trách một tỳ kheo ương ngạnh và giải thích những bất lợi của sự không tuân theo học giới.*

### II. TÓM TẮT

Phật gọi các tỳ kheo và dạy nên ăn ngày một bữa như Ngài, (ăn chỉ ngồi một lần, *nhất tọa thực*, đứng lên rồi thì không ăn thêm gì nữa) sẽ có sức, ít bệnh, nhẹ nhàng, an vui [1]. Khi nghe vậy tôn giả Bhaddāli phản đối, bạch Phật ông không thể làm như vậy, vì ông sẽ lo lắng, ân hận [2]. Phật đề nghị nếu thế thì khi khát thực được, ông hãy ăn một phần, dành lại một phần để ăn sau. Bhaddāli cũng không chịu làm cách ấy, bảo rằng làm vậy ông cũng vẫn lo lắng ân hận [3]. Như vậy, khi Phật công bố học giới này [4], tôn giả Bhaddāli cũng công bố giữa chúng tăng rằng ông không thi hành giới ấy. Do cãi Phật nên ông tránh gặp Phật suốt ba tháng mùa mưa.

Khi Phật sắp du hành, các tỳ kheo khuyên ông đi sám hối. Sau khi quở trách, Phật nhận sự sám hối của Bhaddāli và nêu lên cho ông thấy những bất lợi như sau:

1. Tất cả bốn chúng nhóm họp trong ba tháng đều biết thương xót Bhaddāli không thực hành trọn vẹn các học giới.

2. Trong khi mọi người đều tuân giữ lời Phật dạy, tỳ kheo Bhaddāli đã tuyên bố sự bất lực của mình.

3. Ngay cả một tỳ kheo đã đắc câu phân giải thoát [5], cũng sẽ vâng lời khi Phật bảo lấy thân mình làm ván cho Ngài bước qua vũng bùn [6], huống nữa tỳ kheo Bhaddāli chưa đạt đến địa vị nào trong bảy vị: tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thân chứng, kiến chí, tín thắng giải, tùy pháp hành, tùy tín hành, đã chứng tỏ sự trống rỗng của mình.

Nếu tỳ kheo không thực hành trọn vẹn học giới mà muốn sống độc cư ở trú xứ hoang vắng để chứng pháp thương nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc thánh, sẽ không đạt mục đích, vì bị sự quở trách của bậc Đạo sư, chư thiên, các đồng phạm hạnh có trí, và của tự tâm. Ngược lại nếu tỳ kheo thực hành trọn vẹn học giới, tu tập tại trú xứ hoang vắng thì nếu muốn, có thể chứng bốn thiền ba minh, thành bậc lậu tận la hán vì không bị những sự quở trách như trên.

Bhaddāli hỏi Phật trường hợp nào tỳ kheo được giải tội nhanh chóng, trường hợp nào không được giải tội nhanh chóng. Phật dạy, có tỳ kheo phạm tội, thường xuyên hoặc thỉnh thoảng, nhưng khi bị cử tội thì tránh né vấn đề, ngang ngược chống đối, tỏ sự phẫn nộ bất mãn, không nghĩ tội phải làm gì cho chúng tăng hoan hỷ, thì chúng tăng không giải tội nhanh chóng. Có tỳ kheo ít khi phạm giới tội, nhưng khi phạm, bị tăng cử tội không có thái độ như trên, lại nghĩ phải làm gì cho tăng hoan hỷ, thì chúng tăng chóng giải tội người này. Lại nữa, khi biết người nào chỉ còn rất ít lòng tin, lòng thương [7] đối với đại chúng, thì vì

không muốn cho chút ít lòng tin và lòng thương ấy bị đoạn diệt, chúng tăng cũng không thường xuyên cử tội người ấy. Ví như người ta sẽ cẩn thận giữ gìn một con mắt còn lại.

Bhaddāli hỏi tiếp: Tại sao ngày xưa ít học giới mà nhiều người ngộ nhập chính trí, bây giờ nhiều học giới mà ít người ngộ nhập. Phật dạy những nguyên nhân là:

1. Hữu tình thối thất, diệu pháp sắp diệt;
2. Khi hữu lậu pháp hiện khởi trong tăng chúng, Phật mới chế ra giới luật [8].
3. Sở dĩ hữu lậu pháp sinh là vì tăng đoàn đã lớn mạnh, đạt đến địa vị kỳ cực, danh dự, đa văn, lợi lộc.

Rồi Phật hỏi Bhaddāli có nhớ ví dụ lương chủng mã mà Ngài đã dạy lúc tăng chúng còn ít người. Bhaddāli thưa không, bởi vì từ lâu đã không thực hành học giới cho trọn vẹn. Phật lại quở trách ông chẳng những vì không giữ giới, mà còn vì không lắng tai nghe pháp.

Và Ngài nhắc lại sự huấn luyện một tỳ kheo trong giáo pháp Ngài: Như con ngựa tốt của vua được luyện qua nhiều giai đoạn, tập quen với yên cương, tập diễn hành đủ kiểu như đi vòng quanh, đi bằng đầu móng chân, phi nước đại... khi đã thuần, lại cho đeo đồ trang sức để trở thành báu vật của vua. Cũng vậy tỳ kheo thành tựu 10 pháp vô học [9] sẽ thành ruộng phước vô thượng ở đời: chính trí kiến... chính trí, chính giải thoát [10].

### III. CHÚ GIẢI

1. Điều này ám chỉ pháp ăn của Phật chỉ 1 bữa trong ngày trước Ngọ. Theo Giới Biệt Giải thoát, tỳ kheo bị cấm ăn từ buổi trưa cho đến bình minh hôm sau. *Nhất tọa thực* là pháp hành mà Phật khuyên chứ không bắt buộc.

2. Luận nói: Vị ấy lo lắng mình không thể trọn đời sống phạm hạnh.

3. Sự lo lắng của vị ấy vẫn tiếp diễn vì vị ấy còn phải ăn xong những đồ còn thừa trước ngọ.

4. Đây là học giới cấm ăn ngoài thời gian ấn định.

5. Bảy danh từ dùng trong đoạn này là cách phân chia 7 hạng thánh, được giải thích trong kinh 70.

6. Phật không bao giờ ra lệnh cho đệ tử như vậy, điều này chỉ nói để tỏ rõ hành vi uơnongh của Bhaddāli.

7. Vị ấy tồn tại nhờ có phần nào tin tưởng và yêu mến đối với bậc thầy theo cách thế gian. Vì các tỳ kheo khác giúp đỡ vị ấy nên vị ấy vẫn ở lại trong đời sống xuất gia và có thể cuối cùng trở thành một đại tăng đắc được thắng trí.

8. Đoạn này ám chỉ một nguyên tắc cố định là, Phật không chế ra giới luật khi chưa có trường hợp vi phạm.

9. Một bậc vô học có nghĩa là A-la-hán. 10 yếu tố này là yếu tố làm nên quả vị A-la-hán.

10. Chánh trí là tri kiến thuộc về quả vị A-la-hán, chính giải thoát là sự giải thoát khỏi tất cả ô nhiễm, nơi một vị A-la-hán.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*Bảy bậc hiền thánh, mười thánh đạo.*

#### **V. KÊ TỤNG**

Phật dạy các tỳ kheo  
Nên giữ nhất tọa thực  
Chỉ ngồi ăn một lần  
Sẽ ít bệnh, an vui.

Bhad-dā-li bạch Phật  
- Không thể làm vậy đâu  
Nếu chỉ ăn một bận  
Con ân hận lo rầu.

Phật lại đưa đề nghị:  
"Vậy khi khát thực được  
Người nên ăn phân nửa  
Chừa phân nửa ăn sau."

- Bạch Phật làm như thế  
Con tiếc nuôi, lo âu.  
Do cãi lời Phật dạy  
Nên ông tránh gặp Ngài.

Khi Phật sắp du hành  
Tôn giả cầu sám hối  
Vì đã không thực hành  
Trọn vẹn các học giới.

"Tỳ kheo không giữ giới  
Muốn độc cư rừng núi  
Mong chúng pháp hơn người  
Sẽ không thể chúng được

Không đạt được mục đích  
Vì bị sự quở trách  
Của Đạo sư, chư thiên  
Tự mình cũng trách mình.



Người giữ giới trọn vẹn  
Tu tập nơi hoang vắng  
Có thể chứng ba minh,  
Thành tựu tận La-hán.

Bhad-dā-li hỏi Phật  
- Khi nào thì chúng tăng  
Chống làm pháp giải tội  
Khi nào không chống giải?

"Có tỳ kheo phạm tội,  
Thường xuyên hoặc thỉnh thoảng,  
Nhưng khi bị cử tội  
Lại ngang ngược chống đối,

Và tránh né vấn đề  
Tỏ phần nộ bất mãn,  
Không nghĩ: Phải làm sao  
Để cho tăng hoan hỷ,

Có kẻ phạm lỗi lầm  
Bị chúng tăng cử tội  
Không phần nộ chống đối  
Lại mong tăng hoan hỷ,

Với hạng tỳ kheo trước  
Không giải tội nhanh chóng  
Với hạng tỳ kheo sau  
Tăng giải tội rất nhanh.

Lại có người xuất gia  
Nhưng đối với tăng chúng  
Chỉ còn lại rất ít  
Lòng tin và thương tưởng

Tăng không thường cử tội  
Một con người như thế  
Vi không muốn đoạn dứt  
Chút tin yêu còn lại

Như kẻ bị thui chột  
Sẽ cẩn thận giữ gìn  
Con mắt còn sót lại  
Tăng để yên kẻ này."

Bhad-dā-li lại hỏi:  
- Do nhân gì duyên gì  
Xưa học giới rất ít  
Mà nhiều người chúng ngộ

Nay quá nhiều học giới  
Người ngộ nhập hiếm hoi?  
"Vi hữu tinh thối thất  
Diệu pháp sắp diệt mất;

Vì nhiễm ô sinh khởi  
Trong tăng chúng lớn mạnh  
Danh dự, lợi lộc nhiều  
Ta chế giới điều phục.

Và này Bhad-dā-li  
Khi tăng chúng còn ít  
Ta giảng lương chúng mã  
Người còn nhớ hay không?"

- Thưa không, bạch Thế Tôn  
Bởi vì đã từ lâu  
Con không hành trọn vẹn  
Các học giới Phật chế.

"Chẳng những vì như thế  
Mà còn do nghe Pháp  
Người đã không lắng tai  
Này hỡi Bhad-dā-li."

- Thưa vâng bạch Thế Tôn  
Ngài nhắc lại cho con  
Phật dạy Bhad-dā-li  
Phép luyện lương chúng mã

Như con ngựa giống tốt  
Được luyện nhiều giai đoạn  
Trước tập quen yên cương  
Sau điều chỉnh tốc độ

Tập diễn hành đủ kiểu  
Cho đến khi thuần thục,  
Lại cho đeo trang sức  
Thành báu vật của vua.

Tỳ kheo được huấn luyện  
Ly dục ly bất thiện  
Chứng và trú sơ thiên  
Cho đến chứng tứ thiên

Thành tựu được mười pháp  
Của một bậc vô học  
Là lậu tận La-hán  
Ruộng phước của nhân thiên.



## Kinh số 66

# Ví dụ con chim cáy

### I. TOÁT YẾU

*Latukilopama Sutta - The Simile of the Quail.*

*The Buddha drives home the importance of abandoning all fetters, no matter how harmless and trifling they may seem.*

*Ví dụ con chim cáy.*

*Phật cho thấy sự quan trọng của việc từ bỏ mọi kết sử, dù chúng có thể mang vẻ vô hại, không đáng kể.*

### II. TÓM TẮT

Tôn giả Ưu-đà-di bạch Phật: "Thế Tôn đã đoạn trừ nhiều khổ, mang lại nhiều thiện pháp khi chế giới từ bỏ ăn phi thời." Tôn giả đến bạch Phật, lúc mới nghe Phật dạy nên từ bỏ ăn phi thời ban ngày [1] ông rất buồn, khi nghĩ đến chuyện từ nay không được ăn những đồ ngon người ta cúng không đúng giờ ăn. Nhưng vì kính mộ Phật và vì tâm quý, ông đã từ bỏ ăn phi thời ban ngày; chỉ ăn chiều và sáng.

Nhưng khi Phật dạy từ bỏ ăn phi thời ban đêm, lúc đầu tôn giả cũng rất buồn như trên, nhưng vẫn từ bỏ vì ngưỡng mộ Phật và có tâm quý. Nhờ từ bỏ ăn phi thời ban đêm, tỳ kheo tránh được nhiều phiền não của sự khát thực về đêm, như bị té xuống vũng nước bẩn, bị phụ nữ bất chính quyến rũ, và riêng Tôn giả nhớ một lần khát thực ban đêm bị một phụ nữ mắng nhiếc tàn tệ. Bà đột nhiên trông thấy tôn giả xuất hiện trong bóng tối thì hoảng hốt té xỉu vì tưởng là con quý. Khi tôn giả nói không phải quý, mà tỳ kheo đến khát thực, bà liền mắng: "Vậy thì cha tỳ kheo chết đi, mẹ

tỳ kheo chết đi [2]." Quả thực khi chế giới không ăn phi thời, Thế Tôn đã đoạn trừ nhiều khổ, mang lại nhiều an vui.

Phật dạy tuy thế, có những người khi nghe Phật chế giới lại phàn nàn: Sa môn này quá đặt nặng sự cấm đoán, đoạn giảm. Sá gì những tiểu tiết nhỏ mọn ấy. Họ không chịu từ bỏ, bất mãn chống lại Phật và những tỳ kheo muốn thực hành học giới. Sự việc ấy trở thành một trói buộc mạnh mẽ vững chắc đối với họ. Ví như một con chim cây nhỏ có thể chết vì vướng lưới làm bằng dây leo mong manh; không thể nói cái lưới ấy không nguy hiểm. Cũng vậy, khi tỳ kheo chống lại Phật và tăng chúng vì một học giới mà họ cho là nhỏ nhặt, thì việc ấy trở thành trọng đại vì lương tâm họ không an ổn. Ngược lại, người hoan hỉ từ bỏ khi Phật dạy từ bỏ điều gì, thì sống với tâm tư lắng dịu. Như vậy đối với họ, giới ấy không trở thành một trói buộc; ví như con voi lớn dù bị trói bằng dây da, chỉ cần chuyển thân là có thể cắt đứt.

Như có người sống đời khốn cùng với bà vợ xấu xí, ở cái chòi nát, giường nằm sút chân, chum gạo sút mẻ, thèm muốn sự an lạc của hạnh sa môn, muốn cạo bỏ râu tóc đắp cà sa, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Nghĩ vậy nhưng anh ta không thể từ bỏ cái chòi mục nát, cái chum đựng gạo sút mẻ, cái giường sút chân, và bà vợ lem luốc. Những thứ này trở thành một trói buộc vững chắc đối với anh ta. Như thế là chuyện bé thành to. Ngược lại có người con nhà giàu có, tài sản lớn, nhiều tiền lắm của, kho lẫm tràn trề, ruộng vườn chất đống, thê thiếp chất đống, tỳ tứ chất đống. Khi thấy một tỳ kheo ăn xong ngồi thiền, vị ấy nghĩ an lạc thay sa môn hạnh. Ta hãy cạo bỏ râu tóc đắp y cà sa, thoát ly gia đình, sống không gia đình. Vị ấy sau khi xuất gia có thể từ bỏ ruộng vườn cò bay thẳng cánh, vô số vàng

bạc, thê thiếp, tôi tớ... Những thứ này đối với vị ấy không thành một trói buộc vững chắc. Như thế là chuyện to thành bé.

Trên đời có bốn hạng [3] người sống hướng đến sự từ bỏ sinh y [4]:

1. Khi những tư duy liên hệ đến sinh y khởi lên, vị ấy không trừ đoạn, mà vẫn chấp nhận chúng. Hạng này còn bị trói buộc.

2. Khi những tư duy liên hệ đến sinh y khởi lên, vị ấy không chấp nhận chúng, mà cố đoạn trừ, chấm dứt. Hạng này vẫn còn bị trói buộc [5].

3. Do thất niệm, thỉnh thoảng tư tưởng liên hệ sinh y khởi lên nhưng liền được trừ khử [6], như hai ba giọt nước nhỏ vào một ấm nước đun sôi cả ngày, giọt nước rơi chậm nhưng bị hòa tan một cách mau chóng. Hạng người này cũng còn bị trói buộc.

4. Nghĩ rằng sinh y là nguồn gốc của đau khổ, nên giải thoát khỏi sanh y. Đây là người không bị trói buộc [7].

Có năm dục trưởng dưỡng là sắc thanh hương vị xúc dễ chịu, hấp dẫn, do giác quan nhận thức. Bất cứ hỷ lạc nào do năm lạc, lạc ấy đáng sợ hãi, không nên thực hiện, không nên làm cho sung mãn.

Lạc thiền định gọi là *yếm ly lạc*, *tịch tịnh lạc*, *chánh giác lạc* [8], *độc trú lạc*, lạc ấy cần phải thực hiện, tu tập, làm cho sung mãn. Lạc ấy không đáng sợ hãi, nhưng cần vượt qua, không nên bám víu. Vị tỳ kheo hoàn toàn ly dục, ly bất thiện pháp, chứng trú sơ thiên với hỷ lạc do ly dục sinh. Thiền này còn giao động [9] vì tâm tứ, nên phải vượt qua [10] để chứng nhị thiên không tâm tứ. Nhị thiên còn dao động với hỷ lạc. Tam thiên dao động vì xả lạc. Tứ thiên không giao động, nhưng vẫn còn phải vượt qua chướng

ngại tưởng, để chúng và vượt qua Không vô biên xứ, cho đến chúng và vượt Phi tướng phi phi tướng xứ để đạt Diệt thọ tưởng định [11].

Như vậy, không có sự trói buộc hay bám víu nào, dù rõ rệt như đục lạch hay tinh vi như thiền lạc, mà Phật không dạy cần phải vượt qua, từ bỏ.

### III. CHÚ GIẢI

1. Từ đoạn này và đoạn sau, ta thấy Phật hai lần hạn chế giờ ăn của các tỳ kheo: lúc đầu cấm ăn chiều nhưng cho phép ăn tối. Tuy nhiên, duyên khởi của học giới ba dật đề 37 không nói vậy. Ngược lại luật dường như khẳng định chuyện đương nhiên ai cũng biết là quá Ngọ tỳ kheo không nên ăn, và Phật chế luật cấm tất cả bữa ăn quá Ngọ.

2. Lời này hoàn toàn là ngôn ngữ thông tục. Luận giải thích: Khi cha mẹ người ta còn sống, họ sẽ cho con mình đủ thứ đồ ăn và chỗ ngủ, chứ không để cho y phải đi lang thang tìm đồ ăn vào ban đêm.

3. Phật giảng giáo lý này để phân tích hạng người từ bỏ những gì được dạy phải từ bỏ, thành ra 4 hạng khác nhau.

4. *Sinh y, upadhi* có 4 loại: Uẩn sinh y *khandh'upadhi*; phiền não sinh y *kiles' upadhi*; thắng hành sinh y *abhi-sankhār'upadhi*, và dục tăng trưởng sinh y *kāmagun'upadhi*.

5. *Phàm phu, Dự lưu, Nhất lai, và Bất hoàn*, đều có thể bao gồm dưới hạng người thứ nhất. Bạc Bất hoàn vì còn khát ái đối với hữu nên thỉnh thoảng cũng có thể hoan hỷ trong những tư tưởng hưởng lạc. Bốn vị này có thể bao gồm trong hạng thứ hai, phàm phu nhờ đạt đến đạo lộ siêu thế cũng có thể dập tắt những ô nhiễm đã khởi, khơi dậy sự tinh tấn, phát triển tuệ và đoạn trừ phiền não.



6. Hạng này phân biệt với hạng trước chỉ do sự lờ đờ trong việc khơi dậy chánh niệm để từ bỏ những ô nhiễm đã sinh khởi.

7. Đây là bậc *A-la-hán*, người duy nhất đã tận trừ tất cả kiết sử.

8. Lạc, *Sukha* ở đây có nghĩa hạnh phúc hơn là khoái lạc. Luận giải thiền lạc gọi là *ly dục lạc*, vì từ bỏ các khoái lạc giác quan; là *viễn ly lạc* vì đem lại hạnh phúc của đời sống độc cư xa lánh đám đông và xa lìa ô nhiễm; là tịnh chí lạc vì thiền lạc là để tịnh chỉ các ô nhiễm; là tuệ lạc vì nó có mục đích đạt đến chứng ngộ. Vì các thiền chứng dĩ nhiên chưa phải là trạng thái giác ngộ.

9. Tất cả các trạng thái tâm ở dưới thiền thứ 4 đều được xếp vào loại tâm giao động. Trạng thái tâm ở thiền thứ 4 và cao hơn được gọi là bất động.

10. Thật không nên bám víu vào nó với tâm tham ái, và cũng không nên dừng lại ở điểm này.

11. *Định diệt thọ tướng* không chỉ là 1 định chứng cao nhất trên nấc thang giá trị, mà ở đây còn bao hàm sự phát triển hoàn toàn tuệ quán đưa đến tột đỉnh là quả vị *A-la-hán*.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn thiền, bốn không, bốn hạng người xuất gia hướng đến từ bỏ sanh y.*

*Năm dục tăng trưởng, năm thiền chi..*

#### V. KÊ TỤNG

Tôn giả Ưu-đà-di

- Khi độc tọa tư duy

Nghĩ nhờ thâm ân Phật

Thoát khổ não ưu bi.

Nhờ Ngài đã chế giới  
Từ bỏ ăn phi thời  
Khỏi bao nhiêu phiền não  
Nhớ lại vẫn còn đau.

Phật dạy mặc dù vậy  
Vẫn có người phàn nàn:  
Sá gì việc nhỏ ấy  
Thế Tôn cũng cấm ngăn.

Họ không chịu nghe theo  
Bất mãn chống lại giới  
Sự việc ấy trở thành  
Một trói buộc lớn lao

Ví như con chim cáy  
Khinh thường lưới dây leo  
Bị sa lưới mà chết  
Dây mảnh không nguy sao?

Khi chống Phật và tăng  
Vì một học giới nhỏ  
Việc trở thành trọng đại  
Vì lương tâm bất an

Nếu hoan hỉ từ bỏ  
Điều Phật dạy từ bỏ  
Thì tâm tư lắng dịu  
Không có điều âu lo

Như với con voi lớn  
Bị trói bằng dây da  
Cũng không thành chướng ngại  
Chuyển thân là thoát ra.

Có người sống cùng bản  
Với vợ kém dung nhan  
Với cái chòi rách nát,  
Và giường ghế sút chân,

Với chum gạo sút mẻ  
Thấy sa môn nhàn nhã  
Cũng muốn cạo râu tóc  
Sống đời sống xuất gia.

Nhưng anh không bỏ được  
Cái bà vợ lem luốc  
Cái chum gạo sút mẻ,  
Chòi nát, giường sút chân.

Như vậy những thứ này  
Thành trói buộc vững chắc  
Chuyện bé trở thành to  
Với người còn vướng mắc.

Ngược lại cũng có người  
Xuất thân nhà giàu có,  
Nhiều ruộng vườn của cải  
Thê thiếp cùng kẻ hầu

Khi trông thấy tỳ kheo  
Ăn xong lại ngồi thiền,  
Thèm muốn sa môn hạnh  
Cạo bỏ râu tóc liền

Từ bỏ trong phút chốc  
Nhà cửa cùng ruộng vườn  
Thê thiếp cùng tôi tớ  
Không một chút vấn vương

Có đến bốn hạng người  
Sống hướng về từ bỏ:  
Hạng một còn chấp nhận  
Tư duy liên hệ dục;

Hạng hai không chấp nhận  
Khi tư tưởng khởi lên  
Liên hệ đến thế tục  
Liên từ bỏ, chấm dứt

Lại có kẻ thuần thực  
Trong việc đoạn tư duy  
Nhưng tư duy thế tục  
Vẫn thỉnh thoảng khởi lên.

Khởi lên thì chậm chạp  
Đoạn trừ rất mau chóng,  
Như hai ba giọt nước  
Tan vào ấm nước sôi.

Cả ba hạng vừa rồi  
Đều chưa khỏi trói buộc.  
Chỉ có một hạng người  
Giải thoát khỏi sinh y

Là kẻ luôn nghĩ rằng  
Đây là nguồn gốc khổ,  
Những sinh y trói buộc:  
Người này được giải thoát.

Có năm dục trưởng dưỡng  
Sắc thanh hương vị xúc  
Hấp dẫn các giác quan  
Được gọi là dục lạc

Lạc này là ô ướ  
Còn gọi phi thánh lạc  
Lạc ấy đáng sợ hãi,  
Không nên làm sung mãn.

Lạc ở trong thiên định  
Là *yếm ly, tịch tịnh,*  
*Chánh giác, độc trú lạc,*  
Cần thực hiện luôn luôn.

Hỉ lạc ở sơ thiên  
Cho đến lạc tam thiên  
Đều còn bị giao động  
Cần phải được vượt qua

Hướng về sự tịch tịnh  
Vượt qua Phi phi tướng  
Cho đến Diệt tận định  
Mới tận diệt sâu ưu.

Vậy này Ưu-đà-di  
Còn có trói buộc gì  
Dù lớn lao nhỏ nhặt  
Ta chưa bảo bỏ đi?



## Kinh số 67

### Cātumā

#### I. TOÁT YẾU

##### Cātumā Sutta - At Cātumā.

*The Buddha teaches a group of newly ordained monks four dangers to be overcome by those who have gone forth into homelessness.*

##### Ở Cātumā.

*Phật giảng dạy cho một nhóm tân tỳ kheo về bốn nguy hiểm mà người xuất gia từ bỏ gia đình cần phải vượt qua.*

#### II. TÓM TẮT

Phật ở Cātumā trong rừng cây Kha lưu lạc, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn về nhiều tân tỳ kheo. Họ gây nhiều tiếng động khi xếp đặt y bát và chào hỏi nhau. Phật hỏi A-nan: "Cái gì bên ngoài nghe như là hàng cá đang tranh giành với nhau?"[1] Tôn giả A-nan bạch Phật, đấy là năm trăm tân tỳ kheo do Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn đầu muốn đến yết kiến Thế Tôn. Phật cho gọi họ đến bảo đi chỗ khác, không được ở gần Ngài.

Các tỳ kheo ấy sau khi đánh lễ Phật, thu xếp y bát ra đi. Các Thích tử trú ở Cātumā và Phạm thiên [2] đến xin Phật giúp đỡ chúng tỳ kheo này, vì họ xuất gia chưa lâu, nếu không được yết kiến Thế Tôn, chẳng khác nào hạt giống không được tưới nước, ghé con không được gần bò mẹ.

Phật hoan hỉ với ví dụ ấy nên cho gọi các tân tỳ kheo đến dưới sự hướng dẫn của hai tôn giả. Phật hỏi họ nghĩ gì khi chúng tỳ kheo bị đuổi. Tôn giả Xá-lợi-phất trả

lời: "Bach Thế Tôn, con nghĩ từ nay Thế Tôn sẽ ít bận rộn, chúng con cũng ít bận rộn, sẽ được trú trong hiện tại lạc."

Mục-kiền-liên nói: "Con nghĩ rằng từ nay Thế Tôn sẽ ít bận rộn, sẽ trú trong hiện tại lạc. Nhưng con và tôn giả Sariputta sẽ lãnh đạo chúng tỳ kheo này."

Phật khen Mục-kiền-liên [3] và dạy: "Chỉ có Phật và hai tôn giả có thể lãnh đạo chúng tỳ kheo." Rồi Ngài giáo giới các tân tỳ kheo về bốn điều đáng sợ [4] cho những người xuống nước, là sóng, cá sấu, nước xoáy, cá dữ.

Có người do thấy khổ sinh tử, xuất gia từ bỏ gia đình. Khi được dạy về đi đứng nằm ngồi, cách mang y bát, vị ấy nghĩ những người này chỉ thuộc hàng con cháu ta, lại giảng dạy cho ta, và bất mãn hoàn tục. Đây là sự đáng sợ về sóng, nghĩa là phần não do tự ái.

Về ăn uống, vị ấy được dạy cái này được phép, cái này không được phép, nên ăn đúng thời, không nên ăn phi thời. Vị ấy suy nghĩ: Lúc ở nhà, muốn nhai cái gì ta nhai [5] cái đó, không cần được phép hay không được phép, đúng thời hay không đúng thời [6]. Bây giờ hình như các món ăn ngon đang bị chặn đứng trên miệng. Vị ấy bất mãn hoàn tục. Đây là sự đáng sợ về cá sấu, nghĩa là tham ăn.

Lúc đi khát thực do không phòng hộ các căn, tỳ kheo trông thấy người đời hưởng thụ năm dục đâm ra tiếc nuối, từ bỏ học giới và hoàn tục. Đây là sự đáng sợ hãi về nước xoáy, nghĩa là năm dục.

Khi vào xóm làng trông thấy phụ nữ, do không phòng hộ các căn, không an trú chánh niệm, dục tình khởi lên phá hoại tâm vị ấy. Do bị dục tình phá hoại, vị ấy hoàn tục. Đây là sự đáng sợ về cá dữ, đồng nghĩa với phụ nữ.

Các tỳ kheo hoan hỉ tín thọ lời Phật dạy.



### III. CHÚ GIẢI

1. Luận giải đưa ra 2 giải thích, một giải thích phù hợp với cách dịch này, giải thích kia "người đánh cá bắt được cá."

2. Chính Phạm Thiên đã thỉnh cầu Phật thuyết Pháp cho thế gian khi Ngài mới giác ngộ. Xem kinh 26.

3. Trong trường hợp này, tôn giả Xá-lợi-phất có lỗi khi không nhận trách nhiệm vì tăng già là trách nhiệm của 2 vị trưởng lão. Bởi thế Phật quở trách Xá-lợi-phất nhưng khen Mục-kiền-liên vì có tinh thần trách nhiệm.

4. Phật khởi sự giảng giáo lý này để hiển thị rằng có 4 sự nguy hiểm trong giáo lý Ngài. Những người có thể vượt qua những nguy hiểm này sẽ được an lập trong nền giáo pháp, trong khi những người khác sẽ không được an lập.

5. Pali dùng 2 từ khác nhau để chỉ 2 loại thức ăn, là loại cứng và loại mềm. Loại cứng bao gồm tất cả thứ rau đậu trái, và loại mềm gồm các loại ngũ cốc, thịt cá. Những thức ăn cần thưởng thức bao gồm các thứ nước giải khát.

6. Thời gian thích hợp để ăn là từ sáng đến trưa, ngoài thời gian ấy chỉ được uống nước.

### IV. PHÁP SỐ

*Bốn điều đáng sợ cho người mới xuất gia. Năm dục tăng trưởng. Sáu căn.*

### V. KÊ TỤNG

Nhiều vị mới xuất gia  
Theo tôn giả Thu tử  
Về rừng Ca-tu-ma  
Để yết kiến đức Phật

Họ gây nhiều tiếng ồn  
Khi xếp đặt y bát  
Chào hỏi nhau lớn tiếng  
Làm kinh động Thế Tôn.

Ngài gọi A-nan hỏi:  
"Cái gì ở bên ngoài  
Nghe như là hàng cá  
Đang tranh giành nhau cá?"

A-nan liền bạch Phật  
"Đấy là tỳ kheo  
Đại sư huynh dẫn về  
Muốn yết kiến Thế Tôn."

Phật cho gọi vào bảo  
"Nay ta đuổi các người  
Hãy đi, đi chỗ khác  
Không được ở gần Ta."

Các tỳ kheo vâng lệnh  
Lễ Phật rồi ra đi  
Thấy thế các Thích tử  
Khuyên nán lại chốc lát.

Phạm thiên và Thích tử  
Đều đến xin Thế Tôn  
Xót thương chúng tỳ kheo  
Như mẹ thương con nhỏ

Tâm họ còn non nớt  
Mới xuất gia chưa lâu  
Không được gần Thế Tôn  
Như mầm không tưới nước

Nghé con còn mặng sữa  
Không được gần bò mẹ.  
Nghe lời nói khéo ấy  
Phật gọi họ đi vào.

Xá-lợi-phất, Mục-liên  
Dẫn chúng vào yết Phật  
Phật hỏi nghi thế nào  
Khi ta đuổi tỳ kheo

Xá-lợi-phất thưa rằng  
"Từ nay khỏi rộn ràng  
Phật trú hiện tại lạc  
Chúng con cũng được an."

Mục-kiên-liên bạch Phật  
"Thế Tôn sẽ được an  
Nhưng con phải lo toan  
Hương dẫn đàn hậu học."

Phật khen Mục-kiên-liên  
Có tinh thần độ chúng  
Rồi ban lời giáo huấn  
Những người mới xuất gia:

Như người ra sông biển,  
Sợ sóng và cá sấu  
Nước xoáy cùng cá mập  
Xuất gia sợ bốn điều:

Được đồng tu dạy bảo  
Nghĩ "Bằng con cháu ta  
Lại giảng dạy cho ta."  
Đây là sóng phần nộ.

Ông nên nhai cái này  
Cái này không được nhai  
Ăn uống phải đúng thời  
Phi thời không được phép.

Khi ta chưa xuất gia  
Muốn gì ăn thứ ấy  
Cái đúng thời, ta nhai  
Phi thời, ta cũng nhai.

Bây giờ thì mất hết  
Những món ăn hảo hạng  
Do thí chủ cúng dường  
Bị chặn ngang cổ họng.

Với ý nghĩ như trên  
Vị ấy bèn hoàn tục  
Đây mới nguy cá sấu  
Đồng nghĩa với tham ăn.

Không phòng hộ các căn  
Khi nghe thanh thấy sắc  
Tiếc nuôi, mong hoàn tục  
Là nước xoáy ngũ dục.

Khi thấy người khác phái  
Không giữ gìn chánh niệm  
Bị dục tình phá hoại  
Là cá mập phụ nữ.

Chúng tỳ kheo tín thọ  
Lời Thế Tôn giáo huấn  
Đề phòng bốn hiểm nguy  
Trong đời tu phạm hạnh.



## Kinh số 68

# Nalakapāna

### I. TOÁT YẾU

*Nalakapāna Sutta - At Nalakapāna.*

*The Buddha explains why, when his disciples die, he declares their level of attainment and plane of rebirth.*

**Ở Nalakapāna.**

*Phật giải thích tại sao Ngài công bố sự chứng đắc và cõi tái sinh của các đệ tử khi họ chết.*

### II. TÓM TẮT

Phật ngồi giữa trời với các tôn giả A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la, Ly-bà-đa, A-nan-đà và một số đông tỳ kheo. Ngài hỏi họ có hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh không. Tôn giả A-na-luật đáp chúng con rất hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh.

Phật khen họ đang tuổi thanh xuân với tóc đen nhánh, có thể hưởng thụ các dục lạc, lại xuất gia từ bỏ gia đình không vì lệnh của vua, của kẻ trộm cướp, không vì nợ nần, không vì sợ hãi, không vì mất kế sinh kế, mà chỉ vì mong chấm dứt toàn bộ khổ uẩn.

Phật khuyên hãy tu tập thiên đình, ly dục, ly bất thiên pháp. Khi đã chứng được hỷ lạc do ly dục sinh [1] hay một trạng thái khác an tịnh hơn [2], thì các triền cái không còn xâm chiếm tâm và an trú.

Phật hỏi các tôn giả ấy nghĩ về Phật như thế nào. Họ đáp: "Chúng con nghĩ các lậu hoặc đã được Như Lai đoạn trừ, do vậy Như Lai sau khi phân tích thọ dụng một

pháp, sau khi phân tích kham nhẫn một pháp, sau khi phân tích đoạn trừ một pháp." Phật xác nhận như vậy.

Khi nói về tái sinh [3] của các tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ đã chết, Ngài không vì mục đích lường gạt quần chúng, vì mục đích lợi lộc danh xưng, mà chỉ vì muốn cho người nghe được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Khi Thế Tôn tuyên bố về một tỳ kheo có giới hạnh như vậy, trí tuệ như vậy đã mệnh chung và đã an trú chánh trí [4], đệ tử nhớ đến những điều ấy bèn chú tâm trên như thật và sống an vui.

### III. CHÚ GIẢI

1. "Hỷ lạc do ly dục sanh" có nghĩa là sơ thiên và nhị thiên "an tịnh hơn thế nữa" là những thiên cao hơn và 4 đạo.

2. Xem kinh số 2. Đây là những cách tu tập của bậc hữu học để đề phòng sự sanh khởi những ô nhiễm tiềm tàng chưa được trừ bỏ.

3. Điều này ám chỉ thắng trí của Phật có thể biết cảnh giới tái sinh của các đệ tử.

4. Chánh trí là trí của bậc A-la-hán.

### IV. PHÁP SỐ

*Năm triền cái, 5 hạ kết sử, bảy cách trừ lậu hoặc.*

### V. KỆ TỤNG

Thế Tôn ngồi giữa trời  
Cùng chúng đông đệ tử  
Các tỳ kheo nổi tiếng  
A-na-luật, Nan-đề...

"Các người an vui chăng  
Với đời sống phạm hạnh?"  
A-na-luật bạch rằng:  
- Chúng con rất hoan hỉ.

"Lành thay, hi hữu thay  
Các người còn ít tuổi  
Với tóc còn đen nhánh  
Mùa xuân của đời người

Có khả năng hưởng thụ  
Đủ mọi thứ dục lạc,  
Lại từ bỏ gia đình  
Để sống đời phạm hạnh

Không vì tuân lệnh vua  
Không vì bị nợ nần  
Không vì mất sinh kế  
Hoặc bị người cưỡng bức

Chỉ vì mong chấm dứt  
Toàn bộ khổ uẩn này.  
Các người hãy nỗ lực  
Tu tập các thiện pháp.

Hãy tu thiên ly dục  
Và ly bất thiện pháp  
Để chúng được hỉ lạc  
Do ly dục sanh ra



Khi chúng được sơ thiền  
Và các thiền trên nữa  
Thì thiền cái không còn  
Xâm chiếm trú tâm người."

Phật hỏi các tôn giả  
Nghĩ thế nào về Phật  
- Chúng con nghĩ lâu hoặc  
Được Như Lai tận trừ

Nên sau khi phân tích  
Có pháp Ngài thọ dụng  
Có việc Ngài kham nhẫn  
Hoặc từ bỏ, đoạn trừ.

Phật dạy: "Chính như vậy."  
Và Ngài nói tái sinh  
Của một số đệ tử  
Sau khi họ từ trần

Không để bị quần chúng  
Vi lợi lộc tiếng tăm  
Mà chỉ muốn người nghe  
Được lợi ích an lạc.

Khi Thế Tôn tuyên bố  
Người có giới như vậy  
Và trí tuệ như vậy  
Đã an trú chánh trí

Đệ tử nghe lời này  
Thấy tu hành hiệu quả  
Chú tâm trên như thật  
Và sống được an vui.



## Kinh số 69

# Gulissāni

### I. TOÁT YẾU

#### *Gulissāni Sutta.*

*The venerable Sāriputta gives a discourse on the proper training of a forest - dwelling bhikkhu.*

#### *Kinh Gulissāni*

*Tôn giả Xá-lợi-phất giảng về cách tu tập thích hợp cho một tỳ kheo ở rừng.*

### II. TÓM TẮT

Tỳ kheo ở rừng tên Gulissāni có hành động thô tháo, một hôm đến giữa tăng chúng. Tôn giả Xá-lợi-phất nhân vị này đã dạy chúng tỳ kheo:

1- Một tỳ kheo ở rừng khi nhập chúng phải biết tôn trọng các đồng phạm hạnh.

2- Phải khéo biết chỗ ngồi, không chiếm chỗ của các Thượng tọa hay hạ tọa.

3- Không vào làng quá sớm và trở về ban ngày.

4- Không đi đến các gia đình trước hoặc sau bữa ăn. [1]

5- Không trạo cử giao động.

6- Không nên nhiều lời ba hoa.

7- Phải là người dễ nói, là người bạn tốt.

8- Phải thủ hộ các căn.

9- Phải tiết độ trong sự ăn uống.

10- Phải chú tâm cảnh giác.

11- Phải tinh cần tinh tấn.

12- Phải chánh niệm tỉnh giác.

13- Phải có thiền định.

14- Phải có trí tuệ.

15- Phải thực tập thắng pháp thắng luật [2].

16- Phải tu tập các pháp tịch tịnh giải thoát vượt khỏi sắc pháp và vô sắc pháp [3].

17- Phải tu tập các pháp thượng nhân [4].

Nếu tỳ kheo ở rừng không học những điều nói trên, thì sẽ bị chê là người hành động theo sở thích, chứ không biết pháp biết luật.

Tôn giả Mục Kiền Liên hỏi tôn giả Xá-lợi-phất: "Các pháp này có cần được chấp trì bởi tỳ kheo sống gần làng mạc hay không."

Xá-lợi-phất trả lời: "Tỳ kheo sống ở rừng còn phải tu tập như vậy, huống hồ tỳ kheo sống gần làng mạc."

### III. CHÚ GIẢI

1. Điều này bị cấm bởi học giới Ba-dật-đề 46. Tỳ kheo có thể đến gia đình vào những lúc ấy chỉ khi đã thông báo cho một tỳ kheo khác ở trong tu viện về ý nghĩ của mình, trừ mùa may y và thí y.

2. *Thắng pháp, thắng luật*: Theo luật, tỳ kheo cần phải học tập văn bản và luận giải về Tạng Luật và Tạng Luận. Điều này rõ ràng không hợp thứ tự thời gian. Về danh từ A-tỳ-đàm ở trong các kinh, xem chú giải kinh 32. Mặc dù không có một nền văn học tương đương nào được gọi là Thắng luật, có lẽ danh từ này ám chỉ một sự phân tích và nghiên cứu có hệ thống về giới luật, điều này đã có trong Luật tạng.

3. Điều này nói đến 8 thiên chúng. Tối thiểu một vị tỳ kheo cũng cần phải thông thạo cho việc chuẩn bị về một mục thiền quán, như là quán biến xứ.

4. Điều này ám chỉ đến tất cả các thiên siêu thế. Ít nhất vị ấy cũng phải rành rẽ về một khía cạnh phát triển tuệ quán cho đến A-la-hán quả.

#### IV. PHÁP SỐ

*17 pháp cần tu học cho tỳ kheo ở rừng.*

#### V. KỆ TỤNG

Một tỳ kheo ở rừng  
Tên Gu-lis-sā-ni  
Hành động thiếu uy nghi  
Khi đến giữa tăng chúng

Tôn giả Xá-lợi-phất  
Do nhân duyên vị này  
Đã dạy chúng tỳ kheo  
Hạnh tu ở rừng núi.

Tỳ kheo tu núi rừng  
Khi đến giữa chúng tăng  
Cần phải biết khiêm cung  
Với người đồng phạm hạnh

Khéo biết vị trí mình  
Không chiếm chỗ người trên  
Không giành chỗ người dưới  
Khi ngồi giữa chúng tăng.

Không vào làng quá sớm  
Rồi sáng ra trở về  
Không đến các gia đình  
Trước hoặc sau bữa ăn.

Không trạo cử giao động  
Không nhiều lời ba hoa  
Hãy là người dễ nói  
Và là người bạn tốt.

Phải hộ trì các căn  
Ăn uống có chừng mực  
Phải chú tâm cảnh giác  
Đề phòng tâm nhiễm ô

Phải tinh cần tinh tấn  
Luôn chánh niệm tỉnh giác  
Lại phải có định tuệ  
Học thắng pháp thắng luật

Về các pháp tịch tịnh  
Giải thoát sắc, vô sắc  
Về các pháp thượng nhân  
Tỳ kheo phải am tường.

Nếu sơn tăng không học  
Sẽ bị người cười chê  
Hành động theo sở thích  
Chẳng được tích sự gì.

Mục Kiên Liên hỏi lại:  
"Các pháp Ngài vừa dạy  
Có cần được chấp trì  
Bởi người tu thành thị?"

Xá-lợi-phất trả lời  
"Tỳ kheo sống ở rừng  
Còn phải tu như vậy  
Hướng người sống gần làng."



## Kinh số 70

### Kīṭāgiri

#### I. TOÁT YẾU

##### *Kīṭāgiri Sutta - At Kīṭāgiri.*

*The Buddha admonishes a group of disobedient monks, in the course of which he presents an important sevenfold classification of noble disciples.*

##### *Ở Kīṭāgiri.*

*Phật giáo giới nhóm tỳ kheo bất tuân, và trình bày một phân loại quan trọng về bảy hạng hiền thánh.*

#### II. TÓM TẮT

Kinh này Phật dạy nhân hai tỳ kheo ở Kīṭāgiri không chịu giữ giới từ bỏ ăn ban đêm [1] Khi nghe Phật chế giới này, họ bảo: "Nhờ ăn chiều, ăn sáng và ăn phi thời mà chúng tôi cảm thấy có sức, ít bệnh. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại để chạy theo tương lai?"

Phật cho gọi hai tỳ kheo này [2] đến và dạy: "Đối với một người khi cảm thọ lạc [3] mà các bất thiện pháp đoạn diệt, thiện pháp tăng trưởng thì Phật dạy nên chứng trú lạc thọ ấy. Ngược lại đối với một người, khi cảm thọ lạc, mà các thiện pháp đoạn diệt, bất thiện pháp tăng trưởng thì nên từ bỏ lạc thọ ấy [4] Đối với khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ cũng vậy. Vì sự việc này Như Lai đã biết, đã chứng, đã liễu giải với trí tuệ, nên Ngài dạy trường hợp nào cần từ bỏ, trường hợp nào cần an trú một cảm thọ lạc, khổ hay bất khổ bất lạc. [5]



Không phải đối với tất cả các tỳ kheo, Phật đều dạy có việc cần phải làm nhờ không phóng dật. Vì đối với các vị đã chứng lậu tận, đã tu hành viên mãn, đã thành đạt lý tưởng thì không có việc gì cần phải làm nhờ không phóng dật. Bởi vì những vị này không thể trở thành phóng dật. Nhưng với các tỳ kheo còn học, tâm chưa thành tựu, thì còn có việc phải làm nhờ không phóng dật.

Có bảy hạng người [6]:

1. Câu phân giải thoát,
2. Tuệ giải thoát,
3. Thân chứng,
4. Kiến đáo,
5. Tín giải thoát,
6. Tỳ pháp hành,
7. Tỳ tín hành.

*Câu phân giải thoát* [7] là vị đã đắc các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc và vô sắc pháp, và sau khi thấy với trí tuệ, đã tận trừ tất cả lậu hoặc.

*Tuệ giải thoát* [8] đã tận trừ lậu hoặc nhưng không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát.

*Thân chứng* [9] có chứng đắc các tịch tịnh giải thoát nhưng chỉ đoạn trừ một số lậu hoặc.

*Kiến đáo* [10] không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, chỉ đoạn trừ một số lậu hoặc.

*Tín giải thoát* [11] có chứng đắc tịch tịnh, đoạn trừ một số lậu hoặc, lòng tin đối với Như Lai đã được xác định.

*Tỳ pháp hành* [12] có các căn tín, tấn, niệm, định, tuệ nhưng không chứng đắc tịch tịnh giải thoát, lậu hoặc

không được đoạn trừ, các pháp do Như Lai tuyên thuyết chỉ được vị này chấp nhận một ít.

*Tùy tín hành* không chứng đắc tịch tịnh giải thoát, lậu hoặc không được đoạn trừ, nhưng có lòng tin và lòng thương Phật. Năm vị sau này còn có việc phải làm nhờ không phóng dật.

Trí tuệ không được hoàn thành tức khắc mà nhờ học từ từ, hành từ từ, tu tập tuần tự. Ấy là các giai đoạn:

- trước hết khởi lòng tin, rồi đến gần, kính lễ;
- lắng tai nghe pháp; thọ trì pháp; suy tư ý nghĩa;
- chấp thuận pháp sau khi suy tư;
- khởi lên ước muốn; nỗ lực; cân nhắc; tinh cần;
- chứng được chân lý tối thượng; thể nhập chân lý với trí tuệ [13].

Nhưng nếu không có lòng tin [14], tất cả những gì sau đó cũng không.

Đối với đệ tử có lòng tin bậc đạo sư, có bốn tùy pháp [15]:

1. Vị ấy nghĩ, bậc đạo sư là Thế Tôn, đệ tử là tôi. Thế Tôn biết, tôi không biết.

2. Đối với vị ấy, giáo pháp hưng thịnh và có nhiều sinh lực.

3. Vị ấy khởi lên ý nghĩ: dù chỉ còn da xương, dù máu thịt khô héo, mong ta sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng [16].

4. Vị ấy sẽ chứng được một trong hai quả: chính trí trong hiện tại, và nếu còn dư ý, chứng quả Bất hoàn.

### III. CHÚ GIẢI

1. Xem chú thích 1, kinh 66. Phù hợp với kinh 66, luận giải thích: Lúc đầu Phật cấm ăn sau Ngọ, rồi về sau cấm ăn ban đêm. Ngài làm việc này vì quan tâm đến tỳ kheo yếu đuối trong tăng đoàn, có thể mệt mỏi nhanh chóng nếu đồng thời cấm cả 2 bữa ăn.

2. Trong Luật tạng, 2 tỳ kheo này được mô tả là những vị không có tâm quý, hư hỏng và thường vướng vào đủ loại hành vi quấy đưa đến sự hoen ố tín đồ. Tại Kitàgiri họ trục xuất, và sự bất tuân của họ đã đưa đến sự chế ra học giới tăng tàn số 13.

3. Lời này được nói cốt ám chỉ đến lạc thú ăn về đêm, một điều không đưa đến thực hành phạm sự tỳ kheo.

4. Loại lạc thọ đầu là niềm vui liên hệ đời sống tại gia, loại sau là niềm vui căn cứ trên sự từ bỏ. Tương tự, 2 câu sau nói đến ưu và xả dựa trên đời sống tại gia và dựa trên sự từ bỏ. Xem kinh 137.

5. Ba đoạn này cốt nói lý do vì sao Phật dạy cần phải từ bỏ tất cả cảm thọ liên hệ đến đời sống tại gia và phát triển những cảm thọ liên hệ đến viễn ly.

6. Ở đây sự phân thành 7 hạng hiền thánh không chỉ căn cứ trên sự chứng đạo đắc quả như 4 đôi 8 vị, mà theo sự nổi bật của một trong các căn tín tấn niệm định tuệ.

7. *Câu phân giải thoát* có nghĩa là vị ấy giải thoát thân vật lý nhờ các thiền chứng vô sắc, và thoát khỏi thân tâm lý nhờ đạo lộ A-la-hán. Định nghĩa: "Vị ấy tiếp xúc với thân thể và trú trong 8 giải thoát, những ô nhiễm của vị ấy được đoạn trừ nhờ thấy với trí tuệ." *Kinh số* nói bậc Câu phần giải thoát bao gồm những người đắc quả A-la-hán sau khi xuất một trong 4 định vô sắc, và người đắc quả sau khi xuất diệt tận định.

8. *Tuệ giải thoát*: vị này bao gồm những người đắc quả A-la-hán hoặc như một bậc cần tuệ, *sukkha - vipassaka*, hoặc sau khi xuất một trong 4 thiên.

9. *Thân chứng*: hạng này bao gồm sáu hạng người - từ người chứng quả Dự Lưu đến A-la-hán đạo. Người này chứng các thiên vô sắc và sau đó chứng Niết-bàn. Luận nhấn mạnh rằng một thiên chứng vô sắc kể cả diệt tận định, là cần thiết để gọi là bậc thân chứng. Định nghĩa *pug* thay vào tám giải thoát.

10. *Kiến đáo*: bao gồm 6 người như trên, từ bậc Dự Lưu cho đến A-la-hán đạo, nhưng không chứng các thiên vô sắc. *Pug* định nghĩa vị này là người đã hiểu rõ 4 chân lý và đã quán sát với trí tuệ những giáo lý mà đức Như Lai tuyên thuyết.

11. *Tín giải thoát*: Luận nói hạng này cũng bao gồm 6 người như trên. *Pug* định nghĩa vị này cũng như bậc kiến đáo, nhưng chưa quán sát giáo lý với trí tuệ như bậc kiến đáo.

12. Luận nói hạng tùy pháp và tùy tín là những người trên đạo lộ Dự Lưu, hạng đầu đặt nặng trí tuệ, hạng sau đặt nặng đức tin.

13. Theo luận, với thân tâm lý vị ấy chứng Niết-bàn - chân lý tối hậu - và thâm nhập bằng trí tuệ thuộc đạo lộ siêu thế.

14. Nghĩa là những tỳ kheo này chưa có đủ đức tin cần thiết để theo sự tu tập mà Phật đã chế định.

15. Theo luận, 4 tùy pháp là giáo lý Tứ diệu đế. Tuy nhiên ở đây không thấy nói gì đến Tứ diệu đế.

16. Phật cho thấy người đệ tử lý tưởng là người khơi dậy nghị lực và quyết tâm tu tập: "Ta sẽ không đứng dậy khi chưa đắc quả A-la-hán."

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba thọ, bảy hạng người, bốn tùy pháp về Như Lai.*

#### V. KỆ TỤNG

Có hai vị tôn giả  
Ở Kī-tā-gi-ri  
Không chấp hành học giới  
Từ bỏ ăn ban đêm.

Lại còn nói do đây  
Mà có sức, ít bệnh  
Sao lại bỏ hiện tại  
Để chạy theo tương lai?

Phật dạy những vị này:  
"Nên chúng trú lạc thọ  
Nếu bất thiện đoạn diệt  
Và thiện pháp tăng trưởng

Nhưng nếu sự hưởng lạc  
Làm thiện pháp đoạn diệt  
Bất thiện pháp tăng trưởng  
Hãy bỏ lạc thọ ấy.

Đối với cảm thọ khổ  
Và bất khổ bất lạc  
Cũng nên hiểu như vậy  
Vì Phật đã chứng tri.

Với trí tuệ, Ngài biết  
Trường hợp nào nên bỏ  
Trường hợp nào nên trú  
Một trong ba cảm thọ.

Phật dạy một số người  
Tu hành chưa hoàn tất  
Còn có việc phải làm  
Nhờ hạnh không phóng dật

Bậc la hán lậu tận  
Đã tu hành thành mãn  
Không thể thành phóng dật  
Thì hết việc cần làm

Tu hành có bảy hạng  
Là: Câu phân giải thoát  
Tuệ giải thoát, thân chứng  
Kiến đáo, tín giải thoát

Tùy pháp, tùy tín pháp  
*Câu phân* đặc tịch tịnh  
Siêu quá sắc vô sắc  
Và tận trừ lậu hoặc.

*Tuệ giải thoát* hết mê  
Nhưng không chứng tịch tịnh  
*Thân chứng* có tịch tịnh  
Nhưng chưa trừ lậu hoặc.

*Kiến đạo* không chứng đắc  
Các tịch tịnh giải thoát  
Và cũng chỉ đoạn trừ  
Một phần các lậu hoặc

*Tín giải thoát* có chứng  
Các tịch tịnh giải thoát  
Đoạn vài phân lậu hoặc  
Lòng tin Phật bền chắc

*Tùy pháp hành* có căn  
Tín, tấn, niệm, định, tuệ  
Nhưng không chứng tịch tịnh  
Lậu hoặc chưa đoạn trừ

*Tùy tín hành* không chứng  
Các tịch tịnh giải thoát  
Lậu hoặc chưa trừ diệt  
Nhưng có tin, thương Phật.

Năm vị sau cùng này  
Còn có việc phải làm  
Nhờ hạnh không phóng dật  
Học giáo pháp Như Lai.

Trí tuệ được hoàn thành  
Nhờ học hành tuân tự  
Trước hết khởi lòng tin  
Và đến gần bậc trí

Kính lễ, lóng tai nghe  
Thọ trì pháp được giảng  
Rồi tư duy ý nghĩa  
Thấy đúng bèn thuận theo

Khởi ước muốn tu hành  
Rồi nỗ lực, cân nhắc  
Và tinh tấn hành thiền  
Chứng nhập với trí tuệ

Nhưng nếu không đức tin  
Khởi đầu của mọi sự  
Thì những gì sau đó  
Cùng cầm bằng như không.

Đệ tử có lòng tin  
Sẽ có bốn tùy pháp:  
Đạo sư là Thế Tôn  
Con quay về nương tựa.

Giáo lý Ngài giảng dạy  
Là pháp vị cam lồ  
Làm dịu cơn nóng bức  
Giữa sa mạc tử sinh.

Dù chỉ còn da xương,  
Dù máu thịt khô héo  
Mong con đủ tinh cần  
Chứng những gì chưa chứng.



Một đệ tử như vậy  
Hiện tại đắc chính trí  
Hoặc nếu còn dư y  
Sẽ chứng quả Bất hoàn.



## Kinh số 71

# Vacchagotta về Tam minh

### I. TOÁT YẾU

*Tevijjavacchagotta Sutta - To Vacchagotta on the Threefold True Knowledge.*

*The Buddha denies possessing complete knowledge of everything at all times and defines the threefold knowledge he does possess.*

**Giảng cho Vacchagotta về ba minh.**

*Phật phủ nhận có toàn tri về mọi sự vào mọi lúc, và định nghĩa ba minh mà Ngài chứng.*

### II. TÓM TẮT

Vacchagotta [1] hỏi Phật, có phải sa môn Gotama là bậc nhất thiết tri [2] khi đi, đứng, ngủ và thức, tri kiến nơi Ngài tồn tại liên tục [3].

Phật dạy ai nói vậy là đã vu khống Ngài với điều không thực. Phải nói sa môn Gotama có ba minh. Nếu muốn, Ngài có thể nhớ lại nhiều đời quá khứ với đại cương và chi tiết. Nếu muốn Ngài có thể thấy bằng thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, sự sống chết chúng sinh tùy theo nghiệp. Và với sự đoạn diệt các lậu hoặc, ngay hiện tại Ngài chứng trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Phật trả lời các câu hỏi của du sĩ: Trong số những người tại gia chưa đoạn trừ kiết sử tại gia [4], không người nào đoạn tận khổ đau sau khi chết; nhưng rất nhiều người được sinh lên trời. Không có tà mạn ngoại đạo nào khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau; và dù Phật

nhớ đến 91 kiếp Ngài cũng không biết một tà mạn ngoại đạo nào chết được sanh thiên, trừ một vị, vị này thuyết về nghiệp và tác dụng của nghiệp [5].

Khi nghe vậy Vacchagotta bạch Phật: Nếu vậy thì ngoại đạo quả là trống rỗng ngay cả vấn đề sinh lên trời.

Phật xác nhận đúng như thế.

### III. CHÚ GIẢI

1. Kinh này và 2 kinh kế tiếp dường như trình bày sự tiến hóa của Vacchagotta theo thứ tự thời gian. Kinh Tương Ứng Bộ có cả một chương thuật lại những đàm luận ngắn giữa Phật và vị này.

2. Theo luận giải, mặc dù câu này có một phần có giá trị, đức Phật vẫn bác bỏ toàn bộ vì cái phần vô giá trị của nó. Cái phần có giá trị trong câu nói ấy là xác nhận rằng Phật là toàn tri, thấy biết tất cả. Phần hơi quá đáng là xác nhận rằng tri kiến ấy luôn luôn hiện hữu nơi Ngài một cách liên tục. Theo truyền thống Thượng Tọa Bộ, Phật là toàn tri với ý nghĩa rằng tất cả những gì có thể biết. Ngài có khả năng biết được. Tuy nhiên Ngài không thể đồng lúc biết tất cả mọi sự, mà phải tác ý đến điều gì Ngài muốn biết. Trong kinh 90, Phật dạy rằng có thể biết và thấy tất cả mặc dù không thể cùng một lúc, và trong kinh Tăng Chi IV, Ngài công bố biết được tất cả những gì có thể thấy, nghe, và nhận thức, mà theo truyền thống Thượng Tọa Bộ, điều này được hiểu là xác nhận về toàn tri.

3. Đây là loại toàn tri mà vị thầy Ni-kiên Tử tự cho mình có được, theo kinh 14.

4. Kết sử tại gia có nghĩa là sự ràng buộc đối với các vật dụng của một gia chủ như đất, đồ trang sức, tài sản, ngũ cốc... Luận nói, mặc dù kinh này có đề cập vài người cư sĩ đắc quả A-la-hán, nhưng khi ở đạo lộ A-la-hán, họ đã

phá hủy tất cả ràng buộc với các vật thể gian và như vậy hoặc họ xuất gia làm tỳ kheo, hoặc từ trần ngay sau khi chứng đắc. Vấn đề A-la-hán cư sĩ được bàn trong Kinh Milinda Vấn Đạo (Milinda Panha), câu 142, "Về cư sĩ A-la-hán".

5. Vì ông này tin hiệu quả của nghiệp, nên ông không thể theo thuyết định mệnh chính thống của giáo phái ông, một giáo phái phủ nhận hiệu quả của nghiệp và những hành động cố ý trong việc thay đổi số phận con người. Theo kinh sớ, vị này đời trước là một bồ-tát.

#### IV. PHÁP SỐ

*Hai giải thoát; Ba minh.*

#### V. KỆ TỤNG

Vacchagotta hỏi  
- Con nghe người ta nói  
Tôn giả Gota-ma  
Là bậc nhất thiết trí

Khi đi đứng ngủ thức  
Tri kiến Ngài liên tục  
Lời này có đúng thực  
Để nói về Như Lai?

Phật dạy ai nói vậy  
Là đã vu không Ngài  
Và xuyên tạc Như Lai  
Với một điều không thực

Muốn nói về Như Lai  
Một cách chân chính nhất  
Thì phải nói rằng Ngài  
Là bậc có ba minh.

Bằng trí tức mạng minh  
Nếu muốn, Ngài có thể  
Nhớ nhiều đời quá khứ  
Đại cương và chi tiết.

Nếu muốn, Ngài có thể  
Dùng thiên nhãn thuần tịnh  
Thấy sống chết chúng sinh  
Tùy theo nghiệp của chúng,

Và với sự đoạn diệt  
Tất cả các lậu hoặc  
Ngài hiện chứng vô lậu  
Tâm và tuệ giải thoát.

Phật trả lời du sĩ  
Những người chưa đoạn trừ  
Các kiết sử tại gia  
Chết không tận diệt khổ

Nhưng có rất nhiều người  
Còn kết sử tại gia  
Vẫn được sinh thiên giới  
Trừ tà mạn ngoại đạo

Vì với trí thanh tịnh  
Nhớ về chín mối kiếp  
Phật chỉ thấy một vị  
Mạng chung sinh thiên giới

Vị này thuyết về nghiệp  
Và tác dụng của nghiệp.  
Khi nghe nói như vậy  
Vacchagotta bạch:

- Nếu vậy thì ngoại đạo  
Quả thực là trống rỗng  
Cho đến cả vấn đề  
Thác sinh lên thiên giới.



## Kinh số 72

# Vacchagotta về Lửa

### I. TOÁT YẾU

*Aggivacchagotta Sutta - To Vacchagotta on Fire.*

*The Buddha explains to a wanderer why he does not hold any speculative views. With the smile of an extinguished fire he tries to indicate the destiny of the liberated being.*

**Giảng cho Vachchagotta về ngọn lửa.**

*Phật giảng cho một du sĩ tại sao Ngài không giữ một quan điểm tư duy nào. Với ví dụ ngọn lửa, Ngài cố nói ra số phận của người đã giải thoát.*

### II. TÓM TẮT

Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đến hỏi Phật: Thế giới là thường trú hay vô thường? Thế giới là hữu biên hay vô biên? Thân và mạng là một hay khác [1]? Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại? Hay vừa tồn tại vừa không tồn tại, hay không tồn tại cũng không tồn tại [2]?

Đức Phật phủ nhận tất cả, cho đây là rừng tà kiến, kiến trói buộc, đưa đến tranh chấp hí luận, không đưa đến ly tham, an tịnh, giác ngộ, Niết-bàn. Vì thấy sự nguy hại của quan điểm nên Phật không chấp nhận chúng [3]. Tất cả tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng đây là điều Như Lai đã thấy: đây là sắc, tập khởi của sắc, đoạn diệt của sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, cũng vậy. Với sự đoạn diệt, xả ly mọi ảo tưởng về ngã, ngã sở, mạn tùy miên, Như Lai hoàn toàn giải thoát không chấp thủ.

Khi ấy Vacchagotta hỏi một vị giải thoát như vậy sinh về đâu? Phật đáp sinh không áp dụng cho vị ấy.

Vacchagotta lại hỏi Phật có phải vị ấy không sinh? Phật trả lời: không sinh cũng không áp dụng [4]. Đối với hai mệnh đề sau, vừa có vừa không, và không có cũng không không, cũng vậy.

Vacchagotta đâm ra hoang mang mờ mịt, nói rằng một số tin tưởng do các cuộc đàm thoại trước đây mang lại đã biến mất nơi ông. Phật dạy thật khó cho Vacchagotta để hiểu được điều này, khi ông thuộc về ngoại đạo, vì pháp này thật sâu kín khó thấy, tế nhị, chỉ bậc trí hiểu nổi.

Phật hỏi Vacchagotta, khi ngọn lửa đang cháy, ông có thể biết nó đang cháy, biết nhân và duyên của nó. Nhưng khi nó tắt, ông có thể biết ngọn lửa ấy đã đi về phương hướng nào hay không? Vacchagotta trả lời không, vì ngọn lửa đã tắt do hết nhiên liệu.

Phật dạy: Cũng vậy, do sắc pháp [5] mà người ta nhận biết Như Lai, nhưng sắc pháp ấy được Như Lai đoạn diệt làm cho không thể sinh khởi trong tương lai. Như Lai đã giải thoát khỏi sắc pháp, cho nên có sinh, không sinh, vừa có vừa không, không có không không, đều không áp dụng được. Với thọ, tưởng, hành, thức nơi Như Lai cũng vậy, đều đã được cắt đứt tận gốc rễ không thể sinh khởi trong tương lai, nên bốn trường hợp trên đây không áp dụng [6].

Du sĩ ngoại đạo nghe xong ca tụng Phật dùng nhiều phương tiện trình bày chính pháp, và xin quy y.

### III. CHÚ GIẢI

1. Quan điểm cho rằng mạng và thân là một là thuyết duy vật, vì thân mạng vào thân xác. Quan điểm cho rằng mạng khác thân là một thường kiến, chấp trường tồn, xem



mạng hay linh hồn là một nguyên lý tâm linh trường cửu có thể hiện hữu độc lập với thân xác.

2. Quan điểm cho rằng Như Lai hiện hữu sau khi chết là một kiểu thường kiến, xem Như Lai có một bản ngã đạt đến giải thoát vĩnh viễn sau khi thân xác chết. Quan điểm cho rằng Như Lai không hiện hữu sau khi chết cũng nhận Như Lai có một bản ngã, nhưng bản ngã này bị hủy diệt khi thân xác chết. Quan điểm thứ 3 tổng hợp 2 quan điểm này, bị Phật bác bỏ vì cả 2 thành phần đều bao hàm tà kiến. Quan điểm thứ tư có vẻ đầy hoài nghi, cố chối bỏ cả 2 trường hợp trên, hoặc cố tránh giữ một lập trường nhất định.

3. Trong Pàli ở đây có sự chơi chữ giữa *Ditthi gatta*, có nghĩa là quan điểm trừu tượng mà Như Lai đã gạt bỏ và *Dittha*, nghĩa là những gì được thấy bằng tri kiến trực tiếp của Như Lai, nghĩa là sự sinh và diệt của 5 uẩn.

4. Luận nói "không sinh trở lại" có nghĩa vị A-la-hán không còn trải qua một đời sống mới. Nhưng nếu Vacchagotta nghe lời này, ông ta sẽ hiểu lầm là đoạn diệt, nên Phật phủ nhận.

5. Luận nói đây là sắc pháp qua đó người ta mô tả Như Lai là một tự ngã có sắc pháp. Luận thêm sắc pháp đã được từ bỏ nhờ sự từ bỏ những kiết sử liên hệ đến nó, nên nó không thể nào trở lại trong tương lai.

6. Đoạn này cần liên hệ đến ví dụ về ngọn lửa tắt. Cũng như không thể nói ngọn lửa tắt đã đi về hướng nào. Như Lai cũng vậy khi đạt đến Niết-bàn tối hậu, không thể được mô tả theo 4 trường hợp trên kia, "có, không, vừa có vừa không, vừa không có vừa không không."

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn vấn đề bất thuyết: về thời gian, không gian của thế giới, về thân mạng, về Như Lai. Bốn cú.*

#### V. KÊ TỤNG

Một du sĩ ngoại đạo  
Tên Vac-cha-got-ta  
Đi đến hỏi Thế Tôn  
Thế giới thường, vô thường?

Thế giới hữu, vô biên?  
Thân, mạng một hay khác?  
Như Lai sau khi chết  
Có tồn tại hay không

Hay vừa còn vừa mất  
Hay không mất không còn?  
Phật phủ nhận tất cả  
Cho là rừng tà kiến

"Kiến trói buộc con người  
Gây tranh chấp hí luận  
Không đưa đến ly tham  
Giác ngộ và Niết-bàn

Vi thấy sự nguy hại  
Của các loại quan điểm  
Nên Phật không chấp nhận  
Bất cứ quan điểm nào.

Như Lai đã đoạn trừ  
Tất cả các tà kiến  
Nhưng Ngài đã thấy được:  
Sắc và tập khởi sắc

Sự đoạn diệt của sắc  
Và con đường đoạn diệt  
Với thọ, tưởng, hành, thức  
Cũng thấy biết như vậy.

Xả ly mọi ảo tưởng  
Về ngã và ngã sở  
Cùng với mạn tùy miên  
Ngài giải thoát chấp thủ."

Vacchagotta hỏi  
- Vị giải thoát như vậy  
Sẽ tái sinh về đâu?  
"Sinh hay là không sinh

Hoặc vừa có vừa không,  
Không có cũng không không  
Đều không thể áp dụng  
Với người đã giải thoát.

Như ngọn lửa đang cháy,  
Ta thấy được nhân duyên  
Nhưng khi nó đã tắt  
Biết nó đi đàng nào?

Như ngọn lửa đang cháy,  
Ta thấy được nhân duyên  
Nhưng khi nó đã tắt  
Biết nó đi đường nào?

Như lửa hết nhiên liệu  
Sắc pháp nơi Như Lai  
Được hoàn toàn đoạn diệt  
Không sinh khởi tương lai

Như Lai đã giải thoát  
Sắc thọ tướng hành thức  
Nên có sinh, không sinh  
Đều không áp dụng được."

Du sĩ ca tụng Phật  
Khéo trình bày chính pháp  
Và ông xin Thế Tôn  
Nhận ông làm đệ tử.



Kinh số 73  
**Đại kinh Vacchagotta**

**I. TOÁT YẾU**

*Mahāvachchagotta Sutta - The Greater discourse to Vacchagotta.*

*The story of the wanderer Vacchagotta's full conversion to the Dhamma, his going forth, and his attainment of arahantship.*

**Bài kinh dài giảng cho Vachchagotta.**

*Câu chuyện về du sĩ Vacchagotta hoàn toàn quay về Pháp, việc ông xuất gia và đắc quả A-la-hán.*

**II. TÓM TẮT**

Vacchagotta đến xin Phật giảng vấn tắt về các thiện và bất thiện pháp. Phật giảng tham, sân, si là bất thiện; vô tham, vô sân, vô si là thiện.

Bất thiện là 10 pháp: sát sinh, lấy của không cho, tà hạnh về dục, nói láo, hai lưỡi, ác khẩu, nói phù phiếm, xan tham, giận dữ, tà kiến. Thiện là không mười pháp này.

Lại nữa, khi Ái được một tỳ kheo đoạn trừ tận gốc không cho sinh khởi trong tương lai, tỳ kheo ấy thành bậc A-la-hán đã đạt lý tưởng giải thoát.

Vacchagotta hỏi Phật có tỳ kheo đệ tử nào đã đạt đến quả ấy không [1]. Phật trả lời có rất nhiều tỳ kheo, tỳ kheo ni đạt đến quả ấy; rất nhiều nam nữ cư sĩ đã đoạn 5 hạ phần kiết sử sống phạm hạnh [2]; nhiều nam nữ cư sĩ hưởng thụ vật dục nhưng chấp nhận giáo huấn, đã đoạn

nghi hoặc, chúng vô sở úy [3], không nương tựa kẻ khác, sống trong thánh giáo của bậc Đạo sư.

Vacchagotta xác nhận nền giáo lý của Phật lợi lạc cho tất cả các hạng người, và xin xuất gia theo Phật. Phật dạy ai từ ngoại đạo muốn xuất gia phải qua bốn tháng thử thách. Vacchagotta chấp nhận dù phải qua bốn năm thử thách. Nửa tháng sau khi thọ đại giới, ông đến xin Phật dạy pháp gì cao hơn bậc hữu học [4]. Phật dạy ông tu tịnh chỉ và tuệ quán, căn bản [5] để đắc các thắng trí.

Sau một thời gian sống độc cư tinh tấn, Vacchagotta đạt đến mục đích của đời phạm hạnh, tự biết sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, sau đời này không còn đời nào khác. Ông gửi lời này đến Phật khi có một nhóm tỳ kheo đi yết kiến Ngài: "Thế Tôn đã được con hầu hạ, Thiên thế đã được con hầu hạ [6]."

### III. CHÚ GIẢI

1. Câu này và câu sau ám chỉ quả A-la-hán mà Vacchagotta nghĩ chỉ có Phật chứng được.

2. Câu này ám chỉ quả Bất hoàn. Mặc dù đời sống thế tục, vị ấy nhất thiết tuân giữ phạm hạnh vì đã tận trừ kiết sử tham dục.

3. Câu này ám chỉ bậc Dự Lưu và Nhất Lai, các vị này vẫn còn có thể tham đắm dục lạc nếu sống đời tại gia.

4. Theo Luận giải, vị này đã đạt đến quả vị Bất Hoàn và đến Phật để hỏi về sự tu tập tuệ quán để chứng quả A-la-hán. Tuy nhiên Phật thấy ông có đủ điều kiện để đắc thắng trí, nên Ngài dạy ông tịnh chỉ để phát sinh 5 loại thắng trí thế gian và tuệ quán để đắc quả A-la-hán quả.

5. Xứ hay căn bản thích hợp là thiên thứ tư để đắc 5 thắng trí và tuệ để đắc quả A-la-hán.

6. Thế Tôn đã được con hầu hạ, Thiện thế đã được con hầu hạ. Đây là một cách gián tiếp tin cho Phật biết ông đã đắc quả A-la-hán. Các tỳ kheo không hiểu điều này nên Phật đã giải thích ý nghĩa cho họ.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba minh, Ba độc, bốn chúng đệ tử, 10 bất thiện, 10 thiện.*

#### V. KÊ TỤNG

Thế theo lời yêu cầu  
Của Vac-cha-got-ta  
Phật giảng dạy vấn tất  
Về thiện và bất thiện

Tham sân si bất thiện  
Thiện, không tham sân si  
Bất thiện gồm mười pháp:  
Sát sinh và trộm cắp

Tà hạnh trong các dục  
Nói láo và hai lưỡi  
Ác khẩu, nói phù phiếm,  
Xan tham, sân, tà kiến.

Thiện là mười ngược lại  
Và khi đoạn tận ái  
Không cho sinh trở lại  
Thì thành A-la-hán.

Du sĩ lại hỏi Phật  
Về tu hành đắc quả  
Phật dạy nhiều tỳ kheo  
Chứng quả A-la-hán,

Tỳ kheo ni cũng vậy  
Và vô số nam nữ  
Đoạn năm hạ kiết sử  
Chứng Nhất lai, Bất hoàn.

Du sĩ xin xuất gia  
Và được thọ đại giới  
Sống độc cư tinh tấn  
Chứng A-la-hán quả.





## Kinh số 74

# Trường Trảo

### I. TOÁT YẾU

*Dīghanakha Sutta - To Dīghanakha.*

*The Buddha counters the disclaimers of a sceptic and teaches him the way to liberation through the contemplation of feelings.*

**Giảng cho Trường trảo.**

*Phật bác bỏ những lời tuyên bố của một kẻ theo chủ thuyết hoài nghi và dạy con đường giải thoát do quán cảm thọ.*

### II. TÓM TẮT

Du sĩ Trường Trảo [1] đến Phật, tuyên bố lý thuyết của ông là, tất cả đều không làm ông thích thú [2]. Phật hỏi lại, có phải *tất cả* là bao hàm luôn quan điểm này của ông. Du sĩ vẫn một mực khẳng định ông không thích thú bất cứ gì [3]. Phật dạy, đa số nói như vậy, nhưng về sau vẫn chấp thủ một quan điểm. Chỉ có một số ít sau khi thấy mâu thuẫn nội tại trong quan điểm mình, liền từ bỏ tất cả quan điểm [4].

Phật phân tích: Một số người tuyên bố: tất cả đều làm tôi thích thú. Một số người tuyên bố: tất cả đều không làm tôi thích thú. Một số người nói: một phần làm tôi thích, một phần làm tôi không thích [5]. Quan điểm đầu gắn với tham dục, trói buộc, chấp thủ. Quan điểm 2 gắn với không tham dục, không trói buộc, không chấp thủ.

Khi nghe vậy, Trường Trảo cho rằng Phật tán dương quan điểm mình. Nhưng Phật bình tĩnh tiếp tục phân tích: Ai chủ trương: một phần làm tôi thích, một phần làm tôi

không thích, thì các phần làm họ thích là gần với tham dục, trói buộc, chấp thủ; phần làm họ không thích là gần với không tham dục, không trói buộc, không chấp thủ.

Người trí nhận thức rằng, nếu nói lên bất kỳ một quan điểm nào trong ba quan điểm trên [6], và cho đây là sự thật, ngoài ra đều sai, thì sẽ chống lại hai hạng người chủ trương hai quan điểm kia. Tóm lại, có kiến chấp là có đối nghịch, đối nghịch đưa đến tranh luận, tranh luận đưa đến chống đối, chống đối đưa đến bực mình. Thấy thế, vị này hủy bỏ những tri kiến ấy.

Phật dạy Trường Trảo [7]: Thân này là sắc pháp do bốn đại tạo thành, do cha mẹ sinh, nhờ thực phẩm duy trì; nó vô thường, phân tán, hoại diệt. Khi quán sát thân này vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, vô ngã, thì tham dục đối với thân, sự ái luyến, phục tùng thân được trừ diệt.

Có ba thọ là lạc, khổ và bất khổ bất lạc, cả ba đều vô thường, hữu vi, duyên sinh; nên thánh đệ tử yếm ly cả ba thọ, do yếm ly, vị ấy ly tham, do ly tham, vị ấy được giải thoát. Với tâm giải thoát, tỳ kheo không nói thuận theo ai, không tranh chấp với ai, chỉ sử dụng danh từ thế gian nhưng không chấp thủ danh từ [8].

Nghe xong, tôn giả Xá-lợi-phất không còn chấp thủ, giải thoát lậu hoặc [9], thành A-la-hán. Trường Trảo được mất pháp thanh tịnh, dứt sạch hoài nghi, được tự tin không y cứ nơi người khác. Ông xin Phật nhận ông làm cư sĩ, từ nay đến mạng chung ông trọn đời quy ngưỡng.

### III. CHÚ GIẢI

1. Phạm chí Trường Trảo là cháu của tôn giả Xá-lợi-phất. Vào lúc ông đến nơi Phật, tôn giả Xá-lợi-phất chỉ mới

xuất gia làm tỳ kheo 2 tuần, và đang còn là một bậc Dự Lưu.

2. Theo luận giải, Trường Trảo là một người theo đoạn diệt luận, chấp đoạn diệt luận, và giải thích lời này là: "Không có một kiểu tái sinh nào tôi có thể chấp nhận được." Tuy nhiên bản kinh này không đưa ra một bằng cứ cụ thể nào hỗ trợ cho lối giải thích này. Có lẽ đúng hơn, lời nói của Trường Trảo "không gì làm tôi chấp nhận được" là cốt để đặc biệt ám chỉ các quan điểm triết học khác, và như thế chứng tỏ Trường Trảo là một người hoài nghi triệt để thuộc loại mà kinh 76 đã mô tả một cách trào phúng là "lý luận trườn uốn như con lươn." Lời của ông ta như vậy cũng như sự bác bỏ toàn diện tất cả quan điểm triết học.

3. Sự trao đổi này theo các bản luận sớ, cần được hiểu như sau: Phật cho rằng, với câu hỏi của ông ta, Trường Trảo Phạm Chí có một mâu thuẫn nội tại. Vì ông không thể bài bác mọi sự mà không bác luôn cả quan điểm của ông, và điều này sẽ kéo theo lập trường ngược lại, nghĩa là ông có chấp nhận một điều. Tuy nhiên, mặc dù Phạm Chí Trường Trảo nhận ra ẩn ý của câu hỏi Phật đặt ra, ông vẫn tiếp tục nhấn mạnh quan điểm của ông rằng không có gì làm ông chấp nhận được.

4. Theo luận, câu đầu ám chỉ những người lúc đầu có 1 quan điểm chấp thường hoặc chấp đoạn, rồi sau theo những quan điểm hơi đổi khác về những kiến chấp ấy. Câu thứ 2 ám chỉ những người từ bỏ kiến chấp căn bản của mình nhưng sau đó không theo một quan điểm nào khác. Nhưng nếu Trường Trảo là một người hoài nghi triệt để, như có vẻ thế, thì lời của Phật có thể được hiểu là hiển thị một sự bất ổn nội tại trong lập trường của người hoài nghi: về phương diện tâm lý, thật không dễ chịu gì để ở mãi

trong bóng tối hoài nghi. Như vậy phần đông những nhà hoài nghi, trong khi tuyên bố mình bác bỏ tất cả quan điểm, vẫn lén lút theo một quan điểm nhất định nào đó, trong khi một số ít từ bỏ hoài nghi luận của mình để tìm một con đường đưa đến tri kiến.

5. Luận nói 3 quan điểm này là thường kiến, đoạn kiến và một phần thường một phần đoạn. Thường kiến thì gần với tham ái, chấp thủ vì nó xác nhận và thích thú hiện hữu dưới bất cứ hình thức tinh vi nào; Đoạn kiến thì gần với vô tham, vô chấp vì mặc dù quan niệm sai lầm về tự ngã, đoạn kiến cũng đưa đến sự chán chường hiện hữu. Nếu quan điểm thứ hai được hiểu là hoài nghi luận tuyệt đối, thì nó cũng có thể được xem là gần với vô tham, vì nó biểu lộ sự vỡ mộng đối với hiện hữu, với một nền tảng lý thuyết, và như vậy tiêu biểu một bước tiến dò dẫm, mặc dù sai lầm, về hướng ly dục.

6. Theo luận giải, giáo lý này cốt để chỉ cho Trường Trảo thấy nguy hiểm trong quan điểm của ông và do đó khuyến khích ông từ bỏ nó.

7. Ở điểm này, Trường Trảo đã từ bỏ đoạn kiến. Bây giờ Phật bắt đầu dạy cho ông ta thiền quán. Trước hết quán vô thường của sắc pháp hay thân xác, rồi quán vô thường của các tâm pháp dưới đề mục cảm thọ.

8. Luận trích một câu kệ nói rằng một vị A-la-hán có thể sử dụng danh từ tôi và của tôi nhưng không có kiêu mạn nổi lên, cũng không lầm chúng ám chỉ một tự ngã. Xem thêm Trường Bộ Kinh 9 trong đó Phật nói về những lời phát biểu có sử dụng danh từ tôi: "Đây chỉ là những tên gọi, thành ngữ, những lối nói, những cách chỉ định thường dùng trong thế gian, mà đức Như Lai sử dụng nhưng không lầm về chúng."

9. Theo Luận, sau khi tư duy về bài pháp Phật giảng cho người cháu, tôn giả Xá-lợi-phất phát triển tuệ quán, đắc A-la-hán quả. Trường Trảo đắc quả Dự Lưu.

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba thọ, ba loại kiến chấp - thích tất cả, không thích gì, một phần thích một phần không.*

#### V. KÊ TỤNG

Du sĩ tên Trường Trảo  
Tuyên bố lý thuyết ông  
Là tất cả những gì  
Ông đều không thích thú

Phật bèn hỏi lại ông  
"Có phải rằng *tất cả*  
Là bao hàm trong đó  
Quan điểm này của ông"

Du sĩ vẫn khẳng định  
Không thích bất cứ gì.  
"Phần đông đều nói vậy  
Nhưng vẫn có chấp thủ

Chỉ một số ít người  
Thấy mâu thuẫn nội tại  
Trong quan điểm của mình  
Nên bỏ luôn quan điểm

Một số người tuyên bố  
Tất cả tôi thích thú  
Một số người tuyên bố  
Tất cả tôi không thích

Một số người lại nói  
Một phần thích, phần không  
Quan điểm đầu gần tham  
Gần trói buộc, chấp thủ

Người chủ trương không thích  
Thì gần với không tham  
Không trói buộc, không chấp."'  
Trường Trảo nghe, khoái chí

Cho rằng Phật đồng ý  
Với quan điểm của ông  
Nhưng Phật cứ bình tĩnh  
Phân tích tiếp vấn đề:

"Ai một phần thích thú  
Còn một phần không thích  
Thì cái phần thích thú  
Là gần với tham dục,

Với trói buộc, chấp thủ;  
Phần không thích, ly tham  
Gần với không tham dục,  
Không trói buộc, chấp thủ.

Người trí cần nhận thức  
Nếu nói lên bất kỳ  
Một trong ba quan điểm  
Sẽ chống hai hạng người.

Kiến chấp là đối nghịch,  
Đối nghịch sinh tranh luận  
Tranh luận sinh chống đối,  
Chống đối sinh bực mình.

Khi thấy được như vậy  
Từ bỏ mọi tri kiến  
Nhưng đây là sự thật  
Như Lai đã liễu tri:

Thân này gồm bốn đại  
Do cha mẹ sinh ra,  
Nhờ thực phẩm duy trì;  
Nó vô thường, phân tán.

Khi quán sát thân này  
Là vô thường, đau khổ,  
Như bệnh, như cục bướu,  
Mũi tên, điều bất hạnh,

Như tai ương, kẻ địch,  
Là trống không, vô ngã  
Thì sự ái luyến thân  
Được hoàn toàn trừ diệt.

Có ba thọ: lạc, khổ  
Và bất khổ bất lạc,  
Cả ba đều vô thường  
Hữu vi, do duyên sinh.

Thánh đệ tử yếm ly  
Tất cả ba loại thọ,  
Do yếm ly, ly tham,  
Do ly tham, giải thoát.

Với tâm đã giải thoát,  
Không nói thuận theo ai,  
Không tranh chấp với ai,  
Không chấp thủ danh từ."

Nghe xong, Xá-lợi-phất  
Giải thoát hết chấp thủ,  
Thành lậu tận la hán  
Trường Trảo chứng Dự Lưu.

Ông xin Phật nhận ông  
Làm đệ tử cư sĩ,  
Từ nay đến mạng chung  
Ông trọn đời quy ngưỡng.





## Kinh số 75

# Magandiya

### I. TOÁT YẾU

#### *Magandiya Sutta - To Magandiya*

*The Buddha meets the hedonist philosopher Magandiya and points out to him the dangers in sensual pleasures, the benefits of renunciation, and the meaning of Nibbàna.*

#### *Giảng cho Magandiya.*

*Phật gặp người theo thuyết hưởng lạc tên Magandiya và chỉ cho ông ta thấy những nguy hiểm trong năm dục, lợi ích của xuất ly và ý nghĩa của Niết-bàn.*

### II. TÓM TẮT

Phật đến nghỉ trong nhà lửa của một Bà-la-môn, và buổi sáng đắp y cầm bát đi khát thực. Du sĩ Magandiya đến nhà Bà-la-môn trông thấy thăm cỏ dành cho Phật, bảo Bà-la-môn rằng thật là một sự bất hạnh khi ông thấy thăm cỏ của Gotama một vị phá hoại sự sống (1). Bà-la-môn bảo du sĩ hãy thận trọng trong lời nói, vì tôn giả Gotama được nhiều trí tôn trọng, là người đã tu theo thánh đạo. Magandiya bảo dù có mặt tôn giả Gotama bây giờ, ông cũng sẽ nói vậy, vì thánh điển của ông đã truyền lại như thế.

Phật đang ngồi trong rừng, với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được câu chuyện ấy bèn trở về nhà lửa của Bà-la-môn, Ngài hỏi có phải du sĩ Magandiya đã nói về thăm cỏ này không. Bà-la-môn hoảng kinh bạch Phật đó là điều ông sắp nói, không ngờ Phật đã biết. Khi ấy Magandiya xuất hiện.

Phật hỏi Magandiya có phải vì Ngài chủ trương hộ trì năm giác quan nên ông cho là Ngài phá hoại sự sống. Du sĩ xác nhận, và đưa thánh điển của mình ra làm chứng.

Phật hỏi ông, nếu một người sau khi thụ hưởng chán chê năm dục lạc, thấy rõ sự nguy hiểm trong đó, và xuất ly các sắc, thanh, hương, vị, xúc, sống với nội tâm an tịnh, với khát ái được đoạn trừ. Về một người như vậy ông có ý kiến gì không? Du sĩ nói không. Phật dạy khi còn tại gia Ngài hưởng thụ đầy đủ năm dục (2), nhưng sau một thời gian thấy rõ vị ngọt, sự nguy hiểm của chúng, Ngài đã đoạn tận dục ái, trừ diệt sự nóng bức của dục, an trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Khi thấy các chúng sanh khác chưa xả ly năm dục, đang bị dục thiêu đốt, Ngài không ao ước được như họ. Vì Ngài đã nếm được hỉ lạc của thiên định ly dục, ly bất thiện pháp, siêu quá hỉ lạc cõi trời (3) nên Ngài không còn ao ước cái gì thấp kém.

Phật đưa ra hai ví dụ về dục lạc so với thiên lạc.

Ví dụ 1: Một người sinh lên cõi trời 33, được chúng thiên nữ hầu hạ, thọ hưởng các thiên dục một cách sung mãn. Khi trông thấy người đời thọ hưởng năm dục, vị trời kia có khao khát trở lui về các dục của loài người không? Du sĩ nói không, vì dục cõi trời vô cùng vi diệu hơn cõi người. Phật dạy cũng vậy khi còn tại gia Ngài đã hưởng thụ năm dục một cách sung mãn; nhưng về sau khi đã chứng trú hỉ lạc thiên định, Ngài không còn ham thích dục lạc thấp kém.

Ví dụ 2: Người bệnh cùi với thân thể lở lói dùng ngón tay cào rách miệng các vết thương cho chảy máu và đốt mình trên hố than hồng; trong lúc ấy người cùi cảm thấy khoái trá (4) vì dục cơn ngứa. Nhưng một người lành mạnh

hay một người cùi đã hết bệnh, khi nhìn thấy cảnh tượng máu me và lửa nóng ấy, có ao ước được như người cùi kia không? Du sĩ đáp không, người khỏi bệnh hay người không bệnh sẽ xem cảnh ấy là đáng sợ. Phật dạy người đã ly dục, ly bất thiện pháp, trú trong hi lạc thiền định nhìn năm dục cũng vậy, xem nó là khổ não nóng bức. Chỉ vì chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái, bị ái dục thiêu đốt, nên có ảo tưởng lạc thọ trong năm dục.

Một người còn hưởng thụ đầy đủ năm dục, chưa trừ diệt sự nóng bức của dục vọng thì không thể an trú với khác ái đã được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Khi ấy Phật thốt lên bài kệ đã phổ biến trong quần chúng (5):

*Không bệnh, lợi tối thắng  
Niết-bàn, lạc tối thắng  
Bát chánh là độc đạo  
An ổn là bất tử.*

Du sĩ xác nhận ông cũng đã được nghe các tôn sư của ông truyền lại bài kệ ấy. Phật hỏi ông thế nào là không bệnh, thế nào là Niết-bàn. Du sĩ trả lời rằng tôi nay không có bệnh tật gì, được an lạc (6). Phật dạy ví như người mù bị gạt về màu sắc, du sĩ cũng bị gạt về vô bệnh và Niết-bàn. Vì thân này chính là bệnh, là cục bướu, là mũi tên, là điều bất hạnh. Khi đã biết gì là không bệnh, ông có thể thấy Niết-bàn. Khi pháp nhãn khởi lên, lòng tham đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ, ông có thể thấy trong một thời gian dài đã bị tâm này lừa gạt, khiến ông chấp thủ vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức (7). Do chấp thủ nên có hữu, do có hữu sinh, do sinh có già chết. Đó là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn.

Khi ấy du sĩ xin Phật thuyết pháp cho ông để hết mù. Phật dạy ông hãy thân cận các vị chân nhân để được nghe

điều pháp. Nhờ nghe pháp ông sẽ sống đúng với chánh pháp. Nhờ sống đúng chánh pháp ông sẽ tự chứng biết thân này là bệnh, cục bướu, mũi tên, sẽ biết những pháp này (8) được trừ diệt không có dư tàn. Do chấp thủ được trừ diệt nên già chết diệt. Như vậy là đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn.

Du sĩ Magandiya tán thán Phật, xin quy y và xuất gia thọ đại giới. Phật dạy ai trước kia là ngoại đạo muốn xuất gia phải qua bốn tháng biệt trú. Du sĩ tinh nguyện biệt trú bốn năm. Sau khi thọ đại giới không bao lâu, ông chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia khi từ bỏ gia đình sống không gia đình hướng đến: Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác.

### III. CHÚ GIẢI

(1) *Bhūnahuno*, kẻ phá hoại sự sống. Luận giải thích du sĩ có quan điểm rằng sự "trưởng thành" cần phải được thực hiện qua 6 giác quan, bằng cách kinh nghiệm bất cứ cảnh vật nào ta chưa từng kinh nghiệm trước kia, không bám vào các đối tượng đã quen thuộc. Quan điểm này có vẻ gần với thái độ người ta hiện nay, cho rằng hạnh phúc tối thượng chính là nồng độ và sự đa dạng của kinh nghiệm, bởi thế cần theo đuổi kinh nghiệm không hạn chế.

(2) Phụ thân của Ngài, Đức Vua đã cung cấp cho Ngài 3 cung điện và nhiều phụ nữ vây quanh với hy vọng giữ Ngài lại trong đời sống thế tục, làm cho Ngài lãng quên ý tưởng xuất gia.

(3) Theo Luận, điều này được nói để ám chỉ sự đặc quánh A-la-hán căn cứ trên tứ thiên.

(4) Từ ngữ này ám chỉ "điên đảo tương" thấy khổ cho là vui. Luận nói đục lặc là đau khổ vì chúng gọi lên những ô nhiễm và vì chúng đem lại quả khổ trong tương lai.

(5) Toàn bài kệ đã được Chư Phật quá khứ tụng đọc giữa bốn hội chúng. Quân chúng học thuộc xem như một bài kệ liên hệ đến điềm lành. Sau khi Đức Phật cuối cùng qua đời, bài kệ này lan truyền trong các du sĩ, nhưng họ chỉ có thể nhớ được hai câu đầu.

(6) Magandiya rõ ràng đã hiểu câu này phù hợp với tà kiến thứ 58 trong Kinh Phạm Võng: "Khi tự ngã này được cung cấp 5 đục trường dưỡng, hoan lạc trong đó, vào lúc ấy tự ngã đạt đến Niết-bàn tối thượng trong hiện tại, ngay ở đây". (Trường Bộ kinh I).

(7) Từ ngữ này ngụ ý vị ấy bám víu sắc, thọ, ... được lầm tưởng là tôi, của tôi và tự ngã của tôi. Khi khởi lên tri kiến đặc quả Dự lưu thì kiến chấp về ngã được đoạn trừ, và vị ấy hiểu rằng 5 uẩn chỉ là những hiện tượng trống rỗng vô ngã.

(8) *Những pháp này* ám chỉ năm uẩn.

#### **IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ**

*5 đục, 5 căn, 12 nhân duyên.*

#### **V. KỆ TỤNG**

Phật nghỉ trong nhà lửa  
Của một Bà-la-môn  
Vào buổi sáng đắp y  
Cầm bát đi khát thực.

Du sĩ Ma-gan-diya  
Khi trông thấy thảm cỏ  
Dành cho Đức Thế Tôn  
Đã phần nộ bất mãn.

Ông nói với chủ nhà:  
- Thật là một bất hạnh  
Khi trông thấy thảm cỏ  
Kẻ phá hoại sự sống.

Phật ngồi thiền trong rừng  
Với thiên nhĩ thanh tịnh  
Nghe được bèn trở về  
Nhà lửa Bà-la-môn

Ngài hỏi: "Có phải chăng  
Lúc Như Lai vắng mặt  
Đã khởi lên câu chuyện  
Về cái thảm cỏ này?"

Rồi Phật hỏi du sĩ  
"Phải chăng ông ám chỉ  
Hộ trì năm giác quan  
Là phá hoại sự sống?"

-Thưa Cồ-đàm chính phải  
Đấy là lời truyền dạy  
Của các bậc tôn sư  
Trong giáo phái của tôi.

"Ta xưa kia hưởng dục,  
Thấy dục lạc hiểm nguy  
Ta đoạn tận dục ái  
An trú tâm tịch tịnh.

Khi thấy các chúng sinh  
Đang bị dục thiêu đốt,  
Ta không ước như họ  
Trở về hưởng dục lạc

Vì Ta đã nếm được  
Vị ngọt của thiên lạc  
Ly dục, ly bất thiện  
Hơn hỉ lạc chư thiên.  
Như người sinh lên trời  
Thọ hưởng các thiên dục  
Thì không còn khát khao  
Trở lui về nhân dục.

Lại như kẻ bệnh cùi  
Cào rách các vết thương  
Hơ trên hố than hồng  
Để cảm thấy dễ chịu.

Nhưng với người không bệnh  
Sẽ không có ước muốn  
Cào quấu và hơ lửa  
Lại xem là đáng sợ.

Cũng vậy người ly dục  
Trú hi lạc thiên định  
Xem dục lạc ở đời  
Là nóng bức khổ não

Bị ái dục thiêu đốt  
Chúng sanh có ảo tưởng  
Năm dục là an vui".  
Rồi Phật thốt lời kệ:

"Không bệnh, lợi tối thắng  
Niết-bàn, lạc tối thắng  
Bát chánh là độc đạo  
An ổn và bất tử".

Các tôn sư của con  
Cũng truyền tụng kệ này  
Thế nào là không bệnh,  
Thế nào là Niết-bàn?

Con nay không bệnh tật  
Hoàn toàn được an ổn.  
"Ông đã bị lừa gạt  
Về vô bệnh, Niết-bàn

Vi thân chính là bệnh,  
Là cục bấu, mũi tên,  
Khi pháp nhãn khởi lên,  
Hết tham năm thủ uẩn



Như người mù sáng mắt  
Khi ấy ông sẽ thấy  
Thế nào là vô bệnh,  
Thế nào là Niết-bàn

Ông sẽ thấy lâu nay  
Bị tâm mình lừa gạt,  
Khiến ông chấp thủ sắc,  
Và thọ, tưởng, hành, thức.

Do chấp thủ có hữu,  
Do hữu có sinh ra  
Do sinh có già chết  
Là tập khởi của khổ".

Du sĩ Ma-gan-diya  
Đánh lễ cầu xin Phật:  
-Xin Thế Tôn thuyết pháp  
Cho con hết bệnh mù.

"Hãy thân cận chân nhân  
Để được nghe diệu pháp  
Nhờ nghe được chính pháp  
Ông sẽ sống đúng pháp

Khi đã sống đúng pháp  
Ông sẽ tự chứng biết  
Thân là bệnh, cục bấu  
Sự chấp thân trừ diệt

Do thủ diệt, hữu diệt,  
Do hữu diệt, sinh diệt,  
Sinh diệt, già chết diệt  
Đây là đoạn diệt khổ".

Du sĩ Magandiya  
Xuất gia thọ đại giới  
Đạt mục đích tối cao  
Thành vị A-la-hán.



## Kinh số 76

# Sandaka

### I. TOÁT YẾU

#### **Sandaka Sutta - To Sandaka.**

*The Venerable Ānanda teaches a group of wanderers four ways that negate the living of the holy life and four kinds of holy life without consolation. Then he explains the holy life that is truly fruitful.*

#### **Giảng cho Sandaka.**

*Tôn giả A-nan giảng dạy cho một nhóm du sĩ bốn đường lối phủ nhận đời sống phạm hạnh - phi phạm hạnh trú - và 4 loại đời sống phạm hạnh bất an "bất an phạm hạnh." Rồi Ngài giảng thế nào là đời sống phạm hạnh thực sự có hiệu quả.*

### II. TÓM TẮT

Các du sĩ đang tụ họp lớn tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm [1] thì tôn giả A-nan đến. Họ im lặng để xin tôn giả thuyết pháp thoại của Phật cho nghe.

Tôn giả A-nan nói Thế Tôn đã tuyên thuyết bốn pháp phi phạm hạnh trú và bốn pháp bất an phạm hạnh mà người trí không theo và nếu theo, sẽ không đạt đến thiên pháp [2]:

1. Có đạo sư chủ trương rằng không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực của các nghiệp thiện ác, không đời này, đời sau, không mẹ, không cha, không có chúng sinh hóa sinh, trên đời không có sa môn tu hành chứng đắc và công bố về đời này đời sau. Một người gồm bốn đại [3] khi chết trở về với bốn đại; kẻ

ngu cũng như người trí chết là hết. Người trí suy nghĩ, nếu vị tôn sư này nói đúng thì ta không cần ở lại tu tập, vì có tu hành cũng như không [4]. Đây là phi phạm hạnh thứ nhất. (*Thuyết vô hành*)

2. Lại có đạo sư có quan điểm như sau: tự làm hay sai bảo chém giết, trộm cắp, dâm dục, đều không có tội. Bồ thí, nói thật cũng không tạo nên công đức gì. Đối với thuyết này, người có trí cũng nghĩ như trên, không theo đạo sư ấy. Đây là phi phạm hạnh thứ hai. (*Thuyết vô nhân quả*)

3. Có đạo sư chủ trương: không do nhân duyên gì, hữu tình bị nhiễm ô, cũng không do nhân duyên gì hữu tình được thanh tịnh. Tất cả đều bị định mệnh chi phối, hưởng thọ khổ lạc y theo sáu sinh loài. Người có trí khi nghe vậy sẽ nghĩ, đạo sư này nếu nói đúng, thì ta không cần ở lại để tu tập. Đây là phi phạm hạnh thứ ba. (*Thuyết định mệnh*)

4. Có đạo sư có lý thuyết như sau: Có bảy thân [5] thường trú, bất động, không ảnh hưởng đến nhau: địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và nạn. Ở đây không có người giết hay người bị giết, khi người nào dùng gươm chặt đầu một người nào, cây gươm chỉ rơi vào bảy thân ấy. Sau một thời gian dài, kẻ ngu người trí sau khi luân hồi sẽ trừ tận khổ đau [6], như cuộn chỉ được tung ra sẽ kéo dài đến một mức nào đó thì chấm dứt. (*Thuyết luân hồi tịnh hóa*). Phật dạy, người trí không thể sống theo bốn phi phạm hạnh trú này, nếu sống theo cũng không thể thành đạt chánh lý.

Kế đến tôn giả trình bày về bốn bất an phạm hạnh:

1. Có bậc đạo sư tự xem đã chứng được toàn tri, dù khi đi đứng ngủ thức, tri kiến ấy vẫn liên tục không gián đoạn [7]. Nhưng vị ấy có khi vào một nhà trống

không nhận được đồ ăn khát thực, hoặc bị chó cắn, gặp voi dữ, người dữ; và vị ấy phải hỏi tên người, địa danh. Khi ai hỏi đã nói toàn tri tại sao lại thế, vị ấy trả lời sự việc phải xảy ra như vậy nên đã xảy ra như vậy. Người có trí khi nghe lời ngụy biện của vị tôn sư này, sẽ thấy bất an nếu sống phạm hạnh với ông ta, nên bỏ đi.

2. Có vị tôn sư xem truyền thuyết là chân thật; nhưng có phần nhớ đúng, có phần nhớ sai, nên khi vậy khi khác. Đây là bất an phạm hạnh thứ hai.

3. Có vị tôn sư giỏi suy luận biện bác, thuyết pháp theo ý mình. Nhưng có phần khéo lý luận, có phần không khéo, khi vậy khi khác.

4. Có vị đạo sư dẫn độn ngu si, khi được hỏi vấn đề gì thì dùng lý luận trườn uốn như con lươn [8]. Đây là bốn kiểu tu hành bất an mà người trí không sống theo, nếu sống theo cũng không đạt chí thiện.

Như Lai xuất hiện ở đời, sau khi chứng ngộ với thượng trí, đã tuyên thuyết những gì Ngài thân chứng, dạy hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người theo Phật sau khi từ bỏ 5 triền cái, chứng trú thiên thứ nhất cho đến thiên thứ tư, thành vị A-la-hán. Vị ấy không thể phạm vào 5 điều [9]: sát, đạo, dâm, vọng, và tàng trữ vật thực để hưởng dụng [10]. Một vị đã chứng lậu tận chỉ khi suy tư về vấn đề này [11], mới biết rằng các lậu hoặc đã được ta đoạn tận, chứ tri kiến ấy không an trú liên tục khi vị ấy đi đứng ngủ thức.

Khi ấy Sandaka hỏi trong giáo pháp này có được bao nhiêu vị đã giải thoát [12]; và Phật trả lời có vô số người đã thành bậc lãnh đạo tối thắng như vậy.

Du sĩ Sandaka nói thật là vi diệu, trong giáo pháp của Phật không có khen mình chê người, nhưng cả phần lý thuyết lẫn thực hành đã sản sinh nhiều vị lãnh đạo tối

thắng như vậy, trong khi tà mạn ngoại đạo chuyên tự tán hủy tha, lại chỉ có ba vị lãnh đạo là Nanda Vaccha, Kisa Sankicca và Makkhali Gosala [13]. Ông cùng đồ chúng của ông xin xuất gia theo Phật.

### III. CHÚ GIẢI

1. *Tiracchānakathā* có khi dịch "câu chuyện thú vật." *Tiracchāna* có nghĩa đen là đi ngang, và mặc dù có nghĩa súc sinh hay bàng sinh, theo kinh sớ, ở đây ám chỉ cuộc nói chuyện đi ngang hoặc đi thắng góc với con đường đưa lên cõi trời hay đưa đến giải thoát.

2. Bốn *phi phạm hạnh trú* là những giáo lý trên nguyên tắc, phủ nhận viễn ảnh đạt đến kết quả tối hậu của sự tu tập. Như kinh này hiển thị, những người chủ trương các thuyết này - ngược lại với nguyên tắc của chính họ - vẫn tuân giữ phạm hạnh và thực hành các khổ hạnh. Bốn *bất an phạm hạnh* không phá hủy nguyên tắc sống phạm hạnh, nhưng cũng không đưa ra viễn ảnh kết quả tối hậu của kỷ luật tâm linh.

3. Đoạn kinh kế tiếp nói rõ những chủ trương duy vật của quan điểm chấp không đã nêu trong kinh 60. Kinh *Sa Môn Quả* cho rằng quan điểm này là của *Ajita Kesakambalin* (Trường II).

4. Lập trường ở đây dường như là, dù người ta không sống đời phạm hạnh, cuối cùng cũng sẽ gặt hái những quả báo như người có sống phạm hạnh, như phần còn lại của đoạn kinh sẽ nói rõ.

5. Trong kinh *Sa Môn Quả*, quan điểm này được gán cho *Pakudhaccāyana* (Trường II). Tuy nhiên trong kinh ấy, đoạn phân loại chi tiết, cho đến "người ngu và kẻ trí, cả 2 sẽ chấm dứt đau khổ" thì liên hệ đến thuyết vô nhân, và đặt ngay sau lập thuyết vô nhân đề ra trong kinh này.

Toàn thể quan điểm được gán cho Makkhali Gosala. Vì rõ ràng có sự liên hệ giữa hai thuyết, và vì cả 2 tiêu biểu phong trào Ajīvaka do Makkhali Gosala lãnh đạo, dường như rằng sự bao hàm hệ thống phân loại này trong lý thuyết về 7 thân, là do một sai lầm trong giáo lý truyền khẩu. Bản kinh chính xác có lẽ là bản kinh được duy trì trong *Trường Bộ kinh*. Về Luận giải hệ thống phân loại này, xem Bodhi, kinh *Sa Môn Quả*.

6. Lời này xác nhận lại quan điểm định mệnh về giải thoát đã được công bố ở trên.

7. Đây là lời công bố của đạo sư Ni-kiền Tử trong Trung Bộ Kinh 14, và ở kinh Tăng Chi 9, Ni-kiền Tử và Phú Lan Na Ca-diếp cũng công bố như vậy. Sự kiện rằng ông ta làm những phán đoán sai và phải đặt câu hỏi, chứng minh ngược lại lời công bố toàn tri của ông.

8. Lập trường này được gọi là "trườn uốn như con lươn" (*Amarāvikkhepa*) bởi vì lý thuyết này rong duỗi chỗ này chỗ khác như một con lươn luôn vô luôn ra trong nước, không thể nào bắt được nó. Trong kinh *Sa Môn Quả*, lập trường này được gán cho *Sanjaya Blatthi Putta* (*Trường II*). Rất có thể rằng những nhà lý luận "như con lươn" này là một hạng hoài nghi triệt để, không tin toàn bộ viễn ảnh tri kiến về các vấn đề tối hậu.

9. Theo Trường 29, có 4 việc khác bậc A-la-hán không thể làm, đó là: vị ấy không thể làm một tà nghiệp đạo do tham sân si sợ.

10. *Kinh số*: vị ấy không còn chất chứa lương thực và những vật dụng khả lạc khác để hưởng thụ.

11. Đoạn này dịch theo bản in PTS.

12. *Niyyātāro*, Ñānamoli dịch là Hướng đạo, Horner dịch là Đại đạo sư. Rõ ràng cả 2 đều theo tự điển nói danh

từ này liên hệ đến chữ *niyyāma* - hoa tiêu. Nhưng *niyyāta* do động từ *niyyāti* có nghĩa là *đạt đến giải thoát tối hậu*, do đó ở đây dịch là người đã giải thoát.

13. Về 3 bậc thầy của Ājīvaka, xem Trung 36. Theo kinh số, câu *putamatāya puttā*, "những đứa con chết của bà mẹ" có nghĩa "Ông ta nghĩ, những người theo Ājīvaka đã chết; mẹ của chúng có những đứa con đã chết."

#### IV. PHÁP SỐ

*Ba minh, 4 phi phạm hạnh, 4 bất an phạm hạnh, 4 thiên; 7 thân - địa thủy hỏa phong khổ lạc mạn.*

#### V. KỆ TỤNG

Du sĩ đang tụ họp  
Bàn những chuyện phù phiếm  
Thấy tôn giả A-nan  
Bèn xin nghe pháp Phật

Thế Tôn đã tuyên thuyết  
Bốn phi phạm hạnh trú  
Bốn bất an phạm hạnh  
Người trí không sống theo

Có đạo sư chủ trương  
Không bố thí, tế tự,  
Không có quả dị thực  
Của các nghiệp thiện ác

Không có đời này, sau,  
Không mẹ cũng không cha  
Không có sự hóa sinh  
Không tu hành chứng đắc



Con người gồm bốn đại  
Chết trở về bốn đại  
Kẻ ngu như người trí  
Chết là xong một đời.

Người trí nên suy nghĩ,  
Nếu tôn sư này nói đúng  
Thì không cần theo ông  
Vi tu cũng như không.

Có đạo sư lập thuyết:  
Sát sinh, trộm cắp, dâm  
Tự làm, bảo người làm  
Đều không có tội báo.

Bố thí hay nói thật  
Cũng không công đức gì.  
Người trí nghĩ như trên  
Không theo đạo sư ấy.

Có đạo sư chủ trương:  
Hữu tình nhiễm hay tịnh  
Do định mệnh chi phối  
Không do nhân duyên gì.

Tất cả hưởng khổ lạc  
Y theo sáu sinh loài.  
Nếu thầy này nói đúng  
Cũng không cần theo tu

Có đạo sư lại nói  
Có bảy thân thường trú  
Gồm địa thủy hỏa phong  
Khổ, lạc, mạn là bảy

Bảy thân không tương quan  
Không người giết, bị giết  
Khi dùng gươm chém chặt  
Gươm rơi vào bảy thân

Sau một thời gian dài  
Kẻ ngu như người trí  
Sẽ trừ tận khổ đau  
Như cuộn chỉ kéo hết.

Người trí không sống theo  
Bốn phi phạm hạnh này  
Và nếu có sống theo  
Không thành đạt chánh lý.

Bốn bất an phạm hạnh:  
Có thầy xưng toàn tri  
Dù đi đứng ngủ thức  
Tri kiến ấy liên tục.

Dù tuyên bố như vậy  
Vị ấy đi khát thực  
Nhè đi vào nhà trống  
Bị chó cắn, voi rượt

Lại nhiều lúc phải hỏi  
Tên người và địa danh.  
Có ai hỏi toàn tri  
Sao lại phải như thế,

Thì vị ấy trả lời  
Sự việc phải như vậy  
Có kẻ bị chó cắn...  
Nên đã xảy ra vậy.

Nghe lời ngụ biện ấy  
Người trí thấy bất an  
Nếu sống đời phạm hạnh  
Dưới vị tôn sư này.

Có vị trong truyền thuyết  
Xưa truyền lại đều chân  
Trí nhớ có đúng sai,  
Nên khi vậy khi khác.

Có thầy giỏi biện bác  
Thuyết pháp theo ý mình  
Nhưng có phần khéo biện  
Cũng có phần không khéo

Lại có thầy liệt tuệ  
Khi được hỏi điều khó  
Lại tránh né trả lời  
Lý luận kiểu con lươn

Đây bốn lối tu hành  
Là bất an phạm hạnh  
Người trí không sống theo  
Theo cũng không ích lợi

Như Lai hiện ra đời  
Chứng ngộ với thượng trí  
Tuyên thuyết pháp nhân chứng  
Dạy phạm hạnh đầy đủ

Dạy bỏ năm triền cái  
Chứng trú thiền thứ nhất  
Cho đến thiền thứ tư  
Thành lậu tận la hán.

Vị này không thể phạm  
Sát, đạo, dâm, vọng ngữ  
Cùng vật thực tàng trữ  
Để hưởng dụng cho mình.

Một vị chứng lậu tận  
Khi tác ý mới biết  
Tri kiến không liên tục  
Dù đi đứng ngủ thức.

San-da-ka lại hỏi  
Trong giáo pháp Như Lai  
Bao nhiêu vị lậu tận  
Phật dạy có rất nhiều.

Du sĩ San-da-ka  
Tán thán Phật pháp tăng  
Rồi cùng đồ chúng ông  
Xin xuất gia theo Phật.



## Kinh số 77

# Đại kinh Sakuludāyi

### I. TOÁT YẾU

**Mahāsakuludāyi Sutta - The Greater discourse to Sakuludāyi.**

*The Buddha teaches a group of wanderers the reasons why his disciples venerate him and look to him for guidance.*

**Bài giảng dài cho Sakuludāyi.**

*Phật dạy cho một nhóm du sĩ những lý do vì sao các đệ tử Ngài tôn trọng Ngài và sống dưới sự hướng dẫn của Ngài.*

### II. TÓM TẮT

Phật đi đến tu viện các du sĩ do Sakuludāyi cầm đầu. Sakuludāyi chào đón Phật và bạch Phật, trong khi các đạo sư nổi tiếng của ngoại đạo như Makkhali Gosala, Ni-kiền Tử... được quần chúng tôn sùng, họ lại không được các đệ tử của họ tôn trọng, sống nương tựa. Mỗi khi thuyết pháp, họ bị các đệ tử tranh lời, kích bác, mạ lị. Ngược lại, sa môn Gotama được quần chúng tôn sùng, lại được các đệ tử cung kính tôn trọng. Mỗi khi Ngài thuyết pháp giữa hội chúng hàng trăm người, thì không có một tiếng ho giữa các đệ tử. Đại chúng sống nhiệt tình kỳ vọng nơi Phật, ngay cả những đệ tử hoàn tục vì cãi lộn với bạn đồng tu, vẫn tán thán bậc Đạo sư, tán thán Pháp và Tăng, chỉ tự trách mình thiếu phước không thể sống phạm hạnh cho đến trọn đời. Như vậy sa môn Gotama được đệ tử cung kính sống nương tựa.

Và theo Ưu-đà-di sở dĩ như vậy là nhờ Ngài có 5 đức và tán thán năm đức:

1. Ăn ít;
2. Biết đủ với bất cứ loại y phục nào;
3. Biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào;
4. Biết đủ với bất cứ loại sàng tọa nào;
5. Ngài sống viễn ly.

Phật dạy không phải do 5 điều ấy mà các đệ tử cung kính Ngài, vì có nhiều đệ tử của Ngài còn khổ hạnh hơn Ngài gấp bội, xuất sắc hơn Ngài về 5 phương diện ấy. Nhưng chính do 5 pháp sau đây khiến họ cung kính nương tựa vào Như Lai. Đó là:

1. Ngài đã thành tựu Giới uẩn tối thượng, các đệ tử tán phục Ngài về tăng thượng giới;

2. Tri kiến vi diệu nhờ đó Như Lai thuyết pháp với thắng trí, có nhân duyên, có thần thông lực.

3. Ngài thành tựu trí tuệ tối thượng, biết trước các đường lối lý luận [1] trong tương lai nên các đệ tử của Ngài không bao giờ gián đoạn một cuộc đàm thoại đang diễn tiến;

4. Ngài khéo trả lời cho đệ tử khi họ đắm chìm trong đau khổ. Ngài làm cho tâm họ thỏa mãn với pháp tứ diệu đế;

5. Ngài thuyết giảng con đường tu hành gồm có: 4 niệm xứ [2], 4 chánh cần, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, bảy giác chi, thánh đạo tám ngành, nhờ an trú các pháp này mà đệ tử chứng ngộ thắng trí [3].

Ngài dạy 8 giải thoát [4], 8 thắng xứ [5], quán nội sắc thấy ngoại sắc có hạn lượng, và do nhiếp thắng chúng, vị ấy thấy biết, đây là thắng xứ thứ nhất [6]. Quán nội sắc thấy ngoại sắc vô hạn và nhiếp thắng chúng, vị ấy thấy biết, là thắng xứ thứ hai. Không quán nội sắc, thấy ngoại

sắc có hạn lượng là thắng xứ thứ ba [7]; thấy ngoại sắc vô hạn lượng và nhiếp thắng, là thắng xứ thứ tư. Bốn thắng xứ kế tiếp là do quán vô sắc nội tâm, thấy các ngoại sắc thuần tịnh màu xanh, vàng, đỏ, trắng và sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy thấy biết.

Ngài giảng dạy cách tu tập 10 biến xứ [8], 4 thiền. Ly dục ly bất thiện pháp, vị tỳ kheo chứng trú thiền thứ nhất có tầm có tứ, với hỉ lạc do ly dục sinh [9]... cho đến thiền thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Ngài giảng dạy đệ tử tuệ tri [10] thân này là sắc pháp do duyên sinh; trong thân ấy thức nương tựa và bị trói buộc như sợi dây xuyên qua những viên ngọc.

Ngài thuyết giảng về con đường tu hành để hóa hiện một thân ý sinh, để đắc các thắng trí như biến hình, thiên nhãn, thiên nhãn, túc mạng, tha tâm, và lậu tận. Đây là những pháp làm cho đệ tử cung kính tôn trọng và sống nương tựa Ngài.

### III. CHÚ GIẢI

1. Nāṇamoli dịch "hậu quả của một lời xác nhận." Đường như có nghĩa rằng Phật hiểu rõ tất cả những ẩn ý của giáo lý Ngài cũng như của học thuyết khác. Câu này cũng có thể ngụ ý rằng trong những kinh như Phạm Võng, Phật đã đưa ra một lời phê bình có thể áp dụng cho bất cứ lý thuyết nào có thể khởi lên trong tương lai, về các tư tưởng triết học tôn giáo.

2. Được giải thích đầy đủ trong kinh số 10. Bảy nhóm thiện pháp đầu tiên là 37 bồ đề phần pháp.

3. Luận giải thích là sự đắc quả A-la-hán. Đây có lẽ là ý nghĩa duy nhất của danh từ ba-la-mật khi nó xuất hiện trong 4 Nikaya. Trong văn học Thượng tọa bộ về sau, khởi đầu với Buddhaghosa, danh từ này bắt đầu có ý nghĩa



những đức tính toàn hảo mà một bồ-tát phải hoàn tất trải qua nhiều đời kiếp để thành Phật. Trong ý nghĩa ấy nó tương đương với danh từ ba-la-mật của văn học đại thừa, mặc dù con số những đức tính kể ra có phần khác nhau.

4. Luận giải thích giải thoát ở đây có nghĩa sự giải phóng hoàn toàn (nhưng tạm thời) của tâm thức khỏi những pháp đối lập và sự giải phóng hoàn toàn nhưng tạm thời của nó do thích thú với đối tượng. Sự giải thoát đầu là đắc Tứ Thiên có sự dụng một biến xứ xuất phát từ một vật có màu sắc trên cơ thể của mình; thứ hai là sự đắc các thiên do sử dụng một biến xứ từ một đối tượng bên ngoài; thứ ba có thể hiểu là sự đắc thiên nhờ một biến xứ thuần tịnh, có màu sắc rất đẹp, hoặc nhờ 4 phạm trú. Những giải thoát còn lại là những định chứng vô sắc và định diệt tận.

5. Theo Kinh số, những pháp này gọi là Thắng xứ vì chúng vượt lên trên các pháp đối nghịch và các đối tượng, nhờ áp dụng phương pháp đối trị thích hợp và nhờ khởi lên tri kiến.

6. Theo kinh số, thiên giả làm công việc chuẩn bị với một hình tướng nội tại - ví dụ màu xanh của con mắt cho biến xứ màu xanh, da cho biến xứ màu vàng, máu cho biến xứ màu đỏ, răng cho biến xứ trắng - nhưng khi định tướng xuất hiện thì ở ngoài. Sự "vượt qua các hình tướng" là sự đắc định đồng lúc với tướng khởi lên. Nghĩ rằng *tôi biết, tôi thấy* là một chướng ngại khởi lên sau khi vị ấy xuất định chứng chứ không phải khi đắc định. Thắng xứ thứ 2 chỉ khác thắng xứ đầu do sự trải rộng tướng từ hữu hạn thành vô hạn.

7. *Kinh số*: thắng xứ thứ 2 và thứ 4 bao hàm công việc chuẩn bị được làm trên một tướng bên ngoài và sự khởi lên tướng ở bên ngoài. Thắng xứ thứ 5 cho đến thứ 8 khác với

thứ 3 và thứ 4 về sự thuần tịnh thù thắng và ánh sáng của những màu sắc.

8. Biến xứ là một đối tượng thiên quán phát xuất từ một vật làm bằng tứ đại dùng làm cơ sở để đắc "tướng" ở bên trong. Ví dụ một cái đĩa làm bằng đất sét có thể dùng làm đối tượng để thực hành pháp tu biến xứ đất, một bát nước dùng để tu tập biến xứ nước. Các biến xứ được giải thích chi tiết trong Thanh tịnh đạo 4 và 5. Tuy nhiên biến xứ hư không ở đây được giới hạn vào không gian hữu hạn, và biến xứ thức được thay bằng biến xứ ánh sáng.

9. Những ví dụ về thiên cũng xuất hiện trong kinh 39, như các thí dụ về 3 loại trí sau cùng.

10. Các đoạn mô tả 8 thắng trí theo kinh Sa Môn Quả, là những kết quả thù thắng của hạnh sa môn.

#### IV. PHÁP SỐ

*2 giải thoát, 3 lậu hoặc, 4 đại, 4 thiên, 4 niệm xứ, 4 chánh căn, 4 thân tức. Năm căn, 5 lực, 5 pháp do đó các đệ tử tôn trọng Phật. Năm pháp do đó ngoại đạo tán thán Phật: ăn ít, biết đủ về hành, mặc, ở, sống viễn ly. 6 thân thông. 7 giác chi. Tám giải thoát, tám thắng xứ, 8 thánh đạo. 10 biến xứ, 37 pháp trợ đạo.*

#### V. KỆ TỤNG

Phật đến thăm tu viện  
Của Sa-ku-lu-dayi  
Du sĩ chào đón Phật  
Và khởi sự luận đàm

Du sĩ bạch Thế Tôn  
- Các đạo sư nổi tiếng  
Được quần chúng tôn sùng  
Không được đệ tử nể

Mỗi khi họ thuyết pháp  
Các đệ tử tranh lời  
Kịch bác và mạ lị  
Chẳng ra thể thống gì.

Sa môn Go-ta-ma  
Được quần chúng tôn sùng  
Được đệ tử tôn trọng  
Thật là điều hy hữu.

Mỗi khi Ngài thuyết pháp  
Giữa hội chúng hàng trăm  
Không có một tiếng ho  
Giữa những người nghe pháp.

Chúng đệ tử của Phật  
Sống nương tựa vào Ngài  
Họ nhiệt tình kỳ vọng  
Nơi đức Phật Thế Tôn.

Ngay cả người hoàn tục  
Vẫn tán thán Tam bảo.  
Chỉ tự trách thiếu phước  
Không tu đến trọn đời

Theo Ưu-đà-di nghi  
Do Ngài có năm đức  
Nên đệ tử tôn trọng  
Và sống nương tựa Ngài:

Ngài hành hạnh ăn ít  
Và ngợi khen ăn ít;  
Biết đủ về y phục  
Và ca ngợi biết đủ;

Về món ăn khát thực  
Và chỗ nằm cũng vậy  
Và Ngài sống viễn ly  
Đây là năm hạnh đức

"Nếu do năm điều ấy  
Thì có nhiều đệ tử  
Còn khổ hạnh gấp mấy  
Sẽ không tôn trọng ta

Nhưng này Ưu-đà-di  
Chính năm pháp sau đây  
Khiến họ sống nương tựa  
Và tôn kính Như Lai

Thành tựu thánh giới uẩn;  
Có Tri kiến vi diệu  
Thuyết pháp với thắng trí  
Lợi ích cho người nghe;

Đạt trí tuệ tối thượng  
Nên các đệ tử Ngài  
Không bao giờ gián đoạn  
Cuộc đàm thoại diễn tiến;

Khéo trả lời đệ tử  
Bị đắm chìm đau khổ  
Làm tâm họ thỏa mãn  
Với pháp bốn diệu đế;

Giảng dạy con đường tu  
Bốn niệm xứ, bốn cần  
Năm căn và năm lực  
Bảy giác chi, tám chánh

Dạy tu tám giải thoát  
Và tu tám thắng xứ,  
Mười biến xứ, bốn thiền  
Dạy tuệ tri thân xác

Là sắc do duyên sinh  
Trong đây thức nương tựa  
Và đang bị trôi buộc  
Như dây xuyên hạt ngọc."

Ngài thuyết giảng đường tu  
Để hiện thân ý sinh,  
Để đắc các thắng trí  
Như biến hình, thiên nhi

Như tức mạng, tha tâm  
Cho đến đắc lậu tận;  
Khiến đệ tử tôn trọng  
Và sống nương tựa Ngài.



## Kinh số 78

# Samanamandikā

### I. TOÁT YẾU

#### *Samanamandikā Sutta.*

*The Buddha explains how a man is "one who has attained to the supreme attainment."*

#### *Du sī Samanamandikā*

*Phật giải thích làm thế nào một người được gọi là đã đạt đến sự chứng đắc tối thượng.*

### II. TÓM TẮT

Thợ mộc Ngũ Phân đệ tử Phật đi đến du sĩ Uggahamāna Samanamandikāputta đang ở cùng 30 du sĩ trong giảng đường Ekasalaka [1] do Mallika xây để tranh luận. Du sĩ cho rằng thành tựu 4 pháp sẽ là bậc sa môn tối thượng: không làm ác về thân, lời, ý, không sống bằng nghề ác. Nghe xong thợ mộc trở về bạch Phật. Phật bác chủ trương ấy, vì nếu vậy thì một đứa trẻ sơ sinh vô trí là đã thành đạt thiện tối thắng, vì nó không thể làm ác được về thân lời ý và cũng không có nghề ác. Vậy theo Phật 4 pháp ấy không làm nên bậc sa môn tối thượng.

Phật dạy một người thành tựu 10 pháp sẽ là một bậc sa môn tối thượng, nhưng trước hết cần phải biết [2] thế nào là bất thiện giới, nó từ đâu sinh ra, sự diệt trừ bất thiện không có dư tàn và con đường thực hành để trừ diệt. Về thiện giới cũng vậy. Cũng vậy về thiện tư duy và bất thiện tư duy.

Bất thiện giới là thân khẩu ý nghiệp bất thiện và nếp sống ác. Sự sinh khởi của chúng là do tâm. Vì tâm có tham sân si, nên có các bất thiện giới sinh ra. Do đoạn trừ thân ác hành, tu tập thân thiện hành, đoạn trừ khẩu ác hành tu tập khẩu thiện hành, đoạn trừ ý ác hành tu tập ý thiện hành, đoạn trừ nếp sống ác, tu tập nếp sống chân chính [3] mà những bất thiện giới được trừ diệt không có dư tàn. Con đường trừ diệt bất thiện giới là khởi lên ý muốn, quyết tâm làm cho các ác bất thiện pháp chưa sinh không sinh khởi, đã sinh được trừ diệt; các thiện pháp chưa sinh nay được sinh, và các thiện pháp đã sinh được tăng trưởng đi đến viên mãn. Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt trừ các bất thiện giới [4].

Thiện giới là thân khẩu ý nghiệp thiện, nếp sống thanh tịnh. Sự sinh khởi của chúng là do tâm không tham, không sân, không si. Thiện giới được trừ diệt không có dư tàn [5] là khi vị tỳ kheo có giới hạnh nhưng không chấp trước giới và như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Con đường đưa đến trừ diệt các thiện giới [6] cũng như trên, là bốn chánh cần.

Bất thiện tư duy là tư duy dục, sân, hại. Sự sinh khởi của chúng là do: dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng. Sự trừ diệt của chúng khi vị tỳ kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng trú thiên thứ nhất. Ở đây những bất thiện tư duy được trừ diệt không dư tàn [7]. Con đường đưa đến trừ diệt bất thiện tư duy [8] là bốn chánh cần như trên.

Thiện tư duy là tư duy ly dục, vô sân, bất hại; sinh khởi từ ly dục tưởng, vô sân tưởng, bất hại tưởng. Sự diệt trừ thiện tư duy [9] là khi vị tỳ kheo diệt tâm và tứ chứng và trú thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh không tâm không tứ. Con đường thực hành để diệt trừ thiện tư duy [10] là bốn chánh cần như trên. Và 10 pháp sau đây

làm thành bậc sa môn tối thượng, đó là vô học [11] chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, và chánh giải thoát.

### III. CHÚ GIẢI

1. Vườn này do Mạt Lợi phu nhân xây, có nhiều hoa và cây trái xinh đẹp. Lúc đầu chỉ có một giảng đường lớn nên có tên Ekasalaka, nhưng về sau xây thêm nhiều phòng lớn. Nhiều đoàn bà-la-môn và du sĩ tụ họp ở đây để trình bày và thảo luận những lý thuyết của họ.

2. Trước hết Phật hiển thị quả A-la-hán vô học gồm 10 thành tựu, kể đến Ngài đưa ra một chương trình có thể áp dụng cho bậc hữu học. Ở đây giới luật dịch là "tập hành", đôi khi có ý nghĩa rộng rãi hơn chữ đức hạnh.

3. Theo *Kinh số*, đây là quả Dự lưu, vì ở điểm này giới biệt giải thoát được hoàn tất (và với một cư sĩ tại gia thì đây là 5 giới). *Kinh số* cũng giải thích những đoạn văn sau đó bằng cách nói đến các đạo và quả siêu thế. Mặc dù kinh không nói rõ những sự chứng đắc này, sự giải thích của kinh số có lẽ đúng nhờ từ ngữ "chấm dứt không dư tàn", vì chỉ khi đạt đến các đạo quả mới hoàn toàn chấm dứt những ô nhiễm. Quan điểm của kinh số càng được củng cố nhờ hình ảnh vị A-la-hán như tột đỉnh của toàn kinh.

4. Cho đến đạo lộ Dự Lưu, vị ấy được gọi là tu tập để chấm dứt các bất thiện giới; khi đắc quả Dự lưu, bất thiện giới được xem là đã chấm dứt.

5. Đoạn này hiển thị A-la-hán vẫn còn duy trì các thiện hành nhưng không đồng hóa mình với đạo đức xem là tôi và của tôi. Vì những thói quen đạo đức của ông không còn phát sinh nghiệp nên chúng không còn được gọi là thiện.



6. Cho đến A-la-hán đạo, gọi là tu tập để chấm dứt các thiện giới, khi đắc quả A-la-hán, thiện giới được chấm dứt.

7. Đây ám chỉ Sơ thiên thuộc quả Bất hoàn. Bất hoàn đạo tận trừ tham dục và ác ý, nên không còn sinh khởi trong tương lai 3 loại tư duy bất thiện là dục sân và hại.

8. Cho đến đạo lộ Bất hoàn, vị ấy được nói là đang tu tập để chấm dứt bất thiện tư duy; khi đắc quả Bất hoàn, bất thiện tư duy được xem là đã chấm dứt.

9. Theo *Kinh số*, *thiện tư duy trừ diệt không dư tàn* là ám chỉ nhị thiên thuộc quả A-la-hán.

10. Kinh số nói: cho đến đạo lộ A-la-hán vị ấy được nói là đang tu tập để chấm dứt thiện tư duy; khi đắc A-la-hán quả, thiện tư duy chấm dứt. Những ý định tốt lành của A-la-hán không được gọi là "thiện" (vì không mong chờ quả báo.)

11. Xem kinh 65.

#### IV. PHÁP SỐ

*3 nghiệp, 10 pháp thành đạt thiện tối thắng theo Phật tức 10 thánh đạo, 4 đế.*

#### V. KỆ TỤNG

Thọ một tên Ngũ Phần  
Đệ tử đức Thế Tôn  
Đến du sĩ ngoại đạo  
Nghe vị này chủ trương:

Thành tựu bốn pháp này  
Là sa môn tối thượng:  
Không thân lời ý ác  
Không sống bằng nghề ác.

Thợ mộc về bạch Phật  
Phật bác chủ trương ấy  
Vi nếu vậy trẻ thơ  
Cũng đạt thiện tối thắng.

Theo giáo lý Phật dạy  
Đạt đến thiện tối thắng  
Là thành tựu mười pháp  
Thuộc vô học la hán

Nhưng trước cần rõ biết  
Bất thiện giới sinh, diệt  
Và con đường thực hành  
Tận diệt bất thiện giới.

Với thiện giới cũng vậy  
Thiện, bất thiện tư duy  
Cần biết sự sinh, diệt  
Và cách tận trừ chúng.

Bất thiện giới nghĩa là  
Ác nghiệp thân, khẩu, ý  
Và niếp sống không lành  
Chúng do tâm sinh ra.

Vì tâm tham sân si  
Nên bất thiện giới sinh  
Đoạn trừ các ác này  
Thì bất thiện giới diệt

Tu tập các thiện hành  
Về thân lời và ý  
Lại sống đời trong sạch  
Ác diệt không dư tàn.

Cách diệt bất thiện giới  
Là khởi tâm quyết định  
Không sinh ác chưa sinh  
Diệt trừ ác đã khởi.

Các thiện pháp chưa sinh  
Thì làm cho sinh khởi  
Các thiện pháp đã sinh  
Tăng trưởng đến viên thành.

Thiện giới là thiện hành  
Về thân lời và ý,  
Cùng nếp sống thanh tịnh  
Do không tham sân si.

Thiện giới được trừ diệt  
Nơi vị A-la-hán  
Cách trừ diệt thiện giới  
Như trên, bốn chánh cần.

Những tư duy bất thiện  
Là dục, sân, hại niệm  
Sinh ra từ dục tưởng  
Sân tưởng và hại tưởng.

Bất thiện tư duy diệt  
Khi ly dục chứng thiên  
Con đường đoạn diệt nó  
Bốn chánh cần như trên.

Thiện tư duy ly dục  
Vô sân và bất hại  
Do ly dục tướng sinh  
Vô sân, bất hại tướng.

Thiện tư duy trừ diệt  
Khi diệt tâm và tứ  
Chứng trú thiên thứ hai  
Với định sanh hỷ lạc

Con đường diệt thiện tư  
Như trên, bốn chánh cần  
Đạt 10 pháp vô học  
Thành sa môn tối thượng.

Vô học chánh tri kiến  
Chánh tư duy, chánh ngữ  
Nghiệp, mạng, và tinh tấn  
Niệm, định, trí, giải thoát.



Kinh số 79  
**Tiểu kinh Sakuludāyi**

**I. TOÁT YẾU**

*Cūlasakuludāyi Sutta - The Shorter discourse to Sakuludāyi.*

*The Buddha examines the doctrine of a wandering ascetic, using the smile of "the most beautiful girl in the country" to expose the folly of his claims.*

**Bài kinh ngắn giảng cho Sakuludāyi.**

*Phật xét lý thuyết của một du sĩ khổ hạnh, dùng ví dụ người con gái đẹp nhất nước để nêu rõ tính điên rồ của những gì ông tuyên bố.*

**II. TÓM TẮT**

Phật đến trú xứ của du sĩ Sakuludāyi (Ưu-đà-di). Ưu-đà-di bạch Phật: "Thuở xưa có một vị tự xưng biết tất cả, tri kiến tồn tại liên tục, dù khi đi đứng thức ngủ, nhưng khi được con hỏi về quá khứ lại tránh né, trả lời lạc đề và tỏ phần nộ bất mãn." Phật hỏi ông, vị ấy là ai, du sĩ trả lời là Ni-kiền Tử.

Phật bảo Ưu-đà-di: "Ai nhớ đến các đời sống quá khứ, biết được sự sống chết của chúng sinh tùy theo nghiệp thì có thể nói chuyện với Ngài về những vấn đề ấy. Nhưng hãy gác chuyện ấy lại, ta sẽ thuyết pháp cho ông: Cái này có mặt thì cái kia có mặt, do cái này sinh nên cái kia sinh. Cái này không có mặt nên cái kia không có mặt; cái này diệt nên cái kia diệt [1]."

Ưu-đà-di nói: "Ngay đời hiện tại con còn không nhớ đại cương và chi tiết, làm sao mà nhớ được các đời quá khứ, biết được sống chết của chúng sinh. Nay Thế Tôn lại nói cái này có mặt với không có mặt... con càng thêm mù tịt. Tuy vậy con có thể trả lời câu hỏi về bậc đạo sư của mình."

Phật hỏi bậc đạo sư của ông dạy gì. Ưu-đà-di đáp: "Sắc này là tối thượng."

Phật hỏi sắc tối thượng là sắc gì? Ưu-đà-di đáp: "Khi không có sắc nào khác thù thắng hơn, thì sắc ấy là tối thượng."

Phật dạy: "Lời ấy cũng như nói tôi luyện ái một cô gái đẹp, nhưng khi hỏi cô ấy tên gì, dòng họ, tầm vóc, màu da ra sao, ở đâu, đều trả lời không biết."

Ưu-đà-di lấy ví dụ sắc ấy như một viên lưu ly bảo châu trong suốt, với sắc như vậy, tự ngã là vô bệnh sau khi chết [2]. Khi ấy Phật hỏi ông, ánh sáng của viên lưu ly ấy với lửa đom đóm trong đêm đen, quang sắc nào vi diệu hơn. Ưu-đà-di trả lời, con đom đóm có quang sắc vi diệu hơn.

Kế tiếp, Phật lần lượt đưa ra ánh sáng ngọn đèn, đồng lửa lớn, ngôi sao mai lúc bình minh, mặt trăng rằm khi đứng bóng, mặt trời khi đứng bóng. Ưu-đà-di trả lời mặt trời lúc đứng bóng là sáng nhất trong các quang sắc ấy.

Phật dạy: Ngài biết rất nhiều chư thiên còn sáng hơn cả mặt trời, nhưng Ngài không bảo không có quang sắc nào khác vi diệu hơn. Còn ông, ông lại bảo một quang sắc thấp kém hơn con sâu đom đóm là quang sắc tối thượng. Và ông lại không chỉ rõ ràng quang sắc ấy.

Kế tiếp Phật hỏi Ưu-đà-di có một thế giới toàn vui hay không, và có đạo lộ nào đưa đến thế giới ấy? Ưu-đà-di trả lời là có, theo lời dạy đạo sư mình. Con đường đưa đến thế giới ấy là: từ bỏ sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, và sống

theo một loại khổ hạnh. Ấy là đạo lộ đưa đến chứng đắc thế giới toàn vui.

Phật hỏi trong khi thực hành những điều ấy, tự ngã là toàn vui hay cả vui lẫn khổ. Ưu-đà-di trả lời có vui có khổ.

Khi ấy Phật hỏi lại, như vậy phải chăng đạo lộ ấy chứng đắc một thế giới toàn vui, là còn có vui khổ xen lẫn? Ưu-đà-di thừa nhận chủ trương của các bậc đạo sư mình không hợp lý; và hỏi Phật có một thế giới toàn vui hay không, và có một đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới ấy hay không.

Phật dạy có, và đạo lộ hợp lý ấy là ly dục ly bất thiện pháp, chứng trú thiên thứ nhất cho đến thiên thứ ba. Ưu-đà-di hỏi sự chứng đắc ấy có phải đã là thế giới toàn vui không. Phật dạy chưa phải, đấy chỉ là đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới toàn vui.

Khi ấy hội chúng du sĩ lớn tiếng nói họ không biết đến cái gì cao hơn thiên thứ ba này [3]; và hỏi phải đến mức như thế nào mới gọi là chứng đắc thế giới toàn vui. Phật dạy cho đến khi chứng trú thiên thứ 4, nói chuyện được với chư thiên [4] sinh vào thế giới ấy, mới gọi là chứng đắc thế giới toàn vui.

Ưu-đà-di hỏi có phải vì mục đích ấy mà các tỳ kheo sống phạm hạnh. Phật dạy không phải chỉ vì vậy, mà còn vì muốn chứng đắc các pháp cao thượng hơn như túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận trí, như thật biết khổ, tập, diệt, đạo; tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Vì muốn chứng đắc những pháp này, các tỳ kheo sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Phật.

Ưu-đà-di ca tụng Phật và xin quy y. Ông xin xuất gia thọ đại giới nhưng bị các đệ tử đi theo ông phản đối, nói ông đã là bậc đạo sư, nay trở thành đệ tử thì cũng như ghè

nước tốt bị thùng lỗ chảy nước. Như vậy chính đồ chúng du sĩ đã là một chướng ngại khiến Ưu-đà-di không được sống phạm hạnh dưới Thế Tôn [5].

### III. CHÚ GIẢI

1. Xem chú thích kinh 38 về duyên khởi.

2. *Vô bệnh, arogo* thông thường có nghĩa là khỏe mạnh, nhưng ở đây nên hiểu là trường cứu. Theo *kinh số*, ông ta ám chỉ tái sinh vào cõi trời Thiếu Quang thiên, cảnh giới của thiên thứ 3 mà ông đã nghe đến nhưng chưa thực chứng. Quan điểm này rơi vào loại quan điểm được mô tả trong kinh 102.

3. Những dịch giả trước đây đều bối rối về động từ *anassāma*. Nāṇamoli dịch: chúng ta không từ bỏ giáo lý của thầy ta vì lý do này. Horner dịch: chúng ta đã nghe từ những bậc thầy của chúng ta. Nhưng động từ này là quá khứ của động từ *nassati*, ngôi thứ nhất số nhiều có nghĩa là hủy diệt, tiêu mất. Hình thức này cũng xuất hiện trong kinh 27. Theo *kinh số*, họ biết trong quá khứ, các thiên giả thường chuẩn bị bằng pháp quán biến xứ để đắc thiên thứ 3 và tái sinh vào Thiếu Quang thiên. Nhưng theo thời gian, thiên giả không còn hiểu việc chuẩn bị với biến xứ, nên không thể chứng tam thiên. Các du sĩ chỉ biết có hiện hữu một thế giới hoàn toàn hạnh phúc và cần 5 đức để được sinh đến đấy. Họ không biết đến thế giới nào an lạc hơn cõi thiên thứ 3, và không biết thực hành pháp nào hơn 5 đức ấy.

4. Theo *kinh số*, sau khi đắc thiên thứ tư, vị ấy vận thân thông đi đến cõi trời Thiếu quang thiên và nói chuyện với chư thiên tại đấy.

5. Theo *kinh số*, trong một tiền kiếp, lúc làm tỳ kheo dưới thời Phật Ca-diếp, vị ấy đã thuyết phục cho một tỳ



kheo bạn hoàn tục để được y bát của vị này. Do nghiệp chướng ấy, trong đời này vị ấy không được xuất gia với Phật Thích Ca. Nhưng Phật giảng cho ông 2 bài kinh dài để tạo điều kiện cho ông chứng đạo về sau. Dưới triều vua A Dục ông đắc quả A-la-hán, đây là trưởng lão Assaputta, người thực hành tâm từ đến chỗ viên mãn.

#### IV. PHÁP SỐ

*3 bảo, 3 lậu, 3 minh, 3 thọ, 4 thiên, 10 bất thiện, 10 thiện.*

#### V. KÊ TỤNG

Phật đến nơi du sĩ  
Sa-ku-lu-da-yi  
Hỏi thầy ông dạy gì  
Đáp: - Sắc này tối thượng

Phật hỏi là sắc gì?  
- Khi có một loại sắc  
Không sắc đẹp nào hơn  
Thì sắc ấy tối thượng.

"Nói vậy có khác gì  
Nói yêu cô gái đẹp  
Nhưng không biết mặt mày  
Vóc dáng và màu da"

- Như lưu ly bảo châu  
Tự ngã sau khi chết  
Đẹp đẽ và vô bệnh  
Sắc ấy cũng như vậy.

"Ánh sáng lưu ly ấy  
Với đom đóm trong đêm  
Quang sắc nào sáng hơn?"  
- Con đom đóm sáng hơn.

"Đom đóm sánh ánh đèn  
Ánh đèn sánh lửa lớn  
Ánh lửa sánh sao mai  
Sao mai sánh trăng rằm

Ánh trăng sánh mặt trời  
Giữa lúc trưa đứng bóng  
Mặt trời là sáng nhất  
Trong các quang sắc này

Ta biết nhiều chư thiên  
Sáng hơn cả mặt trời  
Nhưng ta không có nói  
Không quang sắc nào hơn

Còn ông lại cho rằng  
Một quang sắc thấp kém  
Thua ánh sâu đom đóm  
Là quang sắc tối thượng."

Kế tiếp Phật hỏi ông  
"Có chăng cõi toàn vui  
Và có đạo lộ nào  
Đưa đến thế giới ấy?"

- Có thể giới như vậy  
Đạo lộ là từ bỏ  
Sát, đạo, dâm, nói láo  
Và thực hành khổ hạnh.

Phật hỏi khi thực hành  
Con đường đưa đến đấy  
Tự ngã là toàn vui  
Hay khổ vui xen lẫn?

- Thưa có vui có khổ.  
"Vậy phải chằng đạo lộ  
Để chúng cỡi toàn vui  
Là khổ vui xen lẫn?"

Ưu-đà-di thừa nhận  
Thuyết của đạo sư mình  
Có chỗ không hợp lý  
Rồi xin Phật chỉ dạy.

Phật dạy: "Quả thực có  
Một thế giới toàn vui  
Và đạo lộ hợp lý  
Chúng đấng thế giới này:

Ly dục ly bất thiện  
Chứng trú thiền thứ nhất  
Cho đến thiền thứ ba  
Chỉ còn thuần lạc thọ.

Nhưng đây mới chỉ là  
Một đạo lộ hợp lý  
Đưa đến sự chứng đắc  
Một thế giới toàn vui."

- Vậy phải đến mức nào  
Mới gọi là toàn vui?  
"Phải đến thiền thứ tư  
Cùng chư thiên trò chuyện."

- Có phải đây mục đích  
Tỳ kheo tu phạm hạnh?  
"Không phải chỉ vì vậy,  
Mà vì chuyện cao hơn.

Như chứng túc mạng trí  
Sinh tử trí, lậu tận  
Như thật biết khổ, tập  
Và diệt, đạo - bốn đề

Đạt đến tâm giải thoát  
Khởi dục, hữu, vô minh  
Mong chúng các pháp này  
Tỳ kheo tu phạm hạnh"

Ưu-đà-di hoan hỉ  
Khen Phật, xin quy y  
Xin xuất gia thọ giới  
Nhưng đồ chúng phản đối

Nói rằng đã làm thầy  
Nay trở thành đệ tử  
Như ghè nước lúng lổ  
Còn ra thể thống gì.



## Kinh số 80

# Vekhanassa

### I. TOÁT YẾU

*Vekhanassa Sutta - To Vekhanassa.*

*A discourse partly similar to the preceding one, with an additional section on sensual pleasure.*

**Giảng cho Vekhanassa.**

*Một bài kinh có phần tương tự kinh trước, thêm đoạn nói về dục lạc.*

### II. TÓM TẮT

Du sĩ Vekhanassa đi đến Phật, sau khi chào hỏi [1], ông thốt lên lời cảm hứng: Sắc này là tối thượng. Phật hỏi, và cuộc đối đáp cũng y như kinh trước về quang sắc của ngọc lưu ly so sánh với ánh sáng của các chư thiên mà quang sắc còn sáng hơn mặt trời mặt trăng. Kế tiếp Phật dạy về 5 dục trường dưỡng [2]: các sắc, thanh, hương, vị, xúc, dễ chịu, hấp dẫn. Do dục có dục lạc; do lạc có tối thượng lạc; lạc như vậy được gọi là tối thượng [3].

Câu này làm cho Vekhanassa hoan hỷ, nhưng Phật dạy khó cho ông có thể hiểu được về dục, dục lạc hay dục tối thượng lạc. Vì ông thuộc mục đích khác, tu tập khác, đạo sư khác. Chỉ có bậc A-la-hán đã giải thoát mới biết được 3 điều ấy.

Khi nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa phẫn nộ mắng nhiếc: Sa môn Gotama sẽ bị đọa lạc. Rồi ông nói thêm: Có người không biết quá khứ vị lai lại tự cho đã biết và tuyên

bố sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, thì đấy chỉ là lời dối trá.

Phật xác nhận ông nói đúng [4], nhưng hãy gác qua chuyện ấy, người có trí không hư ngụy hãy đến nghe pháp và thực hành theo, thì không bao lâu sẽ tự chứng biết mình đã giải thoát khỏi vô minh trói buộc. Như đứa trẻ bị trói bằng năm sợi dây trói [5], khi nó trưởng thành, các sợi dây trói rơi rụng, nó tự biết đã giải thoát.

Du sĩ Vekhanassa xin Phật nhận ông làm đệ tử.

### III. CHÚ GIẢI

1. Theo kinh, ông này là thầy của Sakuludayi.

2. Mặc dù là một du sĩ, ông rất đam mê dục lạc. Phật giảng kinh này để làm cho ông nhận ra sự quan tâm sâu đậm của ông đối với các dục; và như vậy kinh này sẽ lợi lạc cho ông.

3. Trong nguyên ngữ Pali, câu này mang hình thức một ẩn ngữ. Luận giải thích rằng lạc thù thắng hơn dục lạc chính là Niết-bàn.

4. Phật bỏ qua lời nói móc của du sĩ, mà xác nhận ai chưa chứng tự cho đã chứng thì quả là nói láo.

5. Ẩm chi sự trói buộc của ngũ dục. Người còn bị chúng trói buộc thì cũng như đứa trẻ chưa trưởng thành.

### IV. PHÁP SỐ

*5 dục tăng trưởng, 3 pháp về dục (dục, dục lạc, dục tối thượng lạc).*

## V. KÊ TỤNG

Du sĩ Ve-kha-nassa  
Đi đến thăm Thế Tôn  
Chào hỏi rồi thốt lên  
Sắc này là tối thượng

Phật đưa ra hình ảnh  
Từ quang sắc đom đóm  
Đến quang sắc chư thiên  
Chói chang hơn mặt trời

Có gì là tối thượng  
Ánh sáng ngọc lưu ly  
Khi nó còn kém xa  
Một con sâu đom đóm.

Rồi Ngài dạy năm dục  
Sắc, thanh, hương, vị, xúc  
Dễ chịu và hấp dẫn  
Từ dục có dục lạc.

Chính từ dục lạc này  
Có dục tối thượng lạc.  
Du sĩ rất hoan hỷ  
Khen Phật khéo trình bày.

Phật dạy khó cho ông  
Để hiểu được về dục  
Dục lạc, tối thượng lạc  
Vì ông theo đường khác.



Chỉ bậc A-la-hán  
Hiểu thấu 3 điều này.  
Du sĩ giận mắng nhiếc  
Sa môn sẽ bị đọa

Có người không biết gì  
Về quá khứ vị lai  
Lại đối xứng đã biết  
Sanh tận, phạm hạnh thành.

Ai chưa chứng nói chứng  
Đấy là lời hư ngụy.  
Nhưng người trí không dối  
Hãy đến nghe, thực hành

Để tự mình chứng biết  
Đã thoát khỏi trói buộc  
Sự trói buộc chính thức  
Là si ám vô minh.

Như đứa trẻ bị buộc  
Bằng năm sợi dây trói  
Khi nó đã trưởng thành  
Tự biết mình giải thoát.

Du sĩ Ve-kha-nassa  
Nghe những lời Phật giảng  
Nguyện cho đến mạng chung  
Xin trọn đời quy ngưỡng.



## Kinh số 81

# Ghatikāra

### I. TOÁT YẾU

*Ghatikāra Sutta - Ghatikāra the Potter.*

*The Buddha recounts the story of the chief lay supporter of the past Buddha Kassapa.*

*Thợ gốm Ghatikāra.*

*Phật thuật câu chuyện về người cư sĩ ngoại hộ chính thức của Phật Ca-diếp thời quá khứ.*

### II. TÓM TẮT

Đang du hành ở Kosala, Phật mỉm cười nhớ lại đây là nơi phồn thịnh vào thời Phật Ca-diếp. Lúc ấy, Ngài là một thanh niên quý tộc tên Jotipala [1] chơi thân với một người thợ gốm. Một hôm thợ gốm rủ Jotipala đi nghe pháp, Jotipala không đi nói có ích gì để yết kiến sa môn trợ đầu [2]. Sau nhiều lần năn nỉ không được, thợ gốm nắm đầu tóc của Jotipala mà kéo đi [3]. Ngạc nhiên vì thái độ phạm thượng của người thợ gốm, Jotipala tò mò đi theo. Sau thời pháp, Jotipala hỏi bạn sao không xuất gia, thợ gốm bảo còn phải nuôi cha mẹ già mù. Jotipala xin xuất gia theo Phật và được thợ đại giới [4].

Nghe tin Phật đã đến Ba-la-nại, vua Kiki thỉnh Phật về thọ trai. Khi Phật dùng cơm xong, vua mời Phật đến an cư mùa mưa tại Ba-la-nại để vua được cúng dường. Phật từ chối vì đã nhận sự cúng dường của thí chủ khác. Vua Kiki thất vọng buồn rầu hỏi Phật, ai là người ngoại hộ may mắn hơn vua như thế. Phật cho biết đó là thợ gốm, và kể ra những đức tính của thợ gốm cho vua nghe:

1. Không có phiền não như vua nếu bị từ chối.
2. Đã quy y Tam bảo thọ trì năm giới.
3. Có lòng tin bất thoái đối với Phật pháp, không còn hoài nghi về khổ, tập, diệt, đạo.
4. Ăn ngày một bữa, sống phạm hạnh, theo thiện pháp, từ bỏ vàng bạc, không đào cuốc đất đai.
5. Nuôi cha mẹ già mù với nghề nắn đồ gốm bằng đất lở nơi bờ đê, không mua bán [5] mà chỉ đổi lấy gạo.
6. Thọ gốm đã đắc quả Bất hoàn, sẽ hóa sinh và nhập Niết-bàn không còn trở lui đời này.

Phật kể lại cho vua nghe chuyện một lần Ngài đã đến nhà thợ gốm, trút hết phần cơm của ông. Khi thợ gốm trở về nghe cơm của mình đã được Phật dùng, thợ gốm và cha mẹ hoan hỷ cho đến 7 ngày liền. Một lần khác Ngài sai đệ tử đến trút hết mái tranh về sửa am thất. Khi về biết chuyện, thợ gốm vui mừng suốt nửa tháng, và trong ba tháng mùa mưa ấy, cái chòi của người thợ gốm không bị mưa dột, nắng chói mặc dù không còn mái tranh. Nghe xong vua cho chở nhiều xe thực phẩm đến tặng thợ gốm [6].

Phật dạy Jotipala chính là tiền thân của Ngài.

### III. CHÚ GIẢI

1. Ở đoạn cuối kinh này, Phật cho biết Jotipāla thời ấy chính là Ngài. Trong kinh Tiểu bộ, vị trời Thọ Gốm đến thăm Phật và nhắc lại tình bạn cũ với Ngài.

2. Đây có vẻ là một từ ngữ bồi bác mà các gia chủ bà-la-môn thường dùng để ám chỉ các vị xuất gia trọn đời, trái ngược với lý tưởng của họ là nối dõi tông đường.

3. Ở Đông phương, một người thuộc giai cấp dưới mà sỡ đầu người thuộc giai cấp trên là điều tối kỵ. Kinh số giải

thích, thợ gốm sẵn sàng đánh liều vi phạm quy luật để làm cho thanh niên Jotipala phải đến gặp Phật.

4. Theo kinh số, bồ-tát xuất gia theo Phật giữ giới thanh tịnh, học giáo lý, thực hành thiền định và tu tập tuệ quán cho đến khi đạt được trí thuận thứ, *anulomanāna*. Nhưng họ không nỗ lực đạt đến đạo và quả, vì làm vậy thì sự nghiệp bồ-tát của họ sẽ chấm dứt.

5. Một người còn tại gia như thợ gốm mà giữ giới như vậy thì không khác gì một tỳ kheo. Theo kinh số, thợ gốm không bán sản phẩm mà chỉ trao đổi với láng giềng.

6. Theo kinh số, do thiếu dục thợ gốm đã từ chối. Anh nhận ra rằng sở dĩ vua gởi thực phẩm đến vì đã nghe Phật ca tụng đức hạnh của mình, nhưng anh nghĩ: ta không cần thực phẩm này. Với những gì ta kiếm được bằng công việc của mình, ta cũng đủ nuôi cha mẹ và cúng dường.

#### IV. PHÁP SỐ

*3 ngôi báu, 4 sự thật, 5 giới tại gia.*

#### V. KÊ TỤNG

Tại xứ Kosala  
Trong khi đang du hành  
Phật mỉm cười nhớ lại  
Nơi này xưa phồn vinh

Vào thời Phật Ca-diếp  
Một thanh niên quý tộc  
Tên Jo-ti-pa-la  
Kết giao cùng thợ gốm.

Thọ gồm là phật tử  
Nên rủ bạn đi chùa  
Nhưng thanh niên từ chối  
Ích chi gặp trọc đầu

Sau nhiều lần năn nỉ  
Thanh niên không chịu đi  
Thọ gồm nắm tóc bạn  
Buộc phải cùng theo đi.

Thái độ chưa từng có  
Của người bạn nghèo hèn  
Khiến thanh niên quý tộc  
Tò mò đi thử xem.

Sau khi nghe thuyết pháp  
Chàng thanh niên hỏi bạn  
Sao anh không xuất gia  
Nuôi cha mẹ mù già.

Thanh niên xin xuất gia  
Và được thọ đại giới.  
Phật đến Ba-la-nại  
Vua thỉnh Phật thọ trai

Vua mời Phật an cư  
Ở thành Ba-la-nại  
Để vua được cúng dường  
Phật Ca-diếp từ chối

Vi Ngài có thí chủ  
Vua buồn rầu thất vọng  
Muốn biết thí chủ nào  
Được may mắn hơn vua

Phật nói về thợ gốm  
Và đức tính của ông:  
Không phiền não như vua  
Nếu bị Ngài từ chối.

Thợ tri năm cấm giới  
Có lòng tin bất thối  
Đối với Phật Pháp Tăng  
Hết hoài nghi về Pháp

Thợ gốm ăn một bữa  
Sống đúng theo chính pháp  
Từ bỏ vàng và bạc,  
Không đào cuốc đất đai.

Với nghề nắn đồ gốm  
Bằng đất lở bờ đê  
Thợ gốm đổi lấy gạo  
Nuôi cha mẹ già mù

Thợ gốm đắc Bất hoàn  
Khi chết sẽ hóa sinh  
Tại đây nhập Niết-bàn  
Một đi không trở lại.

Phật Ca-diếp lại kể  
Có lần đến nhất thực  
Ngài lấy hết phân cơm  
Để dành cho thợ gốm

Khi thợ gốm trở về  
Nghe Phật đến lấy cơm  
Thợ gốm và cha mẹ  
Bảy ngày vui dầm dề

Ngài lại sai đệ tử  
Đến chòi của thợ gốm  
Rút hết mái tranh che  
Để về sửa am thất

Khi trở về biết chuyện,  
Thợ gốm vui dào dạt  
Ròng rã hai tuần liền  
Tâm ông tràn hỉ lạc.

Suốt ba tháng mùa mưa  
Cái chòi ông trú ngụ  
Không mưa dột, nắng hanh  
Mặc dù không còn tranh.

Vua Ki-ki nghe qua  
Cho chở nhiều thực phẩm  
Đến nơi nhà thợ gốm  
Tặng phẩm của nhà vua.

Và Phật bảo A-nan  
Thanh niên quý tộc kia  
Bạn của người thợ gốm  
Chính là tiền thân Ngài.





## Kinh số 82

# Ratthapāla

### I. TOÁT YẾU

#### *Ratthapāla Sutta - On Ratthapāla.*

*The story of a young man who goes forth into homelessness against the wishes of his parents and later returns to visit them.*

#### *Về Ratthapāla.*

*Chuyện về một thanh niên cưỡng lại ước muốn của cha mẹ mà đi tu, và sau trở về thăm cha mẹ.*

### II. TÓM TẮT

Khi Phật đến thuyết pháp tại thị trấn Thullakotthita, thanh niên con nhà giàu nên Ratthapāla xin cha mẹ theo Phật xuất gia. Cha mẹ không cho, Ratthapāla bèn tuyệt thực gần chết nên cha mẹ buộc lòng cho phép. Ratthapāla được xuất gia, thọ đại giới [1]. Chẳng bao lâu ông chứng quả A-la-hán [2]. Sau khi chứng quả, tôn giả Ratthapāla xin Phật về nhà thăm cha mẹ.

Khi về đến làng cũ, Ratthapāla tuần tự khát thực đến nhà cha mẹ. Người cha không nhận ra nên mắng nhiếc xua đuổi, nghi chính những người này đã khiến con mình bỏ nhà ra đi. Khi tôn giả bỏ đi, trông thấy người tở gái đem cháo thiêu [3] đi đổ, ông bảo hãy trút vào bát của mình. Nữ tỳ đến gần để trút cháo, nhận ra tiểu chủ bèn vào báo tin. Ông bà chạy ra, bảo: "Ồ con, có chứ [4] ... sao ngồi đấy ăn cháo thiêu mà không đi vào nhà của con?" Tôn giả nói ông không có nhà, ông có đến khát thực song chỉ nhận được những lời mắng nhiếc. Rồi ông nhận lời cha mẹ hôm sau đến dùng cơm.

Người cha sửa soạn đón tôn giả, cho chất vàng bạc của cải thành đống, lấy màn che lại; và bảo các bà vợ cũ của tôn giả trang sức lộng lẫy để đón tiếp. Khi tôn giả vào nhà, ông chỉ đống vàng mà khuyên tôn giả hãy hoàn tục tu tại gia, làm phước bố thí. Tôn giả khuyên hãy đổ tất cả xuống sông, vì đấy là nguồn gốc của sâu bi khổ não cho gia chủ. Kế đến, các bà vợ đi ra ôm chân tôn giả mà hỏi có phải vì mê thiên nữ nên đi tu để được lên đấy. Tôn giả bảo thưa bà chị, không phải vì mục đích sanh thiên mà bần tăng xuất gia tu phạm hạnh. Khi ấy các bà vợ cũ lẫn lóc nói chồng bây giờ lại gọi mình bằng bà chị. Tôn giả bảo gia chủ muốn bố thí đồ ăn thì hãy dọn ra, chớ có phiền nhiễu ngài. Người cha mời tôn giả ăn.

Ăn xong tôn giả đọc một bài kệ nói đến tính dơ uế, khổ, vô thường của thân xác nhưng lại được tô điểm [5] để lừa bịp kẻ ngu. Rồi ngài đi vào rừng của vua để nghỉ trưa. Vua Koravya nghe tôn giả [6] trở về bèn cho thặng cỗ xe đến thăm. Khi gặp tôn giả, vua hỏi người đời vì bốn sự suy vong mà đi tu, là lão suy, bệnh suy, tài suy, thân suy. Nay tôn giả không có bốn cái suy ấy thì có gì xuất gia. Tôn giả đáp vì bốn điểm thuyết giáo của đức Thế Tôn:

1. Thế giới vô thường, đi đến hủy diệt [7],
2. Vô hộ vô chủ [8],
3. Vô sở hữu [9],
4. Luôn luôn thiếu thốn khát khao [10].

Vua rất hoan hỉ với lời giải thích của tôn giả.

### III. CHÚ GIẢI

1. Phạt công bố vị này là bậc nhất trong những vị xuất gia với lòng tin, vì ông đã sẵn sàng liều chết để được cha mẹ cho phép đi tu. Có những vần thơ của ông trong Trưởng lão kệ 769-93.

2. Mặc dù kinh nói "Chẳng bao lâu" nhưng theo Kinh số, Lại Tra Hòa La phải mất 12 năm mới đắc quả A-la-hán. Điều này có vẻ đúng khi ta xét sự kiện rằng thân phụ không nhận ra ông khi ông vừa trở về.

3. *ābhidosikam kummāsam*, Ñāṇamoli dịch *kummāsam* là bánh mì, nhưng ở đây rõ ràng nó có chỉ một thức ăn thuộc chất lỏng. Theo Kinh số, thức ăn này làm bằng lúa mạch.

4. Người cha muốn nói: Này con thân yêu, chúng ta có tài sản, không phải là những kẻ bần cùng; vậy mà con lại ngồi ăn cháo thiu tại đây một nơi như thế này. Tuy nhiên vì quá đau buồn ông ta không thể nói hết câu.

5. Bài kệ rõ ràng ám chỉ những bà vợ cũ trang sức xinh đẹp để dụ tôn giả hoàn tục. Một điều lạ là trước khi ông xuất gia, kinh không nói gì đến những bà vợ.

6. *Kinh số*: Nhắc đến tôn giả, vua thường ca tụng ngài với đình thần rằng, thanh niên ấy đã làm việc khó làm, là từ bỏ một tài sản lớn mà ra đi, không ngoái lui cũng không nhìn hai bên.

7. *upanīyati loko addhuvo*. Kinh số: Thế giới bị cuốn phăng về hướng già chết.

8. *attāno loko anabhissaro*. Kinh số: không ai có thể cho nó một chỗ trú hay an ủi nó với một chỗ ẩn nấp. Lời này dĩ nhiên không phủ nhận một chỗ nương tựa thoát khỏi thế tục, tức là cái mà diệu pháp đem lại.

9. *assako loko sabbam pahāya gamaniyam*. Không có gì của mình, phải từ bỏ tất cả để đi tới.

10. *uno loko atitto tanhādāso*.

#### IV. PHÁP SỐ

*Bốn sự suy vong: thân suy, tài suy, lão suy, bệnh suy;*

*Bốn điểm thuyết giáo: vô thường, vô ngã, khổ và không.*

*Năm dục tăng trưởng.*

## V. KÊ TỤNG

Thanh niên con nhà giàu  
Tên Rat-tha-pā-la  
Xin theo Phật xuất gia  
Cha mẹ không cho phép.

Chàng thanh niên tuyệt thực  
Với ý định thiết tha  
Sẽ chết hoặc xuất gia  
Cha mẹ đành đồng ý.

Xuất gia thọ đại giới  
Chẳng bao lâu chứng quả  
Thành vị A-la-hán  
Ông xin về thăm nhà.

Khi trở về làng cũ  
Tuần tự đi khất thực  
Ông đến nhà cha mẹ  
Người cha không nhận ra

Bị mắng nhiếc xua đuổi  
Tôn giả bèn bỏ đi  
Lại gặp người nữ tì  
Đem cháo thiu đi đổ.

Hãy trút bỏ cháo ấy  
Vào bát của bản tăng  
Khi nữ tì tiến lại  
Liên nhận ra chủ nhân.

Nghe nữ tỳ hô hoán  
Ông bà vội chạy ra  
- Ô con, nhà con đấy  
Tại sao không vào nhà?

"Bần tăng không nhà cửa  
Có đến để xin ăn  
Nhưng không được đồ ăn  
Chỉ được lời nguyên rủa."

Cha mẹ mời tôn giả  
Hôm sau đến dùng cơm  
Và trở vào chuẩn bị  
Dụ con về cố hương.

Ông chất vàng thành đống  
Che khuất sau tấm màn  
Và bảo các con dâu  
Trang sức để đón chàng.

Khi tôn giả vào nhà  
Người cha khuyên hoàn tục  
- Tất cả tài sản này  
Tha hồ con làm phúc

"Nếu gia chủ cho tôi  
Hãy đồ xuống sống Hằng  
Vi đây là nguồn gốc  
Của sâu khổ đau thương"

Các bà vợ bước ra  
Khóc ôm chân tôn giả  
- Phải chăng vì thiên nữ  
Mà chàng bỏ đi tu.

"Thưa này các bà chị  
Bần tăng đi xuất gia  
Không phải vì mục đích  
Được tái sinh thiên giới."

Các bà vợ lăn khóc  
- Ôi giời, làng nước ơi  
Chồng chúng ta dở hơi  
Gọi chúng ta bằng chị.

Tôn giả thưa cha mẹ:  
"Thưa gia chủ nếu muốn  
Hãy bố thí đồ ăn  
Chớ phiền nhiễu bần tăng."

Sau khi đã ăn xong  
Tôn giả đọc bài kệ  
Nói thực chất thân xác  
Bất tịnh, khổ, vô thường

Dù điểm phấn tô son  
Chỉ kẻ ngu sa lưới.  
Rồi ngài đi vào rừng  
Vừa khi vua đi tới.

Vua đến gặp tôn giả  
Và nói: - Người ở đời  
Thường từ bỏ thế tục  
Vì bốn sự suy vong:

Có người vì già yếu  
Có kẻ lẩm bệnh tật  
Người vì hết tiền bạc  
Kẻ vì mất người thân.

Lão, bệnh, tài, thân suy  
Cả bốn thứ suy vong  
Nơi tôn giả đều không  
Cớ gì bỏ thế tục?

"Tôi từ bỏ thế tục  
Vì bốn điểm thuyết giáo  
Của đấng đại đạo sư  
Mà tôi thấy chân thực.

Một, thế gian vô thường  
Hai, vô hộ vô chủ  
Ba là vô sở hữu,  
Bốn thiếu thốn khát khao

Thân này là *vô thường*  
Đang đi đến hủy diệt  
Khi thấy biết như vậy  
Từ bỏ không vấn vương

Khi thân bị bệnh khổ  
Có tài sản, huyết thống  
Cũng không bớt đốn đau:  
Thân *vô hộ vô chủ*.

Dù tiền của đầy đây  
Chết đâu mang theo được  
Ra đi bàn tay trắng  
*Vô sở hữu*, thân này.

Người ở địa vị nào  
Cũng nô lệ tham ái  
Luôn thiếu thốn khát khao  
Vì lòng tham không đáy.

Thực chứng lời Phật dạy  
Thấy nguy dục tăng trưởng  
Tôi xuất gia tu hành  
Hạnh sa môn tối thượng."

Nghe bốn điểm thuyết giáo  
Của bậc thầy trời, người  
Được tôn giả triển khai  
Vua vô cùng hoan hỉ.





## Kinh số 83

# Makhādeva

### I. TOÁT YẾU

#### **Makhādeva Sutta - King Makhādeva.**

*The story of an ancient lineage of kings and how their virtuous tradition was broken due to negligence.*

#### **Vua Makhādeva.**

*Chuyện về một dòng vua ngày xưa, truyền thống tu hành của họ đã do phóng dật mà bị gián đoạn như thế nào.*

### II. TÓM TẮT

Khi đến Mithila [1], Phật kể lại cho A-nan xưa kia đây là lãnh thổ của vua Makhādeva [2]. Vua trị vì đúng pháp, sống an lập trong chính pháp [3], giữ trai giới vào các ngày bố-tát [4]. Sau nhiều trăm ngàn năm, vua dạn thợ cạo khi thấy tóc bạc xuất hiện trên đầu [5] thì báo cho vua biết. Vua nhường ngôi cho con để xuất gia, dặn con trai phải trị vì đúng pháp, và khi thấy tóc bạc xuất hiện, nên biết đó là thiên sứ [6] báo hiệu sắp lên trời để hưởng thiên lạc. Khi ấy hãy trao lại ngai vàng cho con để xuất gia tu tập bốn phạm trú, mạng chung sinh lên Phạm thiên giới. Truyền thống này trải qua nhiều đời không gián đoạn cho đến đời vua Nemi.

Vua này, sau khi được chư thiên cõi trời 33 mời cõi thiên xa theo Matāli đi thăm hai con đường [7] quả báo thiên ác, trở về cũng trao ngai vàng và dặn lại con trai, rồi xuất gia tu tập bốn phạm trú. Sau khi chết vua được sinh vào cõi Phạm thiên như các vua đời trước mình. Nhưng con của

vua Nemi không theo lời vua cha dặn, đã cắt đứt truyền thống tốt đẹp ấy.

Phật dạy, vua Makhādeva thời ấy chính là Như Lai bây giờ. Ngài đã lập truyền thống ấy, nhưng nó không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Bây giờ Ngài thiết lập một truyền thống tốt đẹp hơn, đưa đến yếm ly, giác ngộ, Niết-bàn, ấy là thánh đạo tám ngành: chánh tri kiến cho đến chánh định. Phật dạy các tỳ kheo hãy tiếp tục duy trì, chớ làm cho mình trở thành người tối hậu [8], nghĩa là người làm đứt đoạn truyền thống ấy.

### III. CHÚ GIẢI

1. Xem truyện Bản Sinh số 9 và 54. Vua Makhādeva và vua Mithila đều là tiền thân của Phật Thích Ca.

2. Rừng này trước kia do Makhādeva trồng nên vẫn còn mang tên ông.

3. Luận: Vị ấy được an lập trong 10 thiện hành.

4. Lễ Bố-tát là ngày trai giới của xứ Ấn độ xưa, về sau Phật giáo cũng áp dụng.

5. Theo vũ trụ quan Phật giáo, thọ mạng con người thay đổi từ tối thiểu là 10 năm cho đến 10.000 năm. Makhādeva sống vào thời mà con người có thọ mạng dài nhất.

6. Về các thiên sứ, hay những điềm báo già bệnh chết, xem kinh 130.

7. Mātali dẫn ông đi qua các địa ngục, rồi quay lui đưa ông đến các cõi trời.

8. Kinh số: Sự thực hành diệu pháp bị phá hủy bởi một tỳ kheo có giới khi vị ấy nghĩ mình không thể đắc quả A-

la-hán, và do đó không nỗ lực. Sự thực hành ấy đang được tiếp tục bởi bậc hữu học, và đã được tiếp tục bởi vị A-la-hán.

#### IV. PHÁP SỐ

*4 phạm trú, thánh đạo 8 ngành, 10 thiện nghiệp.*

#### V. KỆ TỤNG

Khi đến Mi-thi-la,  
Phật bảo thầy A-nan  
Xưa đây là lãnh thổ  
Vua Ma-kha-de-va.

Vua trị vì đúng pháp  
Sống đúng theo chánh pháp  
Trai giới ngày bố-tát  
Sống lâu nhiều ngàn năm

Vua dặn người thợ cạo  
Khi nào thấy trên đầu  
Tóc bạc đã xuất hiện  
Hãy báo cho vua biết.

Khi tóc bạc xuất hiện  
Vua nhường ngôi cho con  
Xuất gia tu phạm trú  
Dặn trị vì đúng pháp.

Và hãy làm như cha  
Khi tóc bắt đầu bạc  
Nên biết là thiên sứ  
Báo về hưởng thiên lạc.

Hãy trao lại ngai vàng  
Và xuất gia tu tập  
Chớ để truyền thống này  
Gián đoạn do phóng dật.

Trải qua nhiều đời vua  
Truyền thống ấy tiếp tục  
Đến đời vua Nemi  
Cũng làm như vua trước.

Ông trao lại ngai vàng  
Và dặn dò con trai  
Rồi xuất gia tu tập  
Chết sinh Phạm thiên giới.

Nhưng con vua Ne-mi  
Không theo lời cha dặn  
Dứt truyền thống tốt đẹp  
Sống phóng dật đến cùng.

Và Phật bảo A-nan:  
Vua Ma-kha-de-va  
Chính là tiên thân ta  
Thiết lập truyền thống ấy.

Dù nó rất tốt đẹp  
Không đưa đến yếm ly  
Ly tham và đoạn diệt  
Đến giác ngộ Niết-bàn.

Nay ta lập truyền thống  
Vô vàn tốt đẹp hơn  
Là thánh đạo tám ngành  
Đến ly tham, giác ngộ.

Hãy tiếp tục duy trì  
Chớ thành người tối hậu,  
Nghĩa là người đoạn dứt  
Truyền thống tối thượng này.



## Kinh số 84

# Madhurā

### I. TOÁT YẾU

#### *Madhurā Sutta - At Madhurā.*

*The venerable Mahā Kaccāna examines the brahmin claim that brahmins are the highest caste.*

#### *Tại Madhurā.*

*Tôn giả Đại Ca-chiên-diên xét lại lời công bố của bà-la-môn rằng chỉ có giai cấp của họ là tối thượng.*

### II. TÓM TẮT

Vua xứ Madhura đi đến tôn giả Ca-chiên-diên đang ở rừng Gundā [1] hỏi Ngài có ý kiến gì về chủ trương của các bà-la-môn: chỉ có bà-la-môn là dòng giống tối thượng, các dòng giống khác đều hạ liệt. Chỉ có bà-la-môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sinh ra từ miệng Ngài. Tôn giả Ca-chiên-diên nói đây chỉ là âm thanh sông không có giá trị gì, và đưa ra các lý do:

1. Người thuộc bất cứ giai cấp nào [2] khi có nhiều tài sản, đều có thể thuê mướn người thuộc ba giai cấp kia hầu hạ.

2. Người thuộc cả 4 giai cấp nếu phạm vào mười bất thiện đều bị đọa không phân biệt: đồng đẳng trong sự thọ lãnh ác báo.

3. Người thuộc cả bốn giai cấp đều sinh thiên giới nếu thực hành mười lành, từ bỏ mười ác: đồng đẳng trong sự thọ hưởng quả báo của nghiệp lành.

4. Trên đời, bất cứ người thuộc giai cấp nào phạm tội đều bị phạt: bình đẳng trước pháp luật.

5. Bất cứ người thuộc giai cấp nào khi xuất gia nghiêm trì giới luật, đều được cung kính lễ bái và đều được gọi là sa môn không phân biệt giai cấp thế tục: bình đẳng trên phương diện giải thoát.

Vua Madhurā hoan hỷ với lời giải thích của tôn giả và xin quy y, nhưng tôn giả bảo vua hãy quy y Phật, mặc dù lúc ấy Phật đã nhập Niết-bàn.

### III. CHÚ GIẢI

1. Tôn giả Ca-chiên-diên được Phật xem là xuất sắc trong sự triển khai ý nghĩa một lời pháp vấn tắt. Kinh số 133 và 138 cũng do ngài diễn lời Phật dạy.

2. Từ đoạn kinh này, ta thấy mặc dù còn nặng tính phân biệt, hệ thống giai cấp ở Ấn lúc bấy giờ cũng còn khá linh động hơn hệ thống thế cấp được triển khai về sau.

### IV. PHÁP SỐ

*3 nghiệp, 4 giai cấp hay chủng tánh theo Bà-la-môn giáo. 4 vật dụng (ăn, mặc, ở, bệnh), 10 ác nghiệp, 10 thiện nghiệp.*

### V. KỆ TỤNG

Vua xứ Ma-dhu-ra  
Bạch ngài Ca-chiên-diên  
- Những người bà-la-môn  
Xem dòng khác hạ liệt.

Chỉ có bà-la-môn  
Mới thực là cao thượng  
Con chính thống của trời  
Sinh ra từ miệng Ngài.

Tôn giả nghi thế nào?  
"Đấy là âm thanh sông  
Không chút nào giá trị  
Vì những lý do sau:

Người thuộc giai cấp nào  
Khi có nhiều tài sản,  
Đều có thể thuê mướn  
Kẻ hầu từ mọi dòng.

Người thuộc mọi giai cấp  
Đều phải bị đọa lạc  
Khi phạm mười bất thiện:  
Đồng đảng thọ ác báo.

Người thuộc giai cấp nào  
Cũng được sinh thiên giới  
Nếu bỏ ác làm lành:  
Đồng đảng hưởng quả vui.

Người thuộc giai cấp nào  
Bất kể thấp hay cao  
Phạm tội đều bị phạt:  
Bình đẳng trước pháp luật

Người thuộc mọi giai cấp  
Khi từ bỏ gia đình  
Xuất gia trì giới luật  
Đều được người kính lễ



Đều được gọi sa môn  
Không kể dòng quý tiện  
Như trăm sông về biển:  
Bình đẳng trong giải thoát."

Vua vô cùng hoan hỷ  
Với lời giải thích này  
Xin quy y tôn giả  
"Vua hãy quy y Phật."

- Phật bây giờ ở đâu?  
"Ngài đã nhập Niết-bàn"  
- Con xin quy y Phật  
Đang an trú Niết-bàn.



## Kinh số 85

# Vương tử Bô-đề

### I. TOÁT YẾU

*Bodhirājakumāra Sutta - To Prince Bodhi.*

*The Buddha counters the claim that pleasure is to gained through pain with an account of his own quest for enlightenment.*

*Nói cho vương tử Bô-đề.*

*Phật bác lời tuyên bố rằng lạc có được nhờ khổ, bằng cách kể lại cuộc tâm cầu giác ngộ của chính Ngài.*

### II. TÓM TẮT

Để khánh thành tòa nhà mới, Vương tử Bô-đề [1] thỉnh Phật thọ trai. Ông trải một cuộn vải mới, thỉnh Phật dẫm lên cho ông được phước. Phật im lặng [2]. Khi vương tử thưa đến lần thứ ba, Phật nhìn tôn giả A-nan. Tôn giả thưa vương tử hãy dẹp tấm vải, vì đức Thế Tôn nghĩ đến những thế hệ mai sau [3]. Sau bữa ăn, Vương tử bạch Phật ông nghĩ rằng lạc có được là nhờ khổ [4].

Phật dạy lúc xưa khi mới xuất gia, Ngài cũng tưởng thế, nên đã theo hai vị thầy tu khổ hạnh, một người chứng Vô sở hữu xứ, một người chứng Phi tướng phi phi tướng xứ. Ngài nhanh chóng đạt đến các định chứng này, được thầy mời ở lại cùng lãnh đạo. Nhưng Ngài đã ra đi để tìm cái tối thượng. Khi đến bên sông Ni-liên-thiên Ngài dừng lại tìm một địa điểm khả ái để ngồi thiền.

Một ví dụ khởi lên cho Ngài lúc ấy là, khúc gỗ khi còn ngâm trong nước hoặc vừa vớt lên khỏi nước, dù cọ xát

cũng không thể bén lửa. Cũng vậy người không xả ly dục ái, thì dù thành linh cảm thọ khổ khốc liệt, cũng không thể chứng đắc.

Ngược lại, một khúc gỗ đã khô nhựa, đặt trên đất khô thì có thể bén lửa dễ dàng. Như người xả ly ái dục, nếu thành linh cảm thọ khổ hay không cảm thọ khổ, cũng có thể chứng đắc hỷ lạc thiên định.

Bởi vậy sau khi từ bỏ khổ hạnh như đã từ bỏ dục lạc trước đây, Ngài ngồi thiền và đắc đạo. Sau khi đắc đạo, Ngài nghĩ pháp này sâu kín vi diệu, thật khó cho thế gian đang chìm đắm trong dục lạc có thể hiểu thấu. Bởi thế Ngài định nhập Niết-bàn. Do Phạm thiên cầu thỉnh, Ngài ra thuyết pháp, đầu tiên giảng cho 5 đệ tử về bốn đế, thánh đạo tám ngành. Nghe xong 5 vị đắc lậu tận thành A-la-hán.

Vương tử Bồ-đề hỏi Phật thời gian cần thiết để tu đắc đạo. Phật hỏi lại Vương tử, nếu một người muốn học cỡi voi mà không có lòng tin, nhiều bệnh, gian trá, biếng nhác, u mê đần độn, thì có thể học được không? Vương tử trả lời chỉ cần có một trong năm thói ấy cũng không thể học, huống hồ đủ cả năm. Phật dạy cũng vậy vị tỳ kheo muốn tu chứng phải có 5 tinh cần chi:

1. Tin Phật;
2. Có sức khỏe, ít bệnh;
3. Trung thực không gian trá;
4. Siêng năng từ bỏ các bất thiện và tu tập thiện pháp;
5. Có trí tuệ và sự sinh diệt của các pháp.

Vị ấy có thể đắc lậu tận trong bảy năm. Cũng có thể là sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm, cho đến bảy tháng, sáu, năm, bốn, ba, hai, một, nửa tháng, cho đến bảy đêm ngày.

Lại có thể có người được giảng dạy buổi sáng thì buổi chiều đã chứng đắc.

Khi nghe vậy Vương tử Bồ-đề thốt lên "Ôi thật là Phật, Ôi thật là Pháp, Ôi thật là khéo thuyết." Thanh niên hầu cận vương tử hỏi sao ông không xin quy y. Vương tử Bồ-đề nói khi ông còn trong bụng mẹ, mẫu thân đã đến xin Phật quy y cho bào thai. Lần thứ hai ông được người vú ẵm đến Thế Tôn để xin quy y. Và nay là lần thứ ba, đối trước Phật, ông xin quy y, xin Thế Tôn nhận ông làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung ông trọn đời quy ngưỡng.

### III. CHÚ GIẢI

1. Vương tử Bồ-đề (*Bodhirājakumāra*) là con trai vua Udena xứ Kosambi; mẹ ông là con gái vua Candappajota xứ Avanti. Một phần kinh này cũng được tìm thấy trong luật tạng, duyên khởi chế ra giới luật nói trong ghi chú sau.

2. Theo kinh sớ, Vương tử Bồ-đề không con, mong muốn có một con trai. Ông nghe nói cúng Phật thì có thể thỏa mãn ước nguyện, nên trải một tấm vải trắng và nguyện: nếu Phật dẫm lên tấm vải, ta sẽ có con trai. Nếu Phật không dẫm lên tấm vải, ta sẽ không có con. Phật biết do ác nghiệp quá khứ, ông sẽ suốt đời không con, nên Ngài không bước lên trên tấm vải. Nhân đây Ngài chế học giới cấm tỳ kheo dẫm lên vải trắng. Về sau Ngài chế lại giới luật này, cho phép tỳ kheo dẫm lên vải khi cần chúc lành cho gia chủ.

3. Theo kinh sớ, tôn giả A-nan nói lời này vì nghĩ: trong tương lai người ta sẽ xem việc kính tăng như một đường lối để thỏa mãn các mong cầu thế tục của họ; và họ sẽ mất niềm tin ở tăng già nếu cung kính mà không được thành công như ý muốn.

4. Đây là giáo điều căn bản của Ni-kiến Tử, như trong kinh 14.

#### IV. PHÁP SỐ

*3 thọ, 4 đến, 4 thiên, 4 không, 5 tinh cần chi: lòng tin, ít bệnh, chân thật, siêng năng, có trí. Thánh đạo 8 ngành.*

#### V. KỆ TỤNG

Nhân Vương tử Bồ-đề  
Khánh thành tòa lâu đài  
Ông mời Phật thọ trai  
Lót đường bằng vải mới

- Thỉnh Phật dẫm lên vải  
Cho ông được phúc lành  
Nhưng Ngài đứng lặng thỉnh  
Không bước lên tấm vải

A-nan thừa vương tử  
- Hãy cuộn tấm vải này  
Thế Tôn không dẫm nó  
Vi thương tưởng hậu lai

Sau khi Phật thọ trai  
Do vương tử cúng dường  
Ông đến bên bạch Phật:  
- Có khổ mới được vui.

Phật dạy: Lúc xưa kia  
Như Lai cũng tưởng vậy  
Nên đã tu khổ hạnh  
Chứng Vô sở hữu xứ

Rồi chứng Phi phi tướng  
Ngang hàng hai bậc thầy  
Nhưng Ngài lại ra đi  
Để tìm cái tối thượng

Gặp địa điểm khả ái  
Bên bờ sông Ni liên  
Ngài khởi sự ngồi thiền  
Từ bỏ tu khổ hạnh

Một ví dụ khởi lên:  
Khúc gỗ còn ngâm nước  
Hoặc vừa mới vớt lên  
Không thể nào bén lửa

Cũng thế kẻ tu hành  
Nếu chưa xa lìa dục  
Dù có cảm thọ khổ  
Đạo quả cũng không thành.

Như khúc gỗ khô nhựa  
Sẽ bén lửa dễ dàng  
Người xả ly ái dục  
Đắc đạo không khó khăn.

Theo con đường Trung đạo  
Tránh xa hai cực đoan  
Ngài chứng đắc thiên lạc  
Do ly dục phát sinh.

Khi đã thành đạo quả  
Ngài thấy người đắm say  
Trong năm thứ đục lạt  
Khó hiểu được pháp này.

Nói pháp không ai hiểu  
Chỉ luống công nhọc sức  
Vớ ý nghĩ như vậy  
Phật toan nhập Niết-bàn

Phạm thiên cầu thỉnh Phật  
Chuyển tứ đế pháp luân  
Năm người nghe chứng quả  
Được pháp nhãn ly trần.

Vương tử Bồ-đề hỏi  
- Người muốn học pháp Ngài  
Cần thời gian bao lâu  
Để tu hành đắc đạo?

Phật hỏi lại Vương tử:  
"Như ông huấn luyện nài  
Nếu một người theo học  
Mà không tin tưởng thầy

Lại có nhiều bệnh tật  
Gian trá và biếng nhác  
Thêm u mê dần độn  
Thì có học được không?"

- Thưa không, bạch Thế Tôn  
Dù chỉ có một thói  
Cũng không thể học hỏi  
Huống hồ đủ cả năm.

"Cũng vậy, vị tỳ kheo  
Nếu không đủ năm đức  
Là năm tinh cần chi  
Thì không thể chứng đắc

Trước hết là lòng tin  
Sức khỏe và chân thật  
Siêng năng với thiện pháp  
Có trí về sinh diệt.

Đủ năm đức tính ấy  
Bảy năm tu viên thành  
Có thể thời gian tu  
Chỉ gồm trong bảy tháng

Có người tu nửa tháng  
Hoặc chỉ bảy ngày đêm  
Và lại cũng có em  
Sáng nghe chiều đã chứng.

Vương tử thốt lên lời  
- Ôi thật là đức Phật  
Ôi, Pháp thật khéo giảng.  
Con xin quy y Ngài.





## Kinh số 86

# Angulimāla

### I. TOÁT YẾU

#### *Angulimāla Sutta - On Angulimāla.*

*The story of how the Buddha subdued the notorious criminal Angulimāla and led him to the attainment of arahanship.*

#### *Về Chuỗi Ngón Tay.*

*Kể chuyện Phật hàng phục Chuỗi Ngón Tay, tên tội phạm nổi tiếng, và đưa ông ta đến chứng đắc A-la-hán quả.*

### II. TÓM TẮT

Trong lãnh thổ vua Ba-tư-nặc, có kẻ cướp giết người tên Chuỗi Ngón Tay (Angulimāla), vì ông đeo một chuỗi làm bằng ngón tay người [1]. Một hôm Phật đi trên con đường gặp Chuỗi Ngón Tay, mặc dù nhiều người can ngăn. Chuỗi Ngón Tay chạy theo bảo Ngài đứng lại, Ngài bảo: "Ta đã vĩnh viễn đứng lại, chỉ có người chưa đứng, vì người không thể tự kềm chế mình." Nghe lời ấy ông liền được cảm hóa, biết Phật đã vì ông mà vào rừng [2], và xin xuất gia. Phật dạy: "Lại đây, tỳ kheo [3]."

Sau khi xuất gia Chuỗi Ngón Tay tu khổ hạnh ăn ngày một bữa, tinh cần tinh tấn. Vua Ba-tư-nặc một hôm đến viếng Phật với nét mặt lo âu vì chưa giết được tên cướp giết người nổi tiếng. Khi biết Chuỗi Ngón Tay đã xuất gia theo Phật, vua vô cùng thán phục Phật vì đã nhiếp phục một người mà với khí giới và binh lính, vua đã không nhiếp phục được.

Tôn giả Chuỗi Ngón Tay đi khát thực gặp một sản phụ đẻ khó đang lăn lộn giữa đường. Quá thương tâm, tôn giả trở về bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, thật đau khổ thay các chúng sinh."

Phật bảo ông hãy đến gần sản phụ mà nói: "Từ khi cha mẹ sinh ra, tôi chưa hề cố ý giết hại mạng sống của chúng sinh, mong rằng với sự thật này, bà chị sinh nở an toàn." Tôn giả bạch Phật, nếu nói như vậy thì thật là cố ý nói láo, vì ông đã cố giết hại mạng sống rất nhiều chúng sinh rồi.

Phật dạy: Vậy ông hãy nói: "Từ khi được thánh sanh tôi chưa hề cố ý giết hại mạng sống ..." Tôn giả vâng lời, đến bên người sản phụ và nói: "Thưa chị, từ khi được thánh sanh tôi chưa hề cố ý giết hại mạng sống, mong với sự thật này chị sinh nở được an toàn [4]." Và quả nhiên, người sản phụ liền sinh nở được an toàn.

Tôn giả sống một mình, viễn ly, nhiệt tâm, không phóng dật, không bao lâu tự thân chứng đắc và an trú ngay hiện tại, mục đích của phạm hạnh. Vị ấy biết sanh đã tận phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa. Tôn giả thành một bậc A-la-hán. Một hôm, vào thành khát thực, tôn giả bị nhiều người ném đất, đá, sỏi, gậy gộc lên mình, lỗ đầu máu chảy, bát vỡ y rách. Tôn giả trở về bên Phật. Phật an ủi ông hãy kham nhẫn, vì ông đang gặt hái trong hiện tại, quả báo của nghiệp mà đáng lẽ ông phải chịu địa ngục nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm [5].

Trong khi sống độc cư tôn giả cảm thọ được giải thoát lạc và nói lên bài kệ [6]:

*Ai trước phóng dật sau không phóng dật  
Sáng chói đời này như trăng thoát mây  
Ai làm ác nghiệp, nhờ thiên ngăn lại*

*Sáng chói đời này như trăng thoát mây...*

*Ta tên Vô hại, trước ta sát hại [7]*

*Nay được chính danh, vì chẳng hại ai*

*Ta làm ác nghiệp đáng đọa cõi dữ*

*Quả trả xong rồi, không nợ ta ăn [8].*

### III. CHÚ GIẢI

1. Chuỗi Ngón Tay là con trai của bà-la-môn Bhaggava, một cận thần của vua Ba-tư-nặc, xứ Câu Tát La. Ông có tên là Vô Nãi nghĩa là người không làm hại. Ông học với một vị thầy ở thành phố Takkasila, trở thành một học trò được thầy yêu chuộng. Các bạn bè do ganh tị, đã thưa với vị thầy rằng Vô Nãi ngoại tình với vợ thầy. Vị thầy cố hại Vô Nãi bằng cách ra lệnh cho ông đem về cho mình một ngàn ngón tay phải của người bị giết để làm lễ mãn khóa. Vô Nãi đến khu rừng Jàlini, tấn công những người đi đường, cắt mỗi người một ngón tay xâu thành chuỗi đeo cổ. Kinh này mở đầu vào lúc ông ta đã giết gần đủ ngàn người chỉ thiếu một, và quyết định sẽ giết người mình sắp gặp. Phật biết Vô Nãi sắp giết mẹ, và quán ông đủ duyên để chứng quả A-la-hán, nên Ngài đã xen vào trước khi bà mẹ đến.

2. Theo Kinh sớ, Vô Nãi nhận ra vị Tỳ kheo trước mặt ông chính là Phật, và Ngài đã đến khu rừng cốt để cải hóa ông.

3. Theo Kinh sớ, do công đức nhiều đời trước, Vô Nãi được y bát do thân lực Phật biến hóa, vừa khi Ngài thốt lên: "Lại đây, Tỳ kheo."

4. Ngay cả ngày nay, câu này cũng thường được các tỳ kheo tụng đọc như một thần chú hộ mạng cho các sản phụ gần đến kỳ sinh nở.

5. *Kinh số* nói một hành vi cố ý, hay nghiệp, có thể đem lại ba loại quả báo: *hiện báo* hay quả báo được cảm thọ ngay hiện tại, trong đời sống mà hành vi ấy được làm; *sinh báo* là quả báo cảm thọ trong hiện hữu kế tiếp; và *hậu báo* là quả báo được cảm thọ trong bất cứ đời sống nào về sau, khi dòng sinh tử còn tiếp tục. Vì đã đắc quả A-la-hán, Chuỗi Ngón Tay giải thoát hai loại quả báo sau, nhưng không thoát khỏi quả báo đầu, vì A-la-hán cũng phải chịu những quả báo của ác nghiệp trong đời hiện tại sau khi chứng quả.

6. Những bài kệ tiếp theo cũng xuất hiện trong kinh Pháp cú. Những bài kệ của Chuỗi Ngón Tay được tìm thấy trong Trưởng Lão Kệ 866-91.

7. Mặc dù *Kinh số* Trung Bộ nói Chuỗi Ngón Tay có tên là Vô Nãi, Luận Trưởng Lão Kệ lại nói ông vốn tên là Nãi Hại.

8. Trong khi tỳ kheo trì giới mà chưa chứng quả A-la-hán ăn đồ khát thực như thừa hưởng gia tài của Phật, vị A-la-hán ăn không nợ nần, vì đã tự làm cho mình hoàn toàn xứng đáng nhận của cúng dường. Xem Thanh tịnh đạo 1.

#### IV. PHÁP SỐ

*4 sự cúng dường, 10 thiện nghiệp.*

#### V. KỆ TỤNG

Xứ vua Ba-tư-nặc  
Có kẻ cướp giết người  
Mệnh danh Chuỗi Ngón Tay  
Vì đeo râu chuỗi ấy

Phật đi trên con đường  
Đến sào huyệt tên cướp  
Nhiều người theo can Ngài  
Phật ung dung tiến bước.

Tên cướp đuổi theo Ngài  
Nhưng chạy hết tốc lực  
Không đuổi kịp, cướp hô:  
- Sa môn kia, đứng lại.

Phật ôn tồn dạy bảo:  
"Ta đã đứng từ lâu  
Chỉ có người chưa dừng  
Vì không tự kềm chế."

Năng lực đấng từ bi  
Cảm hóa ngay tên cướp  
Ăng-gu-li-ma-la  
Xin theo Phật xuất gia.

"Lại đây, hỡi tỳ kheo"  
Phật vừa thốt nên lời  
Y bát liền đây đủ  
Do thần lực biến ra.

Sau khi được xuất gia  
Chuỗi Ngón Tay khổ hạnh  
Ăn một bữa, tinh cần  
Trong giáo pháp bậc thánh.

Quốc vương Ba-tư-nặc  
Một hôm viếng Thế Tôn  
Với nét mặt lo buồn  
Chưa trừ được tên cướp

Khi biết Chuỗi Ngón Tay  
Đã xuất gia đầu Phật  
Vua vô cùng thán phục  
Đức nhiếp hóa của Ngài.

Tỳ kheo Chuỗi Ngón Tay  
Khất thực thấy sản phụ  
Lăn lộn ở bên đường  
Tôn giả kêu khổ thay

Và lui về bạch Phật:  
- Khổ thay các chúng sinh.  
"Này người Chuỗi Ngón Tay  
Hãy đến gần sản phụ

Hãy thốt lên lời này:  
"Từ khi cha mẹ sinh  
Tôi chưa hề cố ý  
Hại mạng sống chúng sinh

Mong nhờ sự thật này  
Sẽ làm cho bà chị  
An toàn khi sinh nở."  
Chuỗi Ngón Tay buồn bã:

- Nếu con nói lời ấy  
Thành nói láo cố tình

Vì con đã cố giết  
Rất nhiều mạng chúng sinh.

Thế thì này tỳ kheo  
Ông hãy nói lời rằng:  
- Từ khi được thánh sanh  
Tôi chưa hề cố giết

Tôn giả vâng lời Phật  
Đến bảo người sản phụ  
"Từ khi được thánh sanh  
Tôi chưa hề cố giết.

Mong với sự thật này  
Chị an toàn sinh nở."  
Và tức thì quả nhiên  
Sản phụ sinh được liền.

Tôn giả sống một mình  
Viễn ly không phóng dật  
Không bao lâu chứng đắc  
Mục đích đời tu hành.

Vị ấy biết sanh tận  
Phạm hạnh đã viên thành  
Việc nên làm đã làm  
Không còn đời nào khác.

Một hôm đi khất thực  
Tôn giả bị hành hung  
Bát vỡ y rách nát  
Thân tàn về bên Phật.

"Tỳ kheo hãy kham nhẫn  
Được gặt ngay hiện báo  
Thay vì sa địa ngục  
Nhiều trăm năm, ngàn năm."

Tôn giả sống viễn ly  
Cảm thọ giải thoát lạc  
Và cảm hứng nên lời  
Ghi trong Trưởng lão kệ:

Ai trước từng phóng dật  
Sau không còn phóng dật  
Sáng chói trên đời này  
Như trăng thoát mây che.

Ai đã làm ác nghiệp  
Nhờ thiện hành ngăn lại  
Sáng chói trên đời này  
Như trăng thoát mây che...

Ta tuy tên Vô Hại,  
Nhưng đã từng sát hại  
Nay mới được chính danh  
Vi chẳng còn hại ai

Xưa ta làm ác nghiệp  
Đáng bị đọa cõi dữ  
Quả báo trả xong rồi  
Nay không nợ, ta ăn.





## Kinh số 87

# Ái Sanh

### I. TOÁT YẾU

*Piyajātika Sutta - Born from Those who are dear.*

*Why the Buddha teaches that sorrow and grief arise from those who are dear.*

***Do người thân mà phát sinh.***

*Vì sao Phật dạy sâu ưu khởi lên từ những người thân ái.*

### II. TÓM TẮT

Một gia chủ có con chết, đau khổ không còn muốn làm gì, đi khắp nơi mà than khóc. "Con ở đâu, đưa con một của ta đâu?" Ông đi đến Phật kể lể như trên. Phật dạy: "Sâu bi khổ ưu do Ái sinh, hiện hữu từ nơi Ái."

Gia chủ nói ngược lại, hỷ lạc từ Ái sinh, hiện hữu từ nơi Ái. Ông bất mãn bỏ đi, gặp một nhóm người đang chơi cờ bạc, ông thuật lại lời Phật dạy: Sâu bi khổ nào do Ái sinh (yêu là khổ). Những người đánh bạc đồng ý với ông rằng trái lại, yêu là vui.

Câu chuyện ấy truyền đến nội cung. Vua Ba-tư-nặc gọi hoàng hậu, nói lại cho bà nghe lời Phật dạy "yêu là đau khổ." Hoàng hậu nói Phật đã dạy thì tất nhiên là đúng. Vua Ba-tư-nặc bất mãn bảo, chính vì bà quá hâm mộ Gotama nên cái gì Sa môn nói, hoàng hậu cũng cho là phải.

Hoàng hậu sai người hầu đến yết kiến Phật để hỏi lại cho chắc có phải Ngài đã dạy như vậy không. Phật dạy đúng như thế. Xưa nay có nhiều người đã than khóc người thân chết: con trai con gái khóc cha mẹ, cha mẹ khóc

con trai con gái, vợ khóc chồng, chồng khóc vợ, anh chị khóc em trai em gái, em trai em gái khóc anh chị... Vì quá thương mà phát điên cuồng, tâm tư bấn loạn, họ đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Có ai thấy cha tôi không, thấy mẹ tôi không, thấy vợ, chồng, con trai, con gái, anh, chị, em... của tôi không." Do vậy nên biết, sâu bi khổ ưu não từ ái mà sinh ra. Xưa có người phụ nữ có chồng bị bà con ép gả cho người khác. Người chồng đã chặt bà làm đôi rồi tự tử, nói: Hai chúng ta sẽ gặp nhau trong đời sau. Do vậy nên biết sâu bi khổ ưu não do Ái sinh.

Nghe những lời ấy, Mạt-lợi phu nhân đi đến vua Ba-tư-nặc, hỏi: "Vua có thương công chúa Vajirī không, có thương hoàng hậu Vasabha, tướng quân Vidūdabha [1], có thương chính bà và dân chúng Kāsi, Kosala không." Vua nói có, hoàng hậu lại hỏi: "Nếu có sự biến dịch [2] đổi thay gì xảy đến cho những người ấy, vua có buồn khổ không?" Vua đáp đương nhiên là có. Phu nhân bảo, chính vì thế mà Phật dạy sâu bi khổ ưu não do Ái sinh.

Sau khi nghe hoàng hậu trình bày, vua Ba-tư-nặc đứng dậy sửa y phục, bảo phu nhân đưa cho vua nước phép [3] rồi hướng về Phật mà đánh lễ.

### III. CHÚ GIẢI

1. Vidudabha là con trai của vua về sau đã lật đổ vua. Kāsi và Câu Tát La là các lãnh thổ vua trị vì.
2. Từ ngữ này thường dùng để chỉ bệnh nặng và chết.
3. Theo kinh sách, ông ta dùng nước này để rửa tay chân và súc miệng trước khi chào Phật.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

## V. KỆ TỤNG

Một người vì con chết  
Nổi đau buồn không vơi  
Đi khắp nơi than khóc  
Con của ta đâu rồi.

Ông đến Phật thổ lộ  
Phật dạy nên hiểu rõ:  
"Sầu khổ do Ái sinh,  
hiện hữu từ nơi Ái."

- Sa môn nói ngược đời  
Có yêu mới thật vui  
Hỷ lạc từ Ái sinh  
Do Ái, có hỷ lạc

Đến bọn người đánh bạc  
Ông được họ tán đồng  
"Thương yêu là hỷ lạc"  
Chuyện truyền vào nội cung.

Quốc vương Ba-tư-nặc  
Bảo Mạt-lợi phu nhân  
Phật dạy "yêu là khổ"  
Bà nghĩ có đúng không

- Phật đã dạy điều nào  
Tất nhiên điều ấy đúng  
- Cái gì Cô-đàm nói  
Đệ tử cũng hòa theo.

Phu nhân sai người hầu  
Đi đến yết kiến Phật  
Phật giải thích thế nào  
Nhớ kỹ về thuật lại.

"Sâu khổ do Ái sinh  
Hiện hữu từ nơi Ái  
Không ái, không lo sâu  
Đúng lời Ngài đã dạy.

Xưa nay đã lắm kẻ  
Vì yêu nên khổ sâu  
Nào con khóc cha mẹ  
Nào chồng vợ khóc nhau

Vi yêu, chúng phát cuồng  
Lang thang khắp nẻo đường  
Với tâm tư bấn loạn  
Mong tìm thấy người thương.

Vi quá đổi yêu nhau  
Có người chồng giết vợ  
Rồi chính chàng tự tử  
Hẹn tái ngộ kiếp sau."

Phu nhân nghe lời ấy  
Liên đến hỏi vua rằng:  
- Công chúa và thái tử  
Vua thương nhiều, phải chăng

Nếu người vua yêu mến  
Bỗng dưng gặp tai biến  
Vua cảm thấy thế nào?  
- Ta sẽ rất sâu đau.

- Chính bởi vì lẽ ấy  
Nên Phật mới dạy rằng  
Sâu bi khổ ưu não  
Là do Ái phát sinh.

Nghe phu nhân nói xong  
Nhà vua chỉnh y phục  
Hướng về nơi Phật ngự  
Đảnh lễ đức Thế Tôn.



## Kinh số 88

### Bahitika

#### I. TOÁT YẾU

##### *Bahitika Sutta - The Cloak.*

*The venerable Ānanda answers King Pasenadi's questions on the Buddha's behaviour.*

##### *Cái áo choàng.*

*Tôn giả A-nan trả lời những câu hỏi của vua Ba-tư-nặc về hạnh của Phật.*

#### II. TÓM TẮT

Vua Ba-tư-nặc hỏi A-nan, đức Thế Tôn có bao giờ làm một thân hành có thể khiến người trí quở trách không [1]. Tôn giả đáp không. Về ngữ và ý hành cũng vậy.

Rồi vua hỏi thế nào là thân, ngữ, ý hành bị người trí quở trách. Tôn giả A-nan trả lời, đó là những thân, ngữ, ý hành bất thiện. Bất thiện nghĩa là có tội, có hại, có khổ báo, đưa đến tự hại, hại người, hại cả hai, và làm cho bất thiện tăng trưởng, thiện pháp giảm thiểu [2].

Vua hỏi có phải Phật chỉ khen ngợi sự từ bỏ tất cả bất thiện. Tôn giả đáp, đức Như Lai đã từ bỏ tất cả bất thiện, và thành tựu những thiện pháp [3].

Vua hỏi thế nào là thân, khẩu, ý hành không bị người trí quở trách; và tôn giả đáp đó là thiện thân hành, thiện ngữ hành, và thiện ý hành. Và thiện nghĩa là không có tội, không có hại, có lạc báo.

Sau cuộc đàm luận, vua muốn cúng dường tôn giả voi ngựa, hoặc cả một khu làng ân tứ, nhưng biết Tôn giả

không được phép nhận những thứ này, nên xin cúng dường một cuộn hàng ngoại [4], quà tặng của vua A xà thế, để may y. Tôn giả từ chối vì đã có đủ 3 y. Vua năn nỉ tôn giả nhận 3 y mới, rồi tặng ba y cũ cho các vị tỳ kheo khác. Như vậy sự bố thí sẽ được lan rộng, như cơn mưa lớn làm nước sông chảy tràn lên bờ.

Tôn giả về thuật lại với Phật. Phật dạy thật hạnh phúc thay cho vua Ba-tư-nặc đã được yết kiến và được cúng dường tôn giả A-nan.

### III. CHÚ GIẢI

1. Kinh số nói, vua hỏi câu này là ám chỉ trường hợp nữ du sĩ Tôn-đà-lợi lúc ấy đang được truy tầm. Vì muốn bôi nhọ Phật, một số du sĩ khổ hạnh thuyết phục Tôn-đà-lợi đến viếng vườn Kỳ-đà vào ban đêm để cho người ta thấy mình trở về lúc bình minh, làm cho mọi người nghi ngờ. Sau một thời gian, họ sai người ám sát bà ấy và chôn xác gần vườn Kỳ-đà. Khi người ta tìm thấy xác, họ lên án đức Phật. Một tuần sau sự vụ cáo được tỏ rõ, khi những thám tử của vua tìm ra sự thật đằng sau vụ ám sát.

2. Nói ngắn gọn, đoạn này đưa ra năm tiêu chuẩn của nghiệp ác: nó là hành động *thiếu lành mạnh* và có hậu quả thiếu lành mạnh trên tâm thức; nó *đáng quở trách* vì bản chất xấu về phương diện đạo đức; nó *đem lại khổ báo*; nó có *động lực bất thiện* và đem lại những *hậu quả tai hại* lâu dài cho cả mình lẫn người. Thiện nghiệp thì ngược lại.

3. Câu trả lời của tôn giả A-nan vượt xa câu hỏi, vì Ngài cho thấy không những Phật tán dương sự từ bỏ tất cả bất thiện pháp, mà Ngài còn hành động phù hợp với lời nói của mình, nghĩa là đã từ bỏ tất cả bất thiện.

4. Kinh số giải thích nhan đề kinh này là một cái áo choàng được sản xuất ở nước khác.

#### IV. PHÁP SỐ

*3 hành, 3 nghiệp, 3 y.*

#### V. KÊ TỤNG

Quốc vương Ba-tư-nặc

Hỏi tôn giả A-nan

- Phật có bao giờ làm

Thân hành đáng quở trách

Tôn giả đáp rằng: "không,

Cũng thế về ngữ, ý

Tất cả bất thiện hành

Phật đều đã từ bỏ."

- Thế nào là thân hành

Bị người trí quở trách?

"Những thân hành bất thiện

Cũng vậy, ngữ ý hành.

Bất thiện là có tội

Có hại, có khổ báo

Đưa đến hại mình, người

Khiến ác tăng, thiện giảm.

- Phải chăng Phật chỉ khen

Sự từ bỏ bất thiện?

"Ngài từ bỏ bất thiện

Và thành tựu thiện pháp."



- Thế nào là hành vi  
Người trí không quở trách?  
"Đó là thiện thân hành  
Thiện ngữ, thiện ý hành.

- Thế nào gọi là thiện?  
"Thiện là bất cứ gì  
Không có tội, vô hại  
Có quả báo an vui."

Vua cúng dường cho Ngài  
Một cuộn hàng ngoại hóa  
Nhưng tôn giả từ chối:  
"Tôi đã đủ ba y."

- Xin hãy nhận hàng này  
Để may ba y mới  
Rồi tặng ba y cũ  
Cho các vị cần dùng

Như vậy sự bố thí  
Sẽ được lan khắp cùng.  
Ví như khi mưa lớn  
Nước tràn ngập bờ sông.

Phật khi biết câu chuyện  
Đã dạy: Hạnh phúc thay  
Cho vua Ba-tư-nặc  
Được cúng dường tôn giả.



## Kinh số 89

# Pháp trang nghiêm

### I. TOÁT YẾU

*Dhammacetiya Sutta - Monuments to the Dhamma.*

*King Pasenadi offers ten reasons why he shows such deep veneration to the Buddha.*

**Điện thờ Chánh pháp.**

Vua Ba-tư-nặc đưa ra mười lý do ông bày tỏ lòng kính mộ sâu xa đối với Phật.

### II. TÓM TẮT

Trong lúc dạo chơi vườn ngự, trông thấy những gốc cây khả ái, mát mẻ thích hợp để ngồi thiền, vua Ba-tư-nặc nhớ đến Phật. Được người cận vệ Kārāyana [1] cho biết Phật ở cách không xa, chỉ chừng 3 do tuần [2], vua bèn sai thẳng cỗ xe đi yết kiến Thế Tôn.

Đến nơi vua đi bộ, cởi bỏ binh khí và vành khăn bịt đầu trao cho người cận vệ để vào yết kiến Phật. Người cận vệ nghi, chắc vua muốn mật bàn chuyện gì đây, nên để ta ở lại [3]. Khi được gặp Phật, vua đánh lễ, sờ chân Ngài và tự xưng tên. Phật hỏi do đâu mà vua có cử chỉ hạ mình tội bực như vậy. Vua kể những lý do sau đây:

1. Tỳ kheo sống phạm hạnh trọn đời không như các sa môn bà-la-môn ngoại đạo chỉ tu một thời gian rồi trở về hưởng dục. Do đấy vua nghĩ: Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư tăng đệ tử khéo hành trì.

2. Trong tất cả các gia đình đoàn thể hội chúng, đều có tranh chấp [4], cãi lộn. Trái lại chúng tỳ kheo của Phật sống hòa thuận, không cãi lộn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính.

3. Các sa môn bà-la-môn ngoại đạo có vẻ bạc nhược, da xấu, gầy mòn khốn khổ, dường như họ không được hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh hoặc có những ác hành được dấu kín. Khi vua hỏi họ tại sao có vẻ bạc nhược thì họ trả lời chúng tôi bị bệnh gia truyền. Ngược lại đệ tử Phật luôn luôn vui vẻ, các căn tịch tịnh.

4. Tuy làm vua, mỗi khi phát biểu ông vẫn thường bị các cận thần ngắt lời. Còn khi Thế Tôn thuyết pháp [5], không ai dám ho. Vua nghĩ không có một đồ chúng nào khéo được huấn luyện như vậy.

5. Nhiều học giả có trí sắp đặt câu hỏi sắc bén [6] để chất vấn Phật nhưng khi đến nơi Ngài, họ đều được Ngài cảm hóa thành đệ tử.

6. Cũng vậy, Phật cảm hóa được nhiều bà-la-môn có trí.

7. Cảm hóa được các gia chủ có trí.

8. Cảm hóa được cá sa môn có trí.

9. Vua có hai quan giữ ngựa [7] ăn lộc vua, sống nhờ vua, nhưng không kính vua bằng kính Phật. Một hôm nhân lúc hành quân cùng ở với vua trong một ngôi nhà chật, trước khi nằm xuống ngủ họ trở chân nơi vua, hướng đầu về phía mà họ biết Phật đang ngự. Vua nghĩ, thật sự phải có một cái gì tuyệt diệu trong giáo lý này nên các đệ tử mới có thái độ như thế.

10. Phật cùng thuộc dòng dõi chiến sĩ, cùng quê hương, cùng tuổi 80 như vua [8], nên ông sẵn sàng hạ mình tột bậc để biểu lộ tinh thân ái. Trình bày xong những lý do trên, vua đứng dậy đánh lễ, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi [9].

Sau khi vua đi khỏi, Phật gọi các tỳ kheo và dạy: hãy thọ trì các pháp trang nghiêm [10] các pháp này liên hệ đến mục tiêu, và là căn bản của phạm hạnh.

### III. CHÚ GIẢI

1. Kārāyana là tổng tư lệnh quân đội vua Ba-tư-nặc. Ông là cháu của người tộc trưởng Mallas. Người tộc trưởng này trước kia là bạn vua Ba-tư-nặc, bị vua xử tử cùng với 32 người con trai vì đã âm mưu với đình thần thối nát. Kārāyana cũng âm mưu với thái tử con vua Ba-tư-nặc để giúp thái tử đoạt ngôi cha.

2. Ba do tuần tương đương khoảng 20 dặm Anh.

3. Kinh số nói ông ta nghĩ rằng: "Trước đây, sau khi bí mật hỏi ý kiến sa môn Cồ Đàm, vua đã bắt ông chú của ta cùng với 32 con trai của chú. Có lẽ lần này vua sẽ bắt ta." Ấn tín vua ban cho ông bao gồm cái quạt, lọng, và đôi hài. Ông vội vàng trở về kinh cùng với ấn tín ấy để phong vương cho thái tử.

4. Trong kinh Trung bộ 13, những tranh chấp này được nói là khởi lên do dục.

5. Như trong kinh 77.

6. Như trong kinh 27.

7. *Isidatta và Purāna*. Khi họ chết, đức Phật công bố cả hai đều chứng quả Bất hoàn. Xem Tăng chi 6.

8. Lời này cho thấy kinh này được thuyết vào năm cuối cùng trong đời đức Phật.

9. Khi vua Ba-tư-nặc trở về nơi địa điểm ông đã từ giã Kārāyana, thì chỉ còn người nữ tỳ kể lại tin tức. Vua vội vàng đến thành Vương xá để cầu viện cháu mình là vua A Xà Thế. Nhưng vì vua đến quá trễ nên cố gắng thành đã

đóng. Kiệt sức vì cuộc hành trình, vua nằm nghỉ trong một cái nhà bên ngoài thành và chết trong đêm ấy.

10. Kinh số nói *Dhammacetiya* hay "điện thờ pháp" là danh từ biểu lộ sự tôn kính pháp. Mỗi khi biểu lộ sự tôn kính đối với một ngôi báu tức là cũng biểu lộ sự tôn kính cả 3 ngôi.

#### IV. PHÁP SỐ

*10 lý do vua kính nể Phật.*

#### V. KỆ TỤNG

Quốc vương Ba-tư-nặc  
Đang dạo chơi vườn ngự  
Bỗng nhớ đến đức Phật  
Khi nhìn những gốc cây.

Vua hỏi quan hầu cận:

- Này Ka-ra-ya-na  
Thế Tôn Chánh đẳng giác  
Hiện trú tại nơi nào?

Tâu đại vương, không xa  
Ở Mê-la-đum-pa  
Có thể đi đến đấy  
Và về nội trong ngày.

Hãy thăng các cỗ xe  
Ta muốn yết kiến Ngài.  
Rồi vua với tùy tùng  
Đến nơi Phật lưu trú.

Đến gần, vua bỏ kiếm  
Bước nhẹ vào hương thất  
Đánh lễ dưới chân Phật  
Lấy tay sờ chân Ngài

Phật hỏi lý do nào  
Khiến vua của cả nước  
Lại hạ mình tột bực  
Khi ở trước thân này.

- Như Lai chính đẳng giác  
Pháp được Ngài khéo giảng  
Chư tăng khéo hành trì  
Do đây con kính lễ.

Tỳ kheo đệ tử Phật  
Sống phạm hạnh trọn đời  
Không như các ngoại đạo  
Tu hành chỉ một thời.

Trong các hội chúng khác  
Có tranh chấp xô xát  
Tỳ kheo đệ tử Phật  
Sống hòa thuận thương nhau.

Tu sĩ của ngoại đạo  
Trông gầy mòn khổ  
Dường như không được vui  
Có ác hành che giấu.

Ngược lại đệ tử Phật  
Không có vẻ bạc nhược  
Nét mặt luôn vui hòa  
Với các căn tịch tịnh.

Mỗi khi vua phát biểu  
Thường vẫn bị ngắt lời  
Nhưng khi Phật thuyết pháp  
Không kẻ nào dám ho.

Nhiều học giả có trí  
Lúc đầu muốn bắt bí  
Đến chất vấn Thế Tôn  
Rốt cùng thành đệ tử.

Cũng vậy, các sa môn  
Bà-la-môn, gia chủ  
Khi yết kiến Thế Tôn  
Tất cả đều quy phục.

Có hai quan giữ ngựa  
Ăn lộc, sống nhờ vua  
Nhưng lại không kính vua  
Cho bằng ngưỡng mộ Phật.

Một hôm lúc hành quân  
Ở trong ngôi nhà chật  
Họ trở chân nơi vua  
Quay đầu về hướng Phật.

Thấy vậy vua ngẫm nghĩ  
Pháp và luật Thế Tôn  
Có lẽ còn vi diệu  
Vượt ân sủng vua ban.

Lại nữa, Phật với vua  
Cùng quê, cùng đẳng cấp  
Và cùng tuổi tám mươi  
Nên tỏ tình thân ái.

Phật dạy các tỳ kheo  
"Đây là pháp trang nghiêm  
Căn bản của phạm hạnh  
Các người nên thọ trì."





## Kinh số 90

# Kannakatthala

### I. TOÁT YẾU

*Kannakatthala Sutta - At Kannakatthala.*

*King Pasenadi questions the Buddha on omniscience, on cast distinctions, and on the gods.*

**Ở Kannakatthala.**

*Vua Ba-tư-nặc hỏi Phật về toàn tri, về phân biệt giai cấp, và về chư thiên.*

### II. TÓM TẮT

Vua Ba-tư-nặc đến viếng Phật, sau khi đánh lễ Ngài, ông chuyển lời vấn an của hai chị em Somà và Sakulà [1]. Phật hỏi sao họ không nhờ người nào khác đưa tin mà phải phiền đến nhà vua. Vua thưa chính vì họ nghe vua sắp đi yết kiến Phật. Vua hỏi có phải Phật đã tuyên bố: Không một sa môn bà-la-môn nào toàn tri toàn kiến, chứng được tri kiến viên mãn [2]. Lời ấy có đúng của Phật không, hay là xuyên tạc. Phật dạy đó là lời xuyên tạc.

Lời Phật dạy là: Không có sa môn bà-la-môn nào có thể biết và thấy mọi sự trong cùng một lúc.

Vua lại hỏi có gì khác nhau giữa bốn giai cấp. Phật trả lời có giai cấp được tôn sùng, có giai cấp bị chà đạp.

Khi ấy vua xác minh rằng ông không hỏi về hiện tại, mà ông hỏi về tương lai [3]. Phật dạy có 5 tinh cần chi [4] là lòng tin, ít bệnh, siêng năng, thành thực, và trí tuệ về sinh diệt của các pháp. Ai đủ những yếu tố ấy thì đều có thể đoạn tận khổ, bất luận thuộc giai cấp nào. Như những

ngọn lửa cháy bằng các nhiên liệu khác nhau thì vẫn là lửa, không có gì khác giữa ánh sáng và tác dụng của chúng.

Kế đến vua hỏi chư thiên có sinh trở lại trong cõi người hay không. Phật đáp chư thiên nào còn tâm não hại thì còn sinh trở lại, hết tâm não hại thì không còn sinh trở lại [5].

Khi ấy thái tử Vidudabha hỏi, chư thiên sinh trở lại có thể đánh đuổi chư thiên không sinh trở lại hay không. Tôn giả A-nan thay Phật trả lời bằng cách hỏi lại: Vua có thể trục xuất người tu hành tại các lãnh thổ không thuộc quyền của vua hay không. Thái tử nói không.

Tôn giả nói chư thiên có não hại tâm còn không thể thấy được chư thiên không não hại, làm sao đánh đuổi được. Vua hoan hỷ với những câu trả lời ấy, và xin cáo từ.

### III. CHÚ GIẢI

1. Hai chị em này là vợ của vua.

2. Không người nào có thể đồng lúc, trong một tâm duy nhất, biết tất cả mọi sự quá khứ hiện tại vị lai. Về vấn đề Nhất thiết trí mà truyền thống Thượng Tọa Bộ gán cho Phật, xem chú thích số 3 kinh 71.

3. Có nghĩa là ông ta không hỏi về địa vị xã hội mà về triển vọng tiến bộ tâm linh của họ.

4. Như trong kinh số 85.

5. Kinh số: câu trả lời này ngụ ý hạng chư thiên đầu là những bậc Bất Hoàn, hạng sau chưa chứng quả Bất Hoàn. Cũng vậy câu hỏi về các Phạm thiên. Hai danh từ then chốt phân biệt hai hạng chư thiên là *có não hại* và *không não hại*, cũng có thể dịch là còn sân hận và hết sân hận. Kinh số chú thích hạng đầu chưa từ bỏ đoạn tận khổ ưu, hạng sau đã tận trừ ưu khổ. Vì cả hai cách hiểu đều có thể áp dụng cho những bậc Bất hoàn nên không khác gì nhau.

#### IV. PHÁP SỐ

*4 giai cấp, 5 tinh cần chi.*

#### V. KÊ TỤNG

Khi viếng thăm Thế Tôn  
Vua Ba-tư-nặc hỏi  
Con có nghe lời đồn  
Phải chăng Ngài đã nói:

Không một sa môn nào  
Là toàn tri toàn kiến  
Chứng tri kiến viên mãn?  
- Đó là lời xuyên tạc.

Lời Phật dạy như sau:  
"Không có sa môn nào  
Thấy biết hết mọi sự  
Trong một lúc khởi tâm."

Lại hỏi bốn giai cấp  
Có điểm gì khác nhau?  
"Cấp dưới được tôn sùng  
Cấp dưới bị chà đạp."

- Không nói về hiện tại  
Con muốn biết tương lai.  
"Năm tinh cần chi này  
Làm nên bậc tối thượng:

Lòng tin và ít bệnh  
Siêng năng và thành thực  
Có trí về sinh diệt  
Của tất cả các pháp.

Ai đủ năm pháp ấy  
Đều đoạn tận khổ đau  
Bất luận giai cấp nào  
Ở đây đều đồng đẳng.

Như những ngọn lửa cháy  
Bằng nhiên liệu khác nhau  
Bản chất lửa vẫn một  
Là ánh sáng, hơi nóng."

- Chư thiên và Phạm thiên  
Có sinh lại cõi này?  
"Còn có tâm não hại  
Thì còn sinh trở lại.

Chư thiên hết não hại  
Thì không còn tái sinh."  
- Chư thiên sinh trở lại  
Có đui vì không sinh?

Tôn giả A-nan nghĩ  
Nãy giờ vua hỏi Phật  
Nay con vua xen vào  
Ta sẽ đáp ông ấy.

Ngài hỏi lại thái tử:  
- Có những người tu hành  
Ở ngoài lãnh thổ vua  
Vua trục xuất được chăng?

Thái tử thưa không được  
- Chư thiên còn nã hại  
Không thấy những vị kia  
Làm sao đánh đuổi được.

Vua hỏi tên người đáp  
Được biết Ānanda  
Vua hoan hỷ tán thán  
Rồi đánh lễ cáo từ.



## Kinh số 91

# Brahmāyu

### I. TOÁT YẾU

#### *Brahmāyu Sutta- Brahmāyu.*

*An old and erudite brahmin learns about the Buddha, goes to meet him, and becomes his disciples.*

#### *Phạm chí Brahmāyu.*

*Một người bà-la-môn già uyên bác tìm hiểu về Phật, đến gặp Ngài và trở thành đệ tử Ngài.*

### II. TÓM TẮT

Phạm chí Brahmāyu 120 tuổi, một bà-la-môn đạo cao đức trọng, tinh thông về đại nhân tướng [1] khi nghe tin đồn về Phật, đã phái Uttara một đệ tử thông minh trẻ tuổi đi đến hội chúng Phật để tìm hiểu về 32 tướng [2] đại nhân xem có đúng như tin đồn. Vì theo thánh điều của ông, ai đủ 32 tướng ấy thì chỉ có hai đường: một là làm vua Chuyển luân có bảy báu là xe [3], voi, ngựa, châu ngọc, phụ nữ, người hầu, và cố vấn. Hai là xuất gia thành đấng toàn giác, vén màn cho thế gian [4].

Uttara thấy được tất cả đặc tướng, chỉ trừ hai tướng là tướng lưỡi dài rộng và tướng mã âm tàng. Phật hiện thần lực [5] cho thấy hai tướng ấy. Sau bảy tháng quan sát, thanh niên về thuật lại: Thế Tôn quả có đủ 32 tướng đại nhân,

1. Lòng bàn chân bằng phẳng
2. Dưới hai bàn chân có hình bánh xe 1000 căm
3. Gót chân thon dài.

4. Ngón tay ngón chân dài.
5. Tay chân mềm mại.
6. Tay chân có làn da lưới.
7. Mắt cá tròn như con sò.
8. Ống chân như con dê rừng.
9. Khi đứng thẳng, hay bàn tay buông xuống chạm đầu gối.
10. Tướng mã âm tàng.
11. Màu da như vàng ròng.
12. Da trơn không dính bụi
13. Mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi
14. Lông mọc xoáy tròn về bên phải
15. Thân hình cao thẳng.
16. Có bảy chỗ đầy đặn [6]
17. Nửa thân trước như con sư tử
18. Giữa hai vai không có lõm khuyết.
19. Thân thể cân đối; chiều cao của thân bằng chiều ngang với hai tay dang ra.
20. Nửa thân trên vuông tròn
21. Vị giác vô cùng tinh tế [7]
22. Quai hàm như sư tử
23. Có 40 răng.
24. Răng đều đặn
25. Răng không khuyết hở
26. Răng cửa trơn láng
27. Tướng lưới rộng dài.
28. Âm thanh tuyệt diệu như tiếng chim Ca lãng tần già.

29. Mắt màu xanh thẫm
30. Lông mi đẹp như lông mi bò cái
31. Giữa hai lông mày có sợi lông trắng mịn
32. Đỉnh đầu nhô lên tướng nhục kế [8].

Các uy nghi của Ngài thật toàn hảo: lúc Ngài bước đi, lúc Ngài ngồi, lúc Ngài nhận cơm nước, lúc ăn chỉ để diệt trừ cảm thọ cũ mà không khởi lên cảm thọ mới [9], lúc Ngài thuyết tùy hỷ pháp [10]...

Uttara nói: Chúng con đã trông thấy tôn giả Gotama đi, thấy tôn giả đứng, thấy tôn giả ngồi, thấy tôn giả ăn xong ngồi im lặng, thấy tôn giả im lặng đi đến tu viện giảng Pháp. Tôn giả Gotama là như vậy, như vậy là tôn giả Gotama, như vậy và còn nhiều hơn vậy nữa [11].

Nghe xong Brahmayu đích thân đến nơi Phật. Ông đã thấy tất cả đại nhân tướng, chỉ trừ hai tướng: tướng mã âm tàng và tướng lưỡi dài rộng. Phật biết ông có thể chứng quả Bất hoàn, nên hiện thân lực cho ông thấy đủ 32 tướng. Ông hỏi Phật ý nghĩa của: Bà-la-môn, thông Vệ-đà [12], ba minh, cát tường, úng cúng, viên mãn, mâu-ni, Phật-đà.

Phật trả lời *Phật* [13] là thắng tri điều cần phải thắng tri, tu tập những gì cần tu tập, đoạn trừ những gì cần đoạn trừ [14] Và Ngài tóm thâu sự trả lời bằng bài kệ:

*Ai biết được đời trước,  
Thấy thiện thú, ác thú  
Đoạn tận sự tái sinh  
Thắng tri được viên thành  
Vị ấy gọi mâu-ni.  
Ai biết tâm thanh tịnh  
Giải thoát mọi tham dục*



*Sinh tử đã đoạn tận  
Phạm hạnh được viên thành  
Thông đạt nhất thiết pháp  
Vị ấy xưng Phật-đà [15].*

Bà-la-môn nghe xong đánh lễ xưng tên và hôn chân Phật. Ngài thuyết pháp tuần tự [16] cho ông về bố thí, về cõi trời, về sự nguy hiểm của 5 dục và lợi ích của xuất ly. Khi tâm ông đã thuần thực, Ngài giảng tứ đế. Pháp nhãn khởi lên nơi ông: Cái gì có tập khởi đều đoạn diệt. Ông chứng ngộ Pháp, nghi hoặc được tiêu trừ. Ông thỉnh Phật hôm sau đến thọ trai. Bảy ngày sau, ông từ trần.

Phật tuyên bố ông đã đoạn năm hạ phần kết sử, và hóa sinh vào cõi Tịnh cư không còn trở lui đời này.

### III. CHÚ GIẢI

1. Các tướng đại nhân là một học thuật căn cứ trên 12.000 tác phẩm giải thích những đặc điểm của các bậc vi nhân như Phật, Độc giác, đại đệ tử, vua chuyển luân... Những tác phẩm này bao gồm 16.000 bài kệ gọi là Mật điểm về bậc giác ngộ.

2. 32 tướng hảo đề cập trong kinh này được nói đến trong toàn thể kinh Trường Bộ số 30 tên là Kinh Tướng. Mỗi tướng này được kinh giải thích là quả báo của một đức hạnh mà Phật đã viên mãn trong thời gian còn làm Bồ Tát.

3. Bảy báu được đề cập trong kinh Trung Bộ 129. Xe báu là lý do vị vua ấy được gọi là chuyển luân vương.

4. Thế gian này bị vây phủ trong bóng tối phiền não, được che bằng 7 lớp màn: tham, sân, si, mạn, nghi, kiến và hành động vô luân. Sau khi đã tẩy trừ những lớp màn này, Phật tỏa ánh sáng cùng khắp.

5. Kinh số nói: Phật hiện thân thông này vì biết rõ thân của thanh niên có thể chứng Bất Hoàn nếu thanh niên này hết nghi.

6. Bảy thân phần gồm có phần lưng của bốn tay chân, hai vai và thân mình.

7. Tướng kinh (Trường bộ kinh 30) diễn như sau: "bất cứ vị gì mà đầu lưới của Ngài tiếp xúc, Ngài thường thức được nó trong cổ họng, và vị ấy tỏa ra khắp nơi". Nhưng thật khó hiểu được làm thế nào đặt tướng này lại có thể được xem như một tướng trên cơ thể, và làm sao người khác thấy được.

8. Tướng này giải thích tại sao đỉnh đầu Phật nhô ra thành nhục kế ở trên đỉnh các tượng Phật.

9. Đây là cách tư duy khi dùng đồ ăn khát thực, như trong kinh Trung bộ số 2.

10. Tùy hỷ pháp là một pháp thoại ngắn sau bữa ăn để giáo giới các thí chủ về một vài khía cạnh của pháp và bày tỏ lời cầu nguyện nghiệp phước của họ sẽ đem lại cho họ nhiều quả báo.

11. Câu này có ý nói: những đức tính mà tôi không mô tả là còn nhiều hơn cả những đức tính mà tôi đã mô tả. Những đức tính vi diệu của đức Đạo sư giống như đại địa, đại hải. Nếu nói chi tiết thì thật vô lượng vô biên như hư không.

12. *Vedagū, tevijja, sotthiya* - thông Vệ-đà, ba minh, cát tường - Ba danh từ này tiêu biểu hạng bà-la-môn lý tưởng; xem thêm kinh Trung bộ 39. Danh từ thứ 6 *kevali* - viên mãn, và thứ 7 *muni* - mầu-ni có lẽ là những hạng người lý tưởng trong chúng khổ hạnh không thuộc bà-la-môn giáo. Với câu trả lời của Ngài, Phật gán cho những danh từ này

những ý nghĩa mới, phát xuất từ hệ thống tu tập của Phật giáo.

13. Ở đây và trong câu trả lời, danh từ Phật chỉ có nghĩa là một người đã tỉnh thức, giác ngộ, trong ý nghĩa một vị A-la-hán.

14. Pháp cần phải thắng tri là Tứ diệu đế, cần phải tu tập là Thánh đạo Tám Ngành, cần phải từ bỏ là các ô nhiễm tham sân si. Ở đây cần phải hiểu danh từ Phật với nghĩa đặc biệt là đấng Toàn Giác.

15. Kinh số giải thích câu trả lời của Phật bao gồm cả 8 câu hỏi của bà-la-môn.

16. Như kinh Trung Bộ 56.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*3 thọ, 5 hạ kết sử, 32 đại nhân tướng.*

#### **V. KỆ TỤNG**

Phạm chí Brahmāyu  
Người tuổi cao đức trọng  
Tinh thông đại nhân tướng  
Muốn tìm hiểu Thế Tôn.

Ông sai Uttara  
Thông minh và trẻ tuổi,  
Đi đến hội chúng Phật  
Quan sát các đặc tướng

Căn cứ thánh điển ông  
Ai đủ bả hai tướng  
Thì chỉ có hai đường:  
Vua Chuyển luân hoặc Phật.

Sau bảy tháng quan sát  
Thanh niên về thuật lại:  
Thế Tôn đủ tướng tốt  
Của một bậc đại nhân

Lòng bàn chân bằng phẳng (1)  
Có bánh xe ngàn cãm (2)  
Gót chân Phật thon dài (3)  
Ngón tay chân cũng vậy (4)

Tay chân Phật mềm mại (5)  
Có màn da lưới mỏng (6)  
Mắt cá hình con sò (7)  
Ổng chân như sơn dương (8)

Đứng thẳng, tay chạm gối (9)  
Có tướng mã âm tàng (10)  
Màu da như vàng chói (11)  
Trơn tru không dính bụi (12)

Mỗi lỗ lông một sợi (13)  
Lông xoáy tròn phía phải (14)  
Thân hình cao thẳng ngay (15)  
Có bảy chỗ (16) đầy đặn

Nửa thân như sư tử (17)  
Vai không có lõm lồi (18)  
Thân hình Ngài cân đối (19)  
Chiều cao bằng bề ngang

Nửa thân trên vuông tròn (20)  
Vị giác (21) Ngài tinh tế  
Quai hàm như sư tử (22)  
Ngài có bốn mươi răng (23)

Hàm răng trắng đều đặn (24)  
Không chỗ nào khuyết hở (25)  
Răng cửa Ngài tron láng (26)  
Tướng lưỡi Phật rộng dài (27)

Âm thanh Ngài tuyệt diệu (28)  
Như Ca-lăng-tần-già  
Đôi mắt màu xanh thẫm (29)  
Mi mắt như ngư vương (30)

Giữa mày, lông trắng mịn  
Tức là tướng bạch hào (31)  
Đỉnh đầu Ngài nhô cao  
Đây là tướng nhục kế (32)

Uy nghi Ngài toàn hảo:  
Nào lúc Ngài bước đi  
Nào lúc Ngài ngồi xuống  
Lúc Ngài nhận nước, cơm

Lúc thuyết tùy hỉ pháp...  
Chúng con đã trông thấy  
Tôn giả Gota-ma  
Ăn xong ngồi im lặng

Chúng con đã trông thấy  
Tôn giả Gota-ma  
Đến tu viện giảng Pháp  
Không hủy báng, tán dương

Tôn giả Gota-ma  
Tuyệt vời là như vậy  
Như vậy, Gota-ma  
Và hơn như vậy nhiều

Nghe xong Phạm chí già  
Đích thân đến nơi Phật  
Quán sát đại nhân tướng  
Của đức Phật Thích ca.

Phật biết bà-la-môn  
Sẽ chứng quả Bất hoàn  
Nên Ngài hiện thân thông  
Cho thấy đủ các tướng

Ông hỏi Phật ý nghĩa:  
- Gì là Bà-la-môn?  
Sao gọi thông Vệ-đà?  
Sao gọi là ba minh?

Cát tường và ứng cúng?  
Viên mãn và mâu-ni?  
Sao gọi là Phật-đà  
Xin Thế Tôn giải rõ.

"Biết những gì cần biết  
Tu tập pháp cần tu,  
Đoạn trừ cái cần đoạn  
Ấy gọi là *toàn giác*.

Ai biết được đời trước  
Thấy thiện thú, ác thú  
Đoạn tận sự tái sinh  
Thắng trí gọi *mâu-ni*.

Ai biết tâm thanh tịnh  
Giải thoát mọi tham dục  
Sinh tử đã đoạn tận  
Phạm hạnh được viên thành  
Thông đạt nhất thiết pháp  
Vị ấy xưng Phật-đà".

Bà-la-môn nghe xong  
Hài lòng lời giải đáp  
Đánh lễ tự xưng tên  
Và quỳ hôn chân Phật

Ngài thuyết pháp tuần tự  
Về bố thí, cõi trời  
Về nguy hiểm ngũ dục  
Và lợi ích xuất ly

Khi tâm ông thuần thực  
Ngài giảng bốn diệu đế  
Pháp nhãn khởi nơi ông:  
Có sinh đều đoạn diệt

Ông chứng ngộ được Pháp  
Nghĩ hoặc được tiêu trừ  
Và thỉnh Phật thọ trai  
Tại nhà ông ngày kế

Bảy ngày sau hôm ấy  
Bà-la-môn từ trần  
Nghe tin, Phật tuyên bố  
Ông đã chứng Bất hoàn

Đoạn năm hạ kết sử  
Hóa sinh cõi Tịnh cư  
Tại đây nhập Niết-bàn  
Không lui đời này nữa.





## Kinh số 92

### Sela [1]

#### I. TOÁT YẾU

##### *Sela Sutta - To Sela.*

*The brahmin Sela questions the Buddha, gains faith in him, and becomes a monk along with his company of pupils.*

##### *Giảng cho Sela.*

*Bà-la-môn Sela hỏi Phật, đạt được đức tin nơi Ngài và trở thành một tỳ kheo theo đoàn đệ tử Phật.*

#### II. TÓM TẮT

Bà-la-môn Sela đi đến nhà bện tóc Keniya thấy nhà cửa được trang hoàng, liền hỏi nguyên do và được trả lời là chuẩn bị đón tiếp Phật. Nghe âm thanh này, Sela chấn động tâm can, liền hỏi Keniya chỗ Phật đang trú và đưa đồ chúng đến yết kiến Phật. Ông quan sát thấy nơi Ngài có đủ các đặc tướng của một bậc giác ngộ, nên đọc kệ khen ngợi:

*Đối với người khéo sinh*

*Những tướng tốt trang trọng*

*Đều có trên thân Ngài*

*Tất cả đại nhân tướng*

*Mắt sáng, mặt tròn đầy*

*Cân đối, thẳng, hoàn mỹ*

*Giữa chúng sa môn tăng*

*Ngài chói như mặt trời*

*Ngài xứng bậc đại vương*

*Chuyển luân, bậc Điều ngự*

*Chiến thắng khắp thiên hạ*

*Bậc tối thượng Diêm phù [2]*

Ông hỏi phải chăng Ngài là bậc Chánh đẳng giác. Phật xác nhận với bài kệ:

*Cần biết, ta đã biết*

*Cần tu, ta đã tu*

*Cần bỏ, ta đã bỏ*

*Do vậy ta là Phật [3].*

Sela cùng đồ chúng xin xuất gia dưới sự lãnh đạo của Thế Tôn, được thọ đại giới và cuối cùng họ đều đắc quả A-la-hán.

### **III. CHÚ GIẢI**

1. Bản kinh này không gồm trong kinh Trung bộ bản in của hội Văn bản Pali PTS, vì kinh này trùng với kinh cùng tên trong kinh Tiểu bộ.

2. Diêm phù đề là tiểu lục địa Ấn Độ.

3. Các bài kệ số 4, 5, 6, 8 trong phần Kệ tụng dưới đây rút từ nguyên bản dịch của HT Minh Châu.

### **IV. PHÁP SỐ**

*32 đại nhân tướng.*

### **V. KỆ TỤNG**

Bà-la-môn Sela

Thấy tịnh xá trang hoàng

Hỏi bện tóc Keniya

Được trả lời: đón Phật

Nghe đến âm thanh này  
Tim Sela chấn động  
Ông hỏi đường đến Phật  
Quan sát các đặc tướng

Sau khi thấy tận mắt  
Đặc tướng bậc đại nhân  
Ở trên thân của Phật  
Ông đọc kệ tán dương:

- Đối với người khéo sinh  
Những tướng tốt trang trọng  
Đều có trên thân Ngài  
Tất cả đại nhân tướng

Mắt sáng, mặt tròn đầy  
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ  
Giữa chúng sa môn tăng  
Ngài chói như mặt trời

Ngài xứng bậc đại vương  
Chuyển luân, bậc Điều ngự  
Chiến thắng khắp thiên hạ  
Bậc tối thượng Diêm phù [2].

Ông hỏi phải chăng Ngài  
Là bậc Chánh đẳng giác  
Là đấng Phật Thế Tôn?  
Phật xác nhận với lời:

"Cần biết, ta đã biết  
Cần tu, ta đã tu  
Cần bỏ, ta đã bỏ  
Do vậy ta là Phật."

Sela cùng đồ chúng  
Hoan hỷ xin xuất gia  
Được lãnh thọ đại giới  
Cuối cùng đều đắc quả.



## Kinh số 93

# Assalāyana

### I. TOÁT YẾU

#### *Assalāyana Sutta - To Assalāyana.*

*A young brahmin approaches the Buddha to argue the thesis that the Brahmins are the highest caste.*

#### **Giảng cho Assalāyana.**

*Một thanh niên bà-la-môn đến Phật tranh luận đề tài giai cấp bà-la-môn là cao nhất.*

### II. TÓM TẮT

Một số đông bà-la-môn từ khắp nơi có việc đến thành Xá vệ, nơi Phật đang trú. Họ đề cử Assalāyana trẻ tuổi, đầu cao trọc, thông minh, có tài biện bác, tinh thông ba tập Veda, đến tranh luận với Phật vì Ngài chủ trương sự thanh tịnh của bốn giai cấp [1]. Ba lần thanh niên từ chối, bảo Gotama là vị nói đúng pháp, rất khó tranh luận bại Ngài. Nhưng đại chúng bà-la-môn nói thanh niên đã sống đời tu hành ẩn sĩ [2], nên có thể thảo luận với Phật. Cuối cùng đã làm theo yêu cầu của họ. Thanh niên đến Phật, mở đầu với lời tuyên bố của bà-la-môn: Chỉ có bà-la-môn là con chính thống sinh ra từ miệng Phạm thiên, và hỏi ý kiến Phật về quan điểm ấy. Phật phản bác với những luận cứ:

1. Các nữ bà-la-môn cũng có kinh nguyệt, mang thai và cho con bú như tất cả phụ nữ thuộc mọi giai cấp; các người bà-la-môn cũng sinh ra từ nữ căn như tất cả mọi người [3].

2. Tại hai miền Yona và Kamboja [4] biên địa của Ấn độ, chỉ có hai giai cấp là chủ và tót, người hết làm chủ thì làm

tớ, và cũng có người ngược lại, sau khi làm tớ lại trở thành chủ.

3. Người thuộc cả 4 giai cấp phạm 10 ác nghiệp [5] khi chết đều đọa vào cõi dữ: bình đẳng trên phương diện chịu ác báo.

4. Người bất cứ giai cấp nào, mà từ bỏ 10 ác làm 10 lành thì khi thân hoại mạng chung cũng đều được sinh vào thiện thú, cõi trời.

5. Cả 4 giai cấp đều có thể tu tập tâm từ không sân hận, chứ không riêng gì giai cấp bà-la-môn mới tu được: bình đẳng trên phương diện tu tập.

6. Cả 4 giai cấp đều có thể xuống sông tắm rửa tẩy sạch bụi bặm.

7. Ngọn lửa do người Bà-la-môn đốt bằng gỗ thơm, với lửa do các giai cấp khác đốt với gỗ tồi, đều có thể cháy sáng và có tác dụng như nhau.

8. Trong hôn phối, con của một người bà-la-môn kết hôn với một người thuộc giai cấp khác sẽ giống cả cha lẫn mẹ, thuộc cả hai dòng máu.

9. Nếu có hai anh em cùng mẹ khác cha, một người thông hiểu thánh điển, một người không thông, các bà-la-môn sẽ cúng dường tôn trọng người thông hiểu thánh điển, không kể dòng họ.

10. Giữa hai người, một thông thánh điển nhưng không hành thiện pháp, một người có hành thiện pháp mà không thông thánh điển, người bà-la-môn sẽ tôn trọng người có thực hành thiện pháp.

Phật kết luận: trước hết thanh niên bà-la-môn chủ trương sanh chủng, sau lại bỏ sanh chủng theo thánh điển,

và cuối cùng bỏ luôn cả thánh điển mà công nhận sự bình đẳng của 4 giai cấp do Phật chủ trương.

Phật kể lại câu chuyện quá khứ, lúc 7 ẩn sĩ Bà-la-môn bàn luận về sự ưu thắng của giai cấp mình, bị Asita Devala [6] khiêu khích nên họ trừ ếm cho Asita thành tro tàn hạ liệt. Nhưng càng trừ ếm, Asita càng đẹp ra. Bảy ẩn sĩ Bà-la-môn buồn rầu nghĩ rằng phạm hạnh và chú thuật của mình đã trở thành vô hiệu; nhưng Asita bảo không phải thế, chỉ cần từ bỏ tâm oán hận đối với Asita. Bảy ẩn sĩ nghe danh Asita Devala liền đánh lễ. Rồi Asita bác bỏ quan điểm ưu thắng của giai cấp Bà-la-môn với hai luận cứ:

1. Bà-la-môn không phải thuần chủng vì trong quá khứ, có những nam nữ Bà-la-môn kết hôn với những người thuộc giai cấp khác.

2. Khi cha mẹ giao hợp, phải có hương ấm của người thì bào thai mới thành [7]. Nhưng không thể biết được hương ấm của một người lúc nhập thai là thuộc giai cấp nào. Do vậy, chính các tôn giả ấy cũng không tự biết mình là ai.

Kể xong chuyện, Phật bảo thanh niên Assalāyana: Bảy ẩn sĩ Bà-la-môn xưa bị ẩn sĩ Asita Devala chất vấn về sanh chủng còn không ứng đáp được, thì làm sao ngày nay thanh niên lại có thể ứng đáp với Ngài. Thanh niên tán thán Phật và xin Phật nhận y làm đệ tử, từ nay đến mạng chung sẽ trọn đời quy ngưỡng.

### III. CHÚ GIẢI

1. Lý luận bênh vực lập trường này được đưa ra trong kinh 90.

2. Họ ngụ ý: Thanh niên học xong 3 tập Vệ Đà và các chú thuật thì cũng như những người xuất gia. Bởi thế y sẽ không bị luận bại, mà sẽ thắng.

3. Câu này muốn nói rằng người bà-la-môn cũng do phụ nữ sinh ra như những người khác, cho nên lời tuyên bố của họ rằng họ sinh ra từ miệng Phạm Thiên là vô lý.

4. Kamboja là một miền đất ở Ấn độ về phía bắc xứ trung ương.

5. Lý luận ở đoạn này hoàn toàn giống với lý luận trong kinh số 84.

6. Theo kinh số, Asita Devala là tiên thân Phật. Phật muốn hiển thị: trong quá khứ, người thuộc chủng tính cao hơn ta, nhưng người đã không trả lời được chất vấn của ta về chủng tính. Vậy thì làm sao bây giờ người có thể chất vấn ta được khi ta đã thành Phật?

7. Giống như kinh số 38.

#### IV. PHÁP SỐ

*4 giai cấp, 10 bất thiện, 10 thiện, 4 phạm trú.*

#### V. KỆ TỤNG

Thanh niên bà-la-môn  
As-sa-la-ya-na  
Thông minh và hùng biện  
Đến tranh luận với Phật

Bà-la-môn chủ trương  
Chỉ có chủng tánh này  
Con chính thống Phạm thiên  
Sinh ra từ miệng ngài.



Phật bác quan điểm ấy:  
Những người bà-la-môn  
Cũng sinh từ nữ căn  
Như tất cả mọi người

Phụ nữ bà-la-môn  
Thai nghén, cho con bú  
Như tất cả phụ nữ  
Thì có gì tối tôn?

Có hai miền biên địa  
Ở Ấn Độ đương thời  
Chỉ hai hạng thay nhau  
Làm thầy rồi làm tớ.

Người thuộc giai cấp nào  
Khi phạm mười ác nghiệp  
Chết đều đọa cõi dữ:  
Đồng đẳng chịu ác báo.

Người ở giai cấp nào  
Mà bỏ ác làm lành  
Khi thân hoại mạng chung  
Đều tái sinh thiện thú.

Người ở giai cấp nào  
Đều có thể tu tập  
Tâm từ không hận sân:  
Đồng đẳng trong tu tập.

Người ở giai cấp nào  
Cũng có thể xuống sông  
Dùng cào lưng, bột tắm  
Để rửa sạch bụi bặm

Ngọn lửa được đốt lên  
Với nhiên liệu hảo hạng  
Tác dụng không khác gì  
Lửa nhiên liệu tồi tàn.

Nếu một bà-la-môn  
Cưới người khác giai cấp  
Con giống mẹ lẫn cha  
Thuộc cả hai dòng máu.

Hai anh em khác cha  
Một người thông thánh điển  
Còn một người không thông  
Người thông được kính nể

Bất kể dòng họ gì.  
Nếu người thông thánh điển  
Mà không hành thiện pháp  
Cũng không được nể vì

Người có hành thiện pháp  
Dù không thông thánh điển  
Cũng sẽ được tôn trọng  
Hơn người không thực hành.

Do những luận cứ này  
Phật luận bại chàng trai  
Lúc đầu tôn sanh chúng  
Sau thánh điển được sùng

Và cuối cùng bỏ luôn  
Thánh điển cùng sanh chúng  
Đề cao hành thiện pháp  
Như Phật đã chủ trương.

Phật kể chuyện xưa kia  
Có bảy vị ẩn sĩ  
Luận bàn về ưu thắng  
Giai cấp bà-la-môn

Lúc ấy tiên thân ngài  
Ẩn sĩ A-si-ta  
Phản bác quan điểm ấy  
Với hai luận cứ này:

Giai cấp Bà-la-môn  
Không phải là thuần chủng  
Bởi vì trong quá khứ  
Kết hôn với người ngoài

Muốn hình thành bào thai  
Cần mẹ, cha, hương ấm  
Nhưng không thể biết được  
Giai cấp hương ấm này

Bảy ẩn sĩ ngày xưa  
Tiền thân Ta luận bại  
Sao nhà ngươi hôm nay  
Chất vấn được Như Lai?

Thanh niên bà-la-môn  
Công nhận lời Phật dạy  
Xin theo làm đệ tử  
Quy ngưỡng đến trọn đời.



## Kinh số 94

# Ghotamukha

### I. TOÁT YẾU

#### *Ghotamukha Sutta - To Ghotamukha.*

*A discussion between a brahmin and a bhikkhu on whether the renunciate life accords with the Dhamma.*

#### *Giảng cho Ghotamukha.*

*Một cuộc luận đàm giữa bà-la-môn và tỳ kheo về vấn đề: đời sống viễn ly có hợp chính pháp không.*

### II. TÓM TẮT

Trong lúc tôn giả Udena đang kinh hành trong vườn xoài nơi Ngài cư trú, Bà-la-môn đi đến chào hỏi tôn giả rồi nói: Không có sự xuất gia đúng pháp, vì không thấy ai được như tôn giả (có ý chê bai người xuất gia nói chung). Tôn giả bước khỏi đường kinh hành để vào trú xứ, ngồi vào chỗ [1]. Bà-la-môn cũng theo vào.

Udena trước hết kể ra 4 hạng người: tự hành khổ, hành khổ người, hành khổ cả hai, và không tự hành khổ cũng không làm khổ người. Bà-la-môn chỉ thích ý hạng thứ tư, như kinh 52, *Kandaraka*.

Rồi tôn giả nói có hai hội chúng: hạng có tham dục, tìm cầu vợ con châu báu ... và không tham dục, tức không có những việc này. Rồi Ngài hỏi bà-la-môn hạng người mà ông thích ý có mặt trong hội chúng nào. Bà-la-môn đáp hạng ấy có mặt ở trong hội chúng không tham châu báu, đồ trang sức, từ bỏ vợ con ... Khi ấy bà-la-môn công nhận mình đã tự mâu thuẫn với lời nói trước, và xin tôn giả giải

thích về 4 hạng người. Tôn giả giải thích như trong kinh 52.

Bà-la-môn nghe xong, xin quy y tôn giả, nhưng tôn giả khuyên hãy quy y Phật lúc ấy đã nhập Niết-bàn. Bà-la-môn xin cúng dường tôn giả 500 kahāpana [2] nhưng Ngài không nhận, bà-la-môn xin cúng một tinh xá, nhưng tôn giả khuyên hãy cúng giáng đường cho tăng. Bà-la-môn làm theo, cho xây một giáng đường cúng chư tăng ở Ba liên phát [3], nay vẫn còn giáng đường mang tên ông.

### III. CHÚ GIẢI

1. Kinh sợ nói: Ngài làm như vậy sau khi nhận ra rằng cần phải có một cuộc đàm luận đông dài.

2. Kahāpana là đơn vị tiền lệ thời ấy.

3. Vào những ngày cuối cùng của đời đức Phật, đô thị này hãy còn là một thành phố nhỏ tên Pataligama. Trong kinh *Trường bộ* 16, Phật tiên đoán tương lai nó sẽ thành một đô thị quan trọng, và quả thật cuối cùng nó đã thành thủ đô của xứ Ma Kiệt Đà. Ngày nay là Patna, thủ đô của nước Bihar.

### IV. PHÁP SỐ

*Hai hội chúng: có tham dự và không tham dự*

*4 hạng người: tự hành khổ, hành khổ người ...*

### V. KÊ TỤNG

Tôn giả Ưu-đê-na (Udena)

Kinh hành trong vườn xoài

Gặp Gô-ta-mu-kha

Bà-la-môn đến bạch:

Thưa tôn giả Ưu-đê

Trong đời sống xuất gia

Thật ít người đúng pháp  
Mấy ai được như Ngài

Tôn giả đi vào nhà  
Cùng Mu-kha thảo luận  
Vấn đề ông đưa ra:  
Xuất gia không đúng pháp

Ngài kể ra bốn hạng:  
Hạng tự hành, hành người  
Hạng làm khổ cả hai  
Hạng không làm ai khổ

Hạng cuối không tham dục  
Tịch tịnh, trú lạc thọ.  
- Con thích ý hạng này  
Không làm khổ mình, người.

"Này Gô-ta-mu-kha  
Lại có hai hội chúng  
Gồm thâu hai hạng người  
Có tham dục và không

Hạng còn có tham dục  
Cầu vợ con, tài sản  
Hạng không còn tham dục  
Từ bỏ các thứ này

Hạng người ông thích ý  
Có mặt trong chúng nào?"  
- Thưa trong chúng xuất gia  
Từ bỏ vàng, châu báu.

"Phải chăng lời nói ông  
Mâu thuẫn với lời trước?"  
- Thật lợi ích cho con  
Xin tôn giả chỉ dạy.

Rồi tôn giả giải thích  
Lối sống bốn hạng người  
Như những gì đã nói  
Trong bài kinh năm hai

Tự hành là khổ hạnh  
Không đưa đến giải thoát  
Hành người là nghề ác  
Hại người và vật khác

Hành khổ mình lẫn người  
Là tế đàn tà kiến  
Không làm khổ mình người  
Là thiên lạc ly dục

Bà-la-môn hoan hỉ  
Muốn cúng nhà, quy y  
Tôn giả khuyên quy Phật  
Nay đã nhập Niết-bàn

Và khuyên cúng chư tăng  
Một giảng đường học pháp  
Ở thành Ba-liên-phất  
Nay vẫn còn lưu danh.





## Kinh số 95

### Cankī [1]

#### I. TOÁT YẾU

##### *Cankī Sutta - With Cankī.*

*The Buddha instructs a young brahmin on the preservation of truth, the discovery of truth, and the final arrival at truth.*

##### *Với Cankī.*

*Phật giáo giới một thanh niên bà-la-môn về sự hộ trì chân lý, khám phá chân lý, và chứng đạt chân lý.*

#### II. TÓM TẮT

##### *Phần dẫn nhập:*

Khi Phật ở trong rừng Chư thiên [2] tại làng Opasāda nước Kosala, nhiều gia chủ bà-la-môn nghe tiếng đồn tốt đẹp về Ngài đã kéo nhau đi yết kiến. Bà-la-môn Cankī từ trên lầu cao trông thấy cảnh ấy, hỏi người quản gia và sau khi biết chuyện, liền sai người này đến báo với đoàn người hãy chờ, ông cũng muốn đi yết kiến Phật. Bấy giờ có một số đông bà-la-môn từ nhiều địa phương khác đến, nghe bà-la-môn Cankī đi yết kiến Phật thì can ngăn vì cho rằng không xứng đáng cho bà-la-môn Cankī yết kiến sa môn Cô-đàm, mà ngược lại, hãy để Cô-đàm yết kiến bà-la-môn Cankī, vì Cankī có dòng họ cao quý, giàu có, thông ba tập Vệ-đà với 5 yếu tố: danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, lịch sử truyền thống; lại đẹp trai, khả ái, có giới hạnh; được vua chúa kính nể, được bà-la-môn Pokkarasati [3] kính nể.

Cankī cũng đưa ra những lý do ông phải đi yết kiến Phật: Sa môn Gotama là bậc thiện sanh từ phụ hệ và mẫu hệ; Ngài đã từ bỏ rất nhiều vàng bạc, xuất gia trong tuổi thanh xuân; Ngài là bậc tôn sư của những bậc tôn sư trong thiên hạ; Ngài đầy đủ 32 đại nhân tướng; và Ngài là khách quý của địa phương này, nên thật xứng đáng cho Cankī đến yết kiến.

Đến nơi, thấy Phật đang đàm luận với một số bà-la-môn trưởng thượng, và có một thanh niên bà-la-môn tên Kapathika thỉnh thoảng lại ngắt lời những vị này, bị Phật khiển trách, bà-la-môn Cankī liền can thiệp, xin tôn giả Gotama đừng khiển trách vì thanh niên này là bậc đa văn, có trí, giỏi biện luận. Phật biết được tâm ý thanh niên này muốn vấn nạn Ngài, nên để mắt đến anh ta.

***Phân chính:***

Kapathika bạch: Thưa sa môn Cồ-đàm, y cứ vào các chú thuật xưa đã được khẩu truyền đến nay, các bà-la-môn đi đến kết luận: chỉ đây mới là sự thật, ngoài ra đều sai lầm. Ngài nói sao về điều ấy?

Phật hỏi lại thanh niên: Có một người bà-la-môn nào, hay bậc thầy nào của Bà-la-môn hiện tại hay lùi về bảy đời trước, đã nói: Tôi đã biết đã thấy điều này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai? Thanh niên đáp không có.

Phật lại hỏi những nhà tụng tán và tác giả các chú thuật [4] được khẩu truyền cho đến bây giờ, có nói rằng: Tôi biết, tôi thấy điều này; chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm? Thanh niên cũng nói không.

Khi ấy Phật dạy, vì không một người bà-la-môn nào trong quá khứ hay hiện tại đã thực sự thấy, biết, thì câu họ nói *chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm*, chỉ như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, và lòng tin của họ trở thành vô

căn cứ. Thanh niên bà-la-môn nói không phải bà-la-môn chỉ dựa trên lòng tin, mà còn trên sự truyền khẩu (lời đồn).

Phật dạy có 5 việc mà ngay hiện tại cũng có thể đem lại hai kết quả khác nhau (nghĩa là không chắc chắn) đó là tin (tin tưởng), tùy hỷ (vui theo, đồng ý), tùy văn (nghe truyền tụng), cân nhắc suy tư các lý do, và chấp nhận quan điểm [5]. Có những điều lúc đầu được ta tin tưởng hoàn toàn, mà về sau thành trống rỗng hư vọng, ngược lại cũng có điều lúc đầu ta không tin nhưng về sau hóa ra là chân thật. Bốn việc còn lại cũng thế. Do vậy người trí tôn trọng sự thật (hộ trì chân lý) không nên đi đến kết luận: chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm [6].

Khi ấy thanh niên hỏi thế nào gọi là *hộ trì chân lý* [7], Phật dạy ấy là khi một người nói *tôi tin điều này*, nhưng không cả quyết *chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai*. Với bốn việc còn lại cũng vậy, người ấy không cả quyết như trên, thì gọi là hộ trì chân lý (hay bảo vệ, tôn trọng sự thật). Nhưng như thế chưa phải là *khám phá chân lý* [8].

Khám phá hay chứng ngộ chân lý là, sau khi quan sát kỹ một bậc thầy [9] về thân ngữ ý hành, thấy vị ấy không còn bị tham, sân, si chi phối khiến vị ấy có thể đối gạt người khác, xúi họ đi đến tự hại, phải đau khổ lâu dài, một người khởi lòng tin, đến gần, thân cận giao thiệp, lóng tai, nghe pháp, thọ trì pháp, tìm hiểu ý nghĩa các pháp ấy, nhờ hiểu nên hoan hỷ chấp nhận, rồi khởi lên ước muốn tu tập, khi đã ước muốn thì cố gắng, sau khi cố gắng liền cân nhắc [10], sau khi cân nhắc, vị ấy tinh cần [11], nhờ tinh cần, vị ấy tự thân chứng ngộ chân lý và thể nhập chân lý với trí tuệ [12]. Nhưng thế cũng chưa phải *chứng đạt chân lý* [13].

Muốn chứng đạt chân lý, cần phải tu tập nhiều lần. Trong việc chứng đạt chân lý, cốt nhất là tinh cần. Muốn

tin cần, phải cần nhắc. Muốn cần nhắc phải cố gắng. Muốn cố gắng phải có ước muốn. Để có ước muốn, cần phải hoan hỷ chấp nhận. Muốn hoan hỷ chấp nhận, phải tìm hiểu ý nghĩa. Muốn tìm hiểu ý nghĩa phải thọ trì pháp. Muốn thọ trì pháp thì phải nghe pháp. Muốn nghe pháp phải lắng tai. Muốn lắng tai phải thân cận giao thiệp. Muốn thân cận giao thiệp phải đến gần. Muốn đến gần phải có lòng tin.

Thanh niên bà-la-môn tán thán Phật đã gọi nơi anh ta lòng ái kính sa môn, và xin Phật nhận anh làm đệ tử cư sĩ, từ nay đến mạng chung trọn đời quy ngưỡng [14].

### III. CHÚ GIẢI

1. Đoạn mở đầu kinh này gần giống như đoạn mở đầu kinh Trung Bộ 4, nhan đề *Sonadanda Sutta*.

2. Theo kinh sách, rừng này được gọi là Rừng chư thiên *Devavana*, vì những đồ cúng ở đây dành để cúng chư thiên.

3. Pokkarasāti là một bà-la-môn giàu có khác, được Vua Ba-tư-nặc phong ấp tên Ukkatthà. Trong kinh Trường bộ 2, sau khi nghe Phật thuyết pháp, ông chứng quả Dự Lưu và đã cùng với gia đình quyến thuộc xin quy y.

4. *Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāsettha, Kassapa*, và *Bhagu* là những vị ẩn sĩ mà các bà-la-môn xem như những người biên chép kinh Vệ Đà do Thiên khai.

5. *Saddhā, ruci, anussava, ākāraparivittakka, ditthinijjhāna-kkhanti*. Trong 5 nền tảng này để đặt đến niềm tin, 2 yếu tố đầu hoàn toàn thuộc về cảm xúc, yếu tố thứ 3 là sự chấp nhận truyền thống một cách mù quáng, và 2 yếu tố cuối cùng thuộc phạm vi suy luận nhận thức. Những thứ

này đều có thể có hai cách khác nhau; cách nào cũng có thể thành đúng và sai.

6. Không thể đi đến kết luận chỉ đây là đúng, khi không tự mình thấy rõ sự thật, mà chỉ công nhận dựa trên 5 căn cứ như trên, những cơ sở không có gì chắc chắn.

7. *Saccānurakkhana*, hộ trì chân lý, bảo vệ sự thật.

8. *Saccānubodha*, khám phá, chứng ngộ chân lý.

9. Phương pháp tìm ra chân lý (tìm hiểu người nói pháp có bị còn tham, sân, si chi phối đến nỗi xúi kẻ khác tự hại, hại người không. Sau khi biết thân ngữ ý hành vị ấy không phải của kẻ bị ám vì tham sân si, thì biết Pháp do vị ấy giảng là sâu xa, được người trí chứng biết, không dễ gì do một kẻ còn tham sân si mà dạy được) theo kinh này dường như khai triển phương pháp đã được nói trong kinh số 47.

10. *Tūleti*. Vị ấy tra tâm các pháp theo nguyên lý vô thường, v.v... Giai đoạn này như vậy dường như là giai đoạn tuệ quán.

11. Nỗ lực *ussahati*, có vẻ đồng nghĩa với *padahati*, tinh cần, nhưng động từ trước có nghĩa là nỗ lực trước khi tuệ quán, động từ sau là nỗ lực nâng tuệ quán lên đạo lộ siêu thế.

12. *Kinh số*: vị ấy chứng Niết-bàn với thân tâm lý thuộc đạo lộ Dự Lưu, và sau khi thâm nhập các cấu uế, vị ấy chứng Niết-bàn bằng trí tuệ, làm cho Niết-bàn hiển lộ.

13. Trong kinh này, sự khám phá chân lý dường như có nghĩa đặc quả Dự Lưu, sự chứng đạt chân lý dường như có nghĩa đặc quả A-la-hán.

14. Xem chú thích số 8 kinh 50.

#### IV. PHÁP SỐ

*3 độc tham sân si; 5 pháp không chắc chắn: tín, tùy hỷ, tùy vãng, cần nhắc suy tư, chấp nhận quan điểm; 12 pháp đưa đến chứng đạt chân lý: lòng tin, đến gần, giao thiệp, lóng tai, nghe pháp, thọ trì pháp, tìm hiểu ý nghĩa, hoan hỷ chấp nhận...*

#### V. KÊ TỤNG

Bà-la-môn Can-kī  
Đến yết kiến Thế Tôn  
Lúc Phật đang luận đàm  
Cùng các bậc trưởng thượng

Một bà-la-môn trẻ  
Tên Ka-pa-thi-ka  
Ưa ngất lời người lớn  
Phật khiển trách anh ta

Cankī liên can thiệp  
Xin tôn giả Gota-ma  
Đừng khiển trách Ka-pa  
Có trí, giỏi biện luận.

Biết tâm của Ka-pa  
Thế Tôn đưa mắt nhìn  
Ka-pa-thi-ka bạch:  
- Xin hỏi Gô-ta-ma,

Căn cứ vào chú thuật  
Bà-la-môn kết luận:  
*Chỉ đây là sự thật  
Ngoài ra đều sai lầm.*

Ngài có ý kiến gì  
Về lời tuyên bố ấy  
Xin tôn giả chỉ dạy?  
Phật hỏi lại thanh niên:

"Trong các bà-la-môn  
Hiện tại, từ bảy đời,  
Có ai tự thấy biết  
Và tuyên bố thành lời:

*Tôi biết, thấy điều này  
Chỉ đây là sự thật.  
Ngoài ra đều là sai?"*  
Thanh niên đáp rằng không.

"Tác giả các chú thật  
Được khẩu truyền xưa nay  
Có ai nói như vậy?"  
- Cũng không, thưa tôn giả

"Nếu sự tình là vậy  
Không bà-la-môn nào  
Trong quá khứ hiện tại  
Đã thực sự thấy, biết

Mà lại loan truyền câu:  
*Chỉ đây là sự thật,  
Ngoài ra đều sai lầm,*  
Như mù nối đuôi nhau

Tin vậy vô căn cứ".  
Bà-la-môn cãi lại:  
- Không phải chỉ lòng tin  
Mà còn sự truyền khẩu.

Phật dạy: "Có năm việc  
Có thể đúng hoặc sai  
Và cho hai quả báo  
Ngay trong thời hiện tại

Một, tin; hai, đồng ý  
Nghe truyền tụng là ba;  
Bốn, cân nhắc suy luận  
Năm, chấp nhận quan điểm.

Có thể điều ta tin,  
Thì hóa ra trật lất  
Ngược lại cũng có điều  
Không tin mà có thật

Điều gì ta đồng ý  
Có thể là trống không  
Điều ta không đồng ý  
Có thể là đúng lý

Ba việc kia cũng vậy  
Có khi đúng khi sai  
Do vậy người có trí  
Không kết luận vội vàng



Nói *tôi tin* điều này,  
Nhưng không có cả quyết  
*Chỉ đây là sự thật,*  
*Ngoài ra đều lầm sai.*

Với bốn việc còn lại  
Cũng thái độ như trên  
Là hộ trì chân lý  
Nhưng chưa phải chứng ngộ

Khám phá hay chứng ngộ  
Là quan sát bậc thầy  
Thân ngữ ý hành vi  
Không còn tham sân si

Không dối gạt người khác  
Khiến họ khổ lâu dài,  
Sau khi thấy như vậy  
Khởi lòng tin vị ấy

Rồi đến gần, giao thiệp  
Lóng tai mà nghe pháp  
Thọ trì pháp đã nghe  
Và tìm hiểu ý nghĩa

Hiểu rồi vui chấp nhận  
Khởi lên ước muốn tu  
Cố gắng, và cân nhắc  
Cuối cùng, phải tinh cần.

Nhờ tinh cần, thân chứng  
Thế nhập với trí tuệ  
Nhưng thế cũng chưa phải  
Là chứng đạt chân lý

Muốn chân lý chứng đạt  
Cần tu tập nhiều lần  
Cốt nhất là *tinh cần*  
Pháp hành trì nhiều nhất

Tinh cần do cần nhắc  
Cần nhắc do cố gắng  
Cố gắng do ước muốn  
Ước muốn do chấp nhận

Chấp nhận do hiểu nghĩa  
Hiểu nghĩa nhờ thọ trì  
Thọ trì nhờ nghe pháp  
Nghe pháp nhờ lắng tai

Lắng tai nhờ thân cận  
Thân cận nhờ đến gần  
Đến gần nhờ lòng tin  
Mối đầu của thành đạt."

Thanh niên bà-la-môn  
Tán thán đức Thế Tôn  
Đã gọi nơi anh chàng  
Lòng ái kính sa môn

Chàng xin quy y Phật  
Xin làm một cư sĩ  
Từ nay đến mạng chung  
Sẽ trọn đời quy y.



## Kinh số 96

### Esukāri

#### I. TOÁT YẾU

##### *Esukāri Sutta - To Esukāri.*

*The Buddha and a brahmin discuss the brahmin's claim to superiority over the other castes.*

##### *Giảng cho Esukāri.*

*Phật thảo luận với một bà-la-môn về lời tuyên bố giai cấp bà-la-môn là tối thắng hơn các giai cấp khác.*

#### II. TÓM TẮT

Bà-la-môn Esukari hỏi ý kiến Phật về chủ trương giai cấp của Bà-la-môn theo đó người đồng đẳng cấp được phục vụ nhau và phục vụ người thuộc những giai cấp trên, không phục vụ người thuộc giai cấp dưới. Như giai cấp Thủ-đà-la phải phục vụ ba giai cấp trên, và chỉ được phục vụ bởi người cùng giai cấp. Phật hỏi lại, quan điểm đó có được mọi người đồng ý không. Bà-la-môn đáp không. Phật dạy vậy cũng như có người nghèo bị ép ăn một thứ họ không muốn ăn, rồi bảo họ trả tiền.

Kế tiếp, Phật nói Ngài không chủ trương nên phục vụ hay không nên phục vụ, Nhưng theo Ngài, nếu do phục vụ mà người phục vụ trở thành tốt hơn, thì nên phục vụ. Nếu do phục vụ mà họ thành xấu hơn, thì không nên phục vụ. Vì nếu nói một cách chân chính, thì người thuộc bất cứ giai cấp nào cũng sẽ nói cần người nào phục vụ cho mình mà do vậy họ trở thành tốt hơn. Rồi Phật phân tích thế nào là tốt: đó không phải là sự cải thiện về dòng họ, về sắc đẹp,

về tài sản, mà về năm yếu tố: lòng tin, giới, nghe nhiều, bố thí và trí tuệ.

Esukari lại hỏi ý kiến Phật về chủ trương của bà-la-môn về tài sản: tài sản của giai cấp bà-la-môn là khát thực [1], của Sát đế lợi là cung tên, của Vệ xá là chăn nuôi trồng trọt [2], của Thủ-đà là lao động tay chân. Nếu một giai cấp không sống đúng theo tài sản nói trên, mà làm việc khác để kiếm sống, thì đấy là không làm tròn bổn phận, là đồng nghĩa với trộm cắp. Phật hỏi lại và được trả lời như trên, là không phải mọi người đồng ý chủ trương ấy: và Phật cũng đưa ví dụ người nghèo bị ép nuốt một vật họ không ưa, lại phải trả tiền.

Phật chủ trương tài sản cho con người là thánh pháp vô thượng [3], nhưng khi nhớ đến gia hệ xưa của một người về phía cha và mẹ, người ấy được kể tùy theo chỗ họ thọ sinh [4]. Do vậy người thuộc giai cấp nào cũng có thể từ bỏ 10 ác, cũng có thể tu tập mười lành, thành tựu thiện pháp, cũng có thể xuống sông tắm sạch bụi bặm, cũng có thể đốt lên ngọn lửa với nhiên liệu mà mình đang có. Tất cả giai cấp đều có thể thành tựu chánh đạo, và khi đã thành tựu thì đều được giải thoát. Cũng như ngọn lửa được đốt lên với mọi thứ củi đều có tác dụng như nhau, ánh sáng và hơi nóng chỉ là một.

Bà-la-môn tán thán Phật và xin quy y.

### III. CHÚ GIẢI

1. Theo kinh số, những người bà-la-môn xưa có tục lệ đi khát thực dù họ có tài sản lớn.

2. Mặc dù nghề nông có vẻ là một công việc lạ lùng đối với một người đã được mô tả là thương gia, cần phải hiểu rằng giai cấp thương gia không những buôn bán ở đô thị mà còn sở hữu và cai quản những đầu tư về nông nghiệp.

3. *Ariyam kho aham brāhmana lokuttaram dhammam purisassa sandhanam pannāpemi.* Đây bà-la-môn, ta chủ trương tài sản dành cho con người là thánh pháp tối thượng.

4. *Attabhāvassa abhinibbatti:* Nghĩa đen là "Bất cứ nơi đâu vị ấy tái nhập bào thai".

#### IV. PHÁP SỐ

3 tiêu chuẩn để lượng giá theo thế gian: dòng họ, sắc đẹp, tài sản; 4 phạm trú; 4 loại tài sản theo chủ trương giai cấp của bà-la-môn giáo: do khát thực, do cung tên, do buôn bán, và do sức lao động. 4 chủ trương phụng sự theo bà-la-môn; 4 chủ trương phụng sự của Phật theo đó người phụng sự phải tốt hơn theo thời gian; 5 tiêu chuẩn để lượng giá theo Phật: tín, giới, thí, vãn, tuệ; 10 thiện nghiệp.

#### V. KÊ TỤNG

Một người Bà-la-môn  
Tên E-su-ka-ri  
Hỏi Phật nghi thế nào  
Về chủ trương của họ:

Những người bà-la-môn  
Cần phải được phụng sự  
Bởi người đồng giai cấp  
Và ba giai cấp dưới

Chiến sĩ được phụng sự  
Bởi người đồng giai cấp  
Và hai giai cấp dưới  
Là thương gia, lao động

Thương gia được phụng sự  
Bởi thương gia, thủ đà  
Riêng giai cấp thủ đà  
Phải phục vụ lẫn nhau.

"Có phải chủ trương này  
Mọi người đều chấp nhận?"  
- Thưa không, Gô-ta-ma  
Bà-la-môn đặt ra.

"Như vậy có khác gì  
Bắt ép kẻ khác ăn  
Thức ăn họ không muốn  
Lại bảo trả tiền đi?"

Phật bảo bà-la-môn:  
"Nếu do việc phụng sự  
Một người thành tốt hơn  
Thì rất nên phụng sự

Nếu họ thành xấu hơn  
Thì không nên phụng sự  
Vì ai cũng đều cần  
Một người hầu tốt hơn

Và "tốt" đây có nghĩa  
Tín giới văn thí tuệ  
Năm pháp lành này tăng  
Không kể đẹp, giàu sang."

Bà-la-môn chủ trương  
Tài sản cho mỗi giới:  
Bà-la-môn khát thực  
Sát để lợi cung tên

Vệ xá nông súc nghiệp  
Thủ-đà việc tay chân  
Sống cách nào khác trên  
Là không tròn bốn phận.

Phật cũng bác như trên  
Và dạy:"Ngài chủ trương  
Tài sản cho con người  
Là thánh pháp vô thượng

Chỉ do gia hệ xưa  
Về phía cha và mẹ  
Mà một người được kế  
Tùy theo chỗ thọ sinh

Người thuộc mọi giai cấp  
Đều có thể bỏ ác  
Và có thể làm lành  
Và thành tựu thiện pháp

Đều có thể xuống sông  
Tắm tẩy sạch bụi đất  
Có thể đốt ngọn lửa  
Với nhiên liệu của mình



Tất cả mọi giai cấp  
Đều có thể thành đạo  
Khi thánh đạo đã thành  
Thì đều được giải thoát

Cũng như các ngọn lửa  
Dù củi đốt khác nhau  
Tác dụng không hề khác  
Cũng vậy với giải thoát."

Bà-la-môn nghe rồi  
Tán thán kỳ diệu thay  
Và xin Phật quy y  
Trở thành một cư sĩ



## Kinh số 97

# Dhānanjāni

### I. TOÁT YẾU

#### *Dhānanjāni Sutta - To Dhānanjāni.*

*The venerable Sāriputta admonishes a brahmin who tries to excuse his negligence by appeal to his many duties. Later, when he is close to death Sāriputta guides him to rebirth in the Brahma - world but is reprimanded by the Buddha for having done so.*

#### *Giảng cho Dhānanjāni.*

*Tôn giả Xá-lợi-phất giáo giới một bà-la-môn lấy có bận nhiều phận sự để biện minh cho sự lơ đãnh (tu học) của mình. Về sau, khi ông gần chết, Xá-lợi-phất hướng dẫn ông tái sinh vào cõi Phạm thiên, nhưng Ngài bị Phật quở vì đã làm như vậy.*

### II. TÓM TẮT

Tôn giả Xá-lợi-phất giáo giới bà-la-môn Dhānanjāni vì vị này sống buông thả, viện cớ còn có trách nhiệm đối với cha mẹ, vợ con, bạn bè, tôi tớ, lao công, thân hữu, bà con huyết thống, tân khách, tổ tiên, chư thiên, vua chúa, và còn cái thân này phải được chu cấp, nên không thể tu được. Tôn giả hỏi ông, một người vì những liên hệ ấy và vì cái thân mà làm điều phi pháp, bị kéo xuống địa ngục, có thể lấy cớ ấy để được khỏi tội hay không? Bà-la-môn nói không thể.

Lại hỏi người vì những liên hệ ấy và vì cái thân mà làm điều bất chính, với người cũng vì những liên hệ ấy và vì cái thân mà làm điều đúng pháp, ai tốt đẹp hơn? Bà-la-môn trả lời người làm đúng pháp thì tốt đẹp hơn.

Về sau, bà-la-môn bị bệnh sắp chết, sai người đến đánh lễ Phật và tôn giả Xá-lợi-phất để báo tin, và xin được gặp tôn giả. Tôn giả viếng thăm ông, kể ra những cõi tái sinh từ địa ngục trở lên đến các cõi trời Tứ thiên vương, Tam thập tam, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, và cuối cùng là Phạm thiên. Nghe đến Phạm thiên giới, bà-la-môn đặt biệt chú ý, Tôn giả bèn thuyết giảng cho ông con đường cộng trú với Phạm thiên, là an trú biến mãn cùng khắp mười phương tâm từ, bi, hỷ, xả. Rồi tôn giả ra đi, mặc dù còn nhiều pháp cao thượng hơn [1].

Khi biết chuyện, Phật quở trách tôn giả vì sao có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, mà tôn giả chỉ giảng cho bà-la-môn một cảnh giới thấp kém. Tôn giả trả lời vì Ngài biết ông ái luyến phạm thiên giới, nên tôn giả thuyết giảng con đường đưa đến đấy. Phật cho biết bà-la-môn quả thực đã sinh lên Phạm thiên giới [2].

### III. CHÚ GIẢI

1. Tôn giả Xá-lợi-phất đã ra về mà không giảng dạy cho ông ta một giáo lý giúp ông đạt đến đạo lộ siêu thế để trở thành một bậc định tánh giác ngộ. So với khả năng này thì sự sinh lên cõi Phạm thiên được xem là thấp kém.

2. Nhận xét này gần như một lời quở trách nhẹ nhàng. Có lẽ Phật đã thấy Dhānanjāni có khả năng đạt đến đạo lộ siêu thế, vì ở chỗ khác (như trong kinh 99) chính Ngài cũng dạy con đường lên Phạm thiên giới trong trường hợp người nghe Pháp không có khả năng chứng đắc đạo lộ siêu thế.

### IV. PHÁP SỐ

*Tam bảo, 3 nghiệp, 4 phạm trú, 5 dục tăng trưởng, 10 bất thiện nghiệp.*

## V. KÊ TỤNG

Tôn giả Xá-lợi-phất  
Viếng phạm chí Đà-nhiên  
Khi được tin không lành  
Vị này sống phóng dật

Bà-la-môn Đà-nhiên  
Viện cố còn trách nhiệm  
Với cha mẹ, vợ con  
Còn bạn bè tôi tớ

Còn lao công, thân hữu  
Còn bà con huyết thống  
Tân khách và tổ tiên  
Chư thiên và vua chúa

Lại còn cái thân này  
Cần phải được chu cấp  
Cần phải được thụ hưởng  
Khó sống không phóng dật.

"Này hỡi bà-la-môn  
Nếu ai vì cha mẹ  
Vì bà con huyết thống  
Và vì chính bản thân

Làm những điều phi pháp  
Bị lôi xuống địa ngục  
Có thể viện cố này  
Để miễn tội hay không?

Vi những liên hệ này  
Mà làm điều đúng pháp.  
Vớ làm điều phi pháp  
Ai tốt đẹp hơn ai?"

Bà-la-môn công nhận  
Viện cố cũng không thoát  
Khi đã làm phi pháp  
Tốt hơn, làm đúng pháp

Khi Đà-niên bệnh nặng  
Ông xin gặp tôn giả  
Trước giây phút từ trần  
Tôn giả lại viếng thăm

Ngài nêu các cảnh giới  
Từ địa ngục, bàng sanh  
Cõi người, các cõi trời  
Cho đến Phạm thiên giới.

Nghe danh từ Phạm thiên  
Bà-la-môn chú ý  
Tôn giả bèn thuyết giảng  
Đường lên cõi Phạm thiên

Hãy trú tâm biến mãn  
Mười phương hư không giới  
Vớ từ, bi, hỷ, xả  
Đây đường đến Phạm thiên

Giảng xong bốn phạm trú  
Tôn giả bèn ra về  
Mặc dù còn nhiều pháp  
Cao hơn Phạm thiên giới.

Phật quở trách tôn giả  
Vì chỉ giảng Phạm trú  
Và cho biết Đà-niên  
Đã sanh lên Phạm thiên.



## Kinh số 98

### Vāsettha

#### I. TOÁT YẾU

##### *Vāsettha Sutta - To Vāsettha.*

*The Buddha resolves a dispute between two young Brahmins on the qualities of a true brahmin.*

##### *Giảng cho Vāsettha.*

*Phật giải quyết một cuộc tranh cãi giữa hai thanh niên bà-la-môn về những đức tính của một bà-la-môn chân chính.*

#### II. TÓM TẮT

Hai thanh niên bà-la-môn Bharadvaja và Vāsettha tranh luận về đề tài thế nào là một bà-la-môn. Người thì cho là do huyết thống, người thì cho là do hành động hiện tại. Họ đưa vấn đề đến xin Phật giải quyết. Trước hết Phật đưa ra sự khác nhau giữa loài vật và con người. Trong khi loài vật có chủng loại khác nhau rõ rệt do tướng thọ sanh, có muôn màu muôn vẻ như noãn thai thấp hóa và lớn nhỏ, không chân, hai chân hay nhiều chân... thì con người, tướng thọ sanh không có gì sai khác. Bởi thế, sự khác nhau chỉ là do danh xưng, do nghề nghiệp hiện tại của mỗi hạng người. Ngang đây, Phật gần như đồng ý với thanh niên Vasettha chủ trương bà-la-môn là do hành động, do giới hạnh. Nhưng sau đó, Ngài gán cho danh từ bà-la-môn một định nghĩa cao thượng hơn, đồng hóa bà-la-môn với bậc A-la-hán mẫu người lý tưởng trong đạo Phật, là bậc đã giải thoát khỏi hữu, chứng ba minh và dứt sạch lậu hoặc.

### III. CHÚ GIẢI

1. Bản kinh này không nằm trong Trung bộ kinh ấn bản của Hội Văn bản Pali, vì lý do như đã nói trong chú thích 1, kinh 92.

2. Ở đây danh từ *hành động* cần hiểu là hành vi hiện tại, chứ không phải hành vi quá khứ hay *nghiệp* sản sinh ra những hậu quả trong hiện tại.

3. *Sāmannā*. Theo kinh sớ, sự khác nhau về hình dạng các thân phần nơi súc vật là do chủng loại - *yonī* - của chúng. Nhưng sự phân biệt chủng loại như vậy không có nơi thân thể của bà-la-môn và các chủng tính khác. Vì lý do ấy, sự phân biệt giai cấp bà-la-môn, sát đế lợi, vân vân, chỉ thuần là phân biệt trên danh từ; một thành ngữ theo quy ước mà thôi, không tương ứng với thực tại.

4. Từ trước đến đây, Phật đã phê phán lời xác nhận của Bhāradvāja rằng sanh chúng làm cho người ta là một bà-la-môn. Bây giờ, Ngài sẽ đề cao lời xác nhận của Vāsettha rằng chính hành động hay nghiệp, khiến người ta thành bà-la-môn. Vì ngày xưa những người bà-la-môn và các bậc hiền trí trên đời không chấp nhận sự kiện một bà-la-môn mà có cách sinh nhai bất đáng, có giới hạnh và tư cách khiếm khuyết.

5. *Bhovādi*. *Bho*, Ngài, là cách xưng hô giữa những người bà-la-môn. Từ đây trở đi, Phật đồng nhất vị bà-la-môn chân chính với bậc A-la-hán. Những câu kệ ở đây giống Pháp cú 396-423, trừ trong Pháp cú 423 có thêm hai câu.

6. *Kinh sớ*: Do ý hành hiện tại muốn hoàn tất công việc đồng áng, vv..

7. Với câu kệ này, danh từ nghiệp có hơi thay đổi ý nghĩa do từ ngữ *duyên sinh*. Nghiệp ở đây không còn có



nghĩa hành động hiện tại định đoạt quy chế xã hội của một người, mà hành động với ý nghĩa đặc biệt là một năng lực trói buộc hữu tình vào vòng hiện hữu. Dòng tư tưởng này còn rõ rệt hơn nữa trong bài kệ kế tiếp.

8. Bài kệ này và tiếp theo lại nói đến bậc A-la-hán. Nhưng ở đây, sự tương phản không phải là giữa vị A-la-hán trở nên thánh thiện do hành động của mình với người sanh chủng bà-la-môn nhưng không xứng với danh hiệu bà-la-môn; mà là giữa vị A-la-hán kể như một người đã giải thoát sự trói buộc của hành động và quả báo, với tất cả chúng sinh khác còn bị trói buộc vào bánh xe sinh tử bởi những hành nghiệp của mình.

#### IV. PHÁP SỐ

*3 lậu hoặc, 3 nghiệp, 4 giai cấp, 5 triền cái.*

#### V. KỆ TỤNG

Thanh niên Vasettha  
Cùng Bha-ra-dva-ja  
Bà-la-môn đến Phật  
Xin giải quyết tranh chấp

- Tôn giả Gota-ma  
Giữa hai người chúng con  
Có sự tranh luận này  
Về huyết thống thọ sanh

Bharadvaja nói  
Chính do sự thọ sanh  
Con nói do hành động [2]  
Mới thành bà-la-môn

Cả hai người chúng con  
Không thể thuyết phục nhau  
Chúng con đến hỏi ngài  
Bậc chánh giác tôn xưng.

Đức Thế Tôn bèn dạy:  
Loài vật và cỏ cây  
Có muôn ngàn sắc thái  
Chúng có tướng tùy sanh

Trong thế giới loài người  
Tướng sanh không sai khác  
Chỉ tùy theo danh xưng [3]  
Loài người được kêu gọi

Chăn bò, lo ruộng đất  
Kẻ ấy là nông phu [4]  
Ai sống theo nghề nghiệp  
Kẻ ấy là công thợ

Ai sống nghề buôn bán  
Kẻ ấy là thương nhân  
Ai sống hầu hạ người  
Kẻ ấy là nô bộc

Ai sống lấy của người  
Kẻ ấy là kẻ trộm  
Ai sống nghề cung tên  
Kẻ ấy là nhà binh

Ai sống nghề tế tự  
Kẻ ấy là tế quan  
Thọ hưởng làng, quốc độ  
Kẻ ấy là vua chúa

Và Ta không có gọi  
Kẻ ấy Bà-la-môn  
Chỉ vì do thọ sanh  
Do cao sang, giàu có.

Người không ham thế lợi  
Không tham lam, chấp thủ [5]  
Thoát ly các trói buộc  
Chính danh Bà-la-môn.

Ai không lỗi, chịu đưng  
Nhiếc mắng cùng đánh trói  
Trang bị với nhẫn lực  
Chính danh Bà-la-môn.

Ai biết ngay đời này  
Khổ vì ngã đoạn tận  
Gánh nặng được đặt xuống  
Chính danh Bà-la-môn.

Hành động làm nông phu [6]  
Hành động làm công thợ  
Hành động làm lái buôn  
Hành động làm nô bộc

Hành động làm ăn trộm  
Hành động làm nhà binh  
Hành động làm tế quan  
Hành động làm vua chúa

Kẻ trí thấy hành động  
Như thật là như vậy  
Thấy rõ lý duyên khởi [7]  
Biết rõ nghiệp dị thực

Do nghiệp, đời luân chuyển  
Do nghiệp, người luân hồi  
Nghiệp trói buộc chúng sinh  
Như trục xe quay bánh.

Do khổ hạnh, phạm hạnh  
Tiết chế và chế ngự  
Tác thành bà-la-môn  
Mới thật là tối thượng [8]

Ba minh đã thành tựu  
An tịnh, đoạn tận hữu  
Va-set-tha nên biết  
Đây Phạm thiên, Đế thích.

*(Hầu hết toàn bài rút từ bản dịch của Hòa thượng Minh Châu, trừ bài kệ cuối theo bản Anh dịch.)*



## Kinh số 99

### Subha

#### I. TOÁT YẾU

##### *Subha Sutta - To Subha.*

*The Buddha answers a young Brahmin's questions and teaches him the way to rebirth in the Brahma-world.*

##### *Giảng cho Tư-bạt.*

*Phật trả lời những câu hỏi của một bà-la-môn trẻ và dạy cho anh ta con đường tái sinh lên Phạm thiên giới.*

#### II. TÓM TẮT

Bà-la-môn Subha Todeyyaputta [1] trình bày với Phật chủ trương của các bà-la-môn rằng chính người tại gia thành tựu chánh đạo, thiện pháp, xuất gia không thành tựu. Do vì tại gia có nhiều dịch vụ, công tác, tổ chức, lao lực, nên có quả báo lớn. Còn xuất gia ít dịch vụ, công tác, ít tổ chức, lao lực, nên quả báo nhỏ. Phật dạy Ngài chủ trương cần phải phân tích [2], không thể nói một chiều. Và Ngài phân tích có 4 trường hợp:

- (1) Dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, kết quả nhỏ
- (2) Dịch vụ lớn ... tổ chức lớn, nếu làm đúng, kết quả lớn
- (3) Dịch vụ nhỏ ... tổ chức nhỏ, làm hỏng, sẽ có kết quả nhỏ
- (4) Dịch vụ nhỏ ... tổ chức nhỏ, làm thành tựu, sẽ có quả báo lớn

Hai trường hợp đầu là nông nghiệp, hai trường hợp sau là buôn bán [3]. Kế tiếp bà-la-môn đưa ra năm pháp tác

phước đắc thiện mà họ chủ trương, là Chân thực, khổ hạnh, phạm hạnh, tụng đọc và thí xả . Phật hỏi trong số những người bà-la-môn hiện tại và quá khứ, có ai tuyên bố họ đã chứng ngộ với thượng trí, quả báo dị thực của năm pháp ấy? Thanh niên trả lời không. Phật dạy vậy cũng như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người đầu, người giữa và người cuối đều không thấy [4].

Thanh niên bà-la-môn bất mãn vì bị nói như vậy, bèn dẫn lời Pokkharasati, một bà-la-môn danh tiếng nói rằng [5] có một số sa môn bà-la-môn tự cho đã chứng pháp thượng nhân, thật sự thấy chỉ là lời trống rỗng, vì làm sao còn là người lại chứng được pháp vượt con người?

Phật hỏi lại, bà-la-môn ấy có tha tâm thông, biết tâm tư của tất cả sa môn bà-la-môn khác không. Thanh niên đáp tâm người tở gái ông ta còn không biết, làm sao có thể biết tâm tất cả sa môn bà-la-môn?

Phật dạy ví như người mù tuyên bố không có các hình sắc, vì anh ta không thấy biết chúng, lời ấy đúng không. Rồi Ngài khiến thanh niên phải xác nhận bốn tiêu chuẩn của lời nói tốt đẹp là: được thế tục chấp nhận, cần phải được suy tư, cần phân tích cân nhắc, và liên hệ đến mục đích. Thanh niên công nhận lời tuyên bố trên của các bà-la-môn hoàn toàn thiếu bốn tiêu chuẩn ấy.

Kế tiếp Phật nêu lên 5 triển cái và 5 dục, bà-la-môn Pokkharasati đã bị chúng ngăn che và trói buộc nên không chứng được thượng nhân pháp. Ngài lại đề cập hỷ lạc do thiên định ly dục bất thiện pháp như là ngọn lửa đốt lên không nhờ các nhiên liệu thông thường. Ngài hỏi thanh niên 5 pháp tác phước đắc thiện có nhiều hơn ở người tại gia hay người xuất gia, thanh niên bà-la-môn nói ở xuất

gia. Phật dạy 5 pháp ấy là những tư cụ của tâm, để tu tập không sân hận.

Cuối cùng Ngài giảng con đường cộng trú với Phạm thiên [6] là biến mãn khắp mười phương với tâm từ, bi, hỷ, xả, không có hạn lượng [7], còn gọi bốn phạm trú. Thanh niên tán thán Phật và xin quy y.

### III. CHÚ GIẢI

1. Subha Todeyyaputta là một bà-la-môn giàu có, thống lĩnh một khu làng Tudigama gần thành Xá vệ. Kinh 135 cũng được giảng cho ông Tư Bạt này.

2. *Vibhajjavādo kho aham ettha*. Những lời nói như vậy giải thích tại sao về sau đạo Phật được gọi là *vibhajjavāda*, Tỳ-bà-sa luận hay lý thuyết phân tích.

3. Rõ ràng vào thời ấy, thương mại còn ở giai đoạn sơ khai. Ngày nay tuyệt nhiên không còn có thể nói như vậy.

4. Như trong kinh 95.

5. Lời này có lẽ đã được nói trước khi Pokkharasati trở thành đệ tử Phật, như được nói trong kinh 95.

6. Trí này thuộc về Như Lai lực thứ ba, biết đường đến các cảnh giới. Xem kinh số 12.

7. Theo kinh sơ, nghiệp hữu hạn là nghiệp thuộc dục giới; ngược với nghiệp vô hạn là các thiên thuộc sắc hoặc vô sắc giới. Ở đây muốn nói đến các phạm trú được tu tập như một pháp môn thiên. Khi chứng đắc và làm chủ một thiên thuộc vô sắc hay vô sắc giới thì một nghiệp thuộc dục giới không thể thắng lướt nó và có được cơ hội phát sinh hậu quả. Vì ngăn chặn được hậu quả của các nghiệp thuộc dục giới, *phạm trú* mà hành giả đã chủ động được, sẽ đưa vị ấy tái sinh cộng trú với Phạm thiên.

#### IV. PHÁP SỐ

*4 phạm trú; 4 lý do tại gia có nhiều phước đức theo chủ trương của bà-la-môn; 4 sự phân tích theo Phật. 5 pháp tác phước đắc thiện của bà-la-môn; 5 triền cái, 5 dục tăng trưởng.*

#### V. KỆ TỤNG

Bà-la-môn Subha  
Đến trình bày với Phật:  
Chính những người tại gia  
Thành tựu nhiều thiện pháp

Tại gia nhiều dịch vụ  
Công tác tổ chức lớn  
Và lao lực nhiều hơn  
Nên có quả báo lớn.

Xuất gia ít dịch vụ  
Ít công tác, tổ chức  
Lại cũng ít lao lực  
Nên có quả báo nhỏ.

Phật dạy Ngài chủ trương  
Mọi sự cần phân tích  
Không thể nói một chiều  
Và có bốn trường hợp.

Có công việc bao hàm  
Dịch vụ, công tác lớn  
Tổ chức, lao lực lớn  
Nếu làm hỏng, quả nhỏ.



Nếu làm đúng, quả lớn:  
Tỷ dụ như nông nghiệp  
Có công việc bao hàm  
Dịch vụ, công tác nhỏ.

Tổ chức, lao lực ít  
Làm hỏng, kết quả nhỏ  
Làm đúng, kết quả lớn:  
Tỷ dụ như bán buôn.

Có năm điều phước thiện:  
Chân thực và khổ hạnh  
Phạm hạnh và tụng đọc  
Với thí xả là năm.

Phật hỏi trong số người  
Bà-la-môn hiện tại  
Và quá khứ có ai  
Tuyên bố đã chứng đắc

Với thượng trí, tuyên thuyết  
Những quả báo dị thực  
Của năm điều nói trên?  
- Thưa không, bạch tôn giả.

"Cũng như chuỗi người mù  
Nối đuôi nhau không thấy."  
Bà-la-môn bất mãn  
Khi nghe Phật nói vậy.

Tôn giả Go-ta-ma  
Có người chỉ nói láo  
Chưa chứng nói đã chứng  
Các pháp vượt hơn người.

"Làm sao còn là người  
Chứng pháp vượt con người?"

- Bạc thầy bà-la-môn  
Đã nói lời như vậy.

"Phải chăng bậc thầy ấy  
Có được tha tâm thông  
Biết tâm niệm mọi người?"  
- Thưa không, Go-ta-ma.

Ngay tâm người tứ giá  
Ông ta còn không biết  
Làm sao có thể biết  
Tâm tất cả mọi người?

"Như người mù tuyên bố  
Không có các hình sắc  
Vì không thấy biết chúng  
Lời ấy là thế nào?

Phải chăng nó tốt đẹp  
Vì thế tục chấp nhận  
Có suy tư phân tích  
Và liên hệ mục đích?"

- Thưa không, Go-ta-ma  
Những lời tuyên bố ấy  
Không thể tục chấp nhận  
Không suy tư cân nhắc.

"Bị năm triền, năm dục  
Ngăn che và trói buộc  
Nên bà-la-môn ấy  
Không chứng thượng nhân pháp.

Có ngọn lửa đốt lên  
Không bằng các nhiên liệu  
Có màu sắc ánh sáng  
Lửa hỷ lạc trong thiền.

Và này hỏi thanh niên  
Năm điều có phước thiện  
Chỗ nào thực hành nhiều  
Tại gia hay xuất gia?"

- Xuất gia thưa tôn giả  
"Đấy là những tư cụ  
Để tu không sân hận  
Cộng trú với Phạm thiên

Biển mẫn mười phương giới  
Với từ, bi, hỷ, xả  
Không có hạn lượng nào  
Còn gọi bốn phạm trú."



## Kinh số 100

# Sangāra

### I. TOÁT YẾU

#### *Sangāra Sutta - To Sangāra.*

*A brahmin student questions the Buddha about the basis on which he teaches the fundamentals of the holy life.*

#### *Giảng cho Sangāra.*

*Một thanh niên bà-la-môn hỏi Phật về nền tảng dựa trên đó Ngài giảng dạy những điều căn bản của đời sống phạm hạnh.*

### II. TÓM TẮT

Nữ bà-la-môn Dhananjani [1] sùng tín Phật, Pháp, Tăng, mỗi khi trượt chân bà lại thốt lên lời tán thán ba ngôi báu. Sangāra lúc đầu chỉ trích bà, nhưng sau theo lời khuyên, đến yết kiến Phật và hỏi: có một số sa môn, bà-la-môn cũng tự nhận (giảng dạy) căn bản phạm hạnh sau khi đã chứng đạt ngay hiện tại [2] cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, vậy Ngài là thế nào giữa các vị ấy.

Phật dạy có ba hạng, hạng 1 do truyền thống, họ tự nhận đã đắc đạo; như các bà-la-môn thông hiểu ba tập Vệ-đà. Hạng 2 do tin tưởng, như các nhà lý luận và tra tâm [3]. Hạng 3 tự mình hoàn toàn chứng tri [4] những gì trước đấy chưa từng nghe; như Phật. Và Phật thuật lại quá trình tu chứng của Ngài từ khi còn tại gia cho đến khi tìm ra con đường trung đạo tránh hai cực đoan hưởng lạc và ép xác, ngôi thiên đạt giác ngộ.

### III. CHÚ GIẢI

1. Dhānanjānī là một bậc Dự lưu. Theo kinh số, Sangā-rava là em trai của chồng bà.

2. *Ditthadhammābhinnāvosānapāramippattā ādibrahmacariyam patijānanti*. Kinh số chú: Họ tự cho là những người sáng tạo, khai sáng, phát sinh một đời phạm hạnh, nói: Sau khi biết và thấy ngay trong đời hiện tại, sau khi đạt đến tột đỉnh, chúng tôi đã đạt Niết-bàn gọi là hoàn toàn vì vượt trên tất cả.

3. Điều khó hiểu là những người lý luận tra tâm (*takki, vimamsi*) ở đây được nói là dựa trên căn bản của đức tin thuần túy - *saddhamattakena*. Chỗ khác thì tin và lý luận tương phản như hai nền tảng khác nhau của sự xác tín (Trung 95), và chỉ đức tin mà thôi thì rất gần với sự căn cứ vào truyền khẩu, hơn là với lý luận và tra tâm.

4. *Sāmam yea dhammam abhinnāya*. Câu này nhấn mạnh sự thân chứng kể như nền tảng để công bố đời sống phạm hạnh.

### IV. PHÁP SỐ

*3 hạng người tự công bố đã chứng thượng trí: hạng nghe nhiều, hạng tín tưởng và hạng thân chứng.*

### V. KÊ TỤNG

Một nữ bà-la-môn  
Tên Dha-nan-ja-ni  
Do lòng tin tha thiết  
Trượt chân niệm Phật-đà

Một nam bà-la-môn  
Tên Sangāra  
Chê thật là hạ liệt  
Tán thán kẻ trọc đầu.

- Này hiền giả thân mến  
Chớ thốt lời phạm thượng  
Ngươi sẽ không nói vậy  
Nếu biết được Thế Tôn.

Nghe lời khuyên can này  
Bà-la-môn quyết định  
Đi đến yết kiến Phật  
Và bạch hỏi Thế Tôn:

- Tôn giả Go-ta-ma  
Sa môn bà-la-môn  
Nhiều người giảng phạm hạnh  
Đều xưng được thượng trí

Giữa những người như vậy  
- đều chứng đắc như nhau  
Con hỏi Gota-ma  
Có quan hệ thế nào?

Phật dạy có ba hạng  
"Hạng một do truyền thống  
Tự nhận đã đắc đạo  
Khi thông ba Vệ-đà

Hạng hai do tin tưởng  
Nhờ lý luận tra tâm  
Hạng ba tự chứng tri  
Những gì chưa từng biết

Một trong những vị này  
Chính là Phật Thế Tôn  
Ngài tự mình chứng tri  
Pháp chưa từng nghe nói."



Kinh số 101  
**Kinh Devadaha**

**I. TOÁT YẾU**

*Devadaha Sutta.*

*At Devadaha. The Buddha examines the Jain thesis that liberation is to be attained by self-mortification, proposing a different account of how striving becomes fruitful.*

**Tại thị trấn Devadaha**

*Phật xem xét chủ trương của Kỳ-na giáo cho cần khổ hạnh mới đạt giải thoát, và đề nghị một giải thích khác, làm thế nào để tinh cần đem lại kết quả.*

**II. TÓM TẮT**

Tại thị trấn Devadaha của bộ tộc Sakya (Thích Ca), Phật thuật lại cho chúng tỳ kheo việc Ngài luận bại chủ trương của lũ thể ngoại đạo Nigantha (Ni-kiên Tử).

1. Ngoại đạo Ni-kiên Tử chủ trương: Tất cả cảm thọ vui, khổ, trung tính đều do nghiệp quá khứ [1]. Nếu diệt nghiệp quá khứ (bằng khổ hạnh), không tạo nghiệp mới, thì tất cả nghiệp chấm dứt. Do nghiệp đoạn, khổ đoạn; do khổ đoạn, cảm thọ đoạn; do cảm thọ đoạn, tất cả khổ sẽ chấm dứt [2]. Phật dạy, vì họ không biết gì về đời quá khứ, không biết thiện pháp hiện tại; nên thật không hợp lý chủ trương như vậy [3]. Ví như người bị trúng tên độc cảm thọ đau đớn lúc y sĩ mổ xẻ, lúc vật dụng dò tìm chạm da thịt, lúc mũi tên được rút ra, lúc đốt miệng vết thương, lúc đắp thuốc. Khi vết thương lành, người ấy phải nhớ đã trải qua những đau khổ như thế nào, và cũng biết hiện tại mình đã khỏi bệnh, an vui.



2. Các Ni-kiền Tử nói: Nigantha tự xưng có tri kiến toàn diện luôn tồn tại khi đi đứng ngủ thức. Ông đã dạy tu khổ hạnh để làm mòn ác nghiệp cũ, hộ trì thân khẩu ý để tương lai không tạo ác nghiệp. Chúng tôi hoan hỉ tin nhận lý thuyết ấy. Phật dạy những gì ta tin tưởng, hoan hỉ chấp thuận, nghe đồn, xét thấy có lý, chấp nhận một quan điểm - cả năm điều ấy có thể đúng hoặc sai.

3. Vì chỉ có đau đớn khốc liệt khi có tha thiết tinh cần, không tinh cần thì không khổ, nên nói cảm thọ do nhân các nghiệp quá khứ là sai. Lại nữa, khổ hạnh không thể làm cho nghiệp *hiện báo* [4] thành sanh báo và ngược lại; nghiệp có khổ báo thành nghiệp lạc báo và ngược lại; nghiệp *đã chín* [5] thành chưa chín và ngược lại; nghiệp nhiều báo thành ít báo và ngược lại; nghiệp có báo thành nghiệp không báo [6] và ngược lại.

4. Phật kết luận: Ni-kiền Tử đáng bị chỉ trích vì mười điểm: Nếu cảm giác khổ vui do nghiệp quá khứ, thì quá khứ họ đã làm nhiều phi pháp; nếu do tạo hóa [7] họ đã có một tạo hóa hung ác; nếu do kết hợp các điều kiện [8], họ đã kết hợp ác duyên; nếu do sinh loại [9], họ bị ác sinh loại; nếu do tinh tấn hiện tại, họ đang thực hành tà tinh tấn. Nếu khổ vui không do năm nguyên nhân ấy, Ni-kiền Tử vẫn đáng bị chỉ trích, vì vô có tự chuốc khổ.

5. Tinh tấn có kết quả là khi vị tỷ kheo không để tự ngã bị khổ thắng lướt, không từ bỏ lạc thọ hợp pháp nhưng cũng không bị nó chi phối [10]. Vị ấy biết hai cách diệt trừ tham dục (nhân khổ) là tinh cần và xả [11]. Vì khi tinh cần thì không có tham dục; cũng thế khi tu xả. Ví như có người sầu khổ vì nhiệt tình ái mộ một cô gái, khi biết vậy bèn xả tâm luyến ái và từ đấy đâm ra đứng đưng dù thấy nàng nói cười với bất cứ ai. Sự tinh cần chống lại ái dục trong trường hợp ấy được gọi là tinh tấn hợp pháp. Lại nữa nếu

tự thấy lạc thọ khiến bất thiện tăng, thiện giảm, ngược lại tinh cần khiến thiện tăng [12], bất thiện giảm; vị tỷ kheo sẽ khổ hạnh vừa đủ để nhiếp phục tự ngã, như thợ làm tên nung tên cho dễ uốn. Sự tinh cần có kết quả là như cuộc đời Phật từ khi xuất gia đến lúc thành đạo.

6. Và Phật kết luận có mười trường hợp Như Lai đáng được tán thán, ngược lại với mười điều đáng chỉ trích của Ni-kiên Tử: Nếu lạc khổ do nghiệp quá khứ, Như Lai đã làm thiện hành nên nay được tối thắng lạc; nếu do tạo hóa, Như Lai đã được sinh bởi một tạo hóa toàn thiện; nếu do duyên hợp, Như Lai đã kết thiện duyên; nếu do sinh loại, Như Lai đã được thiện sinh; do tinh cần hiện tại, Như Lai đã thiện tinh tấn. Với năm giả thuyết ngược lại Như Lai cũng đáng được tán thán.

### III. CHÚ GIẢI

1. Trong Tương ưng 36, 21 và Tăng chi 3, 61, Phật cũng bác bỏ thuyết này của Kỳ-na giáo, cho cảm thọ vui khổ là do nghiệp quá khứ. Giáo lý Phật thừa nhận có thứ cảm thọ không do nghiệp quá khứ mà do nghiệp hiện tại, và còn có thứ cảm thọ không có tác dụng nghiệp và cũng không phải là hậu quả nghiệp.

2. Đây là chủ trương của Ni-kiên Tử, như trong kinh số 14.

3. Thuyết Ni-kiên Tử không hợp lý vì chính *sự tha thiết tinh cần* (khổ hạnh) khiến cảm thọ đau đớn không phải là nghiệp quá khứ.

4. Nghiệp *hiện báo* là hành động có hậu quả ngay trong đời này.

5. Nghiệp *hiện báo đã chín* cũng đồng nghĩa với nghiệp hiện báo, nghĩa là phải chịu hậu quả ngay bây giờ. Nghiệp *chưa chín* đồng nghĩa với nghiệp sanh báo nghĩa là

phải chịu hậu quả ở đời kế tiếp. Nhưng có sự phân biệt như sau. Tất cả nghiệp nào có quả báo trong cùng một đời đều được gọi là hiện báo, song chỉ có những nghiệp đem lại quả báo trong vòng bảy ngày mới được gọi là nghiệp *đã chín*.

6. Nghĩa là một nghiệp không có cơ hội đem lại quả báo.

7. *Issaranimmānehetu*. Thuyết này của hữu thần giáo bị Phật bác bỏ trong kinh Tăng chi 3, 61.

8. *Sangatibhāvahetu*, ám chỉ học thuyết của Makkhali Gosàla (Mạt già lê), bị bác bỏ đông dài trong kinh Trung 60 và Tăng chi 3.

9. *Abhijātihetu*, một tín điều của Makkhali Gosàla.

10. Thuyết Trung đạo của Phật, tránh cực đoan khổ hạnh ép xác và cực đoan say đắm nhục lạc.

11. Kinh số giải thích nguồn gốc khổ là tham ái, được gọi thế vì đây là gốc rễ của khổ bao hàm trong năm uẩn. Đoạn kinh này đưa ra hai cách diệt tham ái là nỗ lực tinh cần và buông xả. Sự tàn tạ của nguồn gốc, theo Kinh số, là đạo lộ siêu thế. Đoạn kinh này muốn ám chỉ cách tu tập của một vị lợi tuệ đi trên con đường vui (*sukhapatipadā khippābhinnā*).

12. Đoạn này hiển thị lý do Phật cho phép chư tử khéo tu khổ hạnh đầu đà một cách vừa phải để vượt qua những nhiệm ô. Những khổ hạnh trong đạo Phật không phải để làm tiêu mòn nghiệp cũ và thanh luyện tâm hồn như Kỳ-na giáo và ngoại đạo chủ trương. Theo Kinh số, đoạn này hiển thị sự tu hành của một tử khéo có tuệ chậm lụt đi trên con đường gian nan (*dukkhapatipadā dandhābhinnā*).

#### IV. PHÁP SỐ

(không có)

## V. KÊ TỤNG

1. Ở De-va-da-ha  
Thị trấn tộc Sa-kya  
Phật thuật lại tỏ tường  
Luận bại Ni-kiên Tử.

Pháp này nói khổ vui  
Đều do nghiệp quá khứ  
Nghiệp đoạn cảm thọ đoạn  
Thọ đoạn, dứt khổ đau.

Nhưng vì không thể biết  
Đòi quá khứ ra sao  
Đã tạo nghiệp thế nào  
Đến mức nào hết khổ?

Làm sao trong hiện tại  
Thành tựu các hạnh lành?  
Không biết những việc ấy  
Thuyết họ thành vô căn.

Như người trúng tên độc  
Chịu đau lúc mổ xẻ  
Lúc dò tìm tên độc,  
Lúc rút mũi tên ra,

Lúc đốt nung, đắp thuốc  
Khỏi bệnh phải nhớ ra  
Khổ đau càng cay đắng  
An vui thêm mặn mà.

2. "Ni-kiên Tử toàn trí  
Có tri kiến toàn diện  
Lúc đi đứng ngủ thức.  
Dạy khổ hạnh nghiệp tiêu.

Hộ trì thân khẩu ý,  
Tương lai khỏi tạo ác  
Nghiệp đoạn sẽ dứt khổ  
Tôi hoan hỉ lời này."

Phật dạy điều ta *tin*  
Hoặc *hoan hỉ* chấp thuận,  
Hoặc *nghe* nhiều người nói,  
Hoặc *xét* thấy hay ho,

Hoặc *chấp nhận* quan điểm  
Đều có thể lầm to.  
Và Ngài bác chủ trương  
Thọ do nghiệp quá khứ.

Vì ngay trong hiện tại  
Họ chịu khổ khốc liệt  
Khi tha thiết tinh cần,  
Không tinh cần không khổ.

3. Khổ hạnh không thể chuyển  
*Hiện báo* thành sanh báo  
Khổ báo thành lạc báo  
Đã *chín* thành chưa chín

Nhiều báo thành ít báo  
Có báo thành không báo  
Vi không chuyển được gì  
Nên Khổ hạnh vô ích.

4. Nếu cảm giác khổ vui  
Là do nghiệp quá khứ  
Thì chắc Ni-kiền Tử  
Đã làm nhiều phi pháp

Nếu do một tạo hóa  
Tạo hóa ấy hung ác  
Nếu do nhiều duyên hợp,  
Ni Kiền bị ác duyên

Nếu do sáu sinh loại  
Họ thuộc ác sinh loài  
Nếu do nghiệp hiện tại,  
Ni Kiền nỗ lực sai.

Nếu cảm giác khổ vui  
Không do năm nhân ấy,  
Ni Kiền vẫn đáng chê  
(Vì vô cơ chuốc khổ).

5. Tinh tấn có kết quả  
Là khi vị tỷ kheo  
Nhận lạc thọ hợp pháp  
Bất động trước khổ vui.

Vị ấy biết rõ rằng  
Tham dục không khởi lên  
Khi tinh cần nỗ lực  
Hoặc khi tu tập xả

Ví như có một người  
Say đắm một nữ nhân  
Do nhiệt tình ái mộ  
Nên mất ngủ mất ăn

Đau khổ vì hờn ghen  
Trái tim chàng tan nát  
Những khi thấy cô nàng  
Vui đùa cùng kẻ khác.

Sau thấy sự tai hại  
Bèn dứt bỏ mê say  
Tâm an nhiên tự tại  
Mặc ai cười với ai.

Phật đưa ví dụ này  
Hiển thị có hai cách  
Để trừ diệt tham ái  
Nguyên nhân của khổ sầu:

Một là tu tập xả  
Không ái luyến tham cầu  
Hai tinh cần nỗ lực  
Khi vướng lụy mắc câu.

Tinh cần tiêu ái dục  
(Nguyên nhân của khổ đau)  
Là tinh cần hợp lý  
Trong pháp Phật nhiệm mầu.

Lại nữa nếu trú lạc  
Mà ác tăng, thiện giảm  
Nên khổ hạnh hợp lý  
Để nhiếp phục bản thân.

6. Như Lai đáng tán thán  
Vi cả mười trường hợp:  
Dù khổ vui hữu tình  
Do nghiệp cũ hay không.

Như Lai đã thiện hành  
Nay gạt Niết-bàn lạc  
Không như ai làm ác  
Khiến nay phải hành xác;

Dù khổ vui hữu tình  
Do, không do tạo hóa:  
Như Lai đã được tạo  
Bởi tạo hóa thiện hiền.

Dù khổ vui hữu tình  
Do, không do các duyên:  
Như Lai thiện kết hợp  
Tối thắng lạc hiện tiền.



Dù khổ vui hữu tình  
Do, không do sinh loại:  
Như Lai sinh loại lành  
Nay được Niết-bàn lạc.

Dù khổ vui hữu tình  
Do, không do tinh tấn:  
Như Lai khéo tinh tấn  
Nay được Niết-bàn vui.



Kinh số 102  
**Kinh Năm Ba**

**I. TOÁT YẾU**

*Pañcattaya Sutta.*

*A survey of various speculative views about the future and the past and of misconceptions about Nibbāna.*

**Năm và Ba**

*Xét qua các kiến chấp siêu hình về vị lai quá khứ và những quan niệm sai lạc về Niết-bàn.*

**II. TÓM TẮT**

Tại vườn Cấp Cô Độc [1], Phật dạy chúng tỳ kheo các chủ thuyết ngoại đạo luận bàn về tương lai tự ngã sau khi chết:

1. Không bệnh [2], có tướng;
2. Không bệnh, không tướng;
3. Không bệnh, phi tướng phi phi tướng;
4. Đoạn diệt;
5. Hiện tại Niết-bàn.

Tóm lại, ba chủ trương đầu thuộc thường kiến (cho rằng sau khi chết, tự ngã tồn tại không bệnh), chủ trương 4 là đoạn kiến (cho hữu tình chết là hết); chủ trương cuối chấp hiện tại Niết-bàn. Những chủ thuyết ấy xoay vần từ 5 còn lại 3 (gồm 3 loại thường kiến kể như một, một đoạn kiến và một hiện tại Niết-bàn), hoặc từ 3 thành 5.

**A. Thường kiến loại một** là Hữu tướng (sau khi chết tự ngã không bệnh, có tướng), chia ra nhiều thuyết: 1. (tự

ngã) có sắc; 2. không sắc; 3. vừa có vừa không sắc; 4. không có không không sắc; 5. tướng đồng nhất; 6. tướng dị biệt; 7. tướng hữu hạn; 8. tướng vô lượng [3]. Vượt trên các tướng này, còn có một số ít cho rằng tự ngã là biến xứ Thức vô lượng và bất động [4], hoặc cho tự ngã là tướng Vô sở hữu xứ. Họ cho cái tướng không có gì siêu việt các tướng về sắc, vô sắc, hữu hạn hay vô lượng [5]. Như Lai biết rõ đây toàn là hữu vi (có điều kiện), và cái gì có điều kiện đều thô. Nhưng có Niết-bàn là sự chấm dứt các hành, và vi biết cái này là sự thoát ly, Như Lai đã ra khỏi các tướng ấy [6].

**B. Thường kiến loại hai** là Vô tướng [sau khi chết, tự ngã không có tướng, không bệnh] chia ra: 1. tự ngã có sắc; 2. không sắc; 3. vừa có vừa không sắc; 4. không có không không sắc [7]. Những vị này bài bác chủ trương hữu tướng, cho tướng là bệnh hoạn, cục bấu, mũi tên, chỉ có vô tướng là an tịnh, cao cả. Đối với chủ trương vô tướng này, Như Lai biết rõ: Ngoài năm uẩn ra, không thể nói sự đến đi sinh diệt tăng trưởng thuần thực của thức [8]. Đây vẫn còn là hữu vi, thô. Thấy được cái này, tức sự thoát ly khỏi hữu vi, Như Lai đã vượt qua vô tướng.

**C. Thường kiến loại ba** là Phi tướng phi phi tướng, cũng có 4 trường hợp như trên là (tự ngã sau khi chết không bệnh, không có cũng không không tướng) có sắc, không sắc, cũng có cũng không, không có không không sắc [9]. Những sa môn bà-la-môn này bài bác các chủ trương hữu tướng, và cũng bài bác chủ trương vô tướng. Họ nói hữu tướng là bệnh, cục bấu..., còn vô tướng thì kỳ cục [10]; chỉ có cái này là thù diệu, đó là phi tướng phi phi tướng. Như Lai biết không thể có sự chứng nhập xứ này nếu còn tạo tác của thấy, nghe, cảm, biết (kiến văn giác tri), vì đây là một tai họa cho việc chứng nhập xứ này [11].

Họ lại công bố xứ này không phải được chứng nhập bằng các (tâm) hành, mà bằng tàn dư của các hành[12]. Đây vẫn còn hữu vi thô. Như Lai biết rõ có sự chấm dứt các hành gọi là Niết-bàn. Sau khi biết rõ Có cái này (Niết-bàn), thấy rõ sự thoát ly khỏi cái kia (các hành), Như Lai đã vượt khỏi hành.

**D. Đoạn kiến:** Những sa môn bà-la-môn chấp sau khi chết tự ngã đoạn diệt, hủy diệt [13] thì bài bác cả ba chủ trương trên, là hữu tướng, vô tướng và phi tướng phi phi tướng. Như Lai biết những kẻ này sợ hãi chán ghét tự ngã nhưng vẫn chạy vòng quanh ngã [14], như một con chó bị cột vào dây cọc không ngừng chạy quanh cây cọc.

Tóm lại, những kiến chấp về tương lai đều lập một trong năm xứ đã kể [15] (không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng, và hiện tại Niết-bàn.)

**E. Về quá khứ,** các sa môn bà-la-môn có 16 kiến chấp như sau về tự ngã và thế giới:

1. Thường[16];
2. Vô thường [17];
3. Thường và vô thường [18];
4. Không thường, không vô thường [19];
5. Hữu biên [20];
6. Vô biên;
7. Hữu biên và vô biên;
8. Không hữu biên không vô biên;
9. Tương đồng nhất [21];
10. Tương sai biệt;
- 11-12. Tương hữu hạn, vô lượng;
- 13-14. Toàn vui, toàn khổ;

15. Vừa khổ vừa vui;

16. Không khổ không vui.

Những vị giữ một trong 16 kiến chấp này đều cho chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai. Nhưng về điều này, họ không có một tri kiến thuần tịnh thân chứng nào ngoài niềm tin, sự hoan hỷ chấp nhận, nghe đồn, suy xét lý do, chấp nhận quan điểm [22]. Cho nên dù họ có quan điểm gì cũng chỉ là chấp thủ tà kiến [23]. Sau khi biết rõ Có cái này (Niết-bàn), thấy rõ sự thoát ly khỏi cái kia (các hành), Như Lai đã vượt khỏi tất cả hành [24].

### **F. Hiện tại Niết-bàn [25]**

Một số sa môn bà-la-môn [26] từ bỏ quan điểm về quá khứ vị lai, ít dục, an trú viễn ly hỷ [27]; nhưng khi viễn ly hỷ này diệt thì ưu tư sanh khởi, ưu tư diệt thì viễn ly hỷ sinh [28] như hết bóng mát lại bị nóng, hết nóng lại mát. Như Lai biết cái này là hữu vi pháp và đã vượt khỏi hữu vi. Lại có người còn vượt qua vượt khỏi hữu vi. Lại có người còn vượt qua viễn ly hỷ, đạt được phi vật chất lạc [29] cho là thù diệu. Nhưng khi phi vật chất lạc bị diệt thì viễn ly hỷ sanh, và ngược lại. Cái này cũng thuộc hữu vi, Như Lai đã vượt qua. Có người vượt qua cả 2 thứ hỷ lạc trên, an trú bất khổ bất lạc cho là thù diệu. Nhưng khi bất khổ bất lạc này diệt, phi vật chất lạc [30] lại sinh, như bóng mát nhường chỗ cho sức nóng. Như Lai biết đây cũng thuộc hữu vi và đã vượt qua. Lại có người vượt qua tất cả chủ thuyết và tu tập trên, không dục kiết sử, vượt qua hỷ, lạc, vô khổ vô lạc, quán "ta là tịch tịnh không chấp thủ." [31] Nhưng Như Lai biết vị này vẫn còn chấp thủ [32].

Vô thượng tịch tịnh được Như Lai chính đẳng giác, đạt giải thoát không chấp thủ [33] do biết tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt và nguy hiểm của 6 xúc xứ [34].

[đại ý đoạn này Phật dạy người nào chứng đến tứ thiên nhưng còn có ý nghĩ Ta là tịch tịnh thì vẫn còn chấp trước mặc dù đã đi đúng đường đến Niết-bàn. Vô thượng Niết-bàn được Như Lai thân chứng là khi thấy rõ cả 2 khía cạnh sinh và diệt, vị ngọt cùng nguy hiểm của 6 căn 6 trần, nhờ thấy rõ nên giải thoát chấp thủ vào 6 xúc xứ, nghĩa là thoát khỏi 5 uẩn hay cái Ta.]

### III. CHÚ GIẢI

1. Kinh này tương tự kinh Phạm Võng trong Trường Bộ kinh.

2. *Aroga, vô bệnh*, theo Kinh số, là *chấp thường* (chủ trương sau khi chết tự ngã vẫn tồn tại).

3. Kinh Phạm Võng đề cập mười sáu kiến chấp kiểu này, gồm tám quan điểm nói ở đây và thêm: (tự ngã) hữu biên, vô biên, vừa hữu vừa vô, phi hữu phi vô biên; toàn vui, toàn khổ, vừa vui vừa khổ, không vui không khổ. Trong kinh này tám quan điểm sau được kể như những suy tưởng về quá khứ.

4. Rõ ràng những kiến chấp ngã *vô sắc*, có tướng đồng nhất hoặc tướng dị biệt, căn cứ vào sự chứng đắc Không vô biên xứ. Biến xứ Thức theo kinh số, là Thức vô biên xứ. Những người chứng Thức vô biên xứ tuyên bố xứ này là tự ngã.

5. Tướng trong thiên vô sắc thứ ba - Vô sở hữu xứ - là vi tế nhất trong các tướng thế gian. Mặc dù trong thiên vô sắc thứ tư (Phi tướng phi phi tướng) vẫn còn có một loại tướng, song nó quá vi tế nên không còn thích hợp để gọi là tướng.

6. Theo Kinh số, đoạn này có nghĩa như sau: Tất cả loại tướng này cùng các kiến chấp liên hệ đều hữu vi, và vi hữu vi nên thô. Nhưng có Niết-bàn, được gọi là sự chấm dứt tất cả hành, nghĩa là cái hữu vi. Sau khi biết rõ *Có cái*

này, nghĩa là Niết-bàn, thấy sự thoát ly khỏi hữu vi, đức Như Lai đã vượt qua hữu vi pháp.

7. Bốn trường hợp sau (tướng đồng nhất, dị biệt, hữu hạn, vô lượng) không được kể ở đây vì phái này chấp ngã là vô tướng. Kinh Phạm võng đề cập tám kiến chấp, ngoài bốn cái này thêm hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, phi hữu phi vô biên.

8. Theo Kinh số, lời này nhắm đến các cõi chúng sinh đủ cả năm uẩn. Trong các cõi vô sắc, thức sinh khởi không cần có sắc uẩn, và trong cõi vô tướng thì có sắc không thức. Nhưng thức không bao giờ sinh mà vắng bóng ba tâm uẩn kia (thọ, tưởng, hành).

9. Kinh Phạm võng kể thêm bốn chấp hữu biên vô biên, vv.

10. *Sammoha*, ở đây có nghĩa khác với ngu si vọng tưởng như thường hiểu. (Bản Anh dịch là *stupefaction*).

11. Kiến văn giác tri chỉ cho các nhận thức qua cửa ngũ giác quan. Muốn đắc thiền vô sắc thứ tư, phải vượt qua mọi tâm hành thường ngày liên hệ các giác quan, vì nó là chướng ngại cho sự chứng đắc xứ này (Phi tướng phi phi tướng xứ). Do vậy tướng này gọi là *phi tướng* (*neva sannī*).

12. *Sasankhārāvasesasamāpatti*. Trong thiền vô sắc thứ tư, một tâm hành vô cùng vi tế vẫn còn sót lại, nên gọi là *Phi phi tướng*.

13. *Kinh Phạm võng* giải thích bảy loại chấp đoạn, ở đây gồm chung thành một loại.

14. *Sự sợ hãi chán ghét tự ngã* là một khía cạnh của phi hữu ái (*vibhavahanhā*), khát khao phi hữu, gọi là đoạn kiến. Nó cũng còn mang sự chấp ngã, cho rằng lúc chết là ngã hủy diệt, và do đó mặc dù nó chối bỏ ngã, thuyết này vẫn trói buộc người ta vào vòng sinh tử.

15. Kỳ thực Phật mới kể ra có bốn loại tư duy về tương lai.

16. Quan điểm này bao gồm cả bốn hạng chấp thường tư duy về quá khứ, đề cập trong kinh Phạm võng.

17. Vì đây là quan điểm về quá khứ, ta có thể xem nó ngụ ý ngã và thế giới tự nhiên phát sinh không do từ đâu cả. Như vậy nó cũng gồm cả hai thuyết ngẫu sinh trong kinh Phạm võng.

18. Thuyết này bao gồm cả bốn loại chấp một phần bất diệt (thường).

19. Thuyết này có thể gồm luôn bốn loại chủ thuyết *trườn uốn như con lươn* nói trong kinh Phạm võng.

20. Các kiến chấp từ 5-8 tương đương với bốn thuyết về không gian (extensionists) trong kinh Phạm võng.

21. Tám chấp này, từ số 9 đến 16, trong kinh Phạm võng được kể vào các chủ thuyết về tương lai tự ngã *bất diệt, hữu tướng*.

22. Nghĩa là, chủ thuyết họ không căn cứ trên trí tuệ mà chỉ dựa vào niềm tin hoặc suy luận. Kinh số 95 nói năm nền tảng niềm tin này có thể đưa đến hậu quả đúng hoặc sai.

23. Kinh số: đây không phải là chân thật trí mà chỉ là tà giải (hiểu sai), nên gọi là ôm giữ quan điểm (chấp thủ kiến).

24. Theo Kinh số, ngang đây đã bao gồm tất cả sáu mươi hai kiến chấp đề cập trong kinh Phạm võng; nhưng kinh này có phạm vi rộng lớn hơn vì nó còn bao gồm một trình bày về ngã kiến, nhất là ở đoạn cuối nói về một vị chứng tứ thiên.



25. Tiêu đề này do đại đức Ñaṇamoli đưa vào cho đủ số năm, vì ở trên Phật chỉ mới trình bày có bốn loại quan điểm.

26. Kinh số: Đoạn này cốt hiển thị rằng tất cả 62 kiến chấp siêu hình đều nặng ngã kiến (chấp có chủ thể hay cái ta dưới dạng này hay khác).

27. *Pavivekam pitim*, ám chỉ hai thiên đầu có hi.

28. Theo Kinh số, ưu tư khởi lên là do mất thiền. Ưu tư không khởi lên ngay sau khi thiền (tâm) chấm dứt, mà khởi lên khi (hành giả) suy nghĩ về sự biến mất của (tâm) thiền.

29. *Nirāmisam sukham*. Đây là lạc ở thiên thứ ba.

30. Thiên thứ tư.

31. *Santo ham asmi, nibbuto ham asmi, anupādāno ham asmi*. Từ ngữ *aham asmi*, tôi là, chúng tỏ vị ấy vẫn còn chấp trước, như Phật sẽ hiển thị.

[Chú riêng của người dịch: Xem thêm kinh Kim Cương, chỗ Phật hỏi Tu Bồ Đề rằng A-la-hán có ý thức mình là la hán không. Tu Bồ Đề bạch: Dạ không, vì nếu có tức còn chấp ngã, chưa thực sự thanh tịnh. Sở dĩ Phật nói con - Tu Bồ Đề - là kẻ ưa tịch tịnh cũng vì trong tâm con không còn một tạo tác nào cả, vô sở hành.]

32. Theo Kinh số, đây là ngã kiến, vì còn thấy *ta là tịch tịnh*.

33. Ở chỗ khác, *giải thoát không chấp thủ (anupādā vimokkha)* có nghĩa là Niết-bàn, nhưng ở đây có nghĩa là sự chứng quả A-la-hán.

34. Kinh Phạm võng cũng hiển thị sự liễu tri các khía cạnh tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của sáu xúc sứ là con đường vượt khỏi mọi kiến chấp.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Phật dạy chúng tỳ kheo  
Ngoại đạo bàn tự ngã  
Có ba loại chấp *thường*  
Có tướng hoặc không tướng;

Một chấp *ngã đoạn diệt*;  
Một *hiện tại Niết-bàn*.  
Đây là các chủ thuyết  
Xoay vần giữa năm ba.

Chấp Hữu tướng gồm tám:  
Ngã có sắc, không sắc  
Vừa có vừa không sắc  
Không có cũng không không;

Ngã có tướng đồng nhất  
Hoặc có tướng dị biệt  
Hoặc có tướng hữu hạn  
Hoặc có tướng vô cùng.

Trên nữa có các chấp  
Ngã là Thức vô biên,  
Hoặc Vô sở hữu xứ  
Vẫn còn hữu vi thô.

Chấp Vô tướng gồm bốn:  
Ngã có sắc, không sắc;  
Hoặc vừa có vừa không;  
Không có cũng không không.

Vô tướng bác Hữu tướng,  
Cho tướng là bệnh hoạn,  
Là cục bấu, mũi tên,  
Chỉ Vô tướng thù diệu.

Nhưng bàn Thúc đến đi  
Diệt, sinh hay tăng trưởng  
Ngoài sắc thọ tướng hành  
Là việc làm phi lý.

Chấp Phi tướng phi phi  
Gồm bốn: có, không sắc,  
Cũng có cũng không sắc,  
Không có cũng không không.

Bác hữu tướng cục bấu  
Vô tướng thì kỳ cục  
Chỉ cái này thù diệu:  
Phi tướng phi phi tướng.

Như Lai như thật biết  
Nếu nhờ hành sót lại  
Mà chứng Phi phi tướng  
Vẫn còn hữu vi thô.

Phái chủ trương đoạn diệt  
Vẫn xoay quanh tự ngã:  
Sau chết, ta thế này  
Như chó chạy quanh cột.

Về tự ngã, thế giới  
Có mười sáu kiến chấp  
Liên hệ đến quá khứ:  
Là thường, là Vô thường

Vừa thường vừa vô thường  
Không thường, không vô thường;  
Là Hữu biên, Vô biên;  
Vừa Hữu biên, vô biên

Không hữu không vô biên  
Tướng đồng nhất; sai biệt  
Tướng hữu hạn, vô lượng;  
Tướng toàn vui, toàn khổ

Vừa khổ lại vừa vui;  
Không khổ cũng không vui.  
Ai cũng cho mình đúng  
Các quan điểm khác sai.

Lại có những sa môn  
Từ bỏ các quan điểm  
An trú viễn ly hỷ;  
Cho đấy là thù diệu

Nhưng khi hỷ này diệt  
Thì ưu tư sanh khởi.  
Kẻ đắc thiên thứ ba,  
Xem lạc này thù diệu

Nhưng khi lạc ấy diệt  
Viễn ly hỷ lại sinh  
(tụt xuống lại nhị thiên)  
Như hết mát lại nóng.

Có người vượt tam thiên  
Hết bị dục trói buộc  
Chứng tứ thiên và nghĩ  
"Ta tịch tịnh vô chấp."

Nhưng họ còn vẫn chấp  
Dẫu đã đi đúng đường.  
Cái Vô thượng tịch tịnh  
Được Như Lai chính giác

Khi biết rõ năm uẩn:  
Khởi, diệt, và vị ngọt,  
Cùng nguy hiểm của chúng  
Nên vô chấp, xuất ly.



Kinh số 103  
**Nghĩ như thế nào?**  
(*Kinti Sutta*)

**I. TOÁT YẾU**

***Kinti Sutta: What Do You Think About Me?***

*The Buddha explains how the monks can resolve disagreements about the Dhamma*

***Các ông nghĩ gì về Ta?***

*Phật dạy các tỳ kheo cách giải quyết những bất đồng về Pháp.*

**II. TÓM TẮT**

Phật ở Kusinara gọi các tỳ kheo mà hỏi, có phải vì bốn sự cúng dường hay vì thành bại [1] mà Thế Tôn thuyết pháp không. Chúng tỳ kheo thưa không. Ngài chỉ vì từ tâm và lợi tha mà nói pháp. Phật dạy nếu biết thế, thì hãy học tập tất cả pháp mà Như Lai sau khi thân chứng đã truyền dạy - tức là 4 niệm xứ, 4 chính cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo - và hãy tu học trong tinh thần hòa hợp không tranh cãi. Nhưng trong khi tu học hòa hợp như vậy, có thể có sự bất đồng giữa hai tỳ kheo về Thắng pháp [2] hoặc về Luật. Nên dàn xếp như sau.

**A. Về pháp:**

Vị tỳ kheo hòa giải nên xét xem sự bất đồng của họ thuộc tính chất nào. Có 4 trường hợp:

1. Giữa 2 phe, có sai khác cả về nghĩa lẫn về văn [3];
2. Hoặc sai khác về nghĩa, đồng nhất về văn;
3. Hoặc đồng nhất về nghĩa, sai khác về văn;

#### 4. Hoặc đồng nhất về nghĩa và văn.

Vị hòa giải nên đến người nào dễ nói trong cả 2 phe để khuyên họ đừng cãi lộn: Với 2 trường hợp đầu, cãi nhau vô ích vì hai bên không đồng nói một chuyện (khác nhau về nghĩa); với 2 trường hợp sau thì chỉ khác nhau về văn là vấn đề nhỏ nhặt [4] không nên cãi nhau vô lối.

#### **B. Về Luật:**

Nếu có người phạm giới phạm luật [5] thì không nên khiển trách liên, mà phải suy nghĩ đắn đo như sau, trường hợp nào nên nói, trường hợp nào không nên.

1. Nên sửa sai cho người ấy nếu việc này không hại gì cho ta, cho họ; họ không phẫn uất, lạnh lợi, dễ nói, và ta có thể khiến họ bỏ ác theo thiện.

2. Vẫn nên sửa sai nếu xét thấy cuối cùng ta sẽ khiến người ấy bỏ ác theo thiện mặc dù có thể gặp một hay nhiều chướng ngại như sau: a) có hại cho ta; b) có hại cho người; c) có hại cho cả hai; d) người kia phẫn uất; e) chậm lụt; f) khó nói. Nhưng tất cả trở ngại này đều là việc nhỏ nếu cải hóa được một con người.

3. Ngược lại nếu xét thấy cuối cùng không thể nào sửa đổi họ dù phải chịu những thiệt thòi trên, thì nên xả, nhưng không nên khinh miệt.

Trong khi tu học với tinh thần hòa hiệp, nếu có khởi lên một cuộc cãi nhau, một ý kiến ngoan cố, tâm hiểm hận phẫn nộ ưu não, thì người hòa giải nên đi đến người nào dễ nói nhất trong mỗi phe và bảo: Có phải nếu biết được việc này thì vị Sa môn [6] sẽ quở trách? Nếu không bỏ việc này [7] thì có thể chúng Niết-bàn không? Đương nhiên họ phải đáp rằng Phật sẽ quở trách, và không thể chúng Niết-bàn. Khi sự thuyết phục thành công, nếu có ai hỏi có phải nhờ ngài mà họ đã an trú vào điều thiện không, vị tỷ kheo

hòa giải chỉ nên nói nhờ được nghe Pháp của Thế Tôn mà họ tự sửa đổi. Trả lời như vậy tỷ kheo hòa giải khỏi phạm lỗi khen mình chê người.

### III. CHÚ GIẢI

1. *Bhavābhavaṃhetu*, Kinh số: Các người có nghĩ rằng Như Lai giảng Pháp để được công đức, được hưởng vui ở một cõi cao siêu nào chăng?

2. *Abhidhamma*. Theo Số, ám chỉ 37 pháp trợ đạo nói ở đoạn trước.

3. Nghĩa *attha* và văn *byañjana* là hai khía cạnh của Pháp Phật dạy. Xem thêm Trường 29, cũng bàn đến sự bảo tồn Pháp cho đúng về văn và nghĩa.

4. Đoạn này muốn nói rằng câu văn hơi khác không nhất thiết trở ngại việc hiểu đúng ý nghĩa. Nhưng ở chỗ khác, ví dụ kinh Tăng Chi 2, Phật có dạy rằng Điều pháp biến mất là do hai yếu tố: diễn đạt sai trên văn tự, và giải sai ý nghĩa.

5. Nguyên tắc chung trong việc sửa sai là: Nếu vị tỷ kheo có lỗi có thể sửa đổi, thì dù vị ấy có bị tổn thương và bản thân người can gián bị phiền hà, cũng nên can. Nhưng nếu vị ấy không thể nào sửa đổi được, thì người can gián nên có thái độ xả.

6. Vị Sa môn ở đây là đấng Đạo sư (*satthā*), chỉ đức Phật. Như ở kinh Trung bộ 105.

7. Việc này có nghĩa là sự cãi nhau.

### IV. PHÁP SỐ

(không có)



## V. KÊ TỤNG

Phật ở Câu-thi-na  
Gọi chư tử khéo hỏi  
Như Lai có giảng dạy  
Để được phước lợi lành?

Chúng tử khéo thưa không,  
Ngài chỉ vì từ tâm  
Vì lợi ích tha nhân  
Mà thuyết tuyên diệu pháp.

Vậy hãy khéo tu học  
Bám bảy pháp trợ đạo  
Do Như Lai thân chứng  
Trong tinh thần vô tranh.

Nên hòa giải tranh chấp  
Mỗi khi có bất đồng  
Giữa hai nhóm tử khéo  
Khi bàn về thắng pháp:

Khác nhau nghĩa và văn;  
Đồng nhất văn, khác nghĩa;  
Đồng nhất nghĩa, khác văn;  
Đồng nhất văn và nghĩa.

Với hai trường hợp đầu  
(Kẻ nói gà người vịt)  
Cãi nhau thật vô ích  
Vì vấn đề khác nhau.

Với hai trường hợp sau  
- đồng nghĩa, văn hơi khác -  
Cũng không nên cãi nhau  
Về bất đồng vụn vặt.

Vị Tỷ khéo hòa giải  
Nên đến người dễ nói  
Ở trong cả hai bên  
Để trình bày như trên.

Khi phạm giới xảy ra  
Xét nên, không nên nói  
Nên nói nếu không hại  
Cho người hoặc cho ta;

Người kia không phần uất,  
Thông minh, biết phục thiện  
Và chính ta có thể  
Đưa họ thoát đường tà.

Và cũng nên sửa sai  
Nếu xét ra sửa được  
Dù có những phiền phức:  
Hoặc hại bản thân ta

Hoặc hại đến cho người  
Hoặc ta, người đều hại;  
Hoặc người kia phần uất  
Chậm hiểu, khó thuyết phục.

Tất cả chương ngại này  
Chỉ là điều nhỏ nhặt  
So với việc to lớn  
Cải hóa một con người.

Nhưng nếu xét cho cùng  
Có nói chỉ phí công  
Thì bỏ qua, im lặng  
Nhưng cũng chớ phiền lòng.

Giữa chúng tăng bình yên  
Bỗng khởi lên tranh cãi  
Ngoan cố và hiểm hận  
Nên hòa giải đôi bên:

*Đấng Đạo sư biết được  
Ngài sẽ quở trách liền.  
Không từ bỏ tranh chấp  
Niết-bàn khó chứng nên.*

Nếu hòa giải thành công,  
Nên nói nhờ Phật Pháp  
Mà hai phe tranh chấp  
Tự bỏ ác theo lành.



## Kinh số 104

### Làng Sāma

#### I. TOÁT YẾU

*Sāmagāma Sutta - At Sāmagāma.*

*The Buddha lays down disciplinary procedures for the guidance of the Sangha to ensure its harmonious functioning after his demise.*

*Tại làng Sāma.*

*Phật ấn định những điều luật để chỉ đạo cho tăng chúng sống hòa hợp sau khi Ngài Niết-bàn.*

#### II. TÓM TẮT

A. Phật thuyết kinh này ở thôn Xá-di (Sāmagāma) của bộ tộc Thích Ca (Sakka). Sau khi giáo chủ Ni-kiền Tử qua đời ở Pàvā [1], đệ tử chia làm hai phe đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi, khiến cư sĩ của họ chán ngấy, như đã chán ngấy Pháp và luật vụng thuyết không đưa đến giải thoát, do một người chưa đạt hoàn toàn giải thoát giảng dạy; và bây giờ họ không còn nơi nương tựa [2]. Đây là những gì sa di Cunda [3] thuật lại với tôn giả A-nan. Tôn giả đến bạch Phật. Phật dạy trong Phật pháp không có sự cãi nhau về 37 pháp trợ đạo, nên khỏi lo. A-nan lại lo có tranh luận về giới luật [4]. Phật dạy tranh luận này là việc nhỏ nhất không đáng kể, chỉ có tranh chấp về Pháp [5] mới đem lại bất an cho đa số.

Rồi Ngài dạy có 6 nguyên nhân tranh chấp [6] là:

- Hiềm hận não hại,
- Khinh miệt lẫn lớt,

- Ganh ghét xan tham,
- Gian manh xảo trá,
- Ác dục tà kiến,
- Cố chấp khó xả.

Do 6 gốc rễ này mà tỷ kheo sống không kính Đạo sư, Pháp và Tăng, không viên mãn học tập. Vậy hãy có phương pháp dứt các tranh chấp đưa đến bất an cho đa số.

**B. Các tranh chấp có 4:**

- Do tranh luận,
- Do chỉ trích,
- Do phạm giới,
- Do trách nhiệm.

Để diệt 4 tránh sự này [7] có 7 nguyên tắc [8]:

1. *Hiện tiền tỳ-ni (vinaya: tỳ-ni)* [9]: tất cả tỷ kheo phải có mặt để phán quyết một việc tranh cãi theo chỉ đạo của Pháp [10];

2. Quyết định đa số (*đa nhân mich tội*): khi tránh sự không thể giải quyết tại chỗ, thì phải đi đến một trú xứ nhiều tỷ kheo hơn, rồi tất cả tập hợp để giải quyết;

3. *Úc niệm tỳ-ni* [11], để cho đương sự tự nhớ lại có phạm tội ba la di hoặc gần ba la di [12] hay không;

4. *Bất si tỳ-ni* [13]: đương sự bị điên đã làm quấy, tỉnh lại không nhớ;

5. Quyết định tùy theo thú nhận (*tự ngôn tri*) [14]: là khi một tỷ kheo nhớ 1 giới tội, tỏ lộ với một tỷ kheo lớn tuổi hơn mà sám hối;

6. Quyết định tùy theo giới tội người phạm [15] (*Mich tội tướng*);

7. Trái cỏ che lấp (*Như thảo phú địa*) [16]: cả 2 phe lần lượt cử ra một người đứng lên tỏ lộ tội lỗi của những người phe mình để xí xóa cho nhau, trừ những tội trọng và tội liên hệ đến cư sĩ [17].

C. Có sáu pháp khả niệm (lục hòa) đem lại sự hòa hợp [18] cho tăng chúng, đó là:

- 1) An trú từ thân nghiệp đối với nhau;
- 2) Từ khẩu nghiệp;
- 3) Từ ý nghiệp;
- 4) San sẻ lợi dưỡng;
- 5) Cùng thành tựu giới luật;
- 6) Thành tựu tri kiến thánh thiên đưa đến xuất ly.

Thực hành sáu pháp này thì không có một cách nói nào thô hoặc tế mà tỷ kheo không thể chịu nổi [19]. Sáu pháp ấy sẽ mang lại cho tỷ kheo an lạc hạnh phúc lâu dài.

### III. CHÚ GIẢI

1. Kinh này mở đầu giống kinh Trường bộ 29, cũng liên quan đến việc duy trì sự hòa hợp của tăng chúng sau khi Phật nhập diệt.

2. Theo Kinh sớ, đền thờ và chỗ tựa ở đây là Nàtaputta, vị giáo chủ đã chết.

3. Sa di Cunda là em trai tôn giả Xá-lợi-phất.

4. Ngay lúc Phật còn ở đời, tranh chấp thuộc loại này cũng đã xảy ra trong chúng tỷ kheo ở Kosambi, được nói trong kinh Trung bộ 48 đoạn 2.

5. Đây là tranh chấp về Bát thánh đạo hoặc các giác chi khác.

6. Bốn cặp đầu bao gồm các câu uế làm ô nhiễm tâm nói trong kinh Trung bộ 7.

7. *Adhikarana*. Horner dịch là *legal questions* (vấn đề luật pháp) đề cập đông dài trong Luật tạng. Vấn tắt, *ngôn tránh* (*vivādādhikarana*) khởi lên khi tỳ kheo cãi nhau về Pháp và Luật; *phạm tránh* (*anuvādādhikarana*) khi buộc tội một tỳ kheo phạm giới luật; *mịch tránh* (*āphattādhikarana*) khi một tỳ kheo phạm giới tìm cách chối tội; *sự tránh* (*kiccādhikarana*) liên hệ đến việc thực thi các phạt sự của tăng.

8. *Adikaranasamatha*, chỉ tránh hay diệt tránh. Làm thế nào áp dụng bảy cách diệt tránh để dàn xếp 4 loại tranh chấp, được nói trong Luật tạng.

9. *Sammukhāvīnaya*, Hiền tiền tỳ-ni. Luật giảng là đối diện với, hay với hiền diện của Tăng chúng, Pháp, Luật và những người liên hệ đến việc tranh chấp. Luật này áp dụng cho cả bốn loại tránh sự (chuyện cãi nhau), chỉ khác nhau cách diễn đạt.

10. *Dhammanetti samanumajjitabbā*, Kinh số đưa ví dụ là mười thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, ở đây cốt ám chỉ Pháp và Luật.

11. *Sativīnaya*, ức niệm tỳ-ni. Khi một tỳ kheo vô tội mà bị cử tội thì vị ấy phải xin tăng làm pháp yết ma Ức niệm để vị ấy nhớ đầy đủ và chính xác hành vi mình.

12. Tội Ba-la-di, *pārājika*, là tội đáng trục xuất khỏi tăng chúng. Tội gần Ba-la-di là phạm Tăng tàn *saṅghādisesa*, (cần họp chúng để tỏ lộ và hành sám một thời gian); hoặc phạm những bước đầu tiến đến trọng tội.

13. *Amūlhaṅgīnaya*, Bất si tỳ-ni, Một tỳ kheo trong quá khứ bị bệnh điên đã phạm những giới tội, khi bình phục được tăng làm pháp này. Tiêu chuẩn để xác định sự điên cuồng là đương sự không nhớ mình đã làm gì trong lúc bị điên.

14. Thủ tục này là phương pháp lập ra để giải tội cho một tỳ kheo khi phạm một giới tội có thể sám hối để giải tỏa.

15. *Pàphiyysikā*, Mịch tội tướng, pháp này dành cho một tỳ kheo thường gây rối, ngu si nhiều lỗi, hoặc sống liên hệ bất đáng với tục gia cư sĩ.

16. *Tinavattrāra*, Như thảo phú địa, được áp dụng khi tăng chúng vướng vào một cuộc cãi vã trong đó nhiều tỳ kheo phạm các tiểu giới. Nếu kết tội những vị này thì tranh chấp sẽ kéo dài, nên Kinh dạy phương pháp để giải tỏa, được ví như lấy cỏ phủ lấp trên phân để khử mùi hôi.

17. Những giới tội đáng khiển trách nặng nề thuộc loại Ba-la-di và Tăng tàn. Giới liên hệ cư sĩ là khi vị tỳ kheo phỉ báng người thế tục.

18. Như kinh 48, đoạn 6.

19. Như kinh 21, ám chỉ ví dụ cái chĩa.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

#### **V. KÊ TỤNG**

Tại thôn Xá-di  
Phật thuyết kinh này  
Về bảy diệt tránh  
Và pháp lục hòa

Tôn giả Thuần-đà  
Thuật với A-nan  
Rằng ở Pa-va  
Đệ tử Ni-kiên  
Sau khi thầy chết  
Đã chia hai phe



Cãi nhau kịch liệt  
Tục gia đệ tử  
Đâm ra chán ngấy  
Trước tình trạng ấy  
Cũng như chán ngấy  
Pháp luật vụng thuyết  
Khiến các tín đồ  
Không chỗ tựa nương.

Tôn giả A-nan  
Nghe xong bạch Phật  
Nỗi lo của mình  
Sau Phật Niết-bàn  
Có việc tương tự  
Trong tỷ kheo chúng.  
Phật hỏi tôn giả  
Ở trong tăng chúng  
Có ai cãi nhau  
Về Bốn niệm xứ  
Về Bốn chánh cần  
Bốn Như ý túc  
Năm căn năm lực  
Về Bảy giác chi  
Thánh đạo tám ngành?

A-nan bạch Phật  
Về các pháp này  
Con không hề thấy  
Hai vị tỷ kheo  
Nói trái ngược nhau.

*Thế thì khỏi sợ.*  
Nhưng bạch Thế Tôn  
Sợ có tranh luận  
Về giới và luật.

*Đấy là việc nhỏ.*  
Tranh chấp về Pháp  
Mới là tai hại  
Đem lại bất an  
Cho đa số người.

Có sáu nguyên nhân  
Đưa đến tranh chấp:  
Hiềm hận nào hại  
Khinh miệt lẩn lớt,  
Ganh tị xan tham  
 Gian manh xảo trá,  
Ác dục tà kiến  
Cố chấp khó xả.

Do sáu pháp này  
Tỷ kheo không kính  
Phật, Pháp và Tăng,  
Không tròn học giới.

Vậy hãy tìm cách  
Dứt các tranh luận  
Đưa đến bất an  
Cho cả mọi người.

Tranh chấp có bốn:  
Do tranh luận Pháp,  
Do chỉ trích nhau  
Do phạm giới tội,  
Và do trách nhiệm.

Để diệt tránh sự  
Có bảy nguyên tắc:  
*Hiện tiền tỳ-ni*  
Tất cả tỳ kheo  
Đều phải có mặt  
Mỗi khi phán quyết  
Một việc tranh cãi  
Theo đúng luật pháp.

*Đa nhân mịch tội*  
(Quyết định đa số)  
Gặp một tránh sự  
Khó mà giải quyết  
Tại chỗ mình ở,  
Hãy đến trú xứ  
Có nhiều tỳ kheo  
Hợp lại xử phân.

*Úc niệm tỳ-ni*  
Là cho đương sự  
Tự nhớ tội mình  
Để rồi xử trị.

*Bất si tì ni*

Lúc điên phạm giới  
Nay đã tỉnh lại  
Xin tặng miễn bàn.

*Pháp tự ngôn trị*

Là tỏ lỗi mình  
Trước người lớn hơn  
Để mà sám hối.

Pháp *Mịch tội tướng*  
Gặp kẻ chối quanh  
Thì cứ phán xét  
Theo tội đã phạm.

*Trái cỏ che lấp*

Là khi hai phe  
Đều phạm nhiều lỗi  
Cứ ra đại diện  
Xin lỗi lẫn nhau.

Cuối cùng Phật dạy  
Sáu pháp khả niệm  
(thường gọi lục hòa):  
Tỷ kheo sống chung  
Thân khẩu ý nghiệp  
Thấm nhuần từ tâm;  
San sẻ lợi dưỡng;  
Thành tựu giới luật;  
Tri kiến thánh thiện  
Đưa đến xuất ly.

Thực hành như vậy  
Thì không có gì  
Không thể kham nhẫn;  
Sáu pháp khả niệm  
Làm cho tăng chúng  
An vui lâu dài.



## Kinh số 105

# Thiền Tinh

### I. TOÁT YẾU

*Sanakkhatta Sutta - To Sunakkhatta.*

*The Buddha discusses the problem of an individual's overestimation of his progress in meditation.*

*Dạy tử kheo Thiền Tinh.*

*Phật bàn thảo vấn đề cá nhân đánh giá quá mức sự tiến bộ của mình về thiền.*

### II. TÓM TẮT

Lúc Phật ở Vesali, có nhiều tử kheo đã tuyên bố chứng thánh quả. Tử kheo Thiền Tinh [1] đến hỏi Phật những vị tuyên bố như thế có thực sự đã chứng thánh hay chưa. Phật dạy một số chứng thật, một số chỉ tuyên bố như vậy vì tăng thượng mạn [2] (chưa chứng nói chứng). Chính vì số người sau này mà Phật thuyết pháp [3]. Nhưng cũng có người ngu si bày đặt câu hỏi để chất vấn, thì dù lúc đầu Như Lai có định nói pháp cho họ, sau cũng đổi ý [4]. Khi ấy tử kheo Thiền Tinh thỉnh Phật nói Pháp. Phật dạy như sau:

1. Có hạng người thiên về vật chất thế gian [5]. Họ chỉ ưa nói chuyện vật chất thế gian, suy nghĩ những gì liên hệ năm dục, và khoái giao du với hạng người như vậy. Khi câu chuyện khởi lên liên hệ đến bất động thì họ không để ý, lóng tai hay cố tìm hiểu, cũng không khoái hạng người ưa nói về bất động. Như người xa quê ưa nghe chuyện liên hệ đến quê nhà mình. Cũng vậy, khi thấy một người

không thích câu chuyện về bất động thì nên biết đấy là hạng bị trói buộc về vật chất thế gian.

2. Một số người thiên nặng về Bất động [6] thì chỉ nói và suy tư những gì liên hệ đến bất động, và khoái giao du với hạng người tương tự. Họ không để tâm, không lóng tai hay cố tìm hiểu câu chuyện liên hệ vật chất thế gian và cũng không giao du hạng người này. Như lá khô đã lia cành, không thể xanh trở lại. Cũng vậy, khi thấy một người thiên về bất động thì nên biết họ không bị trói buộc vì vật chất thế gian.

3. Một số thiên nặng về Vô sở hữu xứ cũng như trên, không ưa nghe câu chuyện về vật chất hay bất động. Như hòn đá vỡ làm đôi không liền lại được. Cũng thế, khi thấy một người không bị trói buộc vì kiết sử bất động thì nên biết họ thiên về Vô sở hữu xứ.

4. Một số người thiên về Phi tướng phi phi tướng xứ. Họ không ưa thích nói chuyện, suy tư liên hệ đến Vô sở hữu xứ, không khoái giao du với hạng người này. Ví như một người đã ăn các món ngon chán chê, sau khi đã quăng bỏ thì không ưa ăn lại. Cũng vậy khi một người không bị trói buộc bởi kiết sử Vô sở hữu thì ta biết họ thiên về Phi tướng phi phi tướng xứ.

5. Một số thiên về chính Niết-bàn. Họ không thích hay nghe suy tư câu chuyện chỉ liên hệ Phi phi tướng xứ, hay giao du hạng người này. Kiết sử Phi tướng phi phi tướng xứ nơi họ đã bị cắt đứt như thân cây sa la. Mặc dù thiên về chính Niết-bàn, họ lại khởi lên ý nghĩ: Khát ái đã được vị Sa môn [7] gọi là mũi tên, nọc độc vô minh bị đục tham và sân làm cho lan khắp. Nay ta đã nhổ mũi tên khát ái, tẩy trừ độc vô minh. Ta là người hoàn toàn thiên hướng Niết-bàn. Vì vọng tưởng về tự ngã [8] như thế, họ có thể khởi sự

theo đuổi những việc bất đáng thuộc đối tượng giác quan, tâm họ bị tham dục xâm chiếm, và sẽ phải đau khổ cho đến chết. Ví như người bị trúng tên độc dục y sĩ giải phẫu dùng dao cắt miệng vết thương, dùng dụng cụ dò tìm mũi tên và rút ra được nhưng dấu vết mổ xẻ [9] vẫn còn. Bởi thế y sĩ dặn phải kiêng cử nắng gió bụi bặm, giữ vệ sinh, ăn đồ ăn thích hợp cho đến khi vết thương hoàn toàn bình phục. Nhưng vì không làm theo lời dặn nên vết thương lại làm độc, khiến người ấy đau như chết. Cũng thế, một người đã nhổ tên độc khát ái nếu còn chút tự mãn về việc này thì sẽ bị tham dục xâm chiếm trở lại khiến họ đau khổ gần chết. Vì trong Pháp Luật Như Lai thì một người xả giới hoàn tục cũng như chết, và phạm giới nặng thì như gần chết. Phạt dạy vết thương dụ cho 6 xúc xúc; thuốc độc là vô minh; ái như mũi tên; vật dụng dò tìm là niệm; con dao là thánh trí tuệ; y sĩ giải phẫu là Phật. Tỷ kheo phải phòng hộ sáu xúc xúc vì khi đã rõ sanh y là nguồn gốc của đau khổ [10] vị ấy lìa sanh y như xa lánh ly nước ngọt có tẩm độc, hoặc xa một con rắn độc, nếu người ấy muốn sống, không muốn chết, muốn vui không muốn khổ [11].

### III. CHÚ GIẢI

1. Xem kinh 12.

2. *Adhimānena*, tăng thượng mạn. Họ công bố chứng quả vì tăng thượng mạn, nghĩa là chưa chứng mà tự cho đã chứng.

3. Kinh số: Cho họ biết rõ họ thuộc trình độ nào.

4. Kinh số: Vì họ bị tham thúc đẩy, nên đức Như Lai không thuyết pháp cho họ. Ngài chỉ khởi lên ý hướng nói Pháp khi gặp những hành giả chân chính.

5. *Lokāmisā*, chỉ năm dục là sắc thanh hương vị xúc.



6. *Anenja*, bất động, chỉ các thiên chúng từ tứ thiên đến bốn vô sắc định. Nhưng vì hai định cao nhất được đề cập riêng, nên kinh này dường như chỉ xem tứ thiên và hai Không định đầu tiên (Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ) là Bất động.

7. Chỉ đức Phật.

8. Trở lại vấn đề tự đánh giá quá mức, như mở đầu kinh.

9. Bản PTS hoàn toàn ngược lại.

10. Như kinh 66.

11. Như kinh 46.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

#### **V. KỆ TỤNG**

Phật ở Ve-sa-li

Nhiều tỷ kheo tuyên bố

Họ đã chứng thánh quả

Khiến Thiện Tịnh hoài nghi.

Ông bèn đến hỏi Phật

Phật cho ông biết rằng

Một số đã chứng thật

Ngoài ra chỉ khoa trương

Đấy là tăng thượng mạn

Chưa chứng đã nói chứng

Chính vì hạng người này

Mà Như Lai thuyết pháp

Nhưng Ngài Không định nói  
Với kẻ chất vấn sông.  
Rồi Ngài dạy Thiện Tinh  
Đặc tính năm hạng người.

Hạng thiên về vật chất  
Hạng thiên về Bất động  
Hạng thiên Vô sở hữu  
Hạng Phi tướng phi phi  
Hạng chính hướng Niết-bàn.

Chỉ nghĩ về năm dục  
Giao du người trần tục  
Câu chuyện về Bất động  
Bị họ gác ngoài tai  
Là hạng người thứ nhất  
Bị trói vào vật chất  
Ví như kẻ đi xa  
Nhớ quê nhà dằng dặc.

Hạng thiên về Bất động  
Nói, nghĩ và tương giao  
Liên hệ đến bất động  
Gác mọi chuyện thế gian  
Như lá khô lia cành  
Không còn xanh trở lại.

Hạng thiên Vô sở hữu  
Không ưa chuyện vật chất  
Cũng chẳng màng Bất động  
Như hòn đá vỡ đôi.

Phi tướng phi phi tướng  
Thiên về định chúng này  
Không thích nói, suy tư  
Liên hệ Vô sở hữu.  
Như người đã chán chê  
Đồ cao lương mỹ vị  
Đã quăng bỏ đi rồi  
Không ưa ăn trở lại.

Hạng chính hướng Niết-bàn  
Không màng chuyện Phi tướng  
Vì họ đã cắt đứt  
Trói buộc của xứ này.

Nhưng vừa khởi tâm nghi:  
Ta ái tận, Niết-bàn  
Dục sẽ xâm chiếm tâm  
Làm họ đau như chết.

Như người trúng tên độc  
Được y sĩ mổ xẻ  
Với dụng cụ dò tìm  
Rút được mũi tên ra

Vì vết mổ còn tươi  
Y sĩ dặn kiêng cử,  
Do không theo lời dặn  
Người ấy phải đốn đau.  
Người còn chút tự mãn  
Đã nhờ độc khát ái

Sẽ bị dục xâm chiếm  
Khiến khổ đau dài dài.

Trong Pháp Luật Như Lai  
Xả giới cũng như chết  
Khi biết rõ sanh y  
Là nguồn gốc đau khổ  
Tỷ kheo lia sanh y  
Như xa lia rắn độc,  
Muốn sống, không muốn chết,  
Muốn vui, không khổ sầu.



## Kinh số 106

# Bất động lợi ích [1]

### I. TOÁT YẾU

*Ānenjasappāya Sutta - The Way to the Imperturbable.*

*The Buddha explains the approaches to various levels of higher meditative states culminating in Nibbāna.*

**Con đường đến Bất động.**

*Phật giải thích những cách đạt đến các tầng thiên chứng, tột đỉnh của nó là Niết-bàn.*

### II. TÓM TẮT

Tôi nghe như vậy, Phật ở Rammassadhamma thị trấn dân Kuru, dạy các tỷ kheo:

**(Bất động)**

Dục [2] là vô thường, trống rỗng, giả dối, thuộc ngu si tánh. Dục và dục tướng hiện tại, tương lai đều thuộc lãnh vực ma, chỗ dinh dưỡng của ma, dẫn đến tham, sân, chướng ngại cho tu tập. Sau khi xét thấy vậy, tỷ kheo an trú đại hành tâm, vượt khỏi cảnh giới của dục và quyết định [3] đắc thiên. Khi tu tập như vậy, tâm vị ấy không còn các bất thiện pháp như tham, sân, mạn, và trở thành an tịnh trong giới xứ này [4], tâm vị ấy hoặc đạt đến Bất động (định), hoặc thiên về trí tuệ (tuệ), và khi thân hoại mạng chung vị ấy sẽ tái sinh vào cõi Bất động [5]. Đây là con đường thứ nhất đạt đến Bất động.

Hoặc vị tỷ kheo suy tư như sau [6]: Những dục và dục tướng hiện tại tương lai đều liên hệ 4 đại và sắc do 4 đại tạo. Tỷ kheo hành trì như vậy, tâm vị ấy trở nên an tịnh

trong giới xứ của nó, thành tựu Bất động ngay hiện tại, hoặc thiên nặng về trí tuệ. Khi chết, thức diễn tiến như vậy có thể đạt đến Bất động. Đây là con đường thứ hai để được Bất động.

Hoặc tỷ kheo suy nghĩ [7]: "Dục, dục tướng hiện tại và tương lai, sắc, sắc tướng hiện tại và tương lai, cả 2 đều vô thường, không đáng tham chấp vui thú trong đó." Nhờ an trú nhiều lần như vậy, tâm vị ấy trở nên an tịnh trong giới xứ này. Với tâm an tịnh vị ấy thành tựu Bất động ngay hiện tại hay thiên về tuệ. Khi chết thức có thể nhờ vậy đạt Bất động. Đây là con đường thứ ba để đạt đến Bất động.

### ***(Vô sở hữu xứ)***

Vị tỷ kheo suy nghĩ [8]: "Dục và dục tướng hiện tại và tương lai, sắc, sắc tướng hiện tại và tương lai và bất động tướng, khi được đoạn diệt không dư tàn, thì tâm được tịch tịnh. Đây gọi là Vô sở hữu xứ thù diệu. Đây là cách thứ nhất để đạt đến Vô sở hữu xứ.

Hoặc vị tỷ kheo đi đến gốc cây và suy nghĩ: "Ngã, và ngã sở đều trống rỗng" (không có gì là Ta hay của ta) [9]. An trú trong giới xứ này vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay hiện tại hoặc thiên về tuệ. Khi chết vị ấy có thể đạt Vô sở hữu xứ. Đây là con đường thứ hai để đạt đến Vô sở hữu xứ.

Hoặc vị ấy nghĩ: "Ta và sở thuộc của ta không có bất cứ ở đâu và trong hình thức nào" [10]. Tu tập như vậy, tâm vị ấy trở thành an tịnh, hoặc thiên về tuệ. Khi chết vị ấy tái sinh về Vô sở hữu xứ. Đây là con đường thứ ba để đạt Vô sở hữu xứ.

### ***(Phi tướng phi phi tướng xứ)***

Vị tỷ kheo nghĩ: "Dục, dục tướng, sắc tướng và bất động tướng, vô sở hữu xứ tướng, chỗ nào các tướng ấy đoạn diệt

không dư tàn là tịch tịnh, thù diệu, tức là Phi tướng phi phi tướng xứ." Nhờ an trú như vậy, vị ấy thành tựu ngay hiện tại Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc thiên về tuệ. Khi chết có thể tái sinh ở phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là con đường tu tập Phi tướng phi phi tướng xứ.

**(Niết-bàn)**

Tôn giả A-nan bạch: Nếu một tỷ kheo tư duy, tu tập như sau: "Trước đã không có thì nay không là của ta; về sau cũng sẽ không có và không là của ta. Hãy đoạn trừ những gì hiện có và đã có" [11]. Nhờ thế vị ấy được xả [12] thì có chứng cứu cánh Niết-bàn không? Phật đáp có người chứng người không. Không chứng là do còn chấp trước xả ấy, hoan hỷ trong xả ấy, nghĩa là thủ trước Phi tướng phi phi tướng xứ. Còn chấp trước thì không thể chứng Niết-bàn. Khi ấy tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, nhưng vị ấy chấp trước vào cái gì? Phật đáp, vào Phi tướng phi phi tướng xứ [13]. A-nan bảo, đấy là chỗ chấp trước thù thắng nhất. Phật đồng ý, nhưng dạy thêm rằng nếu xả mà không hoan hỷ chấp trước xả ấy, không lệ thuộc vào nó, thì sẽ chứng cứu cánh Niết-bàn, bất tử, nghĩa là tâm giải thoát không thủ trước.

Khi ấy tôn giả A-nan tán thán Phật đã dạy về sự vượt qua bộn bề nhờ vào một điểm tựa nào hay khác [14], và hỏi thêm: Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Thánh giải thoát [15]? Và Phật đã trả lời: Ấy là khi vị thánh đệ tử suy xét như sau: Dục và dục tướng, sắc và sắc tướng hiện tại tương lai, tướng về Bất động, về Vô sở hữu xứ hay Phi tướng phi phi tướng xứ, đều là cái ngã nối dài [16]. Đây là bất tử, tức cái tâm giải thoát nhờ không chấp thủ [17].

Những gì cần giảng dạy cho đệ tử vì lòng thương tưởng, Ta đã giảng dạy. Đây là những gốc cây, những ngôi nhà trống. Hãy thiền định chớ trì hoãn mà phải ân hận về sau.

### III. CHÚ GIẢI

1. Xem chú thích số 6 kinh 105. Bất động ở đây dường như chỉ bao gồm thiền thứ tư và Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ...

2. Âm chỉ cả hai thứ: dục lạc và những ô nhiễm do dục lạc.

3. Kinh số ghi chú: sau khi đã vượt qua dục giới và quyết định đắc thiền.

4. Theo Kinh số, tâm vị ấy *an trú trong xứ này* có nghĩa là, hoặc vị ấy đạt được tuệ nhắm đến A-la-hán quả, hoặc đắc thiền thứ tư. Nếu vị ấy đắc tứ thiền, thì thiền này trở thành căn bản để đạt đến bất động, tức chính thiền thứ tư. Nhưng nếu vị ấy đắc tuệ, thì vị ấy sẽ quyết định làm viên mãn tuệ giác bằng cách đào sâu tuệ để chứng quả A-la-hán. Sự quyết định viên mãn tuệ là lý do tại sao những đoạn kinh kế tiếp mặc dù cuối cùng dẫn đến các định chứng, lại chỉ toàn nói về phát triển tuệ giác.

5. Kinh số giải thích đoạn này mô tả tái sinh của một người không thể chứng quả A-la-hán mặc dù đã đắc tứ thiền. Kết sanh thức của vị ấy là thức dị thực lúc tái sinh, thức ấy cũng có bản chất bất động như cái nghiệp thức đã đạt tứ thiền. Vì chính cái thức thuộc tứ thiền định đoạt sự tái sinh, nên người ấy sẽ tái sinh trong một cõi trời tương ứng với tứ thiền.

6. Theo Kinh số, đây là tư duy của một người đã đắc tứ thiền. Vì vị ấy xem sắc (vật chất) cũng thuộc những thứ cần phải vượt qua, nên nếu được định bất động thì vị



ấy đạt đến Không vô biên xứ, và nếu không chứng quả A-la-hán thì vị ấy tái sinh vào Không vô biên xứ.

7. Đây là suy nghĩ của một người đắc xứ Không vô biên. Nếu đạt bất động, vị ấy sẽ đắc Thức vô biên xứ và tái sinh vào xứ ấy nếu không đắc quả A-la-hán.

8. Đây là suy nghĩ của một vị đã đắc Thức vô biên và đang nhắm đến Vô sở hữu xứ.

9. Kinh số gọi đây là hai cái không - không tôi và của tôi - và cho giáo lý về Không vô biên xứ này được giảng giải bằng tuệ hơn là bằng định như đường lối trong phần trước. Kinh Trung Bộ số 43 nói pháp quán này sẽ dẫn đến Không tâm giải thoát.

10. Kinh số gọi đây là Bốn không và giải thích như sau: (i) Vị ấy không thấy đâu là cái ngã; (ii) không thấy một cái ngã như là một cái gì thuộc về một người khác như anh, bạn, người phụ tá...; (iii) không thấy ngã của một người khác; (iv) không thấy cái ngã của người khác được xem như cái gì thuộc về mình. Trong bản của đại đức Ñāṇamoli có ghi chú như sau: Những từ trong đoạn này và đoạn sau hình như là những câu đúc về sự chứng đắc Vô sở hữu và Phi tướng phi phi tướng xứ trong ngoại đạo, đôi khi được dùng làm cơ sở cho ngã kiến hay thân kiến.

11. Kinh số: Nếu trong quá khứ vòng nghiệp đã không do ta tích lũy, thì bây giờ vòng quả báo sẽ không dành cho ta; nếu hiện tại ta không tích lũy vòng nghiệp thì tương lai ta cũng sẽ không gặt quả báo. Cái gì đang hiện hữu, đã sinh ra, chính là năm uẩn. Phần đầu của công thức này cũng lại như là công thức cô đọng của một kiến chấp của ngoại đạo. Nhiều kinh cho đây là đoạn kiến mà Phật đã áp dụng nhưng gán cho nói những ý nghĩa mới.

12. Theo Kinh số, vị ấy đạt tuệ xả, nhưng từ đoạn 11 trở đi, dường như cũng cốt nói đến xả của Phi tướng phi phi tướng xứ.

13. Đây ám chỉ tái sinh của một vị đắc Phi tướng phi phi tướng xứ. Ý nói vị ấy tái sinh vào cõi hữu tốt nhất, thù thắng nhất.

14. *Nissāya nissāya oghassa nittharanā*. Theo kinh số, Phật đã giải thích sự vượt qua bộc lưu cho một tỷ kheo xử dụng bất cứ định chứng nào từ tam thiên đến bốn không làm căn bản để đắc quả A-la-hán.

15. Câu hỏi của ngài A-nan là cốt để gợi cho Phật nhắc đến sự tu tập của thiên giả càn tuệ (*sukkhavipassaka*) người đắc quả A-la-hán mà không phải tùy thuộc vào một thiên chứng nào cả.

16. *Esā sakkāyo yāvātā sakkāyo*. Đây là toàn thể thân kiến - ba cõi (hữu); ngoài vòng ba hữu này, không có một cái ngã nào hết.

17. Theo Kinh số, đây ám chỉ quả vị A-la-hán của hành giả càn tuệ. Quả vị này gọi là Bất tử vì nó có hương vị của Niết-bàn bất tử.

#### IV. PHÁP SỐ

(không có)

#### V. KỆ TỤNG

1. Phật dạy chúng tỷ kheo:

Các dục là vô thường

Trống rỗng và lừa dối

Chuyện trò của kẻ ngu

2. Do dục và dục tướng  
Nổi lên tham sân mạn  
Hãy chiến thắng cảnh dục  
Quyết trú tâm đại hành.

3. Khi tâm đã an định  
Sẽ hướng đến tứ thiền  
Hoặc A-la-hán quả  
Đây bất động đầu tiên.

4. Thứ hai là Bất động  
Của Không vô biên xứ  
Khi vượt qua sắc tướng  
Quán bốn đại bốn không.

5. Loại Bất động ba  
Là Thức vô biên xứ  
Quán dục tướng sắc tướng  
Vô thường, không đáng ham.

6. Hoặc vượt xa dục sắc  
Bất động cũng không màng  
Đoạn diệt không dư tàn  
Chúng Vô sở hữu xứ.

7. Cách hành đạo thứ hai  
Để chúng Vô sở hữu  
Là quán hai cái không  
Không tôi, không của tôi.

8. Cách hành đạo thứ ba  
Do thấy bốn cái không  
Không ta không của ta  
Không nó không của nó.

9. Lại đoạn dục, sắc tướng  
Cùng các tướng bất động  
Thấy đây là thù diêu:  
Phi tướng phi phi tướng.

10. Ānanda hỏi Phật  
Quán không ngã, ngã sở  
Một tỳ kheo trú xá  
Có chứng Niết-bàn chăng?

11. Không hoan hỷ, sẽ chứng  
Còn thủ trước, khó chứng  
Dù thủ Phi phi tướng  
Chỗ bám víu tinh vi.

12. A-nan lại bạch Phật  
Vi diêu, hy hữu thay  
Thế Tôn đã giải thích  
Nhiều cách vượt qua dòng.  
Nhưng xin Ngài giảng thêm  
Thế nào Thánh giải thoát?

13. Hãy quán sát mọi tướng  
Dục sắc và bất động  
Phi tướng phi phi tướng  
Đều là ngã nối dài.

14. Chỉ đây là bất tử:  
Giải thoát không chấp thủ  
Tỷ kheo quán như vậy  
Đạt cứu cánh Niết-bàn.

15. Ta đã giảng lợi ích  
Bất động, Vô sở hữu  
Và Phi tướng phi phi  
Cuối cùng, Thánh giải thoát.

16. Này đây những gốc cây  
Và những ngôi nhà trống  
A-nan, hãy thiền định  
Chớ để hận về sau.



Kinh số 107

## Ganaka Moggallāna

### I. TOÁT YẾU

*Ganakamoggallāna Sutta - To Ganaka Moggallāna.*

*The Buddha sets forth the gradual training of the Buddhist monk and describes himself as the "shower of the way."*

*Nói với nhà kế toán Moggallāna.*

*Phật đề ra trình tự huấn luyện một tỷ kheo và tự cho mình là người chỉ đường.*

### II. TÓM TẮT

1. Bà-la-môn lấy ví dụ xây nhà [1] hoặc làm cứ gì như học toán [2] đều theo một trình tự, để hỏi trong đạo Phật có chăng một trình tự như thế. Phật đưa ra hình ảnh huấn luyện ngựa [3] để giảng về thứ tự học đạo. Trước hết là hộ trì giới, sống chế ngự với giới bốn, đủ uy nghi chính hạnh, thấy nguy hiểm trong lỗi nhỏ. Hai hộ trì 6 căn khi tiếp xúc 6 trần. Ba tiết chế trong ăn uống, không cho cảm thọ mới khởi lên. Bốn chú tâm cảnh giác gột sạch tâm trí khỏi chướng ngại pháp. Năm, thành tựu chánh niệm tỉnh giác trong mọi uy nghi. Sáu, an trú chánh niệm bằng thiền toạ tại chỗ vắng để rũ bỏ 5 triền cái, chứng sơ thiền đến tứ thiền. Những pháp này vừa đưa đến vô thượng an ổn thoát khỏi khổ ách mà cũng vừa là hiện pháp lạc trú của vị đã đắc quả A-la-hán. [4]

2. Bà-la-môn lại hỏi khi được giảng dạy như vậy, có phải ai cũng chứng cứu cánh Niết-bàn hay chỉ một số ít? Phật đáp chỉ một số ít, ví như người đã được chỉ đường rành rẽ nhưng lại đi theo hướng khác, thì người chỉ đường

[5] không thể làm gì được. Cũng thế, trong khi có Niết-bàn, có đường đến Niết-bàn, với Phật là người dẫn đường, các đệ tử sau khi được khuyến giáo chỉ một số đi theo đúng đường, một số không theo đúng.

3. Bà-la-môn bạch Phật [6] có những người sống không vì lòng tin chỉ vì sinh kế, không giữ giới hộ trì căn, không kính trọng sự tu học, sống quá dung tục, dẫn đầu đọa lạc, ngu đần, liệt tuệ, từ bỏ gánh nặng, viễn ly... tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy. Còn những thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, tôn kính học tập, không thờ ơ với sa môn hạnh, dẫn đầu về viễn ly, chánh niệm tỉnh giác, nhất tâm, có tuệ, tôn giả Gotama sống hòa hợp với những vị ấy. Ví như trong các loại hương rễ cây, hương sắc chiên đàn là nhất, trong các loại hương hoa, hương hoa nhài là nhất. Cũng vậy trong các giáo lý, giáo lý của tôn giả Gotama cao nhất hiện nay [7] Rồi bà-la-môn xin quy y Tam bảo.

### III. CHÚ GIẢI

1. Không thể nào nội trong một ngày mà xây được một cái nhà bảy tầng, phải có sự tiến hành tuần tự từ lúc phát quang, đặt nền móng cho đến khi hoàn tất.

2. Ganaka, tên ông có nghĩa là Mục-kiền-liên nhà kế toán.

3. Xem Trung 65, đoạn 33.

4. Những giao đoạn tu hành trước đây là cần thiết cho những tỷ kheo để đắc quả la hán, song cũng lợi ích cho các vị tỷ kheo đã đắc quả ở chỗ đưa đến hiện tại lạc trú. Theo số giải, lạc trú này là sự đắc quả A-la-hán, và giải thích rằng một vài vị có thể chứng quả A-la-hán dễ dàng bất cứ lúc nào, còn các vị khác thì phải siêng năng tu tập từng bước một để đắc quả.

5. So sánh với Pháp cú 276: Chính các ông phải nỗ lực; chứ Như Lai chỉ có nêu lên con đường.

6. Như Kinh số 5, đoạn 32.

7. *Paramajjadhhammesu*. Lý thuyết của Gotama là tối thượng, cao nhất trong các giáo lý đương thời, tức của lục sư ngoại đạo.

#### IV. PHÁP SỐ

(không có)

#### V. KỆ TỤNG

Toán số gia Mục-liên  
Hỏi trình tự tu hành  
Trong Pháp và Luật Phật  
Đấng Thiện thế đáp liền.

Thành tựu Giới trước tiên  
Thứ hai, gìn giữ tâm  
Khi căn trần xúc đối  
Khiến ô nhiễm không sinh.

Ba uống ăn chùng mực  
Đủ duy trì cơ thể  
Bốn chú tâm cảnh giác  
Phòng chướng ngại tham sân.

Năm đứng ngồi giác tỉnh  
Chánh niệm từng uy nghi  
Sáu tìm nơi an tịnh  
Dứt triền cái, chứng thiên.



Đây sáu việc cần làm  
Của người chưa chứng thánh  
Nhưng bậc thánh vẫn làm  
Để hiện tại vui an.

Dù được dạy như thế  
Mà kẻ chúng, người không  
Vi Phật chỉ con đường  
Ai không theo khó chúng.

Những người thiếu đức tin  
Xuất gia vì sinh kế  
Thờ ơ sa môn hạnh  
Khó theo Go-ta-ma;

Những thiện gia nam tử  
Vi lòng tin xuất gia  
Sống chú tâm tỉnh giác  
Sẽ gần đức Thích Ca.

Ngài là vị tối cao  
Trong các thầy giáo đạo  
Con trọn đời quy kính  
Tôn giả Go-ta-ma.



Kinh số 108

## Gopaka Moggallāna

### I. TOÁT YẾU

#### *Gopakamoggallāna Sutta.*

*With Gopakā. The venerable Ānanda explains how the Sangha maintains its unity and internal discipline after the passing away of the Buddha.*

#### **Với Gopaka Moggallāna.**

*Tôn giả A-nan giải thích làm sao tăng chúng duy trì được sự thống nhất và kỷ luật nội bộ sau khi Phật qua đời.*

### II. TÓM TẮT

Sau khi Phật nhập diệt [1] không lâu, tôn giả A-nan vào khất thực trong thành Vương xá đang được xây kiên cố [2], và vì còn quá sớm, ngài đến nơi bà-la-môn Gopaka. Ông này hỏi có vị tỷ kheo nào thành tựu trọn vẹn các pháp như Phật đã thành tựu không; tôn giả đáp không, các đệ tử đang còn hành đạo và sẽ thành tựu về sau. Khi ấy đại thần xứ Ma-kiệt-đà [3] đi đến, ông hỏi có vị tỷ kheo nào được Phật sắp đặt làm chỗ nương tựa cho chúng tăng sau khi ngài nhập diệt không. Tôn giả đáp không có vị tỷ kheo nào cả. Ông lại hỏi, vậy có vị tỷ kheo nào được tăng chúng tôn lên làm chỗ nương cho toàn thể không, và tôn giả cũng trả lời không có. Vị đại thần nói, vậy tăng chúng không có chỗ nương tựa, làm sao sống hòa hợp được. Tôn giả nói chúng tăng có Pháp và Luật làm chỗ nương [4], mỗi kỳ bố-tát chúng tăng nhóm họp và y cứ giới bản Phật chế để biết ai sống đúng pháp ai không. Khi ấy đại thần hỏi có vị tỷ kheo nào được chúng tăng cung kính đánh lễ và sống nương tựa

vào vị ấy không. Tôn giả đấp có, đây là bất cứ ai thành tựu mười pháp như sau. Một là sống có giới hạnh, đứng theo giới bốn Biệt giải thoát. Hai là đa văn; ba biết đủ với 4 vật dụng; bốn chứng 4 thiền không khó nhọc; năm thực hiện được các thần túc thông; sáu biết tâm kẻ khác (tha tâm thông); bảy có thiên nhĩ thông; tám túc mạng thông (biết vô lượng kiếp trước của mình); chín thiên nhãn thông (thấy sự sống chết của chúng sinh); mười lậu tận thông, không còn sơ hở, đạt tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Đại thần xứ Ma-kiệt-đà công nhận một vị tỷ kheo như thế quả thật xứng đáng được tôn thờ, rồi hỏi chỗ ở của tôn giả. Khi được biết tôn giả trú tại vườn Trúc, Đại thần báo chỗ ấy rất tốt cho thiền định, tôn giả Gotama lúc ở đây đã giảng nói về thiền. Ngài quả là vị tu thiền, thiên về thiền, tán thán tất cả thiền định. Tôn giả A-nan phản bác: "Thế Tôn không tán thán tất cả thiền định. Có loại thiền định Phật không tán thán. Đó là vị tu thiền với tâm bị tham dục chi phối, không như thật biết sự giải thoát khỏi dục tham đã khởi. Vị ấy lấy dục tham làm đối tượng để tu thiền, nhập thiền [5]. Cũng vậy với 4 triền cái khác (sân, hôn trầm, trạo hối, hoài nghi). Loại thiền định được Thế Tôn tán thán là thiền nơi vị tỷ kheo ly dục ly bất thiện, chứng trú từ sơ đến tứ thiền.

Đại thần hoan hỷ tín thọ lời tôn giả A-nan và xin cáo từ vì bận nhiều công việc.

### III. CHÚ GIẢI

1. Theo số giải, sau khi phân chia xá lợi Phật, tôn giả Ānanda đi đến Vương xá để trùng tuyên về Pháp trong kỳ Đại kết tập thứ nhất.

2. Vua Pajjota là bạn vua Bình-sa xứ Ma-kiệt-đà, người đã bị con trai A-xà-thế giết chết. Theo kinh số, vua

A-xà-thế nghĩ rằng vua Pajjota có thể tìm cách báo thù cho bạn.

3. Xem Trường bộ 16.

4. Câu này cốt nói rằng Tăng già không phải được cai quản bởi phán định của các phần tử trong Tăng, mà bởi Pháp và Luật do Phật đặt ra cho tăng noi theo. Về vấn đề này các tỳ kheo tuân theo lời dạy cuối cùng của Phật là: Sau khi Ta nhập diệt, Pháp và Luật sẽ là thầy của các ông.

5. Xem số 525.

#### IV. PHÁP SỐ

#### V. KÊ TỤNG

Tôn giả Ānanda  
Vào Vương xá khát thực  
Vi hãy còn quá sớm  
Ghé thăm Go-pa-ka.

Bà-la-môn này hỏi  
Có vị tỳ kheo nào  
Thành tựu Pháp trọn vẹn  
Bằng đức Go-ta-ma?

Thật không tỳ kheo nào  
Thành tựu trọn vẹn Pháp  
Như Thế Tôn thành tựu  
Việc ấy hãy còn lâu.

Đại thần xứ Ma-kiệt  
Đến cắt ngang câu chuyện  
Nêu lên một vấn đề  
Với A-nan tôn giả:

Ai sẽ là chỗ nương  
Sau khi Phật Niết-bàn  
Việc này được sắp đặt  
Do Phật hay chư Tăng?

Không vị tỷ kheo nào  
Được Thế Tôn sắp đặt  
Hay tăng chúng thỏa thuận  
Để lãnh đạo tăng già.

Nếu không người lãnh đạo  
Làm sao tăng hòa hợp?  
Chúng tôi nương theo Pháp  
Pháp chính là chỗ nương.

Mỗi kỳ tăng bố-tát  
Tụng giới Biệt giải thoát  
Theo đúng pháp xử trị  
Những trường hợp trái sai.

Có một tỷ kheo nào  
Được chư vị tôn kính  
Thường đánh lễ cúng dường  
Xem là chỗ tựa nương?

Có mười pháp khả hỷ  
Được Thế Tôn tuyên bố  
Ai thành tựu như vậy  
Đáng đánh lễ, nương theo:

Vị tỷ kheo giữ giới;  
Biết đủ bốn vật dụng;  
Đa văn, chứng bốn thiên  
Đã được các thần túc

Biết tâm địa kẻ khác  
Nhớ nhiều đời quá khứ  
Đắc thiên nhĩ siêu phàm  
Thiên nhãn, lậu tận thông.

Đại thần Ma-kiệt-đà  
Thốt lên lời tán thán:  
Chư tôn giả tôn kính  
Đúng người đáng kính tôn!

Thưa tôn giả A-nan  
Vườn trúc lâm khả ái  
Thật hợp với thiên tư  
Thế Tôn thường ca ngợi.

Không hẳn, Bà-la-môn  
Thế Tôn không ca ngợi  
Thiên định của hạng người  
Còn tham sân, trạo hối

Lấy hôn trầm rối loạn  
Lấy hoài nghi bối rối  
Làm đối tượng thiên tư  
Bị năm triền chi phối.

Thế Tôn chỉ tán thán  
Ly dục ly bất thiện  
Chứng và trú sơ thiên  
Hỷ lạc ly dục sanh.

Nhị thiên không tâm tứ  
Với hỷ lạc định sanh  
Và nội tĩnh nhất tâm  
Tứ thiên Phật ca ngợi.

Đại thần xứ Ma Kiệt  
Tin nhận lời tôn giả  
Rồi đứng dậy cáo từ  
Vì còn đi công việc.



Kinh số 109

## Đại kinh Mãn nguyệt

### I. TOÁT YẾU

*Mahāpunnama Sutta - The Greater Discourse on the Full-moon Night.*

*A bhikkhu questions the Buddha on the five aggregates, clinging, personality view, and the realisation of non-self.*

**Bản kinh lớn giảng vào đêm rằm.**

*Một tỳ kheo thỉnh vấn Phật về năm uẩn, về chấp thủ, thân kiến và sự chứng ngộ vô ngã.*

### II. TÓM TẮT

1. Vào một đêm trăng rằm bố-tát [1] tại giảng đường Lộc mẫu, Phật ngồi giữa trời có tầng chúng vây quanh. Một tỳ kheo [2] nêu lên nhiều câu hỏi, được Ngài tuần tự giải đáp.

2.

1) Gì là gốc của 5 thủ uẩn? Ấy là dục tham [3];

2) Chấp thủ với 5 thủ uẩn là một hay khác [4]? Không phải một, không phải khác. Khi có dục tham đối với 5 thủ uẩn thì gọi là chấp thủ;

3) Có thể có nhiều kiểu tham đối với 5 thủ uẩn? Có thể, như mong có sắc như vậy trong tương lai, hoặc mong có thọ như vậy, hoặc tưởng, hoặc hành, hoặc thức như vậy trong tương lai;

4) Gì là nghĩa chữ "uẩn"? Tất cả sắc nội ngoại thô tế xa gần đều thuộc sắc uẩn. Thọ tướng hành thức cũng vậy;



5) Gì là điều kiện hay duyên cho mỗi thứ? Bốn đại là nhân duyên để gọi là sắc uẩn. Xúc là nhân duyên của ba uẩn thọ, tưởng, hành. Danh sắc là nhân, duyên để gọi là thức uẩn [5].

6) Thế nào là thân kiến [6]? Do không học tập thánh Pháp, xem sắc là tự ngã, hoặc tự ngã có sắc, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc. Với 4 uẩn kia cũng thế (thành 20 thân kiến). Không thân kiến là khi không chấp trước như trên;

7) Gì là vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của sắc, thọ, tưởng, hành, thức? Hỷ lạc khởi lên do năm uẩn là vị ngọt. Tính vô thường, khổ, biến hoại của chúng là nguy hiểm. Sự nhiếp phục dục tham đối với năm uẩn gọi là xuất ly;

8) Do nhân duyên gì mà không có mạn tùy miên (chấp ta và của ta)? Do thấy như thật với trí tuệ tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức nội ngoại thô tế xa gần đều không phải của tôi, không phải là tôi hay tự ngã của tôi."

3. Khi nghe vậy, một tỷ kheo khởi lên hoài nghi: nếu cả 5 uẩn là vô ngã, vậy những hành động do tâm vô ngã làm, được ngã nào lãnh thọ quả báo [7]? Phật biết được tâm niệm ấy, trách cứ tỷ kheo và nhắc lại rằng Ngài đã nhiều lần dạy cách đặt câu hỏi [8] như sau: Sắc, thọ... là thường hay vô thường? Cái gì vô thường là khổ hay vui? Cái gì đã vô thường, khổ thì có hợp lý để xem là tôi hay của tôi không? Do quán sát như vậy, thánh đệ tử sinh yếm ly với 5 uẩn. Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, vị ấy biết mình đã giải thoát: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, từ nay không còn trở lại đời sống này nữa."

### III. CHÚ GIẢI

1. BỐ-tát: Lễ ngày đầu trăng và ngày trăng tròn.

2. Vị tỷ kheo này là một A-la-hán đang dạy dỗ sáu mươi đệ tử cùng sống với ông trong rừng. Những đệ tử này nỗ lực thiền quán, đã pháp triển được nhiều tri kiến thuộc tuệ giác nhưng không chứng được đạo và quả, bởi thế họ được thầy dẫn đi yết kiến Phật. Vị thầy hỏi Phật nhiều câu hỏi không phải vì bản thân mà vì muốn đánh tan hoài nghi của các môn đệ.

3. *Chandamūlakā*. Ở đây *chanda* (dục) đồng nghĩa với *tanhā* (khát ái) nguồn gốc của khổ bao hàm trong năm uẩn.

4. Xem kinh Trung bộ 44, đoạn 6.

5. Trong sắc uẩn, mỗi đại (trong bốn đại) làm điều kiện cho ba đại kia và cho sở tạo sắc (vật chất do bốn đại tạo). Xúc là một duyên (điều kiện) cho các uẩn thọ, tưởng, hành, như kinh Tương ưng bộ 35 dạy: Nay các tỷ kheo, khi tiếp xúc, người ta cảm thọ, khi tiếp xúc người ta nhận thức, khi tiếp xúc người ta có khuynh hướng hành động (hành, ý muốn). Kinh Sớ giải thích rằng vào lúc nhập thai, sắc và ba tâm uẩn khởi lên gọi là danh sắc, một duyên cho kết sanh thức. Trong tiến trình đời sống, các giác quan và đối tượng của chúng cùng ba tâm uẩn (thọ, tưởng, hành) là danh sắc làm duyên cho năm thức thuộc cảm quan.

6. Như trong kinh Trung bộ 44, đoạn 7-8.

7. Đường như vị tỷ kheo này khó hiểu làm thế nào nghiệp lại có thể phát sinh ra hậu quả nếu không có cái ngã để nhận hậu quả ấy.

8. Câu này rất khác nhau tùy mỗi ấn bản. Bản dịch này dựa theo câu tương tự trong kinh Tương ưng 22, trong đó ghi *patipucchā vinītā* có lẽ đúng hơn ấn bản hội Pali Text là *paticca vinītā*, mà đại đức Nāṇamoli dùng làm bản gốc, và dịch: Nay các Tỷ kheo, bằng nhiều ví dụ, Ta đã giảng dạy cho các ông về lý duyên sinh.

9. MA (Chú giải Trung bộ): Sáu mươi tỷ kheo từ bỏ các đề mục thiền của mình đã tu, và quán một đề mục mới dựa trên lời giảng dạy của Phật. Ngay tại chỗ, họ chứng quả A-la-hán.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KÊ TỤNG

Vào một kỳ bố-tát  
Thế Tôn ngồi giữa trời  
Chúng tỷ kheo vây quanh  
Giữa đêm rằm trăng sáng.

Một tỷ kheo đứng lên  
Xin phép nêu câu hỏi  
Phật dạy ngồi yên chỗ  
Đưa ra các vấn đề.

Sắc thọ tướng hành thức  
Lấy gì làm gốc rễ?  
Tham dục là gốc rễ.  
Chấp thủ là năm uẩn  
Hay ngoài năm uẩn ra  
Còn có sự chấp thủ?  
Thủ không là năm uẩn  
Cũng không ngoài năm uẩn;  
Nhưng khi có hỷ tham  
Đây gọi là chấp thủ.

Nghĩa của uẩn là gì?  
Tất cả sắc trong ngoài  
Thô tế quá hiện vị

Xa gần hay xấu đẹp  
Đều gọi là sắc uẩn.  
Thọ tướng hành và thức  
Cũng nên hiểu như vậy.

Gì là nhân và duyên  
Của sắc cho đến thức?  
Bốn đại: nhân của sắc  
Xúc, nhân thọ tướng hành  
Và nhân của thức uẩn  
Chính là danh và sắc.  
Thế nào là thân kiến?  
Kẻ ngu xem sắc uẩn  
Là tự ngã của ta  
Hoặc tự ngã có sắc  
Hoặc ngã ở trong sắc  
Hoặc sắc ở trong ngã  
Bốn cũng kia cũng vậy  
Thành hai mươi thân kiến.  
Bốn cũng kia cũng vậy  
Thành hai mươi thân kiến.  
Không thấy sai như trên  
Gọi là không thân kiến.

Gì là những vị ngọt  
Nguy hiểm và xuất ly  
Của sắc và bốn uẩn?  
Hỷ lạc khởi từ sắc  
Là vị ngọt của nó  
Vô thường của sắc pháp  
Là nguy hiểm của nó  
Điều phục sự tham sắc

Là xuất ly của sắc.  
Với bốn tâm uẩn kia  
Cũng cần hiểu như vậy.

Làm sao để bỏ được  
Tâm ngã mạn về tôi  
Và sở thuộc của tôi?  
Đối với tất cả sắc  
Và thọ tướng hành thức  
Hãy thường xuyên quán sát  
Đây không phải là tôi  
Của tôi, tự ngã tôi.

Khi ấy có tử kheo  
Khởi lên một ý nghi  
Nếu năm uẩn vô ngã  
Thì ai chịu quả báo?  
Phật biết tâm niệm này  
Dạy cách đặt câu hỏi:  
Sắc thường, vô thường?  
Vô thường khổ hay vui?  
Cái gì vô thường, khổ  
Nên chẳng xem là ta  
Và tự ngã của ta?  
Đối với bốn tâm uẩn  
Cũng tự hỏi như thế.

Khi như thật quán sát  
Thực chất của năm uẩn  
Tâm khởi lên nhàm chán  
Do nhàm chán, hết ham  
Do ly tham, giải thoát

Tự biết đã giải thoát  
Không còn thọ thân sau.

Phật dạy kinh này xong  
Chúng tử khéo tín thọ  
Ngay tại chỗ đang ngồi  
Chứng lậu tận, giải thoát.



Kinh số 110

## Tiểu kinh Mãn nguyệt

### I. TOÁT YẾU

*Cūlapunnama Sutta - The Shorter Discourse on the Full-moon Night.*

*The Buddha explains the differences between an "untrue man" and a "true man".*

**Bản kinh ngắn thuyết vào đêm rằm.**

*Phật giảng sự khác biệt giữa một người bất chính và một người chân chính.*

### II. TÓM TẮT

Phật ở Đông viên, giảng đường Lộc mẫu, vào ngày rằm bố-tát dạy chúng tỳ kheo về chính và bất chính.

1. Người bất chính (*asappurisa* [1]) không thể biết được một người là bất chính hay chân chính. Người bất chính là kẻ đầy đủ pháp bất chính; giao du với người bất chính, suy tư như người bất chính, nói năng như người bất chính, hành động bất chính, có tà kiến, bố thí một cách bất chính. Đầy đủ pháp bất chính là: bất tín, vô tà, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ. Giao du với người bất chính là làm bạn với những kẻ có các pháp bất chính như trên. Suy tư bất chính là nghĩ những việc tự hại, hại người, hại cả hai. Nói năng bất chính là nói láo, hai lưỡi, ác khẩu, vô ích. Hành động bất chính là sát sinh, tà hạnh trong các dục. Tà kiến là tuyên bố không có bố thí và quả báo, thiện ác không có kết quả, không có đời này đời sau, các loại hóa sanh, ở đời không có sa môn, bà-la-môn tự chứng thánh trí và truyền dạy lại. Bố thí bất chính là không tự tay bố thí,

bố thí một cách vô lễ, không nghĩ kỹ, bố thí vật không cần, bố thí không nghĩ tương lai. Người đầy đủ pháp bất chính như vậy, sau chết sanh vào cảnh giới của kẻ bất chính là địa ngục hoặc bàng sanh.

2. Người chân chính thì có thể biết được một người khác là chân chính hay bất chính. Người chân chính là người đầy đủ chính pháp, giao du các bậc chân chính, suy nghĩ chân chính, có chánh kiến, bố thí chân chính. Và "chân chính" thì ngược lại với những gì là bất chính nói trên.

### III. CHÚ GIẢI

1. *Asappurisa*, Kinh số chú thích là *pāpapurisa*, một kẻ xấu ác.

### IV. PHÁP SỐ

(không có)

### V. KỆ TỤNG

1. Thế Tôn dạy chúng ta  
Về chính và bất chính  
Kẻ bất chính khó phân  
Người chính với kẻ tà.

2. Bất chính là một người  
Đầy đủ pháp bất chính  
Giao du kẻ ác nhân  
Nghĩ nói làm đều quấy.

3. Bố thí cũng phi chân  
Trong cách cho, vật thí.  
Khi thân hoại mạng chung  
Đọa bàng sanh nạ quý.



4. Pháp bất chính nghĩa là  
Không tin, không hổ thẹn  
Ít nghe và lời biếng  
Thất niệm lại ngu đần.

5. Giao du kẻ bất chính  
Là thường kết bạn thân  
Với những người có đủ  
Pháp bất chính như trên.

6. Suy tư cùng toan tính  
Đều tự hại, hại người  
Hoặc hại đến cả hai  
Là tư duy bất chính.

7. Nói dối, ác, ly gián  
Hai lười và phù phiếm  
Sát sinh, trộm, tà dâm  
Là nói làm bất chính.

8. Bối thí không chính chân  
Không tự tay, vô lễ  
Đem cho vật không cần  
Không nghĩ đến tương lai.

9. Có tà kiến nghĩa là  
Bác bỏ nghiệp và quả  
Phủ nhận đời này, sau  
Thánh nhân và cha mẹ.

10. Một con người chân chính  
Biết kẻ chính người tà  
Đây đủ pháp chính chân  
Giao du người hiền thiện.

11. Tín tâm quý đa văn  
Tinh cần niệm và tuệ  
Đây gọi là chính pháp  
Theo chính ấy, bạn hiền.

12. Nghĩ chính: không tự hại  
Hoặc hại đến mình, người  
Nói chính: không hai lưỡi  
Lời dối, thô, phù phiếm.

13. Chánh kiến tin nhân quả  
Có cha mẹ, thánh nhân  
Sự bố thí chính chân:  
Tự tay cho vật cần.

14. Một con người chân chính  
Đây đủ pháp chính chân  
Nghĩ, nói, làm đều tốt  
Mạng chung sinh cõi lành.



**Kinh số 111**  
**Kinh Bất đoạn**  
*(Anupada Sutta)*

**I. TOÁT YẾU**

*Anupada Sutta - One by One as They Occurred.*

*The Buddha describes the venerable Sāriputta's development of insight when he was training for the attainment of arahantship.*

**Từng pháp một, ngay khi chúng khởi lên.**

*Phật mô tả sự phát triển tuệ giác của tôn giả Xá-lợi-phất lúc ngài tu để đắc quả A-la-hán.*

**II. TÓM TẮT**

Phật ở Xá vệ, gọi các tỷ kheo mà ca tụng Sāriputta là bậc nhiều trí tuệ, vì quán pháp bất đoạn [1] trong nửa tháng.

Vị ấy an trú không gián đoạn các pháp sơ thiền gồm có tâm, tứ, hỷ lạc, nhất tâm, xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục thắng giải, tấn, niệm, xả, tác ý [2] biết rõ lúc chúng khởi lên, trú và diệt; an trú với tâm không luyến ái, không chống đối, vô hạn [3] vì biết còn có giải thoát cao hơn nữa [4], còn nhiều việc phải làm. Vị ấy diệt tâm, tứ, an trú nhị thiền, với các pháp thuộc nhị thiền (nội tinh, hỷ, lạc, nhất tâm, xúc, thọ, tưởng, tư tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý) cho đến các pháp thuộc tứ thiền bất khổ bất lạc, với xả niệm thanh tịnh [5] (và các pháp khác như trên) cũng biết rõ chúng khởi, trú, và diệt, biết còn có những pháp cao hơn. Vị ấy chứng đắc và quán sát tương tự như thế cho đến Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Xuất khởi Phi tướng phi phi tướng xứ, vị ấy quán sát

các pháp từ không thành có, và sau khi xuất hiện đã biến mất [6], đối với chúng vị ấy không luyến ái, không chống đối, an trú với tâm không hạn lượng vì biết còn thứ giải thoát cao hơn. Vị ấy vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng trú định Diệt thọ tướng, lậu hoặc được tận trừ nhờ thấy với trí tuệ [7]. Với chánh niệm, vị ấy xuất khỏi Diệt thọ tướng định, cũng quán sát như trên, các pháp [8] từ không thành có và sau khi xuất hiện đã biến mất, đối với chúng tâm không luyến ái, không chống đối, an trú với tâm vô hạn lượng. Vị ấy biết không còn sự giải thoát nào cao hơn [9] thế nữa, không còn việc gì phải làm.

Và Phật kết luận: Tôn giả Xá-lợi-phất đã thành tựu viên mãn [10] Giới uẩn, Định uẩn, Tuệ uẩn và Giải thoát uẩn của bậc thánh, là con chánh tông của Phật, từ Pháp hóa sinh, kẻ thừa tự Pháp không thừa tự tài vật, chân chính chuyển Pháp luân vô thượng mà Như Lai đã chuyển.

### III. CHÚ GIẢI

1. *Anupadadhammavipassanā*. MA (Chú giải Trung bộ) giải thích vị ấy phát triển tuệ quán tuần tự đi sâu vào các pháp nhờ các thiền chứng và thiền chi, như sẽ mô tả. Nửa tháng nói ở đây là kể từ lúc tôn giả Xá-lợi-phất xuất gia theo Phật cho đến lúc ngài chứng quả A-la-hán trong khi nghe Phật giảng cho *Dīghanakha* về cảm thọ. (xem kinh Trung bộ 75, đoạn 14.)

2. Năm pháp đầu trong bảng kê này là các thiền chi thuộc sơ thiền; các pháp sau đó là những thành phần thêm vào mỗi thứ làm một nhiệm vụ riêng trong thiền định [DG. Theo duy thức học, gọi là năm biến hành và năm biệt cảnh tâm sở]. Sự phân tích tỉ mỉ này về các tâm pháp báo trước phương pháp luận của Luận tạng, bởi thế không phải là sự

tình cờ khi tên tuổi của Sāriputta được gắn liền với sự ra đời của văn học Luận tạng.

3. Tất cả những danh từ này có nghĩa là sự tạm thời dãn dẹp các nhiễm ô nhờ năng lực thiền định chứ không phải sự hoàn toàn giải thoát ô nhiễm do đoạn tận chúng bằng A-la-hán đạo, điều mà tôn giả Sāriputta còn phải chứng đạt.

4. Sự vượt xa hơn nữa ở đây là thiền chứng kế tiếp, tức nhị thiền.

5. Theo ấn bản BBS (Đại tạng Miến Điện) là *passaddhattā cetaso anābhogo*, mà Kinh số giải là tâm còn có lạc ở tam thiền bây giờ được xem là vẫn còn thô, và khi lạc ấy lắng xuống thì tâm có sự an tịnh nhờ xả. Ấn bản hội PTS là *passivedanā*, rõ ràng sai.

6. Cần phải sử dụng phương pháp nội quán gián tiếp này để quán sát Phi tướng phi phi tướng, thiền vô sắc thứ tư vì nó vô cùng vi tế, các thánh đệ tử không thể trực tiếp tra tầm được, mà chỉ có chư Phật toàn giác mới có thể trực tiếp quán sát nó.

7. Kinh số đưa ra giải thích sau về đoạn kinh này, do các trưởng lão của xứ Ấn truyền lại: Trưởng lão Xá-lợi-phất tu chỉ quán song hành và đã chứng quả Bất hoàn. Rồi ngài nhập định Diệt thọ tướng và sau khi xuất định này, đã chứng quả A-la-hán.

8. Vì trong định Diệt thọ tướng không còn thiền chi nào cả, nên Kinh số nói các pháp này chắc phải ám chỉ các sắc pháp sinh trong khi tôn giả chứng diệt định, hoặc ám chỉ các tâm pháp thuộc định chứng vô sắc thứ tư trước đấy.

9. Hãy chú ý sự thực chứng rằng không còn giải thoát nào cao hơn sự chứng đắc A-la-hán quả.

10. *Vasipatto pāramipatta*, tối thắng rốt ráo (ba la mật).

#### IV. PHÁP SỐ

(không có)

#### V. KÊ TỤNG

Phật gọi chúng tỳ kheo  
Ngợi khen Xá-lợi-phất  
Bạc trí tuệ siêu phàm  
An trú bất đoạn quán.  
Vị ấy chứng sơ thiên  
An trú không gián đoạn

Các pháp thuộc sơ thiên:  
Tâm tứ hỷ lạc định  
Xúc (tác) ý thọ tướng tư  
Dục thắng giải niệm xả  
Rõ biết sinh trú diệt  
Không tham luyến chống đối  
An trú tâm vô hạn  
Biết còn pháp cao hơn  
Còn có việc phải làm.

Vị ấy chứng nhị thiên  
Cho đến Phi phi tướng  
Cũng thái độ như trên:  
Giải thoát không chấp thủ.  
Xuất khởi Phi phi tướng  
Chứng Diệt thọ tướng định  
Khi xuất khởi Diệt định  
Quán sát các pháp này  
Từ không mà ra có  
Có lại trở về không

An trú tuệ giải thoát  
Không còn việc phải làm.

Tôn giả Xá-lợi-phất  
Con chính tông của Phật  
Thừa tự Pháp Như Lai  
Chuyển pháp luân vô thượng.



## Kinh số 112

### Sáu thanh tịnh

#### I. TOÁT YẾU

##### *Chabbisodhana Sutta - The Sixfold Purity.*

*The Buddha explains how a bhikkhu should be interrogated when he claims final knowledge and how he would answer if his claim is genuine.*

##### *Sáu sự thanh tịnh.*

*Phật giảng cách chất vấn một tỷ kheo khi vị ấy tuyên bố đã đạt trí tối hậu; nếu đúng thật thì vị ấy phải trả lời như thế nào.*

#### II. TÓM TẮT

Phật dạy chúng tỷ kheo: Nếu có vị nào tuyên bố đã đoạn tận lậu hoặc, việc làm đã xong, thì khi nghe vậy không nên khen hay bác bỏ, mà nên hỏi lại vị ấy những vấn đề như sau. Họ thấy, nghe, nghĩ, biết [1] những gì mà tuyên bố như vậy? Trả lời chân chính là: Đối với những gì thấy nghe nghĩ biết (*kiến văn giác tri*) họ không ái luyến không chống đối, không bị chúng trói buộc, an trú với tâm không hạn lượng [2]. Được trả lời như vậy, cần hỏi tiếp là thái độ của họ thế nào đối với năm thủ uẩn. Cần trả lời đã đoạn trừ tâm cố chấp và tùy miên [3] đối với chúng vì biết chúng vô thường, biến hoại. Vấn đề thứ ba là về sáu giới (địa thủy hỏa phong không và thức), họ phải thấy là địa giới không phải tự ngã, tự ngã không tùy thuộc vào địa giới [4] (cũng vậy với năm giới còn lại). Vấn đề thứ tư là sáu xúc xú (căn trần thức, tức mười tám giới), câu trả lời chân chính là: đối với mắt, sắc, nhãn thức, và các



pháp được nhận thức bởi nhãn thức [5], họ đã đoạn tận dục tham hỷ ái, thiên chấp, tùy miên (cũng vậy với năm căn trần thức còn lại) nên biết tâm đã giải thoát. Thứ năm là đối với thức thân và tướng ngoài, làm sao biết đã đoạn tận tùy miên *tôi là người làm, sở thuộc của tôi là người làm* [6]? Trả lời câu này, họ phải kể lại tuần tự việc xuất gia với lòng tin, thành tựu thánh giới uẩn, đắc bốn thiên [7] cho đến thấy như thật bốn chân lý và nhờ quán sát với trí tuệ, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, khởi lên hiểu biết: *Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa*. Khi ấy, nên tán thán: Thật lợi ích thay cho chúng tôi được thấy một vị Phạm hạnh như tôn giả. [8]

### III. CHÚ GIẢI

1. Xem số 17.
2. Cũng như trong kinh 111 đoạn 4, nhưng ở đây các từ này cốt điển đạt sự đoạn tận nhiễm ô nhờ A-la-hán đạo.
3. Theo kinh số, tất cả từ này đều có nghĩa ái và kiến.
4. Phần đầu phủ nhận sự xem địa đại là tự ngã, phần hai phủ nhận xem các sắc và tâm pháp ngoài địa đại là tự ngã. Cũng thế với các đại khác.
5. Kinh có vẻ như trùng lặp khi đã nói sắc lại còn nói thêm các pháp được tâm nhận biết bằng nhãn thức. Số giải đưa ra hai quan điểm để giải quyết vấn đề. Một quan điểm cho rằng sắc là chỉ cho mọi vật thực sự đi vào nhận thức, còn các pháp có thể nhận biết bằng nhãn thức là những vật thấy được nhưng đã chấm dứt trước khi được thấy. Quan điểm thứ hai nói Sắc chỉ tất cả hình dạng không phân biệt, còn nhóm từ thứ hai là ba tâm uẩn hoạt động cùng với nhãn thức.

6. MA (Chú giải Trung bộ) giải thích *tôi làm* (*ahankāra*) là *mạn* còn của *tôi làm* (*mamankāra*) là *tham*. Mọi tướng (*nimitta*) ngoài chỉ cho ngoại vật.

7. Túc mạng trí và sinh tử trí ở đây được gạt bỏ vì câu hỏi đầu tiên liên hệ đến sự chứng quả A-la-hán chứ không nói các định chứng thuộc thế gian.

8. MA cho rằng kinh này còn gọi là *Ekavissajjita Sutta*; và thấy khó giải thích con số sáu trong nhan đề nguyên thủy, vì trong kinh chỉ có năm câu hỏi đáp. Có thể chia mục cuối thành hai, là thân với thân thức của mình và thân thức người khác. Hoặc có quan điểm cho rằng bốn chân lý có thể được xem là vấn đề thứ sáu. Nhưng cả hai quan điểm đều không ổn, nên rất có thể là có một đoạn đã thất truyền.

#### IV. PHÁP SỐ

(không có)

#### V. KÊ TỤNG

Phật dạy chúng tử khéo  
Nếu có người tuyên bố  
Sinh tận, phạm hạnh thành  
Không nên khen, hoặc bác.

Nên hỏi họ thấy gì  
Nghe, nghĩ, biết những gì  
Để tự xưng giải thoát  
Không còn việc phải làm?

Cần trả lời chân chính:  
Tôi không khởi ưa chán  
Đối kiến văn giác tri  
Hằng trú tâm vô hạn.

Đối với năm thủ uẩn  
Thấy vô thường biến hoại  
Tôi đoạn trừ cố chấp  
Tâm giải thoát nào phiền.

Với sáu giới trong ngoài  
(Bốn đại và không, thức)  
Không chấp đậy là tôi  
Hay tự ngã của tôi.

Với sáu nội ngoại xứ  
(tức là mười tám giới)  
Tôi rũ sạch hỷ tham  
Tự biết đã giải thoát.

Nhưng làm sao biết được  
Đã dứt mạn tùy miên:  
Ta chính là người làm  
Sở thuộc ta, người làm?

Với lòng tin xuất gia  
Tôi thành tựu thánh giới  
Chánh niệm và tỉnh giác  
Trong tất cả uy nghi.

Thiền định nơi vắng vẻ  
Gột trừ năm triền cái  
Chứng cho đến tứ thiên  
Tâm hướng trí lậu tận.

Như thật biết bốn đế  
Tâm giải thoát dục lậu  
Hữu lậu, vô minh lậu  
Biết việc làm đã xong.

Do thấy biết như trên  
Đối với thức thân này  
Và tất cả ngoại tướng  
Tôi dứt mạn tùy miên.

Được trả lời như trên  
Hãy thốt lời ngợi khen:  
Lành thay cho chúng tôi  
Gặp người như tôn giả.



Kinh số 113  
**Kinh Chân nhân**

**I. TOÁT YẾU**

*Sappurisa Sutta - The True Man.*

*The Buddha distinguishes the character of a true man from that of an untrue man.*

**Bậc chân nhân.**

*Phật giảng biệt đặc tính của một người chân chính khác với người bất chính.*

**II. TÓM TẮT**

Phật giảng về chân nhân và phi chân nhân [1]. Phi chân nhân thì tự hào vì mình xuất gia từ một gia đình cao sang, nên khen mình chê người. Cũng vậy, tự hào về giai cấp (dòng họ), danh tiếng, lợi lộc, đa văn, trì luật, thuyết pháp, khổ hạnh [2], chứng thiên cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, tự cho ta được như vậy, các tỷ kheo khác không được, nên khen mình chê người. Chân nhân thì lấy đạo làm chính yếu, nên không nghĩ vì thuộc gia đình cao sang, dòng họ cao quý, danh tiếng... cho đến chứng các thiên, mà tham sân si được đoạn trừ, do vậy không khen mình chê người. Vị ấy nhớ lời Phật dạy rằng sự thật về mọi thứ luôn luôn khác với những gì được quan niệm về chúng [3], nên vượt qua Phi tướng phi phi tướng, chứng Diệt thọ tướng định [4], và sau khi thấy với trí tuệ, lậu hoặc đoạn trừ. Vị ấy không nghĩ mình là bất cứ gì, không nghĩ đến bất cứ việc gì [5].

### III. CHÚ GIẢI

1. *Sappurisdhamma* và *asappurisdhamma*.

2. Túc 13 khổ hạnh đề cập trong Thanh tịnh đạo, chương II.

3. MA giải thích *atammayatā* không đồng hóa, không bao gồm trong đó, có nghĩa là vắng mặt khát ái. Nhưng theo đoạn văn này có lẽ là vắng bóng ngã mạn thì đúng hơn. Câu vì dù chúng quan niệm thế nào đi nữa thì sự thực bao giờ cũng khác hơn (*yena yena hi mannati tato tam hoti annathā*) là một ẩn ngữ triết học còn xuất hiện trong Tiểu bộ kinh 588 và Ud. 3. Luận Udāna giải thích nó có nghĩa rằng dù phạm phu quan niệm thế nào về các uẩn, là ngã hay ngã sở thuộc vv, sự thực vẫn khác với những gì người ta gán cho nó: nó không là tôi hay của tôi.

4. Cần ghi chú rằng không có chuyện người phi chân mà lại nhập định Diệt thọ tướng được. Khác với bốn thiền và bốn định vô sắc mà phạm phu cũng chứng được, định Diệt thọ tướng là phạm vi chỉ dành cho những vị đã chứng quả Bất hoàn và A-la-hán.

5. *Na kinci mannati, na kuhinci mannati, na kenaci mannati*. Đây là một lời ngăn ngọn về cùng một trạng thái đã được mô tả đầy đủ trong kinh Trung bộ 1. Về tướng tri, xem chú thích số 6.

### IV. PHÁP SỐ

(không có)

### V. KỆ TỤNG

Phật giảng về chân nhân  
Và phi chân nhân pháp.  
Phi chân nhân xuất gia  
Tự hào về đủ thứ:

Ta gia đình cao sang  
Tỷ kheo khác hèn hạ  
Do tư duy như vậy  
Nên khen mình chê người.

Về giai cấp dòng họ,  
Danh tiếng và lợi lộc  
Đa văn, khéo giữ giới,  
Thuyết pháp và khổ hạnh  
Nghĩ không ai bằng mình.

Chân nhân thì suy nghĩ  
Không do các pháp ấy  
Tham sân si đoạn trừ  
Cốt yếu là hành đạo.  
Với tư duy như vậy  
Không khen mình chê người  
Thấy ai hành đúng pháp  
Cũng cần đáng tán dương.

Khi chúng đắc các thiên  
Cho đến Phi phi tướng  
Phi chân nhân tự mãn  
Cho không ai bằng mình.

Chân nhân không như vậy  
Khi chúng đắc tứ thiên  
Cho đến Phi phi tướng  
Vẫn với tâm vô tham.

Nhờ thế vượt Phi tường,  
Chứng Diệt thọ tướng định  
Lậu hoặc được đoạn trừ  
Đạt hoàn toàn giải thoát.





## Kinh số 114

# Nên hành trì, không nên hành trì (*Sevitabha-sevitavha Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*Sevitabbàsedvitaḅba Sutta - To Be Cultivated and Not To Be Cultivated.*

*The Buddha sets up three brief outlines of things to be cultivated and not to be cultivated, and the venerable Sariputta fills in the details.*

**Nên đào luyện và không nên đào luyện.**

*Phật nêu vắn tắt ba toát yếu về những pháp cần đào luyện và không cần, rồi tôn giả Xá-lợi-phất nói chi tiết đầy đủ.*

### II. TÓM TẮT

Phật dạy đối với mười pháp sau đây [1] là thân hành, khẩu hành, ý hành, tâm sinh, tướng đắc, kiến đắc, ngã tính đắc, sáu đối tượng giác quan (sắc thanh hương vị xúc pháp), bốn vật dụng và người giao du - đều có hai loại, nên và không nên đào luyện [2]. Không nên là khi luyện nó, ác pháp tăng, thiện pháp giảm và nên là ngược lại.

Tôn giả Xá-lợi-phất triển khai lời dạy ấy như sau: Về thân hành, không nên sát sinh, trộm cắp, tà hạnh trong các dục. (Và từ bỏ những nghiệp ấy là điều nên làm, đối với các pháp sau cũng vậy.) Về khẩu hành, không nên nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, nói vô ích. Về ý hành, không nên tham tài vật, sân muốn hại kẻ khác, và có tà kiến [3] như không tin có bố thí, nhân quả, cha mẹ, đời này đời sau, các bậc thánh hiền. (Nên làm là ý hành ly tham, bất hại và có chánh kiến, ngược với tà kiến nói trên.) Tâm sinh không

nên đào luyện là tâm gì khiến cho ác pháp tăng, thiện pháp giảm; như người có tham [4] sống với tâm thãm nhuần thãm, (với sân và hại cũng vậy). Tướng đắc không nên luyện là tướng đi kèm dục, sân, hại; ngược lại nên đào luyện tướng ly dục, vô sân, bất hại. Kiến đắc không nên có tà kiến cho rằng không có bố thí vân vân; kiến đắc nên có là chánh kiến như trên. Ngã tính đắc [5] không nên có là tính đắc có hại, làm cho bất thiện pháp tăng, thiện pháp giảm, ngăn cản sự chấm dứt sinh tử luân hồi [6] nên có là ngã tính đắc vô hại, khiến thiện pháp tăng, bất thiện pháp giảm. Về sáu đối tượng giác quan (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp do mắt tai mũi lưỡi thân ý nhận thức) cũng có hai loại không nên tiếp xúc và nên tiếp xúc. Sắc không nên tiếp xúc [7] là khi sự tiếp xúc nó làm bất thiện pháp tăng, thiện pháp giảm, nên tiếp xúc là ngược lại. Với năm đối tượng còn lại là (pháp thứ chín, mười trong bảng lược kê ở đầu) y thực sàng tọa, người giao du cũng vậy.

Phật khen ngợi sự triển khai của tôn giả Xá-lợi-phất, và dạy rằng ai hiểu lời dạy một cách chi tiết [8] sẽ được hưởng hạnh phúc an lạc lâu dài.

### III. CHÚ GIẢI

1. Đoạn đầu này chỉ đưa ra một mục lục sẽ triển khai trong toàn bản kinh.

2. *Ananamannam*. Hai cái loại trừ nhau, không thể xem cái này với cái kia là một được.

3. Mặc dù tà kiến và chánh kiến thường được bao gồm dưới mục Giới, trong kinh này chúng được trình bày riêng rẽ ở đoạn *kiến đắc* là sự thủ đắc quan điểm.

4. Trong khi tham và sân nói ở đoạn *ý hành* có năng lực của một nghiệp đạo, thì ở đoạn nói về *tâm sinh*, chúng

được hiển thị mới trong giai đoạn sơ khởi, như những khuynh hướng chưa phát nghiệp.

5. *Attabhāvapatilabha*, sự thủ đắc cá thể, ở đây chỉ cho sự tái sinh.

6. *Aparinitthitabhāva*. Từ ngữ bất thường này được dịch theo chú thích của MA.

7. Sự khác nhau không nằm ở đối tượng mà ở phương pháp tiếp cận đối tượng. Với người này tham dục và các nhiễm ô khác khởi lên đối với một sắc nào đó, nhưng cùng một sắc ấy một người khác lại khởi tâm nhàm chán, ly tham khi tiếp xúc.

8. MA: Người nào nghiên cứu kinh và luận giải kinh này mà không tu tập theo đó thì không thể gọi là đã hiểu ý nghĩa chi tiết của kinh. Chỉ những người tu tập theo lời dạy trong đó thì mới gọi là hiểu ý nghĩa chi tiết.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

#### **V. KỆ TỤNG**

Phật dạy về hai loại  
Nên, không nên hành trì  
Với các pháp như sau  
Tỷ kheo nên xét kỹ.

Trước tiên nên vấn tắt:  
Thân khẩu và ý hành,  
Tâm sinh và tướng đắc  
Kiến đắc, ngã tính đắc  
Sáu đối tượng giác quan  
Bốn vật dụng thường dùng  
Và hạng người giao du

Đều có đáng, bất đáng.  
Những gì không nên làm  
Vi đưa đến hậu quả  
Thiện giảm bất thiện tăng  
Nên làm là ngược lại.

Thân hành không nên làm  
Là giết, trộm, tà dâm  
Khẩu hành dối, hai lưỡi,  
Ác khẩu, lời phù phiếm  
Ý hành tham sân hại  
Tà kiến bác nhân quả  
Từ bỏ các sự ấy  
Là pháp nên hành trì.

Những tâm sinh bất đáng  
Khiến ác tăng thiện giảm  
Như người có lòng tham  
Lại sống với tâm tham  
(Cũng vậy sân và hại)  
Tâm sinh nên hành trì  
Là sống tâm ly tham  
Vô sân và bất hại.

Tướng đắc không nên hành  
Là dục sân hại tướng  
Tướng đắc đáng hành trì  
Xa lìa dục sân hại.  
Kiến đắc không nên có  
Tà kiến bác nhân quả  
Bác cha mẹ, thánh hiền  
Ngược lại là chánh kiến.

Ngã tính đắ không nên  
Là thứ nào có hại  
Không chấm dứt luân hồi.

Nên hành thứ vô hại,  
Khiến thiện tăng, ác giảm.  
Đối với sáu đối tượng  
Do giác quan nhận thức:  
Sắc không nên tiếp xúc  
Là khi tiếp xúc nó  
Ác pháp tăng thiện giảm  
Nên xúc là ngược lại.  
Với những gì còn lại:  
Thanh hương vị xúc pháp  
Bốn vật dụng thường ngày  
Và chỗ, người giao du  
Chiếu theo đây nên biết.

Phật dạy Xá-lợi-phất  
Ai hiểu rộng lời này  
Sẽ an lạc dài lâu.



## Kinh số 115

### Đa giới

#### I. TOÁT YẾU

*Bahudhātuka Sutta - The Many Kinds of Elements.*

*The Buddha expounds in detail the elements, the sense bases, dependent origination, and the kinds of situations that are possible and impossible in the world.*

**Nhiều loại yếu tố.**

*Phật giảng chi tiết về (mười tám) giới, (mười hai) xứ, duyên khởi, và những trường hợp có thể, không thể xảy ra ở đời.*

#### II. TÓM TẮT

Phật dạy tất cả những sự sợ hãi, thất vọng và hoạn nạn chỉ sinh khởi cho kẻ ngu, không phải cho người hiền trí, cũng như lửa lan từ một ngôi nhà cỏ và đốt nó cháy rụi. Bởi thế, các tỷ kheo hãy phát tâm trở thành người hiền, biết suy tư tìm hiểu. Tôn giả A-nan hỏi thế nào là hiền. Phật dạy, ấy là khi tỷ kheo thiện xảo về Giới [1], xứ, duyên khởi và về xứ phi xứ.

- Thiện xảo về Giới là biết rõ mười tám giới (sáu căn, sáu trần, sáu thức); hoặc sáu giới (bốn đại thêm không, thức); hoặc sáu giới là lạc, khổ, hỷ, ưu, xả, và vô minh [2], hoặc dục sân hại, ly dục vô sân bất hại [3]; ba giới là dục, sắc, vô sắc [4]; hoặc hai giới là hữu vi, vô vi [5].

- Xứ có sáu nội ngoại xứ là mắt và sắc tai và tiếng... cho đến ý và pháp [6].

- Duyên khởi có 12 nhân duyên.

- Xứ phi xứ là biết rõ chuyện có thể xảy ra hoặc không thể xảy ra như sau:

Không thể có việc thành tựu chánh kiến [7] mà lại xem các hành là thường, lạc [8], ngã; phạm năm tội nghịch; đề cao một đạo sư khác. Phạm phu thì có thể phạm những sai lầm này, xem một pháp nào đó là ngã [9] và giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá tăng hòa hợp, và làm thân Phật chảy máu [10] hoặc đề cao một đạo sư khác [11].

Cũng không thể có chuyện trong một thế giới mà đồng thời xuất hiện hai vị Phật [12], hai vua Chuyển luân. Cũng không thể có chuyện nữ nhân mà thành Phật [13], Ma Vương, Đế thích, Phạm thiên. Không thể có chuyện do nhân duyên [14] nghi, làm, nói ác mà được quả vui và sinh vào cõi lành hay ngược lại. Những điều ngược lại thì có thể xảy ra.

Khi được hỏi tên pháp môn này là gì, Phật dạy nên gọi là Đa giới, hoặc Bốn chuyển [15], Pháp kính, hoặc Trống bất tử, hoặc Vô thượng chiến thắng.

### III. CHÚ GIẢI

1. Mười tám giới được giải thích chi tiết trong TTĐ chương 15. Văn tắt, ý giới (*manodhātu*) theo Luận, bao gồm ngũ môn hướng tâm (*pancadvārāvajjana-citta*) và ý thức tiếp thu đối tượng sau khi các giác quan đã nhận biết. Ý thức giới (*manovinnādhātu*) thì bao gồm mọi loại thức trừ năm thân thức và ý giới. Pháp giới (*dhammadhātu*) bao gồm các loại vi tế sắc không ở trong tâm nhận biết của giác quan, ba tâm uẩn thọ tướng hành, và Niết-bàn. Nó không gồm các quan niệm, ý tưởng trừu tượng, phán đoán, vv. Mặc dù những thứ sau này được gồm trong khái niệm về tâm pháp (đối tượng của tâm), pháp giới chỉ gồm những gì có tự tính, không bao gồm những gì do tâm tạo nên.

2. Lạc và khổ giới là lạc thọ và khổ thọ của thân, hỷ và ưu giới là vui khổ của tâm, xả giới là cảm thọ không vui không khổ. Theo MA, vô minh được đưa vào đây vì nói có vẻ giống với xả giới.

3. *Vibhanga* định nghĩa đây là sáu loại tâm (*vitakka*) tương ứng, xem Trung bộ 19, đoạn 2.

4. MA giải thích dục là năm uẩn thuộc dục giới, sắc là năm uẩn thuộc sắc giới, vô sắc là bốn uẩn thuộc vô sắc giới.

5. MA: hữu vi giới bao gồm mọi pháp do duyên sinh và là tên gọi ám chỉ năm uẩn. Vô vi giới là Niết-bàn.

6. Mười hai xứ được TTD giải thích trong chương 15. Ý xứ bao gồm mọi loại thức và như vậy nó gồm cả bảy giới làm nhiệm vụ của thức. Pháp xứ cũng như pháp giới.

7. MA: một người có chánh kiến (*ditthisampanno*) là có kiến thuộc đạo, tối thiểu là một thánh đệ tử đã đắc quả Dự lưu. Hành đây cần hiểu là một hành hữu vi, nghĩa là bất cứ pháp duyên sinh nào.

8. MA nêu lên rằng một thánh đệ tử chưa chứng A-la-hán cũng còn có thể xem các hành là lạc với tâm không tương ứng tà kiến, nhưng vị ấy không thể giữ cái quan niệm rằng bất cứ hành nào cũng là khả lạc. Mặc dù tưởng và ý hành khả lạc có khởi lên trong tâm, vị ấy vẫn phản tỉnh để biết thế là lầm.

9. Trong đoạn nói về tự ngã, chữ hành được thay bằng chữ pháp. Theo MA, sở dĩ như vậy vì để bao gồm cả những khái niệm như tưởng về Kasina vân vân mà phạm phu dễ xem là tự ngã. Nhưng xét sự kiện Niết-bàn được mô tả là bất tử và lạc, và cũng dễ bị tưởng là ngã (xem kinh số 1), nên chữ hành có thể nói chỉ bao gồm các pháp hữu vi, còn chữ pháp thì gồm cả hữu vi và vô vi. Nhưng lối giải thích này không có trong luận giải của luận sư TTD.



10. Đoạn này phân biệt phạm phu với thánh đệ tử trên phương diện năm tội nghịch. Theo MA, một thánh đệ tử thì không thể nào cố ý đoạt bất cứ sinh mạng của chúng sinh nào, nhưng ở đây nêu lên việc giết cha mẹ để nhấn mạnh khía cạnh nguy hiểm của cương vị phạm phu và năng lực của thánh đệ tử.

11. Nghĩa là có thể thừa nhận bất cứ ai ngoài Phật làm Vô thượng sư.

12. MA: Không thể nào có một vị Phật khác ra đời kể từ thời gian một Bồ-tát nhập thai mẹ lần cuối cho đến khi giáo lý của Ngài hoàn toàn biến mất.

13. Lời này chỉ xác quyết rằng một vị Phật toàn giác luôn luôn thuộc nam tánh, nhưng không phủ nhận một người hiện tại là phụ nữ có thể thành Phật trong tương lai. Nhưng muốn thế thì trước hết người ấy phải tái sinh thành nam tử.

14. Trong đoạn này, cái câu do nhân ấy do duyên ấy (*tannidāna tappaccayā*) là hết sức quan trọng. Như Phật sẽ cho thấy trong kinh 136, một người phạm ác hành có thể tái sinh lên thiên giới và người làm thiện hành có thể tái sinh vào đọa xứ. Nhưng trong các trường hợp này, sự tái sinh là do nguyên nhân một nghiệp khác với nghiệp người ấy thường làm. Sự đúng luật sát sao chỉ áp dụng cho nghiệp và quả của nó.

15. Bốn chuyển là Giới, Xứ, Duyên sinh và Xứ phi xứ (việc có thể xảy ra, không thể xảy ra)

#### **IV. PHÁP SỐ**

(không có)

## V. KỆ TỤNG

Tất cả những sợ hãi  
Thất vọng và tai ương  
Chỉ đến cho kẻ ngu,  
Không phải cho người trí.

Như từ căn lều cỏ  
Dù đẹp xinh kiên cố  
Một đóm lửa nổi lên  
Cũng đốt tan tành nó

Bởi thế, hãy quyết tâm  
Trở thành một người hiền  
Biết suy tư tìm hiểu  
Đây là lời Phật dạy.

Hiên trí là thiện xảo  
Về Giới, xứ, duyên khởi  
Việc có thể xảy ra  
Và không thể xảy ra.

Giới là mười tám giới:  
Mắt sắc và nhãn thức  
Ý, pháp và ý thức  
Cộng thành mười tám giới.

Lại có sáu loại giới  
Bốn đại thêm không, thức  
Biết rõ các thứ ấy  
Là thiện xảo về giới.

Lạc khổ hỷ ưu xả  
Cuối cùng thêm vô minh  
Là sáu giới thuộc tâm  
Các tử kheo nên biết.

Dục, sắc và vô sắc  
Đây gọi là ba giới  
Hữu vi và vô vi  
Đây gọi là hai giới.

Xứ gồm sáu trong ngoài  
Con mắt và hình sắc  
Lỗ tai và âm thanh  
Cho đến ý và pháp.

Thiện xảo về duyên khởi:  
Đây có tức kia có  
Đây sinh thì kia sinh  
Đây không thì kia không

Đây diệt, kia cũng diệt.  
Do vô minh, sinh hành,  
Do hành sinh, thức sinh  
Do thức, danh thức sinh

Do danh sắc, sáu nhập  
Do sáu nhập, có xúc  
Do xúc mà có thọ  
Do thọ mà có ái

Do ái mà có thủ  
Do thủ mà có hữu  
Do hữu mà có sinh  
Do sinh có già chết  
Sầu bi khổ não ưu.

Vô minh diệt hành diệt  
Hành diệt thì thức diệt  
Thức diệt, danh sắc diệt  
Cho đến già chết diệt.

Đây là sinh và diệt  
Của toàn đồng khổ này.  
Tỷ kheo biết như vậy  
Thiện xảo về duyên sinh.

Thiện xảo Xứ phi xứ  
Là tỷ kheo biết rõ  
Chuyện có thể xảy ra  
Và không thể xảy ra:

Thành tựu chính tri kiến  
Thì không thể quan niệm  
Có thường, lạc, và ngã  
Trong các pháp hữu vi;

Hoặc phạm năm tội nghịch;  
Đề cao đạo sư khác.

Cũng không thể có chuyện  
Đồng thời, trên thế giới  
Xuất hiện hai vị Phật,  
Hai Chuyển luân thánh vương.

Cũng không thể có chuyện  
Nữ nhân mà thành Phật,  
Thành Ma vương, Đế Thích  
Hoặc vua trời Phạm thiên.

Cũng không thể có chuyện  
Do nghĩ, nói, làm, ác  
Mà được quả an vui  
Và sinh vào cõi lành  
Do nghĩ nói làm thiện  
Mà gặp quả đau khổ  
Và sinh vào đọa xứ.  
Việc có thể xảy ra  
Là những điều ngược lại.

Kinh này tên Đa giới  
Hoặc Pháp kính, Bốn chuyển  
Hoặc tên Trống bát tử  
Tỷ kheo hãy thọ trì.



Kinh số 116

## Thôn Tiên Isigilisatta [1]

### I. TOÁT YẾU

*Isigili Sutta – Isigili, The Gullet of the Seers.*

*An enumeration of the names and epithets of pacceka-buddhas who formely dwelt on the mountain Isigili.*

**Vật nuốt những vị tiên.**

*Kể ra tên và đặc điểm các vị Phật Độc giác trước kia đã cư trú trên núi Thôn tiên.*

### II. TÓM TẮT

Khi ở thành Vương Xá, trên núi Isigili, Phật chỉ cho các tỷ kheo những ngọn núi vây quanh thành, là núi Vebhàra [2] (Phụ trọng), Pandava (Bạch thiện), núi Vepulla (Quảng phổ), núi Gijjhakùta (Linh thú) và dạy chúng: Những núi này xưa kia có tên khác, nay tên khác, duy chỉ ngọn núi Isigili thì xưa nay vẫn vậy. Phật kể lai lịch cái tên này như sau. Thuở xa xưa có năm trăm vị Độc giác Phật [3] sống trong núi này một thời gian khá dài. Họ được thấy đi vào trong núi rồi không thấy trở ra, nên quần chúng đã bảo nhau: Ngọn núi này đã nuốt những ẩn sĩ (Ime isigilatīti) [4]. Do vậy nó có tên là Thôn tiên. Và Phật kể danh xưng mười ba vị Phật độc giác đã trú lâu ngày trong núi ấy: Arittha, Uparittha, Tagarasikhī [5], Yasassī, Sudassana, Piyadassī, Gandhāra, Pindola, Upāsabha, Nitha, Tatha, Sutavā và Bhāvitatta [6]. Ngoài ra còn nhiều vị độc giác và ẩn sĩ khác nữa. Họ là những tinh hoa của hữu tình đã nhỏ mũi tên khổ và dứt sạch tham ái, tự mình chứng đắc giải

thoát, những vị đã đoạn tận tái sinh, từ bỏ chấp thủ nguồn gốc của đau khổ, đánh bại quân ma, những bậc vô cầu đoạn trừ tai nạn, có can đảm phi thường, thọ thân sau chót, đã đoạn kết sử, đã thắng mọi chiến trận, đã đạt đến Niết-bàn.

### III. CHÚ GIẢI

1. Ở Tích Lan kinh này được tụng thường xuyên làm kinh cầu an.

2. Núi này và núi sau đó là những ngọn núi bao quanh thành Vương xá.

3. Độc giác Phật là một vị tự mình đạt giác ngộ giải thoát không nhờ Pháp do Phật giảng. Vị ấy không thể giảng dạy Pháp cho người và cũng không thể thiết lập nên giáo lý. Độc giác Phật chỉ xuất hiện vào thời trên thế gian không còn có Phật pháp.

4. Hán dịch là thôn tiên, trong đó *thôn* là nuốt trộng.

5. Tagarasikhin được nhắc đến trong Ud5 và SN3.

6. Ñaṇamoli nhận xét rằng nếu không có luận giải thì thật rất khó mà phân biệt tên riêng và đặc điểm của các vị Phật độc giác.

### IV. PHÁP SỐ

(không có)

### V. KỆ TỤNG

Khi ở thành Vương xá  
Từ đỉnh núi Thôn tiên  
Phật chỉ các ngọn núi  
Vây quanh thành Vương xá:

Ve-bhā-ra (Phụ trọng)  
Pan-da-va (Bạch thiện)  
Ve-pu-lla (Quảng phổ)  
Gijja-kā-ta (Linh thú)

Những núi này xưa kia  
Đều mang những tên khác  
Duy có tên Thôn tiên  
Trước sao nay vẫn vậy.

Do đâu có tên này  
Là I-si-gi-li (*Thôn tiên*)?  
Xưa năm trăm Độc giác  
Tu trong này khá lâu.

Họ đã vào trong núi  
Rồi không thấy trở ra  
Nên quần chúng bảo nhau:  
Núi này nuốt (*thôn*) ẩn sĩ.

Và Phật kể danh xưng  
Mười ba vị độc giác  
Đã trú trong núi ấy  
Cùng nhiều ẩn sĩ khác.

Họ là những tinh hoa  
Của tất cả hữu tình  
Đã nhỏ mũi tên khổ  
Và dứt sạch tham ái;



Đã tự mình chứng đắc,  
Đã đoạn tận tái sinh  
Đã từ bỏ chấp thủ  
Nguồn gốc của khổ đau;

Đã đánh bại quân ma,  
Đã đoạn trừ tai nạn  
Có can đảm phi thường  
Thọ hình hài sau chót

Những con người vô cầu  
Đã đoạn hữu kết sử,  
Đã thắng mọi chiến trận  
Đã đạt đến Niết-bàn.



Kinh số 117  
**Đại kinh Bốn mươi**

**I. TOÁT YẾU**

*Mahācattārisaka Sutta - The Great Forty.*

*The Buddha defines the factors of the Noble Eightfold Path and explains their inter-relationships.*

**Số bốn mươi vĩ đại.**

*Phật định nghĩa các chi của thánh đạo tám ngành và giải thích tương quan giữa các chi phần ấy.*

**II. TÓM TẮT**

Phật dạy các tỷ kheo về Định của bậc thánh [1], cùng những yếu tố hỗ trợ cho định, gồm bảy chính còn lại trong Bát chánh đạo là Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chính tinh tấn và chánh niệm.

**1. Về Chánh kiến:**

a. Chánh kiến là yếu tố dẫn đạo [2], biết phân biệt giữa chánh kiến và tà kiến thì gọi là chánh kiến [3]. Tà kiến là không tin có bố thí, nhân quả, đời này đời sau, cha mẹ, thánh hiền.

b. Chánh kiến gồm hai, là hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu là loại chánh kiến thuộc thế gian, thuộc phước báu, chấp thủ [4] như tin có bố thí vân vân, ngược với tà kiến nói trên. Còn chánh kiến vô lậu [5] là cái thấy thuộc đạo nơi người đã thuần thực trong thánh đạo, có vô lậu tâm, thánh tâm.

c. Ai tinh tấn đoạn trừ tà kiến thành tựu chánh kiến, gọi là chính tinh tấn. Ai chánh niệm đoạn trừ tà kiến, an trú

chánh kiến, gọi là chánh niệm. Vậy có ba yếu tố xoay quanh chánh kiến, đó là chánh kiến, chính tinh tấn và chánh niệm [6].

## **2. Về Chánh tư duy:**

a. Chánh kiến đi hàng đầu [7]: Biết phân biệt giữa chánh tư duy và tà tư duy gọi là chánh kiến. Tà tư duy là tư duy có dục, sân, hại. Chánh tư duy là tư duy ly dục, vô sân, bất hại [8].

b. Chánh tư duy có hai loại, hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu là chánh tư duy ly dục vô sân bất hại nói trên. Vô lậu là chánh tư duy siêu thế, thuộc bậc thánh, thuộc đạo [9].

c. Tinh tấn đoạn trừ tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, gọi là chính tinh tấn. Chánh niệm đoạn trừ tà tư duy, an trú chánh tư duy, gọi là chánh niệm. Như vậy cũng có ba yếu tố xoay quanh chánh tư duy, là chánh kiến, chính tinh tấn và chánh niệm [10].

## **3. Về Chánh ngữ:**

a. Cần có chánh kiến để phân biệt tà ngữ và chánh ngữ. Tà ngữ là nói láo, hai lưỡi, ác khẩu, phù phiếm.

b. Chánh ngữ có hai loại là hữu lậu, vô lậu. Chánh ngữ hữu lậu là từ bỏ bốn ác khẩu nghiệp nói trên, đem lại phước báo. Chánh ngữ vô lậu là sự viễn ly bốn loại tà ngữ nơi một bậc thánh có tâm siêu thế, thuộc đạo [11].

c. Tinh tấn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, gọi là chính tinh tấn. Chánh niệm đoạn trừ tà ngữ, an trú chánh ngữ, gọi là chánh niệm. Vậy về chánh ngữ cũng có ba yếu tố xoay quanh, là chánh kiến, chính tinh tấn, chánh niệm.

## **4. Về Chánh nghiệp:**

a. Chánh kiến cũng đi trước để biết phân biệt giữa tà nghiệp và chánh nghiệp. Tà nghiệp là sát đạo dâm.

b. Chánh nghiệp cũng có hai loại, hữu lậu, thuộc phước báo, là từ bỏ ba tà nghiệp nói trên. Vô lậu là chánh nghiệp thuộc siêu thế, thuộc đạo, sự viển ly ba thân ác hành nơi một bậc thánh.

c. Ai tinh tấn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là tinh tấn. Chánh niệm đoạn trừ tà nghiệp an trú chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Như vậy về chánh nghiệp cũng có ba yếu tố khác xoay quanh là chánh kiến, chính tinh tấn và chánh niệm như trên.

### **5. Về Chánh mạng:**

a. Chánh kiến cũng đi trước để phân biệt giữa tà mạng và chánh mạng. Tà mạng nơi tỷ kheo là lừa đảo, nói mê ly, hiện tướng, gian trá, lấy lợi cầu lợi [12].

b. Chánh mạng cũng có hai, hữu lậu và vô lậu. Từ bỏ tà mạng là chánh mạng hữu lậu thuộc phước báo. Viển ly tà mạng nơi vị tu tập thánh đạo, có vô lậu tâm, gọi là chánh mạng siêu thế, thuộc đạo.

c. Ba yếu tố xoay quanh chánh mạng cũng như trên.

### **6. Đại tứ thập:**

Chánh kiến đi hàng đầu, vì nhờ có chánh kiến mà sinh chánh tư duy [13], do chánh tư duy có chánh ngữ, do chánh ngữ có chánh nghiệp, do chánh nghiệp có chánh mạng, do chánh mạng có chính tinh tấn, do chính tinh tấn có chánh niệm, do chánh niệm có chánh định, do chánh định có chính trí, do chính trí có chính giải thoát. Như vậy là đạo lộ của hữu học gồm tám chi và của A-la-hán gồm mười chi [14].

Ở đây, trước tiên là chánh kiến; Nơi người có chánh kiến, tà kiến được từ bỏ, và những bất thiện do duyên tà kiến cũng được loại trừ. Những thiện pháp do chánh kiến phát sinh được tu tập cho đến viên mãn... Nơi người có

chính giải thoát, tà giải thoát và những bất thiện do tà giải thoát được từ bỏ, các thiện pháp do chính giải thoát phát sinh được tu tập cho đến viên mãn. Vậy có hai mươi thiện phần, hai mươi bất thiện [15] gọi là đại pháp môn bốn mươi.

Đại pháp môn này đã được chuyển vận không bị chặn đứng bởi bất cứ sa môn bà-la-môn nào trên thế giới, vì nếu ai bác bỏ nó ngay trong hiện tại sẽ bị chỉ trích với mười mệnh đề hợp pháp rằng: Bác bỏ chánh kiến tức là xem các sa môn bà-la-môn có tà kiến đáng được tôn trọng, cúng dường... Bác bỏ chính giải thoát tức là xem các sa môn bà-la-môn tà giải thoát là đáng tôn trọng cúng dường. Ngay những người theo Vô nhân luận, hư vô luận như hai bậc thầy sống ở Okkala là Vassa và Bhanna [16] cũng không nghĩ pháp môn này là đáng chỉ trích.

### III. CHÚ GIẢI

1. *Ariyam sammā samādhim sa-upanisam saporikkhāram*. MA giải thích chữ thánh ở đây có nghĩa là siêu thế, và nói đây là định thuộc đạo lộ siêu thế. Những điều kiện, chỗ dựa của nó là bảy đạo chi kia, như sẽ được hiển thị.

2. *Pubhangamā*: tiên phong. MA nói hai loại chánh kiến đi tiên phong là chánh kiến thuộc tuệ tra tâm các hành là vô thường khổ vô ngã; và chánh kiến thuộc đạo khởi lên như là quả của tuệ quán đưa đến sự đoạn tận nhiễm ô. Chánh kiến thuộc tuệ làm tiên phong dường như được hiển thị trong đoạn 4, 10, 16, 22 và 28; chánh kiến thuộc đạo làm tiên phong được nói trong đoạn 34, 35.

3. Lời này gợi ý rằng muốn có được chánh kiến về bản chất của thực tại thì trước hết phải biết phân biệt giữa tà giáo và chính giáo về bản chất vận pháp. Theo MA đây là chánh kiến thuộc tuệ, cái tuệ quán liễu tri tà kiến đối với

một đối tượng là nhờ đi sâu vào tính vô thường khổ vô ngã của nó, và chánh kiến là nhờ thi thố nhiệm vụ liễu tri ấy và nhờ đánh tan hoài nghi.

4. Đây là chánh kiến thế gian, một công đức đưa đến tái sinh tốt đẹp nhưng tự mình nó thì không đủ để vượt ra ngoài cõi hữu.

5. Định nghĩa này cho chánh kiến siêu thế là tuệ giác bát nhã được tìm thấy trong các điều kiện đưa đến giác ngộ như là một căn, lực, giác chi và đạo chi. Chỗ khác, như kinh 141, chánh kiến thuộc đạo được định nghĩa là tri kiến về Bốn chân lý. Ta có thể nói hiểu rõ khái niệm bốn chân lý là chánh kiến thế gian, còn chánh kiến xuất thế là sự thâm nhập 4 đế bằng đạo lộ thực chứng Niết-bàn.

6. MA: Chúng đi kèm chánh kiến làm hàng đầu. Chánh tinh tấn và chánh niệm câu hữu với chánh kiến siêu thế; chánh kiến thuộc tuệ là tiên phong của chánh kiến siêu thế.

7. MA giải thích đây là chánh kiến thuộc tuệ, liễu tri chánh tư duy qua nhiệm vụ của nó và bằng cách dẹp trừ hoang mang. Nhưng dường như vấn đề ở đây là cốt phân biệt rõ hai loại ý hành hay tư duy.

8. Đây là định nghĩa chuẩn về chánh tư duy kể như một trong bát chánh đạo, xem Trung 141.

9. Trong định nghĩa này, tư duy (*sankappa*) đồng nghĩa với tâm (*vitakka*), được giải thích xa hơn nữa là yếu tố đưa đến định an chỉ nhờ hướng tâm và dán chặt tâm trên đối tượng của nó. Về tầm ngữ như ngữ hành, xem Trung bộ 44.

10. MA: Lời này chỉ nói đến các pháp câu hữu với chánh tư duy siêu thế. Trong giai đoạn chuẩn bị tu tập, thì ba chánh tư duy thế gian khởi lên riêng rẽ, nhưng ở sát-na đạo lộ siêu thế, một ý hành duy nhất khởi lên cắt đứt cả ba tà

tư duy. Vậy chánh tư duy siêu thế cũng có thể mô tả là tư duy về từ bỏ hay ly dục, vô sân và bất hại. Cũng vậy với chánh ngữ vân vân.

11. Trong khi chánh ngữ thế gian được thực hành theo bốn kiểu tùy loại tà ngữ phải tránh, vào sát-na thuộc đạo lộ siêu thế, một yếu tố chánh ngữ duy nhất làm cả bốn nhiệm vụ cắt đứt khuynh hướng đối với bốn loại tà ngữ. Cũng vậy với chánh nghiệp.

12. Với tỷ kheo, có những cách bất chính khi xin nhu yếu phẩm được nói trong TTĐ I. MA nói các cách xin đề cập trong kinh không phải là loại tà mạng duy nhất, tà mạng này bao hàm bất cứ kiểu kiếm sống nào vi phạm giới luật Phật chế. Tăng chi 5 kể năm loại tà mạng của cư sĩ là buôn bán khí giới, chúng sinh, thịt, rượu và độc chất.

13. MA giải thích rằng với một người đã có chánh kiến thuộc đạo thì đương nhiên sẽ có chánh tư duy thuộc đạo; cũng thế người có chánh kiến thuộc quả thì chánh tư duy thuộc quả cũng xuất hiện. Tương tự với các chi phần kế tiếp ngoại trừ hai cái cuối đề cập đạo lộ siêu thế.

14. Hai yếu tố mà A-la-hán có thêm là chính trí (có thể xem là trí hồi quan rằng mình đã phá hủy các nhiễm ô) và chính giải thoát, các kinh nghiệm thân chứng rằng tâm giải thoát tất cả ô nhiễm.

15. Hai mươi thiện là mười chính và các thiện pháp phát xuất từ mỗi chính; còn hai mươi bất thiện là mười tà và các bất thiện pháp phát xuất từ mỗi tà. Do đây có tên Đại tứ thập.

16. MA chỉ nói hai vị này là những người sống ở xứ Okkala.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

## V. KÊ TỤNG

Phật dạy các tử kheo  
Về Định của bậc thánh  
Cùng cận duyên, tư trợ  
(những yếu tố giúp vào)  
Gồm bảy chính còn lại  
Trong con đường Bát chính.

1. Chánh kiến đi hàng đầu:  
Biết phân biệt tà, chính  
Thì gọi là chánh kiến.  
Tà kiến là không tin  
Có bố thí, nhân quả  
Đời này và đời sau  
Cha mẹ và hiền thánh.  
Chánh kiến gồm hai loại

Thế gian và xuất thế  
Chánh kiến thuộc thế gian  
Ngược tà kiến nói trên.  
Thế gian là hữu lậu  
Thuộc phước báo, chấp thủ  
Còn chánh kiến vô lậu  
Thuộc thánh đạo, thánh tâm.

Siêng đoạn trừ tà kiến  
Và thành tựu chánh kiến  
Gọi là chính tinh tấn;  
Tâm chuyên nhất một niềm  
Đoạn tà, tu chánh kiến  
Được gọi là chánh niệm.



Chánh kiến, tinh tấn, niệm  
Đi kèm theo chánh kiến  
Trong thánh chánh định này.

2. Muốn có chánh tư duy  
Trước hết cần chánh kiến  
Biết thế nào tà tư  
Và thế nào chính tư.

Tà tư duy: tư tưởng  
Có dục, sân và hại.  
Chánh tư duy ly dục  
Vô sân và bất hại.  
Chánh tư duy có hai  
Hữu lậu và vô lậu  
Hữu lậu là tư duy  
Lìa dục sân và hại  
Vô lậu là siêu thế  
Tư duy thuộc thánh đạo.

Siêng trừ tà tư duy  
Thành tựu chánh tư duy  
Gọi là chính tinh tấn;  
Tâm chuyên nhất một niệm  
Bỏ tà, tu tập chính  
Được gọi là chánh niệm.  
Chánh kiến, tinh tấn, niệm  
Đi kèm chánh tư duy  
Trong thánh chánh định này.

3. Chánh ngữ cần chánh kiến  
Phân biệt tà, chánh ngữ.  
Tà nói dối, hai lưỡi  
Ác khẩu và phù phiếm.  
Từ bỏ bốn tà ngữ  
Sẽ đem lại phước báo  
Đây Chánh ngữ thế gian.  
Còn Chánh ngữ vô lậu  
Là viễn ly bốn tà  
Thuộc đạo tâm, siêu thế.

Siêng loại trừ tà ngữ  
Và thực hành chánh ngữ  
Gọi là chính tinh tấn;  
Tâm chuyên nhất một niềm  
Bỏ tà, tu tập chính  
Được gọi là chánh niệm.  
Chánh kiến, tinh tấn, niệm  
Đi kèm theo chánh ngữ  
Trong thánh chánh định này.

4. Chánh nghiệp cũng như trên  
Cần trước tiên chánh kiến  
Phân biệt tà, chánh nghiệp:  
Tà nghiệp sát đạo dâm  
Từ bỏ sát đạo dâm  
Là Chánh nghiệp hữu lậu  
Sẽ được hưởng phước báo.  
Còn chánh nghiệp vô lậu  
Là viễn ly ác hành  
Thuộc đạo tâm, siêu thế.

Siêng loại trừ tà nghiệp  
Và thực hành chánh nghiệp  
Gọi là chính tinh tấn;  
Tâm chuyên nhất một niềm  
Bỏ tà, tu tập chính  
Được gọi là chánh niệm.  
Chánh kiến, tinh tấn, niệm  
Đi kèm theo chánh nghiệp  
Trong thánh chánh định này.

#### 5. Chánh mạng cần chánh kiến

Phân biệt tà, chánh mạng:

Lừa đảo, nói mê ly,  
Hiện tướng và gian trá  
Cùng lấy lợi cầu lợi  
Năm cách khát thực ấy  
Được gọi là tà mạng  
Nơi một vị tỷ kheo.  
Từ bỏ tà mạng ấy  
Là chánh mạng hữu lậu  
Sự viễn ly tà mạng  
Nơi vị tu thánh đạo,  
Là chánh mạng siêu thế.

Siêng loại trừ tà mạng  
Và thực hành chánh mạng  
Gọi là chính tinh tấn;  
Tâm chuyên nhất một niềm  
Bỏ tà, tu tập chính  
Được gọi là chánh niệm  
Chánh kiến, tinh tấn, niệm

Đi kèm theo chánh mạng  
Trong thánh chánh định này.

6. Trong đạo lộ hữu học  
(với tám chi thánh đạo)  
Hoặc đạo A-la-hán  
(với mười chi thánh đạo)  
Chánh kiến cũng dẫn đầu:  
Do vì có chánh kiến  
Mà có chánh tư duy  
Do chính tư, chánh ngữ,  
Do chánh ngữ, chánh nghiệp,  
Do chánh nghiệp, chánh mạng  
Do chánh mạng, chính tiến  
Do chính tiến, chánh niệm  
Do chánh niệm, chánh định  
Do chánh định, chính trí  
Và do chính trí này  
Mà có chính giải thoát.

Trước tiên là chánh kiến  
Nơi người có chánh kiến  
Tà kiến được từ bỏ  
Và những pháp bất thiện  
Do tà kiến sinh ra  
Đồng thời được loại trừ  
Tất cả các thiện pháp  
Phát xuất từ chánh kiến  
Được tu tập viên mãn.

(Với chín pháp còn lại  
Chánh tư duy... giải thoát  
Cũng triển khai như trên  
Chiếu theo đây nên biết.)  
Có hai mươi thiện phần  
Và hai mươi bất thiện  
Trong đại pháp bốn mươi  
Được chuyển vận bất tuyệt  
Bất cứ ai trên đời  
Cũng không thể chận đứng.

Nếu có ai bác nó  
Sẽ bị chỉ trích ngay  
Với lý luận hợp pháp:  
- Ông bài xích chánh kiến  
Tức xem đáng tôn thờ  
Những kẻ có tà kiến  
Cho đến Chánh giải thoát  
Nếu ông bài xích nó  
Tức xem đáng tôn thờ  
Những kẻ tà giải thoát.  
Ngay người Vô nhân luận  
Cũng ngán pháp môn này.



Kinh số 118

## Nhập tức xuất tức niệm

### I. TOÁT YẾU

*Ānāpānasati Sutta - Mindfulness of Breathing.*

*An exposition of sixteen steps in mindfulness of breathing and of the relation of this meditation to the four foundations of mindfulness and the seven enlightenment factors.*

**Quán niệm hơi thở.**

*Trình bày 16 bước trong pháp niệm hơi thở, tương quan giữa thiền pháp này với Bốn niệm xứ và Bảy giác chi.*

### II. TÓM TẮT

Vào lễ tự tứ [1] đêm rằm, Phật ngồi giữa trời được vây quanh bởi một đại chúng gồm những vị thượng thủ danh tiếng. Ngài đưa mắt nhìn quanh rồi khen hội chúng này thật toàn hảo, đã đắc quả từ Dự lưu đến A-la-hán, hoặc là những vị chuyên tu thiền bốn niệm xứ cho đến bát thánh đạo. Ngài tuyên bố sẽ ở lại đây (Xá vệ) cho đến tháng tư lễ Komudi [2]. Những tỷ kheo tại địa phương đến quy tụ để hành thiền. Họ chuyên tâm tu tập bốn phạm trú, tu tướng bất tịnh, tướng vô thường, hoặc tu niệm hơi thở vô ra.

Pháp môn niệm hơi thở này, nếu được tu tập viên mãn, sẽ đưa đến kết quả lớn là viên mãn bốn niệm xứ. Do viên mãn bốn niệm xứ mà bảy giác chi được viên mãn. Do bảy giác chi viên mãn mà mình giải thoát được viên mãn.

Như thế nào tu niệm hơi thở được viên mãn sẽ có kết quả lớn, công đức lớn? Vị tỷ kheo đi đến chỗ trống, ngồi

kiết già lưng thẳng an trú chánh niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thờ vô, chánh niệm vị ấy thờ ra.

Thở vô dài, vị ấy biết tôi thở vô dài. Hay thở ra dài, vị ấy biết tôi thở ra dài. Hay thở vô ngắn, vị ấy biết tôi thở vô ngắn. Hay thở ra ngắn, vị ấy biết tôi thở ra ngắn. Vị ấy tập: Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thờ vô. Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: An tịnh thân hành, tôi sẽ thờ vô. An tịnh thân hành, tôi sẽ thờ ra. [3]

Vị ấy tập: Cảm giác hỷ thọ [4], tôi sẽ thờ vô. Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thờ vô. Cảm giác lạc thọ [5], tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thờ vô. Cảm giác tâm hành [5], tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: An tịnh tâm hành, tôi sẽ thờ vô. An tịnh tâm hành, tôi sẽ thờ ra.

Vị ấy tập: Cảm giác về tâm [6], tôi sẽ thờ vô. Cảm giác về tâm, tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: Với tâm hân hoan [6], tôi sẽ thờ vô. Với tâm hân hoan, tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: Với tâm định tĩnh [6], tôi sẽ thờ vô. Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: Với tâm giải thoát [6], tôi sẽ thờ vô. Với tâm giải thoát, tôi sẽ thờ ra.

Vị ấy tập: Tùy quán vô thường, tôi sẽ thờ vô [7]. Tùy quán vô thường, tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: Tùy quán ly dục, tôi sẽ thờ vô. Tùy quán ly dục, tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: Tùy quán tịch diệt, tôi sẽ thờ vô. Tùy quán tịch diệt, tôi sẽ thờ ra. Vị ấy tập: Tùy quán xả ly, tôi sẽ thờ vô. Tùy quán xả ly, tôi sẽ thờ ra.

Bốn pháp đầu, trong khi quán thân thể [8] như là thân thể, vị tỷ kheo nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời. Khi quán cảm thọ [9] như là cảm thọ với bốn pháp tiếp theo, vị tỷ kheo nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời. Với nhóm bốn

pháp thứ ba, trong khi quán tâm trên tâm [10], vị tỳ kheo nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu [11] ở đời. Trong khi quán pháp trên các pháp với nhóm bốn pháp thứ tư cũng vậy. Như vậy là bốn niệm xứ được viên mãn nhờ quán hơi thở vô ra.

Bảy giác chi [12]: Trong khi tỳ kheo tùy quán thân trên thân, *niệm* giác chi phát sinh và đi đến viên mãn. Nhờ tư duy thẩm sát trong khi có chánh niệm [13] *trạch pháp* giác chi sinh khởi và đi đến viên mãn. Trong khi thẩm sát pháp ấy, sự tinh tấn không thụ động khởi lên gọi là *tinh tấn* giác chi, và khi tinh tấn giác chi viên mãn thì *hỷ* phi vật chất sinh khởi. Tâm hoan hỷ đi đến viên mãn sẽ khiến thân tâm *khinh an*, là khinh an giác chi. Khi tâm được khinh an, an lạc, sẽ đưa đến *định* giác chi, và với tâm định tinh thì dễ nhìn sự vật với thái độ *xả*, đấy là xả giác chi. Đối với ba nhóm còn lại là thọ, tâm, pháp cũng thế.

Minh giải thoát: Bảy giác chi được tu tập viên mãn khiến cho minh giải thoát được viên mãn là vì cả bảy giác chi đều liên hệ đến viễn ly, ly tham, diệt, xả ly.

### III. CHÚ GIẢI

1. *Pavāranā* - lễ tự tứ, là lễ kết thúc an cư mùa mưa, trong lễ này các tỳ kheo thỉnh cầu lẫn nhau giáo giới, chỉ lỗi cho mình.

2. *Komudi* là ngày rằm tháng Kattika, tháng thứ tư mùa mưa; nó được gọi như vậy vì vào mùa mưa ấy hoa *kumuda* (hoa súng) nở.

3. Đoạn bốn pháp đầu được giải thích trong kinh số 10, chỉ khác đoạn này ở chỗ thêm ví dụ. Vì đã giải thích bốn niệm xứ quán về hơi thở trong Thanh Tịnh Đạo nên ở MA, Luận sư Buddhaghosa chỉ nói độc giả tham khảo luận TTĐ. Bốn chú thích sau đều rút từ TTĐ VII.



4. Người ta kinh nghiệm hỷ thọ theo hai cách: nhờ đạt hai thiền đầu trong đó có mặt hỷ, hành giả cảm thọ hỷ theo kiểu khinh khoái. Cách thứ hai là nhờ xuất khỏi thiền ấy và quán sát hỷ cũng phải bị hoại diệt, như vậy hành giả được hỷ theo kiểu tuệ giác.

5. Cũng phương pháp giải thích ấy áp dụng cho mệnh đề hai và ba, ngoại trừ mệnh đề hai bao hàm ba thiền dưới còn mệnh đề ba bao hàm cả bốn thiền. Tâm hành là tướng và thọ được an tịnh nhờ tuần tự phát triển các tầng mức cao hơn về tịnh chỉ và tuệ quán.

6. Cảm thọ về tâm cần hiểu là nhờ bốn thiền. Khiến tâm hân hoan là hoặc đắc hai thiền đầu có hỷ hoặc đi sâu và hai thiền bằng tuệ quán để thấy chúng vô thường, vô thường. Khiến tâm định tĩnh ám chỉ hoặc định chứng thuộc thiền, hoặc sự tập trung chốc lát (sát-na định) khởi lên cùng với tuệ quán. Khiến tâm giải thoát có nghĩa là giải thoát tâm khỏi các chướng ngại và các thiền chi thô nhờ các định chứng cao dần, và khỏi các nhận thức sai lầm nhờ tri kiến thuộc tuệ.

7. Đoạn bốn pháp này hoàn toàn đề cập tuệ giác, không giống ba đoạn trước đề cập cả chỉ lẫn quán. Quán ly tham và quán đoạn diệt có thể hiểu là tuệ quán đi sâu vào tính vô thường của các hành, và là đạo lô siêu thế chứng Niết-bàn ly dục (*virāga*) và chấm dứt khổ đau. Quán từ bỏ là sự từ bỏ nhiễm ô nhờ tuệ và sự thể nhập Niết-bàn nhờ đạo.

8. Hơi thở ra vào cần được xem như phong đại làm nên thân thể trong bốn đại. Nó cũng cần được hiểu là xúc xứ trong các pháp thuộc về thân (vì đối tượng chú ý là sự chạm xúc của hơi gió ra vào nơi cửa mũi).

9. MA giải thích *sādhuka manasikāra* (tác ý một cách sát nút) tự nó không phải là cảm giác thực, mà đây chỉ nói ẩn

dụ. Trong đoạn bốn pháp thứ hai, cảm thọ thực thụ là lạc thọ nói trong câu hai và cảm giác bao hàm trong chữ tâm hành trong câu ba và bốn.

10. MA: Mặc dù thiên giả lấy tướng hơi thở vô ra làm đề mục tu, vị ấy vẫn được xem là đang quán tâm như là tâm, vì đang duy trì tâm mình trên đối tượng bằng cách đánh thức hai tâm pháp là chánh niệm và tỉnh giác.

11. MA: Tham và ưu là hai triền cái đầu tức dục và sân, và do vậy tiêu biểu sự quán các tâm pháp khởi đầu bằng năm triền cái. Vị ấy từ bỏ được triền cái nhờ quán vô thường, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, và đi đến kết quả là nhìn đối tượng với tâm xả.

12. MA nói đoạn kinh này hiển thị các giác phần cùng hiện hữu trong từng sát-na tâm khi tu thiên quán.

13. MA: Chánh niệm theo dõi hơi thở là thuộc thế gian; chánh niệm thế gian này làm hoàn hảo nền tảng chánh niệm thế gian; nền tảng chánh niệm thế gian kiện toàn các đại chi siêu thế; và các đại chi siêu thế làm viên mãn chính trí và giải thoát, nghĩa là quả và Niết-bàn.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

#### **V. KỆ TỤNG**

Đêm trăng rằm tự tứ  
Đức Phật ngồi giữa trời  
Với đại chúng vây quanh  
Toàn thượng thủ danh tiếng.

Ngài đưa mắt nhìn quanh  
Khen hội chúng toàn hảo  
Gồm nhiều vị La-hán  
Tối thiểu cũng Dự lưu.

Ngài cho đại chúng biết  
Như Lai sẽ lưu lại  
Tại thành Xá-vệ này  
Đến rằm tháng tư sau.

Khi được biết tin ấy  
Những tỷ kheo địa phương  
Quy tụ lại hành thiền  
Theo lời Phật chỉ dạy.

Hoặc tu bốn phạm trú  
Hoặc tu tướng bất tịnh  
Hoặc tu tướng vô thường  
Hoặc tu niệm hơi thở.

Phật dạy pháp môn này  
Nếu tu tập viên mãn  
Sẽ có kết quả lớn:  
Viên mãn bốn niệm xứ  
Kiện toàn bảy giác chi  
Cho đến minh giải thoát.  
Pháp quán niệm hơi thở  
Gồm mười sáu đề mục

Về thân thọ tâm pháp  
Cách tu tập như sau.  
Tỷ kheo chọn chỗ vắng

Ngôi kiết già lưng thẳng  
An trú niệm trước mặt  
Tỉnh giác, thở vô ra.

Hơi vô dài, rõ biết  
Hơi ra dài, rõ biết  
Hơi thở ngắn cũng vậy  
Cảm giác toàn thân,  
Tôi sẽ thở vô,  
Cảm giác toàn thân,  
Tôi sẽ thở ra.  
An tịnh thân hành,  
Tôi sẽ thở vô  
An tịnh thân hành,  
Tôi sẽ thở ra.  
Như vậy vị ấy tập  
Bốn quán niệm về *Thân*.

Cảm giác hỷ thọ,  
Tôi sẽ thở vô.  
Cảm giác hỷ thọ,  
Tôi sẽ thở ra.  
Cảm giác lạc thọ,  
Tôi sẽ thở vô.  
Cảm giác lạc thọ,  
Tôi sẽ thở ra.  
Cảm giác tâm hành,  
Tôi sẽ thở vô  
Cảm giác tâm hành  
Tôi sẽ thở ra.  
An tịnh tâm hành  
Tôi sẽ thở vô

An tịnh tâm hành  
Tôi sẽ thở ra.  
Như vậy vị ấy tập  
Bốn quán niệm về *Thọ*.

Cảm giác về tâm  
Tôi sẽ thở vô  
Cảm giác về tâm  
Tôi sẽ thở ra.  
Với tâm hân hoan  
Tôi sẽ thở vô  
Với tâm hân hoan  
Tôi sẽ thở ra.  
Với tâm định tĩnh  
Tôi sẽ thở vô  
Với tâm định tĩnh  
Tôi sẽ thở ra.  
Với tâm giải thoát  
Tôi sẽ thở vô  
Với tâm giải thoát  
Tôi sẽ thở ra.  
Như vậy vị ấy tập  
Bốn quán niệm về *Tâm*.

Tùy quán *vô thường*  
Tôi sẽ thở vô  
Tùy quán *vô thường*  
Tôi sẽ thở ra.  
Tùy quán *ly dục*  
Tôi sẽ thở vô  
Tùy quán *ly dục*  
Tôi sẽ thở ra.

Tùy quán tịch diệt  
Tôi sẽ thở vô  
Tùy quán tịch diệt  
Tôi sẽ thở ra.  
Tùy quán xả ly  
Tôi sẽ thở vô  
Tùy quán xả ly  
Tôi sẽ thở ra.  
Như vậy vị ấy tập  
Bốn quán niệm về *Pháp*.

Trong khi quán thân thể  
Chỉ như là thân thể  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm  
Tĩnh giác và có niệm  
Để điều phục tham ưu  
Đối với mọi sự đời.  
Trong khi quán cảm thọ  
Quán tâm và các pháp  
Qua mười sáu đề mục  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm  
Với niệm và tĩnh giác  
Để điều phục tham ưu  
Đối với mọi sự đời.  
Như vậy bốn niệm xứ  
Được tu tập viên mãn  
Nhờ quán thở vô ra.

Trong khi tùy quán thân  
Và quán thọ, tâm, pháp  
*Niệm* giác chi phát sinh  
Và đi đến viên mãn.

Nhờ tư duy thâm sát  
Trong khi có chánh niệm  
*Trạch pháp* giác chi sinh  
Và đi đến viên mãn.  
Trong khi thâm sát pháp  
Sự tinh tấn khởi lên  
Là *tinh tấn* giác chi  
Khi tinh tấn viên mãn  
*Hỷ* phi vật chất sinh.  
Tâm hoan hỷ tột độ  
Sẽ khiến thân nhẹ nhàng  
Và tâm cũng khoan khoái  
Là *khinh an* giác chi.  
Khinh an đưa đến lạc  
Lạc đưa đến định  
Gọi là *định* giác chi.  
Và với tâm định tĩnh  
Ta dễ nhìn sự vật  
Với thái độ buông *xả*  
Đấy là *xả* giác chi.

Bảy giác chi tu tập  
Đi đến chỗ viên mãn  
Minh giải thoát phát sinh  
Vì cả bảy giác chi  
Đều liên hệ viển ly  
Ly tham, diệt, giải thoát.



Kinh số 119  
**Thân hành niệm**

**I. TOÁT YẾU**

*Kāyagatāsati Sutta - Mindfulness of the Body.*

*The Buddha explains how mindfulness of the body should be developed and cultivated and the benefits to which it leads.*

**Niệm thân.**

*Phật giải thích làm thế nào để tu tập pháp niệm thân và nói những lợi ích mà pháp tu này đem lại.*

**II. TÓM TẮT**

Chúng tỳ kheo tụ họp ca ngợi pháp môn niệm thân hành mà Phật đã dạy. Phật nhân đấy giảng rộng pháp tu này.

**A. Các pháp niệm thân hành:**

1. Niệm hơi thở: Ngồi kiết già lưng thẳng ở chỗ vắng, theo dõi hơi thở vô ra như đã nói trong kinh 18, mục niệm thân.

2. Chánh niệm tỉnh giác trong bốn uy nghi, ý thức rõ thân đang đi, đứng, ngồi, nằm, nhiệt tâm tinh cần, đoạn trừ các tư duy liên hệ thế tục.

3. Niệm thân hành: Ý thức rõ thân thể đang được sử dụng như thế nào, ngó tới ngó lui hay co duỗi tay chân ăn uống nói im đi đứng ngủ thức.

4. Quán tính chất bất tịnh trong tất cả thân phần từ tóc lông cho đến nước tiểu.



5. Phân biệt bốn đại ở trong thân: tóc lông móng... là địa, nước mắt mũi miệng... là thủy, hơi nóng là hỏa, chuyển động là phong.

6. Quán thi thể phình trương sau ba ngày bị quăng bỏ.

7. Quán thi thể bị các loài trùng, chim thú ăn.

8. Quán bộ xương liên kết còn máu thịt, đã hết thịt nhưng còn dính máu, bộ xương đã rã rời mỗi nơi một cái xương.

9. Quán thi thể sau nhiều năm thối chỉ còn là đồng xương trắng màu vỏ ốc. Thấy bản chất thân này cũng vậy, không vượt qua bản chất ấy. Nhờ sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần quán niệm như trên, các niệm và tư duy thể tục được đoạn trừ, nội tâm chuyên nhất, định tĩnh. Đây gọi là tu tập thân hành niệm.

### ***B. Những kết quả của thân hành niệm:***

1. Chứng bốn thiên: sơ thiên với hỷ lạc do ly dục sinh thấm nhuần thân tâm, như một cục bột nhồi thấm nước [2]. Thiên thứ hai, với hỷ lạc do định sinh, như hồ nước đầy gặp cơn mưa lớn, nước mát lan tràn hồ. Thiên thứ ba toàn thân thấm nhuần lạc thọ gọi là xả niệm lạc trú, như những hoa sen ở trong hồ thấm đầy nước. Thiên thứ bốn xả niệm thanh tịnh, toàn thân thấm nhuần sự trong sáng thuần tịnh, như người ngồi với một tấm vải trắng trùm đầu phủ xuống toàn thân.

2. Minh trí [3] và giải thoát: Người tu tập thân hành niệm đã viên mãn, thì các thiên pháp của vị ấy đều dự phần vào minh trí, như trăm sông đổ vào biển. Không tu tập thân hành niệm thì ma vương dễ làm hại, như cục đất sét ướt bị lún dưới sức nặng của một viên đá ném vào, như bình rỗng dễ làm đầy nước, như cây khô dễ cháy. Ngược lại người có tu tập thân hành niệm thì ma không hại được,

như trái banh dây dọi vào cánh cửa chắc chắn không thể phá cửa, như bình nước đã đầy không thể đổ thêm, như cây tươi đầy nhựa không thể bị đốt cháy.

3. Để đắc thần thông: Với căn bản thân hành niệm, hành giả dễ chứng bất cứ pháp nào có thể chứng nhờ thắng trí, như một lực sĩ dễ dàng lắc đổ một bình nước đầy, phá một khúc đê cho nước tràn, như một người đánh xe giỏi lái cỗ xe ngựa hay chạy trên đường bằng phẳng.

### ***C. Kết luận về lợi ích của thân hành niệm:***

Thân hành niệm khéo tu tập viên mãn sẽ đưa đến mười lợi ích lớn: Một là nhiếp phục lạc khổ. Hai, nhiếp phục sợ hãi khiếp đảm. Ba kham nhẫn được các nghịch cảnh đủ loại. Bốn dễ chứng bốn thiên, được hiện tại lạc trú. Năm chứng thân tức thông. Sáu Thiên nhĩ. Bảy tha tâm. Tám tức mạng trí. Chín Sinh tử trí hay thiên nhãn, biết sống chết chúng sinh. Mười lậu tận trí.

### **III. CHÚ GIẢI**

1. Đoạn 4 đến 17 của kinh này giống với kinh số 10, ngoại trừ ở đây điệp khúc về tuệ được thay bằng điệp khúc bắt đầu bằng: Khi vị ấy trú nhiệt tâm tinh cần. Sự thay đổi ấy chứng tỏ kinh này nhấn mạnh về định trong khi kinh số 10 nhấn mạnh về tuệ. Sự thay đổi này tái xuất hiện trong đoạn nói về các thiên (đoạn 18 đến 21 bản dịch của Ñaṇamoli) và về thắng trí (37 đến 41), cả hai đều khác với kinh số 10.

2. Các ẩn dụ về thiên cũng được thấy trong kinh số 39 và 77.

3. MA giải thích các pháp này là tám loại tuệ được giải thích trong kinh 77.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KÊ TỤNG

Phật dạy chúng tỳ kheo  
Chín pháp niệm thân hành  
Và kết quả tu niệm.

Trước hết niệm hơi thở  
Tỳ kheo tìm chỗ vắng  
Ngồi kiết già lưng thẳng  
Theo dõi hơi vô ra  
Gồm có bốn đề mục  
Quán niệm thân trên thân  
Tỳ kheo trú nhiệt tâm,  
Tinh cần niệm hơi thở,  
Đoạn tư duy thế tục  
Nội tâm được định tĩnh.

Hai, niệm và tỉnh giác  
Trong cả bốn uy nghi  
Lúc ngồi nằm đứng đi  
Tỳ kheo trú nhiệt tâm,  
Tinh cần niệm uy nghi,  
Đoạn tư duy thế tục  
Nội tâm được định tĩnh.

Ba là niệm thân hành  
Ý thức rõ thân thể  
Được sử dụng thế nào  
Ngó tới hay ngó lui  
Tay chân co hay duỗi

Ý thức lúc ăn uống  
Nói im và ngủ thức.  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm,  
Tinh cần niệm thân hành  
Đoạn tư duy thế tục  
Nội tâm được định tĩnh.

Bốn, quán thân bất tịnh  
Tóc lông móng răng da  
Thịt gân xương thận tủy  
Tim gan hoành cách mạc  
Lá lách phổi ruột già  
Màng ruột phân mật đàm  
Mủ máu, mồ hôi, mỡ  
Mỡ nước và nước mắt,  
Nước miếng, và nước mũi,  
Nước khớp xương, nước tiểu.  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm,  
Tinh cần quán bất tịnh,  
Đoạn tư duy thế tục  
Nội tâm được định tĩnh.

Năm, phân biệt bốn đại  
Trong thân này tóc lông  
Là thuộc về địa đại,  
Nước mắt nước mũi miệng  
Là thuộc về thủy đại,  
Hơi ấm thuộc về hỏa,  
Các chuyển động là phong  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm  
Tinh cần quán bốn đại,

Đoạn tư duy thể tục  
Nội tâm được định tinh.

Sáu, quán thân phình trương  
Sau ba ngày quăng bỏ  
Thấy bản chất thân này  
Chung cuộc đều như vậy  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm,  
Tinh cần quán thân trương,  
Đoạn tư duy thể tục  
Nội tâm được định tinh.

Bảy, quán thân thú ăn,  
Bị côn trùng rúc rĩa  
Thấy bản chất thân này  
Chung cuộc đều như vậy  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm  
Tinh cần quán trùng rĩa,  
Đoạn tư duy thể tục  
Nội tâm được định tinh.

Tám, quán bộ xương nguyên  
Còn dính máu và thịt,  
Hết thịt chỉ còn máu,  
Bộ xương đã rã rời  
Xương chân tay đầu mặt  
Thấy bản chất thân này  
Chung cuộc đều như vậy  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm,  
Tinh cần quán bộ xương,

Đoạn tư duy thể tục  
Nội tâm được định tinh.

Chín, quán một tử thi  
Trải qua nhiều năm tháng  
Chỉ còn đồng xương trắng  
Quãng bỏ giữa đồng hoang.  
Thấy bản chất thân này  
Chung cuộc đều như vậy  
Tỷ kheo trú nhiệt tâm,  
Tinh cần quán xương trắng,  
Đoạn tư duy thể tục  
Nội tâm được định tinh.

Chín pháp niệm thân này  
Tỷ kheo hãy tu tập  
Có quả báo lớn lao.  
Một, hiện tại lạc trú.  
Hai, Ma không thể hại.  
Ba, dễ chứng thần thông.  
Lại có mười lợi ích:  
Một, nhiếp phục lạc khổ  
Hai, nhiếp phục khiếp sợ  
Ba, nhẫn được nghịch cảnh  
Bốn, dễ chứng bốn thiên  
Năm, chứng thần túc thông  
Sáu, chứng Thiên nhĩ thông  
Bảy, biết được tâm người  
Tám, chứng túc mạng trí.  
Chín, tùy nghiệp thú trí  
(Biết sống chết chúng sinh  
Còn gọi là thiên nhãn)

Mười là trí lậu tận  
Sạch ô nhiễm lỗi lầm.



Kinh số 120  
**Hành sinh**  
(*Sankhārupapatti Sutta*)

**I. TOÁT YẾU**

***Reappearance by Aspiration.***

*The Buddha teaches how one can be reborn in accordance with one's wish.*

***Sự tái sinh do ước nguyện.***

*Phật dạy làm thế nào ta có thể tái sinh tùy theo mong ước của mình.*

**II. TÓM TẮT**

Phật dạy về sự tái sinh do ý hành [1] mang lại. Một tỷ kheo đầy đủ năm pháp là tín giới thí văn tuệ, nếu khởi lên mong ước được tái sinh vào giai cấp nào hay cõi nào, thì hãy chú tâm vào cõi ấy, tu tập tâm ấy, khi thân hoại mạng chung liền được như ý. Đây là đạo lộ đưa đến tái sinh theo ước nguyện [2]. Như mong sinh vào dòng họ Sát đế ly, Bà-la-môn, cư sĩ, Bốn đại thiên vương, Tam thập tam thiên, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, hoặc mong sinh vào cõi Phạm thiên có tâm biến mãn [3] từ một ngàn đến một trăm ngàn thế giới. Hoặc mong sinh vào chư quang thiên [4]: Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang âm thiên; hay chư Tịnh thiên: Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh; hoặc cõi trời Quảng quả, Vô phiến, Vô nhiệt, Thiện kiến, sắc cứu cánh; hoặc vào cõi Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Tùy ý muốn và sự tu tập tương ứng cõi nào, vị tỷ kheo sẽ tái sinh vào cõi ấy. Nếu đầy đủ năm pháp trên, nhưng chỉ mong an trú



tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, thì vị ấy do đoạn trừ các lậu hoặc, sẽ chứng đạt an trú vô lậu tâm ngay hiện tại, không còn tái sinh ở bất cứ nơi nào [5].

### III. CHÚ GIẢI

1. *Sankhārā* luôn luôn được dịch là *formation* (hành) nhưng nội dung kinh này có lẽ cần dịch cách khác để làm sáng tỏ ý nghĩa. MA lúc đầu giải là sự tái hiện của các hành (thay vì của một cái ngã hay con người) hoặc tái hiện các uẩn trong một hiện hữu mới nhờ một nghiệp hành có công đức. Tuy nhiên trong các đoạn kế tiếp, MA lại chú thích *sankhārā* là *patthanā*, chữ này có một ý nghĩa dứt khoát là nguyện vọng.

2. MA: Đạo là năm đức tín tấn niệml định tuệ cùng với nguyện. Người có năm đức mà không nguyện hoặc có nguyện mà thiếu năm đức thì không có một số phận quyết định. Số phận có tính quyết định chỉ khi có đủ cả hai yếu tố.

3. MA giải thích có năm thứ biến mãn: biến mãn tâm, nghĩa là biết tâm chúng sinh trong một ngàn thế giới; biến mãn kasina là triển khai được tướng của *kasina* đến ngàn thế giới; biến mãn thiên nhân, biến mãn ánh sáng, biến mãn thân, như trên.

4. Xem chú thích kinh số 1 về các cõi trời.

5. MA: Năm đức đã kể cũng đủ để tái sinh vào cõi dục, nhưng muốn có tái sinh thù thắng hơn và muốn đoạn trừ lậu hoặc thì cần nhiều điều kiện hơn. Căn cứ trên năm đức mà đắc thiên chứng thì sẽ sinh vào cõi Phạm thiên; nếu đắc các vô sắc thì sẽ sinh vào vô sắc giới. Nếu phát triển tuệ giác và đắc quả Bất hoàn, thì được sinh vào cõi Tịnh cư thiên; nếu đắc A-la-hán đạo thì sẽ được lậu tận.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KÊ TỤNG

Phật dạy về tái sinh  
Do ý hành [1] mang lại.  
Cần có đủ năm đức  
Tín giới thí tuệ vẫn

Mong tái sinh về đâu  
Hãy chú tâm tu tập,  
Khi thân hoại mạng chung  
Liên tái sinh như nguyện [2]:  
Vào dòng Sát đế ly,  
Bà-la-môn, cư sĩ,  
Hoặc Bốn đại thiên vương,  
Hoặc Tam thập tam thiên,  
Dạ-ma, Đâu-suất-đà,  
Hóa lạc, Tự tại thiên,  
Hoặc các cõi Phạm thiên  
Biển mẫn [3] từ một ngàn  
Đến trăm ngàn thế giới  
Hoặc vào chư quang thiên [4]  
Thiếu, Vô lượng, Quang âm  
Hay là chư Tịnh thiên:  
Thiếu, Vô lượng, Biến tịnh;  
Hoặc cõi trời Quảng quả  
Vô phiền, Vô nhiệt thiên,  
Thiện kiến, Sắc cứu cánh;  
Hoặc cõi Không vô biên  
Hay cõi Thức vô biên,  
Hay Vô sở hữu xứ

Cõi Phi tướng phi phi  
Do ước nguyện, tu tập,  
Tỷ kheo sẽ tái sinh  
Vào cõi như ý nguyện.

Nếu đầy đủ năm pháp  
Nhưng chỉ mong an trú  
Vô lậu tâm giải thoát  
Vô lậu tuệ giải thoát  
Đoạn trừ các lậu hoặc,  
Tỷ kheo sẽ chứng đạt  
An trú vô lậu tâm  
Ngay trong đời hiện tại,  
Không còn phải tái sinh  
Ở bất cứ nơi nào [5].



Kinh số 121

## Tiểu kinh Tánh không

(*Cūlasunnata Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*The Shorter Discourse on Voidness.*

*The Buddha instructs Ānanda on the "genuine, undistorted, pure descent into voidness."*

[Bản kinh ngắn về tánh Không. Phật dạy A-nan về sự chứng nhập Tánh Không thuần túy không bị cong queo]

### II. TÓM TẮT

Phật xác nhận với tôn giả A-nan rằng không những ngày xưa mà hiện tại, Ngài vẫn thường an trú trong Không tính [1], và giải thích ý nghĩa của sự trú Không như sau.

Như trong giảng đường không có voi ngựa, vàng bạc, đàn ông đàn bà... nhưng có một cái không phải không, đó là chúng tỷ kheo. Cũng vậy, tỷ kheo khi ở rừng không tác ý đến các tướng về thôn xóm, về người, chỉ tác ý duy nhất đến tướng rừng [2]. Khi ấy những phiền hà do thôn tướng, nhân tướng không có mặt, chỉ có sự phiền hà do duyên lâm tướng [3]. Vị ấy nhận rõ là không, những gì không hiện hữu, và nhận cái gì hiện hữu là có hiện hữu. Đây là sự thực hiện tánh Không hoàn toàn chân thật, không cong queo. Lại nữa, tỷ kheo không tác ý đến cái tướng Rừng, mà tác ý tướng Đất [4]. Tâm vị ấy thích thú, hân hoan, an trú, giải thoát trong địa tướng, như một tấm da bò căng thẳng trên trăm cọc gỗ, không để ý đến chỗ lồi lõm hay cây cối núi sông ở trên đất. Vị ấy biết các ưu phiền do nhân tướng, lâm tướng không có mặt, chỉ còn một ưu phiền là sự nhất trí do duyên địa tướng. Đối với cái còn lại,

vị ấy biết (do duyên sinh): Cái kia có, cái này có. Đây là sự thực hiện tánh Không hoàn toàn, chân thật, không cong queo. Kế tiếp, vị tử kheo không tác ý địa tướng mà tác ý Không vô biên xứ tướng [5].

Tâm vị ấy thích thú, hân hoan trong tướng này, và biết ở đây chỉ có thuần một tướng về Hư không vô biên, không có các ưu phiền do duyên lâm tướng, địa tướng. Cái gì không có mặt, vị ấy nhận là không có mặt, và cái còn lại thì biết do duyên sinh. Kế tiếp, vị ấy tác ý Thức vô biên xứ tướng, thì các tướng về rừng, đất, hư không không có mặt, chỉ có độc nhất một ưu phiền về tướng Thức vô biên. Kế tiếp, tác ý Vô sở hữu xứ tướng rồi Phi tướng phi phi tướng xứ, cũng như trên. Cuối cùng là tác ý Vô tướng tâm định [6].

Vị ấy biết các ưu phiền do duyên tướng Vô sở hữu và Phi tướng phi phi tướng không có mặt, chỉ còn một ưu phiền là sáu nhập duyên mạng y cứ thân này là không phải không; và thấy nó cũng duyên sinh như trên. Và vị ấy thấy rõ cái gì do ý tạo ra, do duyên sinh thì phải vô thường, hoại diệt [7].

Nhờ vậy tâm giải thoát khỏi dục hữu vô minh lậu; tự biết tâm đã giải thoát, sinh tận, phạm hạnh thành, sau đời này không còn đời nào khác nữa. Đây gọi là an trú tối thượng Không tính [8].

### III. CHÚ GIẢI

1. Sunnatāvihāra, Không trú. Kinh sẽ làm rõ dần rằng đây ám chỉ quả chứng về Tánh không, quả A-la-hán do tập trung quán tướng khía cạnh Không của Niết-bàn.

2. MA: Vị ấy tác ý đến lâm tướng do căn cứ vào một khu rừng, nghĩ: Đây là một khu rừng, đây là một gốc cây, một hòn núi, một hang động.

3. MA và MT đều giải thích đoạn này như sau: Sự phiền hà của ưa và chán khởi lên do nhận thức về con người, không hiện hữu ở đây; song vẫn còn có phiền hà gây nên bởi sự sinh khởi các pháp thô do vì thiếu sự an tịnh cần thiết.

4. MA: Vị ấy từ bỏ tác ý về rừng và chuyên chú đến địa đại, vì người ta không thể đạt được gì, cận hành hay an chí, khi thiền quán về rừng. Nhưng đất thì có thể được dùng làm đề mục để quán kasina, trên căn bản này hành giả phát sinh thiền và tuệ để đắc quả A-la-hán.

5. Sau khi dùng tưởng về đất để đắc bốn thiền, vị ấy khai triển biến xứ đất rồi bỏ tướng kasina để đắc Không vô biên xứ. Xem TTĐ chương X.

6. Vô tướng tâm định, animitta cetosamādhī. MA: Đây là định của tâm có tuệ giác, được gọi vô tướng vì không có tướng thường vân vân.

7. Xem Trung 52. MA gọi đây là tuệ phản quan (pativipassanā) nghĩa là áp dụng các nguyên lý của tuệ vào chính chức năng của tâm làm nhiệm vụ tuệ quán.

8. Ở đây các từ vô thượng, tối cao (paramānuttarā) đã được thêm. MA nói đây là quả chứng Tánh không của A-la-hán.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

#### **V. KỆ TỤNG**

Phật dạy với A-nan  
Ta thường trú Không tánh  
Và giải thích ý nghĩa  
Của thứ lớp trú Không.  
Như ở trong giảng đường

Không voi ngựa các thứ  
Nhưng có cái không không  
Ấy là chúng tử kheo.

Cũng thế khi ở rừng  
Chỉ có tướng về rừng  
Không có tướng gì khác  
Khi ấy chỉ có mặt  
Ưu phiền duyên lâm tướng.  
Những gì không hiện hữu  
Biết rõ nó là không  
Cái gì có hiện hữu  
Nhận là do duyên tướng.  
Đấy là thực hiện Không  
Chân thật, không cong queo.

Kế tiếp bỏ tướng Rừng  
Để tác ý tướng Đất  
Tâm vị ấy thích thú,  
Hân hoan trong tướng này,  
Biết rõ các ưu phiền  
Do duyên các tướng khác  
Bây giờ không có mặt  
Chỉ còn lại ưu phiền  
Sinh ra do tướng Đất.

Kế tiếp bỏ tướng Đất  
Quán Hư không vô biên  
Tâm chỉ còn độc nhất  
Không vô biên xứ tướng.  
Không có các ưu phiền  
Do duyên các tướng khác.

Cái gì không có mặt,  
Nhận là không có mặt,  
Cái gì còn có mặt  
Biết rõ do duyên sinh.  
Khi bỏ tướng hư không  
Quán Thức vô biên xứ  
Tâm chỉ còn độc nhất  
Thức vô biên xứ tướng.

Bỏ tướng Thức vô biên  
Quán Vô sở hữu xứ  
Tâm chỉ còn độc nhất  
Vô sở hữu xứ tướng.  
Bỏ tướng Vô sở hữu  
Quán Phi tướng phi phi tướng xứ  
Tâm chỉ còn độc nhất  
Tướng Phi tướng phi phi.

Không để ý tướng này  
Nhập Vô tướng tâm định  
Vị tỷ kheo rõ biết  
Chỉ còn một ưu phiền  
Là sáu nhập duyên thân  
Tồn tại do sinh mạng  
Cái gì không có mặt,  
Nhận là không có mặt,  
Cái gì còn có mặt  
Biết rõ do duyên sinh.  
Đấy là thực hiện Không  
Chân thật, không cong queo.  
Vị tỷ kheo thấy rõ  
Vô tướng tâm định này



Cũng do duyên mà sinh  
Do ý hành tạo nên.  
Cái gì do duyên sinh  
Tất phải bị hoại diệt  
Nhờ thấy rõ như vậy  
Tâm vị ấy giải thoát  
Dục, hữu, vô minh lậu  
Tự biết tâm giải thoát,  
Sinh tận, phạm hạnh thành  
Sau đời sống hiện tại  
Không còn đời khác nữa  
Đây gọi là an trú  
Trong tối thượng tánh Không.



Kinh số 122

**Đại kinh Tánh không [1]**  
(*Mahāsunyata Sutta*)

**I. TOÁT YẾU**

*The Greater Discourse on Voidness.*

*Upon finding that the bhikkhus have grown fond of socialising, the Buddha stresses the need for seclusion in order to abide in voidness.*

**Đại kinh về tánh Không.**

*Thấy chư tỷ kheo khởi sự ưa tụ hội, Phật nhấn mạnh nhu yếu độc cư để an trú tánh Không.*

**II. TÓM TẮT**

Nhân thấy trú xứ của tỷ kheo Kālakhemaka [2] có nhiều chỗ nằm, Phật hỏi phải chăng ở đây đang có nhiều tỷ kheo cư trú [3]. Tôn giả A-nan thưa vì đây là thời gian may y nên họ mới quy tụ để may y [4]. Phật nhân đây dạy về pháp tu Chỉ và Quán nhờ sống viễn ly. Một tỷ kheo ưa quần tụ thì không thể thường thức lạc viễn ly, độc cư, an tịnh, chính giác [5]; không thể chứng tâm giải thoát có hạn kỳ hay tâm giải thoát Bất động [6]. Không một sắc (thân) nào bị biến hoại mà không gây sầu bi khổ ưu não cho người ham thích nó. Nhưng Phật đã tìm ra một sự an trú, đó là trú Nội Không nhờ không tác ý tất cả tướng [7]. Trong lúc an trú nội không, dù đông đảo hạng người đến với Ngài, tâm Phật vẫn hướng đến viễn ly độc cư, và vì không còn dính gì đến các việc làm căn bản cho hữu lậu pháp, Ngài luôn luôn dạy họ những lời thuần túy liên

hệ đến viễn ly. Rồi Phật dạy A-nan cách trú Nội Không [8], và kết quả của nó.

Trước hết phải an chỉ nội tâm nhờ căn bản là một trong bốn thiền (tu Chi). Kế tiếp sau khi đã đắc một thiền làm căn bản (từ thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư), vị tỷ kheo tác ý đến Nội không hoặc tác ý Ngoại không hoặc tác ý Bất động [9]. Nếu không có sự hân hoan thích thú đối với nội không, ngoại không hay bất động, vị ấy cần phải ý thức rõ như vậy, và nhập lại thiền căn bản [10] để quán trở lại cho đến khi biết tâm đã thích thú, hân hoan, giải thoát nhờ quán nội không, ngoại không, nội ngoại không và bất động. Một người đã an trú trong chỉ và quán như vậy,

1. Khi tâm hướng về đi hoặc đứng, nằm, ngồi, vị ấy sẽ đi đứng ngồi nằm với ý thức rõ biết không có tham ưu và các bất thiện pháp ám ảnh tâm trí.

2. Lúc tâm hướng đến nói chuyện, vị ấy nghĩ mình sẽ chỉ nói chuyện liên hệ đến mười đề mục là thiếu dục, tri túc, viễn ly, độc cư, tinh cần, giới định tuệ giải thoát vân vân, tránh tất cả chuyện khác.

3. Lúc suy tầm, vị ấy ý thức rõ mình sẽ suy tư ly dục, vô sân, bất hại, không suy tư những gì không liên hệ viễn ly, ly tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4. Đối với năm dục công đức [11] là sắc thanh hương vị xúc, vị ấy phải thường quán sát tự tâm có còn dục ái đối với chung hay đã đoạn tận, ý thức rõ ràng như vậy.

5. Đối với năm thủ uẩn [12] vị ấy luôn quán sự sinh diệt của chúng, và rõ biết tâm kiêu mạn tôi là y cứ trên năm thủ uẩn này đã được từ bỏ.

Phật dạy một Thanh văn đệ tử nên sống gần bậc thầy dù có bị xua đuổi, khi được nghe những lời dạy khắc khổ đưa đến ly tham, tịch diệt, như dạy thiếu dục, tri túc, viễn

ly, độc cư, tinh cần, giới định tuệ giải thoát và giải thoát tri kiến. (Do vì không tu học chỉ và quán như trên mà) cả thầy lẫn trò của ngoại đạo trong lúc tu khổ hạnh cuối cùng đều gặp phiền lụy [13] khi được nổi tiếng, đông đồ đệ; họ khởi lên niềm tâm, trở lui đời sống thế tục, bị các bất thiện tấn công và không thoát khỏi già chết trong tương lai. Một số đệ tử Phật tu phạm hạnh cũng rơi vào mối nguy tương tự, bị phiền lụy khi bắt chước Phật sống viễn ly (mà chưa chuẩn bị chu đáo.) Nhưng sự phiền lụy của các vị tu phạm hạnh này kết quả còn bi thảm hơn phiền lụy của thầy trò ngoại đạo [14]. Và Phật khuyên các đệ tử hãy đối xử với Ngài bằng tâm thân hữu, không thù nghịch. Thân hữu là không đi ngược lại lời dạy của đấng Đạo sư đã vì lòng từ mẫn mà thuyết pháp đem lại hạnh phúc an lạc cho mình. Nhưng Ngài không đối xử nhẹ tay với đệ tử như thợ gốm đối xử với đồ gốm [15]. Cái gì là lỗi cây thì sẽ đứng vững.

### III. CHÚ GIẢI

1. Kinh này cùng với luận giải đã được Ñāṇamoli dịch và ấn hành với nhan đề Đại kinh nói về Không.

2. MA: Trú xứ này được Kalakhemaka dòng Thích ca xây cất trong vườn Ni câu luật. Giường chiếu ghế và thảm được trang bị san sát đến nỗi nó trông như chỗ ở của một hội chúng tỳ kheo.

3. MA giải thích đây chỉ là một câu hỏi gặng, vì với thân thông chư Phật có thể biết những gì các Ngài muốn biết. Phật hỏi câu này với ý nghĩ: Khi chúng tỳ kheo này tụ hội thành đoàn thể và ưa thích tụ hội, chúng sẽ hành xử phi pháp. Vậy ta sẽ giảng Pháp tu vĩ đại về Không, đấy sẽ trở thành giống như một học giới [cấm ưa quần tụ].

4. MA: Tôn giả Ānanda định nói: Các tử kheo này sống quần tụ như thế không chỉ vì ưa lãng xăng rộn ràng, mà vì may y.

5. Viễn ly là lia dục vọng, độc cư là xa đám đông, an tịnh là đoạn tham sân si, chính giác là đạo và quả.

6. Giải thoát đầu là giải thoát nhờ chứng bốn thiên và bốn không (vô sắc), giải thoát sau là nhờ đạo và quả siêu thế. Xem thêm Trung bộ 29 và chú thích 348.

7. MA: Phật mở đầu đoạn này để tránh chỉ trích rằng trong khi Ngài khuyên các đệ tử sống độc cư, thì bản thân Ngài lại thường được nhiều đồ chúng quây quần. Không tánh đây là quả chứng về Không, xem chú thích số 1, kinh Trung bộ 121.

8. MA giải thích nội không là cái không liên hệ đến năm uẩn của tự thân, ngoại không là cái không liên hệ đến năm uẩn của kẻ khác. Vậy tánh không đề cập ở đây phải là tâm giải thoát tạm thời nhờ tuệ quán vô ngã, như kinh 43 giải thích. Khi tuệ về vô ngã được nâng lên ngang tầm của đạo lộ thì sẽ đưa đến sự chứng quả Niết-bàn theo khía cạnh Không của nó.

9. MA: Vị ấy tác ý đến một thiên chứng vô sắc bất động.

10. MA: Đây nói về thiên được dùng làm căn bản cho tuệ giác. Nếu sau khi xuất khỏi thiên căn bản, tâm vị ấy không đi vào Không bằng tuệ quán về năm uẩn của tự thân hay của người, và cũng không thể đạt đến vô sắc bất động, thì vị ấy nên trở về thiên căn bản mà mình đã phát triển được và tác ý đến nó nhiều lần.

11. Theo MA, cho đến điểm này, Phật đã hiển thị sự tu tập để đắc hai đạo lộ đầu tiên là Dự lưu và Nhất lai. Đoạn này là để nêu rõ tuệ quán cần thiết để đạt đến Bất hoàn đạo mà tột đỉnh là từ bỏ ham muốn dục lạc.

12. Đoạn này hiển thị tuệ giác cần có để đạt đến A-la-hán đạo, mà tột đỉnh là từ bỏ ngã mạn *tôi là*.

13. Upaddava cũng có thể dịch là tai họa. MA giải thích rằng Phật dạy đoạn kinh này để nêu lên sự nguy hiểm của độc cư khi người ta chưa hoàn thành mục tiêu của sự sống độc cư. Đạo sư ở đây là thầy ngoại đạo.

14. MA: Sự xuất gia theo ngoại đạo không đem lại lợi ích bao nhiêu, nên người nào thối thất thì bất quá chỉ mất lợi lạc thuộc thế gian; họ không có đau khổ gì lớn lắm, cũng như người cỡi lừa té thì chỉ bị lấm bụi. Nhưng xuất gia trong Pháp Phật đem lại lợi ích lớn là đạo, quả và Niết-bàn. Bởi thế người nào thối thất trong giáo lý này gặp phải khổ đau lớn, như người té xuống từ lưng voi.

15. Tương phản trong ví dụ này là giữa cái cách người thợ gốm nắm cục đất sét còn ẩm và cách ông nắm đồ gốm đã được nặn từ đất sét ấy. MA giải rộng câu này như sau: Sau khi đã giáo giới rồi thì ta sẽ không im lặng; ta sẽ khuyến cáo, dạy bảo bằng cách liên tục quở trách các ông. Như thợ gốm thử đồ đã nung, đặt sang một bên những cái bị nứt nẻ, có lỗi, và chỉ giữ lại những đồ gốm đã vượt qua cuộc thử thách, cũng vậy ta sẽ giáo giới và khuyến cáo bằng cách thử nghiệm các ông. Người nào trong đây đã đạt đến đạo và quả, thì sẽ chịu đựng được cơn thử thách. MA thêm rằng những thiện đức thế gian cũng được xem là tiêu chuẩn của sự lành mạnh.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Tỷ kheo ưa quân tụ  
Khó nếm lạc viễn ly  
Lạc độc cư, an tịnh

Khó nếm lạc chính giác.  
Cũng không thể chứng được  
Giải thoát có hạn kỳ  
Và giải thoát bất động.  
Không một sắc pháp nào  
Bị vô thường biến hoại  
Mà không gây đau khổ  
Cho người ham thích nó.

Phật an trú nội không  
Không tác ý tướng ngoài  
Giữa đó chúng đủ hạng  
Tâm Phật vẫn như nhiên.  
Hướng viễn ly độc cư  
Xa lìa pháp hữu lậu  
Và giảng dạy những lời  
Thuần đưa đến viễn ly.  
Muốn an trú nội không  
Trước phải ổn định tâm  
Đắc một thiên căn bản  
Từ sơ đến tứ thiên  
Rồi tác ý nội không  
Hoặc tác ý Ngoại không  
Hoặc tác ý Bất động  
Nếu trong khi tác ý  
Tâm không thấy thích thú  
Trong nội không, ngoại không  
Cần biết rõ như vậy  
Nhập lại thiên căn bản  
Rồi lại quán nội không  
(Ngoại không, và Bất động)  
Cho đến khi thích thú

Hân hoan trong pháp này  
Và tâm được giải thoát.

Một người đã an trú  
Trong chỉ và quán này  
Thì trong bốn uy nghi  
Tâm không khởi bất thiện  
Cũng không có tham ưu.  
Câu chuyện vị ấy nói  
Chỉ liên hệ thiểu dục  
Tri túc và viễn ly  
Độc cư và tinh cần  
Giới, định, tuệ, giải thoát  
Và giải thoát tri kiến  
Tránh những chuyện ngoài đề

Lúc vị ấy suy tâm  
Chỉ suy tư ly dục  
Vô sân và bất hại  
Gạt bỏ ra ngoài tâm  
Những gì không liên hệ  
Đến viễn ly, ly tham  
Tịch diệt và thắng trí  
Giác ngộ với Niết-bàn.

Đối năm dục công đức  
Sắc thanh hương vị xúc  
Vị ấy thường quán sát  
Tâm đoạn dục hay chưa.



Đối với năm thủ uẩn  
Thường quán sát sinh diệt  
Để biết mạn tùy miên  
Đã hoàn toàn từ bỏ  
Một Thanh văn đệ tử  
Nên sống gần bậc thầy  
Dù có bị xua đuổi  
Để được nghe dạy Pháp  
Liên hệ đến viễn ly  
Ly tham và giải thoát.  
Vi không tu chỉ quán  
Các thầy trò ngoại đạo  
Dù có sống độc cư  
Cuối cùng gặp phiền lụy  
Bởi đồ đệ đoanh vây  
Bởi dục tham chi phối  
Bị bất thiện tấn công  
Trong thời gian vị lai  
Không thoát khỏi già chết  
Một số tu phạm hạnh  
Theo gương đức Thế Tôn  
Cũng gặp nguy tương tự  
Vi không tu chỉ quán.  
Chưa an trú nội không  
Phiền lụy của vị này  
Kết quả bi thảm hơn  
Các thầy trò ngoại đạo.  
Phật khuyên các tử kheo  
Đừng đối xử với Ngài  
Với tâm lý thù nghịch  
Không theo lời chỉ giáo  
Hãy đối xử với Ngài

Bằng tâm lý thân thiện  
Nương theo Pháp tu hành  
Để an lạc dài lâu.



Kinh số 123

## Hy hữu vị tăng hữu (*Acchariyabbhutadhamma Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*Wonderful and Marvellous.*

*At a gathering of bhikkhus the venerable Ānanda recounts the wonderful and marvellous events that preceded and attended the birth of the Buddha.*

*Hy hữu và kỳ diệu.*

*Trong một buổi họp chúng, tôn giả A-nan thuật lại những sự cố lý kỳ mầu nhiệm trước và trong ngày Phật đản sanh.*

### II. TÓM TẮT

Chúng tỳ kheo đang bàn tán về một thần lực của Phật là Ngài biết được chi tiết về chư Phật quá khứ [1]. Phật bèn dạy tôn giả A-nan trình bày những điều kỳ diệu hy hữu về đức Như Lai đúng như tôn giả đã được nghe từ chính kim khẩu của Thế Tôn:

1. Chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát sinh vào cung trời Đâu-suất [2].

2. Chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát trú tại cung trời ấy đến hết thọ mạng.

3. Chánh niệm tỉnh giác, Ngài giáng hạ mẫu thai.

4. Khi Ngài mệnh chung tại cung trời Đâu-suất thì có một ánh sáng vô lượng xuất hiện trên thế gian làm cho những cõi chúng sinh từ lâu sống trong bóng tối [3] tự nhiên nhờ ánh sáng ấy liền trông thấy lẫn nhau và tưởng là chúng mới xuất hiện lần đầu.

5. Khi đức Bồ-tát đã giáng hạ mẫu thai thì có bốn vị thiên nhân [4] canh gác bốn góc để hộ vệ Ngài và mẫu hậu, không một ai có thể làm hại mẹ hay con.

6. Khi đức Bồ-tát đã giáng hạ mẫu thai, bà mẹ tự nhiên sống đức hạnh, nghiêm trì ngũ giới.

7. Khi đức Bồ-tát đã giáng hạ mẫu thai, bà không có dục tưởng đối với đàn ông, và không kẻ nào có dục tâm có thể đến gần bà.

8. Khi đức Bồ-tát đã giáng hạ mẫu thai, bà thụ hưởng đầy đủ năm dục: không cảm thấy mệt mỏi gì, lại thấy được Bồ-tát trong bụng mình với đầy đủ tứ chi như thể là ngấm một viên ngọc khéo giữa đặt trên lòng bàn tay.

9. Bảy ngày sau khi sinh hạ Bồ-tát, bà mẹ chết [5] và tái sinh vào cõi Đâu-suất.

10. Bồ-tát trú thai mẹ đúng mười tháng.

11. Mẹ Bồ-tát sinh trong lúc đứng thay vì nằm hoặc ngồi như các sản phụ khác.

12. Khi đức Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, thì chư thiên đón Ngài trước, sau mới đến người đỡ.

13. Khi đức Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, Ngài không chạm đất. Chư thiên đỡ lấy Ngài đưa cho bà mẹ mà nói: Bà hãy sung sướng vì một người con trai có đại oai thần lực đã đến với bà.

14. Khi đức Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, Ngài không bị lấm bẩn vì máu mủ hay bất cứ thứ gì bất tịnh.

15. Khi đức Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, có hai vòi nước tuôn xuống từ trên trời, một nóng một lạnh, để tắm cho hai mẹ con.

16. Vừa khi mới sinh ra, đức Bồ-tát đã đứng vững hai chân trên đất [6], đi bảy bước về phương Bắc, và được che

với chiếc lọng trắng, Ngài nhìn bốn hướng và thốt lên lời của bậc Điều ngự sư: "Trên thế gian này Ta là tối thượng. Đây là đời cuối cùng của Ta, từ nay không còn tái sinh nữa."

Sau khi tôn giả A-nan kể xong những điều kỳ diệu ấy, Phật thêm rằng còn một điều này nữa [7], là đối với đức Như Lai, các cảm thọ được biết đến lúc sinh khởi, lúc trú và diệt, các ý tưởng và tư duy cũng thế.

### III. CHÚ GIẢI

1. Khả năng này của Phật được Trường bộ kinh 14 đề cập trong những thông tin chi tiết về sáu vị Phật trước đức Thích ca Gotama.

2. Đây ám chỉ sự tái sinh của đức Bồ-tát tại cung trời Đâu-suất sau khi sinh làm người tên Vessantara và trước khi tái sinh vào cõi người làm thái tử Siddhartha Gotama.

3. Cự ở khoảng giữa mỗi ba thế giới hệ lại có một khoảng trống tám ngàn do tuần, giống như khoảng trống giữa ba bánh xe bò hay ba cây cung đụng nhau. Chúng sinh sinh vào khoảng này là do ác nghiệp cực trọng như giết cha mẹ, giết thánh nhân, hoặc do thường xuyên làm nghề ác như giết súc vật.

4. Bốn vị trời này là Tứ thiên vương, những vị thống lĩnh cõi trời là Tứ thiên vương.

5. MA: Điều này xảy ra không phải lỗi ở sự sinh nở mà do bà mẹ đã chấm dứt thọ mạng; vì cái nơi mà Bồ-tát đã chiếm dụng (bào thai mẹ) thì không ai khác sử dụng được, như một điện thờ.

6. MA: Mỗi khía cạnh của biến cố này đều báo trước những sở đắc của đức Phật sau này. Vậy, sự việc Ngài đứng vững trên đất là điềm báo Ngài sẽ chứng các

thần túc; mặt hướng về phương Bắc báo hiệu Ngài sẽ vượt trên thế tinh; đi bảy bước là Ngài sẽ có được bảy giác chi; lọng trắng là Ngài sẽ đạt chiếc lọng giải thoát; nhìn quanh bốn hướng là Ngài sẽ có được minh trí vô ngại; những lời Ngài thốt ra báo hiệu Ngài sẽ chuyển bánh xe Pháp không ai có thể chuyển ngược lại. Lời tuyên bố Đây là tái sinh cuối cùng báo hiệu Ngài sẽ nhập vô dư Niết-bàn, không còn quay lại cõi hữu.

7. Lời này dường như là một cách đức Phật kêu gọi ta chú ý đến cái phẩm chất mà Ngài xem là điều kỳ diệu đích thực.

#### **IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

#### **V. KỆ TỤNG**

Chúng tử kheo đang bàn  
Một thân lực của Phật  
Là biết đủ chi tiết  
Về chư Phật trước kia.  
Phật bèn dạy A-nan  
Trình bày những kỳ diệu  
Mà tôn giả được nghe  
Từ kim khẩu đức Phật:

Bồ-tát lúc tái sinh  
Vào cung trời Đâu-suất  
Và lúc ở cõi trời  
Cho đến hết thọ mạng.  
Giáng phàm nhập mẫu thai  
Đều chánh niệm tỉnh giác

Khi Bồ-tát đản sinh  
Có ánh sáng nhiệm mầu  
Soi ba ngàn thế giới  
Những chúng sinh từ lâu  
Bị sống trong u tối  
Tự nhiên trông thấy nhau  
Mới ngạc nhiên làm sao.

Lúc Bồ-tát nhập thai  
Tứ thiên vương canh gác  
Gìn giữ mẹ và con  
Tránh xa mọi bất trắc.

Bà mẹ lúc hoài thai  
Tự nhiên sống đức hạnh  
Và nghiêm trì ngũ giới.  
Tâm xa lìa dục tướng  
Nam nhân có lòng dục  
Không thể đến gần bà.  
Bà thụ hưởng đầy đủ  
Sắc thanh hương vị xúc  
Thân không bị mệt mỏi  
Lại thấy được Bồ-tát  
Đang ở trong bụng mình  
Có đầy đủ tứ chi  
Như ngắm nhìn ngọc quý.

Bảy ngày sau sinh nở  
Bà từ già cõi trần  
Và được tái sinh ngay  
Vào cung trời Đâu-suất.

Bồ-tát trú mẫu thai  
Thời gian đúng mười tháng  
Mẹ Bồ-tát lâm bồn  
Trong lúc đứng vịn cây  
Thay vì nằm hoặc ngồi  
Như các bà sản phụ.

Khi Bồ-tát chào đời  
Được chư thiên đón trước,  
Sau mới đến loài người.  
Khi ra khỏi bụng mẹ  
Thân Ngài không chạm đất.  
Chư thiên đỡ lấy Ngài  
Đưa cho bà mẹ xem  
Kèm theo lời chúc tụng:  
Mẫu hậu hãy vui mừng  
Đã sinh được người con  
Có đại oai thần lực  
Hơn tất cả thế gian.  
Khi ra khỏi bụng mẹ,  
Ngài không bị lấm bẩn  
Vì những thế ố ô.  
Lại có hai vòi rồng  
Từ trời cao tuôn xuống  
Nóng với lạnh hòa nhau  
Để tắm con và mẹ.

Vừa khi mới sinh ra,  
Ngài đã đứng vững được  
Với hai chân trên đất  
Bảy bước về phương Bắc  
Được tàn lọng trắng che,



Ngài nhìn quanh bốn hướng  
Và thốt lên lời rằng  
Trên trời và dưới trời  
Chỉ Ta là tối thượng  
Thân này là thân cuối  
Không còn thọ thân sau.

Nghe A-nan kể xong  
Đức Phật bèn bổ túc:  
Đối với đức Như Lai,  
Tất cả các cảm thọ  
Đều được Ngài biết rõ  
Trong cả ba giai đoạn  
Trú diệt cũng như sinh.  
Cũng vậy với tướng, tư  
Ngài luôn luôn giác tỉnh.  
Đây cũng điều kỳ diệu  
Của đức Phật Thế Tôn.



**Kinh số 124**  
**Bạc-câu-la**  
*(Bakkula Sutta)*

**I. TOÁT YẾU**

*The elder disciple Bakkula enumerates his austere practices during his eighty years in the Sangha and exhibits a remarkable death.*

*Tôn giả Bạc câu la kể ra những khổ hạnh của Ngài suốt 80 năm sống giữa tăng và hiển bày một cái chết đặc biệt.*

**II. TÓM TẮT**

Acela Kassapa bạn cũ của tôn giả Bakkula lúc còn tại gia, đến thăm Ngài và cuộc vấn đáp xảy ra. Theo sự trả lời của tôn giả, người bạn xác nhận Ngài có những điều kỳ diệu như sau. Một là trong tám mươi năm xuất gia [1], không bao giờ trong tâm Ngài khởi lên dục tướng, sân tướng và hại tướng. Hai là không nhận hoặc cắt may y phục trong thời may y Ca-thi-na (Kathina) [2]. Ba không nhận lời mời ăn, cũng không ngồi ăn dưới một mái nhà. Bốn, không bao giờ để ý tướng chung hay tướng riêng của một phụ nữ, hoặc giảng pháp cho họ dù chỉ bốn câu, hoặc đi đến khu vực của ni chúng, hoặc giảng pháp cho ni hay nữ cư sĩ. Năm là Ngài không từng truyền giới cho ai, là y chỉ sư cho ai, để ai hầu hạ. Sáu, Ngài không bao giờ tắm trong nhà tắm với bột tắm (xà phòng), không để ai chà xát thân thể, không bao giờ ồm đau dùng thuốc, không nằm giường, không an cư mùa mưa dưới một mái nhà trong thôn xóm. Bảy là, Ngài chỉ mắc nợ thí chủ trong bảy ngày đầu sau khi xuất gia, đến ngày thứ tám Ngài được

thắng trí [3]. Sau khi xác nhận đây là những điều kỳ diệu nơi tôn giả Bakkula, Acela Kassapa cũng xin xuất gia thọ đại giới [4] và không lâu sau đó ông cũng chứng quả A-la-hán như Ngài. Điều kỳ diệu cuối cùng là tôn giả Bakkula báo tin trước [5], rồi ngồi kiết già giữa đại chúng mà nhập Niết-bàn [6].

### III. CHÚ GIẢI

1. MA: Tôn giả Bạc câu la đi tu năm tám mươi tuổi, tức vào lúc Phật nói kinh này thì Ngài đã 160 tuổi. Ngài được Phật xem là đệ tử có sức khỏe tốt nhất.

2. Đoạn này và những đoạn kế tiếp chứng tỏ tôn giả Bạc câu la là người tu khổ hạnh. Thời may y Ca thi na là thời gian sau mùa an cư khi chúng tỳ kheo dùng những vải vóc họ đã nhận được để may thành y phục.

3. MA: Sau khi xuất gia, trong bảy ngày đầu Ngài vẫn còn là người bình thường, nhưng vào ngày thứ tám Ngài đắc quả A-la-hán cùng với các trí biện tài.

4. MA: Vì đang tu khổ hạnh, tôn giả Bạc câu la không truyền giới xuất gia cho người khác, mà chỉ sắp xếp cho các vị khác truyền giới.

5. MA: Tôn giả Bạc-câu-la xét rằng suốt đời Ngài đã không làm gánh nặng cho tỳ kheo khác, và cũng không muốn nhục thân trở thành gánh nặng sau khi chết, nên đã nhập thiền quán nội hỏa (lửa tam muội) để nhập Niết-bàn, bằng cách khiến cho toàn thân bốc cháy, chỉ còn lại xá lợi.

6. MA: Kinh này được tụng đọc tại kỳ đệ nhị Kết tập xảy ra khoảng một trăm năm sau Phật Niết-bàn.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

## V. KỆ TỤNG

A-chê-la Ca-diếp  
Bạn cũ Bạc-câu-la  
Đến thăm tôn giả này  
Thấy những điều kỳ diệu:

Trong vòng tám mươi năm  
Không bao giờ trong tâm  
Ngài khởi lên dục tướng,  
Sân tướng và hại tướng

Ngài không nhận y phục  
Hoặc cắt may quần áo  
Trong thời gian may y.  
Không nhận lời mời ăn  
Không ngồi ăn trong nhà.  
Không bao giờ để ý  
Dáng dấp của phụ nữ  
Hoặc giảng pháp cho họ  
Dù chỉ nói vài câu,  
Không bao giờ lai vãng  
Các nơi ni cư trú  
Hoặc giảng pháp cho ni  
Không truyền giới cho người,  
Hoặc làm y chỉ sư  
Hoặc để người hầu hạ.  
Không tắm trong nhà tắm  
Với bột tắm (xà phòng)  
Không để ai chà xát  
Không bao giờ ốm đau  
Nên không từng dùng thuốc  
Không nằm ngủ trên giường

Không an cư mùa mưa  
Dưới mái nhà thôn xóm.  
Ngài chỉ nợ thí chủ  
Bảy ngày đầu xuất gia  
Ngày thứ tám đắc quả  
Với thắng trí thần thông.

Sau khi đã thấy được  
Những điều vi diệu ấy  
Nơi Ngài Bạc-câu-la  
A-chê-la Ca-diếp  
Xuất gia thọ đại giới  
Không bao lâu chứng quả  
Thành vị A-la-hán.

Điều kỳ diệu cuối cùng  
Mọi người được chiêm ngưỡng  
Tôn giả Bạc-câu-la  
Báo trước cho đại chúng  
Ngôi kiết già giữa chúng  
Nhập vô dư Niết-bàn.



Kinh số 125  
**Điều ngự địa**

**I. TOÁT YẾU**

*Grade of the Tamed.*

*By analogy with the taming of an elephant, the Buddha explains how he tames his disciples.*

**Cấp độ huấn luyện.**

*Phật giảng cách huấn luyện đệ tử với ẩn dụ luyện voi.*

**II. TÓM TẮT**

Vương tử Jayasena [1] đến xin Sa di Aciravata dạy cho mình Pháp ông đã được nghe, theo đó, một tỳ kheo nhiệt tâm tinh cần có thể đắc định. Sa di từ chối, nhưng trước sự năn nỉ của vương tử, ông bảo tôi sẽ nói Pháp mà tôi đã được nghe và học, nhưng nếu ông không hiểu ý nghĩa thì cũng không được hỏi. Vương tử bằng lòng. Sau khi nghe sa di nói Pháp, vương tử bảo làm gì có chuyện một tỳ kheo không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần lại có thể đắc định, và vương tử ra về. Sa di đến hầu Phật, thuật lại mọi sự.

Phật dạy dĩ nhiên vì Jayasena đang sống trong đục lạt, bị đục lạt nhai nghiền nên không thể hiểu những gì cần phải xa lìa các đục mới hiểu được. Rồi Phật lấy ví dụ con voi [2] chưa được thuần hóa không thể đạt đến địa vị chỉ có thể đạt bởi voi thuần; và ví dụ về một người đứng trên đỉnh núi tả phong cảnh trên đỉnh cho một kẻ đang đứng dưới chân núi, kẻ sau này vì bị ngọn núi che tầm mắt nên không thể thấy gì và sẽ cho người đứng trên là nói dóc. Cũng vậy vương tử đối với sa di là như con voi rừng với con voi đã luyện, như người đứng dưới núi với kẻ đứng

trên đỉnh. Khi người ở dưới cũng leo lên đỉnh thì sẽ thấy như bạn mình đã thấy, và biết mình đã bị chướng ngại nên không thấy được. Nhưng chướng ngại của vương tử lại còn nặng nề hơn nhiều, vì ông ta bị đóng vô minh che khuất khi sống với đục lạt, và không thể thấy những gì cần được thấy nhờ ly dục. Và Phật bảo sa di: Nếu ông đưa ra hai ví dụ ấy thì chắc vương tử sẽ nghe theo ông, và cư xử phải phép. Sa di bạch Phật: Hai ví dụ này chính con cũng mới được nghe lần đầu, thì làm sao con có thể nói với ông vương tử một cách tự nhiên như Thế Tôn dạy?

Khi ấy Phật giảng rộng ẩn dụ luyện voi để ví với sự đào luyện một người từ cương vị phạm phu cho đến bậc thánh. Như một vị vua bảo người thợ rừng cỡi trên một thớt voi chúa đi vào rừng, và khi trông thấy con voi nào thì cột nó vào cổ con voi chúa mà kéo ra khỏi rừng. Sau đó vua bảo người luyện voi hãy điều phục con voi mới tóm được ấy, cho hết những thói rừng rú của nó. Làm cho nó hết buồn sầu vì nhớ rừng và thích thú với làng mạc. Người luyện voi dùng lời khả ái dạy nó dần dần cho đến khi nó làm được những động tác nhặt lên, để xuống, đi tới đi lui đứng lên ngồi xuống và cuối cùng là tập cho nó bất động toàn thân, mặc cho bao nhiêu sự tấn công từ ngoài. Khi ấy con voi trở thành vương tượng kham nhẫn được mọi đau đớn do gươm giáo tên đạn và những tiếng động chất chúa. Nó trở thành xứng đáng cho vua dùng. Cũng vậy, một tỷ kheo sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, được Phật huấn luyện giữ giới, hộ trì căn, tiết độ ăn uống, chú tâm cảnh giác gột sạch tâm khỏi chướng ngại pháp, chánh niệm tinh giác trong các uy nghi, chọn chỗ vắng ngồi thiền gột trừ năm triền cái, quán 4 niệm xứ để điều phục tham ưu liên hệ thế tục [3], cuối cùng chứng sơ thiền, nhị thiền [4] đến tứ thiền. Sau khi đắc một thiền chứng trong số này, vị ấy hướng

tâm đến lậu tận và đắc quả A-la-hán. Vị tử kheo khi ấy hẳn nhục chịu được nóng lạnh đói khát, từ bỏ tất cả tham sân si và lầm lỗi, xứng đáng sự lễ bái cúng dường của thế nhân. Như một con voi không được điều phục lúc sống thì khi chết, nó chết một cái chết không được điều phục, bất kể con voi ấy trẻ hay già. Một tử kheo cũng vậy.

### III. CHÚ GIẢI

1. Theo MA, thái tử là con vua Bimbisāra.
2. Ẩn dụ giống như kinh 90.
3. Để ý ở đây, bốn niệm xứ được giải thích ở chỗ thông thường dành cho bốn thiền.
4. Vì sự trình bày ở đây bắt đầu bằng thiền thứ hai, nên đoạn trước đây về tu bốn niệm xứ phải được ngầm hiểu là bao quát thiền thứ nhất.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Vương tử Jayasena  
Hỏi Sa di ở rừng  
Thế nào với nhiệt tâm  
Tinh cần không phóng dật  
Thì có thể đắc định  
Xin đại đức nói nghe.

Sa di bảo vương tử:  
Tôi sẽ nói cho ông  
Nhưng nếu ông không hiểu  
Đừng hỏi nữa mất công.  
Sa di nói Pháp xong  
Vương tử không tin nhận



Cho chỉ là nói dóc  
Và đứng dậy bỏ đi.

Sa di đến hầu Phật  
Thuật lại hết sự tình.  
Phật dạy lẽ đương nhiên  
Kẻ sống trong đục lạt  
Bị năm đục nhai nghiền  
Làm sao hiểu những gì  
Muốn hiểu cần yếm ly  
Và lánh xa năm đục.  
Như voi đã được luyện  
Cư xử khác voi rừng  
Như người dưới chân núi  
Không thấy cảnh bao la.  
Vương tử bị chướng ngại  
To tát hơn cả núi  
Là năm đục lôi kéo  
Và đóng lớn vô minh.  
Nếu ông ví dụ vậy  
Vương tử sẽ tin ngay  
Và khi đã tin ông  
Sẽ hành xử đúng cách.

Nhưng bạch đức Thế Tôn  
Làm sao con nói được  
Khi con chỉ được nghe  
Ví dụ ấy lần đầu?  
Khi ấy Phật giảng rộng  
Về ẩn dụ luyện voi  
Tương tự cách đào luyện  
Phàm phu thành bậc thánh.

Như vua bảo thợ săn  
Cỡi tượng vương vào rừng  
Thấy voi hãy tóm cổ  
Dẫn ra khỏi rừng sâu  
Rồi lại bảo anh nài  
Luyện voi thành thuần thực.  
Trước hết bỏ thói rừng  
Thích thú với làng mạc  
Dần tập nhiều động tác  
Cuối cùng tập đứng yên  
Toàn thân thành bất động  
Trước mọi sự tấn công  
Bấy giờ voi xứng đáng  
Báu vật của vua dùng.

Thiền nam tử xuất gia  
Ra khỏi nhà thế tục,  
Giữ giới, hộ trì căn,  
Uống ăn có tiết độ,  
Cảnh giác các lỗi lầm  
Đứng đi trong chánh niệm  
Chọn chỗ vắng thiền tư  
Gột trừ năm triền cái  
Quán bốn chỗ tướng niệm  
Và chứng đắc bốn thiền.  
Sau khi được thiền chứng  
Hướng tâm đến lậu tận.  
Vị tỷ kheo khi ấy  
Nhẫn chịu mọi thử thách  
Từ bỏ tham sân si  
Đáng lễ bái cúng dường

Bất kể trẻ hay già  
Người sống không điều phục  
Chết với tâm hoang mang  
Của kẻ thiếu tỉnh thức  
Dù thượng, trung, hạ tọa  
Người sống có điều phục  
Chết với tâm an nhiên  
Như một người giác tỉnh.



## Kinh số 126

### Phù-di

(*Bhūmija*) [1]

#### I. TOÁT YẾU

*The Buddha brings forward a series of similes to illustrate the natural fruitfulness of the Noble Eightfold Path.*

*Phật đưa ra một loạt ví dụ để hiển thị hiệu quả tự nhiên của đạo Bát chánh.*

#### II. TÓM TẮT

Vương tử Jayasena hỏi tôn giả Bhūmija lập trường của Phật giáo về việc tu phạm hạnh, vì ông nghe các ngoại đạo cho rằng tu phạm hạnh không đem lại kết quả, dù người tu có ước nguyện hay không [2], hoặc vừa có vừa không, hay không có không không. Tôn giả đáp vấn đề là ở chỗ tu phạm hạnh cách nào, chứ không phải do có ước nguyện hay không ước nguyện. Nếu tu phạm hạnh theo tám tà là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định, thì phạm hạnh không kết quả. Ngược lại, nếu tu theo tám chánh đạo thì phạm hạnh có kết quả, dù ước nguyện hay không. Vương tử khen lập trường Phật giáo là chính đáng hơn cả, và cúng dường cho tôn giả Bhūmija. Sau đó tôn giả đến thỉnh vấn Phật.

Phật xác nhận ông đã khéo trả lời, không xuyên tạc giáo lý của Ngài, và bổ túc với bốn ví dụ về chánh đạo và tà đạo. Theo tám tà là phương pháp sai, thì phạm hạnh không có kết quả, như ép cát để tìm dầu, vắt sừng bò để lấy sữa, khuấy nước lã để làm bơ, và dùng cây tươi để lấy lúa. Theo tám chính, phương pháp đúng, thì tu phạm hạnh có kết quả. Như ép hột có dầu để tìm dầu, vắt sữa từ vú bò

cái, khuấy sữa để làm bơ, và dùng cây khô để nhóm lửa. Tôn giả Bhāmiya rất sung sướng với bốn ví dụ vừa được nghe lần đầu.

### III. CHÚ GIẢI

1. MA: tôn giả Phù-di là cháu của thái tử Jayasena.

2. *Asam karitvā*: Nếu người ta làm một ước nguyện, khởi lên một mong mỏi, chờ đợi. Những sa môn bà-la-môn có quan điểm này chắc phải là những người theo thuyết hoài nghi hoặc đoạn diệt luận.

### IV. PHÁP SỐ

(không có)

### V. KỆ TỤNG

Vương tử Jayasena  
Hỏi tôn giả Phù-di  
Lập trường của Phật giáo  
Về việc tu phạm hạnh.  
Có ngoại đạo cho rằng  
Tu phạm hạnh vô ích  
Không có kết quả gì  
Dù có nguyện hay không  
Hoặc vừa có vừa không  
Hoặc không có không không.

Tôn giả trả lời ông:  
Vấn đề là ở chỗ  
Tu phạm hạnh cách nào  
Chứ không do mong ước.  
Nếu tu phạm hạnh sai  
Nghĩa là theo tám tà  
Tà kiến, tà tư duy  
Tà ngữ, tà nghiệp, mạng

Tà tinh tấn, niêm, định  
Phạm hạnh không ích gì.  
Ngược lại theo tám chính  
Thì phạm hạnh kết quả  
Dù ước nguyện hay không.

Vương tử rất hài lòng:  
Nếu đây lời Phật dạy  
Thì Ngài vượt hơn hết  
Các sa môn hiện nay.

Tôn giả thỉnh vấn Phật  
Cuộc đối đáp vừa rồi  
Phật khen khéo trả lời  
Không xuyên tạc giáo lý  
Và Thế Tôn bổ túc  
Với bốn mẩu ví dụ  
Hiển thị tà, chánh đạo  
Tám tà phương pháp sai  
Phạm hạnh không kết quả  
Như ép cát tìm dầu  
Vắt sừng bò lấy sữa  
Khuấy nước lã làm bơ  
Dùng cây tươi nhóm lửa.  
Tám chính, phương pháp đúng  
Phạm hạnh sẽ trở bông:  
Ép hột dầu tìm dầu  
Vắt vú bò lấy sữa  
Khuấy sữa để làm bơ  
Dùng cây khô nhóm lửa.

Tôn giả Bhū-mi-ja  
Vui mừng với ví dụ  
Vừa được nghe lần đầu.



## Kinh số 127

# A-na-luật

(Anuruddha)

### I. TOÁT YẾU

*The Venerable Anuruddha clarifies the difference between the immeasurable deliverance of mind and the exalted deliverance of mind.*

*Tôn giả A-na-luật thuyết minh sự khác nhau giữa tâm giải thoát vô lượng và tâm giải thoát đại hành.*

### II. TÓM TẮT

Tôn giả A-na-luật giảng cho thợ mộc Ngũ Phần về sự khác nhau giữa hai loại tâm giải thoát [1] là Vô lượng và Đại hành. Cũng đều quán từ bi hỷ xả (bốn phạm trú) nhưng đại hành tâm [2] là tâm biến mãn từ một gốc cây rộng dần ra cho đến một làng, một nước. Còn Vô lượng tâm giải thoát là biến mãn tâm từ bi hỷ xả đến khắp mười phương thế giới, vô lượng vô biên, không hạn không sân. Do khi tu thiền, phát nguyện biến mãn ánh sáng có hạn hoặc vô hạn, có tạp nhiễm hoặc thanh tịnh, mà khi thân hoại mạng chung, sinh vào bốn loại tái sinh [3] là các cõi trời Thiếu quang, Vô lượng quang và Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh [4].

Đại hành tâm đưa đến tái sinh vào các cõi trời thiếu quang. Vô lượng tâm đưa đến tái sinh vào các cõi trời vô lượng quang. Do khi tu thiền, chưa đốt cháy [5] được hôn trầm trạo hối mà khi chết sinh vào cõi có ánh sáng tạp nhiễm. Quang (ánh sáng) và sắc (màu sắc) mỗi vị trời ở các cõi ấy khác nhau, nhưng khi họ nhóm họp thì ánh sáng hòa lẫn mặc dù màu sắc mỗi ánh sáng khác nhau; như khi



hàng ngàn ngọn đèn thấp sáng đặt trong phòng thì ánh sáng chỉ có một. Khi họ giải tán thì quang và sắc mỗi vị trời đều khác, như khi từng người bưng cây đèn của mình đi ra khỏi phòng thì màu sắc và ánh sáng của mỗi ngọn một khác. Sở dĩ cõi trời có thiếu tịnh (ít sạch), vô lượng tịnh (sạch vô cùng) là do khi tu thiên tâm có tạp nhiễm (xen lẫn các vọng tưởng) hay hoàn toàn thanh tịnh. Như ngọn đèn được thấp với dầu cạn, bắc dơ, bình dầu và bóng dơ thì không sáng bằng ngọn đèn được thấp với dầu trong, bắc sạch, bình dầu và bóng đều sạch sẽ.

Khi nghe tôn giả A-na-luật giảng cho thợ mộc Ngũ phân, tôn giả Abhiya Kaccāna (Ca-chiên-diên) bình phẩm: Bộ ông đã lên các cõi trời ấy rồi chắc [6]. Tôn giả A-na-luật cho biết từ lâu Ngài đã cộng trú với chư thiên ấy. Tôn giả Ca-chiên-diên chúc mừng thợ mộc đã được nghe pháp từ tôn giả A-na-luật.

### III. CHÚ GIẢI

1. Trong kinh số 43 cũng như kinh này, vô lượng tâm giải thoát (appamānā cetovimutti) được giải thích là bốn phạm trú. Vì mỗi phạm trú đều được diễn tả với từ ngữ quảng đại, nên có lẽ Pancakanga đã lầm cho hai thứ giải thoát này đồng nghĩa.

2. MA: Vị ấy bao quát một vùng bằng gốc cây, tướng của kasina (biến xứ) mình đang quán, rồi trú tâm trên tướng ấy, biến mãn nó bằng tâm thiền quảng đại. Cũng cách giải thích này áp dụng cho các trường hợp sau đó.

3. MA: Giáo lý này cốt hiển thị những loại tái sinh khác nhau nhờ đắc đại hành tâm giải thoát.

4. Theo MA, không có những cõi trời riêng biệt gọi là cõi có ánh sáng còn ô nhiễm (thiếu quang) và cõi ánh sáng thuần tịnh, mà cả hai đều là những cách phân loại vi tế

trong hai cõi trời có ánh sáng hữu hạn (Thiểu quang thiên) và vô hạn (Vô lượng quang thiên). Tái sinh vào cõi trời có ánh sáng hữu hạn là do đắc nhị thiên với tướng kasina hữu hạn, tái sinh vào cõi trời Vô lượng quang cũng nhờ đắc nhị thiên nhưng với tướng kasina đã được khai triển rộng ra. Tái sinh vào cõi trời có ánh sáng còn ô nhiễm là tái sinh của những người chưa làm chủ được thiên chứng, chưa thanh lọc nó khỏi các pháp chướng ngại. Tái sinh vào cõi trời có ánh sáng thuần tịnh là dành cho những người đã có được sự làm chủ và sự thanh lọc nói trên.

5. Ở đây có sự chơi chữ, vì động từ Pli jhàyati có hai nghĩa: thiên định và đốt cháy; mặc dù Phạm ngữ sanskrit có hai động từ khác nhau; kshàyati là đốt cháy, dhyàyati là thiên định.

6. Những lời lẽ của Abhiya khiếm nhã vì đi sâu vào kinh nghiệm riêng tư của A-na-luật. MA nói trong khi viên mãn các pháp tu ba la mật vào các đời quá khứ, Ngài đã xuất gia làm sa môn, đắc các thiên chứng và đã trải qua ba trăm kiếp liên tục sinh vào cõi Phạm thiên. Do đó mà Ngài trả lời như vậy.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Thọ một tên Ngũ Phần  
Hỏi Ngài A-na-luật  
Về những chỗ khác nhau  
Giữa Đại hành, Vô lượng

Quán từ bi hỷ xả  
Trái tâm có giới hạn  
Từ phạm vi gốc cây

Cho đến một làng, nước  
Rồi biến mãi dần ra  
Gọi là tâm đại hành.

Còn loại tâm vô lượng  
Là biến mãi từ, bi  
Khắp mười phương thế giới  
Đến tất cả muôn loài  
Vô biên không sân hận.

Do trong khi tu thiền  
Trái tâm có giới hạn  
Hoặc trái rộng vô biên  
Mà kết quả tái sinh  
Cõi trời cũng bốn hạng  
Thiếu quang, Vô lượng quang.  
Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh.

Đại hành tâm tái sinh  
Vào chư thiên ít sáng  
Vô lượng tâm tái sinh  
Vào vô lượng quang thiên.  
Tâm thiền còn tạp nhiễm  
Sinh vào trời Thiếu tịnh  
Tâm thiền không tạp nhiễm  
Sinh Biến tịnh, Vô lượng

Quang và sắc khác nhau  
Mỗi vị trời một vẻ.  
Khi chư thiên nhóm họp  
Sắc khác, sáng hòa chan

Giống như ở trong phòng  
Ngàn bóng đèn dầu đốt  
Thì ánh sáng chỉ một  
Dù mỗi ngọn khác nhau.  
Khi chư thiên giải tán  
Thì quang, sắc muôn vẻ  
Như giữa trời đêm thâu  
Mỗi người cầm đèn dầu.

Tái sinh cõi Thiếu tịnh  
Do thiên tâm tạp nhiễm  
(lẫn trạo hối hôn trầm).  
Vào cõi vô lượng tịnh  
Do thiên tâm thuần khiết.  
Ví như ngọn đèn dầu  
Được thắp với dầu cạn  
Bình, bóng, bắc đều dơ,  
Thì ngọn đèn ít sáng.

Tôn giả A-bhi-ya (Kaccāna):  
Nghe Ngài nói như vậy  
Chắc đã từng lên trời?  
Tôn giả A-na-luật:  
Quả thế tôi từ lâu  
Cộng trú với chư thiên.  
Tôn giả Ca-chiên-diên  
Vui thay cho thợ mộc  
Đã được nghe việc này.



Kinh số 128  
**Tỳ phiến nã**  
(*Upakkilesa*)

**I. TOÁT YẾU**

***Imperfections.***

*The Buddha discusses the various impediments to meditative progress he encountered during his quest for enlightenment, with particular reference to the divine eye.*

***Những ô nhiễm.***

*Phật bàn về các chướng ngại trong quá trình tu thiền của Ngài để đạt giác ngộ, đặc biệt đề cập về thiên nhãn.*

**II. TÓM TẮT**

Chúng tử kheo ở Kosambī (Câu diệm bì) chia phe đấu tranh cãi cọ [1], Phật can không được, Ngài nói bài kệ dài [2] rồi du hành đến thăm tôn giả Bhagu, thuyết pháp khích lệ, và đến trú xứ các tôn giả A-na-luật. Tại đây có ba vị đang cư trú [3]. Phật hỏi thăm sự sống và đường lối tu hành của họ.

Tôn giả A-na-luật trình bày cách sống hòa hợp của họ là mỗi người đều bỏ tâm mình mà sống bằng tâm người khác, tự giác giữ gìn trật tự nếp sống chung, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần tu thiền [4], thấy ánh sáng và các sắc hiện ra, nhưng quang và sắc ấy chỉ hiện một lúc rồi tan biến. Ngài thỉnh vấn Phật về tình trạng ấy.

Phật dạy tôn giả cần phải tìm nguyên nhân tại sao mà ra như thế [5]. Lúc còn là Bồ-tát đang tu thiền Ngài cũng gặp như vậy, và truy tìm những nguyên nhân làm định

tướng (quang và sắc) biến mất là do tâm có khởi lên 11 tùy phiền não: nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm, sợ hãi, phẫn chấn (như một người tìm lối vào kho tàng bí mật, bỗng dưng gặp được năm lối vào, thì sẽ khởi lên sự phẫn chấn) dâm ý, tinh cần quá độ, thiếu tinh cần, ái dục [6], sai biệt tướng [7], và quá chú tâm vào sắc pháp [8]. Mỗi khi nhận diện được các tùy phiền não [9] ấy, Ngài đoạn trừ chúng. Và khi chúng đã được đoạn trừ, Ngài tu tập ba cách [10]: định có tầm tứ, định chỉ có tứ, và định không tầm tứ; định có hỷ, không hỷ, định câu hữu lạc, câu hữu xả [11]. Và khi tu tập như vậy, Ngài biết đã đạt giải thoát bất động, đây là đời sống cuối cùng, sau đời sống này không còn đời nào khác [12].

### III. CHÚ GIẢI

1. Kinh này mở đầu giống kinh số 48.
2. Bài kệ này theo gần trọn bản dịch của HT MC. Đoạn 3, 4, 5 của bài kệ xuất hiện trong Pháp cú 3, 5, 6. Ba bài kệ cuối có trong Pháp cú 328-330.
3. Những đoạn kinh này gần giống với kinh 31. Nhưng rõ ràng kinh này được nói sớm hơn, vì trong kinh 31 cả ba vị tỷ kheo đều đã đắc quả A-la-hán, trong khi ở kinh này, họ chỉ đang nỗ lực tu hành để chứng quả.
4. Từ điểm này trở đi kinh bắt đầu khác với kinh 31. MA giải thích obhāsa ánh sáng hay quang sắc, là ánh sáng phát sinh lúc đắc thiên, và thêm rằng người chứng thiên thứ tư khai triển kasina ánh sáng làm chuẩn bị để đắc thiên nhãn. Sự thấy sắc là thấy các hình dạng với thiên nhãn. Về sau Phật đã công bố tôn giả là bậc đệ nhất về thiên nhãn.
5. *Nimittam pativijjhitabham*, nghĩa là người nên đi sâu vào tướng ấy
6. Xem kinh 52.

7. MA: Trong khi ta tác ý một tướng duy nhất, ta khởi lên mong ước rằng ta nên tác ý nhiều tướng khác nhau. Rồi khi thì ta tác ý cõi trời, khi lại tác ý cõi người. Vì tác ý đến các loại tướng khác nhau như vậy mà sai biệt tướng khởi lên trong ta.

8. *Atinijjhāyitattam rūpānam*. MA: Khi sai biệt tướng khởi lên, ta nghĩ mình sẽ tác ý một loại sắc duy nhất, dù dễ chịu hay khó chịu. Khi làm thế, thiền quán ráo riết về sắc khởi lên trong ta.

9. *Cittassa upakkilesa*. Cấu uế của tâm. Cũng danh từ này được dùng trong kinh số 7, mặc dù ở đây nó không có nghĩa là nhiễm ô do phiền não mà là những khiếm khuyết trong sự tu tập định. Do đó từ ngữ này được dịch là tùy phiền não thay vì dịch là cấu uế như kinh 7.

10. Ba đường lối có lẽ là ba loại định đầu tiên đề cập trong đoạn kế tiếp, mà Trường bộ 33 cũng đề cập kể như một bộ ba. Đầu tiên là sơ thiền, thứ ba là ba thiền sau trong hệ thống bốn thiền. Loại định thứ hai không có chỗ đứng trong bốn thiền, nhưng được gọi là thiền thứ hai trong hệ thống năm thiền được nói trong tạng Luận. Thiền thứ hai trong năm thiền được chứng bởi những người không thể vượt qua tâm tứ cùng một lúc mà phải tuần tự diệt tâm rồi diệt tứ.

11. MA: Định có hỷ là hai thiền thấp; không hỷ là hai thiền cao; câu hữu với lạc là ba thiền đầu, câu hữu với xả là thiền thứ tư.

12. Theo MA, Phật khai triển các thiền chứng này vào canh cuối của đêm Ngài chứng đạo trong khi ngồi dưới cội bồ đề.

#### IV. PHÁP SỐ

(không có)

## V. KÊ TỤNG

Đại chúng Câu-diêm-bì  
Kịch liệt đả kích nhau  
Không nghe Phật can gián  
Ngài nói kệ như sau:

Giữa quần chúng la ó  
Không ai nghĩ mình ngu  
Giữa tăng chúng phân ly  
Có ai nghĩ hướng thượng.

Thất niệm kẻ trí nói  
Ba hoa trăm thứ chuyện  
Há miệng nói thả đàn  
Dẫn đến đâu, ai biết?

Nó mắng tôi, đánh tôi  
Nó hại tôi, cướp tôi  
Ai ôm oán niệm ấy  
Hận thù không thể nguôi.

Nó mắng tôi đánh tôi  
Nó hại tôi, cướp tôi  
Không ôm oán niệm ấy  
Hận thù sẽ tự nguôi.

Hận thù diệt hận thù  
Không đời nào diệt được  
Từ bi diệt hận thù  
Là định luật ngàn thu.



Người khác không hiểu biết  
Rồi ta sẽ hoại diệt  
Những ai hiểu điều này  
Nhờ vậy tranh chấp tiêu.

Kẻ chủ xướng hại mạng  
Cướp bò ngựa tài sản  
Kẻ cướp đoạt quốc độ  
Chúng còn biết đoàn kết

Sao các ông không vậy?  
Nếu được bạn hiền trí  
Đồng hành khéo ở chung  
Thì vượt mọi nguy nan

Cùng sống vui chánh niệm.  
Nếu không bạn hiền trí  
Như vua bỏ quốc độ  
Để độc hành độc bộ

Như voi trú rừng sâu.  
Thà một mình mình sống  
Không làm bạn kẻ ngu.  
Độc hành không ác hạnh  
Thoải mái như voi rừng.

Ngài bỏ đi du hành  
Thăm tôn giả Bhagu,  
Thuyết pháp khích lệ ông  
Rồi đến nơi trú xứ  
Tôn giả A-na-luật

Nan-đề, Kim-tỳ-la  
Ba người đang cộng trú  
Phật hỏi thăm sinh hoạt  
A-na-luật trình bày  
Sự sống chung hòa hợp  
Mỗi người bỏ ý riêng  
Sống bằng tâm kẻ khác  
Tự giác trật tự chung  
Tinh cần không phóng dật  
Nhiệt tâm tu thiền định.  
Họ đã thấy ánh sáng  
Và các sắc hiện ra  
Nhưng rồi tan biến mất.

Phật dạy A-na-luật  
Cần phải tìm nguyên nhân  
Tại sao định tướng mất.  
Xưa kia còn đang tu  
Ngài cũng gặp như vậy  
Và truy tìm nguyên nhân  
Thấy do tùy phiền não:  
Nghĩ hoặc, không tác ý  
Hôn trầm và sợ hãi,  
Hoặc đắm ra phẩn chấp  
Như kẻ được hũ vàng.  
Hoặc là do dâm ý,  
Tinh cần thiếu hay thừa  
Ái dục, sai biệt tướng  
Quá chú vào sắc pháp.  
Khi thấy các pháp này  
Chướng ngại cho thiền chứng  
Ngài liền gạt trừ chúng

Và tu tập ba cách  
Định có tâm có tứ  
Định không tâm có tứ  
Và định không tứ tâm  
Hoặc có hỷ, không hỷ  
Định câu hữu lạc, xả  
Khi tu tập như vậy  
Ngài đạt đến Bất động  
Biết đây đời sống cuối  
Không còn phải tái sinh.



**Kinh số 129**  
**Hiên ngu**  
*(Bàlapandita Sutta)*

**I. TOÁT YẾU**

***Fools and Wise Men.***

*The sufferings of hell and animal life onto which a fool is reborn through his evil deeds, and the pleasures of heaven that a wise man reaps through his good deeds.*

***Kẻ ngu và người trí.***

*Những thống khổ của cõi địa ngục và súc sinh mà do ác nghiệp, kẻ ngu tái sinh vào, và những thiên lạc mà người trí gặt hái do thiện hành.*

**II. TÓM TẮT**

Phật dạy chúng tỳ kheo về kẻ ngu và người trí.

**A. Người ngu:**

Có ba đặc điểm là nghĩ ác, nói ác và làm ác; cảm thọ ba loại khổ trong hiện tại khi nghe ai nói động đến việc ác mình có làm, khi thấy kẻ có tội như mình bị trừng phạt bằng các cực hình [1], và khi nằm ngồi thường bị ám ảnh bởi tội lỗi đã làm, như xế chiều bóng núi đổ trên mặt đất. Khi chết người ngu tái sinh vào cõi dữ như địa ngục chịu khổ hơn cả người mỗi ngày bị đâm ba trăm mũi giáo [2], hoặc vào các loài bàng sinh ăn bần, sinh ra và chết nơi u tối ảm thấp tùy theo nghiệp ác đã làm. Trả hết nghiệp được làm người thì bị sinh vào gia đình hèn hạ, lại làm ác và phải đọa như trước. Được làm người là một cơ may hiếm có như rùa mù chui cổ vào một tấm ván có lỗ

trôi lênh đênh trên biển. Như người thua canh bạc đầu tiên phải bán cả gia sản vợ con là một sự mất mát lớn, nhưng còn vô vàn lớn hơn thế nữa là sự mất mát của kẻ ngu làm ác bị đọa. Đây là chu kỳ trọn vẹn của kẻ ngu [3].

### ***B. Người trí:***

Đặc điểm của người trí là nghĩ lành, nói lành và làm lành; hiện tại cảm thọ và sự vui là lúc nghe bàn tán sự từ bỏ các ác hành và tự xét mình không làm ác [4]; lúc thấy kẻ ác bị trừng phạt do ác hành và tự xét mình không có như vậy; và lúc nghỉ ngơi tự xét đã không làm điều quấy nên được an ổn. Khi chết tái sinh vào cõi trời hưởng thiên lạc thù thắng hơn vua chuyển luân [5] với bảy báu (xe, voi, ngựa, cư sĩ, nữ báu, tướng quân và châu báu) và bốn đức (đẹp, sống lâu, khỏe mạnh, được dân chúng yêu mến). Sau một thời gian dài hưởng thiên lạc, nếu lại sinh làm người thì vào nhà quyền quý cao sang. Như kẻ đánh bạc thắng canh bạc đầu tiên được rất nhiều tài sản, lợi lạc của người trí làm ba thiện hành còn vạn lần lớn hơn. Đây là chu kỳ trọn vẹn của người trí [6].

## **III. CHÚ GIẢI**

1. Như kinh số 13.
2. Ấn dụ sau đây được giải thích trong kinh Tương ưng 12 để hiển thị sự ăn bằng thức (thức thực).
3. MA: Nghĩa là, kẻ ngu do làm ba ác hành mà tái sinh vào địa ngục. Do quả báo của nghiệp địa ngục còn sót lại, nên khi được trở lại làm người thì sinh vào gia đình hèn hạ, rồi lại làm ba ác hành và lại đọa địa ngục.
4. Mặc dù trong nguyên bản Pali không có chữ na ở đầu, ở đây cần thêm na mới có nghĩa muốn nói, như trong các mệnh đề tương đương ở đoạn sau.

5. Xem kinh 91. Huyền thoại về Chuyển luân vương được bàn rộng rãi trong kinh Trường bộ 17 và 26.

6. MA: Nghĩa là, người trí nhờ làm ba thiện hành mà được sinh lên trời. Khi trở lại nhân gian, họ sinh vào nhà lành, có tài sản và sắc đẹp. Họ lại làm ba thiện hành và lại sinh lên trời. Cần để ý rằng sự hoàn thiện của người trí ở đây hoàn toàn thuộc thế gian, không nói gì đến những giai đoạn thù thắng hơn trên con đường đưa đến giải thoát.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Phật dạy chúng tỳ kheo  
Về kẻ ngu, người trí  
Ba đặc điểm kẻ ngu  
Là nghĩ, nói, làm ác.  
Hiện tại có ba khổ:  
Khi nghe chuyện liên hệ  
Những việc ác mình làm  
Khi thấy kẻ như mình  
Bị phạt bằng cực hình  
Khi tâm tư bị ám  
Bởi tội lỗi đã làm  
Như xế chiều bóng núi.  
Chết tái sinh cõi dữ  
Đọa địa ngục, bàng sinh  
Theo nghiệp trước kia tạo.  
Đã đọa vào cõi ấy  
Thì khó lại làm người  
Rùa mù gặp lỗ ván  
Trôi nổi giữa biển khơi

Đến khi được làm người  
Tái sinh nhà hèn hạ  
Lại làm ác, lại đọa.  
Tình trạng thảm thê hơn  
Kẻ thua canh bạc lớn  
Đấy bức tranh toàn vẹn  
Hoàn cảnh của kẻ ngu.

Người trí có đặc điểm  
Nghĩ nói làm điều lành  
Hiện tại có ba vui:  
Khi nghe chuyện liên hệ  
Các ác mình đã bỏ;  
Thấy kẻ bị trừng phạt  
Do ác hành đã làm  
Tự xét mình không vậy;  
Và do không làm quấy  
Tâm tư luôn an vui  
Chết sinh vào cõi trời  
Hưởng thiên lạc thù thắng  
Hơn cả chuyển luân vương  
Với bảy báu bốn đức  
Sau một thời gian dài  
Hưởng thụ các thiên lạc  
Nếu trở lại làm người  
Sinh vào nhà quyền quý  
Lợi lạc của kẻ trí  
Thật vô vàn lớn hơn  
Đánh thắng canh bạc lớn.  
Đấy bức tranh toàn vẹn  
Hoàn cảnh của kẻ hiền.



## Kinh số 130

### Thiên sứ

#### I. TOÁT YẾU

##### *The Divine Messengers.*

*The Buddha describes the sufferings of hell that await the evil-doer after death.*

##### *Sứ giả thiên liêng.*

*Phật mô tả những nỗi khổ ở địa ngục đang chờ đợi kẻ làm ác sau khi chết.*

#### II. TÓM TẮT

Phật dạy chúng tỳ kheo rằng với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ngài thấy chúng sinh chết và tái sinh tùy theo nghiệp lành dữ. Những hữu tình thành tựu thiện hành về thân, lời, ý, có chánh kiến, không phi báng các bậc thánh, chết tái sinh vào cõi tốt lành như cõi người cõi trời.

Ngược lại những hữu tình thành tựu ba loại ác hành về thân, lời, ý, có tà kiến, thường phi báng các bậc thánh, chết tái sinh vào những cõi xấu ác như ngạ quỷ, bàng sinh, địa ngục. Tại đây Yama [1] cho họ biết có năm thiên sứ [2] (sứ giả nhà trời) thường hiện ra giữa loài người là trẻ sơ sinh, người già, người bệnh, kẻ có tội bị trừng phạt, và xác chết; nhưng vì ham vui họ đã không ý thức rằng mình cũng bị chi phối bởi sinh, già, bệnh, chết, và có thể phạm tội ác, để lo làm các thiện hành về thân, khẩu, ý. Vì đã sống buông thả không lánh dữ làm lành nên giờ đây họ phải chịu hậu quả ác nghiệp do chính họ làm, không phải do ai khác. Sau khi bị Diêm vương thẩm vấn, họ bị các người canh giữ tra tấn bằng những cực hình làm họ đau đớn khốc liệt rồi lại



bị quăng vào Đại địa ngục [3] toàn bằng sắt nóng, địa ngục Phấn nị, địa ngục Than hừng, địa ngục Rừng gai, địa ngục Rừng lá gươm, địa ngục Sông vôi. Tại đây khi đói, họ phải ăn hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Dù đau đớn khốc liệt, họ vẫn phải chết đi sống lại để chịu khổ và chỉ mạng chung khi ác nghiệp đã tiêu trừ. Phật dạy điều này chỉ có Ngài thấy biết, không nghe từ ai khác. Và Ngài kết thúc bằng một bài kệ nói mặc dù đã được thiên sứ báo động, kẻ ngu vẫn sống buông thả và phải chịu đau khổ dài lâu, còn bậc trí thấy vậy không bao giờ phóng dật, siêng tu diệu pháp, giải thoát khỏi chấp thủ và nhờ vậy chấm dứt sinh tử về sau, hiện tại được an lạc.

### III. CHÚ GIẢI

1. Yama là thần chết. MA nói ông ta là chúa tể của loài ma sở hữu một cung trời. Khi thì ông sống trên cung trời hưởng thọ thiên lạc, khi thì ông thọ quả báo của nghiệp; ông ta là một ông vua công chính. MA thêm rằng kỳ thực có đến bốn Yamas, mỗi ông trấn một trong bốn cổng (địa ngục?).

2. Theo thần thoại PG, ba thiên sứ là người già, người bệnh, và xác chết, xuất hiện trước đức Bồ-tát trong khi Ngài đang sống trong hoàng cung, khiến Ngài đăm chán, muốn xa lìa cuộc sống thế tục và đánh thức trong Ngài ước muốn tìm giải thoát. Xem Tăng chi 3, để thấy cái cốt lõi tâm lý mà có lẽ từ đó câu chuyện đã được triển khai.

3. Sự mô tả địa ngục ở đây cũng được tìm thấy trong kinh 129.

4. Bắt đầu từ chỗ này trong Kệ tụng dưới đây, chép nguyên văn lời kệ do Hòa thượng Minh Châu dịch.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

## V. KÊ TỤNG

Với thiên nhân thanh tịnh  
Phật thấy các hữu tình  
Chết rồi lại tái sinh  
Tùy theo nghiệp lành dữ.

Ai thành tựu thiện hành  
Về thân, lời và ý,  
Làm việc theo chánh kiến  
Không phỉ báng bậc thánh  
Chết tái sinh cõi lành  
Làm người, sinh thiên giới.

Ngược lại những hữu tình  
Thành tựu ba ác hành  
Về thân, lời, và ý  
Lại thêm có tà kiến  
Phỉ báng các bậc thánh  
Chết sinh làm ngựa quỳ  
Vào bàng sinh, địa ngục.

Diêm vương tra vấn họ  
Về thiên sứ hiện ra:  
Trẻ sơ sinh, người già  
Người bệnh và xác chết  
Phạm tội bị cực hình  
Sao không biết chính mình  
Sẽ lâm vào cảnh ấy  
Để phát tâm tu hành  
Vấn buông lung thói ác?  
Giờ đây ngươi phải chịu

Hậu quả của ác nghiệp  
Do chính người đã làm  
Không phải do ai khác.  
Diêm vương thẩm vấn xong  
Người canh giữ địa ngục  
Tra tấn kẻ làm ác  
Những cực hình khốc liệt  
Quăng vào Đại địa ngục  
Làm toàn bằng sắt nóng  
Rồi địa ngục Phấn nị  
Đến địa ngục Than hừng  
Qua địa ngục Rừng gai  
Địa ngục Rừng lá gươm  
Và địa ngục Sông sôi  
Đói ăn hoàn sắt nóng  
Khát uống nước đồng sôi  
Dù đau đớn dữ dội  
Đến chết đi sống lại  
Sinh mạng vẫn kéo dài  
Bao lâu chưa tiêu nghiệp  
Điều này Phật thấy biết,  
Không nghe từ một ai.

Đối với bậc hiền trí  
Được thiên sứ báo động [4]  
Không bao giờ phóng dật  
Trong diệu pháp bậc thánh.  
Thấy sợ trong chấp thủ  
Trong hiện hữu sinh tử  
Được giải thoát chấp thủ  
Sinh tử được đoạn trừ  
Được yên ổn khoái lạc

Ngay hiện tại tịch tịnh  
Hết oán hận sợ hãi  
Thoát đau đớn khổ sầu.



Kinh số 131

## Kinh Nhất dạ hiền giả (*Bhaddekaratta Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*Bhaddekaratta Sutta (One Fortunate Attachment); Ānandabhaddekaratta Sutta (Ānanda and One Fortunate Attachment); Mahakaccanabhaddekaratta Sutta (Maha Kaccana and One Fortunate Attachment); Lomasakangiyabhaddekaratta Sutta (Lomasa - kangiya and One Fortunate Attachment):*

*The four suttas all revolve around a stanza spoken by the Buddha emphasising the need for present effort in developing insight into things as they are.*

*Kinh Nhất dạ hiền giả; A-nan và kinh Nhất dạ hiền; Đại Ca-chiên-diên và kinh Nhất dạ hiền; Lomasakangiya và kinh Nhất dạ hiền:*

*Cả bốn kinh này đều xoay quanh một bài kệ Phật thuyết, nhấn mạnh nhu yếu nỗ lực ngay trong hiện tại để phát triển tuệ quán đi sâu vào các pháp hiện tại như chúng đang là.*

### II. TÓM TẮT

Phật dạy một bài kệ rồi sau đó giảng rộng ý nghĩa. Bài kệ đại ý dạy đừng truy tìm quá khứ [1], ước vọng tương lai, vì quá khứ đã chấm dứt, tương lai chưa đến. Đối với các pháp hiện tại [2], hãy quán sát với trí tuệ [3] để không bị lay chuyển [4]. Phải nhiệt tâm tu hành tuệ quán như vậy ngay hôm nay, vì không thể biết ngày mai sẽ thế nào. Sự chết không hẹn trước, không thể điều đình với nó. Người nào luôn luôn an trú trong tuệ quán này với nhiệt tâm

không mỗi mết, kẻ ấy xứng đáng được gọi là bậc Nhất dạ hiền [5].

Rồi Phật giảng rộng như sau. Truy tìm quá khứ là nhớ miên man về sắc, thọ, tưởng, hành, thức của mình với sự hân hoan. Không truy tìm là nghĩ trong quá khứ ta có sắc thọ tưởng hành thức như vậy, nhưng không có hân hoan [6]. Ước vọng tương lai là nghĩ đến năm uẩn của mình với tâm hân hoan. Không ước vọng tương lai là nghĩ như trên nhưng không có hân hoan. Bị lôi cuốn [7] trong các pháp hiện tại là khi phạm phu không tu học thánh pháp, xem sắc là tự ngã, hoặc tự ngã có sắc, hoặc sắc trong tự ngã, hoặc xem tự ngã ở trong sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng xem như vậy (gọi là mười hai thân kiến). Không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại là khi vị thánh đệ tử đa văn nhờ có tu tập thánh pháp nên đối với năm uẩn thân tâm này, không xem là tự ngã.

### III. CHÚ GIẢI

1. Năm uẩn (tức bản thân) trong quá khứ.
2. Năm uẩn trong hiện tại.
3. Vipassati, thấy bằng trí tuệ, tuệ quán, nghĩa là thấy rõ ba đặc tính vô thường khổ vô ngã.
4. Không bị lay chuyển trước vui khổ do ngã chấp.

5. *Bhaddekaratta*, từ này rất khó hiểu, được HT Minh Châu dịch theo danh từ là Nhất dạ hiền. Theo MA, chỉ cho sự thành tựu tuệ quán (chú thích của HT Minh Châu). Theo Ñāṇamoli, chỉ một vị yêu thích hạnh độc cư, và độc cư đây có nghĩa là tâm độc cư chuyên nhất, không ở với một pháp thứ hai. Theo Bodhi, là người có một sự bám víu tốt lành, là bám sát hạnh sống một mình, tâm không ở chung với pháp nào khác. Hoặc (theo Bodhi) chỉ là cái tên mà Phật đặt cho pháp tu thiền quán do Ngài giảng dạy.

6. Hân hoan vui thích là chứng tỏ còn tham.

7. Bị lôi cuốn vào các pháp (tự ngã) hiện tại, do tham ái và tà kiến.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Phật dạy bài kệ sau:

Quá khứ không truy tìm  
Tương lai không ước vọng.

Quá khứ đã đoạn tận  
Tương lai lại chưa đến

Chỉ có pháp hiện tại  
Tuệ quán chính ở đây.

Không động, không lay chuyển  
Biết vậy, nên tu tập

Hôm nay nhiệt tâm làm,  
Ai biết chết ngày mai?

Không ai điều đình được  
Vớ đại quân thân chết,

Trú như vậy nhiệt tâm,  
Đêm ngày không mệt mỏi,

Xứng gọi Nhất dạ hiền,  
Bạc an tịnh trầm lặng.

Nói xong bài kệ trên

Ngài giải thích ý nghĩa:

Truy tìm về quá khứ

Là nghi với hân hoan:

Như vậy, sắc của ta

Trong thời gian đã qua.

Thọ, tưởng, hành, thức ta

Đã từng là như vậy.  
Không truy tìm quá khứ  
Là khi nghĩ như trên  
Mà trong tâm bình thản  
Không thích thú hân hoan.

Ước vọng về tương lai  
Là ước gì mai sau  
Năm uẩn ta như vậy  
Và khởi lên hân hoan.  
Phàm phu bị lôi cuốn  
Trong các pháp hiện tại  
Vì không tu thánh pháp  
Xem sắc là tự ngã,  
Hoặc tự ngã có sắc,  
Hoặc sắc trong tự ngã,  
Hoặc ngã ở trong sắc  
Với thọ, tưởng, hành, thức  
Cũng đều xem như vậy  
Cộng hai mươi thân kiến.  
Thánh đệ tử đa văn  
Nhờ học pháp thánh nhân  
Không xem là tự ngã  
Năm uẩn thân tâm này.





Kinh số 132

## A-nan Nhất dạ hiền giả

**I. TOÁT YẾU**

**II. TÓM TẮT**

**III. CHÚ GIẢI**

*(Toát yếu, Tóm tắt và Chú giải như kinh số 131)*

**IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

**V. KỆ TỤNG**

Kinh này giống kinh trên  
Do A-nan trùng tuyên  
Cho tỳ kheo tăng chúng  
Những gì Phật đã dạy.



## Kinh số 133

# Đại Ca-chiên-diên Nhất dạ hiền giả

### I. TOÁT YẾU

### II. TÓM TẮT

*(Toát yếu và Tóm tắt như kinh số 131)*

### III. CHÚ GIẢI

Trong hai kinh trước (số 131, 132) và kinh tiếp theo kinh này (số 134), Phật dựa trên năm uẩn để phân tích, nhưng kinh này Phật cốt đưa ra sáu nội ngoại xứ. Hiểu tôn ý của Phật, tôn giả Ca-chiên-diên đã giảng rộng theo chiều hướng ấy.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Tôn giả Xa-mi-đi  
Được một vị thiên nhân  
Khuyên thọ trì bài kệ  
Về kinh Nhất dạ hiền.

Ông liền đến bên Phật  
Xin đọc bài kệ trên  
Được Thế Tôn đọc lên  
Ca-chiên-diên giảng rộng.

Thay vì nói năm uẩn  
Ngài giảng căn trần thức  
Cộng thành mười tám xứ:  
Khi căn trần tiếp xúc  
Mà thức không bị trôi  
Bởi sợi dây tham ái  
Thì không khởi hân hoan  
Không truy tìm quá khứ  
Không ước vọng tương lai  
Cũng không bị cuốn lôi  
Vào các pháp hiện tại.

Tôn giả Ca-chiên-diên  
Đã khai triển như vậy  
Và Ngài được Phật khen  
Là bậc đại trí hiền.



## Kinh số 134

# Lomasakangiya Nhất dạ hiền giả

### I. TOÁT YẾU

### II. TÓM TẮT

*(Toát yếu và Tóm tắt như kinh số 131)*

### III. CHÚ GIẢI

Theo chú giải Trưởng lão kê, thì tôn giả Lomasakangiya vào thời Phật Ca-diếp đã xuất gia làm tỳ kheo. Sau khi nghe Phật Ca-diếp dạy kinh Bhaddekaratta này, một tỳ kheo nói về kinh ấy cho Lomasakangiya nhưng ông không hiểu và đã kêu lên: Mong rằng trong đời sau, tôi có thể giảng cho ông về kinh này. Vị tỳ kheo kia nói: Tôi cũng mong mỗi sẽ hỏi ông về kinh ấy. Do lời nguyện ấy mà trong kiếp này, Lomasakangiya tái sinh vào một gia đình họ Thích Ca ở Ca-tỳ-la-vệ, trong khi vị tỳ kheo kia đã làm một vị trời tên Candana.

Theo Sớ giải, Kinh này được giảng vào lúc đức Thế Tôn thành đạo đã được bảy năm. Khi ấy Ngài đang trải qua ba tháng an cư mùa mưa tại cung trời 33, giảng Abhidhamma cho chư thiên quy tụ lại từ mười ngàn thế giới hệ.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KÊ TỤNG

Tỳ kheo Lô-ma-xa  
Được thiên nhân khuyến khích  
Nên thọ trì bài kệ  
Về Nhất dạ hiền giả.

Vị trời này được nghe  
Phật giảng bài kệ ấy  
Tại Tam thập tam thiên:  
Quá khứ không truy tâm...  
Tương lai lại chưa đến.  
Bài Kệ Nhất dạ hiền  
Liên hệ đến mục đích  
Là căn bản Phạm hạnh.

Tôn giả đến bên Phật  
Tường thuật hết sự tình  
Phật giảng lại kệ này  
Đại cương và chi tiết.



Kinh số 135

## Tiểu kinh Nghiệp phân biệt (*Culākammavibhanga Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*The Shorter Exposition of Action.*

*The Buddha explains how kamma accounts for the fortune and misfortune of beings.*

*Trình bày ngắn về nghiệp.*

*Phật giải thích nghiệp là nhân của may mắn và bất hạnh nơi hữu tình.*

### II. TÓM TẮT

Thanh niên Subha [1] Todeyya hỏi Phật do nguyên nhân gì, cùng sinh làm người mà không ai giống ai về thọ mạng [2] (người sống lâu kẻ chết yếu); về sức khỏe (người ít bệnh, kẻ nhiều bệnh); về dung sắc (người xấu kẻ đẹp); về uy quyền (người nhiều quyền kẻ ít quyền); về tài sản (người giàu kẻ nghèo); về thế cấp hay dòng dõi (người cao kẻ thấp); về trí tuệ (người thông minh kẻ ngu đần)... Phật dạy tất cả đều do nghiệp, con người là chủ nhân, là thừa tự của nghiệp. Chánh nghiệp đã phân chia hữu tình ra có hơn kém như vậy. Chết yếu là do nghiệp giết hại sinh vật, không có tâm từ bi đối với hữu tình. Sống lâu là do từ bỏ giết hại, có tâm từ bi. Ít bệnh là do không não hại chúng sinh. Nhiều bệnh là do kiếp trước thường não hại chúng sinh. Tướng mạo xinh đẹp là do không phẫn nộ bất mãn. Nhiều uy quyền là do không ganh tị với người được quyền lợi, được tôn kính. Ít uy quyền là do thói ganh tị. Giàu có

là do đã bố thí cúng dường. Sinh vào gia đình cao quý là do thường tôn kính người đáng kính. Sinh vào gia đình hèn hạ là do ngạo mạn, không kính người đáng kính. Có trí tuệ là do thường đến gần các sa môn để học hỏi. Ngu đần là do không đến gần các sa môn để học hỏi.

Vậy con người có tình trạng thế nào là do họ đã đi con đường dẫn đến tình trạng ấy. Thanh niên nghe xong xin quy y Tam bảo.

### III. CHÚ GIẢI

1. Xem kinh 99. Theo số giải, thân phụ ông ta là bà-la-môn Todeyya do thói hà tiện đã tái sinh làm con chó ngay trong nhà ông. Phật cho Subha biết thế bằng cách khiến con chó moi lên kho tàng mà người cha đã chôn giấu lúc sinh tiền. Việc ấy đã làm Subha khởi tín tâm, thúc đẩy ông đến thỉnh vấn Phật về sự vận hành của nghiệp.

2. Nếu nghiệp giết hại quyết định cách tái sinh, thì nó sẽ dẫn đến tái sinh vào một đọa xứ. Nhưng nếu nhờ một thiện nghiệp mà được sinh làm người (và được làm người luôn là hậu quả của nghiệp lành), thì nghiệp giết hại sẽ khiến người này gặp nhiều nghịch cảnh đưa đến sự chết yểu.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Một thanh niên ngoại đạo  
Đến tịnh xá Kỳ viên  
Hỏi Phật nguyên nhân gì  
Người chẳng ai giống ai

Về thọ mạng, sức khỏe  
Về dung sắc, quyền uy  
Về tài sản, giai cấp  
Cũng như về trí tuệ?

Phật dạy các hữu tình  
Là chủ nhân của nghiệp  
Là thừa tự của nghiệp.  
Nghiệp phân chia hữu tình:

Chết yếu do giết hại  
Không có tâm từ bi  
Sống lâu do tâm từ  
Và không ưa giết hại

Không nào hại chúng sinh  
Là nguyên nhân ít bệnh.  
Thường nào hại chúng sinh  
Đưa đến nhiều bệnh tật.

Người tướng mạo xinh đẹp  
Do không hận không sân  
Người tướng mạo xấu xí  
Là do nhiều phần nộ

Nguyên nhân có uy quyền  
Là không lòng ganh tị  
Với người đáng tôn kính  
Ít uy quyền là do  
Cái thói ưa ganh tị.



Giàu có do bố thí  
Nghèo do không cúng dường  
Sinh dòng họ cao quý  
Do kính người đáng kính  
Vào gia đình hèn hạ  
Do ngạo mạn kiêu căng

Làm người có trí tuệ  
Do thường gần bậc trí  
Để học hỏi nghĩa lý  
Làm người mà ngu đần  
Là do không học hỏi  
Thân cận các sa môn.

Hiện tại như thế nào  
Đều do trong quá khứ  
Đã đi trên con đường  
Dẫn đến tình trạng ấy.

Khi nghe Phật dạy xong  
Thanh niên Tô-đây-gia  
Xin quy y đức Phật,  
Pháp và Tỷ kheo tăng.



Kinh số 136

## Đại kinh Nghiệp phân biệt (*Mahākammavibhanga Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*The Greater Exposition of Action.*

*The Buddha reveals subtle complexities in the workings of kamma that overturn simplistic dogmas and sweeping generalizations.*

*Trình bày rộng rãi hơn về nghiệp.*

*Phật hiển thị những điều vi tế trong vận hành của nghiệp, làm đảo lộn những lập thuyết ngây ngô và quy nạp bừa bãi.*

### II. TÓM TẮT

Du sĩ ngoại đạo Potaliputta đi đến tôn giả Samiddhi kể rằng chính ông đã được nghe Phật dạy nghiệp thân, khẩu là giả, chỉ có ý nghiệp mới thật; và có một loại thiên định nếu tu thành tựu thì sẽ không còn cảm giác gì nữa [1]. Tôn giả nói Phật không bao giờ dạy như vậy, đừng phí báng Ngài. Du sĩ khen tôn giả mới tu ba năm mà đã biết bảo vệ thầy mình, và hỏi tiếp: Khi cố ý làm ba nghiệp thân khẩu ý, thì sẽ có cảm giác gì? Samiddhi trả lời là sẽ có cảm giác đau khổ. Du sĩ bỏ đi không ý kiến. Sau đó tôn giả đến yết kiến Phật trình bày mọi sự.

Phật dạy, Ta chưa từng gặp Potali thì do đâu có chuyện ấy. Và Ngài chê Samiddhi là kẻ ngu đã trả lời một chiều trước một vấn đề cần được phân tích. Khi ấy tôn giả Udāyī thưa: Có lẽ sư huynh Samiddhi ám chỉ một nguyên lý

Ngài đã dạy "Còn cảm giác là còn đau khổ [2]". Phật dạy, câu hỏi của du sĩ cần phải được trả lời rằng nếu cố ý làm một nghiệp (thân, khẩu, ý) có khả năng đem lại đau khổ thì sẽ có cảm giác khổ. Nếu cố ý làm một nghiệp (thân, khẩu, ý) có khả năng đem lại vui thì sẽ có cảm giác vui; và nếu một nghiệp có khả năng đem lại cảm giác không khổ không vui thì kết quả sẽ là cảm giác trung tính.

Rồi Phật dạy về phân biệt đại nghiệp như sau. Trên đời có bốn hạng người:

1. Người sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, hai lưỡi, ác khẩu, nói phù phiếm, tham lam, sân hận, có tà kiến (đủ mười nghiệp ác), khi chết sinh vào néo ác, cõi dữ, địa ngục.

2. Có người cũng phạm mười tội ác như trên, nhưng chết sinh vào cõi tốt lành như làm người làm trời.

3. Có người từ bỏ mười nghiệp ác nói trên, chết sinh vào cõi lành.

4. Có người cũng từ bỏ mười nghiệp ác, nhưng chết sinh vào cõi dữ, địa ngục.

Do vậy, có thể công bố rằng chắc chắn có quả báo của thiện nghiệp ác nghiệp, nhưng không thể công bố như sau: Chắc chắn tất cả những người làm 10 ác đều sinh vào cõi dữ, từ bỏ 10 ác đều sinh cõi lành (vì có một số người làm ác chết sinh cõi lành và làm lành chết sinh cõi dữ).

Theo sự phân biệt đại nghiệp của Phật thì làm ác sinh cõi lành là do một nghiệp rất lành từ lâu xa về trước đến thời có kết quả, hoặc do một chánh kiến khởi lên trước khi chết, còn làm lành tái sinh cõi dữ là do một ác nghiệp từ rất lâu về trước nay đến thời gặt quả báo, hoặc do lúc gần chết khởi lên một tà kiến. Do vậy, có loại nghiệp không tác dụng mà tự không, không tác dụng mà tự như có, và nghiệp có tác dụng tự có, nghiệp có tác dụng tự không.

### III. CHÚ GIẢI

1. Potaliya không đích thân trực tiếp nghe Phật dạy lời này, mà chỉ nghe đồn Phật dạy như thế. Phần đầu câu Potaliya nói nghiệp thân, khẩu là giả, chỉ có ý nghiệp mới thật là một xuyên tạc của lời Phật dạy trong kinh 56 rằng trong ba loại nghiệp, ý nghiệp là đáng trách nhất trong sự hình thành ác nghiệp. Phần sau một loại thiên định nếu tu thành tựu thì sẽ không còn cảm giác gì xuất phát từ pháp thoại của Phật về định Diệt thọ tướng trong kinh Trường bộ số 9 nhan đề Potthapāda.

2. Lời này được Phật nói trong kinh Tương ưng số 36, ám chỉ khổ tiềm ẩn trong tất cả hành vì tính vô thường. Mặc dù Phật có dạy như thế thực, nhưng tôn giả Samiddhi dường như đã hiểu ra rằng điều ấy có nghĩa tất cả cảm thọ đều đau khổ, thì rõ ràng là sai.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Po-ta-li-put-ta  
Một du sĩ ngoại đạo  
Đến bảo Sa-mid-dhi  
Tỷ kheo đệ tử Phật:

Chính tôi nghe Phật nói  
Nghiệp thân, khẩu là giả  
Chỉ ý nghiệp là thật;  
Và có một loại thiên  
Tu sẽ hết cảm giác.

Tôn giả liền phản bác:  
Chớ phỉ báng Thế Tôn  
Ngài không dạy như vậy.  
Du sĩ khen tôn giả  
Chỉ mới tu ba năm  
Đã biết bảo vệ thầy.  
Rồi ông hỏi tôn giả:  
Cố ý làm ba nghiệp  
Sẽ có cảm giác gì?  
Tôn giả đáp: khổ thọ.  
Du sĩ liền cáo từ  
Bỏ đi không ý kiến.

Tôn giả đi đến Phật  
Để trình bày mọi sự.  
- Ta chưa gặp ông ấy  
Do đâu có chuyện này?  
Và người thật ngu si  
Khi trả lời một chiều  
Vấn đề cần phân tích:  
Cố tâm làm nghi nói  
Điều không vui không khổ  
Cảm giác không vui khổ.  
Rồi Thế Tôn bàn rộng  
Nghiệp quả bốn hạng người:  
Hạng suốt đời làm ác  
Chết đọa vào cõi dữ.  
Hạng suốt đời làm ác  
Chết sinh vào cõi lành.  
Hạng suốt đời làm lành  
Chết sinh lên thiên giới.

Hạng suốt đời làm lành  
Chết sinh vào cõi ác.

Sự tình là như vậy,  
Nên có thể công bố  
Chắc chắn có quả báo  
Của nghiệp lành nghiệp dữ;  
Nhưng không thể công bố:  
Mọi kẻ làm mười ác  
Đều sinh vào cõi dữ,  
Ai từ bỏ mười ác  
Đều sinh đến cõi lành.

Theo các nghiệp phân biệt  
Sở dĩ kẻ làm ác  
Mà được sinh cõi lành  
Là do nghiệp rất lành  
Từ lâu xa về trước  
Đến thời có kết quả,  
Hoặc do lúc lâm chung  
Khởi lên một chánh kiến.

Kẻ suốt đời làm lành  
Mà tái sinh cõi dữ  
Là do một ác nghiệp  
Từ rất lâu về trước  
Nay đến thời gặt quả,  
Hoặc do lúc gần chết  
Khởi lên một tà kiến.

Do vậy, có loại nghiệp  
Không tác dụng tợ không,  
Không tác dụng tợ có,  
Có tác dụng tợ có,  
Có tác dụng tợ không.



## Kinh số 137

# Phân biệt sáu xứ (*Salayatānavibhaṅga Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

#### *The Exposition of the Sixfold Base.*

*The Buddha expounds the six internal and external sense bases and other related topics.*

#### *Trình bày về sáu xứ.*

*Phật giảng giải sáu nội ngoại xứ và các đề tài liên hệ.*

### II. TÓM TẮT

Phật giảng về 6 căn, 6 trần, 6 thức, 6 xúc, 18 ý hành [1] (6 khổ, 6 ưu, 6 xả), 36 loại hữu tình (18 ý hành liên hệ tại gia, 18 liên hệ xuất gia), ba loại cảm thọ [2], ba niệm của bậc đạo sư, về Vô thượng điều ngự. Về xả (trong ba cảm thọ), có xả liên hệ tại gia hay xả y cứ đa diện, xả liên hệ xuất ly hay xả y cứ nhất diện. Xả tại gia, y cứ đa diện là xả sắc thanh hương vị xúc, xả này không chinh phục được phiền não và quả dị thực [3]. Xả xuất ly, y cứ nhất diện, là xả thuộc thiền như xả tầm tứ hỷ lạc. Y cứ cái này đoạn tận cái kia có nghĩa là theo hỷ ưu xuất gia, bỏ hỷ ưu tại gia. Bỏ xả đa diện và hỷ nhất diện để có xả nhất diện.

Ba niệm của đấng đạo sư đối với ba loại hội chúng nghe pháp là, đối với hội chúng có đa số biếng nhác, Ngài không hoan hỷ nhưng vẫn giữ chánh niệm không phiền não, với loại hội chúng có một số siêng năng một số biếng nhác thái độ Ngài không hoan hỷ cũng không không hoan hỷ, với hội chúng có đa số siêng năng, Ngài hoan hỷ trong chánh niệm.



Trong các vị huấn luyện sư, Phật là đáng vô thượng điều ngự. Vì trong khi voi, ngựa hay bò được người huấn luyện chỉ chạy theo một trong bốn hướng đông tây nam bắc, thì một tỳ kheo được Phật huấn luyện đi khắp tám hướng [4], đấy là tám giải thoát: nội có sắc quán ngoại sắc, nội không sắc quán ngoại sắc, chú tâm trên thanh tịnh, hư không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ và Diệt thọ tướng định.

### III. CHÚ GIẢI

1. Ý hành, (manopavicāra, mental exploration) là tâm và tứ. Người ta tra tâm, xem xét đối tượng do sự sinh khởi của tứ (vicāra).

2. Sau khi thấy sắc với nhãn thức, ta tra tâm nó như một đối tượng, và thế là nhân của vui, hoặc khổ, hoặc không vui không khổ.

3. Xả thanh hương vị xúc... hay xả đa diện không chinh phục được phiền não và quả dị thực nghĩa là khổ hạnh về thân xác không ăn thua gì, vì phiền não (tham sân si) không thể chấm dứt chỉ bằng cách bưng tai nhắm mắt trước thanh sắc trần gian; cũng không tránh khỏi quả dị thực là không thoát khỏi luân hồi sinh tử, khi chỉ tu kèm chế các giác quan mà không có trí tuệ thấy rõ sự vô ích, trống rỗng của dục vọng.

4. Đấy là những cảnh giới (đạo, thú) của các loại hữu tình.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

## V. KỆ TỤNG

Phật dạy các tử kheo  
Cần biết rõ sáu xứ:  
Sáu nội xứ là mắt  
Tai mũi lưỡi thân ý;  
Sáu ngoại xứ là sắc  
Thanh hương vị xúc pháp  
Sáu thức thân: nhãn thức  
Nhĩ thức đến ý thức.  
Sáu xúc thân: nhãn xúc  
Nhĩ xúc đến ý xúc.

Khi con mắt thấy sắc  
Đến ý nhận thức pháp  
Khởi lên hỷ, ưu, xả.  
Cộng mười tám ý hành  
Có bả́m sáu hữu tình:  
Sáu hỷ thuộc tại gia  
Khi mắt tai mũi lưỡi  
Nhận được những khoái cảm  
Do tiếp xúc đối tượng;  
Sáu hỷ thuộc xuất ly  
Khi biết với trí tuệ  
Tính vô thường nơi sắc  
Thanh hương vị xúc pháp.

Sáu ưu thuộc tại gia:  
Lo mắt không thấy được  
Các sắc đẹp khả ái;  
Tương tự, với tai, mũi  
Lưỡi thân và ý thức  
Lo không thể tiếp nhận

Những đối tượng đẹp lòng.  
Sáu ưu thuộc xuất ly:  
Khi biết sắc vô thường  
Thanh hương vị xúc pháp  
Cả sáu đều vô thường,  
Ưu tư mong chứng đạt  
Đến tối thượng giải thoát.

Sáu xả thuộc tại gia  
Như phàm phu thấy sắc  
Có thể khởi tâm xả  
Nhưng không thấy nguy hiểm  
Nên không hết não phiền  
Không khởi quả dị thực  
Xả thanh hương vị xúc  
Nơi phàm phu cũng thế.  
Sáu xả thuộc xuất ly  
Khi với chánh trí tuệ  
Rõ các pháp vô thường  
Đau khổ và biến hoại  
Nên khởi tâm xả bỏ  
Đối với sáu ngoại xứ.

Do y cứ cái này  
Mà đoạn tận cái kia:  
Theo hỷ ưu xuất ly  
Đoạn hỷ ưu tại gia  
Đoạn cả hỷ xuất ly  
Đi đến xả xuất ly  
Đoạn tận xả đa diện  
(xả thanh hương vị xúc)  
Đi đến xả nhất diện

(xả trong các thiền chứng)

Có ba loại niệm xứ  
Nơi một đấng đạo sư:  
Khi giảng dạy chánh pháp  
Vi an lạc hữu tình  
Tâm Ngài không nao núng  
Trước ba loại hội chúng:  
Đa số không lóng tai  
Không thực hành điều pháp;  
Có người lóng, kẻ không:  
Đối hai hội chúng này  
Như Lai không hoan hỷ  
Nhưng tâm không giao động;  
Nếu gặp chúng đệ tử  
Chăm chỉ lóng tai nghe  
Không làm trái chánh pháp  
Như Lai rất hoan hỷ  
Nhưng chánh niệm tỉnh giác.  
Đấy là ba niệm xứ  
Xứng với bậc đạo sư.

Bậc vô thượng điều ngự  
Giảng dạy tám giải thoát:  
Nội có sắc, quán ngoại,  
Nội vô sắc quán ngoại,  
Chú tâm trên thanh tịnh,  
Không vô biên xứ định,  
Thức vô biên xứ định,  
Vô sở hữu xứ định,  
Phi tướng phi phi tướng  
Và diệt thọ tướng định.

Tỷ kheo được huấn luyện  
Đi khắp tám phương trời.



Kinh số 138

## Tổng thuyết và biệt thuyết (Uddesavibhanga Sutta)

### I. TOÁT YẾU

*The Exposition of a Summary.*

*The venerable Maha Kaccana elaborates upon a brief saying of the Buddha on the training of consciousness and the overcoming of agitation.*

**Giảng rộng một lời dạy vắn tắt.**

*Tôn giả Đại Ca-chiên-diên triển khai một lời dạy vắn tắt của Phật về sự tu luyện tâm thức để thắng lướt trạo cử giao động.*

### II. TÓM TẮT

Phật dạy chúng tỳ kheo một lời vắn tắt: Tỳ kheo cần nhìn như thế nào để đối với ngoại trần tâm không bị tán rộng, đối với nội trần tâm không trú trước, không chấp thủ, không bị khủng bố. Như vậy tương lai sẽ không còn khổ về sanh, già, chết.

Sau khi Ngài bỏ đi vào tịnh xá, chúng tỳ kheo đến thỉnh cầu tôn giả Ca-chiên-diên giải thích ý nghĩa. Và Ngài đã giảng như sau: Khi căn trần thức tiếp xúc, do thức truy cầu tướng bên ngoài nên bị các tướng trói buộc, đẩy gọi là bị tán loạn, tán rộng. Nếu căn trần tiếp xúc mà thức không theo đuổi tướng ngoài, thì không bị tán loạn. Đối với nội trần, nghĩa là các thiền chứng từ sơ đến tứ thiền, thức cũng có thể bị trói buộc bởi ly dục ly bất thiện pháp, sanh hỷ lạc ở thiền thứ nhất, định sanh hỷ lạc ở thiền thứ hai, bởi xả niệm lạc trú ở thiền thứ ba và bởi bất khổ bất lạc (xả niệm thanh tịnh) ở thiền thứ tư. Nếu không bị các thiền chứng

này trói buộc thì gọi là không trú trước nội trần. Chấp thủ, bị khủng bố là khi kẻ vô văn phạm phu do không hiểu thánh pháp, chấp sắc là tự ngã, tự ngã ở trong sắc, sắc ở trong tự ngã, tự ngã có sắc (với 4 uẩn kia cũng chấp như vậy thành ra có 20 thân kiến). Do chấp như vậy nên khi sắc thọ tướng hành thức biến hoại, phạm phu lấy làm đau khổ, bị khủng bố. Thánh đệ tử có tu tập thì không chấp thủ như vậy, nên khi sắc biến hoại, thức không bị chuyển theo, các pháp khủng bố khởi lên không kiên trì ám ảnh tâm. Vì tâm không bị ám ảnh nên cũng không sợ hãi hay khao khát. Như vậy là không chấp thủ, không bị khủng bố.

Sau khi chúng tỳ kheo đến Phật trình bày cách giải thích của tôn giả, Phật khen tôn giả Ca-chiên-diên là bậc đại tuệ đã hiểu đúng lời Ngài dạy.

### III. CHÚ GIẢI

Bài kinh này là cốt tủy của đạo giải thoát gồm ba phương diện: thái độ đối với ngoại giới, với nội tâm, và với năm uẩn làm nên thân tâm. Khi năm giác quan tiếp xúc với ngoại giới, tâm không chạy theo đối tượng; và khi hướng nội đi sâu vào các thiền chứng từ thứ nhất đến thứ tư, tâm cũng không ham thích. Theo Ngài Huệ Năng, đây gọi là ngoài thiền trong định, gọi là thiền định. Đối với năm uẩn không chấp đây là ta và của ta, nên khi chết không bám víu tiếc nuối, và vì thế không sợ hãi dù gặp bất cứ cảnh giới nào xảy ra lúc lâm chung; vẫn giữ thái độ của người ngoại cuộc đang quan sát một hiện tượng, không có cái tôi sống chết.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

## V. KÊ TỤNG

Phật dạy chúng tỳ kheo  
Một lời dạy vắn tắt:  
Hãy quán sát cách nào  
Tâm không bị tán rộng  
Trong các đối tượng ngoài;  
Và đối với nội trần  
Không trú trước, chấp thủ,  
Tâm không bị khủng bố  
Nếu quán được như vậy  
Tương lai không còn khổ  
Về sanh già bệnh chết.

Tôn giả Ca-chiên-diên  
Giải thích rộng ý nghĩa:  
Khi con mắt thấy sắc  
Thức theo đuổi tướng ngoài  
Bị các tướng trói buộc  
Là tán loạn, tán rộng.  
Nếu căn trần tiếp xúc  
Thức không theo đuổi tướng,  
Thì không bị tán tâm.

Đối với các nội trần,  
Nghĩa là các thiên chúng  
Từ sơ đến tứ thiên,  
Thức có thể bị trói  
Bởi ly sanh hỷ lạc  
Khi chứng thiên thứ nhất,  
Hoặc định sanh hỷ lạc  
Khi chứng thiên thứ hai,  
Hoặc xả niệm lạc trú



Khi chúng thiên thứ ba  
Và bất khổ bất lạc  
(hay xả niệm thanh tịnh)  
Khi chúng thiên thứ tư.  
Nếu không bị trói buộc  
Bởi các thiên chúng này  
Là không trú nội trần.

Chấp thủ, bị khủng bố  
Là khi kẻ phàm phu  
Do không hiểu thánh pháp,  
Chấp sắc là tự ngã,  
Tự ngã ở trong sắc,  
Sắc ở trong tự ngã,  
Hoặc tự ngã có sắc  
(đối với 4 uẩn kia  
cũng đều chấp như vậy  
thành hai mươi thân kiến).  
Do chấp thủ như vậy  
Khi năm uẩn biến hoại,  
Phàm phu rất đau khổ  
Hoảng sợ, bị khủng bố.  
Thánh đệ tử có tu  
Không chấp thủ như vậy,  
Nên khi sắc biến hoại,  
Thức không bị chuyển theo,  
Các khủng bố khởi lên  
Không kiên trì ám ảnh.  
Tâm không bị ám ảnh  
Không sợ hãi, khao khát.

Đấy là không chấp thủ  
Nên không bị khủng bố.

Khi nghe lời giải này  
Phật khen Ca-chiên-diên  
Chính là bậc đại tuệ  
Đã hiểu đúng lời Ngài.



Kinh số 139  
**Vô tránh phân biệt**  
(*Aranavibhanga Sutta*)

**I. TOÁT YẾU**

*The Exposition of Non-Conflict.*

*The Buddha gives a detailed discourse on things that lead to conflict and things that lead away from conflict.*

*Trình bày về không tranh cãi.*

*Phật giảng chi tiết về những điều đưa đến tranh cãi và những điều làm lắng dịu tranh chấp.*

**II. TÓM TẮT**

Phật dạy không nên theo dục lạc thấp kém, cũng không nên tự hành xác bằng khổ hạnh, cả hai cực đoan này đều thuộc tà đạo. Con đường trung đạo được Ngài thân chứng đã tác thành trí tuệ, giác ngộ, Niết-bàn, đây là đạo bát chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nên biết khen chê nhưng không nên khen chê mà chỉ nói pháp.

Ví dụ nói Ai đam mê dục lạc là theo tà đạo, sẽ đau khổ, là có chỉ trích một số người; hoặc nói ai không đam mê dục lạc thì không đau khổ, thuộc thánh đạo, thì có tán thán một số người.

Nếu chỉ nói: Theo đuổi dục lạc hay khổ hạnh, không từ bỏ hữu kết sử là khổ, thuộc tà đạo, không xứng đáng bậc thánh, (nhưng không đề cập con người), ấy là chỉ thuyết pháp. Biết phân biệt lạc nhưng chỉ chú tâm nội lạc, có

nghĩa năm dục thuộc về sắc thanh hương vị xúc gọi là dục lạc, đáng sợ hãi.

Hỷ lạc trong bốn thiền là ly dục lạc, không đáng sợ. Không nói lời bí mật, lời méch lòng khi nó không thực, không ích lợi, không đúng thời. Nên nói từ từ, vì nói nhanh thì không rõ ràng, khó nghe; thân tâm và cổ họng bị tổn hại. Không bám vào địa phương ngữ xa với ngôn ngữ thường dùng, vì mỗi địa phương dùng một tiếng khác nhau, không nên chấp đây đúng kia sai.

Tóm lại, dục lạc thuộc tà đạo là pháp hữu tránh (có tranh chấp); lạc nào không dẫn đến đau khổ nhiệt não là pháp vô tránh; khổ hạnh là hữu tránh, trung đạo là vô tránh; khen chê là hữu tránh, chỉ nói Pháp là vô tránh; dục lạc là hữu tránh, ly dục lạc là vô tránh...

Sau khi biết như vậy, tỳ kheo nên hành trì pháp vô tránh.

### III. CHÚ GIẢI

*(không có)*

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Phật dạy các tỳ kheo:  
Chớ đắm mê dục lạc  
Cũng chớ tự hành xác  
Cả hai đều thuộc tà.  
Trung đạo Ngài thân chứng  
Đã tác thành trí tuệ  
Giác ngộ và Niết-bàn  
Tức là đạo bát chánh.  
Biết tán thán chỉ trích

Nhưng không tán thán ai  
Cũng không chỉ trích ai  
Mà chỉ nên nói pháp.  
Nên biết phân biệt lạc  
Nhưng chỉ chuyên nội lạc.  
Nói: Ai mê dục lạc  
Là tà đạo, sẽ khổ,  
Là chỉ trích một số;

Nói: Ai không tham dục  
Là chánh đạo, không khổ,  
Tức có khen một số.  
Nếu chỉ nói như sau:  
Dục lạc hay khổ hạnh,  
Không bỏ hữu kết sử  
Đều khổ, thuộc tà đạo  
Không xứng với bậc thánh,  
Ấy là chỉ thuyết pháp.

Nên biết phân biệt lạc  
Nhưng chỉ chuyên nội lạc:  
Năm dục về sắc thanh  
Hương vị xúc đáng sợ  
Được gọi là dục lạc.  
Hỷ lạc ở bốn thiên  
Ly dục, không đáng sợ.

Không nói lời bí mật,  
Hoặc những lời méch lòng  
Khi nó không chân thực,  
Vô ích, không đúng thời.  
Nói thì nên từ từ,

Rõ ràng và dễ nghe  
Cũng khỏi làm tổn thương  
Thân tâm và cổ họng.  
Không bám địa phương ngữ  
Trái ngôn ngữ thường dùng,  
Vì mỗi vùng một khác,  
Không nên chấp đúng sai.

Cái gì không xứng thánh  
Không liên hệ mục đích  
Có đau khổ phiền lao  
Đều thuộc về tà đạo  
Gọi là pháp hữu tránh  
(có đưa đến tranh chấp).

Dục lạc và khổ hạnh;  
Tán thán và chỉ trích  
Nhưng không có nói pháp;  
Lời bí mật, méch lòng,  
Chấp trước địa phương ngữ...  
Thuộc tà đạo, hữu tránh  
Thiên lạc và trung đạo  
Nói pháp, không khen chê  
Không nói lời vô ích  
Không chấp địa phương ngữ  
Là chánh đạo vô tranh  
Sau khi biết như vậy  
Vô tránh nên hành trì.



**Kinh số 140**  
**Giới phân biệt**  
*(Dhatuvibhanga Sutta)*

**I. TOÁT YẾU**

*The Exposition of Elements.*

*Stopping at a potter's workshop for the night, the Buddha meets a monk named Pukkusati and gives him a profound discourse on the elements culminating in the four foundations of arahantship.*

**Trình bày về các yếu tố.**

*Khi dừng nghỉ đêm tại xưởng một người thợ gốm, Phật gặp một tỷ kheo tên Pukkusati và giảng cho vị ấy một pháp thoại sâu sắc về các yếu tố đưa đến tột đỉnh là bốn nền tảng của A-là-hán quả.*

**II. TÓM TẮT**

Phật cùng nghỉ đêm trong một xưởng làm đồ gốm với Pukkusati. Sau khi biết đây là một thiện nam tử đã xuất gia do lòng tin đối với Ngài mặc dù chưa từng gặp Ngài, Phật giảng vắn tắt: Cái gọi là con người gồm có sáu giới, sáu xúc xứ, 18 ý hành và bốn thắng xứ. Sáu xúc xứ là mắt tai mũi lưỡi thân ý; 18 ý hành gồm sắc thanh hương vị xúc pháp chỗ trú của ba cảm thọ hỷ ưu và xả (cộng thành 18). Bốn thắng xứ gồm tuệ, hỷ hộ tri chân đế, hỷ tăng trưởng huệ thí, hỷ tu học tịch tịnh. Rồi Phật giảng chi tiết như sau.

Chớ buông lung trí tuệ có nghĩa là nên biết rõ sáu giới tức địa thủy hỏa phong không thức. Địa giới có trong thân và ngoài thân. Địa trong thân là tất cả những chất cứng bị

chấp thủ, thuộc cá nhân như tóc lông móng răng da, thịt gân xương tủy thận. Chất cứng trong ngoài gì cũng thuộc về địa giới, cần phải thấy như thật với chánh trí là nó không phải của tôi, không phải là tôi, không phải tự ngã của tôi. Sau khi biết vậy, sinh tâm chán lia, từ bỏ địa giới. Đối với thủy (chất lỏng), hoả (hơi nóng), phong (động), không (lỗ hổng) cũng đều quán như vậy. Với thức trong sáng, vị ấy biết được lạc, khổ và bất khổ bất lạc. Do lạc xúc, lạc thọ khởi lên; và thức liền nhận biết đang cảm giác một lạc thọ. Do lạc xúc diệt, lạc thọ cũng diệt, và thức cũng nhận biết như vậy. Với hai cảm thọ kia (khổ và bất khổ bất lạc) cũng thế.

Khi xả còn lại được trong sáng, thuần tịnh, vị tỷ kheo có thể tập trung xả ấy vào hư không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng... nhưng xả ấy sẽ thành hữu vi. Nếu không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, không chấp thủ một sự vật gì ở đời, thì vị ấy sẽ không sợ hãi, tự chứng Niết-bàn, biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa. Mỗi khi cảm giác lạc, khổ hay bất khổ bất lạc, vị ấy biết tất cả cảm thọ đều vô thường, không nên đắm trước, không phải đối tượng để hoan hỷ. Vị ấy biết rõ khi cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu hay với sinh mạng là tối hậu (nghĩa là chỉ trong lúc mạng căn còn tiếp tục, không xa hơn thế). Vị ấy biết, khi thân hoại mạng chung, tất cả những cảm thọ sẽ trở thành thanh lương (vì vị ấy không chấp thủ, hoan hỷ trong đó). Tỷ kheo có được trí như vậy gọi là có tuệ thắng xứ, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ. Sự giải thoát của vị ấy không bị giao động vì căn cứ trên chân đế, Niết-bàn. Vị tỷ kheo thành tựu như vậy là thành tựu để thắng xứ. Những chấp thủ của vị ấy trước kia bây giờ bị cắt đứt tận gốc rễ không



còn sinh khởi trong tương lai, nên đây là huệ xả thắng xứ nơi vị ấy. Tham ái, phẫn nộ và si mê trước kia nơi vị ấy bây giờ cũng hoàn toàn bị chặt đứt tận gốc rễ như thân cây ta la, không còn khả năng sinh khởi, nên vị ấy thành tựu tịch tịnh thắng xứ, nghĩa là sự chấm dứt tham sân si. Khi những ngọn triều vọng tưởng không còn lay động một người đã vững trú trên bốn thắng xứ, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Vị ấy không còn nghĩ về ta là thế này thế nọ hay sẽ là ngày nọ; không còn sanh, già chết, mong cầu gì.

Nghe xong bài pháp vi diệu ấy, Pukkusàti biết ngay đây là đức Phật, và xin sám hối vì không biết nên đã gọi Ngài là hiền giả (ban). Ông xin được thọ đại giới, nhưng khi vừa đi ra kiểm y bát thì bị bò húc chết. Khi các tỷ kheo hỏi về sanh thú của vị này, Phật dạy ông ấy đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử, sẽ nhập Niết-bàn không còn trở lui đời này nữa.

### III. CHÚ GIẢI

Phật dạy lý vô ngã bằng cách phân tích con người gồm có sáu đại: địa thủy hỏa phong không thức; sáu xúc xứ: mắt tai mũi lưỡi thân ý; 18 ý hành là hỷ ưu hoặc xả đối với sắc thanh hương vị xúc pháp (cộng thành 18). Trí tuệ là dùng thức quán sát năm giới hay đại vật chất không gì là ta, của ta hay tự ngã của ta. Thức còn lại trong sáng, thuần tịnh (vì không chấp vào vật chất) hướng đến các cảnh giới của tâm là không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu và phi phi tướng cũng không chấp thủ, đạt Niết-bàn. Mỗi khi có một cảm thọ về thân hay tâm, vị ấy biết rõ nó vô thường, không đáng chấp thủ. Khi chết, vị ấy biết rõ đây là cảm thọ cuối cùng, sau đời này không còn đời nào khác (vì đã hết ham muốn bất cứ gì.) Một người có tuệ như vậy gọi là đã đạt đến chỗ tối cao gọi là thắng xứ, có bốn tên tùy theo bốn phương diện: thấy rõ gọi là tuệ thắng xứ, cái thấy

ấy không hư vọng nên gọi là đế thắng xứ, nhờ thấy rõ mà những chấp thủ trước kia bị cắt đứt tận gốc nên gọi là huệ xả thắng xứ, hoàn toàn đoạn tuyệt với tham sân si gọi là tịch tịnh thắng xứ.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KÊ TỤNG

Phật đến nghỉ ban đêm  
Trong xưởng người thợ gốm  
Nơi đây đang trú ngụ  
Ông Puk-ku-sa-ti  
Một tu sĩ nhiệt thành  
Xuất gia do lòng tin  
Đối với đấng Đạo sư  
Dù chưa từng diện kiến.

Phật giảng Pháp cho ông:  
Con người gồm sáu giới,  
Sáu xúc xứ (sáu căn)  
Mỗi căn có ba thọ  
Thành mười tám ý hành  
Chớ buông lung trí tuệ,  
Hãy hộ trì chân đế,  
Hãy tăng trưởng huệ thí,  
Và tu học tịch tịnh  
Đấy là bốn thắng xứ.

Rồi Phật giảng chi tiết:  
Không buông lung trí tuệ  
Là biết rõ sáu giới  
Địa thủy hỏa phong không  
Với thức là thứ sáu.

Địa giới có trong ngoài  
Trong thân là chất cứng  
Bị chấp, thuộc cá nhân:  
Tóc lông móng răng da,  
Thịt gân xương tủy thận...  
Chất cứng trong hay ngoài  
Cũng đều thuộc địa giới.  
Cần phải thấy như thật  
Với trí tuệ chân chính  
Đấy không phải là tôi  
Cũng không phải của tôi.  
Hay tự ngã của tôi.  
Khi biết được như vậy  
Sẽ sinh tâm chán lìa,  
Từ bỏ ngay địa giới.

Với thủy hỏa phong không  
Cũng đều quán như vậy.  
Còn lại thức trong sáng,  
Biết cảm thọ lạc, khổ  
Và bất khổ bất lạc.

Do xúc, lạc thọ khởi  
Và thức liền nhận biết  
Đang cảm giác lạc thọ.

Xúc diệt, lạc thọ diệt,  
Như vậy thức rõ biết.  
Với hai cảm thọ kia  
Thức biết chúng sinh, diệt  
Cũng tương tự như trên.

Với tâm xả thuần tịnh,  
Nó có thể tập trung  
Vào hư không vô biên  
Hoặc thức vô biên xứ,  
Hoặc vô sở hữu xứ,  
Phi tướng phi phi tướng:  
Tâm ấy thành hữu vi.  
Nhưng nếu không tư duy  
Không tướng hữu, phi hữu,  
Không chấp thủ vật gì,  
Thì sẽ không sợ hãi,  
Tự chứng được Niết-bàn  
Tự biết: Sanh đã tận,  
Phạm hạnh đã viên thành,

Mỗi khi cảm giác lạc,  
Khổ, bất khổ bất lạc,  
Biết cảm thọ vô thường,  
Không nên đắm trước nó,  
Không hoan hỷ trong đó.  
Vị ấy luôn biết rõ  
Khi khởi một cảm thọ

Với thân là tối hậu  
Hay mạng là tối hậu  
Vị ấy biết khi chết  
Tất cả thọ thanh lương  
Vi không còn chấp thủ.  
Đây là tuệ thắng xứ,  
Nghĩa là trí biết được  
Mọi đau khổ đã dứt.

Sự giải thoát vị ấy  
Không còn bị giao động  
Không thuộc về hư vọng  
Nên gọi để thắng xứ.

Những chấp thủ vị ấy  
Đã dứt tận gốc rễ  
Không sinh khởi tương lai  
Gọi huệ xả thắng xứ.

Tham sân si đoạn tận  
Thành tịch tịnh thắng xứ.  
Những ngọn triều vọng tưởng  
Không còn làm giao động  
Người trú bốn thắng xứ,  
Nên vị ấy được gọi  
Là ẩn sĩ tịch tịnh.

Vị ấy không còn nghĩ  
Ta thế này thế nọ  
Hay sẽ là này nọ  
Không còn mong cầu gì  
Tương lai hết già chết.

Nghe xong pháp vi diệu  
Biết ngay đây là Phật  
Thanh niên xin sám hối  
Đã gọi bụt bằng anh;  
Và xin thọ đại giới,  
Nhưng khi vừa đi ra  
Để tìm kiếm y bát  
Ông bị bò húc chết.

Phật dạy các tỷ kheo:  
Ông ấy đã đoạn trừ  
Năm hạ phần kết sử  
Hóa sanh nhập Niết-bàn  
Một đi không trở lại.



**Kinh số 141**  
**Kinh Phân biệt về Sự Thật**  
*(Saccavibhanga Sutta)*

**I. TOÁT YẾU**

*The Exposition of the Truths.*

*The venerable Sariputta gives a detailed analysis of the Four Noble Truths.*

*Trình bày về những sự thật.*

*Tôn giả Xá-lợi-phất phân tích chi tiết về Bốn chân lý vi diệu.*

**II. TÓM TẮT**

Phật gọi các tỷ kheo và dạy rằng, sự khai thị bốn thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo là Pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận tại vườn Lộc uyển. Không ai có thể nói ngược lại sự tuyên thuyết này. Và Ngài khuyên chư tỷ kheo hãy thân cận hai vị thượng thủ là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, vì tôn giả Xá-lợi-phất có thể giảng giải, khai triển bốn thánh đế, hướng dẫn tu tập chứng quả Dự lưu, còn tôn giả Mục-kiền-liên có thể hướng dẫn tu tập đến quả vị A-la-hán. Nói xong Phật đi vào tinh xá

Sau đó tôn giả Xá-lợi-phất giảng rộng về bốn chân lý như sau:

Thánh đế về khổ: Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ ưu não là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Sinh là sự tái sinh của mỗi loài chúng sinh, sự xuất hiện các uẩn, sự có ra các căn. Già là trạng thái các căn hủy hoại, tuổi thọ bị rút ngắn. Chết là sự tận diệt các uẩn, sự quăng bỏ tử thi. Sầu là cảm thọ đau khổ khi bị tai nạn này khác. Bi là khóc lóc than van

khi gặp tai nạn, đau khổ. Khổ là sự không sáng khoái về thân, do thân cảm thọ. Ưu là sự đau đớn về tâm, sự không sáng khoái trong lòng, do tâm cảm thọ. Não là sự tuyệt vọng não nề nơi những ai gặp tai nạn, đau khổ. Cầu không được là khi chúng sinh bị những khổ về sanh, già chết sâu bi khổ ưu não... chi phối, mong rằng mình không còn bị những khổ ấy chi phối nhưng lời mong cầu đó không được thành tựu. Tóm lại, năm thủ uẩn là sắc thọ tướng hành thức đều khổ.

Tập thánh đế là tham ái đưa đến tái sanh, đi kèm hỷ và tham. Khổ diệt thánh đế là sự diệt tận tham ái ấy, sự giải thoát khỏi tham ái ấy. Khổ diệt đạo thánh đế là thánh đạo tám ngành, đó là: Chánh kiến tức thấy như thật về bốn chân lý. Chánh tư duy là tư duy vô sân, ly dục, bất hại. Chánh ngữ là tự chế bốn kiểu nói láo là nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, nói phù phiếm. Chánh nghiệp là không sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Chánh mạng là từ bỏ tà mạng. Chánh tinh tấn là đối với các bất thiện chưa sanh, nỗ lực khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; với ác đã sanh, khởi lên quyết tâm trừ diệt; với thiện pháp chưa sanh, nỗ lực khiến cho sanh khởi, với thiện pháp đã sanh, nỗ lực khiến cho tăng trưởng, phát triển đi đến viên mãn. Chánh niệm là ngay trên thân tâm này mà quán thân, thọ, tâm, pháp, tinh cần tinh giác để diệt tham ưu về thế gian này. Chánh định là ly dục ly bất thiện pháp, chứng trú thiền thứ nhất một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm có tứ; thiền thứ hai với hỷ lạc do định sanh không tầm tứ; thiền thứ ba không còn hỷ gọi là xả niệm lạc trú; thiền thứ tư không khổ không lạc, có niệm thanh tịnh nhờ xả. Đây là thánh đế về con đường diệt khổ. Chúng tỳ kheo hoan hỷ tín thọ lời thuyết giảng của tôn giả Xá-lợi-phất.



### III. CHÚ GIẢI

Một cách giảng tứ diệu đế theo ngôn ngữ ngày nay là: Khổ là hậu quả của một lối sống vô ý thức về nhiều mặt; Tập là lối sống vô ý thức ấy; Diệt là sự hết khổ nhờ lối sống hoàn toàn được thắp sáng với ý thức hay chánh niệm tỉnh giác trong mọi lúc; đạo là lối sống có chánh niệm, có ý thức vào mọi lúc. Hay nói cách khác, đạo là cách sống có ý thức ở tám phương diện: thấy có ý thức, suy nghĩ có ý thức, nói có ý thức, làm có ý thức, sinh nhai có ý thức, siêng năng có ý thức, nhớ có ý thức, tập trung có ý thức. Chỉ khi vô ý thức thì ta mới đau khổ vì thấy những gì không đáng thấy, nghĩ những cái không đáng nghĩ, nhớ những gì không đáng nhớ, làm những gì không đáng làm, vôn vôn.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KÊ TỤNG

Phật dạy các tỷ kheo:  
Sự khai thị bốn đế  
Về Khổ, Tập, Diệt, Đạo  
Là Pháp luân vô thượng  
Được Như Lai chuyển vận  
Đầu tiên tại vườn Nai  
Trên cả thế gian này  
Với chư thiên, ma, phạm  
Không ai chặn đứng được  
Hay là quay ngược lại.

Tỳ kheo hãy thân cận  
Xá-lợi và Mục-liên  
Những trí giả, hiền giả  
Sách tấn đồng phạm hạnh.

Xá-lợi-phất, mẹ sinh  
Khai diễn bốn Thánh đế  
Hướng dẫn cho tu tập  
Chứng đến quả Dự lưu  
Mục-kiền-liên, mẹ dưỡng  
Dẫn đến quả La-hán.

Sau khi Phật vào nghỉ  
Tôn giả Xá-lợi-phất  
Giảng cho chúng tỳ kheo  
Bốn chân lý vi diệu.

Một, thánh đế về Khổ:  
Sinh, Già, Bệnh, Chết khổ,  
Sầu, Bi, Khổ, Nỗi, Ưu  
Cầu không được là khổ.  
Tóm lại năm thủ uẩn  
Tức có thân là khổ.

Sinh là sự tái sinh  
Của mỗi loài chúng sinh,  
Sự xuất hiện các uẩn,  
Sự có ra các căn.  
Già là căn hủy hoại  
Tuổi thọ bị rút ngắn.  
Chết là diệt các uẩn,  
Sự quăng bỏ tử thi.  
Sầu là nỗi đau khổ

Bị tai nạn này khác.  
Bi, khóc lóc thở than  
Mỗi khi gặp khổ nàn.  
Khổ là nỗi đau nhức  
Do thân xác cảm thọ.  
Ưu là tâm đau đớn  
Không sáng khoái trong lòng.  
Não, tuyệt vọng não nề  
Khi gặp các tai ương.  
Khổ về cầu không được  
Là khi chúng sinh khổ  
Về nỗi sinh, già chết  
Sâu, bi, khổ, não, ưu  
Cứ mong sao hết bị  
Những khổ này chi phối  
Nhưng cầu có được đâu?  
Tóm lại năm thủ uẩn  
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức  
Bị nhiễm vì chấp thủ  
Chính là một đồng khổ.

Thứ hai, Tập thánh đế:  
Tham ái khiến tái sinh  
Đi kèm hỷ và tham  
Tái hiện ở ba cõi  
Dục sắc và vô sắc.

Ba, Khổ diệt thánh đế  
Sự diệt tận tham ái  
Giải thoát nó hoàn toàn.

Khổ diệt đạo thánh đế  
Là Thánh đạo Tám ngành:  
Chánh kiến, thấy như thật  
Bốn chân lý nói trên  
Chánh tư duy, suy nghĩ  
Không kèm dục, sân, hại.  
Chánh ngữ là tự chế  
Không nói dối, hai lưỡi,  
Nói ác khẩu, phù phiếm.  
Chánh nghiệp, không sát sinh  
Trộm cắp và dâm dục.  
Chánh mạng, bỏ tà mạng,  
(Sinh nhai hại mình, người.)  
Chánh tinh tấn, bốn siêng:  
Các bất thiện chưa sinh  
Siêng khiến không sinh khởi;  
Các bất thiện đã sinh  
Siêng quyết tâm trừ diệt;  
Với thiện pháp chưa sinh,  
Siêng làm cho sinh khởi,  
Với thiện pháp đã sinh,  
Siêng làm chúng tăng lên.  
Chánh niệm là luôn luôn

Quán thân, thọ, tâm, pháp,  
Ngay nơi thân tâm này  
Luôn tinh cần tỉnh giác  
Diệt tham ưu sự đời.  
Chánh định là ly dục  
Và ly bất thiện pháp,  
Chứng trú thiền thứ nhất  
Hỷ lạc ly dục sinh  
Còn có tâm, có tứ;  
Nhị thiền, không tâm tứ  
Hỷ lạc do định sinh;  
Tam thiền, không còn hỷ  
Chỉ còn xả với lạc  
Gọi xả niệm lạc trú,  
Tứ thiền, không khổ lạc,  
Chỉ còn duy nhất xả  
Gọi xả, niệm thanh tịnh.

Đây chính là Thánh đế  
Về Con đường Diệt khổ  
Mà Thế Tôn tuyên thuyết  
Không ai quay ngược được  
Pháp luân vô thượng này.



Kinh số 142

## Cúng dường phân biệt (*Dakkhinaṅgaha Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*The Exposition of Offerings.*

*The Buddha enumerates fourteen kinds of personal offerings and seven kinds of offerings made to the Sangha.*

*Trình bày về các sự cúng dường.*

*Phật kể ra 14 loại cúng dường cá nhân và bảy loại cúng dường cho tập thể.*

### II. TÓM TẮT

Một hôm bà di mẫu của Phật đến cúng dường Ngài một cặp y mới do chính tay bà dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Phật dạy bà hãy đem cúng dường Tăng chúng, thì cũng như cúng dường cả Phật và Tăng. Bà năn nỉ ba lần, Phật vẫn dạy như trên.

Thấy thế tôn giả A-nan xin Phật nhận cặp y vì bà Di mẫu có ơn nuôi dưỡng Ngài từ lúc sơ sinh sau khi Ma-gia hoàng hậu từ trần. Và chính Phật cũng đã giúp bà quy y Tam bảo, giữ năm giới, có lòng tin bất động đối với Phật Pháp Tăng và Giới. Chính nhờ đức Thế Tôn mà bà hết hoài nghi đối với bốn thánh đế Khổ Tập Diệt Đạo. Đức Thế Tôn xác nhận đúng như thế, và dạy nếu ai nhờ một người nào mà được quy y Tam bảo, giữ năm giới, có tinh tín đối với Tam bảo và giới luật, hết nghi ngờ về bốn chân lý, thì không có sự đền ơn nào cho tương xứng.

Kế tiếp Phật dạy có 14 loại bố thí: Trên hết là cúng dường đức Như Lai, Ứng cúng Chánh đẳng giác, kể đến tuần tự: 2/ Độc giác; 3/ Các vị đã chứng quả A-la-hán; 4/ Các vị trên đạo lộ A-la-hán; 5/ Bất hoàn quả; 6/ Bất hoàn đạo; 7/ Nhất lai quả; 8/ Nhất lai đạo; 9/ Dự lưu quả; 10/ Dự lưu đạo; 11/ Vị ngoại học (bāhiraka) ly tham; 12/ phàm phu giữ giới; 13/ phàm phu phá giới; 14/ các loại bàng sanh. Trong đó, bố thí cho bàng sanh đem lại một trăm công đức (lợi ích), cho phàm phu phá giới một ngàn công đức, cho phàm phu giữ giới một trăm ngàn công đức, cho ngoại học ly tham một trăm ngàn ức công đức. Bố thí cho các vị ở Dự lưu đạo có hy vọng đem lại vô số công đức, hướng hô các vị đã chứng Dự lưu quả và trên nữa cho đến cúng dường Phật?

Lại nữa, đối với tăng chúng có bảy loại cúng dường: Một là cúng Phật tại thế và hai bộ tăng là nhất. Thứ đến là sau khi Phật Niết-bàn, cúng dường cả hai bộ tăng. Thứ ba là cúng dường Tăng bộ. Thứ tư là cúng dường Ni bộ. Thứ năm là cúng một số tăng và một số ni theo chỉ định của tăng. Thứ sáu là cúng riêng một số ni theo chỉ định. Trong tương lai có những hạng ác tăng khoác áo ca sa nhưng mặc dù vậy, sự bố thí cho họ cũng được công đức vô lượng khi người bố thí muốn qua họ mà cúng dường tăng bảo.

Cuối cùng Phật dạy về bốn sự thanh tịnh do bố thí: Một là thanh tịnh bởi người cho; là người cho giữ giới, theo thiện pháp, người nhận phá giới theo ác pháp. Hai là thanh tịnh do người nhận; là người nhận giữ giới theo thiện pháp còn người cho thì ngược lại. Ba là cả người cho lẫn người nhận đều thanh tịnh, là cả hai bên đều có giới. Bốn là cả người cho lẫn người nhận đều không thanh tịnh; là cả hai bên đều phá giới.

Và sự bố thí thanh tịnh nhất là khi người cho người nhận đều có giới; vật thí đúng pháp; cho với tâm hoan hỷ vững tin vào nghiệp quả.

### III. CHÚ GIẢI

Kinh này dễ hiểu.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Một hôm bà di mẫu  
Đến cúng dường đức Phật  
Một cặp y đặc biệt  
Bà dệt cho Thế Tôn.  
Phật dạy nên cúng dường  
Cho toàn thể chúng tăng  
Với Phật vị dẫn đầu  
Hơn là riêng cúng Phật.  
Sau ba lần năn nỉ,  
Phật vẫn dạy như trên.  
Tôn giả Ānanda  
Thương tình bèn can thiệp  
Xin Ngài nhận cặp y  
Bởi vì bà Di mẫu  
Có ơn cho bú mớm  
Có công lao nuôi dưỡng  
Lúc sanh mẫu mệnh chung  
Và cũng nhờ Thế Tôn  
Mà bà theo Tam Bảo,  
Thọ trì năm cấm giới,  
Có lòng tin bất động  
Ở Phật Pháp Tăng Giới.  
Chính nhờ đức Thế Tôn



Mà bà hết hoài nghi  
Vê Khổ, Tập, Diệt, Đạo  
Bốn chân lý cao cả.  
Phật xác nhận đúng thế,  
Nếu ai nhờ người nào  
Được quy y Tam bảo,  
Thọ trì năm cấm giới  
Tịnh tín, hết nghi ngờ  
Bốn chân lý cao cả,  
Thì cái ơn lớn ấy  
Khó tương xứng đáp đền.

Kế tiếp Thế Tôn dạy  
Mười bốn loại bố thí  
Trên hết là cúng Phật  
Như Lai Chánh đẳng giác,  
Tuần tự tiếp theo đó:  
Độc giác rồi La-hán;  
Trên đường chúng La-hán;  
Bất hoàn quả và đạo;  
Nhất lai quả và đường;  
Dự lưu quả và đạo;  
Vị ngoại học ly tham;  
Phàm phu có giữ giới;  
Phàm phu không giữ giới;  
Đến các loại bàng sanh.  
Trong mười bốn loại ấy  
Bố thí cho bàng sanh  
Cũng có trăm công đức  
Cho phàm phu phá giới  
Được một ngàn công đức,  
Cho phàm phu giữ giới

Một trăm ngàn công đức,  
Cho ngoại học ly tham  
Trăm ngàn ức công đức.  
Cho vị Dự lưu đạo  
Có vô số công đức,  
Huống là Dự lưu quả  
Cho đến cúng Như Lai?

Lại đối với tăng chúng  
Có bảy loại cúng dường:  
Phật và hai bộ tăng  
Lúc còn sinh tiền Phật  
Là cúng dường bậc nhất.  
Đến cúng hai bộ tăng  
Sau khi Phật Niết-bàn,  
Rồi đến cúng Tăng bộ  
Thứ tư, cúng Ni bộ.  
Thứ năm, xin đại chúng  
Chỉ định ít tăng, ni,  
Sáu, cúng một số tăng  
Theo tăng chúng chỉ định.  
Bảy, cúng một số ni.  
Trong tương lai sẽ có  
Ác tăng khoác ca sa  
Nhưng cúng dường tăng chúng  
Công đức vẫn to lớn  
Hơn phân loại cá nhân.

Và cuối cùng Phật dạy  
Về bốn kiểu thanh tịnh  
Trong hành vi bố thí:  
Một, sạch bởi người cho

Giữ giới, theo thiện pháp,  
Còn người nhận phá giới.  
Hai, sạch do người nhận  
Khi người nhận giữ giới  
Người cho thì ngược lại.  
Ba là sạch hai chiều  
Người cho lẫn kẻ nhận  
Bốn, cả hai không sạch.  
Sự bố thí sạch nhất  
Khi người cho kẻ nhận  
Đều có giới, theo thiện;  
Vật bố thí đúng pháp;  
Cho với tâm hoan hỷ;  
Vững tin vào nghiệp quả.  
Bố thí được như vậy  
Là quảng đại tài thí.



Kinh số 143

## **Giáo giới Cấp Cô Độc** *(Anathapindikovada Sutta)*

### **I. TOÁT YẾU**

#### *Advice to Anathapindika.*

*The venerable Sariputta is called to Anathapindika's deathbed and gives him a stirring sermon on non-attachment.*

#### **Lời khuyên trưởng giả Cấp Cô Độc.**

*Tôn giả Xá-lợi-phất được mời đến bên tử sàng của trưởng giả. Ngài nói cho ông một pháp thoại gây nhiều cảm hứng về sự không chấp thủ.*

### **II. TÓM TẮT**

Trưởng giả Cấp Cô Độc bệnh nặng, sai người nhân danh ông đến đánh lễ đức Thế Tôn và đến cầu thỉnh tôn giả Xá-lợi-phất về trú xứ mình. Tôn giả cùng đi với tôn giả A-nan đến thăm và thuyết pháp cho ông. Tôn giả dạy ông hãy tu tập như sau: Ta sẽ không chấp thủ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sẽ không có thức y cứ vào sáu căn; Ta sẽ không chấp thủ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và sẽ không có thức y cứ vào sáu trần. Ta sẽ không chấp thủ nhãn thức, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý thức và sẽ không có thức y cứ vào sáu cái biết ấy. Ta sẽ không chấp thủ nhãn xúc đến ý xúc (sáu xúc) và sẽ không có thức y cứ vào sáu xúc; Ta sẽ không chấp thủ sáu thọ (do sáu xúc sanh) và sẽ không có thức y cứ sáu thọ. Ta sẽ không chấp thủ sáu đại (giới: địa thủy hỏa phong không thức) và sẽ không có thức y cứ sáu đại. Ta sẽ không chấp thủ 5 uẩn và sẽ không có thức y cứ năm uẩn. Ta sẽ không chấp thủ bốn không và sẽ không có thức y cứ bốn

không (Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu và Phi tướng phi phi tướng). Ta sẽ không chấp thủ thế giới này hay thế giới khác và sẽ không có thức y cứ vào thế giới này hay thế giới khác. Ta sẽ không chấp thủ những gì được thấy, nghe, cảm thọ, nhận thức, mong cầu, suy xét, và sẽ không có thức y cứ vào những pháp ấy.

Nghe xong bài Pháp vi diệu, cư sĩ Cấp Cô Độc sa nước mắt. Khi tôn giả hỏi ông có sao không, ông đáp dù đã hầu hạ đức Phật và chư tăng lâu ngày, ông chưa từng nghe một thời pháp nào như thế. Khi ấy tôn giả cho ông biết rằng pháp này thường không nói cho cư sĩ mà chỉ nói cho hàng xuất gia. Trưởng giả Cấp Cô Độc xin tôn giả hãy thuyết pháp như vậy cho hàng cư sĩ, vì có những người ít niềm ô có thể hiểu được Pháp mà nếu không được nghe, họ sẽ bị rơi rụng.

Sau khi hai vị tôn giả ra về, trưởng giả mệnh chung và sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thiên tử Cấp Cô Độc khi đêm gần tàn, với dung sắc chói sáng toàn cảnh vườn Kỳ viên, đi đến đánh lễ Thế Tôn và nói lên một bài kệ ca ngợi Phật và pháp do Phật thuyết đã giúp chúng sinh đạt đến thanh tịnh, giải thoát.

### III. CHÚ GIẢI

Kinh này cho thấy chương trình giảng dạy của Phật và các vị thánh đệ tử đương thời đối với hàng cư sĩ tại gia. Một người như trưởng giả Cấp Cô Độc mà đến chết mới được nghe giáo lý vô ngã (tánh không) vi diệu thì đủ biết, giáo lý ấy không thể được truyền một cách không chọn lựa cho bất cứ ai. Chỉ có những người căn tánh và lòng tin đã thuần thực mới nên nghe pháp ấy; nếu không, sẽ rất nguy hiểm cho họ.

Vô ngã ở đây được giảng dạy là không chấp thủ, nghĩa là ý thức không mắc dính vào bất cứ gì thuộc ngoại giới hay nội tâm. Câu không chấp thủ, không có thức y cứ vào... có thể hiểu như là không xem đây là ta, của ta, trong kinh 140.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Trưởng giả Cấp Cô Độc  
Lâm bệnh sắp mệnh chung  
Sai người nhân danh ông  
Đến đánh lễ đức Phật.  
Lại chuyển lời cầu thỉnh  
Tôn giả Xá-lợi-phất  
Đi đến trú xứ mình.  
Tôn giả cùng A-nan  
Đến thăm và thuyết pháp  
Dạy ông hãy tu tập:

Ta sẽ không chấp thủ  
Vào mắt, tai, mũi, lưỡi,  
Thân và ý (sáu căn)  
Và sẽ không có thức  
Y cứ vào sáu căn;

Ta sẽ không chấp thủ  
Vào sắc, thanh, hương, vị,  
Xúc và pháp (sáu trần)  
Và sẽ không có thức  
Y cứ vào sáu trần.

Ta sẽ không chấp thủ  
Vào các thức: nhĩ, tĩ,  
Thiệt, thân, và ý thức  
Và sẽ không có thức  
Y cứ sáu cái biết.

Ta sẽ không chấp thủ  
Nhân xúc đến ý xúc  
Và sẽ không có thức  
Y cứ vào sáu xúc;

Ta sẽ không chấp thủ  
Sáu thọ do xúc sanh  
Và sẽ không có thức  
Y cứ vào sáu thọ.

Ta sẽ không chấp thủ  
Sáu đại: địa thủy hỏa  
Phong không và thức đại  
Và sẽ không có thức  
Y cứ sáu đại này.

Ta sẽ không chấp thủ  
Sắc thọ tướng hành thức  
Và sẽ không có thức  
Y cứ vào năm uẩn.

Ta sẽ không chấp thủ  
Vào Không vô biên xứ...  
Vào Thức vô biên xứ  
Vào Vô sở hữu xứ

Vào Phi tướng phi phi  
Và sẽ không có thức  
Y cứ vào bốn không.

Ta sẽ không chấp thủ  
Thế giới này hay khác  
Và sẽ không có thức  
Y cứ đời này khác.

Ta sẽ không chấp thủ  
Những gì được thấy, nghe,  
Cảm thọ hoặc nhận thức,  
Mong cầu hay suy xét,  
Và sẽ không có thức  
Y cứ những pháp này.

Nghe xong Pháp vi diệu,  
Trưởng giả Cấp Cô Độc  
Đột nhiên sa nước mắt:  
Dù con đã hầu hạ  
Phật và tỷ kheo tăng  
Trong một thời gian dài  
Con chưa từng được nghe  
Thời pháp nào như thế.  
Tôn giả bảo ông rằng  
Pháp này chỉ được nói  
Cho những vị xuất gia.

Trưởng giả Cấp Cô Độc  
Xin tôn giả từ nay  
Hãy thuyết pháp như vậy



Cho cư sĩ tại gia,  
Vì cũng có những người  
Chỉ vướng ít bụi đời  
Sẽ hiểu được chánh pháp  
Và khỏi bị rụng rơi.

Sau trưởng giả mệnh chung  
Sinh lên trời Đâu-suất  
Khi đêm đã gần tàn,  
Với dung sắc chói sáng  
Toàn cảnh vườn Kỳ viên,  
Đến đánh lễ Thế Tôn  
Nói lên một bài kệ  
Ca ngợi Phật và Pháp  
Đã giúp nhiều chúng sinh  
Đạt thanh tịnh, giải thoát.



Kinh số 144  
**Giáo giới Channa**  
(*Channovada Sutta*)

**I. TOÁT YẾU**

*Advice to Channa.*

*The venerable Channa, gravely ill, takes his own life despite the attempts of two brother-monks to dissuade him.*

*Lời khuyên Channa.*

*Tôn giả Channa ốm nặng, đã tự kết liễu mạng sống mặc dù hai vị tỷ kheo huynh đệ đã cố can ngăn.*

**II. TÓM TẮT**

Tôn giả Channa bị bệnh nặng, hai tôn giả Sāriputta và Mahācunda đến thăm. Channa bày tỏ ý định sẽ tự đâm cổ vì quá đau đớn không muốn sống nữa. Tôn giả Sāriputta khuyên can, hứa cung cấp thực phẩm, dược phẩm và người hầu hạ nhưng Channa không cần vì chỉ muốn chết, viện cứ rằng mình đã sống đời tu hành một cách trọn vẹn, đã hầu hạ đức Thế Tôn, làm Ngài đẹp lòng, nên chết sẽ không phạm tội.

Khi ấy tôn giả Sāriputta hỏi thái độ của Channa đối với mắt, nhãn thức, các pháp được mắt nhận thức... cho đến ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức (18 giới: sáu căn sáu trần sáu thức). Channa đáp tất cả tôi đều xem không phải là tôi, của tôi hay tự ngã của tôi; do vì đã thấy đã chứng tri sự diệt trong các pháp ấy.

Khi nghe vậy, tôn giả Mahācunda nhắc tôn giả Channa nên thường tác ý lời dạy của Thế Tôn rằng: Ai có chấp

trước là có giao động, không chấp trước thì có khinh an. Có khinh an thì không hi cầu; không hi cầu thì không khứ lai; không khứ lai thì không sống chết; không sống chết thì không có đời này, đời sau và đời chặng giữa, và như vậy là đoạn tận khổ đau.

Sau khi hai tôn giả thăm bệnh ra về, Channa tự sát bằng con dao. Sāriputta bèn hỏi Phật về chỗ tái sanh của vị ấy. Phật hỏi có phải tỷ kheo Channa tuyên bố trước Sāriputta rằng mình đã không phạm tội hay không? Sāriputta tỏ vẻ hoài nghi, bạch Phật rằng lúc sinh thời, Channa thường lui tới những gia đình đáng chê trách trong làng Pubbajira của dòng họ Vajji. Phật dạy việc đó không khiến ông ta phạm tội. Ai quăng bỏ thân này chấp thủ thân khác mới là có phạm tội. Tỷ kheo Channa không vậy, nên dù có tự sát cũng không sao.

### III. CHÚ GIẢI

Kinh này là một kinh hiếm có nhất cho ta thấy quan niệm của Phật về tự sát. Phật có lên án việc tự sát hay không? Điều này không thể trả lời dứt khoát mà cần phân tích. Cái nhìn của Phật ở đây rất rộng rãi, đầy trí tuệ. Vị tỷ kheo Channa vì quá đau đớn không chịu nổi, đã tự sát với con dao. Khi Xá-lợi-phất hỏi Phật việc làm ấy có phạm tội không, Phật cho biết vì ông ta trước khi chết không ham có một cái thân khác, nên không phạm. Khi dùng con dao là ông ấy muốn chấm dứt cái khổ hiện tại là cơn đau, vì ông đã chấm dứt khổ vĩnh viễn luân hồi sinh tử, không hướng đến một đời sống khác. Và ai tự sát kiểu ấy thì vô tội. Đa số người tự sát là vì ham sống một đời sống tốt đẹp hơn nhưng chưa thỏa mãn, nên họ tự sát trong tâm trạng ám ức và đương nhiên không thoát khỏi nhập thai trở lại, vì tái sinh là để thỏa mãn những mong cầu ham muốn chưa được thỏa mãn.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Channa lâm trọng bệnh  
Xá-lợi-phất, Thuần Đà  
Hai tôn giả đến thăm.

Vì đau không chịu nổi  
Không còn ham muốn sống  
Ông bày tỏ ý định  
Tự sát bằng dao đâm

Hai tôn giả khuyên can  
Hứa đem lại đồ ăn  
Dược phẩm và người hầu  
Nhưng Channa thoái thác:  
Tôn đã chọn đường tu  
Đã hầu hạ đức Phật,  
Làm Thế Tôn đẹp lòng  
Nên tự sát không lỗi.

Tôn giả Xá-lợi-phất  
Hỏi tỷ kheo Channa  
Về con mắt, nhãn thức,  
Các pháp mắt nhận thức  
Cho đến ý, ý thức  
Những gì ý nhận thức  
(tức là mười tám giới  
thuộc căn trần và thức)  
Ông thấy như thế nào?

Tôn giả Channa đáp  
Chúng không phải của tôi,  
Cũng không phải là tôi  
Hay tự ngã của tôi.  
Do đâu mà thấy thế  
Do vì đã chứng tri  
Sự diệt ở trong đấy.  
Khi nghe nói như vậy  
Tôn giả Đại Thuần-đà  
Bèn nhắc nhở Channa  
Nên thường xuyên tác ý  
Lời dạy của Thế Tôn:

Ai còn có chấp trước  
Là còn có giao động  
Không chấp có khinh an.  
Có khinh an, không cầu;  
Không cầu, hết khú lai,  
Và không còn sống chết,  
Khi không còn sống chết  
Thì không có đời này,  
Đời sau, đời chặng giữa,  
Như vậy dứt khổ đau.

Hai tôn giả ra về,  
Channa liền tự sát  
Xá-lợi-phất hỏi Phật  
Vị ấy sinh về đâu?

Phật hỏi Xá-lợi-phất  
Phải chăng là Channa  
Đã tuyên bố với ông  
Rằng mình không phạm tội?

Xá-lợi-phất bạch Phật:  
Ông ấy thường giao du  
Với tục gia cư sĩ  
Thuộc giòng họ Bạt-kỳ.

Phật dạy không hề gì  
Không phải vì việc đó  
Khiến ông ta phạm tội.  
Ai quăng bỏ thân này  
Và chấp thủ thân khác  
Mới là có phạm tội.  
Channa không như vậy,  
Nên dù có tự sát  
Cũng không phạm tội gì.



Kinh số 145  
**Giáo giới Phú-lâu-na**  
(*Punnovada Sutta*)

**I. TOÁT YẾU**

*Advice to Punna.*

*The bhikkhu Punna receives a short exhortation from the Buddha and decides to go live among the fierce people of a remote territory.*

*Lời khuyên Punna.*

*Tỷ kheo Punna nhận một lời khích lệ của Phật và quyết định đến sống giữa dân chúng dữ dằn tại một xứ xa xôi.*

**II. TÓM TẮT**

Tôn giả Phú-lâu-na đến xin Phật giáo giới vắn tắt trước khi ông đi nhập thất tu hành. Phật dạy có các sắc do mắt nhận thức có liên hệ đến dục, hấp dẫn; nếu tỷ kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ, tham đắm trong ấy, hân hoan sanh. Từ sự tập khởi của hân hoan, có tập khởi của khổ. Nếu không hoan hỷ, tán thưởng... thì hân hoan diệt. Từ sự diệt tận của hân hoan có sự diệt tận của khổ. Đối với thanh hương vị xúc pháp cũng thế.

Sau khi giáo giới vắn tắt như vậy, đức Thế Tôn hỏi tôn giả sẽ đi đâu. Tôn giả thưa, sẽ đến xứ Du-na (Sunāparanta) ở phía tây.

Phật dạy, dân xứ đó rất thô ác hung bạo, nếu họ mắng nhiếc nhục mạ ông thì sao. Phú-lâu-na đáp: Con sẽ nghĩ rằng họ vẫn còn hiền, vì họ không dùng tay đánh đập con.

Nếu họ dùng tay đánh ông thì sao? Bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ họ còn tốt, vì dùng tay đánh chứ không ném đất vào con.

Nếu họ lại ném đất vào người? Dạ con sẽ nghĩ họ vẫn còn tốt vì không dùng gậy mà đánh con.

Nếu họ đánh cả gậy? Thì con sẽ nghĩ họ còn tốt vì chưa dùng dao mà đánh.

Nếu họ đánh con bằng dao, con sẽ nghĩ họ vẫn còn tốt vì chỉ đánh chứ chưa dùng dao sắc để đoạt mạng con.

Nếu họ lấy dao sắc bén đoạt mạng con, con sẽ nghĩ rằng có những đệ tử của Thế Tôn nhằm chán thân thể và sinh mạng nên đã tìm con dao tự sát. Nay con không cần tìm mà vẫn được con dao.

Phật dạy Phú-lâu-na, nếu có đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh ấy, tôn giả có thể đến sống tại xứ kia. Sau khi đến đấy chỉ trong một mùa an cư, tôn giả đã hóa độ cho nhiều cư dân và chúng ba minh. Khi nghe tôn giả mệnh chung, chúng tỳ kheo đến hỏi Phật chỗ tái sanh của tôn giả. Phật dạy vị ấy đã nhập Niết-bàn.

### III. CHÚ GIẢI

Do có hân hoan mới có khổ; không hân hoan thì không khổ. Thái độ không hân hoan này không phải chán đời mà là hỷ túc: vui với bất cứ hoàn cảnh nào gặp phải; giải thoát mọi ham muốn.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*



## V. KÊ TỤNG

Tôn giả Phú-lâu-na  
Đến xin thỉnh giáo Phật  
Trước khi đi tha phương  
Để du hành du hóa.

Phật giáo giới vấn tất:  
Các sắc mắt nhận thức  
Có liên hệ đến dục,  
Khả ái và hấp dẫn;  
Nếu tỳ kheo hoan hỷ,  
Tán thưởng và chấp thủ  
Tham đắm trong sắc ấy,  
Thì hân hoan sinh ra.  
Do hân hoan, có khổ.  
Không đam mê trong đó  
Thì hân hoan cũng diệt  
Do vui diệt, khổ diệt.  
Với thanh hương vị xúc  
Và pháp cũng như vậy.

Rồi đức Thế Tôn hỏi  
Tôn giả sẽ đi đâu?  
Con đến xứ Du-na  
Và sẽ sống tại đấy.  
Này hỡi Phú-lâu-na  
Dân xứ đó hung ác  
Nếu lỡ chúng mắng nhiếc  
Nhục mạ ông thì sao?

Bạch Thế Tôn, con nghĩ  
Họ vẫn còn hiền thiện,  
Vì không dùng tay đánh

Nếu họ lại đánh ông?  
Con thấy họ còn tốt,  
Vì chỉ dùng tay đánh  
Không ném đất vào con.

Nếu người bị ném đất?  
Con nghĩ họ còn tốt  
Vì không đánh bằng gậy

Nếu họ dùng gậy đánh?  
Con sẽ thấy họ tốt  
Vì chưa dùng đến dao  
Nếu họ đánh bằng dao,  
Con nghĩ họ vẫn tốt  
Vì không dùng dao bén  
Đến nỗi đoạt mạng con.

Nếu họ lấy dao bén  
Đoạt mạng sống của con,  
Thì con sẽ nghĩ rằng  
Có những đệ tử Phật  
Vì nhàm chán thân thể  
Tìm con dao tự sát.  
Nay con không cần tìm  
Mà vẫn được con dao...

Phật dạy Phú-lâu-na,  
Đây đủ sự nhiếp phục  
Và an tịnh như thế,  
Tôn giả có thể đi  
Đến sống tại xứ kia.  
Sau một mùa an cư,  
Tại xứ Du-na ấy  
Tôn giả đã hóa độ  
Cho rất nhiều cư dân  
Và đã chứng ba minh.

Khi tôn giả mệnh chung,  
Chúng tỳ kheo hỏi Phật  
Chỗ tái sanh tôn giả.  
Phật dạy: Phú-lâu-na  
Là một bậc hiền giả  
Thực hành Pháp, tùy Pháp  
Không phiền nhiễu Thế Tôn  
Vị thiện nam tử ấy  
Nay đã nhập Niết-bàn.



Kinh số 146  
**Giáo giới Nandaka**  
(*Nandakovada Sutta*)

**I. TOÁT YẾU**

*Advice from Nandaka.*

*The venerable Nandaka gives the nuns a discourse on impermanence.*

*Lời khuyên dạy của tôn giả Nandaka.*

*Tôn giả giảng cho ni chúng một bài pháp về vô thường.*

**II. TÓM TẮT**

Bà di mẫu đến nơi Phật để cầu giáo thọ. Phật hỏi tôn giả A-nan nay là phiên ai đi giáo giới cho tỳ kheo ni. Tôn giả A-nan đáp, là phiên của tôn giả Nandaka nhưng tôn giả không chịu đi. Phật cho gọi tôn giả buộc phải đi giáo giới cho ni. Tôn giả vắng lời.

Sau khi khát thực về, ăn xong, Ngài đến trú xứ của ni chúng. Ngài dặn trước thủ tục nói Pháp là vấn đáp và cho phép đặt câu hỏi. Ni chúng tán đồng với đề nghị ấy.

Rồi tôn giả hỏi: Con mắt là thường hay vô thường? Cái gì là vô thường thì khổ hay vui? Cái gì đã vô thường, khổ, bị biến hoại, thì có nên xem đây là tôi và tự ngã của tôi không? Hỏi như vậy về 6 nội xứ, 6 ngoại xứ, 6 thức. Các tỳ kheo ni đều đáp là vô thường, khổ, không nên xem là tôi và của tôi. Tôn giả bảo, như vậy là cái thấy đúng với chánh trí tuệ của thánh đệ tử.

Rồi Ngài lấy ví dụ một ngọn đèn dầu cháy với dầu, bấc, ngọn lửa, ánh sáng đều vô thường, biến hoại. Nếu có ai

bảo ánh sáng ngọn đèn ấy là thường trú thì có đúng không? Các ni đáp không, bởi vì ánh sáng ấy xuất phát từ những thứ vô thường là dầu, bấc, ngọn lửa. Tôn giả dạy: Cũng vậy, cảm thọ do duyên sáu nội xứ, mà 6 nội xứ đã vô thường, biến hoại nên cảm thọ cũng không thường hằng.

Ví dụ 2: Cây cổ thụ với rễ, thân, cành đều vô thường. Nếu ai bảo tuy vậy cái bóng cây thì thường, nói vậy có đúng không? Không đúng. Cũng vậy, sáu ngoại xứ là vô thường, nên ai nói các cảm thọ duyên sáu ngoại xứ là thường thì không đúng.

Ví dụ 3: Như một con bò đã bị cắt mọi dây gân, khớp bên trong, da bị lột và phủ trùm lại trên thân nó. Có thể bảo con bò còn nguyên vẹn được chăng? Không được. Tôn giả bảo: Thịt ám chỉ 6 nội xứ, da chỉ 6 ngoại xứ. Dây thịt dây gân và khớp bên trong là hỷ và tham. Con dao đồ tể là thánh trí tuệ. Với thánh trí tuệ này có thể cắt đứt phiền não, nội kết.

Rồi tôn giả dạy tu bảy giác chi (niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả) hướng đến ly tham, đoạn tận. Khi sung mãn bảy giác chi thì sẽ tự chứng vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

Sau thời pháp, chúng ni đánh lễ tôn giả xong, đi đến yết kiến Phật. Phật biết tâm họ chưa thỏa mãn nên sai tôn giả Nandaka đến giáo giới lần thứ hai. Sau lần thứ hai, họ đến lễ Phật, và Phật biết tất cả họ đều đã đắc quả, người tối thiểu cũng đắc quả Dự lưu không còn bị đọa lạc, và chắc chắn sẽ được giải thoát.

### III. CHÚ GIẢI

Kinh này dạy hai cách quán vô ngã:

- Một là nêu lên tính vô thường của mọi sự, nhất là năm uẩn thân tâm; rồi đặt câu hỏi vô thường là khổ hay vui; một cái gì đã vô thường, khổ thì có nên xem là ta hay của ta không? Đương nhiên là không nên.

- Cách thứ hai là phân tích sáu nội xứ (mắt tai mũi lưỡi thân ý), sáu ngoại xứ (sắc thanh hương vị xúc pháp) và sáu thức liên hệ, tất cả đều vô thường, nên cảm thọ hay cái tôi phát sinh từ đấy cũng không thể là thường. Như từ ngọn đèn mà dầu, bấc, ngọn lửa đều vô thường thì ánh sáng cũng vô thường. Thấy như vậy là thấy với chánh trí để đoạn tận khổ đau.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Bà di mẫu bạch Phật  
Để thỉnh cầu giáo thọ.  
Phật hỏi phiên vị nào  
Đi giáo giới cho ni.  
Tôn giả A-nan thưa,  
Phiên tôn giả Nanda  
Nhưng vị ấy từ khước.

Phật cho gọi tôn giả  
Dạy hãy đi giáo giới.  
Tôn giả phải vâng lời  
Đến trú xứ ni chúng  
Dùng cách thức hỏi đáp  
Để trình bày diệu pháp

Và cho đặt câu hỏi  
Ni chúng rất tán đồng.

Trước hỏi về sáu căn:  
Con mắt thường, vô thường?  
Cái gì đã vô thường  
Vậy là khổ hay vui?

Cái gì vô thường, khổ,  
Bị biến hoại, hủy diệt  
Có nên xem của tôi  
Là tôi, tự ngã tôi?  
(Tai, mũi, lưỡi, thân, ý  
Sáu ngoại xứ, sáu thức  
Cũng hỏi đáp như vậy.)

Các tử kheo ni đáp  
Tất cả mười tám thứ  
Đều vô thường, khổ, không  
Chẳng nên xem của tôi  
Là tôi, tự ngã tôi.  
Các chị thấy như vậy  
Là thấy đúng chánh trí  
Của bậc thánh đệ tử.

Rồi tôn giả ví dụ  
Ngọn đèn cháy với dầu,  
Bấc, ngọn lửa, ánh sáng  
Đều vô thường, biến hoại.  
Nếu có ai bảo rằng

Ánh sáng đèn là thường  
Thì có đúng hay không?

Thưa không, ánh sáng ấy  
Xuất phát từ vô thường  
Là dầu, bắc, ngọn lửa.  
Cũng vậy, các cảm thọ  
Do duyên sáu nội xứ,  
Luôn thay đổi biến hoại  
Nên thọ cũng không thường

Hoặc như cây cổ thụ  
Với rễ, thân, cành lá  
Đều luôn luôn thay đổi  
Nếu ai bảo tuy vậy  
Cái bóng cây là thường,  
Nói vậy có đúng không?  
Ni đáp là không đúng.

Cũng vậy, sáu ngoại xứ  
Sắc thanh... vốn vô thường  
Thọ từ đấy sinh ra  
Làm sao thường hằng được?

Như đồ tể mổ bò  
Trong cắt hết gân khớp  
Ngoài lột hết bộ da  
Trùm lại trên thân nó  
Còn nguyên chẳng thân bò?



Ni chúng đáp rằng không.  
Thịt chỉ sáu nội xứ,  
Da là sáu ngoại xứ.  
Gân và khớp bên trong  
Dụ cho hỷ và tham.  
Con dao của đồ tể  
Ví như thánh trí tuệ  
Cắt đứt các phiền não  
Những trói buộc trong tâm.

Các chị hãy tu tập  
Niệm, trạch pháp, tinh tấn,  
Hỷ, khinh an, định, xả  
Bảy chi phần giác ngộ  
Hướng ly tham, đoạn diệt.  
Bảy giác chi sung mãn  
Sẽ tự chứng vô lậu  
Tâm và tuệ giải thoát.

Thể theo lời Phật dạy  
Tôn giả Nandaka  
Giáo giới ni hai lần  
Ai nghe đều đắc quả,  
Tối thiểu là Dự lưu  
Không còn bị đọa lạc,  
Chắc chắn sẽ giải thoát.



Kinh số 147

## Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la

(*Cūlarāhulovada Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*The Shorter Discourse of Advice to Rāhula.*

*The Buddha gives Rāhula a discourse that leads him to the attainment of arahantship.*

*Bài kinh ngắn giảng cho La-hầu-la.*

*Phật giảng cho La-hầu-la một pháp thoại đưa Ngài đến chứng quả A-la-hán.*

### II. TÓM TẮT

Một hôm Phật nghĩ đã đến lúc huấn luyện thêm cho tôn giả Rahula trong việc đoạn tận các lậu hoặc, vì tôn giả đã thuần thục trong 15 pháp đem lại giải thoát [tức là tín, tấn, niệm, định, tuệ; 5 tuệ quán vô thường, khổ, vô ngã, từ bỏ, đoạn tận; và năm pháp: bạn lành, giới, thảo luận, tinh tấn, và tuệ.]

Sau bữa ngộ trai, Ngài dạy tôn giả hãy đem theo tọa cụ, cùng với Ngài đi vào rừng Andha. Sau khi tôn giả đánh lễ Phật và ngồi trên tọa cụ, Phật tuần tự hỏi tôn giả: Mắt, sắc, nhãn thức là thường hay vô thường? Cái gì vô thường là khổ hay vui? Cái gì đã vô thường, đau khổ, thì có hợp lý để xem nó là của tôi, là tôi, hay tự ngã của tôi không? Tôn giả đều thưa không.

Với tai, mũi, lưỡi, thân, ý (căn); thanh, hương, vị, xúc, pháp (trần); nhĩ thức, cho đến ý thức (thức) cũng vậy (18 giới). Kế tiếp Ngài hỏi tương tự như trên về nhãn xúc

cho đến ý xúc, và tôn giả cũng đáp như trên. Do xúc khởi lên thọ, tưởng, hành, thức, các pháp được khởi lên đều vô thường, khổ, không nên xem là của tôi, là tôi, là tự ngã của tôi.

Thế Tôn kết luận: Do thấy biết như vậy, đa văn thánh đệ tử yếm ly căn trần thức, yếm ly xúc thọ tưởng hành. Do yếm ly, vị ấy ly dục; do ly dục, vị ấy giải thoát. Khi giải thoát vị ấy biết tâm đã giải thoát. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.

Tôn giả Rahula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, tâm tôn giả giải thoát các lậu hoặc, không còn chấp thủ. Hàng ngàn chư thiên đã đi theo đức Phật cũng khởi lên Pháp nhãn ly trần vô cấu, thấy rằng: Tất cả những gì được khởi lên đều phải bị hoại diệt.

### III. CHÚ GIẢI

Khổ là do xem là tôi và của tôi, một cái vốn dĩ rất vô thường, đau khổ là cái thân xác này với những thọ, tưởng, hành, thức khởi lên từ đấy. Nhưng tất cả cái gì có khởi lên là có chấm dứt, nhờ thấy rõ như vậy mà khởi tâm chán lìa, ly tham, giải thoát. Trí này dường như được gọi là sinh diệt trí.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Phật thấy La-hầu-la  
Đã thuần thục các pháp  
Giúp đem lại giải thoát  
- Tín, tấn, niệm, định, tuệ -  
Một hôm ngộ trai xong,  
Ngài cho theo vào rừng.

Tại ngôi rừng An-dha  
Sau khi cùng an tọa  
Phật hỏi tôn giả rằng  
Con mắt, sắc, nhãn thức  
Là thường hay vô thường?  
Vô thường khổ hay vui?  
Cái gì vô thường, khổ,  
Thì có hợp lý chăng  
Xem là tôi, của tôi,  
Hay tự ngã của tôi?

Tôn giả đều thưa không.  
Vớ tai, mũi, lưỡi, thân,  
Ý; và đối tượng chúng  
(thanh, hương, vị, xúc, pháp);  
Nhĩ thức, cho đến ý thức  
Tức 18 giới đều vậy.  
Kế tiếp Ngài lại hỏi  
Nhãn xúc đến ý xúc,  
Tôn giả đáp như trên.  
Do xúc khởi lên thọ,  
Tưởng, hành, và thức,  
Các pháp được khởi lên  
Đều vô thường, đau khổ,  
Không nên xem của tôi,  
Là tôi, tự ngã tôi.

Thế Tôn bèn kết luận:  
Do thấy biết như vậy,  
Đa văn thánh đệ tử  
Yếm ly căn trần thức,

Chán xúc thọ tướng hành.  
Do yếm ly, lia dục;  
Do lia dục, giải thoát.  
Và vị ấy biết được:  
Tâm này đã giải thoát  
Sanh tận, phạm hạnh thành  
Việc nên làm đã làm  
Không còn trở lui lại.

Đức Thế Tôn giảng xong  
Tôn giả La-hầu-la  
Liên hoan hỷ tín thọ  
Tâm giải thoát lậu hoặc  
Hàng ngàn vị thiên nhân  
Cùng theo họ vào rừng  
Cùng khởi lên Pháp nhãn  
Thấy tất cả những gì  
Được sinh đều hoại diệt.



Kinh số 148

## Kinh Sáu sáu (*Chachakka Sutta*)

### I. TOÁT YẾU

*The Six Sets of Six.*

*An especially profound and penetrating discourse on the contemplation of all the factors of sense experience as not-self.*

*Sáu bộ sáu.*

*Một bản kinh hết sức thâm thúy sâu xa dạy cách quán mọi yếu tố thuộc kinh nghiệm giác quan đều là phi ngã.*

### II. TÓM TẮT

Phật gọi các tỷ kheo giảng về 6 nội xứ, 6 ngoại xứ, 6 thức, 6 xúc, 6 thọ, 6 ái. Thức do duyên căn và trần. Sự gặp gỡ của căn trần thức gọi là xúc. Do 6 xúc có 6 thọ. Do 6 thọ có 6 ái. Nói mắt, sắc hay nhãn thức là tự ngã là không hợp lý vì sự sinh diệt của chúng đã được thấy rõ. Phải đi đến kết luận rằng tự ngã sinh và diệt ở nơi tôi. Mắt, sắc và nhãn thức đều vô ngã, nên nhãn xúc cũng vậy. Cũng vậy là thọ và ái từ đấy sinh ra. Với tai mũi lưỡi thân ý (6 căn) cho đến 6 trần, 6 thức, 6 xúc, 6 thọ, 6 ái cũng thế, đều vô ngã. Ai thấy những pháp ấy là của tôi, là tôi, là tự ngã của tôi, thì đấy là sự tập khởi của thân kiến. Ai quán các pháp ấy không phải của tôi, không là tôi hay tự ngã của tôi, thì đấy là sự đoạn diệt của thân kiến.

Do duyên xúc giữa ba pháp căn trần thức, khởi lên các cảm thọ. Do cảm xúc lạc thọ, một người hoan hỷ, tán thán, ái trước, và tham tùy miên tăng. Do xúc khổ thọ, vị ấy sầu muộn, than khóc, và sân tùy miên tăng. Do cảm xúc bất

khổ bất lạc, không như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, nguy hiểm và giải thoát khỏi cảm thọ ấy, vô minh tùy miên tăng. Chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, không xả trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, không đoạn tận vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không làm cho minh sanh khởi, nên vị ấy không thể chấm dứt khổ đau. Nếu khi lạc thọ khởi lên vị ấy không ái trước tham đắm, khổ thọ khởi lên vị ấy không sầu muộn than van, và khi bất khổ bất lạc khởi lên vị ấy như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, nguy hiểm và giải thoát khỏi cảm thọ ấy, thì tham sân si tùy miên nơi vị ấy không tăng thêm. Do đoạn tận tham sân si tùy miên đối với cả ba thọ, vị ấy có thể ngay trong hiện tại, chấm dứt khổ đau. Do vậy, thánh đệ tử yếm ly căn trần thức xúc thọ ái. Do yếm ly, ly tham. Do ly tham, được giải thoát, và biết được tâm đã giải thoát. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này.

Sau khi Thế Tôn giảng như vậy, có sáu mươi tỷ kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

### III. CHÚ GIẢI

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu nội xứ, tiếp xúc với sáu ngoại xứ là sắc thanh hương vị xúc pháp, khởi lên sáu loại nhận thức. Do xúc giữa căn trần thức khởi lên 6 loại cảm thọ, do 6 loại thọ khởi sáu loại ái, gọi là sáu bộ sáu. Phật phân tích như thế để cho thấy trong đó không có một bản ngã cố định bất biến, nhờ thấy vậy nên không có những khuynh hướng thâm kín (tùy miên) tham, sân, si đối với loại thọ. Nhờ ly tham nên giải thoát. Kinh này cũng gần giống kinh 149 Đại lục xứ, chỉ trình bày hơi khác.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Phật gọi các tử kheo  
Giảng 6 nội ngoại xứ  
Thức, xúc, thọ, và ái  
Mỗi thứ đều gồm sáu.

Thức do duyên căn trần,  
Căn trần thức gặp gỡ  
Thành ra có sáu xúc.  
Từ xúc sinh thọ, ái.

Mất, sắc và nhãn thức  
Đều không phải tự ngã  
Vi sinh diệt của chúng  
Đã được thấy rõ ràng.  
Phải đi đến kết luận:  
Tự ngã sinh và diệt  
Ngay chính ở nơi tôi.

Mất, sắc và nhãn thức  
Quả thực đều vô ngã,  
Nên nhãn xúc cũng vậy.  
Cũng vậy thọ và ái  
Từ xúc mà sinh ra.  
Tai mũi lưỡi thân ý  
Năm căn kia cũng vậy  
Cũng vậy là sáu trần,  
Sáu thức và sáu xúc,



Sáu thọ cùng sáu ái  
Tất cả đều vô ngã.

Ai thấy những pháp ấy  
Là của tôi, là tôi  
Là tự ngã của tôi:  
Thì thân kiến tập khởi.  
Ai quán các pháp ấy  
Không của tôi, không tôi  
Hay tự ngã của tôi:  
Thân kiến ấy đoạn diệt.

Căn trần thức xúc tiếp,  
Khởi lên các cảm thọ.  
Do đắm trước lạc thọ,  
Tham tùy miên tăng lên.  
Do sầu than khổ thọ,  
Sân tùy miên tăng lên.  
Cảm xúc không khổ lạc:  
Vô minh tùy miên tăng,  
Vì không như thật biết  
Sự tập khởi, đoạn diệt,  
Vị ngọt và nguy hiểm  
Cùng với sự giải thoát  
Khởi các cảm thọ ấy.

Chính do không đoạn tận  
Tham tùy miên lạc thọ,  
Không trừ sân tùy miên  
Đối với các khổ thọ,  
Không đoạn si tùy miên

Bất khổ bất lạc thọ,  
Không làm mình sanh khởi,  
Nên vị ấy không thể  
Dứt khổ đến tận cùng.  
Nếu không tham lạc thọ  
Không buồn sầu khổ thọ  
Và khi không khổ lạc  
Như thật biết sinh diệt,  
Vị ngọt cùng nguy hiểm  
Và giải thoát cảm thọ,  
Tham sân si tùy miên  
Nơi vị ấy không tăng.  
Do đoạn tận tùy miên  
Đối với cả ba thọ,  
Vị ấy ngay hiện tại,  
Chấm dứt được khổ sâu.

Do vậy, thánh đệ tử  
Yếm ly căn trần thức  
Cho đến xúc thọ ái.  
Do yếm ly, ly tham.  
Do ly tham, giải thoát,  
Và tự mình biết được  
Tâm đã được giải thoát.  
Sanh tận, phạm hạnh thành,  
Việc nên làm đã làm,  
Một đi không trở lại.

Sau khi Thế Tôn giảng  
Có sáu mươi tỷ kheo  
Giải thoát không chấp thủ  
Thành tựu tận La-hán.



Kinh số 149  
**Đại kinh Sáu xứ**  
(*Mahāsalayatanika Sutta*)

## I. TOÁT YẾU

### *The Great Sixfold Base.*

*How wrong view about the six kinds of sense experience leads to future bondage, while right view about them leads to liberation.*

### *Sáu xứ lớn lao.*

*Thế nào là tà kiến về sáu loại kinh nghiệm giác quan sẽ đưa đến trói buộc và chánh kiến về chúng sẽ đưa đến giải thoát.*

## II. TÓM TẮT

Phật dạy các tỷ kheo: Vì không như thật tuệ tri về 6 căn, 6 trần, 6 thức, 6 xúc và 3 cảm thọ khởi lên do căn trần thức tiếp xúc, nên người ta ái trước lạc thọ, đưa đến sự tích chứa năm thủ uẩn tương lai, tăng trưởng ái đi kèm hỷ và tham, tìm cầu hoan lạc khắp chốn, khiến vị ấy cảm thọ thêm thân khổ và tâm ưu.

Nếu như thật tuệ tri về mắt, sắc và nhãn thức (cũng vậy với 5 căn, trần thức kia, thành 18 giới) thì không ái trước lạc thọ do xúc khởi lên. Do không ái trước nên 5 thủ uẩn đi đến tàn diệt trong tương lai, ái đưa đến tái sanh bị đoạn tận nơi vị ấy, nên không còn cảm thọ các khổ về thân tâm, vị ấy cảm được lạc thọ.

Một người như vậy thấy như thật các pháp, gọi là chánh kiến, suy nghĩ nơi vị ấy là chánh tư duy, tinh tấn nơi vị ấy là chánh tinh tấn, niệm nơi vị ấy là chánh niệm, định nơi

vị ấy là chánh định, còn thân nghiệp ngữ nghiệp và cách sống của vị ấy đều đã thanh tịnh từ trước. Nhờ tu tập vị ấy viên mãn 8 thánh đạo, 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi. Nơi vị ấy hai pháp được song hành là chỉ và quán. Vị ấy với thượng trí hiểu biết 5 uẩn, đoạn tận vô minh, hữu ái, tu tập chỉ quán, chứng ngộ vô minh và giải thoát.

Đức Thế Tôn giảng xong, các tỷ kheo hoan hỷ tín thọ lời Ngài.

### III. CHÚ GIẢI

Sau khi đã làm sạch thân nghiệp (trừ sát đạo dâm), ngữ nghiệp (không nói dối, hai lưỡi, nói thô tục, nói vô ích) và cách sinh nhai (không hành nghề ; khát thực đúng pháp), tỷ kheo nên biết như thật nguyên nhân của đau khổ để diệt khổ. Nguyên nhân ấy là dục lạc (vui với thanh sắc), vì có vui mới tham đắm, mất cảnh giác. Vì tham đắm nên bốn ba đi tìm, vì đi tìm nên tái sinh chỗ nọ chỗ kia, mãi mãi nhập thai không giải thoát đau khổ. Thấy rõ sắc là vô thường thì thoát ly dục lạc, không còn các khổ thân tâm; đây gọi là ly dục lạc của thiên định. Nhờ biết lạc này cũng vô thường nên không đắm say thiên định. Nơi vị ấy luôn song hành hai pháp là chỉ (đình chỉ các ham muốn) và quán (tuệ thấy rõ sinh diệt của các pháp) nên không đắm mê các lạc thọ do xúc khởi lên. Tất cả các thiện pháp trong 37 pháp trợ đạo (4 niệm xứ, 4 chánh cần, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi và 8 thánh đạo) đều bắt nguồn từ chánh niệm tỉnh giác đối với dục lạc.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

## V. KỆ TỤNG

Phật dạy các tỷ kheo:  
Vi không thấy như thật  
Về căn, trần, thức, xúc  
(mỗi thứ đều gồm sáu)  
Và ba cảm thọ sinh  
Do căn trần thức xúc,  
Người ta tham lạc thọ,  
Đưa đến sự chứa nhóm  
Năm thủ uẩn tương lai,  
Tăng trưởng ái hỷ tham,  
Tìm hoan lạc khắp chốn,  
Cho thân khổ tâm sầu.

Nếu như thật tuệ tri  
Về căn trần và thức  
(tất cả mười tám giới)  
Thì không ái trước lạc  
Do xúc mà khởi lên.  
Do vì không ái trước  
Năm thủ uẩn tương lai  
Sẽ đi đến tàn diệt,  
Ái đưa đến tái sanh  
Cũng dứt nơi vị ấy,  
Thân tâm không còn khổ  
Vị ấy sống an vui.

Người ấy thấy như chân  
Nên gọi là chánh kiến,  
Nghĩ đúng: chánh tư duy  
Siêng đúng: chánh tinh tấn,  
Nhớ đúng là chánh niệm,

Tập trung đúng: chánh định.  
Còn thân nghiệp ngữ nghiệp  
Và cách sống vị ấy  
(ba chánh: ngữ, nghiệp, mạng)  
Phải thanh tịnh từ trước.

Nhờ tu mà thành tựu  
Được thánh đạo tám ngành  
Cùng với 4 niệm xứ,  
4 chánh cần, thân túc,  
Căn lực và giác chi.  
Chỉ quán nơi vị ấy  
Luôn luôn được song hành  
Với thượng trí hiểu biết  
5 uẩn là vô ngã,  
Đoạn vô minh, hữu ái,  
Tu tập chỉ và quán,  
Chứng ngộ minh giải thoát.

Đức Thế Tôn giảng xong,  
Đại chúng đều hoan hỷ.



## Kinh số 150

# Nói cho dân chúng Nagaravinda

(*Nagaravindeyya Sutta*)

## I. TOÁT YẾU

*To the Nagaravindans.*

*The Buddha explains to a group of brahmin householders what kind of recluses and brahmins should be venerated.*

**Giảng cho những người làng Nagaravinda.**

*Phật giảng cho một nhóm gia chủ bà-la-môn biết hạng sa môn bà-la-môn nào đáng cung kính.*

## II. TÓM TẮT

Khi du hành trong làng Nagaravinda của những người bà-la-môn tại xứ Kosala, Phật bày cho các gia chủ bà-la-môn cách trả lời các câu hỏi. Nếu được hỏi Sa môn bà-la-môn nào không đáng tôn kính, cần phải đáp sa môn bà-la-môn nào không lia tham sân si đối với sắc thanh hương vị xúc pháp, ba nghiệp thân ngữ ý khi vậy khi khác (khi ma khi Phật). Vì như vậy thì không khác gì thế tục. Sao biết một sa môn hay bà-la-môn đã lia tham sân hay đang trên đường ly dục? Vì thấy họ sống tại các nơi không có sắc thanh hương vị xúc đáng ưa để khởi lòng tham. Các gia chủ bà-la-môn hoan hỷ tín thọ và xin trọn đời quy y Phật.

## III. CHÚ GIẢI

Kinh này có vẻ mâu thuẫn với kinh 152, Tu tập căn, trong đó Phật cốt nhấn mạnh ô nhiễm là do tâm không do căn (mắt tai) hay cảnh (thanh sắc). Nhưng muốn đạt đến

trình độ căn tu tập cao nhất của kinh 152, trước hết cũng phải qua giai đoạn đầu là ở rừng, tránh né những nơi dễ kích động tham dục.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KỆ TỤNG

Khi du hành trong làng  
Na-ga-ra-vin-da  
Của người bà-la-môn  
Tại xứ Ko-sa-la,  
Phật bày các gia chủ  
Cách trả lời câu hỏi:  
Sa môn bà-la-môn nào  
Là không đáng tôn kính?

Cần đáp ai chưa lia  
Tham sân và si mê  
Sắc thanh hương vị xúc;  
Ba nghiệp thân ngữ ý  
Khi thì vậy khi khác  
(tức khi ma khi Phật).  
Vì như vậy không khác  
Những tục gia đệ tử.

Làm sao mà biết được  
Sa môn bà-la-môn  
Đã lia tham sân si  
Hoặc đang lia bỏ dục?  
Vì thấy họ thường sống  
Tại các nơi cư trú  
Không có sắc thanh hương



Hay vị xúc đáng ưa  
Để khởi lòng tham ái.

Các gia chủ làng này  
Rất hoan hỷ tín thọ  
Xin trọn đời quy y.



Kinh số 151

## **Khất thực thanh tịnh** *(Pindapataparisuddhi Sutta)*

### **I. TOÁT YẾU**

#### *The Purification of Almsfood.*

*The Buddha teaches Sariputta how a bikkhu should review himself to make himself worthy of almsfood.*

#### **Sự làm sạch đồ ăn khất thực.**

*Phật dạy Xá-lợi-phất một tỷ kheo nên quán xét như thế nào để làm cho mình xứng đáng với thực phẩm xin được.*

### **II. TÓM TẮT**

Khi đức Thế Tôn ở Trúc lâm thuộc thành Vương xá, một hôm tôn giả Xá-lợi-phất xuất khỏi thiền định độc cư, đến hầu Phật. Phật khen các căn của tôn giả thanh tịnh, làn da trong sáng; và hỏi nay tôn giả phần lớn an trú tâm như thế nào. Tôn giả bạch Phật, con an trú vào KHÔNG. Phật dạy rất tốt, đấy là sự an trú của bậc đại nhân, tức là an trú Tánh không.

Rồi Ngài giảng dạy cách an trú Không:

1. Trên đường đi khất thực và trở về, nên tự hỏi mình có khởi lên dục tham, sân, si, hận đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp do sáu căn nhận thức hay không. Nếu có, phải tinh tấn đoạn trừ. Nếu không, nên hoan hỷ ngày đêm tu học các thiện pháp.

2. Lại nên thường tự xét đã đoạn hay chưa năm dục trưởng dưỡng, năm triền cái?

3. Hiểu thấu đáo năm uẩn chưa?

4. Đã tu tập hay chưa: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn thân túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám thánh đạo, chỉ và quán?

5. Ta đã chứng minh và giải thoát hay chưa? Tự xét như vậy nếu thấy mình chưa thực hành các pháp ấy thì nên tinh tấn tu tập. Nếu thấy mình có tu tập các pháp ấy thì hãy hoan hỷ tiến tu. Như vậy là cách làm cho sự khát thực của mình được thanh tịnh. Đây cũng là cách nghĩ của các sa môn bà-la-môn trong quá khứ, hiện tại, vị lai để làm thanh tịnh sự khát thực.

### III. CHÚ GIẢI

Muốn xứng đáng với sự cung ứng về các nhu cầu ăn mặc ở bệnh do xã hội mang lại, một người tu cần ý thức tỉnh giác về các ô nhiễm khởi lên để đoạn trừ, hoặc không khởi lên thì hân hoan tu học các thiện pháp.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Khi đức Thế Tôn  
Ở vườn Trúc lâm  
Thuộc thành Vương xá,  
Vào một buổi chiều  
Ngài Xá-lợi-phất  
Ra khỏi thiền tịnh  
Đi đến hầu Phật.  
Phật khen tôn giả  
Các căn thanh tịnh,  
Làn da trong sáng;  
Và hỏi tôn giả  
Trú tâm thế nào?

Tôn giả bạch Phật,  
Con trú vào KHÔNG.  
Phật dạy rất tốt,  
Đấy là chỗ trú  
Của bậc đại nhân,  
Tức trú tánh Không.

Rồi Ngài giảng dạy  
Cách an trú Không:  
Trên đường khát thực  
Và đi trở về,  
Nên thường tự hỏi  
Mình có khởi lên  
Dục tham, sân, hận  
Đối với các sắc,  
Thanh hương vị xúc  
Do năm căn nhận  
Và đối các pháp  
Do ý nhận thức?  
Nếu có, đoạn liền.

Lại thường tự xét  
Đã đoạn hay chưa  
Năm dục trưởng dưỡng,  
Và năm triền cái?  
Đã hiểu thấu đáo  
Về năm uẩn chưa?

Đã tu tập chưa,  
Bốn pháp niệm xứ,  
Chánh cần, thần túc,  
Năm căn, năm lực,

Bảy pháp giác chi,  
Và tám thánh đạo?  
Chỉ quán tu chưa?  
Đã chứng hay chưa  
Minh và giải thoát?

Tự xét nếu chưa  
Thì nên tinh tấn  
Tu các pháp này  
Nếu mình đã tu  
Thì nên hoan hỷ  
Tiến đến thành tựu.

Tự xét như vậy  
Chính là cách làm  
Cho sự khát thực  
Trở thành sạch sẽ  
Và đấy cũng là  
Đường lối tư duy  
Của các sa môn  
Và bà-la-môn  
Trong cả ba thời  
Quá, hiện, vị lai  
Để làm thanh tịnh  
Phẩm vật xin ăn.



Kinh số 152  
**Căn tu tập**  
(*Indriyabhavana Sutta*)

## I. TOÁT YẾU

### *The Development of the Faculties.*

*The Buddha explains the supreme development of the control over the sense faculties and the arahants' mastery over his perceptions.*

### *Sự tu tập các giác quan.*

*Phật giải thích cách tu tập tối thượng là kiểm soát các giác quan và làm chủ các tưởng (nhận thức) nơi vị A-la-hán.*

## II. TÓM TẮT

Thanh niên Uttara đệ tử của bà-la-môn Pāsāriya đi đến hầu thăm Phật. Phật hỏi thầy anh dạy đệ tử tu tập căn như thế nào. Thanh niên đáp, mắt đừng thấy sắc, tai đừng nghe tiếng... Bà-la-môn thuyết giảng về tu tập căn như vậy. Phật dạy nếu thế thì hóa ra mù và điếc là những người tu tập căn cả sao. Thanh niên cúi đầu hổ thẹn vì không trả lời được.

Khi ấy Phật gọi tôn giả A-nan mà dạy rằng, trong giới luật của các bậc thánh, vô thượng căn tu tập không phải như vậy. Tôn giả xin Phật thuyết giảng.

Phật dạy vô thượng căn tu tập là khi mắt thấy sắc, ý khởi lên hoặc vui, khổ, hoặc khổ, hoặc mừng vui ở ấy đều biết rõ nhưng cũng biết thêm rằng, cái gì có khởi lên vì là hữu vi nên thô. Chỉ có cái này là thực, thù diệu, đó là xả. Cho nên dù khởi lên bất cứ cảm thọ nào trong ba loại ấy, tất

cả đều đoạn diệt chỉ tồn tại xả. Khi tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, ý nhận thức cũng đều như vậy, tất cả cảm thọ đều đoạn diệt nơi vị ấy, chỉ còn lại xả, như nước không đọng trên lá sen chúc xuống.

Đạo lộ của bậc hữu học là, mỗi khi các căn xúc tiếp với trần cảnh tự thấy mình còn khởi một trong ba loại cảm thọ ấy mà không xả bỏ, thì lấy làm hổ thẹn. Còn bậc thánh thì, khi muốn an trú tướng yếm ly (đối với vật khả ái) hoặc tướng không yếm ly (như khởi tâm từ trước sự vật đáng chán ghét) hoặc tướng xả, đều có thể làm được như ý muốn. Đây là sự tu tập căn đối với bậc thánh.

Vậy, này A-nan, Ta đã giảng thế nào là vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc thánh, thế nào là đạo lộ bậc hữu học, thế nào là các căn đã được tu tập nơi bậc thánh. Đây là những gốc cây, chỗ trống, các người hãy thiên tư chớ phóng dật mà phải hồi hận về sau.

### III. CHÚ GIẢI

Kinh này phân biệt giữa lối tu tập còn chấp tướng và lối tu vô tướng. Chấp tướng là lối tu nhắm mắt bưng tai, không dám tiếp xúc với đời vì sợ nổi tham, sân... vì quan niệm nhiễm ô là do ngoại cảnh. Phật dạy kinh này cốt cho thấy cách ấy sai. Vì ô nhiễm là ở tâm, không phải ở nơi con mắt hay sắc đẹp. Cho nên Phật nhấn mạnh lối tu có trí tuệ, là khi mắt thấy sắc, phải ý thức sự ưa, ghét, hay đứng dưng đang khởi lên, lại rõ biết ba loại cảm thọ ấy vô thường vì sẽ thay đổi, chấm dứt. Như vậy thì không đến nỗi yêu mê man tàn tật hay ghét cay ghét đắng. Thái độ quá khích này là do vô ý thức. Khi có ý thức thì chỉ chứng kiến tất cả nhưng cái tôi không can dự. Ấy gọi là giải thoát nhờ tuệ, không cần tránh né sắc thanh, không cần trốn đời để vào trong núi. Đây là tu tập giác quan cách cao nhất.

Bất cứ gì cũng không thể khuấy động người ấy, như nước không đọng lại trên lá sen, lá môn.

Tu tập theo kiểu ấy khi chưa thành tựu (có khi cũng còn nổi ưa ghét) thì gọi là hữu học, vì còn phải tự chế, tự tri. Khi đã thành tựu, hoàn toàn làm chủ yêu ghét thì gọi là tự tại, thái độ của một bậc A-la-hán vô học. Khi cần yêu, vị ấy yêu. Như gặp ai làm hại mình, đánh giết mình, vị ấy có thể khởi lên niềm thương yêu lai láng, như thái độ của chúa Giê su khi bị đóng đinh. Khi cần chán ghét, vị ấy chán ghét. Ấy là khi sắc đẹp tiếng hay muốn đến dẫn dụ mình, thì khởi chán ghét để dù thấy nghe cũng như không.

#### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

#### V. KÊ TỤNG

Phật hỏi Ut-ta-ra  
Đệ tử bà-la-môn  
Thầy anh dạy những gì  
Về các căn tu tập?

Thanh niên đáp lời rằng  
Con mắt chớ thấy sắc,  
Tai đừng nghe âm thanh...  
Tu tập căn là vậy.

Phật dạy nếu thế thì  
Hóa ra mù và điếc  
Lại chính là những người  
Tu tập căn tối thượng?



Thanh niên không đáp được  
Phật bèn gọi A-nan  
Dạy cách tu tập căn  
Trong giới luật bậc thánh:

Khi con mắt thấy sắc,  
Ý có thể khởi lên  
Vui, khổ, hoặc đứng dưng  
Vị ấy đều biết rõ.

Nhưng cũng biết thêm rằng,  
Cái gì có khởi lên  
Vi hữu vi nên thô.  
Chỉ là xả thù diệu.

Cho nên dù khởi lên  
Bất cứ cảm thọ nào  
Tất cả đều đoạn diệt  
Chỉ tồn tại tâm xả.

Khi tai nghe, mũi ngửi,  
Lưỡi nếm, thân xúc giác,  
Ý nhận thức các pháp  
Cũng đều như vậy cả  
Đoạn diệt mọi cảm thọ  
Chỉ còn duy nhất xả,  
Như nước không đọng lại  
Trên lá sen chúc xuống.

Một vị hữu học đạo  
Mỗi khi căn xúc cảnh  
Tự thấy mình còn khởi  
Một trong ba cảm thọ  
Mà không xả bỏ liền,  
Thì lấy làm hổ thẹn.  
Còn đối với bậc thánh  
Thì có thể tùy nghi:  
Hoặc trú tướng yếm ly  
(đối với vật khả ái)  
Hoặc tướng không yếm ly  
(như là khởi tâm từ  
trước sự vật đáng chán)  
Hoặc ý tướng xả bỏ,  
Không gì không thể làm.  
Đây là tu tập căn  
Ở nơi một bậc thánh.

Vậy, này hỡi A-nan,  
Vô thượng căn tu tập  
Trong giới luật bậc thánh,  
Đã được Ta giảng dạy  
Đạo lộ tu tập căn  
Hữu học và vô học,  
Ta cũng đã nói xong.  
Hãy đến nơi gốc cây,  
Hoặc chỗ nào vắng vẻ,  
Mà tư duy tu tập  
Chớ phóng dật buông lung  
Để về sau hối hận.



Pháp thí thắng mọi thí  
*Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti*

